

ÔNG TRĂM TUỔI

Hiện tượng
văn học với
4 TRIỆU BẢN
khắp thế giới

Tiểu thuyết
Phạm Hải Anh *dịch*

TRÈO QUA CỬA SỔ VÀ BIỂN MẮT JONAS JONASSON



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

isackinfo

TÓM TẮT TRUYỆN

Vào ngày sinh nhật lần thứ 100 của mình, cụ ông Allan Karlsson đột nhiên trèo qua cửa sổ ngôi nhà dưỡng lão - Nhà Già - và biến mất. Ở cái tuổi 100 hiếm ai đạt tới thì cụ có thể đi đâu được? Một cuộc truy tìm trên khắp nước Thụy Điển diễn ra từ phía những người có trách nhiệm chăm nom cụ cũng như chính quyền sở tại. Song song với cuộc truy tìm nhân đạo ấy, một cuộc truy tìm đuổi bắt khác gay cấn hơn, xảy đến từ một tên tội phạm, kẻ đã ngớ ngẩn hoặc đúng hơn, bất cẩn trao vali 50 triệu crown vào tay cụ già này. Nhưng một người đã sống qua một thế kỷ thì không dễ gì tóm cụ ta được.

Cuốn tiểu thuyết hồi tưởng lại cuộc đời phiêu lưu của Allan Karlsson, người đã đi khắp thế giới từ những năm trước Đại chiến thế giới thứ nhất đến cuộc Thế chiến thứ hai, từ nước Nga Xô Viết tới nước Mỹ siêu cường và nước Trung Quốc con rồng đang lên ở Viễn Đông. Cuốn tiểu thuyết với giọng điệu hóm hỉnh trào lộng, dẫn dắt người đọc chu du cùng Allan qua những tình huống giả tưởng làm bật lên cái nhìn từng từng về thế giới này.

Những xung đột văn hóa, ý thức hệ và những nét khác thường của các vùng đất xa xôi, càng chứng tỏ sự đa dạng của nhân loại trong thế giới có vẻ phẳng này. Cuốn tiểu thuyết Ông Trăm Tuổi Trèo Qua Cửa Sổ Và Biến Mất đã trở thành hiện tượng quốc gia ở Thụy Điển, đem lại cho người đọc một cái nhìn hài hước kín đáo của văn hóa Bắc Âu, nơi có truyền thống tôn quý văn học lâu đời.

Mục lục

CHƯƠNG 1	5
CHƯƠNG 2	6
CHƯƠNG 3	13
CHƯƠNG 4	30
CHƯƠNG 5	43
CHƯƠNG 6	47
CHƯƠNG 7	75
CHƯƠNG 8	89
CHƯƠNG 9	116
CHƯƠNG 10	125
CHƯƠNG 12	159
CHƯƠNG 13	174
CHƯƠNG 14	211
CHƯƠNG 15	216
CHƯƠNG 16	231
CHƯƠNG 17	261
CHƯƠNG 18	266
CHƯƠNG 19	301
CHƯƠNG 20	307
CHƯƠNG 21	318
CHƯƠNG 22	321
CHƯƠNG 23	327
CHƯƠNG 24	343
CHƯƠNG 25	352
CHƯƠNG 26	382

CHƯƠNG 27	403
CHƯƠNG 28	415
CHƯƠNG 29	423
HỒI KẾT	424

CHƯƠNG 1

Thứ Hai, ngày 2.5.2005

Có lẽ thiên hạ cứ tưởng cụ đã rấp tâm từ trước và còn tỉnh táo thông báo cho những người xung quanh quyết định của mình. Nhưng cụ Allan Karlsson chẳng bao giờ nghĩ ngợi gì quá lâu.

Ý tưởng ấy chỉ mung lung trong cái đầu già nua khi cụ mở cửa sổ phòng mình ở tầng trệt của Nhà Già thị trấn Malmköping, và bước ra, vào giữa đường phân cách.

Vận động thể đã gắng sức lắm rồi vì hôm ấy chính là sinh nhật thứ một trăm của cụ. Chỉ còn gần một tiếng nữa là bữa tiệc sinh nhật sẽ diễn ra ở phòng khách của Nhà Già. Cả thị trường cũng đến. Rồi báo địa phương. Và tất cả các cụ, các nhân viên, đứng đầu là Xơ Alice độc ác.

Chỉ có mỗi nhân vật chính là không có ý định lộ mặt.

CHƯƠNG 2

Thứ Hai, ngày 2.5.2005

Cụ Allan Karlsson tần ngần đứng ở đường ranh giới bằng hoa păngxê chạy dọc bên hông Nhà Già. Cụ mặc một chiếc áo khoác màu nâu, quần âu đồng màu và xỏ đôi dép đi trong nhà cũng màu nâu. Ở tuổi của cụ thì hiếm ai còn chưng diện được. Cụ vừa trốn khỏi bữa tiệc sinh nhật của mình, cũng chả mấy ai làm thế ở tuổi đó, đơn giản vì ai mà sống được đến chừng ấy tuổi.

Cụ Allan đắn đo liệu có nên chịu rắc rối bò lại qua cửa sổ để lấy mũ và giày dép của mình, nhưng khi sờ thấy dù sao cái ví vẫn yên vị ở túi bên trong thì cụ hài lòng. Hơn nữa, Xơ Alice đã nhiều lần chứng tỏ rằng mình có giác quan thứ sáu (cụ giấu chai vodka của mình vào chỗ nào Xơ cũng tìm thấy), và biết đâu Xơ đang sục sạo đâu đây vì đánh hơi được cái gì ám muội vừa xảy ra?

Tốt nhất là đi được thì cứ đi, cụ Allan nghĩ và nhấc cái đầu gối ọp ẹp bước ra khỏi đường ranh giới. Cụ nhớ được là trong ví mình có vài tờ một trăm crown, thế là tốt rồi vì chắc chắn ra ngoài thì phải tiêu tiền.

Thế là, cụ quay đầu nhìn lại Nhà Già, nơi mà chỉ vài phút trước, cụ đã nghĩ rằng nó sẽ là chỗ cư trú cuối cùng của mình trên trái đất. Rồi cụ tự nhủ mình có thể chết vào dịp khác, ở một nơi nào khác.

Thế là Ông già Trăm tuổi lên đường trong đôi dép-nước tiểu (vì ở tuổi già, đàn ông hiếm khi đáí quá mũi giày mình). Đầu tiên băng qua một công viên rồi men theo cánh đồng trống, nơi thỉnh thoảng có họp chợ ở vùng quê yên ả này. Được vài trăm mét, cụ Allan lén vào phía sau ngôi nhà thờ thời Trung cổ - niềm tự hào của huyện, và ngồi xuống chiếc ghế dài cạnh mấy

cái mộ, để đầu gối nghỉ ngơi. Ở huyện này người ta không sùng đạo lắm nên Allan có thể yên chí ngồi thong dong một mình. Cụ thấy trở trêu thay, cụ sinh cùng một năm với mồ ma Algotsson Henning nằm bên dưới tấm bia đối diện chỗ cụ ngồi. Nhưng giữa hai người có sự khác biệt, ít nhất là Henning đã ra ma từ sáu mươi một năm trước.

Nếu Allan để ý, có thể cụ đã tự hỏi vì sao Henning đã chết khi mới ba mươi chín tuổi. Nhưng cụ vẫn thường hết sức tránh không can thiệp vào chuyện người khác.

Thay vào đó, cụ nghĩ rằng mình đã sai lầm khi ngồi ở nhà, ngỡ rằng mình cũng có thể chết như thế và mặc kệ nó. Bởi vì dù có đau đớn đến thế nào đi nữa, thì việc chạy trốn khỏi Xơ Alice cũng thú vị, hay ho hơn là nằm cứng đờ dưới ba tấc đất kia nhiều.

Thế là bất chấp cái đầu gối đau nhức, nhân vật chính của buổi sinh nhật đứng lên, tạm biệt Henning Algotsson và tiếp tục cuộc chạy trốn đã định của mình.

Cụ Allan đi tắt về phía nam sân nhà thờ, cho đến khi vấp phải một bức tường đá. Nó cao chưa tới một mét, nhưng Allan là cụ già trăm tuổi chứ không phải vận động viên nhảy cao. Phía bên kia là Trung tâm Du lịch Malmköping và cụ nhận ra rằng đây là chỗ cặp giò rệu rã của mình đang muốn tới. Nhiều năm trước, có lần Allan đã vượt qua dãy Hy Mã Lạp Sơn. Phải nói là khó nhằn. Allan nghĩ về điều đó khi cụ đứng trước trở ngại cuối cùng giữa mình và Trung tâm Du lịch. Cụ nghĩ lung đến mức bức tường đá trước mắt co lại gần như không còn gì. Và khi nó nhỏ nhất, cụ Allan bò lên đó, bất chấp tuổi tác và cái đầu gối.

Malmköping rất hiếm khi đông khách, và buổi sáng ngày thường nắng đẹp này cũng không ngoại lệ. Cụ Allan chẳng gặp một ai

kể từ lúc vợ và quyết định trốn khỏi bữa tiệc sinh nhật trăm tuổi của mình. Phòng chờ tại trung tâm du lịch vắng tanh khi cụ lê dép mò vào. Nhưng không hẳn thế. Ở giữa cửa căn phòng là hai hàng ghế đối lưng lại nhau. Tất cả các ghế đều trống không. Bên phải là hai cửa sổ bán vé, một cái đã đóng cửa, còn phía sau cửa kia là một người đàn ông nhỏ thó, gầy đét, kính đeo mắt tròn, mái tóc lơ thơ chải sang một bên, mặc áo gilê đồng phục. Anh ta ngước mắt khỏi màn hình máy tính, nhìn Allan một cách bức dọc khi cụ bước vào. Có lẽ anh ta tưởng chiều nay đông khách lắm, Allan chợt phát hiện ra cụ không phải là du khách duy nhất trong phòng. Ở góc phòng có một gã thanh niên người gầy gầy, tóc dài hoe vàng, nhờn bóng, râu lởm chởm, mặc một chiếc áo khoác bò với dòng chữ Never Again trên lưng.

Gã có lẽ không biết đọc, vì cứ đứng kéo cửa vào nhà vệ sinh hỏng, cứ như là chữ “Đang Bị Hỏng” màu đen nổi bật trên nền da cam không có nghĩa gì.

Tất nhiên gã sớm chuyển qua nhà vệ sinh bên cạnh đấy, nhưng lại gặp rắc rối khác. Rõ ràng là gã không muốn bỏ lại cái vali lớn màu xám của mình nhưng nhà vệ sinh lại quá chật cho cả hai. Allan hiểu rằng gã hoặc sẽ phải bỏ vali bên ngoài để mình vào xả, hoặc đẩy vali vào còn mình ở lại bên ngoài.

Nhưng cụ Allan chẳng hơi đâu lo hộ gã nữa. Thay vào đó, cụ gắng hết sức nhấc chân lên, lê từng bước nhỏ đến chỗ người đàn ông nhỏ con ngồi ở ô cửa bán vé, hỏi xem mấy phút nữa có xe tới, xe loại nào cũng được, đi đâu cũng được, và giá là bao nhiêu.

Người đàn ông nhỏ con nom một mắt. Và có lẽ chỉ nghe được một nửa yêu cầu của cụ Allan, vì sau vài giây suy nghĩ, anh ta nói:

- Thế tới đâu ạ, cụ định đi đâu?

Cụ Allan gắng nhắc lại với người đàn ông nhỏ con rằng cụ đã tuyên bố là đi đến đâu và đi bằng gì là phụ thuộc vào: a) thời gian khởi hành, và b) giá tiền.

Người đàn ông nhỏ con lại im lặng trong vài giây, đọc lướt qua bảng giờ xe chạy và gắng hiểu những lời của cụ Allan.

- Xe buýt số 202 ba phút nữa khởi hành đi Strängnäs. Có được không ạ?

Cụ Allan nghĩ là được, và thế là cụ được thông báo rằng các xe buýt khởi hành từ bến xe buýt bên ngoài cửa ga cuối và tiện nhất là mua vé trực tiếp từ lái xe.

Cụ Allan thắc mắc nếu không bán vé thì người đàn ông nhỏ con phía sau cửa sổ làm gì, nhưng cụ chẳng nói ra. Có lẽ anh ta ngồi ở đó nghĩ mãi cùng một thứ chuyện. Cụ cảm ơn anh ta đã giúp đỡ và định nhắc chiếc mũ mà trong lúc vội vã cụ không mang theo được.

Cụ già Trăm tuổi ngồi xuống một trong hai băng ghế trống, đơn độc ngẫm nghĩ. Bữa tiệc chết tiệt ở nhà sẽ bắt đầu lúc 3 giờ, tức là trong vòng mười hai phút nữa. Bất cứ lúc nào họ cũng có thể đập cửa phòng Allan, và thế là mọi thứ sẽ rối tinh lên.

Nhân vật chính của buổi tiệc ngồi đó, tằm tằm cười sượng, cùng lúc liếc thấy ai đó đang lại gần. Đó là cái gã gầy gầy tóc dài, vàng hoe và nhờn bóng, bộ râu lồm chồm, mặc áo khoác bò có chữ Never Again ở lưng. Gã đi thẳng đến chỗ cụ Allan, kéo cái vali to của mình trên bốn bánh xe nhỏ. Cụ Allan nhận ra nguy cơ phải trò chuyện với gã thanh niên tóc dài này. Như thế cũng không tệ lắm, nó sẽ cho phép cụ hiểu thêm bọn trẻ bây giờ nghĩ gì.

Và cuộc đối thoại đã xảy ra, mặc dù không tân tiến cho lắm. Gã trẻ tuổi dừng lại cách cụ Allan một vài mét, dường như nghiên cứu cụ già một lúc, rồi nói:

- Ê này.

Allan trả lời bằng một giọng thân thiện rằng cụ chúc gã một buổi chiều tốt lành, rồi hỏi gã liệu mình có thể giúp gì được không. Có. Gã muốn cụ Allan để mắt đến cái vali, để mình vào xả trong nhà vệ sinh. Nói theo cách của gã là:

- Mót vãi cả cứt.

Cụ Allan nhấ nhận đáp mặc dù tuổi tác già cả nhưng thị lực của cụ vẫn tạm được và trông chừng chiếc vali của chàng trai trẻ thì không khó gì. Thêm vào đó, cụ đề nghị gã đi xả cấp tốc lên vì cụ sắp phải đón xe buýt.

Gã thanh niên không nghe được đoạn cuối cùng vì đã rảo bước về phía nhà vệ sinh trước khi cụ Allan kịp nói xong.

Cụ già Trăm tuổi không bao giờ dễ cáu với người khác, dù có lý do chính đáng hay không, và cũng không khó chịu bởi cung cách thô kệch của gã thanh niên. Tuy nhiên cụ cũng chẳng có thiện cảm đặc biệt gì với gã, và có thể đấy là một phần lí do cho những gì sắp diễn ra.

Chiếc xe buýt số 202 trờ đến bên ngoài cửa ra vào ga cuối chỉ vài giây sau khi gã trai đóng cửa nhà vệ sinh phía sau lưng. Allan nhìn xe buýt rồi ngó cái vali, rồi lại nhìn xe buýt và cái vali một lần nữa.

- Thực ra nó có bánh xe, - cụ nói với chính mình. - Và có một cái quai để kéo nữa.

Và rồi Allan ngạc nhiên với chính mình khi ra một quyết định có thể gọi là “đổi đời”.

Người lái xe buýt rất ân cần lịch sự. Bác giúp ông già với cái vali to tướng lên xe buýt.

Allan cảm ơn bác đã giúp đỡ và rút ví từ túi bên trong áo khoác. Người lái xe buýt tự hỏi liệu cụ già có thể đi đến tận Strängnäs, trong khi Allan nhằm tính tài sản đã dành dụm được. Sáu trăm năm mươi crown tiền giấy và vài đồng xu nữa. Allan nghĩ rằng phải hết sức tiết kiệm nên cụ lấy ra một tờ năm mươi crown và hỏi:

- Anh nghĩ chừng này thì đi được bao xa?

Người lái xe nói vui rằng bác đã rất quen với những người biết nơi họ muốn đến, nhưng không biết giá tiền, còn lần này thì ngược lại. Rồi bác nhìn vào bảng giá và trả lời rằng với 48 crown, cụ có thể đi xe buýt đến ga Byringe.

Cụ Allan nghĩ thế cũng ổn. Cụ lấy vé của mình và hai crown thừa. Người lái xe đã đưa chiếc vali ăn cắp vào khu vực hành lý phía sau ghế lái xe, trong khi cụ Allan ngồi xuống ghế đầu tiên bên tay phải. Từ đó cụ có thể nhìn xuyên qua cửa sổ phòng chờ của Trung tâm Du lịch.

Cánh cửa nhà vệ sinh vẫn còn đóng kín khi bác tài nhấn ga cho xe lăn bánh. Allan mong gã thanh niên có một khoảnh khắc dễ chịu trong đó, thâm tâm cụ biết nỗi thất vọng đang chờ gã.

Chiều nay xe buýt đi Strängnäs không đông khách. Trên ghế sau có một phụ nữ trung niên đi từ Flen, ghế giữa là một bà mẹ trẻ đã chặt vật lên từ Solberga với hai đứa con, một đứa còn trong xe đẩy, và ngay hàng ghế đầu là một cụ rất già lên từ Malmköping.

Ông cụ đó đang ngồi tự hỏi tại sao mình lại đánh cắp chiếc vali màu xám lớn có bốn bánh. Có lẽ vì cụ có thể làm được? Và vì chủ nó là một gã thô tục? Hay vì cái vali có thể chứa một

đôi giày, thậm chí cả một chiếc mũ nữa? Hoặc vì cụ không có gì để mất? Không, Allan không thể nói lý do tại sao cụ đã làm thế. Khi sống quá thời gian của tạo hóa thì được phép thích gì làm nấy, cụ nghĩ và thư giãn trong chiếc ghế.

Đồng hồ điểm 3 giờ và xe buýt đã đi qua đập Björn. Allen để ý cho đến lúc này, cụ hài lòng với mọi chuyện đã diễn ra. Sau đó, cụ nhắm mắt lại làm một giấc ngủ trưa.

Vào lúc đó, Xơ Alice gõ cửa Phòng 1 ở Nhà Già huyện Malmköping. Xơ gõ cửa lần nữa, rồi lần nữa.

- Giờ này đừng có gây rối nữa, cụ Allan. Thị trưởng và tất cả mọi người đến rồi. Cụ có nghe thấy không đấy? Cụ không ôm lấy chai rượu nữa chứ, Allan? Cụ ra ngay lập tức, Allan! Allan?

Cùng lúc đó, cánh cửa nhà vệ sinh duy nhất còn dùng được trong Trung tâm Du lịch bật mở. Gã thanh niên vừa xả xong cú đúp bước ra. Gã bước vài bước ra giữa phòng chờ, vừa đi vừa thắt chặt thắt lưng bằng một tay và lấy tay kia cào cào tóc. Rồi gã dừng lại, nhìn chăm chăm vào hai băng ghế trống rỗng, nhìn hết từ phải sang trái. Miệng rống lên:

- Mẹ kiếp quỷ tha ma bắt, trời đánh thánh vật...

Hết cả từ, gã ngừng lại rồi gào tiếp:

- Lão già chết tiệt, đồ khốn kiếp. Đừng để tao tóm được.

CHƯƠNG 3

Thứ Hai ngày 2 tháng Năm 2005

Ngay sau 3 giờ chiều ngày 2 tháng Năm, sự yên bình của Malmköping bị xáo trộn mất vài ngày. Xơ Alice ở Nhà Già từ tức giận chuyển thành lo lắng, lôi chiếc chìa khóa chính của mình ra. Vì cụ Allan chẳng làm gì để xóa lối đào tẩu của mình, nó sờ sờ ra rằng nhân vật chính của buổi sinh nhật đã trèo ra qua cửa sổ. Theo các dấu vết để lại, rõ ràng cụ đã đứng một lúc, giẫm nát cả đám hoa păngxê, rồi biến mất.

Ở cương vị của mình, ngài thị trưởng cảm thấy mình phải ra lệnh. Ngài chỉ thị cho nhân viên chia thành từng nhóm hai người một để tìm kiếm. Chắc chắn cụ Allan không đi đâu xa được và các nhóm nên tập trung vào các vùng lân cận. Một nhóm được phái đến công viên, một vào Cửa hàng Rượu Quốc doanh (nơi mà Xơ Alice biết cụ Allan đôi khi mò đến), một nhóm đến những cửa hàng khác trên đường phố chính, và một nhóm lên Trung tâm cộng đồng ở trên đồi. Còn đích thân ngài thị trưởng sẽ ở lại Nhà Già để canh chừng các cụ còn chưa mất tích và suy nghĩ về động thái tiếp theo. Và ngài cũng nói với các nhân viên tìm kiếm của mình rằng họ nên kín đáo một chút, không việc gì mà phải làm ầm ĩ lên về việc này. Trong lúc nhăm lẩn, thị trưởng quên bém rằng một trong các nhóm tìm kiếm ngài đã gửi đi có một phóng viên và nhiếp ảnh của tờ báo địa phương.

o o o

Trung tâm Du lịch không nằm trong khu vực tìm kiếm chính của ngài thị trưởng. Tuy nhiên, ở đó có một “nhóm lẻ” là một gã thanh niên rất tức giận, người gầy, mái tóc dài vàng hoe và nhờn bóng, bộ râu lởm chởm, mặc áo khoác bò với dòng chữ Never Again ở lưng, đã sục sạo tất cả các góc của nhà ga.

Vì chẳng có dấu vết của ông cụ hay chiếc vali, gã trai quyết định đi tới chỗ người đàn ông nhỏ con phía sau cửa sổ bán vé duy nhất đang mở, để hỏi thông tin, xem cụ già có thể đi đâu.

Người đàn ông nhỏ con chắc phải chán ngấy công việc của mình nhưng vẫn có niềm tự hào nghề nghiệp. Vì vậy, anh ta giải thích cho gã thanh niên to mồm kia rằng sự bảo mật cho hành khách tại trạm xe buýt là không thể thỏa hiệp, nhấn mạnh thêm là, dù trong trường hợp nào, anh ta cũng không cung cấp bất kì thông tin nào thuộc kiểu tin mà gã muốn có.

Gã thanh niên đứng lặng một lúc, dường như để dịch những gì người đàn ông nhỏ con nói ra ngôn ngữ đơn giản. Sau đó gã bước sang trái năm mét; đến cánh cửa văn phòng vốn không được chắc chắn cho lắm. Gã không thém bận tâm kiểm tra xem nó đã bị khóa. Thay vào đó, gã lùi lại một bước, giơ chân phải đi ủng đá vào cửa khiến các mảnh vụn bay tứ tung. Người đàn ông nhỏ con còn chưa kịp nhắc chiếc điện thoại đang nắm trong tay để kêu cứu thì đã thấy mình lơ lửng trong không khí trước mặt gã thanh niên, gã xách cả người anh ta lên, mỗi tay tóm chắc một tai.

- Tao đích biết bảo mật là cái chết tiệt gì, nhưng tao là một con quỷ có thể bất cứ lúc nào mở miệng được, - gã bảo người đàn ông nhỏ con trước khi thả anh ta đánh phịch xuống chiếc ghế xoay kiểu văn phòng.

Rồi gã giải thích những gì mình định làm, bằng búa và móng tay, với bộ phận sinh dục của người đàn ông nhỏ con, nếu anh ta không theo ý gã. Mô tả sống động đến nỗi người đàn ông nhỏ con ngay lập tức quyết định nói hết những gì mình biết, cụ thể là ông lão được hỏi có lẽ đã lấy xe buýt đi Strängnäs. Còn chuyện ông lão đã lấy chiếc vali thì người đàn ông nhỏ con không dám chắc, vì anh ta không phải là loại gián điệp theo dõi du khách.

Rồi người đàn ông nhỏ con ngừng lại để xem gã kia đã hài lòng với những gì mình nói chưa, và ngay lập tức anh ta thấy tốt nhất là cung cấp thêm thông tin. Vì vậy, anh ta cho biết rằng hành trình giữa Malmköping và Strängnäs có mười hai điểm dừng xe buýt và tất nhiên ông cụ có thể xuống xe tại bất kì điểm nào.

Chỉ có người lái xe buýt biết điều đó, và theo lịch trình, ông ta sẽ trở lại Malmköping vào 19 giờ 10 phút tối nay, khi xe buýt quay về Flen.

Giờ thì gã trai ngồi xuống bên cạnh người đàn ông nhỏ con đang khiếp đảm với đôi tai đau nhức.

- Phải nghĩ xem, - gã nói.

Thế là, gã suy nghĩ. Gã nghĩ chắc chắn mình có thể ép người đàn ông nhỏ con phun ra số điện thoại di động của tài xế xe buýt, rồi gọi cho tài xế nói rằng chiếc vali của lão già là đồ ăn cắp. Nhưng sau đó tất nhiên có nguy cơ rằng tài xế xe buýt sẽ báo cảnh sát và gã không muốn điều đó. Thêm nữa, có lẽ nó cũng không quá khẩn cấp, bởi vì lão già có vẻ đến tuổi chầu trời rồi, bây giờ lại còn thêm một cái vali, lão sẽ phải bắt xe buýt, xe lửa hoặc taxi nếu muốn đi tiếp từ ga Strängnäs. Như vậy lão sẽ để lại dấu vết phía sau, và sẽ luôn luôn có ai đó bị xách tai treo lủng lẳng, sẵn sàng khai ra lão già vừa định đi đâu. Gã trai tin chắc vào khả năng của mình để thuyết phục mọi người phun hết cho gã những gì họ biết.

Nghĩ xong, gã quyết định chờ xe buýt và gặp tài xế mà không cần phải thân thiện quá.

Quyết định xong, gã đứng lên, cảnh cáo người đàn ông nhỏ con những gì sẽ xảy ra với vợ con, nhà cửa và chính anh ta

nếu anh ta nói với cảnh sát hay bất cứ ai khác chuyện vừa rồi.

Người đàn ông nhỏ con chưa có vợ con gì, nhưng anh ta tha thiết muốn giữ đôi tai cũng như bộ phận sinh dục của mình ít nhiều còn nguyên vẹn. Vì vậy, anh ta đã hứa danh dự như một nhân viên đường sắt quốc gia rằng mình sẽ không hé răng cho bất kì ai.

Anh ta giữ lời hứa đó đến tận ngày hôm sau.

o o o

Các cặp tìm kiếm đã trở lại Nhà Già và báo cáo những quan sát của họ. Đúng ra là chẳng quan sát được gì. Ngài thị trưởng không muốn dính líu đến cảnh sát và ngài còn đang bận rộn tính xem có cách gì thay thế thì phóng viên tờ báo địa phương đã táo bạo hỏi:

- Thế ngài sẽ làm gì bây giờ, thưa Thị trưởng?

Thị trưởng im lặng một lúc, sau đó ngài nói:

- Tất nhiên là gọi cảnh sát.

Chúa ơi, sao mà ngài ghét báo chí tự do thế.

Allan thức giấc khi bác tài nhẹ nhàng vỗ vào cụ, thông báo rằng họ đã đến ga Byringe. Ngay sau đó, bác chuyển chiếc vali ra qua cửa trước xe buýt, cụ Allan đi đằng sau.

Bác tài thắc mắc liệu cụ già có thể tự xoay xở được không, và cụ Allan đáp rằng bác ta không cần phải lo lắng về chuyện này. Rồi cụ cảm ơn sự giúp đỡ của bác và vẫy tay chào khi chiếc xe buýt lại lăn bánh trên Quốc lộ 55, đi về phía Strängnäs.

Mặt trời buổi chiều đã khuất sau những cây linh sam cao quanh cụ Allan. Hơi lạnh bắt đầu thấm qua chiếc áo khoác mỏng và đôi dép đi trong nhà. Quanh Byringe chẳng có gì trừ một nhà ga trơ trọi. Cả ba hướng chỉ có rừng và rừng. Và một con đường rải sỏi nhỏ nhỏ phía bên phải.

Cụ Allan nghĩ trong chiếc vali mà cụ tự dựng nổi hững hờ theo biết đâu có quần áo ấm. Tuy nhiên, chiếc vali đã bị khóa và chẳng có tuốc nơ vít hay dụng cụ gì khác, cố gắng mở nó quả là vô vọng. Không có lựa chọn gì khác ngoài việc bắt đầu di chuyển, vì cụ không thể đứng đó bên cạnh đường cao tốc và chết cứng. Dựa vào kinh nghiệm khôn ngoan, cụ khá chắc chắn rằng mình sẽ không làm nổi việc đó cho dù cố gắng.

Chiếc vali có một cái quai ở nắp bên hông và nếu kéo nó, vali sẽ dễ dàng lăn theo trên các bánh xe nhỏ. Allan bước từng bước ngắn, chệch choạng dọc theo con đường sỏi vào rừng. Sau lưng cụ, cái vali nhảy chồm chồm trên sỏi.

Được vài trăm mét, cụ Allan đi tới chỗ cụ tưởng là ga Byringe - đó là một trạm xe lửa bỏ không, xây dựng bên một tuyến đường sắt cũ chắc chắn đã hoàn toàn ngừng hoạt động.

Cụ thực sự là một cụ già trăm tuổi gương mẫu, nhưng từng ấy chuyện trong một thời gian ngắn quả là hơi nhiều. Cụ Allan ngồi lên chiếc vali, gom lại các ý nghĩ và lấy sức.

Xeo xéo bên trái trước mặt cụ là nhà ga tồi tàn, màu vàng, xây hai tầng, tất cả các cửa sổ tầng dưới bị bịt kín bằng những tấm ván thô và đóng đinh lên. Chệch về bên phải, có thể theo đường ray bỏ hoang, thẳng như một mũi tên xa xa, lao sâu hơn vào rừng, cụ Allan thấy mình theo lối đó. Các lối đi còn chưa bị thiên nhiên xóa mất nhưng nó chỉ là vấn đề thời gian.

Cái nền gỗ hằn là không còn an toàn để đi bộ. Trên lớp ván ngoài cùng, người ta vẫn có thể đọc dòng chữ sơn: Không đi bộ

trên đường này. Đi trên đường này có gì nguy hiểm đâu, cụ Allan nghĩ. Nhưng chẳng ai còn sáng suốt mà lại tình nguyện đi bộ trên cái nền gỗ này?

Câu hỏi được trả lời ngay lập tức, vì đúng lúc đó cánh cửa tồi tàn của nhà ga mở ra và một người đàn ông trạc bảy mươi tuổi, đội mũ, áo sơ mi carô và gilê màu đen, mắt nâu, để râu bạc, bước ra khỏi nhà trên đôi ủng vững chãi. Rõ ràng ông ta biết những tấm ván sẽ không ẹp xuống dưới chân mình nhưng ông lại hướng tất cả sự chú ý về phía cụ già trước mặt.

Người đàn ông đội mũ dừng lại ở giữa sân ga, trông hơi thù địch. Nhưng rồi hình như ông ta đổi ý, có lẽ thấy vì kẻ xâm phạm lãnh địa của mình chỉ là một cụ già rệu rã.

Cụ Allan ngồi nguyên trên chiếc vali mới đánh cắp, không biết nói gì và cũng chẳng hơi sức đâu để nói. Tuy nhiên, cụ vẫn điềm tĩnh nhìn người đàn ông đội mũ và chờ đợi ông ta mở lời. Chuyện đó diễn ra ngay lập tức, không đến nỗi thù địch như đã tưởng lúc ban đầu. Một kiểu thăm dò xem sao.

- Cụ là ai và cụ làm gì trên sân ga của tôi? - Người đàn ông đội mũ nói.

Cụ Allan không trả lời, cụ chưa xác định được là mình đang gặp bạn hay thù.

Nhưng sau đó cụ nghĩ rằng khôn ngoan ra thì đừng cãi cọ với người duy nhất trong tầm nhìn, người thậm chí có thể cho cụ vào sưởi ấm trước khi cái lạnh buổi tối đánh gục cụ. Thế là cụ quyết định nói sự thật.

Vì vậy, cụ nói rằng tên mình là Allan, rằng cụ vừa tròn một trăm tuổi và rất sung với tuổi của mình, sung đến mức cụ vừa chạy trốn khỏi nhà, và còn có thời gian để ăn cắp một chiếc vali từ anh thanh niên mà bây giờ chắc chắn đang không vui vẻ

gì về chuyện đó, và rằng đầu gối của cụ lúc này không được ổn lắm nên cụ rất muốn nghỉ chân một lúc.

Nói xong, cụ im lặng ngồi yên trên vali và chờ đợi phán quyết của tòa án.

- Thật thế à, - người đàn ông đội mũ mỉm cười nói. - Cụ đúng là một tên trộm!

- Một tên trộm già, - cụ Allan đáp, rầu rĩ.

Người đàn ông đội mũ nhanh nhẹn nhảy xuống từ bậc thềm và đi tới chỗ cụ già trăm tuổi như để ngắm kĩ hơn.

- Có thật là cụ một trăm tuổi không? - Ông ta nói. - Nếu thế thì cụ phải đói rồi.

Cụ Allan không hiểu nổi logic đó, nhưng tất nhiên, cụ đói. Vì vậy, cụ hỏi xem thực đơn có gì và liệu trong đó không có thứ gì cứng chứ.

Người đàn ông đội mũ chìa tay ra giới thiệu mình là Julius Jonsson và kéo cụ già đứng lên. Rồi ông ta tuyên bố rằng mình sẽ xách vali cho cụ Allan, và có món nai rừng nướng nếu cụ thích, nó chắc cũng hơi cứng, nhưng mà bỏ cả người lẫn đầu gối.

Nhiều năm nay Julius Jonsson không có ai để nói chuyện nên rất hồ hởi đón tiếp cụ già mang vali. Đầu tiên là một ít thức ăn cứng bổ đầu gối, rồi bổ thứ khác, thêm nhiều hơn để bổ lưng và cổ, và sau đó để ngon miệng, và cuối cùng để tạo một bầu không khí trò chuyện thân mật. Cụ Allan hỏi Julius làm gì để sống, và được nghe cả một chuyện dài.

Julius sinh ra ở miền bắc, vùng Strömbacka không xa Hudiksvall, là con duy nhất của cặp vợ chồng nông dân Anders và Elvina Jonsson.

Cậu làm công trong nông trại của gia đình và bị bố đánh đập hàng ngày vì cho rằng Julius chẳng làm gì nên hồn. Đến năm Julius hai mươi lăm tuổi, đầu tiên mẹ cậu mất vì bệnh ung thư khiến Julius rất đau buồn, ngay sau đó cha cậu bị đắm lầy nuốt chửng khi đang cố gắng cứu một con bò cái. Julius cũng rất buồn, vì cậu vốn yêu bò cái.

Julius không hợp với cuộc sống nông dân (cha cậu thế mà có lí) và cũng không muốn sống như thế. Vì vậy, cậu đã bán tất cả mọi thứ, ngoại trừ một vài mẫu rừng mà cậu nghĩ có thể hữu ích khi về già.

Sau đó, cậu đã đến Stockholm và trong vòng hai năm phung phí tất cả tiền bạc của mình. Rồi cậu trở về rừng.

Trong một cuộc đấu thầu, Julius đã nhiệt tình xin thầu năm nghìn cột điện cho Công ty Điện lực huyện Hudiksvall. Vì Julius không quan tâm đến các chi tiết như thuế và thuế giá trị gia tăng, ông đã thắng thầu, và với sự trợ giúp của khoảng mười người tị nạn Hungary, ông đã bàn giao được số cột đúng thời gian, kiếm được nhiều tiền ngoài sức tưởng tượng.

Mọi thứ đến lúc đó đều ổn, nhưng vấn đề là Julius buộc phải ăn gian một chút, bởi vì các cây vẫn chưa phát triển hết. Các cây cột do đó bị ngắn hơn qui định chừng một mét, và có lẽ sẽ chẳng ai để ý nếu không có chuyện là hầu hết nông dân vừa được mua máy gặt đập liên hợp.

Công ty Điện lực Huyện Hudiksvall lập tức trồng cột đan chéo các cánh đồng và đồng cỏ trong vùng, lúc đó đúng mùa gặt và trong một buổi sáng dây điện đã được kéo xuống hai mươi sáu điểm, nơi có hai mươi hai máy gặt đập mới mua. Cả một góc vùng nông thôn Hälsningland mất điện trong nhiều tuần, thu hoạch mất trắng, máy vắt sữa ngừng làm việc. Nông dân nổi

giận, ban đầu với Công ty Điện huyện Hudiksvall - rồi quay sang trút vào Julius.

- Câu khẩu hiệu 'Hudiksvall Hạnh phúc' không phải được chế ra vào lúc ấy đâu, cam đoan với cụ thể. Tôi đã trốn trong khách sạn Town ở Sundsvall suốt bảy tháng và lại cặn sạch tiền. Mình làm một chầu nữa với món cứng cứng nhé?

Cụ Allan đồng ý. Cả xương nai rừng cũng được tẩm trong bia Pilsner, và bây giờ Allan thấy măn nguyện khủng khiếp đến mức cụ gần như bắt đầu sợ chết.

Julius tiếp tục câu chuyện của mình. Sau khi suýt bị một máy kéo ở trung tâm Sundsvall cán mỏng (lái xe là một nông dân có cái nhìn sát nhân), ông nhận ra rằng người dân địa phương sẽ không quên sai lầm nhỏ của mình trong hàng trăm năm tới. Vì vậy, ông chuyển xa xuống phía nam và dừng lại ở Mariefred, nơi ông thỉnh thoảng trộm cắp tí ti cho đến khi mệt mỏi với cuộc sống ở tỉnh lẻ và mua được nhà ga Byringe cũ với giá 25.000 Crown mà ông đã chôn được trong kết an toàn ở Nhà nghỉ Gripsholm. Ở nhà ga này, bây giờ ông chủ yếu sống bằng tiền trợ cấp của nhà nước, săn trộm trong rừng nhà hàng xóm, nấu và bán rượu tự chưng cất tại nhà, cũng như bán lại ít hàng hóa chôn được từ hàng xóm của mình. Ở vùng này ông không được yêu mến lắm, Julius tiếp tục, và miệng đầy thức ăn, cụ Allan bảo rằng chuyện đó cụ hiểu được.

Khi Julius mời cụ già tráng miệng bằng một ly rượu mạnh cuối cùng, Allan đáp cụ luôn luôn mềm lòng trước món tráng miệng loại đó, nhưng đầu tiên cụ phải tìm ra chỗ vệ sinh công cộng, phòng khi cái trong nhà bị hỏng. Julius đứng dậy, bật đèn trần vì trời đã bắt đầu tối, rồi chỉ và nói rằng có một khu vệ sinh dùng được ở bên phải của cầu thang trong sảnh, và hứa sẽ có hai li sơnáp đầy sẵn sàng đợi Allan quay trở lại.

Allan tìm thấy nhà vệ sinh chỗ Julius chỉ. Cụ chọn tư thế đứng đái, và như thường lệ, những giọt cuối cùng bị rớt. Vài giọt đã hạ cánh nhẹ nhàng trên đôi dép dính nước tiểu.

Tiểu khoảng nửa chừng, Allan nghe có tiếng ai đó trên cầu thang. Ý nghĩ đầu tiên của Allan, cụ phải thừa nhận, rằng có lẽ là Julius chuồn đi với chiếc vali mới đánh cắp của cụ. Nhưng sau đó tiếng ồn to hơn. Ai đó đã đi từ tầng dưới lên trên.

Cụ Allan nhận ra mối nguy sắp xảy ra, vì tiếng bước chân cụ nghe thấy ngoài cửa là của gã thanh niên người gầy, mái tóc dài, vàng hoe và nhờn bóng, bộ râu lởm chởm, mặc áo khoác bò với dòng chữ Never Again trên lưng. Và, nếu đúng là gã thì cụ gặp rắc rối rồi.

o o o

Chiếc xe buýt từ Strängnäs đến Trung tâm Du lịch Malmköping sớm ba phút. Xe buýt không có khách và bác tài đã tăng tốc một chút sau trạm dừng cuối để có thời gian làm một điều thuốc trước khi tiếp tục hành trình đi Flen.

Nhưng bác hầu như không có thời gian để châm điều thuốc trước khi một thanh niên người gầy, mái tóc dài, vàng hoe và nhờn bóng, bộ râu lởm chởm, mặc áo khoác bò với dòng chữ Never Again trên lưng đi đến. Thực ra bác tài không nhìn thấy dòng chữ trên lưng vừa rồi, nhưng nó vẫn ở đấy.

- Cậu đi Flen à?

Bác hỏi, hơi do dự, bởi vì có một cái gì đó ở gã thanh niên này gây cảm giác không ổn.

- Tao không đi Flen. Mà mày cũng thế, - gã trả lời.

Vật vờ chờ xe suốt bốn tiếng thật quá sức chịu đựng của gã. Thêm nữa, sau khi đã mất nửa thời gian, gã nhận ra rằng nếu

mình ngay lập tức lấy xe hơi mà đi thì đã có thể bắt kịp với cái xe buýt từ lâu trước khi nó tới Strängnäs.

Nhất là bây giờ xe cảnh sát đã bắt đầu lượn lờ trong cái huyện bé tẹo này. Bất cứ lúc nào cảnh sát có thể ập vào Trung tâm Du lịch, và bắt đầu thẩm vấn người đàn ông nhỏ con phía sau cửa sổ phòng vé lý do tại sao anh ta trông hoảng sợ thế và vì sao cánh cửa văn phòng anh ta lại treo lủng lẳng trên có một góc bản lề.

Về việc này, gã không thể hiểu được những gì cảnh sát làm ở đó. Ông chủ của gã ở Never Again đã chọn Malmköping là địa điểm giao dịch vì ba lý do: trước hết, gần Stockholm, thứ hai, ở đây thông tin liên lạc tương đối tốt, thứ ba - và quan trọng nhất - bởi vì cánh tay luật pháp không đủ dài để vươn tới đó. Đơn giản là ở Malmköping không có cảnh sát.

Hay, chính xác hơn là: không nên có, nhưng chỗ này lại đang lúc nhúc cảnh sát? Gã thanh niên đã thấy hai chiếc xe với bốn cảnh sát, theo gã hiểu thế có nghĩa là ở đấy cảnh sát đang đông như kiến.

Lúc đầu, gã tưởng cảnh sát kiểm mình. Nhưng điều đó nghĩa là người đàn ông nhỏ con đã khai ra, và gã dứt khoát bác bỏ khả năng này. Trong khi chờ đợi xe buýt đến, gã chẳng có gì để làm ngoài việc canh chừng người đàn ông nhỏ con, đập tan điện thoại phòng của anh ta thành mảnh vụn và gắng hết sức chấp vá lại cánh cửa văn phòng.

Khi chiếc xe buýt cuối cùng đã đến và gã để ý thấy nó không có khách, gã lập tức quyết định bắt cóc cả tài xế lẫn xe buýt.

Phải mất hai mươi giây để thuyết phục bác tài quay vòng xe buýt và lái về phía bắc một lần nữa. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên khi gã lại ngồi đúng chiếc ghế mà cụ già gã đang đuổi theo từng ngồi trước đó, trong cùng ngày.

Bác tài run rẩy vì sợ hãi, cố giữ bình tĩnh bằng một điều thuốc. Hút thuốc thì tất nhiên bị cấm trên xe buýt, nhưng luật pháp duy nhất mà bác tài tuân theo lúc đó thì đang ngồi xeo xéo phía sau bác trong xe buýt, người gầy, mái tóc dài, vàng hoe và nhờn bóng, bộ râu lởm chởm, mặc áo khoác bò với dòng chữ Never Again trên lưng.

Trên đường đi, gã thanh niên hỏi lão già ăn trộm vali đã đi đâu. Bác tài nói rằng ông cụ đã xuống xe buýt ở ga Byringe và khả năng ga đó còn tồn tại là rất hiếm. Rồi bác tài kể với gã về chuyện ngược đời với tờ 50 crown và câu hỏi có thể đi bao xa với chừng đó tiền.

Bác tài không biết gì nhiều về ga Byringe, ngoại trừ việc hiếm ai lên hoặc xuống xe bus ở điểm dừng đó. Nhưng bác nghĩ rằng có một nhà ga xe lửa bỏ hoang xa xa trong rừng, và làng Byringe đâu đó ở vùng lân cận. Ông cụ không thể nào đi xa hơn chỗ đó, bác tài đoán. Cụ già quá rồi mà vali thì nặng, dù là có bánh xe.

Gã thanh niên lập tức bình tĩnh lại. Gã không gọi ông chủ ở Stockholm, vì ông chủ là một trong số ít người có thể làm mọi người sợ hãi hơn gã nhiều, mà chỉ bằng lời nói. Gã rùng mình khó chịu khi nghĩ đến những gì ông chủ sẽ nói nếu biết chiếc vali bị thất lạc. Tốt hơn là giải quyết vấn đề trước rồi nói với ông sau. Có thể thấy lão già không đến được Strängnäs rồi đi xa hơn, thế thì gã việc gì phải lo, chiếc vali sẽ sớm trở lại trong tay gã thôi.

- Chỗ này đây, - bác tài cho biết. - Đây là trạm dừng xe buýt Byringe...

Bác tài nhả chân ga và chiếc xe từ từ lăn vào phía bên đường. Bác sẽ bị giết bây giờ ư?

Không, hóa ra bác không chết. Tuy nhiên, điện thoại di động của bác thì chết tức tưởi dưới đế giày của gã thanh niên. Và từ miệng của gã tuôn ra một tràng những đe dọa giết cả nhà bác tài, nếu bác có ý định nào liên lạc với cảnh sát, thay vì quay xe buýt và tiếp tục hành trình đến Flen.

Gã thanh niên ra đi khuất, để bác tài và chiếc xe buýt chạy thoát. Bác tài khốn khổ sốc đến mức không dám quay vòng xe buýt mà vẫn tiếp tục đi theo hướng Strängnäs, đậu ở giữa Trädgårdsgatan, hoảng sợ bước vào khách sạn Delia, nơi bác nhanh chóng cạn bốn ly rượu whisky. Sau đó, trước sự kinh dị của người phục vụ bar, bác bắt đầu khóc. Sau hai ly whisky nữa, người phục vụ bar cho bác mượn cái điện thoại để nhờ bác cần gọi điện thoại cho ai đó. Thế là bác tài lại khóc rống lên lần nữa - và bác gọi điện cho bồ.

o o o

Gã trai nghĩ mình có thể thấy vết bánh xe của chiếc vali in dấu sỏi trên đường. Chẳng bao lâu nó hiện ra. May quá, vì trời bắt đầu tối.

Đôi khi gã trai ước mình làm ăn có kế hoạch hơn. Gã hơi lo ngại khi thấy mình đang đứng trong một khu rừng sùp tối, và chẳng bao lâu nữa sẽ tối đen. Lúc đó gã biết làm gì?

Những mối lo âu tan biến ngay khi gã chợt nhìn thấy tòa nhà tối tàn màu vàng, một phần bịt bằng ván, ở dưới ngọn đồi mà gã vừa đi qua. Và khi ai đó bật một ngọn đèn ở tầng trên, gã lầm bầm:

- Giờ ta tóm được lão rồi, lão già.

o o o

Cụ Allan nhanh nhanh tè nốt chỗ dở dang. Sau đó, cụ thận trọng mở cửa nhà vệ sinh, lắng nghe xem cái gì đang xảy ra

trong nhà bếp. Lập tức cụ nghe thấy tiếng xác nhận những gì cụ không muốn. Allan nhận ra giọng gã trai đang hét lên với Julius Jonsson rằng ông nên nói “lão chó chết” đang núp ở đâu.

Allan lên đến cửa nhà bếp, cực kì khể khàng trong đôi dép đi trong phòng ngủ. Gã thanh niên đã tóm hai tai Julius, theo đúng cách mà gã đã làm với người đàn ông nhỏ con tại Trung tâm Du lịch ở Malmköping. Vừa lắc Julius tội nghiệp, gã vừa tiếp tục tra hỏi nơi cụ Allan trốn. Allan nghĩ gã có thể hài lòng lấy lại chiếc vali, nó đang chình ình giữa sàn. Julius nhăn nhúm mặt mày nhưng không chịu trả lời. Cụ Allan thấy bác buôn gỗ già quả là một tay cứng cựa, rồi cụ lục soát trong sảnh tìm vũ khí thích hợp. Giữa đống rác, cụ thấy một vài thứ có thể dùng tạm: một cái xà beng, một tấm ván, một bình xịt thuốc diệt côn trùng và một gói thuốc chuột. Đầu tiên cụ định chọn thuốc chuột nhưng không thể nghĩ ra cách trút một hoặc hai thìa vào miệng gã trai. Cái xà beng thì hơi quá nặng với ông cụ trăm tuổi và bình xịt diệt côn trùng thì... không, phải lấy tấm ván.

Thế là cụ Allan tóm chắc lấy vũ khí của mình và mất bốn bước, ở tuổi của cụ như thế là cực nhanh, đi thẳng tới ngay sau lưng nạn nhân dự định của mình.

Gã trai chắc phải ngờ rằng cụ Allan ở đấy, vì ngay trước khi cụ ra tay, gã buông Julius Jonsson ra và xoay người lại.

Gã bị tấm ván đập mạnh vào giữa trán, đứng sững, trợn mắt lên một giây trước khi ngã vật ra, đập đầu lên cạnh bàn bếp.

Không có máu, không rên rỉ, không có gì. Gã chỉ nằm đó, với đôi mắt nhắm lại.

- Cừ đấy, - Julius nói.

- Cảm ơn, - cụ Allan đáp, - còn món tráng miệng anh đã hứa đâu?

Allan và Julius ngồi xuống bàn ăn, với gã thanh niên tóc dài lịm dưới chân. Julius rót một cốc rượu cho Allan và nâng cốc. Cụ Allan chạm cốc.

- Chà. Thế đấy! - Julius nói khi cốc rượu mạnh trôi xuống cổ họng mình. - Tôi đoán rằng gã nằm trên sàn là chủ cái vali?

Câu hỏi giống như một khẳng định. Cụ Allan nhận thấy đây là lúc cụ nên giải thích rõ hơn một hai điều.

Chẳng có gì nhiều để giải thích. Hầu hết những gì đã xảy ra trong ngày đều khó hiểu với cụ. Tuy thế, cụ cũng kể xong chuyện mình đào tẩu khỏi nhà, rồi ngẫu nhiên chôm chiếc vali tại Trung tâm Du lịch ở Malmköping và lo ngay ngáy rằng gã thanh niên đang nằm bất tỉnh trên sàn có thể sẽ nhanh chóng dậy xử cụ. Và cụ chân thành xin lỗi vì thực tế Julius đang ngồi đó với đôi tai đỏ bầm, đau nhức. Nhưng Julius suýt nổi cáu, bảo rằng cụ Allan đừng có ngồi đó xin lỗi vì cuối cùng đời của Julius Jonsson mới có tí việc để hành động.

Julius đã trở lại tỉnh. Ông nghĩ đã đến lúc cả hai nên xem có cái gì trong vali. Khi cụ Allan chỉ ra là nó bị khóa, Julius bảo cụ đừng có nói chuyện ngớ ngẩn nữa.

- Có cái khóa nào ngăn được Julius Jonsson? - Julius Jonsson nói.

Nhưng làm gì cũng phải đúng lúc, ông tiếp tục. Đầu tiên là cái nguy cơ nằm chình ình trên sàn nhà. Sẽ chẳng làm ăn được gì nếu gã thanh niên tỉnh dậy và tiếp tục cái đang làm dở trước khi gã ngất xỉu.

Cụ Allan gợi ý rằng họ nên trói gã vào một cái cây bên ngoài nhà ga, nhưng Julius phản đối rằng nếu gã tỉnh dậy la hét lên

thì dưới làng có thể nghe thấy. Chỉ có vài gia đình vẫn sống ở đó, nhưng họ đều ít nhiều có lý do để thù Julius và có lẽ sẽ đứng về phía gã trai nếu có cơ hội.

Julius có ý này hay hơn. Phía trong nhà bếp có một phòng đông lạnh rất kín, nơi ông bảo quản và xẻ thịt nai rừng sẵn trộm được. Hiện nay phòng không có con nai nào và đang đóng cửa. Julius không muốn sử dụng máy lạnh nếu không cần thiết vì nó ngốn điện kinh khủng. Tất nhiên Julius có điện, do Gösta ở trang trại Nhà Rừng vô tình trả tiền, nhưng nếu muốn ăn trộm điện lâu dài thì phải dùng in ít thôi.

Cụ Allan kiểm tra phòng đông lạnh đã tắt điện và thấy nó là một phòng tạm giam tuyệt vời, không có bất kì tiện nghi thừa nào. Kích thước 1,8 x 2,7 mét có lẽ hơi rộng rãi cho gã trai, nhưng cũng chẳng nên nghiệt ngã quá làm gì.

Hai ông già hò nhau kéo gã trai vào phòng tạm giam. Gã rên rỉ khi bị đặt lên cái rương gỗ đã bị lộn ngược để ở góc phòng, và họ dựa người gã vào tường. Dường như gã sắp tỉnh. Tốt nhất là đi nhanh ra ngoài và khóa chắc cửa lại.

Nháy mắt mọi thứ đã xong. Julius nâng chiếc vali đặt lên bàn ăn, nhìn ổ khóa, liếm sạch cái đĩa bữa tối vừa dùng để xiên nai rừng nướng với khoai tây, và phá khóa trong vài giây. Sau đó ông mời cụ Allan tự tay mở khóa, vì rằng đây là chiến lợi phẩm của cụ.

- Tất cả mọi thứ của tôi cũng là của anh, - Allan nói. - Chúng ta chia đều, nhưng nếu có một đôi giày cỡ của tôi thì phần tôi cái đó nhé.

Rồi cụ Allan mở khóa.

- Quỷ tha ma bắt, - cụ Allan thốt lên.

- Quỷ tha ma bắt, - Julius nói.

- Thả tao ra! - Có tiếng từ phòng đông lạnh.

CHƯƠNG 4

1905-1929

Allan Emmanuel Karlsson sinh ra ngày 2 tháng Năm năm 1905. Hôm trước, mẹ cậu đã tham gia cuộc diễu hành ngày 1 tháng Năm ở Flen, biểu tình đòi giải phóng phụ nữ, đòi một ngày làm việc tám tiếng và những thứ không thể thực hiện khác. Ít nhất thì cuộc biểu tình cũng một kết quả tốt, làm cơn đau bụng trở dạ bắt đầu và chỉ sau nửa đêm cậu con trai đầu tiên và duy nhất của bà ra đời. Nó xảy ra trong căn nhà lá cho thợ thuyền ở Yxhult với sự giúp đỡ của vợ ông hàng xóm, bà chắc chắn không phải là bà đỡ tài ba gì nhưng cũng có ít danh phận, vì hồi chín tuổi đã được nhún gối chào trước mặt Vua Karl XIV Johan, người có thể xem là bạn của Napoleon Bonaparte. Và để công bằng với vợ ông hàng xóm, cũng phải nói rằng đứa trẻ mà bà đỡ ngày nào giờ đã trưởng thành, với số tuổi dư cực cao.

Cha Allan Karlsson là một người chu đáo và nóng tính. Ông chu đáo với gia đình; nổi nóng với xã hội nói chung và với tất cả những ai được xem là đại diện cho xã hội. Giới cầm quyền không ưa ông, lại càng ghét từ khi ông đứng trên quảng trường ở Flen nói về việc áp dụng các biện pháp tránh thai. Vì thế ông đã bị phạt mười crown, cộng thêm việc ông không bao giờ phải lo lắng về chuyện tránh thai vì từ đó mẹ Allan quá xấu hổ nên đã quyết định cấm vận chồng. Allan lúc đó sáu tuổi, đủ lớn để bắt mẹ giải thích kĩ hơn lý do tại sao giường của cha đột nhiên bị chuyển vào lều chứa củi ngoài bếp, nhưng cậu không có câu trả lời nào khác ngoài câu đừng hỏi quá nhiều nếu không sẽ bị đóng hộp vào tai. Allan, giống như trẻ con mọi thời, không muốn tai mình bị cái hộp chụp lên, nên cậu đành bỏ qua chuyện đó.

Từ ngày đó, cha của Allan đâm ra hiếm khi có nhà. Ban ngày ít nhiều ông phải đối phó với công việc của mình ở đường sắt, buổi tối ông thảo luận về chủ nghĩa xã hội tại các cuộc họp khắp nơi, và Allan không bao giờ biết rõ ông qua đêm ở chỗ nào.

Tuy nhiên, cha cậu vẫn gánh vác trách nhiệm tài chính của mình. Hàng tuần, ông nộp phần lớn tiền lương cho vợ, cho đến một hôm, ông bị sa thải vì đã hành hung một hành khách, người khoe rằng mình đang trên đường đến Stockholm cùng với hàng ngàn người khác để diện kiến Đức Vua trong hoàng cung và cam kết với Ngài ý nguyện bảo vệ tổ quốc.

- Để bắt đầu, ông có thể bảo vệ chính mình chống lại cái này đã, - cha Allan nói rồi đâm thẳng vào ông ta mạnh đến nỗi người đàn ông ngã lộn xuống đất.

Bị sa thải ngay lập tức có nghĩa là cha của Allan không thể cứu mang gia đình mình nữa. Mang tiếng là một người đàn ông bạo lực và ủng hộ các biện pháp tránh thai khiến ông chỉ phí thời gian tìm việc khác. Chỉ còn cách chờ đợi cuộc cách mạng, hoặc tốt nhất là thúc đẩy nó bùng nổ, bởi vì ngày nay, chuyện cón con gì cũng chậm chạp khủng khiếp. Cha Allan là người muốn thấy kết quả khi ông dồn hết tâm trí của mình vào nó. Chủ nghĩa xã hội Thụy Điển cần một mô hình quốc tế. Chỉ khi nào có nó thì mọi thứ sẽ bắt đầu vận động và tên lái buôn Gustavsson cùng đồng bọn sẽ phải vã mồ hôi.

Vì vậy, cha Allan đã khăn gói đến nước Nga để lật đổ Sa hoàng. Tất nhiên mẹ Allan bị mất khoản tiền lương từ đường sắt, nhưng mặt khác bà lại hài lòng vì chồng mình không chỉ biến khỏi huyện nhà mà là đi tuốt khỏi đất nước. Sau khi người trụ cột gia đình đã ra đi, bà mẹ và Allan, lúc đó chỉ mười tuổi, chịu trách nhiệm gánh vác kinh tế gia đình. Mẹ cậu đã chặt hạ mười bốn cây bạch dương lớn, cắt khúc, bửa ra rồi bán

như củi, trong khi Allan cố gắng xin một công việc lương thấp tè, làm tạp vụ tại chi nhánh sản xuất Nitroglycerin[1] ở ngoại ô Flen.

[1] Tên công ty sản xuất thuốc nổ của Afred Nobel

Trong những bức thư thường xuyên gửi từ St Petersburg (chẳng bao lâu sẽ bắt đầu được gọi là Petrograd)mẹ Allan ngày càng ngạc nhiên để ý thấy cha Allan, sau một thời gian đã bắt đầu nghi ngờ niềm tin của chính mình về sự tuyệt vời của chủ nghĩa xã hội. Nhân vật hay được trích dẫn là một người tên là Carl. Cái tên không Nga lắm, Allan nghĩ, và càng không có vẻ gì là Nga khi cha của Allan bắt đầu gọi ông ta Fabbe, ít nhất là viết ra.

Theo cha Allan, Fabbe lập luận rằng nhìn chung mọi người không hiểu rõ chính mình, và họ cần ai đó để dựa dẫm. Đó là lý do tại sao chế độ tập quyền mạnh hơn dân chủ, miễn là thành phần có trách nhiệm và có giáo dục của xã hội chăm lo sao cho tập quyền ở đây có hiệu quả tốt. Ví dụ Fabbe đã khịt mũi nghi ngờ khi thực tế là bảy trong số mười người Bolshevik không biết đọc. Chúng ta không thể giao quyền lực cho đám người mù chữ, đúng không?

Tuy nhiên, trong thư gửi về nhà ở Yxhult, cha Allan vẫn bênh những người Bolshevik ở điểm đó, bởi vì cả nhà ông không thể tưởng tượng được bằng chữ cái Nga trông như thế nào. Chẳng có gì khó hiểu là mọi người bị mù chữ.

Cái tệ là cách những người Bolshevik cư xử. Họ ở bẩn, và họ uống vodka như thợ hồ ở nhà, những người đã đặt đường ray đan chéo qua miền trung Thụy Điển. Cha Allan luôn thắc mắc làm sao các đường ray có thể thẳng được nếu nhìn vào mức tiêu thụ rượu của đám thợ, và ông đã thấy nhói lên nghi ngờ mỗi khi đường ray Thụy Điển quẹo sang phải hoặc sang trái.

Về chuyện này, những người Bolshevik ít nhất cũng tẻ ngang ngửa. Fabbe đã khẳng định chủ nghĩa xã hội sẽ kết thúc bằng việc mọi người cố gắng giết lẫn nhau cho đến khi chỉ còn một người quyết định. Trong trường hợp đó, tốt hơn là ngay từ đầu dựa vào Sa hoàng, một người tốt, có giáo dục với tầm nhìn thế giới.

Ít nhất thì Fabbe cũng biết mình đang nói gì. Ông đã gặp Sa hoàng vài lần thật. Fabbe tuyên bố rằng Nicolai II cực kì tốt bụng. Cho đến nay, Sa hoàng gặp nhiều rủi ro trong đời, nhưng chắc chắn không thể mãi như thế được? Những vụ mùa thất thu và cuộc cách mạng Bolshevik làm mọi thứ hỗn loạn cả lên. Sau đó người Đức bắt đầu phản đối vì Sa hoàng ra lệnh tổng động viên. Nhưng ngài làm điều đó với mục đích gìn giữ hòa bình. Rốt cuộc thì có phải là Sa hoàng đã giết chết thái tử Áo và vợ ông ta ở Sarajevo đâu?[2] Đúng không?

[2] Tức thái tử Áo Franz Ferdinand. Vụ ám sát ông ta ở Sarajevo đã châm ngòi cho Thế chiến I.

Rõ ràng là Fabbe (dù ông ta là ai) đã thấy hết tất cả, và bằng cách nào đó ông ta khiến cha Allan cũng nhìn theo cách ấy. Hơn thế nữa, cha Allan còn cảm thông với những rủi ro mà Sa hoàng đã phải chịu.

Sớm hay muộn thì vận rủi cũng phải thay đổi, với Sa hoàng Nga cũng như với nhân dân, những con người trung thực ở vùng ngoại ô Flen.

Cha cậu không bao giờ gửi tí tiền nào từ Nga, nhưng sau vài năm, có lần ông đã gửi một cái gói đựng quả trứng Phục Sinh men sủ. Cha cậu nói rằng ông đã thắng nó trong trò chơi Harlequin với một đồng chí Nga, ngoài việc uống rượu, thảo luận và chơi bài, cha Allan không mất thời gian vào các thứ khác như là làm quả trứng kiểu đó.

Cha ông đã tặng quả trứng Phục sinh của Fabbe cho “vợ yêu”, bà đã nổi giận mắng đồ vô công rồi nghề chết tiệt ít nhất cũng có thể gửi một quả trứng thật để gia đình có cái mà ăn. Và mẹ ông sém chút nữa thì ném món quà qua cửa sổ, trước khi bà lấy lại tự chủ. Biết đâu ông lái buôn Gustavsson sẽ quan tâm trả giá gì đó cho nó, ông ta luôn luôn cố gắng tỏ ra đặc biệt và quả trứng này mẹ Allan nghĩ là rất đặc biệt.

Cho nên mẹ Allan rất ngạc nhiên khi nhà buôn Gustavsson sau hai ngày xem xét đã trả mười tám crown cho quả trứng của Fabbe. Tất nhiên là theo cách trừ nợ, nhưng dù thế cũng tốt.

Sau đó, mẹ cậu hi vọng sẽ nhận được bưu phẩm có nhiều trứng hơn, nhưng trong lá thư tiếp theo, thay vì trứng, bà được biết rằng các tướng của Sa hoàng đã bỏ rơi lãnh tụ của mình và Sa hoàng đã mất ngôi. Trong thư, cha Allan nguyên rủa người bạn sản xuất trứng của mình đã can dự vào vụ này và chạy trốn sang Thụy Sĩ. Cha Allan chắc chắn sẽ ở lại và chiến đấu với bọn nổi dậy và gã hề, kẻ chiến thắng mà họ gọi là Lenin.

Đối với cha Allan, toàn bộ chuyện này cũng có vấn đề cá nhân vì Lenin đã cấm tiệt quyền sở hữu đất cá nhân đúng vào ngày cha Allan vừa mua xong mười hai mét vuông đất để trồng dâu tây Thụy Điển. ‘Miếng đất giá không hơn bốn rúp, nhưng họ sẽ không để gì quốc hữu hóa mảnh đất trồng dâu của tôi.’, cha Allan đã viết trong lá thư cuối cùng ông gửi về nhà. Và ông kết thúc bức thư: ‘Bây giờ là chiến tranh!’

Chắc chắn là chiến tranh rồi. Ở khắp nơi trên thế giới trừ nơi này, và trong nhiều năm. Nó đã nổ ra ngay sau khi cậu bé Allan nhận được chân tạp vụ tại AB Nitroglycerin. Allan vừa nhồi chất nổ vào các cái hộp, vừa đóng tai nghe ý kiến của đám thợ về những gì xảy ra. Cậu tự hỏi sao mà họ biết nhiều thế, nhưng hơn hết cậu thắc mắc những người đàn ông trưởng thành có thể mang lại bao nhiêu đau khổ. Áo tuyên chiến với

Serbia. Đức tuyên chiến với Nga. Rồi Đức chiếm Luxembourg một ngày trước khi tuyên chiến với Pháp. Khi Anh tuyên chiến tranh với Đức thì người Đức trả đũa bằng cách tuyên chiến với Bỉ. Sau đó, Áo tuyên chiến với Nga và Serbia tuyên chiến với Đức.

Và cứ thế tiếp tục. Nhật Bản tham chiến, Mỹ cũng thế. Vì lý do gì đó, Anh đã chiếm Baghdad, sau đó là Jerusalem. Người Hy Lạp và Bulgaria bắt đầu choảng nhau rồi Sa hoàng Nga phải thoái vị, trong khi người Ả Rập chiếm Damascus...

‘Bây giờ là chiến tranh’, cha cậu đã thông báo cho họ. Ngay sau đó, một trong những tay chân của Lenin đã hành quyết Sa hoàng cùng với cả gia đình ông. Allan để ý thấy vận rủi của Sa hoàng vẫn tiếp tục.

Vài tháng sau đó, lãnh sự quán Thụy Điển ở Petrograd gửi một bức điện đến Yxhult, thông báo rằng cha Allan đã chết. Nhân viên lãnh sự không có trách nhiệm phải gửi điện tín đi sâu vào chi tiết như thế, nhưng có lẽ ông ta không cưỡng lại được.

Dù sao, theo ông ta, cha của Allan đã đóng ván quanh điện tích khoảng 10-15 mét vuông, và tuyên bố khu vực này là một xứ cộng hòa độc lập. Cha Allan đã gọi là tiểu bang tí hon của mình là Nước Nga Chân Chính và sau đó hi sinh trong cuộc hỗn chiến khi hai người lính của chính phủ đến đấy kéo các tấm ván xuống. Lúc đó, cha Allan đã dùng nắm đấm nhiệt thành bảo vệ biên giới quốc gia của mình, và hai người lính không thể nói chuyện với ông. Cuối cùng, họ thấy không có giải pháp nào khác là tặng một viên đạn vào giữa hai mắt của cha Allan, để họ có thể làm việc trong hòa bình.

- Liệu có thể chết một cách đỡ ngu ngốc hơn không? - Mẹ của Allan nói với bức điện tín từ Lãnh sự quán.

Vốn đã không trông đợi gì vào việc chồng mình quay về nhà, nhưng sau này, bà lại bắt đầu mong mỏi, vì bản thân bà có vấn đề về phổi, và việc bữa cưới ngày càng khó khăn hơn.

Mẹ Allan cất tiếng thở dài náo ruột và thế là xong đám tang. Bà bảo Allan bây giờ nó là như thế, nhưng cái gì phải đến sẽ đến. Sau đó, bà âu yếm xoa đầu cậu con trai trước khi ra ngoài để bữa thêm ít cưới.

Allan không hiểu lắm những gì mẹ nói. Nhưng cậu hiểu rằng cha mình đã chết, mẹ bị ho và chiến tranh đã kết thúc. Bản thân cậu, ở tuổi mười ba, đã đặc biệt thành thạo với việc chế tạo thuốc nổ bằng cách trộn nitroglycerine, cellulose nitrat, amoni nitrat, nitrat natri, bột gỗ, dinitrotoluen và một ít các thứ khác. Một ngày nào đó nó sẽ có ích, Allan nghĩ, và đi ra ngoài để giúp mẹ mình với đồng gỗ.

Hai năm sau, mẹ Allan đã dứt ho, và bước vào nơi có lẽ là thiên đường mà cha bà đã yên nghỉ trước. Đứng ở cửa căn nhà lá, ông lái buôn tức giận nghĩ mẹ Allan lẽ ra phải trả khoản nợ chín crown trước khi bà - chẳng báo cho ai - lăn ra chết. Dù sao Allan cũng không định trả cho Gustavsson nhiều hơn mức cần thiết.

- Chuyện đó ông đi mà nói với chính mẹ tôi ấy, ông thương gia ạ. Ông có muốn mượn cái thuổng không?

Lái buôn thì vẫn là lái buôn, nhưng ông ta người hơi gầy gò, trái ngược với Allan mười lăm tuổi. Cậu sắp thành một người đàn ông rồi, và nếu chỉ điên bằng nửa cha mình thì cậu có thể làm bất cứ điều gì, lái buôn Gustavsson thấy thế, và ông ta muốn lượn lờ xung quanh một thời gian nữa để đếm tiền của mình. Vì vậy, món nợ ấy không bao giờ được nhắc đến nữa.

Cậu bé Allan không hiểu nổi làm thế nào mẹ mình có thể cào cấu để tiết kiệm hàng trăm Crown. Nhưng có tiền, đủ để chôn

mẹ cậu và mở Công ty Dynamite Karlsson. Mới chỉ mười lăm tuổi khi mẹ mất, nhưng Allan đã học được những gì cần thiết tại Nitroglycerin AB.

Cậu đã làm rất nhiều thí nghiệm táo bạo trong hố sỏi phía sau nhà, một cái gổm đến nỗi con bò nhà hàng xóm gần nhất bị sấy thai cách đấy hai cây số.

Nhưng Allan không bao giờ bị nghe về chuyện đó, bởi vì cũng như ông lái buôn Gustafsson, hàng xóm hơi sợ bố con nhà Karlsson cùng điên như nhau.

Từ hồi làm tạp vụ, Allan đã quan tâm đến những gì xảy ra ở Thụy Điển và trên thế giới. Ít nhất tuần một lần, cậu đều đặn vào thư viện công cộng ở Flen để cập nhật những tin tức mới nhất. Ở đó, cậu thường gặp những người trẻ tuổi thích tranh luận và bọn họ có một điểm chung: muốn lôi kéo Allan vào một vài phong trào chính trị này kia. Nhưng Allan chỉ quan tâm để biết những gì đang xảy ra, chứ không thích tham gia hay cố gắng gây ảnh hưởng gì.

Tuổi thơ của Allan dĩ nhiên đã có những hoang mang về chính trị. Một mặt, cậu thuộc tầng lớp lao động, khó có thể nói gì khác về một cậu bé bỏ học từ năm lên chín để kiếm việc trong ngành công nghiệp. Mặt khác, cậu tôn trọng kỷ ước về cha mình, và cha cậu trong cuộc đời ngắn ngủi đã cố gắng để có đủ các quan điểm. Ông bắt đầu đi từ cánh Tả, đến chỗ ca ngợi Sa hoàng Nikolai II và làm tròn sự tòn tại của mình bằng một tranh chấp đất đai với Illich Vladimir Lenin.

Về phần mình, mẹ cậu, giữa những cơn ho vò xé đã nguyên rủa tất cả mọi người từ nhà vua, đám Bolshevik và luôn tiện, cả các nhà lãnh đạo của đảng Dân chủ xã hội, Hjalmar Branting, lão lái buôn Gustavsson và cha của Allan nữa.

Còn bản thân Allan chắc chắn không phải là một kẻ đần độn. Cậu thừa nhận đã mất ba năm ở trường, nhưng nó khá hữu ích cho cậu để học đọc, viết và làm tính. Những người bạn thợ đầy ý thức chính trị tại Nitroglycerin AB cũng khiến cậu tò mò về thế giới.

Tuy nhiên, cái cuối cùng làm hình thành triết lý sống của Allan lại chính là những gì mẹ cậu đã nói khi họ nhận được tin cha mất. Tất nhiên, cũng phải mất một thời gian trước khi điều này thấm vào tâm hồn người trai trẻ, nhưng một khi ở đó thì nó tồn tại mãi mãi:

- Bây giờ nó là như thế, nhưng cái gì phải đến sẽ đến.

Và thế thì người ta đừng bộc lộ bản thân. Ít nhất là nếu không có lí do để làm như vậy. Ví dụ như khi tin báo tử của cha cậu đến ngôi nhà ở Yxhult. Theo truyền thống gia đình, Allan đã phản ứng bằng cách chặt gỗ, trong một thời gian hết sức lâu và đặc biệt im lặng. Hoặc khi mẹ cậu đã mất theo cùng một cách và bà được đưa ra cỗ xe tang đang chờ đợi bên ngoài nhà. Lúc đó, Allan ở trong nhà bếp, theo dõi cảnh tượng qua cửa sổ. Và rồi cậu lặng lẽ nói khẽ đến mức không ai khác nghe thấy:

- Tạm biệt mẹ.

Và nó kết thúc một chương của cuộc đời cậu.

o o o

Allan đã làm việc chăm chỉ ở công ty thuốc nổ và trong những năm đầu thập kỉ 20 đã có được một nhóm khách hàng đáng kể trong vùng. Vào các tối thứ Bảy, Allan ở nhà tìm tòi các công thức mới để nâng cao chất lượng thuốc nổ của mình. Đến Chủ nhật, anh ra hồ sỏi và thử nghiệm các vật liệu nổ. Tuy nhiên, anh không thử giữa mười một và một giờ trưa, ít nhất thì Allan

đã hứa với mục sư ở Yxhult, đổi lại mục sư sẽ không phàn nàn quá nhiều về sự vắng mặt của Allan trong các dịch vụ nhà thờ.

Allan thấy một mình rất ổn. Có lẽ thế là tốt, bởi vì anh thực sự khá đơn độc. Vì không tham gia vào hàng ngũ của phong trào lao động nên anh đứng ngoài phe xã hội, trong khi anh quá bình dân và là con trai ông bố như thế thì không bao giờ có được một chỗ đứng trong bất kì salon tư sản nào. Đó là nơi Gustavsson ngồi và suốt đời ông ta sẽ không thêm bước chân vào công ty của thằng nhãi ranh Karlsson. Hãy hình dung điều gì sẽ xảy ra nếu nó chộp lấy những gì Gustavsson đã kiếm chác được từ quả trứng mà ông ta từng mua của mẹ Allan với giá cực bèo và bán cho một nhà ngoại giao tại Stockholm. Nhờ vụ kinh doanh đó, Gustavsson đã trở thành người thứ ba của huyện tự hào sở hữu một chiếc ô tô.

Hồi đó ông ta thật may mắn. Nhưng lúc này vận may của Gustavsson đã không kéo dài như ông ta muốn. Vào một ngày Chủ nhật tháng Tám năm 1925, sau khi đi lễ nhà thờ, ông ta đi xe về, chủ yếu là để khoe khoang với mọi người. Chẳng may ông ta lại chọn đúng con đường đi qua Allan Karlsson ở Yxhult.

Đi đến khúc quanh phía ngoài ngôi nhà của Allan, Gustavsson hơi căng thẳng (có lẽ Chúa hay số phận đã sắp xếp mọi chuyện theo cách nào đó), và tay ga bị kẹt khiến Gustavsson cùng với cái ô tô của ông ta đâm thẳng vào cái hố sỏi phía sau nhà, thay vì theo khúc cua hơi cong của con đường sang bên phải. Với Gustavsson, đặt chân trên đất của Allan và giải thích này kia đã đủ tồi tệ lắm rồi, nhưng nó còn tệ hơn nữa, bởi vì đúng lúc Gustavsson vừa khiến chiếc ô tô đang mất lái của mình dừng lại được, thì Allan bắt đầu vụ nổ thử nghiệm đầu tiên trong ngày Chủ nhật.

Bản thân Allan lại đang ôm bụng phía sau chuồng xí nên không thể nhìn thấy hay nghe thấy bất cứ điều gì. Cho đến khi quay

trở lại hố sỏi để xem vụ nổ diễn ra thế nào, anh mới nhận ra có cái gì đó không ổn. Các mảnh ô tô của Gustavsson vương vãi đến nửa hố, và nằm rải rác đây đó có vài mảnh của chính Gustavsson nữa.

Ngay gần ngôi nhà, đầu Gustavsson đã hạ cánh nhẹ nhàng trên một đám cỏ. Nó nằm đó nhìn lơ đãng qua đồng đồ nát.

- Ông định kinh doanh gì trong hố sỏi của tôi? - Allan hỏi.

Gustavsson đã không trả lời.

o o o

Suốt bốn năm sau đó, Allan có rất nhiều thời gian để đọc và nâng cao kiến thức của mình về xã hội đang phát triển như thế nào. Anh bị bắt giam gần như ngay lập tức, mặc dù lý do thì mù mờ khó xác định. Thậm chí cả cha của Allan - nhà cựu cách mạng - cũng được tham gia vào quá trình này. Điều này xảy ra khi một học trò trẻ và nhiệt thành của giáo sư Bernhard Lundborg, chuyên gia về Sinh học chủng tộc ở thành phố đại học Uppsala, quyết định xây dựng sự nghiệp của mình qua Allan. Sau nhiều lần bị vắn vẹo, Allan thấy mình rơi tòm vào mớ rối rắm của giáo sư Lundborg và chẳng bao lâu bị buộc triệt sản vì 'lý do an sinh xã hội', nghĩa là Allan có thể hơi bị thiếu năng và mang gen di truyền của ông bố nhiều quá mức khiến nhà nước không thể cho phép gen Karlsson tiếp tục sinh sôi.

Việc triệt sản không làm Allan bận tâm lắm. Bù lại, anh được đón tiếp tử tế tại phòng khám của giáo sư Lundborg. Thỉnh thoảng anh trả lời các câu hỏi thập cẩm, chẳng hạn anh có nhu cầu gì khi cho nổ tung người và vật thành muôn mảnh và liệu anh có biết mình có tí máu da đen nào trong người không. Allan đã trả lời rằng anh thấy có sự khác biệt nhất định giữa người và vật khi tính đến niềm vui lúc châm ngòi thuốc nổ. Nổ tung một tảng đá có thể làm ta khoan khoái. Nhưng nếu không phải

tảng đá mà là một con người, thì Allan nghĩ cũng nên yêu cầu người ấy di chuyển ra chỗ khác. Giáo sư Lundborg có nghĩ vậy không?

Nhưng Bernhard Lundborg không phải loại người ưa thảo luận triết học với bệnh nhân của mình, thay vào đó, ông lặp đi lặp lại câu hỏi về dòng máu da đen. Allan đáp anh không rõ lắm, nhưng cả bố mẹ anh đều trắng nhợt như anh, nếu giáo sư có thể xem đó là một câu trả lời? Rồi Allan nói thêm rằng anh cực kì muốn nhìn thấy tận mắt một người da đen nếu giáo sư có sẵn trong kho?

Giáo sư Lundborg và trợ lý của ông không trả lời các câu hỏi ngược lại của Allan, nhưng họ ghi chú, hờn hờn và rồi để anh yên, đôi khi trong nhiều ngày liền. Allan dành những ngày đó để đọc đủ thứ. Báo hàng ngày và cả sách từ thư viện bệnh viện vốn rất nhiều. Mỗi ngày được ba bữa ăn thỏa thích, nhà vệ sinh khép kín và một phòng riêng. Allan thấy được nhốt trong bệnh viện tâm thần rất thoải mái. Chỉ một lần bầu không khí trở nên hơi khó chịu, đó là khi Allan muốn thỏa mãn tính tò mò của mình bằng cách hỏi giáo sư Lundborg là người da đen hay Do Thái thì có gì mà nguy hiểm thế. Lần này, giáo sư đã không trả lời bằng cách im lặng mà gầm lên rằng Karlsson nên lo việc riêng của mình chứ đừng can thiệp vào việc của người khác. Tình thế này khiến anh mơ hồ nhớ lại nhiều năm trước đây bị mẹ đe dọa đóng hộp lên tai lúc còn bé.

Mấy năm trôi qua, các cuộc phỏng vấn Allan ngày càng ít đi và thưa hãn. Sau đó, quốc hội bổ nhiệm một ủy ban điều tra việc triệt sản các ‘cá nhân kém phẩm chất sinh học’ và khi báo cáo in ra, Giáo sư Lundborg đột nhiên có rất nhiều việc phải làm nên cái giường của Allan thành cần thiết cho người khác. Do đó vào mùa xuân năm 1929, Allan được tuyên bố là đã hồi phục và phù hợp để tái hòa nhập xã hội, anh được thả ra

đường với món tiền tiêu vặt chỉ đủ một vé tàu đi Flen. Còn vài dặm cuối cùng đến Yxhult thì anh phải đi bộ, nhưng Allan thấy không sao. Sau bốn năm bị nhốt sau song sắt, anh cần được đuổi chẵn.

CHƯƠNG 5

Thứ Hai ngày 2 tháng Năm 2005

Các tờ báo địa phương lập tức công bố trên trang web của mình tin tức về cụ già đã bốc hơi trong ngày sinh nhật trăm tuổi. Vì phóng viên báo vốn khát tin tức thực sự của huyện nhà nên đã thông thêm một câu về việc không loại trừ khả năng đây là một vụ bắt cóc. Theo các nhân chứng, cụ già trăm tuổi vẫn minh mẫn và hầu như không thể bị lạc.

Biến mất vào ngày sinh nhật trăm tuổi là một điều gì đó đặc biệt. Kênh phát thanh địa phương ngay lập tức đưa tin sau tờ báo địa phương, rồi đến đài phát thanh quốc gia, truyền hình, các trang web của báo chí trên toàn quốc và bản tin chiều, tin tối trên truyền hình.

Cảnh sát Flen không dám làm gì khác hơn là chuyển vụ này lên đội hình sự tỉnh, đội này cử hai xe cảnh sát với các nhân viên cảnh sát mặc đồng phục và Chánh Thanh tra Aronsson không mặc đồng phục. Chưa kể các đội săn tin khác nhau giúp tìm kiếm tất cả các góc ngách trong khu vực. Sự hiện diện đông đảo của các phương tiện truyền thông khiến cho tỉnh trưởng cảnh sát có lí do để đích thân dẫn đầu cuộc điều tra và chắc sẽ được ghi hình trong suốt quá trình công tác.

Ban đầu, công việc của cảnh sát là chạy xe cảnh sát điếu qua điếu lại khắp thành phố, trong khi thám tử thẩm vấn mọi người ở Nhà Già. Tuy nhiên, ngài thị trưởng đã về nhà ở Flen và tắt hết các máy điện thoại.

Theo ngài thì dính dáng đến sự mất tích của một ông già vô ơn sẽ chẳng có gì hay ho cả.

Bao nhiêu lời bàn ra tán vào: đủ thứ, từ chuyện người ta đã thấy cụ Allan đạp xe ở Katrineholm đến chuyện cụ đã xếp hàng

và cư xử tồi tệ ở hiệu thuốc tại Nyköping. Nhưng tất cả những chuyện như thế và các quan sát tương tự chẳng bao lâu đã bị gạt bỏ vì nhiều lí do. Ví dụ, cụ không thể ở Katrineholm trong khi có bằng chứng cho thấy cụ đang ăn trưa trong phòng mình tại Nhà Già ở Malmköping.

Trưởng công an tỉnh đã tổ chức các nhóm tìm kiếm với sự giúp đỡ của một trăm tình nguyện viên trong khu vực, và hết sức kinh ngạc vì không có kết quả gì hết. Cho đến giờ, ông định ninh rằng đây chỉ là vụ đi lạc của một cụ già lầm cẩm, bất chấp mọi tuyên bố của các nhân chứng về sự minh mẫn của cụ già. Thế là cuộc điều tra bị giẫm chân tại chỗ, cho đến khi chó nghiệp vụ được gửi đến từ Eskilstuna vào lúc bảy rưỡi tối. Con chó đánh hơi một lúc ở cái ghế tựa của cụ Allan và dấu chân trong đám hoa păngxê bên ngoài cửa sổ rồi chạy về phía công viên, đi ra cổng bên kia, băng qua đường, vào khu nhà thờ trung cổ, vượt qua bức tường đá và không ngừng lại cho đến khi tới ngoài phòng chờ của Trung tâm Du lịch Malmköping.

Cửa phòng chờ bị khóa. Một viên chức của công ty giao thông huyện Flen báo với cảnh sát là Trung tâm Du lịch khóa cửa lúc 19 giờ 30 vào các ngày thường, khi đồng nghiệp ở Malmköping kết thúc ngày làm việc. Nhưng, viên chức nọ nói thêm, nếu cảnh sát không thể đợi đến ngày hôm sau thì họ có thể đến tận nhà vị đồng nghiệp nói trên ở Malmköping. Tên anh ta là Ronny Hulth và chắc chắn có trong danh bạ điện thoại.

Trong khi trưởng công an tỉnh đứng trước ống kính máy quay bên ngoài Nhà Già và thông báo rằng họ cần quần chúng giúp đỡ để các nhóm tìm kiếm tiếp tục suốt chiều và đêm nay vì cụ già trăm tuổi ăn mặc rất phong phanh và có lẽ bị lẫn lộn, chánh thanh tra Göran Aronsson đi đến nhà Ronny Hulth và nhấn chuông cửa.

Con chó đã chỉ rõ rằng cụ già đã đi vào phòng chờ tại Trung tâm Du lịch, và ông Hulth có mặt tại phòng vé có thể nói liệu cụ già có lấy xe buýt đi khỏi Malmköping hay không.

Tuy nhiên, Ronny Hulth không mở cửa. Anh ta ngồi trong phòng ngủ của mình với băng bịt mắt, ôm con mèo cưng của mình.

- Biến đi! - Ronny Hulth thì thào về phía cửa ra vào. - Biến đi! Cút đi!

Và cuối cùng, Chánh Thanh tra đã làm đúng như thế. Một phần, ông cũng nghĩ như sắp mình, là cụ già đang lang thang chỗ nào đó trong vùng, phần khác ông nghĩ rằng nếu cụ ta lên được xe buýt, thì chắc cũng tự lo được cho bản thân. Rằng Hulth Ronny có lẽ đang ở chỗ bạn gái. Để sáng mai tối kiếm anh ta tại nơi làm việc cũng được. Nếu lúc đó mà ông lão còn chưa xuất hiện.

o o o

Vào lúc 21 giờ 02, trung tâm cảnh sát giao thông ở Eskilstunanhận được một cuộc gọi:

- Báo cáo các anh, tôi tên là Bertil Karlgren và tôi đang gọi điện thoại... Tôi đang gọi điện thoại thay mặt vợ tôi, đúng thế ạ. À, vâng, dù sao thì, vợ tôi, Gerda Karlgren, đã ở Flen vài hôm, đến thăm con gái của chúng tôi và chồng con bé. Hai đứa sắp có em bé và thế thì... chắc chắn là có rất nhiều việc phải làm. Nhưng dù sao hôm nay cũng đến lúc phải về nhà và cô ấy... tôi định nói là Gerda ấy ạ, Gerda bắt xe buýt đầu buổi chiều về nhà, vâng, báo cáo anh đúng là ngày hôm nay đấy ạ, và xe buýt đi qua Malmköping, chúng tôi sống ở đây ở Strängnäs... Vâng, chuyện này có thể không liên quan gì, vợ tôi cũng nghĩ như thế, nhưng chúng tôi nghe trên đài phát thanh về một cụ già trăm tuổi bị mất tích. Các anh đã tìm thấy cụ chưa? Chưa ạ? Dù sao, vợ tôi nói rằng có một ông cụ già lụ khụ đã lên xe buýt ở Malmköping và cụ đã có một cái

vali lớn như là định đi xa lắm. Vợ tôi ngồi ở phía sau và cụ già ngồi phía trước vì vậy cô ấy không nhìn thấy rõ lắm và cũng không nghe được những gì ông cụ và người lái xe nói chuyện với nhau.

- Em nói gì hả Gerda? À vâng, Gerda nói là dù sao cô ấy cũng không phải là loại người nghe lỏm chuyện người khác... nhưng dù thế nào thì cái ông cụ kì quặc... vâng, kì quặc hoặc là... rất già đó cũng chỉ đi nửa đường đến Strängnäs. Cụ ấy chỉ đi một đoạn đường ngắn với cái vali to tướng của mình. Và trông cụ thì già khủng khiếp, chắc chắn là già lắm. Tuy nhiên Gerda không biết trạm dừng xe bus ấy tên là gì, nó kiểu như là ở giữa rừng... nửa đường đi đâu đó. Ở giữa Malmköping và Strängnäs.

Cuộc điện thoại được ghi âm, bóc băng và gửi fax đến khách sạn của chánh thanh tra ở Malmköping.

CHƯƠNG 6

Thứ Hai ngày 2 Tháng Năm - Thứ Ba ngày 3 tháng Năm năm 2005

Vali đầy ắp các cọc tiền năm trăm crown. Julius nhắm tính rất nhanh trong đầu. Mười hàng ngang, năm cột dọc. Mười lăm cọc tiền, mỗi cọc năm mươi nghìn nhân lên với...

- Ba mươi bảy triệu rưỡi nếu tôi tính đúng, - Julius nói.

- Chà, một món khá cho con heo đất của anh đấy, - Allan bảo.

- Thả tao ra, đồ khốn kiếp, - gã thanh niên hét lên từ bên trong phòng đông lạnh.

Gã tiếp tục nổi điên trong đó, gào thét, đập và hét lên lần nữa. Allan và Julius đang cần trấn tĩnh lại trước sự khám phá đáng kinh ngạc này, nhưng họ không thể làm nổi với tiếng ồn ào đó. Cuối cùng, cụ Allan nghĩ rằng đến lúc phải làm nguội gã thanh niên xuống một chút, vì vậy cụ bật chiếc quạt trong phòng đông lạnh.

Chỉ mất vài giây, gã thanh niên đã thấy tình hình của mình trở nên tồi tệ hơn. Gã lắng xuống để cố gắng suy nghĩ cho rành mạch. Ngày thường thì nghĩ rõ ràng đã không dễ dàng với gã, huống chi bây giờ gã lại đang đau đầu dữ dội.

Sau một vài phút cân nhắc, ít nhất gã đã quyết định rằng mình sẽ không đe dọa hoặc giãy đạp để thoát ra.

Cách còn lại là kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài. Cách còn lại là gọi cho ông chủ. Đó là một ý nghĩ khủng khiếp. Tuy nhiên, nếu không thì thậm chí còn tồi tệ hơn.

Gã thanh niên do dự một hai phút, trong cái lạnh thấu xương. Cuối cùng, gã rút điện thoại di động của mình ra.

Không có tín hiệu.

Qua một đêm đến sáng. Allan mở mắt nhưng không nhận ra bất cứ cái gì. Rốt cục thì cụ đã ra đi và chết trong giấc ngủ cuối cùng của mình sao?

Một giọng đàn ông tươi tỉnh chúc cụ một buổi sáng tốt lành và thông báo với cụ rằng có hai tin, một tốt và một xấu. Cụ Allan muốn nghe tin nào trước?

Trước hết, Allan muốn biết cụ đang ở đâu và tại sao. Đầu gối cụ đau nhức, tức là cụ vẫn còn sống, bất chấp tất cả mọi thứ. Nhưng mà cụ đã... và có phải cụ đã lấy... và... có phải anh ta là Julius không?

Các mảnh vỡ khớp lại, Allan đã tỉnh táo. Cụ đang nằm trên một tấm nệm trên sàn phòng ngủ của Julius. Julius đang đứng mở cửa sảnh chính và lặp lại câu hỏi của mình. - Cụ Allan muốn nghe tin tốt hay tin xấu trước?

- Tin tốt, - cụ Allan nói. - Anh có thể bỏ qua tin tức xấu.

OK, Julius nghĩ và nói với cụ tin tốt rằng bữa ăn sáng đã được dọn ra trong nhà bếp. Có cà phê, bánh mì sandwich với thịt nai nguội và trứng từ hàng xóm.

Cứ nghĩ rằng cụ Allan lại sắp có một bữa sáng nữa trong đời mà không phải húp cháo! Đó là tin tốt thực sự. Khi ngồi xuống bàn ăn, cụ cảm thấy mình đã sẵn sàng để nghe tin xấu dù nó thế nào.

- Tin xấu, - Julius cho biết, và hạ thấp giọng một chút. - Tin xấu là đêm qua khi nổi cơn tức giận chính đáng, chúng ta đã quên tắt quạt trong phòng đông lạnh.

- Thì sao? - Cụ Allan hỏi.

- Và... gã ở bên trong chắc bây giờ đã chết cứng.

Với một cái nhìn lo lắng, cụ Allan gãi gãi cổ trong lúc nghĩ xem có nên để sự bất cẩn này làm hỏng cả ngày không.

- Ôi trời, - cụ nói. - Phải nói rằng anh làm món trứng rất vừa phải, không quá cứng mà cũng không quá lỏng.

o o o

Chánh Thanh tra Aronsson thức giấc vào khoảng 8 giờ sáng trong tâm trạng tồi tệ. Một ông lão đi lạc, vô tình hay cố ý, không xứng là một vụ cho người tầm cỡ như Chánh Thanh tra.

Aronsson tắm rửa, mặc quần áo và xuống ăn sáng ở tầng trệt khách sạn Plevna. Trên đường đi, ngài gặp nhân viên tiếp tân đưa cho tờ fax, nó được gửi tới tối hôm qua, ngay sau khi lễ tân vừa đóng cửa.

Một giờ sau đó, Chánh Thanh tra nhìn vụ này dưới một ánh sáng khác. Giá trị của bức fax từ trung tâm truyền thông quốc gia ban đầu chưa rõ, nhưng rồi Aronsson gặp anh chàng Hulth Ronny nhợt nhạt tại phòng bán vé ở nhà ga, vài phút sau, Hulth vỗ òa và kể với Aronsson những gì mình đã trải qua.

Ngay sau đó, một cú điện thoại từ Eskilstuna thông báo rằng công ty xe buýt Flen đã phát hiện ra họ có một xe buýt bị mất tích tối qua, và Aronsson nên gọi điện cho cô Jessica Björkman, bạn gái sống chung với tài xế xe buýt, người hiển nhiên đã bị bắt cóc nhưng rồi được thả.

Chánh Thanh tra Aronsson trở lại khách sạn Plevna làm một tách cà phê và đối chiếu tất cả các thông tin mới thu thập được với nhau. Ông đã viết bản nhận xét như sau:

Một cụ già, Allan Karlsson, đã Vắng Mặt Không Lí Do ở phòng của mình tại Nhà Già ngay trước khi sinh nhật thứ một trăm của cụ được tổ chức trong phòng khách. Karlsson đã hoặc đang ở tình trạng đặc biệt tốt so với tuổi của mình, có nhiều dấu

hiệu cho thấy điều đó, bắt đầu từ thực tế đơn giản về thể chất, cụ có thể tự mình trèo qua cửa sổ, tất nhiên trừ khi cụ có sự giúp đỡ từ bên ngoài, nhưng những quan sát sau đó cho thấy rằng cụ đã hành động một mình.

Hơn nữa, người quản lí, Xơ Alice Englund đã làm chứng rằng “Allan quả thực rất già, nhưng cụ tình quái khủng khiếp và cũng biết cực kì chính xác những gì mình đang làm.”

Chó nghiệp vụ đã chỉ ra rằng cụ Karlsson, sau khi đứng và dầm nát đám hoa păngxê một lúc, đã đi qua các khu ở Malmköping và cuối cùng vào phòng chờ tại Trung tâm Du lịch, nơi cụ, theo nhân chứng Ronny Hulth, đã đi thẳng đến cửa bán vé của Hulth, hay đúng hơn là lê bước đến, Hulth để ý các bước đi ngắn của cụ Karlsson - và rằng cụ Karlsson đã mang dép đi trong nhà, không giày.

Hulth còn khai thêm rằng cụ Karlsson đang trên đường chạy trốn, chứ không có điểm đến nào. Cụ Karlsson muốn đi khỏi Malmköping càng nhanh càng tốt, đi đâu và bằng phương tiện gì có vẻ không quan trọng bằng.

Điều đó tình cờ cũng được cô Jessica Björkman, bạn gái sống chung với tài xế xe buýt Lennart Ramnér, xác nhận. Tài xế xe buýt chưa được thẩm vấn vì đã uống quá nhiều thuốc ngủ. Nhưng lời khai của Björkman có vẻ đúng. Cụ Karlsson đã mua vé từ Ramnér với một khoản tiền nhất định. Điểm đến này hóa ra là ga Byringe. Hoàn toàn tình cờ. Như vậy, không có lý do gì để tin rằng bất cứ ai hay bất cứ điều gì đang chờ đợi cụ Karlsson ở đó.

Câu chuyện tuy nhiên có một chi tiết nữa. Tất nhiên, người bán vé đã không để ý liệu cụ Karlsson có lấy một cái vali hay không trước khi leo lên xe đi Byringe, nhưng chẳng bao lâu tình huống trở nên rõ ràng với anh ta, căn cứ vào hành vi bạo

lực của một gã có lẽ là thành viên của tổ chức tội phạm Never Again.

Trong câu chuyện mà Jessica Björkman nghe được từ người bạn trai đang bị ngấm thuốc của mình thì không có vali, nhưng fax từ Trung tâm Truyền thông xác nhận rằng cụ Karlsson - rất có thể - đã đánh cắp chiếc vali từ thành viên của Never Again. Phần còn lại trong câu chuyện của Björkman, kết hợp với fax từ Eskilstuna, cho chúng tôi thấy rằng đầu tiên là Karlsson, vào lúc 15 giờ 20, sai lệch chừng vài phút, rồi đến thành viên Never Again, khoảng bốn tiếng sau đó, đã xuống xe tại ga Byringe trước khi đi về một địa điểm không rõ. Người được nhắc tên đầu tiên là một cụ già trăm tuổi, kéo một cái vali, người được nhắc tên sau trẻ hơn chừng bảy mươi đến bảy mươi lăm tuổi.

Chánh Thanh tra Aronsson gấp máy tính xách tay của mình lại và uống nốt cốc cà phê. Lúc này là 10 giờ 25.

- Điểm dừng tiếp theo, ga Byringe.

o o o

Trong bữa sáng, Julius kể với Allan mình đã làm và nghĩ tới những thứ gì vào lúc tảng sáng, khi cụ vẫn còn ngủ.

Đầu tiên là tai nạn với phòng đông lạnh. Khi Julius nhận ra nhiệt độ của phòng xuống tới âm độ ít nhất suốt mười tiếng từ buổi tối và cả đêm qua, ông lấy cái xà beng làm vũ khí phòng xa và mở cửa. Nếu vẫn còn sống, gã trai sẽ chẳng đủ tỉnh táo để nhóm dậy đánh nhau với Julius và cái xà beng của ông.

Tuy nhiên, cẩn thận với cái đòn bẩy là không cần thiết. Gã trai ngồi co quắp trên cái rương rỗng của mình. Người gã đóng băng và đôi mắt lạnh lùng nhìn chằm chằm vô định. Tóm lại là đã chết như một nai rừng bị xẻ thịt.

Julius thấy tội nghiệp, nhưng thế cũng khá tiện. Họ sẽ không thể thả gã đầu gấu này ra dễ dàng. Julius tắt quạt và mở cửa phòng ra. Gã thanh niên đã chết rét, nhưng gã không cần phải đông cứng làm gì.

Julius nhóm lò trong nhà bếp để sưởi ấm, và kiểm tra xem có bao nhiêu tiền. Nó không phải ba mươi bảy triệu như ông đã vội vã ước tính tối qua. Chính xác đó là năm mươi triệu.

Cụ Allan chăm chú nghe Julius kể trong lúc chén bữa sáng của mình với vẻ khoái khẩu lâu lắm rồi mới có. Cụ chẳng nói gì cho đến khi Julius nhắc tới món tiền.

- Ờ, năm mươi triệu thực sự là dễ cửa đôi hơn. Sòng phẳng. Anh làm ơn đưa cho tôi mượn lọ muối?

Julius làm theo lời cụ Allan, miệng nói nếu cần ông có thể chia ba mươi bảy thành hai phần bằng nhau, nhưng đúng là năm mươi thì dễ chia hơn. Rồi Julius trở nên nghiêm túc. Ông ngồi xuống bàn ăn, đối diện cụ Allan, nói rằng đây là lúc tốt nhất để rời nhà ga bỏ hoang này. Gã trai trong phòng đông lạnh không còn gây phiền hà gì nữa, nhưng ai biết được dọc đường đến đây gã đã đánh động kiểu gì? Bất cứ lúc nào cũng có thể có mười gã thanh niên khác đứng đó la hét trong nhà bếp, tức giận chẳng kém gì cái gã bây giờ không còn la hét được nữa.

Cụ Allan đồng ý, nhưng nhắc nhở Julius rằng cụ đã đạt đến một độ tuổi kha khá và không còn dễ di chuyển như xưa. Julius hứa thế thì sẽ gắng hết sức để tránh phải đi bộ nhiều. Nhưng từ đây thì họ phải đi bộ. Và tốt nhất là mang gã trai trong phòng đông lạnh đi theo. Hai ông già sẽ chẳng hay ho gì nếu người ta tìm thấy một cái xác trong dấu vết họ để lại.

Ăn sáng đã xong, đến lúc lên đường. Julius và cụ Allan hò nhau vắn cái xác ra khỏi phòng đông lạnh, mang vào nhà bếp, để gã lên một cái ghế trong khi lấy sức cho bước tiếp theo.

Cụ Allan nhìn gã trai từ đầu đến chân, rồi nói:

- Thằng cu này to xác mà chân nhỏ nhẻ. Nó chẳng cần dùng đến giày nữa, phải không?

Julius đáp buổi sáng bên ngoài trời rất lạnh, có nguy cơ là ngón chân cụ Allan sẽ còn tê buốt hơn cả chân gã trai. Nếu thấy đôi giày của gã vừa thì cụ cứ lấy đi. Gã trai không phản đối tức là đồng ý rồi.

Đôi giày hơi rộng với cụ Allan, nhưng để chạy trốn thì nó chắc chắn và tốt hơn nhiều so với đôi dép đi trong nhà cũ mòn.

Bước tiếp theo là đẩy gã trai vào sảnh và vằn xuống cầu thang. Khi cả ba đã xuống thềm, hai người đứng và một nằm, cụ Allan tự hỏi sau đó Julius định thế nào.

Cụ cứ ở yên đấy, Julius nói với cụ Allan. Cả chú mày nữa, ông nói với gã trai, và nhảy xuống khỏi bậc thềm, đi vào nhà kho ở cuối đường tránh tàu duy nhất của ga.

Lát sau, Julius lăn ra khỏi nhà kho trên một xe goòng kiểm tra đường ray.

- Đồ cũ từ năm 1954, - ông nói. - Rước cụ lên nào.

Julius ở phía trước, đập cái pêđan nặng, Allan chỉ đứng sau để bàn chân mình hờ trên bàn đạp, cái xác ngồi thẳng đơ trên ghế bên phải với mái tóc chải dựng lên bằng bàn chải và cặp kính râm che đôi mắt mở trừng trừng.

Lúc đó là 10 giờ 55, khi cả nhóm lên đường. Ba phút sau, một chiếc Volvo màu xanh đậm xịch đến ga Byringe cũ. Chánh Thanh tra Göran Aronsson bước ra khỏi xe.

Tòa nhà rõ ràng là bị bỏ hoang, nhưng nhìn kĩ hơn cũng chẳng hại gì trước khi ông đến gõ cửa làng Byringe.

Aronsson thận trọng bước lên bậc thềm, trông nó có vẻ không chắc chắn lắm. Ông mở cửa, gọi to: “Có ai ở nhà không?” Không ai trả lời, ông lên cầu thang đến tầng một. Chà, hóa ra tòa nhà dường như có người ở. Than hồng rực trong lò nhà bếp, trên bàn là đồ ăn sáng cho hai người, đã ăn gần hết.

Và trên sàn nhà có một đôi dép đi trong nhà cũ mòn.

o o o

Never Again có danh nghĩa là một câu lạc bộ xe máy, nhưng thực ra nó là một nhóm thanh niên tội phạm do một gã trung niên “đầu gấu” hơn cả làm trùm sò, tất cả đều muốn tiếp tục ngón nghề phạm pháp.

Sếp của nhóm tên là Per-Gunnar Gerdin nhưng không ai dám gọi gã bằng gì khác ngoài “Ông Chủ” vì chính Ông Chủ quyết định như vậy, và Ông Chủ cao gần hai mét, nặng 230 kilô, sẵn sàng phi dao vào bất kì kẻ nào dám chống đối.

Ông Chủ bắt đầu sự nghiệp tội phạm của mình một cách khá thận trọng. Cùng với một tay bạn làm ăn bằng tuổi, hắn nhập khẩu trái cây và rau quả đến Thụy Điển và luôn gian lận về nước xuất xứ để trốn thuế nhà nước và được người tiêu dùng trả giá cao hơn.

Bạn của Ông Chủ chẳng có gì sai, ngoại trừ lương tâm của tên này không đủ lớn. Ông Chủ muốn làm những thứ nặng đô như trộn formalin vào thực phẩm. Nghe nói ở một số vùng của châu Á người ta đã làm thế, và Ông Chủ có ý tưởng nhập khẩu thịt viên vào Thụy Điển từ Philippines, giá rẻ và bằng đường biển, bởi vì thịt viên trộn formalin đủ liều lượng sẽ giữ tươi trong vòng ba tháng nếu cần, ngay cả ở 30 độ C.

Giá bán sẽ rất rẻ đến mức không cần phải gọi chúng là thịt viên Thụy Điển thì mới có lãi. Đan Mạch cũng được rồi, Ông

Chủ nghĩ, nhưng bạn làm ăn của hắn không muốn theo. Theo quan điểm của tên đó, formalin thì OK để ướp xác chết, chứ không phải ướp tươi vĩnh cửu cho thịt viên.

Vì vậy, hai người ai đi đường nấy và vụ thịt viên formalin diễn ra trôi chảy theo ý của Ông Chủ. Rồi hắn phát hiện ra rằng mình có thể kéo mũ trùm đầu và cướp đối thủ cạnh tranh ráo riết của mình là Công ty Nhập khẩu trái cây Stockholm vào đúng ngày doanh thu cao của họ.

Lăm lăm con dao rựa và giận dữ rống lên “Đưa tao tiền mặt hoặc...”, trong nháy mắt hắn đã có thêm bốn mươi nghìn crown. Tại sao phải tiếp tục hành xác với việc nhập khẩu khi có thể kiếm tiền ngon lành mà hầu như không phải làm gì cả?

Và hắn tiếp tục theo cách đó. Hầu như luôn trót lọt. Trong gần hai mươi năm hành nghề cướp, hắn chỉ bắt đắc dĩ có vài ngày nghỉ ngắn.

Tuy nhiên, sau hai mươi năm, Ông Chủ nghĩ đã đến lúc phải bắt đầu nghĩ chuyện lớn hơn. Hắn có hai trợ thủ rất trẻ, đầu tiên là đặt cho mỗi đứa một biệt hiệu ngu ngốc phù hợp (một đứa là Ốc Vít, và đứa kia là Thùng Gỗ) và sau đó chúng thực hiện hai vụ cướp xe vàng thành công.

Tuy nhiên, vụ cướp xe chuyển vàng thứ ba đã kết thúc với bốn năm rưỡi biệt giam cho cả ba người.

Đấy là lúc Ông Chủ nảy ra ý tưởng về Never Again, và có những kế hoạch táo bạo. Giai đoạn đầu tiên, câu lạc bộ sẽ bao gồm khoảng năm mươi thành viên, được chia thành ba chỉ nhánh hoạt động: ‘cướp’, ‘ma túy’ và ‘tống tiền’. Cái tên Never Again phản ánh tầm nhìn của Ông Chủ trong việc tạo ra một tổ chức tội phạm chuyên nghiệp và chặt chẽ đến mức chúng sẽ không bao giờ phải quay lại ngồi trong bất kì nhà tù song sắt nào.

Never Again sẽ là Real Madrid của xã hội đen có tổ chức (Ông Chủ thích bóng đá).

Ban đầu, quá trình tuyển dụng trong nhà tù rất trôi chảy. Nhưng sau đó một bức thư của mẹ Ông Chủ gửi cho hắn bị thất lạc trong tù. Trong thư, mẹ hắn đã viết rằng Per-Gunnar bé bỏng đừng kết giao với những bạn xấu trong tù, nên cẩn thận với cái amidan nhạy cảm của mình và bà rất ao ước lại được chơi game Đảo giấu vàng với con trai khi nó được thả.

Sau đó, Ông Chủ đã loại bỏ một cặp người Tiệp Khắc trong đường dây ăn trưa và nổi cơn thịnh nộ, nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Quyền lực của hắn đã bị tổn hại. Trong số ba mươi quân tuyển dụng được thì hai mươi bảy bỏ. Ngoài Ốc Vít và Thùng Gối, chỉ có một gã người Venezuela tên là José Maria Rodriguez ở lại, lý do là gã thầm yêu Ông Chủ thì ông không bao giờ bao giờ dám nói với ai, ngay cả bản thân mình.

Gã người Venezuela được gọi là Caracas, lấy tên thủ đô quê hương gã. Cho dù dọa nạt và chửi bới bao nhiêu trong tù, Ông Chủ cũng không nhận thêm được thành viên mới nào cho câu lạc bộ của mình. Đến một ngày, ông và ba trợ thủ đều được thả.

Ban đầu, Ông Chủ định dẹp bỏ ý tưởng về Never Again, nhưng Caracas quen một gã người Columbia lương tâm rộng rãi và bạn bè mờ ám, và một hồi sau, Thụy Điển (thông qua Never Again) đã trở thành nước trung chuyển cho Đông Âu để phân phối ma túy Columbia. Các phi vụ ngày càng lớn hơn, không cần mà cũng không có người để kích hoạt hai chi nhánh ‘cướp’ và ‘tống tiền’ nữa.

o o o

Ông Chủ bắt đầu họp Hội đồng Chiến sự ở Stockholm với Thùng Gối và Caracas. Chuyện gì đó đã xảy ra với Ốc Vít, thằng ngốc vụng về được tin cậy trao nhiệm vụ thực hiện giao dịch lớn

nhất cho đến nay của câu lạc bộ. Ông Chủ đã liên lạc với bên Nga vào buổi sáng và họ thề rằng họ đã nhận hàng và giao tiền. Nếu sau đó gã chuyển tiền của Never Again mang vali bỏ trốn thì đó không phải là vấn đề của bên Nga. Nhưng nếu Never Again muốn nhờ họ nhảy múa cầu an cho vụ này thì bên Nga sẽ không từ chối. Nếu cần họ chắc chắn cũng khiêu vũ được. Waltz hay là điệu Mazurka.

Ông Chủ tạm thời giả định rằng người Nga đã nói sự thật (ngoài ra, khá chắc chắn rằng họ nhảy đẹp hơn mình). Hay là Ốc Vít dám bỏ trốn với chỗ tiền, không, hẳn bác bỏ ý tưởng đó, Ốc Vít quá ngu ngốc để làm thế. Hay là quá khôn ngoan, muốn nhìn kiểu nào cũng được.

Khả năng còn lại là ai đó đã biết về vụ giao dịch, chờ đợi đúng thời điểm thích hợp ở Malmköping hoặc trên đường Ốc Vít trở lại Stockholm, hạ thủ Ốc Vít và chiếm lấy cái vali.

Nhưng ai? Ông Chủ ném câu hỏi ra Hội đồng chiến sự và không nhận được câu trả lời nào. Ông Chủ không ngạc nhiên, từ lâu hẳn đã biết rằng tay sai của mình là một lũ ngu, cả ba đứa.

Nhưng dù sao, Ông Chủ đã ra lệnh cho Thùng Gỗ vào cuộc, vì nghĩ rằng Thùng Gỗ còn đờ ngu hơn Caracas. Thằng ngu Thùng Gỗ sẽ có một cơ may hơn để tìm kiếm thằng ngu Ốc Vít, và cả cái vali tiền.

- Thùng Gỗ, mày xuống Malmköping thăm thú xung quanh một tí đi. Nhớ mặc quần áo thường vì hôm nay có rất nhiều cớm đấy. Có lão già trăm tuổi nào đó mất tích.

o o o

Julius, cụ Allan và cái thầy ma lăn bánh qua những khu rừng Södermanland. Ở Vidkär, họ suýt gặp một nông dân mà Julius

không biết tên. Bác ta đang kiểm tra cây trồng của mình khi bộ ba lướt qua trên chiếc xe goòng.

- Chào bác, - Julius nói.

- Thời tiết đẹp nhỉ, - cụ Allan nói.

Cái xác và bác nông dân chẳng nói gì. Nhưng bác ta nhìn theo bộ ba một lúc lâu khi họ đi tiếp.

Chiếc xe goòng càng tiến đến gần làng đức Aker, Julius càng trở nên lo lắng hơn. Ông đã tưởng trên đường đi họ sẽ qua vài cái hồ và có thể quăng cái xác xuống đó. Nhưng chẳng có cái hồ nào. Và trước khi Julius có thời gian nghĩ ra giải pháp thì xe goòng đã lặn vào xưởng đức của huyện. Julius phanh xe lại đúng lúc. Cái xác đổ về phía trước, đập trán lên một tay nắm bằng sắt.

- Đau lắm đấy, nếu ở hoàn cảnh khác đi tí chút, - cụ Allan bảo.

- Chết cũng có lắm cái lợi, - Julius đáp.

Julius tụt khỏi xe goòng, đi vòng ra sau một cây bạch dương để quan sát khu công nghiệp. Những cánh cửa lớn đi vào các phân xưởng mở toang, nhưng cả khu có vẻ vắng tanh. Julius nhìn vào đồng hồ mình. 12 giờ 10. Giờ ăn trưa, ông nhận ra trong khi thấy một cái container lớn. Julius thông báo ý định đi trinh sát một chút. Cụ Allan chúc Julius may mắn và xin ông đừng đi lạc.

Có rất ít nguy cơ đó, vì Julius chỉ đi bộ 30 mét ra chỗ cái container. Rồi ông leo vào trong và biến mất khỏi tầm nhìn của cụ Allan chừng hơn một phút. Sau đó ông lại chui ra. Khi trở lại chỗ xe goòng, Julius tuyên bố rằng mình biết phải làm gì với cái xác rồi.

Cái container đã đầy một nửa với các ống xilanh đủ loại, đường kính ít nhất một mét và dài ba mét, mỗi cái đều có hộp gỗ bảo vệ, với nắp ở cạnh ngắn. Cọ Allan hoàn toàn kiệt sức khi cái xác nặng trĩu cuối cùng cũng được nhét vào ruột của một trong hai cái xilanh trong cùng. Nhưng khi đóng cái nắp gỗ và nhìn thấy nhãn địa chỉ, cọ lại hoạt bát hẳn lên.

Addis Ababa.

- Cọ cậu có thể nhìn ra thế giới nếu không nhắm mắt lại, - cọ Allan bảo.

- Nhanh lên, bố già, - Julius đáp. - Chúng ta không dừng ở đây được.

Mọi chuyện diễn ra tốt đẹp, hai ông già trở lại dưới đám cây bạch dương trước khi giờ nghỉ ăn trưa kết thúc. Họ ngồi trên xe goòng nghỉ ngơi, và chẳng bao lâu, khu phân xưởng bắt đầu hoạt động náo nhiệt. Một tài xế xe tải đổ đầy thêm cái container. Rồi bác ta đóng và khóa nó lại, lấy ra một container mới và tiếp tục đổ đầy.

Cọ Allan thắc mắc thực ra họ sản xuất cái gì ở đó. Julius biết rằng đó là một nghề truyền thống, từ thế kỉ 17, họ đã đúc và cung cấp các khẩu pháo cho những người muốn tàn sát hiệu quả hơn trong cuộc Chiến tranh Ba mươi năm.

Cọ Allan nghĩ những người ở thế kỉ 17 cần gì phải giết nhau. Cứ sống dễ dàng hơn thì đằng nào cuối cùng họ cũng chết hết. Julius đáp cọ có thể nói tương tự như thế về tất cả các kỉ nguyên, rồi tiếp tục thông báo rằng giờ nghỉ đã hết và họ đang thiếu thời gian. Kế hoạch đơn giản của Julius là hai người sẽ đi bộ một đoạn ngắn vào khu trung tâm của Aker và đến đó sẽ ra một quyết định sáng suốt.

o o o

Chánh Thanh tra Aronsson băng qua tòa nhà ga Byrtinge cũ mà chẳng tìm thấy bất cứ cái gì đáng quan tâm, trừ một đôi dép đi trong nhà có thể là của ông già Trăm tuổi. Ông sẽ mang nó theo để đưa cho các nhân viên tại Nhà Già.

Và, có hàng vũng nước trên sàn nhà bếp nữa, nó dẫn đến một phòng đông lạnh, đã tắt điện và cửa mở toang. Nhưng cái đó dường như không có gì đáng bận tâm.

Thay vào đó, Aronsson đi tiếp vào làng Byrtinge để gõ cửa. Có người ở trong ba ngôi nhà, và từ cả ba gia đình, ông đã được nghe rằng Jonsson Julius sống ở tầng một của nhà ga, Julius Jonsson là một tên trộm không ai muốn dây, và từ tối hôm qua đến giờ không ai đã nghe hoặc nhìn thấy bất cứ điều gì lạ. Nhưng Julius Jonsson đang làm trò lừa đảo gì đó, phải, họ nghĩ tất phải như thế.

- Tổng gã vào tù đi, - một trong những người hàng xóm giận dữ nhất yêu cầu.

- Vì lý do gì? - Chánh Thanh tra hỏi bằng giọng mệt mỏi.

- Vì gã ăn cắp trứng gà mái đẻ của tôi vào ban đêm, gã đánh cắp cái xe trượt tuyết tôi mới mua mùa đông năm ngoái rồi sơn lại và bảo là của mình, vì gã lục hòm thư của tôi khi sách được gửi đến và buộc tôi trả các hóa đơn, vì gã định bán vodka nấu lậu cho đứa con trai mười bốn tuổi của tôi, vì gã...

- OK, OK, thế là đủ. Tôi sẽ nhốt hắn sau song sắt, - Chánh Thanh tra nói. - Chỉ cần tôi tìm thấy hắn đã.

Aronsson đi được nửa đường về Malmköping thì điện thoại của ông reo. Đó là các đồng nghiệp của ông tại trung tâm truyền thông. Một nông dân tên là Tengroth ở Vidkärn vừa gọi điện thoại cung cấp một tin thú vị. Khoảng một tiếng trước hoặc lâu hơn, một tên bộm quen mặt ở huyện đã đi qua đám ruộng nhà

Tengroth trên một xe goòng trên tuyến đường sắt bỏ hoang giữa Byringe và Aker Foundry. Trên xe, bác nhìn thấy một cụ già, một chiếc vali lớn và một người đàn ông trẻ đeo kính mát. Người đàn ông trẻ tuổi dường như đang lái, theo bác nông dân Tengroth. Mặc dù anh ta không đi giày...

- Giờ thì tôi chẳng hiểu cái quái gì đang xảy ra, - Chánh Thanh tra Aronsson nói và quay xe lại với tốc độ khiến đôi dép đi trong nhà trên ghế hành khách rơi xuống sàn.

o o o

Được một vài trăm mét, tốc độ đi bộ của cụ Allan vốn chậm lại còn chậm hơn. Cụ không phàn nàn, nhưng Julius có thể thấy rằng đầu gối của cụ bắt đầu có vấn đề. Xa hơn tí nữa, ông nhìn thấy một quầy bánh mì kẹp. Julius hứa với cụ Allan rằng nếu cụ chỉ gắng sức xa chút nữa đến quầy, thì Julius sẽ khao cụ một chầu bánh mì kẹp xúc xích thỏa thích, và sau đó họ sẽ thu xếp một cách vận chuyển nào đó. Cụ Allan đáp trong đời cụ không bao giờ phàn nàn vì một chút khó chịu, và bây giờ cụ cũng không làm thế, nhưng một cái bánh mì kẹp thì rất hợp với cụ.

Julius bước đi vội vã, cụ Allan loạng choạng theo sau. Khi cụ tới nơi, Julius đã ăn được một nửa cái bánh của mình. Một cái nướng ngon tuyệt. Và ông còn làm nhiều hơn thế.

- Cụ Allan, - ông nói, - cụ đến đây gặp Benny đi. Anh ấy là tài xế riêng của chúng ta đấy.

Benny là chủ quầy bánh mì kẹp, khoảng năm mươi tuổi, vẫn còn đầy tóc, kể cả một cái bím đuôi ngựa ở phía sau. Trong khoảng hai phút, Julius đã mua được một cái bánh nóng, uống Fanta cam và mua chiếc Mercedes màu bạc năm 1988 của Benny, kể cả Benny nữa, tất cả giá 100.000 crown.

Cụ Allan nhìn người chủ quầy bánh mì kẹp vẫn đang đứng sau cửa sổ quầy.

- Chúng tôi mua cả anh, hay chỉ thuê anh thôi? - Cuối cùng cụ nói.

- Xe thì mua, còn tài xế thì thuê, - Benny đáp. - Bắt đầu là trong mười ngày, sau đó chúng ta sẽ bàn tiếp. Giá đấy gồm cả một cái bánh mì kẹp. Có thể mua chuộc cụ với một cái xúc xích Viên được không?

Không, bác ta không thể. Cụ Allan chỉ muốn một xúc xích luộc bình thường nếu được. Ngoài ra, cụ Allan nói, 100.000 cho cái xe cũ là một giá rất cao, kể cả gồm tài xế, vì vậy bây giờ, để công bằng, cụ phải được thêm một cốc sôcôla nữa.

Benny rất vui vẻ với điều đó. Bác ta đang sắp định bỏ cái kiốt này và thêm hay bớt một cốc sôcôla Pucko không làm nên khác biệt gì. Bác đang bị lỗ vốn, mở quầy bán bánh mì kẹp trong làng đức Aker là một ý tưởng dở ngay từ ban đầu.

Trên thực tế, Benny bảo với họ, thậm chí trước khi hai ông đây tình cờ may mắn xuất hiện, bác đã tính kế làm một cái gì khác với cuộc sống của mình. Nhưng tài xế riêng, chà, cái đó bác không tưởng tượng ra là mình sẽ làm.

Theo những gì người chủ quầy bánh mì vừa nói với họ, cụ Allan cho rằng Benny nên quăng một thùng đồ uống Pucko vào cốp xe. Về phần mình, Julius hứa hẹn Benny sẽ được tặng mũ dành cho tài xế riêng khi có dịp, với điều kiện bác bỏ ngay cái mũ đầu bếp quầy bánh của mình đi và bỏ lại cái quầy vì đã đến lúc họ lên đường.

Benny thấy tài xế riêng không nên tranh luận với sếp, vì vậy bác đã làm như ông nói. Chiếc mũ đầu bếp quăng vào thùng rác, đồ uống Pucko và một ít Fanta cho vào cốp xe. Nhưng

Julius muốn giữ chiếc vali trên ghế sau bên cạnh mình. Cụ Allan phải ngồi ở ghế trước, nơi cụ có thể thoải mái duỗi chân.

Thế là, người chủ quầy bánh mì kẹp (duy nhất cho đến nay) ở Aker đã ra đi, ngồi trên ghế lái xe Mercedes vài phút trước đấy còn là của mình, bây giờ được vinh dự bán cho hai quý ông đang đồng hành với Benny.

- Thế hai quý ông muốn đi đâu ạ? - Benny hỏi.
- Về phía bắc nhé? - Julius hỏi.
- Phải, được đấy, - cụ Allan đáp. - Hoặc phía nam.
- Thế thì chúng ta nói là về phía nam, - Julius nói.
- Về phía nam, - Benny nhắc lại và nhấn ga.

Mười phút sau, Chánh Thanh tra Aronsson đến Aker. Ông chỉ cần dùng mắt dõi theo đường ray là thấy ngay một xe goòng cũ vừa bỏ lại sau khi xong việc.

Tuy nhiên, kiểm tra cái xe goòng không đưa ra manh mối rõ ràng gì. Các công nhân ở phía sau xưởng đúc đang bận rộn đồ xilanh các loại vào các container. Không ai trong số họ nhìn thấy cái xe goòng tới. Tuy nhiên, họ đã thấy hai ông già đi bộ dọc con đường sau giờ nghỉ trưa, một trong hai người kéo một cái vali lớn, người kia chỉ theo sau. Họ đi về hướng trạm xăng và quầy bánh mì kẹp, nhưng sau đó họ đi đâu thì không ai biết.

Aronsson thắc mắc liệu có đúng là hai người đàn ông, chứ không phải ba? Nhưng các công nhân không hề thấy người thứ ba.

Trong lúc lái xe tới các trạm xăng và quầy bánh mì kẹp, Aronsson ngẫm nghĩ về những thông tin mới. Nhưng bây giờ thậm chí còn khó khăn hơn để lắp ráp mọi chuyện với nhau.

Đầu tiên, ông dừng lại tại quầy bánh. Ông đã hơi đói bụng nên thế cũng tiện. Nhưng tất nhiên quầy đã đóng cửa. Mở một quầy bánh mì kẹp giữa cái vùng hoang dã này thì làm ăn được gì, Aronsson nghĩ, rồi tiếp tục đến trạm xăng. Ở đó, người ta chẳng thấy gì và cũng không nghe gì cả. Nhưng ít nhất họ có thể bán cho Aronsson một cái bánh, mặc dù nó có vị của trạm xăng.

Sau bữa trưa chóng vánh, Aronsson đi đến siêu thị, cửa hàng hoa và các đại lý bất động sản. Ông dừng lại hỏi chuyện bất kì người dân nào tình cờ ra ngoài, dắt chó, đẩy xe đẩy hoặc vợ, chồng. Nhưng không ở đâu có ai nhìn thấy hai hoặc ba người đàn ông với một chiếc vali. Hành trình đơn giản là đã kết thúc đâu đó giữa các công xưởng và trạm xăng. Chánh Thanh tra Aronsson quyết định trở lại Malmköping. Ông đã có một đôi dép đi trong nhà cần được nhận dạng.

o o o

Chánh Thanh tra Göran Aronsson gọi điện cho cảnh sát trưởng của tỉnh từ xe mình và cập nhật tình hình hiện tại. Tỉnh trưởng cảnh sát rất cảm ơn vì ông sẽ có một cuộc họp báo tại khách sạn Plevna lúc 2 giờ mà đến giờ này vẫn chưa có gì để nói.

Cảnh sát trưởng vốn có khiếu diễn xuất, ông không phải loại người hay làm điệu mọi thứ xuống, nếu có thể tránh được. Và bây giờ, Chánh Thanh tra Aronsson đã tiếp tay đúng cái ông đang cần cho vở diễn hôm nay.

Thế là, cảnh sát trưởng hùng hồn trưng hết ra ở cuộc họp báo, trước khi Aronsson đủ thời gian để quay về Malmköping

ngăn ông ta lại (mà dù gì thì ông cũng không ngăn nổi.) Cảnh sát trưởng đã thông báo rằng sự mất tích của Allan Karlsson có thể là một vụ bắt cóc, đúng như trang web tờ báo địa phương đã phỏng đoán ngày hôm trước. Cảnh sát hiện nay đã có thông tin rằng Karlsson còn sống, nhưng đang nằm trong tay của xã hội đen.

Tất nhiên có rất nhiều câu hỏi, nhưng cảnh sát trưởng đã khéo léo lượn vòng quanh chúng. Tuy nhiên, ít nhất ông có thể thông báo rằng Karlsson và kẻ tình nghi bắt cóc cụ đã được nhìn thấy ở làng đúc nhỏ của Aker gần đây, vào khoảng giờ ăn trưa cùng ngày. Và ông kêu gọi người bạn thân nhất của cơ quan cảnh sát - công chúng - hãy báo cho họ bất cứ quan sát nào.

Trước sự thất vọng của tỉnh trưởng cảnh sát, nhóm truyền hình hình như đã bỏ đi. Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra nếu gã lười biếng Aronsson moi ra được các chi tiết về kẻ bắt cóc sớm hơn một chút. Tuy nhiên, hai báo lá cải quốc gia Expressen[3] và Aftonbladet[4] dù sao vẫn ở lại, cũng như báo địa phương và một phóng viên từ đài phát thanh địa phương. Ngay phía cuối phòng ăn của khách sạn còn có một người đàn ông khác mà ngày hôm trước cảnh sát trưởng không thấy. Có lẽ anh ta từ cơ quan tin tức quốc gia?

[3] Tin nhanh.

[4] Tin chiều.

Nhưng Thùng Gỗ không thuộc cơ quan tin tức nào cả mà được Ông Chủ ở Stockholm phái đến. Và hẳn bắt đầu tin rằng Ốc Vít thực sự đã chạy trốn với tất cả chỗ tiền. Và trong trường hợp đó, gã phải chết.

o o o

Khi Chánh Thanh tra Aronsson đến khách sạn Plevna, cuộc họp báo đã tan. Trên đường đi, Aronsson đã dừng lại ở Nhà Già và họ đã xác nhận đôi dép được tìm thấy đúng là của Allan Karlsson (Xơ Alice ngửi nó và gật đầu với một vẻ kinh tởm trên mặt).

Aronsson không may vấp phải tình huống cảnh sát ở tiền sảnh khách sạn và được thông báo về cuộc họp báo, nhận lệnh phải giải quyết vụ án, tốt nhất là theo cách nào không mâu thuẫn với những gì cảnh sát trưởng đã nói với báo chí trong ngày.

Sau đó, cảnh sát trưởng đi tiếp. Ông có rất nhiều việc phải làm. Ví dụ như phải khẩn cấp tìm một công tố viên để hướng dẫn vụ này.

Aronsson ngồi xuống với một tách cà phê để ngẫm nghĩ về những diễn tiến mới nhất. Trong số tất cả các khía cạnh đáng lưu tâm, Aronsson quyết định tập trung vào mối quan hệ giữa ba người đi xe goòng với nhau. Nếu Tengroth đã nhằm về Karlsson và Jonsson không chịu áp lực từ gã kia trên xe goòng, thì đó chắc chắn là một vụ bắt cóc. Đúng như cảnh sát trưởng đã xác nhận tại cuộc họp báo, điều này có thể làm lung lay lý thuyết chung là tình huống cảnh sát hiếm khi đúng. Bên cạnh đó, các nhân chứng đã nhìn thấy Karlsson và Jonsson đi bộ ở Aker - với một chiếc vali. Thế thì hai ông già, Karlsson và Jonsson, bằng cách nào đó đã khống chế được thành viên trẻ khỏe của Never Again và ném gã xuống một cái rãnh?

Khó tin, nhưng không phải là không thể. Aronsson quyết định điều động con chó cảnh sát Eskilstune một lần nữa. Con chó và người huấn luyện phải đi một chuyến dài suốt chặng đường từ đám ruộng nhà bác nông dân Tengroth đến xưởng đúc ở Aker. Ở nơi nào đó giữa đường, thành viên Never Again đã biến mất.

Karlsson và Jonsson đã bốc hơi ở đâu đó trong khoảng chưa đầy 200 mét, giữa phía sau xưởng đúc và trạm xăng. Biến mất

khỏi mặt đất mà không một linh hồn sống nào nhìn thấy bất cứ cái gì. Chỉ có một quầy bánh mì kẹp đóng cửa nằm trên tuyến đường đó.

Điện thoại di động của Aronsson reo. Là trung tâm truyền thông đã nhận được một tin mới. Lúc này cụ già trăm tuổi được nhìn thấy ở Mjölby, có thể bị bắt cóc dưới tay người đàn ông trung niên tóc đuôi ngựa, ngồi sau tay lái.

- Có kiểm tra không? - Đồng nghiệp của ông hỏi.

- Không, - Aronsson thở dài.

Kinh nghiệm nhiều năm làm Chánh Thanh tra đã dạy Aronsson phân biệt giữa tin thực tế và tin rác. Điều đó, ít nhất, là một sự an ủi khi hầu hết mọi thứ đều đang mờ mịt.

o o o

Benny dừng lại ở Mjölby để đổ xăng. Julius cẩn thận mở vali lấy ra một tờ 500 crown để trả tiền.

Rồi Julius nói muốn đuổi chân một chút, và đề nghị cụ Allan ở lại xe bảo vệ chiếc vali. Cụ Allan mệt mỏi sau một ngày vất vả, hứa sẽ không di chuyển một li.

Benny đã xong trước, vào ngồi lại sau vô lăng. Một lát sau, Julius trở lại, ra lệnh thắng tiến! Chiếc Mercedes tiếp tục cuộc hành trình về hướng nam.

Một lát sau, Julius bắt đầu sột soạt với cái gì đó ở ghế sau. Ông đưa một túi kẹo Polly đã mở sẵn cho Allan và Benny.

- Nhìn xem tôi thó được gì này, - ông nói.

Cụ Allan nhướng lông mày lên:

- Anh lấy trộm một túi kẹo trong khi chúng ta đã có năm mươi triệu trong vali?

- Các ông có năm mươi triệu trong vali ư? - Benny hỏi.

- Ồi, - cụ Allan nói.

- Không hẳn thế, - Julius đáp. - Anh đã lấy đi một trăm ngàn.

- Thêm 500 xăng, - cụ Allan bảo.

Benny im lặng trong vài giây.

- Thế thì các ông có bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm trong vali?

- Anh tính đúng rồi đấy, - cụ Allan đáp.

Sau đó, sự im lặng ngự trị một thời gian. Cho đến khi Julius nói rằng cũng nên giải thích tất cả mọi thứ cho tài xế riêng. Nếu Benny sau đó muốn phá vỡ hợp đồng giữa họ thì cũng không sao.

o o o

Benny thấy phần khó tiêu hóa nhất trong câu chuyện là việc một người bị đẩy tới chỗ chết rồi còn bị đóng thùng xuất khẩu. Nhưng mặt khác, đấy là một tai nạn, rõ ràng là thế, mặc dù có liên quan tới vodka. Về phần mình, Benny không bao giờ đụng tới rượu mạnh.

Bác tài mới được tuyển dụng nghĩ kĩ một lần nữa và chắc chắn là năm mươi triệu ban đầu nằm trong tay kẻ xấu, còn bây giờ thậm chí nó có thể hữu ích hơn cho nhân loại. Thêm nữa, bác cũng không thích phải từ chức ngay trong ngày đầu tiên nhận việc.

Vì vậy, Benny hứa sẽ ở lại làm việc tiếp và thắc mắc các quý ông có kế hoạch gì tiếp theo. Cho đến lúc đó, bác đã không định hé răng hỏi gì; theo quan điểm của Benny, sự tò mò không

phải là một đức tính đáng mong muốn với tài xế riêng, nhưng bây giờ bác đã trở thành một tên tội phạm đồng lõa rồi.

Cụ Allan và Julius thừa nhận rằng họ không có kế hoạch gì thực sự cả. Đơn giản là họ cứ theo con đường mà đi cho đến khi trời bắt đầu tối, và sau đó qua đêm ở một nơi nào đó, họ có thể thảo luận các vấn đề chi tiết hơn. Và đó là những gì họ đã làm.

- Năm mươi triệu, - Benny nói và mỉm cười, trong khi nhấn ga chiếc Mercedes vào số 1.

- Bốn mươi chín triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm, - cụ Allan chỉnh lại.

Sau đó, Julius đã hứa sẽ ngừng ăn cắp mọi thứ vì lợi ích của ăn cắp. Julius nói như thế không dễ đâu vì ông có máu ăn cắp và không phù hợp với bất cứ điều gì khác. Nhưng ông hứa, Julius bảo, dù sao người ta có thể nói Julius hiếm khi hứa điều gì nhưng một khi đã hứa thì sẽ giữ lời.

Cuộc hành trình tiếp tục với sự im lặng trong xe. Cụ Allan sớm ngủ thiếp đi trên ghế trước của mình. Julius nếm thử một viên Polly mới ngọt ngào. Và Benny âm ư một bài hát bác không biết tên.

o o o

Không dễ gì ngăn chặn một khi nhà báo lá cải đã đánh hơi thấy câu chuyện. Các phóng viên từ tờ Expressen và Aftonbladet chỉ ít giờ sau đã có hình dung về diễn tiến vụ việc rõ ràng hơn so với những gì tỉnh trưởng cảnh sát đã đưa ra tại cuộc họp báo buổi chiều. Vào lúc này, Expressen nhanh chân hơn Aftonbladet vì phóng viên của tờ báo là người đầu tiên tóm được người bán vé Ronny Hulth, thăm anh ta tại nhà riêng, hứa hẹn tìm mềo trai cho em mềo cái cô đơn của Ronny Hulth để

thuyết phục anh ta đi theo phóng viên báo Expressen đến một khách sạn ở Eskilstuna vào ban đêm, ngoài tầm với của Aftonbladet. Lúc đầu, Hulth không dám nói chuyện, vì anh ta còn nhớ rất rõ những gì gã thanh niên đe dọa mình. Nhưng phóng viên đã hứa rằng Hulth có thể giấu tên và đảm bảo với anh ta là không có gì xảy ra với Hulth vì Câu lạc bộ Xe máy đã biết cảnh sát tham gia vào vụ này.

Nhưng Expressen đã không hài lòng chỉ với Hulth. Tài xế xe buýt cũng được tóm vào lưới, cả dân làng ở Byringe, bác nông dân ở Vidkärn và một số người khác nhau trong làng đức Aker. Tất cả gộp lại dẫn đến mấy bài báo đầy kịch tính vào ngày hôm sau. Tất nhiên nó đầy những giả định không chính xác, nhưng trong hoàn cảnh này thì phóng viên đã làm khá tốt công việc của báo chí.

o o o

Chiếc Mercedes màu bạc cứ chạy. Cuối cùng, Julius cũng ngủ quên trong xe. Allan ngáy ở ghế trước của mình, Julius đằng sau với chiếc vali như một chiếc gối không được thoải mái lắm. Trong lúc đó Benny chọn con đường tốt nhất có thể.

Ở Mjölby, Benny đã quyết định rời khỏi đường E4 và lấy Quốc lộ 32 đi về phía Tranås. Nhưng đến đó bác không dừng lại mà đi tiếp về phía nam. Khi chớm vào huyện Kronoberg, bác lại quay ra, đi sâu vào rừng Småland. Đó là nơi bác hi vọng tìm được chỗ nghỉ đêm thích hợp.

Cụ Allan tỉnh dậy, hỏi sắp đến giờ đi ngủ chưa. Rồi Julius bị đánh thức bởi cuộc trò chuyện ở phía trước. Ông nhìn xung quanh, rừng ở khắp nơi, và hỏi họ đang ở đâu.

Benny thông báo rằng hiện giờ họ đang ở cách Växjö khoảng 20 hoặc 30 km về phía bắc và trong lúc hai quý ông ngủ, bác đã nghĩ kĩ rồi. Bác đi đến kết luận rằng vì lý do bảo mật,

tốt nhất là tìm một nơi kín đáo để ở lại qua đêm. Họ không biết ai đang đuổi theo mình, nhưng bất cứ ai đặt tay lên một chiếc vali chứa năm mươi triệu tiền phi pháp thì không thể bình an nếu không cố gắng. Vì vậy, Benny đã rời khỏi con đường dẫn đến Växjö, và bây giờ họ đang đến gần một nơi khiêm tốn hơn nhiều gọi là Rottne. Ý Benny là để xem liệu ở đó có khách sạn nào mà họ có thể nghỉ qua đêm.

- Phải đấy, - Julius tán thưởng. - Nhưng có lẽ không hoàn toàn đúng.

Julius giải thích ý của mình. May lắm thì ở Rottne có thể có một khách sạn nhỏ tồi tàn mà chẳng bao giờ có ai tìm ra đường đến đó. Nếu bỗng dưng có ba quý ông không đặt phòng đột nhiên xuất hiện trong một buổi tối, nó chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý đáng kể của dân làng. Tốt hơn là, trong trường hợp đó, hãy tìm một trang trại hoặc ngôi nhà tranh ở nơi nào đó trong rừng, xùy tiền ra để có một căn phòng qua đêm và cái gì đó để ăn.

Benny thừa nhận Julius đã suy nghĩ khôn ngoan, và theo đó, bác rẽ vào con đường sỏi nhỏ đầu tiên mình nhìn thấy.

Trời bắt đầu sụp tối khi ba người đàn ông sau gần bốn cây số quanh co nhìn thấy cái thùng thư ở bên đường. Trên thùng thư ghi: Trang trại Bên Hồ, và bên cạnh thùng thư là một con đường thậm chí còn nhỏ hơn, có lẽ sẽ dẫn đến nơi đó. Và hóa ra giả thuyết rất chính xác. Sau 100 mét dọc theo đường nhỏ quanh co, họ đến một ngôi nhà. Nó là một trang trại hàng hoàng, màu đỏ với khung cửa sổ sơn trắng, hai tầng, thậm chí có cả một kho thóc và xa hơn một chút, bên cạnh hồ là cái gì đó vốn là kho chứa nông cụ.

Nó dường như có người ở và Benny đậu chiếc Mercedes ngay trước lối vào trang trại. Thế rồi, từ cửa trước bước ra một

chị sồn sồn, tóc xoăn đỏ, mặc một bộ đồ thậm chí còn đỏ hơn, có một con bécgiê dưới chân.

Ba người đàn ông ra khỏi chiếc Mercedes và đi về phía người phụ nữ. Julius liếc nhìn con chó, nhưng nó không có vẻ sắp tấn công họ. Ngược lại, nó nhìn khách với cái nhìn tò mò, gần như thân thiện.

Vì thế, Julius mới dám rời mắt khỏi con chó và quay sang người phụ nữ. Ông lịch sự nói “Xin chào” và giải thích họ đang muốn kiếm một chỗ ngủ và có lẽ chút gì để ăn.

Người phụ nữ nhìn nhóm người lộn xộn trước mặt cô: một cụ già, một ông già, và một anh chàng... khá phong độ, cô phải thừa nhận. Và đúng độ tuổi. Với một túm tóc đuôi ngựa nữa chứ! Cô tủm tỉm cười một mình và Julius chắc chắn cô sẽ bật đèn xanh cho họ, nhưng rồi cô nói:

- Đây đ. phải là khách sạn đâu.

Ôi trời, cụ Allan nghĩ. Cụ thực sự khao khát một cái gì đó để ăn và một chiếc giường. Cuộc sống đến lúc này mệt mỏi quá rồi mà cuối cùng cụ lại quyết định sống lâu hơn một chút. Nói gì thì nói về cuộc sống ở Nhà Già, nhưng ít nhất nó đã không làm cụ đau nhức khắp mình mẩy.

Julius trông cũng rất ủ rũ và nói rằng ông và bạn bè của mình đã bị lạc đường và mệt mỏi lắm rồi, tất nhiên họ sẵn sàng trả tiền nếu được ở lại đó qua đêm. Nếu chẳng có cách nào khác thì họ có thể bỏ qua cả chuyện ăn uống.

- Chúng tôi sẽ trả 1.000 crown mỗi người nếu cô cho chúng tôi một chỗ nào đó để ngủ, - Julius đề nghị.

- Một ngàn crown? - Người phụ nữ nói. - Các bác đang chạy trốn à?

Julius né tránh câu hỏi chính xác của cô và giải thích lần nữa rằng họ đã đi một chặng đường dài, và mặc dù ông có thể gắng đi xa hơn, nhưng cụ Allan đây cao tuổi quá rồi.

- Hôm qua là ngày sinh nhật thứ một trăm của tôi, - cụ Allan nói với giọng thảm hại.

- Một trăm? - Người phụ nữ gần như bị sốc. - Chà, quý tha ma bắt?

Và rồi cô im lặng một lúc, có vẻ như đang suy nghĩ lại.

- Chà, mẹ nó chứ, - cuối cùng người phụ nữ nói. - Em cho rằng các bác có thể ở lại. Nhưng các bác có thể quên chuyện một nghìn crown đi. Em nói rồi, em đi. phải là chủ khách sạn.

Benny nhìn cô đầy ngưỡng mộ. Bác chưa bao giờ nghe một người phụ nữ chửi thề nhiều như vậy trong một thời gian ngắn thế. Bác thấy nó rất vui tai.

- Người đẹp ơi, - bác nói. - Anh có thể vuốt con chó của em không?

- “Người đẹp” á? - Người phụ nữ nói. - Anh mù à? Nhưng được thôi, tha hồ cho anh vuốt con chó. Buster thân thiện lắm. Mỗi người sẽ có một căn phòng trên lầu, ở đây rất rộng. Các tấm trải giường đều sạch sẽ, nhưng cẩn thận với thuốc diệt chuột trên sàn nhà. Đồ ăn sẽ được phục vụ trong một tiếng nữa.

Người phụ nữ đi qua ba vị khách về phía nhà kho, với Buster trung thành bên cạnh cô. Benny gọi với theo cô và hỏi Người Đẹp tên gì. Không quay lại, cô đáp tên mình là Gunilla nhưng cô nghĩ “Người Đẹp” nghe cũng hay nên “cứ giữ mẹ nó cách gọi như thế đi.” Benny hứa sẽ làm thế.

- Tôi e mình đang yêu mất, - Benny nói.

- Tôi biết là tôi đang mệt, - cụ Allan bảo.

Vào đúng lúc đó, họ nghe thấy một tiếng rống lên từ nhà kho làm cho cả cụ Allan đang mệt rũ cũng phải thất kinh. Chắc phải là của một con vật rất lớn và đang đau đớn.

- Từ từ nào, Sonya, - Người Đẹp nói. - Tao đang chạy học máu đến đây.

CHƯƠNG 7

1929-1939

Ngôi nhà tranh ở Yxhult trông tàn tạ. Nó đã xuống cấp trong những năm Allan được giáo sư Lundborg chăm sóc. Ngói lợp bị thổi bay khỏi mái, nằm rải rác trên mặt đất, cầu tiêu vì lý do nào đó đã đổ sập và một trong các cửa sổ nhà bếp cứ mở ra đập vào trong gió.

Allan đứng ngoài đài, không có nhà vệ sinh nào dùng được nữa rồi. Sau đó anh đi vào và ngồi trong căn bếp bụi bặm của mình. Anh cứ để cửa sổ mở. Đói bụng nhưng anh kiềm chế thôi thúc đi lục chạn. Anh chắc chắn rằng nó chẳng làm mình vui được.

Allan sinh ra và lớn lên tại đây, nhưng chưa bao giờ ‘nhà’ có vẻ xa xôi như vào lúc đó. Có lẽ đây là thời điểm để anh cắt đứt ràng buộc với quá khứ và tiếp tục theo chiều hướng khác? Phải, chắc chắn là như thế.

Allan tìm kiếm những thanh thuốc nổ của mình và làm các chuẩn bị cần thiết trước khi đóng gói những thứ lặt vặt vô giá trị mà mình có vào túi đeo hàng sau xe đạp. Vào lúc hoàng hôn ngày mừng ba tháng Sáu, 1929, anh ra đi khỏi Yxhult, khỏi Flen. Chỗ thuốc nổ phát nổ chính xác ba mươi phút sau. Căn nhà tranh Yxhult nổ tung thành nhiều mảnh và con bò hàng xóm lại bị sảy thai.

Tuy nhiên, một giờ sau, Allan bị bắt giam tại đồn cảnh sát ở Flen và ăn bữa tối trong khi bị Krook, giám đốc cảnh sát địa phương mắng nhiếc. Cảnh sát Flen vừa mua một chiếc xe cảnh sát và nó bắt kịp rất nhanh người đàn ông đã biến nhà mình thành diêm gổ.

Lần này, hành vi phạm tội đã rõ ràng hơn.

- Phá hủy bất cần, - giám đốc Krook nói giọng uy quyền.

- Ông làm ơn đưa cho tôi mẫu bánh mì được không? - Allan hỏi.

Không, giám đốc Krook không đưa, mặc dù ông có thể. Ông bắt đầu chỉ trích người trợ lý tội nghiệp của mình đã quá nhu nhược chiều mong muốn của tội phạm khi hắn đòi ăn tối. Trong lúc ấy Allan đã chén xong bữa và sau đó bị đưa đến đúng phòng tạm giam mà lần trước anh đã vào.

- Các anh có báo ngày hôm nay để đâu đó quanh đây không? - Allan hỏi. - Một cái gì đó để đọc vào buổi tối, ý tôi là thế.

Giám đốc Krook trả lời bằng cách tắt đèn trần và đóng sầm cánh cửa lại. Sáng hôm sau, điều đầu tiên mà ông làm là gọi cái bệnh viện ở Uppsala bảo họ đến và tóm lấy Allan Karlsson.

Nhưng các đồng nghiệp của Bernhard Lundborg đã giả điếc. Việc điều trị của Karlsson đã xong rồi, bây giờ họ có những người khác để thiến và phân tích. Nếu như giám đốc cảnh sát biết bao nhiêu người dân tộc đã được cứu giúp, từ người Do Thái, digan, da đen và lai đen, người đàn độn và đủ loại khác. Việc Karlsson thổi bay nhà riêng của mình thành nhiều mảnh không đủ điều kiện cho một hành trình mới đến Uppsala. Người ta có thể làm gì tùy thích với ngôi nhà của mình, giám đốc cảnh sát có nghĩ thế không? Sau hết, chúng ta đang sống trong một đất nước tự do phải không? Cuối cùng, giám đốc cảnh sát Krook đập máy. Ông không địch nổi với mấy người ở các thành phố lớn. Thay vào đó, ông lấy làm tiếc rằng mình đã không để Karlsson đạp xe đi khỏi huyện tối hôm qua cho rồi.

Đó là lý do tại sao Allan Karlsson sau một đàm phán thành công vào buổi sáng lại ngồi trên xe đạp của mình với móc đeo hàng. Lần này với thức ăn cho ba ngày trong các gói gọn ghẽ, và một cái chăn đúp để giữ ấm khi thời tiết chuyển lạnh. Anh

vẫy tay chào tạm biệt giám đốc Krook, ông này không buồn vẫy tay lại, và sau đó đạp xe lên phía bắc, vì điểm đó trên la bàn đối với Allan có vẻ cũng tốt như bất kì hướng nào khác.

Đến chiều, con đường đã đưa anh tới Hälleforsnäs, và thế cũng khá xa rồi. Allan dừng lại bên cạnh một triền cỏ, trải tấm chăn ra và mở một trong các gói đồ ăn của mình. Trong khi nhai một lát bánh mì syrupy với xúc xích, anh ngắm nghía cơ sở công nghiệp tình cờ nằm trước mắt mình. Bên ngoài nhà máy, nằm một đồng nòng pháo từ các xưởng đúc. Allan nghĩ những người làm pháo có lẽ cần ai đó có thể đảm bảo là khi bắn, pháo thực sự bắn ra. Thêm nữa, gắng hết sức đi xa khỏi Yxhult cũng chẳng để làm gì. Hälleforsnäs hay nơi nào cũng vậy thôi. Nếu ở đó có việc làm, mà nó có thật.

Việc Allan làm với các nòng pháo và đòi hỏi về năng lực đặc biệt của anh có lẽ khá thô sơ. Tuy nhiên hóa ra nó rất chính xác. Sau một cuộc nói chuyện ngắn với nhà sản xuất, trong đó Allan lỡ đi không đề cập đến một vài đoạn chọn lọc trong đời mình, anh đã được nhận vào làm như một chuyên gia khói lửa.

Mình sẽ thích ở đây, Allan nghĩ.

o o o

Sản xuất ống pháo đã giảm xuống tới mức tối thiểu tại xưởng đúc ở Hälleforsnäs, họ không nhận thêm đơn đặt hàng nào nữa, mà đơn đặt hàng đã ít càng ít hơn. Bộ trưởng quốc phòng, Ngài Per Albin Hansson, do hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất đã cắt giảm nguồn vốn cho quân đội, trong khi vua Gustaf V ngồi trong cung điện nghiêng răng ken két. Per Albin, một người có óc phân tích, nghĩ rằng nó cũng có lí nếu chiến tranh nổ ra, Thụy Điển cần phải được trang bị tốt hơn so với các quốc gia đã có chiến tranh, nhưng điều đó không có nghĩa là ngay bây giờ phải trang bị vũ khí, mười năm sau cũng được.

Bên cạnh đó, hiện giờ tất nhiên, chúng ta đã có Hội Quốc Liên[5]

[5] League of Nations: Tổ chức quốc tế được thành lập sau Thế chiến I và tồn tại đến hết Thế chiến II, khác với Liên Hợp Quốc (United Nations) thành lập vào năm 1945.

Hậu quả là xưởng đúc Hälleforsnäs đã chuyển sang sản xuất sản phẩm hòa bình hơn, và công nhân bị mất việc.

Nhưng Allan thì không. Bởi vì các chuyên gia khói lửa khá khó tìm. Nhà sản xuất không thể tin nổi khi Allan tình cờ xuất hiện và hóa ra là một chuyên gia về chất nổ đủ loại. Cho đến lúc đó, nhà sản xuất buộc phải dựa hoàn toàn vào một chuyên gia khói lửa mình đang có nhưng không hề thích, bởi ông ta là một người nước ngoài, râu tóc, lông đen rậm rạp khắp người và hầu như không nói tiếng Thụy Điển. Chẳng biết ông ta có đáng tin cậy hay không. Tuy nhiên, nhà sản xuất đã bắt buộc phải chấp nhận tình thế đó.

Allan, tất nhiên, không phân loại người theo màu. Anh luôn luôn nghĩ rằng giáo sư Lundborg nói chuyện kì quặc. Nhưng anh tò mò muốn gặp gã da đen đầu tiên, hoặc một chị da đen cũng được. Anh đã háo hức đọc các quảng cáo trên báo rằng Josephine Baker đã xuất hiện ở Stockholm, nhưng rồi anh chỉ được thấy Esteban, da trắng nhưng rám đen, là chuyên gia khói lửa người Tây Ban Nha.

Allan và Esteban khá hợp nhau. Họ ở chung một phòng trong khu trại của công nhân cạnh xưởng đúc. Esteban kể với Allan xuất thân ấn tượng của mình. Anh đã gặp một cô gái tại một bữa tiệc ở Madrid và bí mật vướng vào mối quan hệ trong sáng với cô, mà không nhận ra rằng cô là con gái của Thủ tướng Chính phủ mình, Miguel Primo de Rivero. Đó không phải là một người mà ta có thể tranh cãi. Ông cai trị đất nước theo ý

mình, với nhà vua bắt lực lê bước sau lưng ông. ‘Thủ tướng’ là một từ lịch sự cho chữ “độc tài”, theo ý kiến của Esteban. Nhưng con gái của ông thì đẹp tuyệt vời!

Xuất thân vô sản của Esteban chẳng có gì hấp dẫn với ông bố vợ tương lai. Trong lần gặp đầu tiên và duy nhất với Primo de Rivera, Esteban đã được thông báo rằng anh chỉ có hai lựa chọn. Một là biến khỏi lãnh thổ Tây Ban Nha càng xa càng tốt, hai là ở lại và lĩnh một viên đạn xuyên qua gáy.

Trong khi Primo de Rivero lên cò khẩu súng trường của ông, Esteban đã trả lời rằng mình quyết định chọn cách đầu tiên, và lùi thật nhanh ra khỏi phòng sao cho không chìa gáy ra với người đàn ông có khẩu súng trường và không hề liếc về hướng cô gái đang đứng thẩn thức.

Càng xa càng tốt, Estebén nghĩ, và đi về phía bắc, rồi xa hơn nữa và cuối cùng đến phương bắc tít ở nơi các hồ bị đóng băng vào mùa đông. Thế là anh nghĩ mình đã đi đủ xa. Và anh ở đây từ ngày đó. Ba năm trước, anh nhận được việc ở xưởng đúc với một linh mục Công giáo phiên dịch giúp và, Chúa tha tội cho anh vì đã dựng lên một câu chuyện về làm việc với các vật liệu nổ ở quê hương Tây Ban Nha, trong khi trên thực tế, anh chủ yếu là đi hái cà chua.

Dần dần, Esteban đã gắng hiểu tiếng Thụy Điển và đã trở thành một chuyên gia khói lửa khá uy tín. Và bây giờ, với Allan bên cạnh, anh trở thành một chuyên gia thực sự.

o o o

Allan cảm thấy sống ở khu nhà công nhân tại xưởng đúc thoải mái như ở nhà. Sau một năm, anh có thể hiểu tiếng Tây Ban Nha mà Esteban dạy. Sau hai năm, tiếng Tây Ban Nha của anh hầu như thông thạo. Nhưng phải mất ba năm trước khi Esteban từ bỏ cố gắng nhồi nhét chủ nghĩa xã hội quốc tế kiểu Tây Ban Nha

của mình cho Allan. Anh đã thử tất cả mọi cách, nhưng Allan cứ trơ trơ. Esteban không hiểu được một phần đặc biệt trong tính cách người bạn thân nhất của mình. Không phải vì Allan có một quan điểm trái ngược về thế giới và tranh cãi nó phải như thế nào; đơn giản là anh không có ý kiến gì. Hoặc có lẽ đó chính là ý kiến của Allan? Cuối cùng, Esteban chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc quen dần với thực tế là Allan đã không hiểu.

Ngược lại, Allan cũng phải chịu trận chuyện đó. Esteban là một người bạn tốt. Nhưng không ai đỡ nổi việc anh ta đã bị đầu độc bởi các chính trị gia chết tiệt. Và chắc chắn anh không phải là người duy nhất bị thế.

Mùa lại nổi mùa trước khi cuộc sống của Allan rẽ sang ngã mới. Nó bắt đầu khi Esteban nhận được tin rằng Primo de Rivera đã từ chức và trốn khỏi đất nước. Giờ là lúc nền dân chủ đang lấp ló, có lẽ cả chủ nghĩa xã hội nữa, và Esteban không muốn bỏ lỡ điều đó.

Vì vậy, anh sẽ trở về nhà càng sớm càng tốt. Xưởng đúc ngày càng thua lỗ vì Ngài Per Albin đã quyết định rằng sẽ không có chiến tranh nữa. Esteban nghĩ rằng cả hai chuyên gia khói lửa sẽ bị sa thải bất kì ngày nào. Anh bạn Allan có dự định gì cho tương lai không? Có muốn cùng anh sang Tây Ban Nha không?

Allan nghĩ về chuyện đó. Một mặt, anh chẳng quan tâm đến bất kì cuộc cách mạng nào, kiểu Tây Ban Nha hay gì khác. Kiểu gì thì nó cũng chỉ đưa đến một cuộc cách mạng mới, theo hướng ngược lại. Mặt khác, Tây Ban Nha là nước ngoài, như tất cả các quốc gia khác, trừ Thụy Điển, và sau một đời đọc về nước ngoài thì có lẽ cũng hay để trải nghiệm ở nước ngoài thật. Và trên đường đi, biết đâu họ có thể tình cờ gặp một hay hai người da đen?

Khi Esteban hứa rằng trên đường sang Tây Ban Nha, ít nhất họ sẽ gặp một người da đen thì Allan không thể cưỡng nổi lời mời. Sau đó, hai người bạn bắt đầu thảo luận các vấn đề thực tế hơn. Và họ đi đến kết luận rằng chủ xưởng đúc là đồ ‘con hoang ngu ngốc’ (họ nghĩ đúng như thế) và không đáng để bàn. Họ quyết định sẽ đợi lĩnh lương tuần đó rồi âm thầm lặn luôn.

Thế là Chủ nhật sau đó, Allan và Esteban dậy lúc năm giờ sáng, khởi hành trên chiếc xe đạp kéo theo rơmoóc đèo hàng, đi về phía nam, nhắm đến Tây Ban Nha. Trên đường, Esteban muốn dừng lại phía ngoài nhà riêng của chủ xưởng đúc, để đổ kết quả chuyến thăm nhà xí buổi sáng của mình vào trong hộp sữa được giao mỗi sáng vào thùng thư treo ở cổng chủ nhà máy. Cần phải thế, vì Esteban trong nhiều năm đã buộc phải đóng trò ‘khỉ’ cho ông chủ nhà máy và hai thằng con trai tuổi teen của ông ta.

- Trả thù không hay ho gì đâu, - Allan cảnh báo anh ta. - Trả thù giống như chính trị, cái này dẫn tới cái kia, cái này nảy cái ung đấy.

Nhưng Esteban cứ khăng khăng. Chỉ vì một chút lông lá ở tay và không nói trơn mồm cái ngôn ngữ của chủ xưởng đúc, thế mà biến người ta thành vượn được à?

Allan đã phải đồng ý, thế là hai người bạn đến một thỏa hiệp hợp lý. Esteban có thể đá vào lon sữa, nhưng không ỉa vào trong đấy.

Đấy là những gì đã xảy ra khi xưởng đúc ở Hälleforsnäs mất đi cả hai chuyên gia khói lửa. Buổi sáng người ta buôn chuyện đến tai ông chủ xưởng đúc là thấy Allan và Esteban trên xe đạp với rơmoóc kéo đi về phía Katrineholm hay có lẽ xa hơn về phía nam. Vậy nên ông chủ xưởng đúc đã lên kế hoạch cho sự thiếu hụt nhân sự bất ngờ trong tuần tới ngay trên hiên ngôi

nhà sang trọng của mình vào sáng Chủ nhật, trong lúc ông nhấm nháp ly sữa Sigrid được phục vụ chu đáo với bánh quy hạnh nhân. Tâm trạng của ông chủ xưởng đúc càng u ám hơn vì hình như bánh bích quy có gì đó không ổn. Nó đậm đà mùi vị amoniac.

Ông chủ xưởng đúc quyết định đợi đến tan lễ nhà thờ, rồi cho Sigrid một trận đích đáng. Tạm thời, ông sẽ giải quyết bằng cách gọi một ly sữa khác để loại bỏ mùi vị khó chịu trong miệng của mình.

o o o

Thế là Allan thấy mình ở Tây Ban Nha. Đi qua châu Âu mất ba tháng và trên đường đi anh đã gặp người da đen thỏa thích, hơn cả mơ ước rất nhiều. Nhưng ngay sau lần đầu tiên gặp, anh đã chán ngay. Hóa ra chẳng có sự khác biệt nào ngoài màu da của họ, tất nhiên họ nói những thứ ngôn ngữ kì quặc, nhưng dân da trắng thì cũng thế, từ miền Nam Thụy Điển trở đi. Ông giáo sư Lundborg đó chắc hẳn bé bị một gã da đen nào đó dọa nạt nên mới sợ thế, Allan nghĩ.

Allan và anh bạn Esteban đến một xứ sở hỗn loạn. Nhà vua đã chạy trốn sang Rome và nền cộng hòa đã thay thế ngai vàng. Phe cánh tả gọi đó là cách mạng, trong khi phe cánh hữu khiếp sợ vì những gì đã xảy ra với nước Nga của Stalin. Liệu ở đây cũng thế?

Esteban quên mất là bạn mình rất ghét chính trị và cố gắng lôi kéo Allan về phía cách mạng, còn Allan theo thói quen của mình, nhất quyết không tham gia. Anh nhận ra dư âm những chuyện cũ ở quê nhà và vẫn không thể hiểu lý do tại sao tất cả mọi thứ, sau một thời gian sẽ trở thành chính cái mà nó đã từng chống đối.

Điều này đã được nối tiếp với một cuộc đảo chính quân sự không thành công của phái Hữu, tiếp theo là tổng đình công từ

cánh Tả. Sau đó là một cuộc tổng tuyển cử. Phái Tả thắng, phái Hữu ấm ức, hoặc là ngược lại, Allan không chắc chắn lắm. Cuối cùng, dù sao đi nữa, chiến tranh bùng nổ.

Allan thấy mình đang ở nước ngoài và không có cách gì hay hơn là núp nửa bước sau anh bạn Esteban của mình, người đã gia nhập quân đội và ngay lập tức được thăng trung sĩ, vì trung đội trưởng nhận thấy Esteban rất thạo gây nổ.

Anh bạn của Allan tự hào mặc đồng phục và mong mỗi nhận nhiệm vụ đầu tiên của mình trong chiến tranh. Trung đội đã được lệnh cho nổ tung vài cây cầu trong một thung lũng ở Aragonia, và nhóm của Esteban sẽ đối phó với cây cầu đầu tiên. Esteban ngất ngây vì được tin tưởng, nhảy lên một hòn đá, tay trái giương súng trường lên trời và hét lên:

- Tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và tất cả bọn phát xít...

Esteban chưa nói hết câu thì một nửa đầu và vai anh đã bị bắn văng đi bởi một trong các súng cối đầu tiên của địch khai hỏa trong chiến tranh. Khi chuyện xảy ra Allan đứng cách đó khoảng 20 mét, và do đó không bị bắn, do các bộ phận của người đồng chí đã văng khắp nơi quanh hòn đá mà Esteban ngu ngốc đứng lên. Một người lính bộ binh trong nhóm của Esteban bắt đầu khóc. Còn Allan nhìn những gì sót lại của bạn mình và thấy rằng vô ích để gom nhặt các mảnh vụn.

- Lẽ ra cậu nên ở lại ở Hälleforsnäs, - Allan nói và đột nhiên cảm thấy một khát khao chân thành được bỏ củi bên ngoài ngôi nhà của mình ở Yxhult.

o o o

Phát đạn cối đã giết chết Esteban có thể đã khai hỏa cho cuộc chiến, nhưng chắc chắn không phải là phát cuối cùng. Allan nghĩ đến việc trở về nhà, nhưng chiến tranh bỗng dưng

ở khắp nơi quanh anh. Thêm nữa, trở lại Thụy Điển là một chuyến đi dài khủng khiếp, và khi đến nơi lại chẳng có ai chờ đợi.

Vì vậy, Allan đã tìm gặp chỉ huy của Esteban, giới thiệu mình là chuyên gia pháo hàng đầu của lục địa và sẵn sàng làm nổ tung các cây cầu và công trình hạ tầng khác cho ngài chỉ huy, chỉ cần ba bữa ăn tử tế mỗi ngày và rượu vang đủ để say khi hoàn cảnh cho phép.

Thay vì đồng ý, ngài chỉ huy suýt cho bắn Allan khi anh cứng đầu từ chối hát ca ngợi chủ nghĩa xã hội và nền cộng hòa, lại còn đòi làm nhiệm vụ trong quần áo dân sự. Hoặc, vì cách Allan diễn đạt:

- Một điều nữa... Nếu làm nổ tung các cây cầu cho ngài thì tôi sẽ làm nhưng vẫn mặc áo len của mình, còn không thì ngài tự đi mà làm nổ lấy.

Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ thực tình ngài chỉ huy chưa bao giờ để một dân thường dọa dẫm mình theo cách đó. Vấn đề của ngài là chuyên gia chất nổ có tay nghề cao nhất trong công ty - vừa mới đây thôi - đã bị rắc thành muôn mảnh quanh một hòn đá trên ngọn đồi gần đó.

Trong lúc ngài chỉ huy ngồi trong chiếc ghế gấp kiểu nhà binh của mình, ngẫm nghĩ liệu nên nhận Allan vào làm hay xử bắn, thì một trong những sĩ quan trung đội thì thầm vào tai ngài rằng viên trung sĩ trẻ, người vừa không may bị bắn tung, trước đây đã giới thiệu tay Thụy Điển kì quặc này như một bậc thầy về vật liệu nổ.

Điều đó đã quyết định vấn đề. Ông Karlsson có thể: a) sống, b) ăn ba bữa tử tế một ngày, c) có quyền mặc quần áo dân sự, và d) có quyền hết như mọi người khác, thỉnh thoảng uống rượu vang với liều lượng hợp lý. Đổi lại, anh sẽ làm nổ chính xác

cái mà chỉ huy yêu cầu. Ngoài ra, hai lính bộ binh được lệnh giám sát đặc biệt người Thụy Điển, bởi vì biết đâu anh ta là gián điệp.

Nhiều tháng rồi nhiều năm trôi qua. Allan đã làm nổ tung những gì cần nổ, và anh đã làm như vậy với kĩ năng đáng kể. Công việc không phải không có rủi ro của nó. Thường phải bò trườn đến chỗ đối tượng nổ, đặt thuốc nổ có định giờ, và sau đó bò zig-zag trở lại căn cứ an toàn. Sau ba tháng, một trong hai người lính bảo vệ Allan đã mất mạng (anh ta bò nhằm thẳng vào một trại của địch). Sáu tháng sau, người còn lại có số phận tương tự (anh ta nhòem dẫy cho giãn lưng và ngay lập tức lưng bị bắn làm đôi). Ngàì chỉ huy không bận tâm thay thế bảo vệ khác, vì Karlsson đã cư xử quá tốt.

Allan thấy giết chết nhiều người là không cần thiết, do đó, thường thì anh đảm bảo rằng cây cầu không có ai khi bị nổ. Ví dụ như cây cầu cuối cùng, nơi anh đặt thuốc nổ ngay trước khi chiến tranh kết thúc. Nhưng lần này, khi anh vừa chuẩn bị xong, và đã bò trở lại bụi cây trên một móng cầu thì một nhóm tuần tra của địch đi bộ về phía anh, người đàn ông bé nhỏ đi giữa đeo đầy huy chương. Họ đến từ phía bên kia và có vẻ hoàn toàn không biết rằng những người cộng hòa đang ở gần, càng không biết mình sắp đi theo Esteban và hàng chục ngàn người Tây Ban Nha khác vào cõi vĩnh hằng.

Nhưng rồi Allan nghĩ thế là đủ. Vì vậy, anh đứng dậy, ra khỏi bụi cây và khua tay.

- Đi đi! Ra khỏi đây ngay! - Anh gào lên với người đàn ông nhỏ con đeo huy chương và đoàn tùy tùng của ông. - Đi ngay, trước khi bị nổ tung lên!

Người đàn ông nhỏ con đeo huy chương định đi, nhưng đoàn tùy tùng của ông ta xúm xít quanh ông. Rồi họ kéo ông ta qua

cầu và không dừng lại cho đến khi tới bụi cây của Allan. Tám súng trường nhằm vào người Thụy Điển và ít nhất một khẩu sắp khai hỏa nếu cây cầu bất ngờ không nổ tung sau lưng họ. Dư chấn của nó đẩy dúi người đàn ông nhỏ con đeo huy chương vào bụi cây của Allan. Trong hỗn loạn, không ai trong đoàn tùy tùng dám bắn về phía Allan vì sợ nhầm người.

Hơn nữa, anh lại ăn mặc dân sự. Và khi khói tan, không ai còn định giết Allan nữa. Người đàn ông nhỏ con đeo huy chương bắt tay anh, giải thích rằng một vị tướng thực sự biết cách để thể hiện sự cảm kích của mình và bây giờ tốt nhất là cả nhóm sẽ rút sang bên kia, có cầu hay không cũng vậy. Nếu vị cứu tinh của ông muốn theo cùng với họ, thì anh sẽ được đón tiếp nồng nhiệt hơn bởi vì sang đó, vị tướng sẽ mời anh ăn tối.

- Paella Andaluz, - vị tướng nói. - Đầu bếp của của tôi là người miền nam.Comprende?[6]

[6] Anh hiểu chứ? (tiếng Tây Ban Nha)

- Vâng, - quả thật là Allan hiểu. Anh hiểu rằng mình đã cứu sống cái mạng của tổng tư lệnh, anh hiểu ra lợi thế của mình khi đứng đó trong chiếc áo len đan bẩn thủ của mình thay vì mặc đồng phục kẻ địch, anh hiểu rằng bạn bè mình trên đồi cách đây vài trăm mét đang theo dõi mọi chuyện qua ống nhòm và hiểu rằng để giữ sức khỏe, tốt nhất là nên đổi bên trong cuộc chiến tranh mà dù sao anh cũng chẳng biết để làm gì.

Thêm nữa, anh đang đói.

- Si, por favor, mí general[7], - Allan đáp. - Nếu có món Paella thì thật tuyệt. Hay thậm chí có thêm một hai ly vang đỏ nữa?

[7] Vâng, làm ơn, thưa tướng quân.

Mười năm trước, có lần Allan đã xin làm chuyên gia khói lửa tại xưởng đúc ở Hälleforsnäs. Hồi đó, anh đã quyết định im đi trong lí lịch sự thực rằng mình đã ở bệnh viện tâm thần bốn năm và sau đó còn nổ tung ngôi nhà của mình nữa. Có lẽ vì thế cuộc phỏng vấn xin việc đã trôi chảy.

Allan nghĩ về chuyện đó trong khi trò chuyện với Tướng Franco. Một mặt, người ta không nên nói dối. Mặt khác, cũng chẳng hay ho gì nếu tiết lộ với vị tướng rằng chính Allan đã đặt thuốc nổ ở cây cầu và suốt ba năm qua, anh đã là một nhân viên dân sự của quân đội Cộng hòa. Không hẳn là Allan ngại nói những gì mình đã làm, nhưng đây là trường hợp đặc biệt với bữa ăn tối và nhậu nhẹt say sưa. Một khi thức ăn và rượu vodka đã được dọn ra thì sự thật có thể tạm thời đẹp sang một bên, Allan nghĩ và anh đã hết lòng nói dối vị tướng.

Vì vậy, chuyện là Allan đã trốn vào bụi cây trong khi chạy trốn khỏi quân Cộng hòa. Anh đã tận mắt thấy người ta gài thuốc nổ, may quá vì nếu không anh làm sao có thể cảnh báo vị tướng được.

Lý do mà Allan đến tận Tây Ban Nha và vấp phải chiến tranh là vì anh đã bị một người bạn lôi kéo, người đó có quan hệ thân thiết với ngài Primo di Rivera quá cố. Nhưng từ khi người bạn bị giết bởi một mảnh súng cối, Allan đã buộc phải tự tìm cách sinh tồn. Anh đã nằm trong danh sách của quân Cộng hòa, nhưng cuối cùng đã gắng thoát ra được.

Và rồi Allan nhanh chóng thay đổi chủ đề, kể chuyện cha mình đã từng ở trong nhóm triều thần thân cận với Nikolai Sa hoàng Nga và rằng ông đã tử vì đạo trong một trận chiến vô vọng với lãnh đạo của những người Bolshevik, Lenin.

Bữa tối được phục vụ trong lều của vị tướng. Rượu vào lời ra, những mô tả của Allan về hành động anh hùng của cha mình càng nhiều màu sắc. Tướng Franco quá ấn tượng. Đầu tiên ông được cứu sống, rồi hóa ra vị cứu tinh của ông gần như lại có quan hệ với Sa hoàng Nikolai II.

Các món ăn ngon tuyệt vời, đầu bếp người Andulasia không dám pha tạp bất cứ vị gì khác. Rượu chảy bất tận mừng danh dự của Allan, cha Allan, của Sa hoàng Nikolai II và gia đình Sa hoàng. Và cuối cùng vị tướng lặn ra ngủ ngay trong lúc đang ôm choàng lấy Allan để xác nhận rằng giữa họ với nhau không cần chức danh gì cả.

Khi ngài tỉnh dậy thì chiến tranh đã kết thúc. Tướng Franco tiếp quản chính phủ nước Tây Ban Nha mới và phong Allan làm trưởng nhóm cận vệ của mình. Allan cảm ơn ông về đề nghị đó, nhưng trả lời rằng đây là lúc mình phải hồi hương, nếu Fransisco cho phép. Tất nhiên Fransisco đồng ý, thậm chí còn viết một lá thư đề tổng tư lệnh bảo trợ vô điều kiện ('chỉ cần đưa thư này ra nếu anh cần bất kì sự giúp đỡ nào') và sau đó Allan được hộ tống như một ông hoàng đến tận Lisbon nơi vị tướng nghĩ là điểm xuất phát cho các con tàu đi phía bắc.

Hóa ra từ Lisbon, tàu thuyền đi về mọi hướng. Allan đứng trên cầu cảng ngắm nghĩ một lúc. Rồi anh vấy lá thư của vị tướng trước mũi thuyền trưởng của một chiếc thuyền buồm treo cờ Tây Ban Nha, và lập tức được đi miễn phí. Tất nhiên là anh không phải trả tiền đi đường rồi. Con tàu quả thực đi đến Thụy Điển, nhưng trên bến cảng Allan đã tự hỏi mình sẽ làm gì ở đó, và anh thực sự không tìm ra câu trả lời hay ho nào.

CHƯƠNG 8

Thứ Ba ngày 3 tháng Năm - thứ Tư 4 tháng Năm 2005

Sau cuộc họp báo buổi chiều, Thùng Gỗ ngồi xuống với một ly bia để suy nghĩ. Nhưng hắn không thể nghĩ ra điều gì hợp lí. Có phải Ốc Vít đã bắt đầu bằng việc bắt cóc ông già trăm tuổi? Hay chuyện đó không liên quan gì? Suy nghĩ làm Thùng Gỗ nhức đầu, vì vậy hắn ngừng lại và gọi điện cho Ông Chủ, báo cáo với ông rằng chưa có gì đáng để báo cáo. Hắn được lệnh ở lại Malmköping và chờ lệnh tiếp theo.

Cuộc trò chuyện chấm dứt và Thùng Gỗ lại đơn độc với chai bia của mình. Tình hình mới bắt đầu mà đã quá khó khăn. Hắn không thích tìm hiểu, và bây giờ cơn đau đầu trở lại. Thế là đầu óc hắn quay ngược về thời quá khứ; hắn ngồi ở đó, nhớ những năm tháng tuổi trẻ của mình ở quê nhà.

Thùng Gỗ đã bắt đầu sự nghiệp tội phạm của mình ở Braås, cách nơi mà cụ Allan và người bạn mới đang ở chỉ khoảng 20 km. Ở đó, hắn kết bạn với một số thanh niên đầu óc cũng như mình và lập ra câu lạc bộ xe máy tên là The Violence. Thùng Gỗ là chỉ huy, hắn quyết định kiosk nào đến lượt bị cướp thuốc lá. Chính hắn đã chọn cái tên “Bạo lực” bằng tiếng Anh chứ không phải tiếng Thụy Điển. Và không may, hắn cũng là người yêu cầu bạn gái mình may tên MC-club lên mười chiếc áo jacket da mới đánh cắp. Bạn gái của hắn tên là Isabella, chưa bao giờ biết đánh vần đúng ở trường học, tiếng Thụy Điển cũng không nổi chữ đừng nói là tiếng Anh.

Kết quả đương nhiên là Isabella khâu bết thành The Violins trên áo. Các thành viên còn lại của câu lạc bộ cũng có thành tích tương tự ở trường mà chẳng có nhà chức trách nào để tâm, cho nên không ai trong nhóm nhận thấy sự nhầm lẫn.

Vì vậy, tất cả mọi người đều ngạc nhiên khi một ngày nhận được lá thư của người phụ trách Phòng Hòa Nhạc ở Växjö, gửi đến nhóm The Violins ở Braås. Trong thư, họ hỏi liệu câu lạc bộ có liên quan đến âm nhạc cổ điển không và trong trường hợp đó, có muốn góp mặt trong một buổi hòa nhạc với Musica Vitae, dàn nhạc giao hưởng thính phòng rất đáng tự hào của thành phố không.

Thùng Gỗ cảm thấy đây là một sự khiêu khích, hẳn ai đó đang giễu cợt hắn, cho nên một đêm, hắn tạm ngưng cướp kiốt thuốc lá để vào Växjö ném đá sỏi qua cửa sổ vào phòng hòa nhạc. Mục đích của việc này là để dạy cho người chịu trách nhiệm một bài học về sự tôn trọng.

Mọi chuyện trôi chảy, trừ việc chiếc găng tay da của Thùng Gỗ bị văng theo hòn đá vào tiền sảnh của phòng hòa nhạc. Khi chuông báo động bắt đầu vang lên ngay lập tức thì không nên đi vào bên trong để lấy đồ cá nhân nữa.

Mất một trong hai chiếc găng tay quả là khổ. Chuyển đi bằng xe máy nên tay của Thùng Gỗ bị lạnh khủng khiếp suốt chặng đường về Braås đêm đó. Điều tồi tệ hơn là cô bạn gái xui xẻo của Thùng Gỗ đã viết tên và địa chỉ Thùng Gỗ vào bên trong găng tay, để phòng bị thất lạc. Thế là ngay buổi sáng hôm sau cảnh sát đã tóm Thùng Gỗ để thẩm vấn.

Trong cuộc thẩm vấn, Thùng Gỗ giải thích rằng hắn đã bị quản lý của phòng hòa nhạc khiêu khích. Đó là lí do câu chuyện Bạo Lực biến thành dàn Violins xuất hiện trên báo địa phương, và Thùng Gỗ đã trở thành một trò cười khắp nơi ở Braås. Trong cơn giận dữ, ngay sau đó hắn quyết định đốt kiốt tiếp theo thay vì chỉ phá vỡ cửa. Điều này khiến chủ kiốt người Thổ Nhĩ Kỳ-Bungari ngủ trong kiốt của mình để chống trộm suýt mất mạng. Thùng Gỗ đánh mất cái găng tay kia của mình tại hiện trường gây án (nó cũng được ghi địa chỉ chu đáo như cái găng

tay đầu tiên), và chẳng bao lâu sau hắn thấy mình bị tống vào tù lần đầu tiên. Đây là nơi hắn gặp Ông Chủ cũng đang chịu án của mình.

Thùng Gỗ quyết định tốt nhất là bỏ Braås và cả bạn gái của mình. Cả hai dường như chỉ mang lại cho hắn rủi ro.

Nhưng nhóm Bạo Lực vẫn tồn tại, và vẫn giữ cái áo jacket sai chính tả. Tuy nhiên, Câu lạc bộ sau đó đã thay đổi lĩnh vực hoạt động của nó. Bây giờ nó tập trung vào ăn cắp xe hơi và điều chỉnh đồng hồ côngtơmet. Hay như chỉ huy mới của nhóm, em trai của Thùng Gỗ, từng nói: "Chẳng có gì làm cho một chiếc xe đẹp hơn là đột nhiên nó chỉ còn một nửa số dặm."

Thùng Gỗ họa hoằn cũng liên lạc với em trai mình và cuộc sống cũ, nhưng không muốn trở lại đó.

- Đ. mẹ nó, - đây là diễn tả cô đọng của Thùng Gỗ về kỷ ức đời mình.

Phải nghĩ theo cách mới cũng khó khăn chẳng kém việc nhớ quá khứ. Trong trường hợp đó tốt nhất là làm một chai bia thứ ba và sau đó, theo lệnh của Ông Chủ, nhận phòng tại khách sạn.

o o o

Trời gần như tối đen khi Chánh Thanh tra Aronsson với người huấn luyện chó và Kicki (con chó cảnh sát) đến làng đức Aker, sau khi đi bộ dọc theo đường sắt từ Vidkär.

Con chó đã không phản ứng với bất cứ thứ gì trong lúc đi bộ. Aronsson tự hỏi liệu nó thực sự ý thức rằng họ đang làm việc, chứ không phải là đi dạo buổi tối. Nhưng khi bộ ba đã đến chỗ chiếc xe goòng bị bỏ rơi, con chó dừng lại chăm chú, hoặc có vẻ thế. Rồi nó nhấc một chân lên và bắt đầu sủa. Aronsson khắp khởi hi vọng.

- Điều đó có nghĩa gì không? - Ông hỏi.

- Vâng, để nhẹ nhàng diễn tả cái gì đó, - người huấn luyện chó đáp.

Và sau đó ông giải thích rằng Kicki có những cách khác nhau tùy thuộc vào những gì nó muốn nói.

- Chà, thế thì con chó muốn nói gì với cái đó? - Chánh Thanh tra Aronsson nôn nóng nói và chỉ vào con chó vẫn còn đứng trên ba chân và sủa.

- Điều đó, - người huấn luyện chó đáp, - có nghĩa là đã có một người chết trên xe goòng.

- Một người chết? Một cái xác?

- Một xác chết.

Chánh Thanh tra Aronsson hình dung trong đầu rằng thành viên Never Again đã giết chết cụ già trăm tuổi xấu số Allan Karlsson. Nhưng sau đó thông tin mới này được ráp nối với những gì đã thu thập được.

- Nó phải là ngược lại, - ông lẩm bẩm và cảm thấy nhẹ nhõm một cách kì lạ.

o o o

Người đẹp phục vụ thịt băm và khoai tây với dấm chua nghiền, kèm cả bia và tiếp theo là một ly rượu Gammaldansk. Các vị khách đói ngấu rồi, nhưng trước tiên họ vẫn muốn biết mình đã nghe con thú nào rống lên trong chuồng.

- Đó là Sonya, - Người Đẹp đáp. - Con voi của tôi.

- Voi? - Julius thốt lên.

- Voi? - Cụ Allan hỏi.

- Tôi thì tôi nhận ra tiếng đó, - Benny nói.

Cụu chủ nhân quầy bánh kẹp đã bị sét đánh từ cái nhìn đầu tiên. Và bây giờ, nhìn lần thứ hai, vẫn chẳng có gì thay đổi. Người phụ nữ tóc đỏ chửi thề luôn miệng với thân hình đầy đặn này dường như vừa bước ra từ tiểu thuyết của Paasilinna! Tất nhiên, tác giả Phần Lan ấy chưa bao giờ viết về một con voi, nhưng Benny nghĩ đấy chỉ là vấn đề thời gian.

Con voi đã xuất hiện vào lúc sáng sớm trong vườn Người Đẹp để bắt tảo. Nếu có thể nói chuyện, nó sẽ kể rằng buổi tối trước đó nó đã bỏ trốn từ một rạp xiếc ở Växjö tìm cái gì đó để uống, vì người giữ voi cũng đang làm thế trong thành phố, thay vì lo phận sự của mình.

Khi trời tối, con voi đã đến bên bờ hồ Helga và quyết định không chỉ làm dịu cơn khát mà còn xa hơn thế. Tắm mát thích lắm đây, con voi nghĩ thế, và lội trong vùng nước nông.

Nhưng đột nhiên đến chỗ nước sâu, và con voi phải dựa vào khả năng di truyền của mình để bơi. Voi nói chung là không suy nghĩ logic được như người, và con voi này là một ví dụ điển hình vì nó quyết định bơi 2,5 km về phía bên kia vịnh để lên bờ, thay vì chỉ cần vòng lại bơi bốn mét vào bờ.

Logic của voi dẫn đến hai hậu quả. Một là con voi nhanh chóng bị coi là đã chết sau khi những người ở gánh xiếc và cảnh sát đã theo dấu vết nó tới tận hồ Helga và đến chỗ nước sâu 15 mét. Hai là con voi, vẫn sống nhăn, trong bóng đêm đã mò đến tận vườn tảo của Người Đẹp mà không có ai nhìn thấy nó dọc đường.

Chuyện đầu, tất nhiên Người Đẹp không biết, nhưng sau đó cô có thể hiểu ngay những gì đã xảy ra khi đọc trên báo địa phương về một con voi đã biến mất và bị coi là đã chết. Người Đẹp nghĩ rằng khó mà có nhiều voi xông chuồng chạy quanh đây,

nhất là vào cùng một thời điểm, cho nên con voi đã chết và con voi vẫn sống nhẵn này chắc là một.

Người Đẹp bắt đầu đặt tên cho con voi. Nó trở thành Sonya, lấy tên thần tượng Sonya Hedenbratt của cô. Tiếp theo đó là các cuộc đàm phán giữa Sonya và Buster, con chó giống bécgiê, phải mất vài ngày trước khi cả hai có thể hòa thuận với nhau.

Mùa đông sau đó là một cuộc tìm kiếm bất tận thức ăn cho Sonya tội nghiệp, ngốn đúng như một con voi. Vừa may, cha của Người Đẹp mới qua đời, để lại tài sản 1 triệu crown cho con gái duy nhất của mình (khi về hưu hai mươi năm trước, ông đã bán nhà máy sản xuất bàn chải đang ăn nên làm ra của mình và sau đó trông nom đồng tiền khá tốt). Người Đẹp bỏ việc tại phòng khám của bác sĩ địa phương ở Rottne và làm mẹ toàn thời gian cho một con chó và một con voi.

Lại sang xuân, Sonya có thể tự kiếm thức ăn với cỏ và lá, và rồi chiếc Mercedes lái vào sân, chuyển thăm viếng đầu tiên kể từ khi người cha, Chúa ban phước cho linh hồn ông, đến thăm con gái của mình từ hai năm trước. Người Đẹp nói rằng cô không hay cưỡng lại số phận nên chẳng bao giờ cố gắng giữ bí mật về Sonya với người lạ.

Cụ Allan và Julius ngồi lặng lẽ lắng nghe câu chuyện của Người Đẹp, nhưng Benny hỏi:

- Nhưng làm sao mà Sonya rống thế? Anh chắc chắn là nó bị đau ở đâu đó.

Người Đẹp trố mắt ngạc nhiên:

- Làm sao mà anh có thể nghe thấy được?

Benny không trả lời ngay lập tức. Thay vào đó, bác đã cần một miếng thức ăn đầu tiên để lấy thời gian suy nghĩ. Sau đó, bác nói:

- Anh gần như là một bác sĩ thú y. Em muốn nghe kể dài hay ngắn?

Tất cả đều nhất trí kể dài đi, nhưng Người Đẹp khẳng định đầu tiên cô và Benny sẽ đi vào chuồng và người “gần như là bác sĩ thú y” sẽ xem xét cái chân trước bên trái bị đau của Sonya.

Cụ Allan và Julius ngồi lại bàn ăn, cả hai tự hỏi làm sao mà một bác sĩ thú y với túm tóc đuôi ngựa lại có thể thành ra một người bán bánh kẹp thảm hại ở một nơi khỉ ho cò gáy huyện Södermanland. Một bác sĩ thú y để tóc đuôi ngựa ư, ngẫu nhiên thật, nó có nghĩa gì chứ? Thời gian cứ gây nhầm lẫn. Với Bộ trưởng Bộ Tài chính Gunnar Strang thì khác, vào thời hoàng kim ngày ấy, nhìn từ xa đã có thể đoán được ai làm nghề gì. Bộ trưởng Tài chính Gunnar Strang để tóc đuôi ngựa, Julius cười khúc khích. Điều đó thực sự đáng kể đấy...

Benny khám cho Sonya tội nghiệp bằng bàn tay vững chắc, hồi trước bác đã làm tương tự khi đi thực tập ở Sở thú Kolmården. Một cành cây gãy đã găm dưới móng chân thứ hai, và khiến một phần bàn chân nó sưng lên. Người Đẹp cố gắng rút cành cây ra, nhưng không đủ mạnh. Benny chỉ mất vài phút để lấy nó ra với một cái kẹp và trò chuyện dỗi dành Sonya. Nhưng bàn chân của con voi bị sưng lên.

- Mình cần thuốc kháng sinh, - Benny cho biết. - Khoảng 1 kg.

- Nếu anh biết cái gì cần thì em sẽ kiếm được, - Người Đẹp nói.

Nhưng mua thuốc thì phải đến Rottne vào giữa đêm, và trong lúc chờ thời gian trôi qua, Benny và Người Đẹp trở lại bàn ăn.

Họ ăn rất ngon miệng, tắm trong bia và Gammaldansk, tất cả trừ Benny chỉ uống nước trái cây. Sau khi no nê, họ chuyển vào phòng khách, đến chỗ ghế bành bên lò sưởi, và đòi Benny giải thích vì sao mà bác gần như là bác sĩ thú y.

Bắt đầu bằng chuyện Benny và cậu anh trai lớn hơn một tuổi, Bo, cả hai đều lớn lên ở Enskede, phía nam gần Stockholm, đến nghỉ hè với bác Frank ở Dalarna. Bác Frank, người luôn được gọi là Frasse, là một doanh nhân thành công, người sở hữu và điều hành một số công ty địa phương khác nhau. Bác Frank bán tuốt tuột từ xe tải lớn đến hòn sỏi và đủ thứ ở giữa. Ngoài ăn và ngủ, công việc là niềm đam mê lớn của ông. Ông từng có một vài mối tình dang dở sau lưng, nhưng tất cả các bà các cô đều mệt mỏi vì bác Frasse chỉ biết có mỗi công việc, ăn ngủ (và tắm vào ngày Chủ nhật).

Dù sao, mùa hè những năm 60 Benny và Bo đã được bố gửi đến chỗ bác Frasse, vì trẻ con cần không khí trong lành. Chẳng biết hai đứa trẻ có được thế không, bởi vì Benny và Bo đã nhanh chóng được đào tạo để kiểm tra các máy nghiền đá lớn tại hố sỏi của bác Frasse. Các cậu bé thích làm việc ở đó, mặc dù công việc nặng nhọc, và trong hai tháng, chúng phải hít thở bụi đá chứ không phải không khí trong lành. Vào các buổi tối, bác Frasse thường lái nhải các bài giảng đạo đức của mình về:

- Các cháu phải chắc chắn rằng mình sẽ có được một nền giáo dục thích hợp, nếu không các cháu sẽ thành ra như bác đây.

Bây giờ cả Benny và Bo đều nghĩ rằng kết thúc như bác Frasse cũng không tệ, ít nhất là không sao, cho đến khi ông bị nghiền nát nhừ trong chiếc máy nghiền đá của chính mình, nhưng bác Frasse luôn luôn phiền lòng với học vấn hạn hẹp của mình. Ông gần như không biết viết tiếng Thụy Điển, không biết làm tính,

chẳng hiểu một chữ tiếng Anh bẻ đôi và rất khó khăn ông mới nói được rằng thủ đô của Na Uy là Oslo, nếu có ai hỏi.

Điều duy nhất bác Frasse biết là kinh doanh. Và ông đã chết trong đồng tiền.

Khó nói được chính xác là bác Frasse có bao nhiêu tiền lúc bị nghiền chết. Dù sao thì ông đã bị nghiền nát khi Bo mười chín tuổi và Benny sắp mười tám. Một ngày nọ, một luật sư liên lạc với Bo và Benny, thông báo rằng cả hai đã được nhắc tới trong di chúc của bác Frasse nhưng vấn đề này hơi phức tạp và phải có một cuộc họp.

Vì vậy, Benny và Bo gặp luật sư tại văn phòng luật và phát hiện ra rằng một khoản tiền họ không rõ là bao nhiêu nhưng rất đáng kể đang dành sẵn cho hai anh em vào ngày cả hai đều học xong.

Chưa hết, luật sư sẽ cung cấp cho hai anh em một trợ cấp hàng tháng hào phóng (thường xuyên tăng theo tỉ lệ lạm phát) trong thời gian đi học, nhưng họ không được bỏ học bởi vì nếu thế thì trợ cấp hàng tháng sẽ bị thu hồi, giống như đã xảy ra với người anh trai đã thi tốt nghiệp xong và có thể tự lập được. Dù sao, di chúc còn nhiều thứ, những chi tiết phức tạp tương tự, nhưng tóm lại, nó có nghĩa là hai anh em sẽ giàu có khi cả hai đều học xong.

Bo và Benny ngay lập tức bắt đầu một khóa học bảy tuần về kĩ thuật hàn và luật sư khẳng định rằng theo di chúc như thế cũng đủ, “mặc dù tôi ngờ rằng bác Frank của các cậu có thể nghĩ đến một cái gì đó cao cấp hơn.”

Chuyện xảy ra là Benny nhận ra mình không muốn trở thành thợ hàn và tài thương mại của cậu tồi đến mức cậu thậm chí không có ý định kết thúc khóa học.

Hai anh em tranh luận về việc này một thời gian, cho đến khi Benny nói đến một khóa học về thực vật học tại Đại học Stockholm để thay thế. Theo luật sư, di chúc cho phép được thay đổi chủ đề học, miễn là không bị gián đoạn.

Thế là Bo sớm hoàn thành khóa thợ hàn của mình nhưng không nhận được một xu của bác Frasse vì Benny, em trai của cậu vẫn còn đang học. Chưa hết, luật sư ngay lập tức rút trợ cấp hàng tháng của Bo, theo điều kiện trong di chúc.

Tất nhiên điều này có nghĩa là hai anh em đã trở thành kẻ thù thực sự. Và khi Bo, trong một cơn say rượu lú lẫn, đập vỡ chiếc xe máy 125 phân khối Benny mới mua (bằng tiền trợ cấp học tập hào phóng của mình) thì đó là kết thúc của tình anh em hay bất kì sự cảm thông nào.

Bo bắt đầu những giao dịch kinh doanh theo tinh thần của bác Frasse, nhưng lại không có tài năng của bác. Sau một thời gian cậu chuyển đến Västergötland, một phần để có khởi đầu mới cho việc kinh doanh, phần khác để tránh nguy cơ va chạm với cậu em trai chết tiệt của mình. Lúc này Benny vẫn đang dùi mài kinh sử, năm này qua năm khác. Mức trợ cấp hàng tháng, như được giải thích trước đó, rất hào phóng, cho nên bằng cách thay đổi môn học trước khi thi tốt nghiệp và bắt đầu học cái gì đó mới, Benny có thể sống tốt, trong khi ông anh cực cần và bị chơi khăm cứ dài cổ chờ tiền của mình.

Và Benny cứ tiếp tục như thế suốt ba mươi năm, cho đến một ngày ông luật sư già lụ khụ liên lạc với anh, thông báo rằng tiền trong di chúc đã hết, sẽ không có bất kì khoản phụ cấp hàng tháng nào nữa, và tất nhiên là chẳng có tiền cho bất cứ điều gì khác. Hai anh em, đơn giản là có thể quên chuyện thừa kế, luật sư cho biết. Ông lúc này đã hơn chín mươi tuổi, và hình như sống đến lúc đó chỉ vì bản di chúc, bởi vì ngay vài

tuần sau, ông đã chết trên chiếc ghế bành mình vẫn ngồi xem truyền hình.

Nó mới vừa cách đây vài tuần. Benny đột nhiên thấy mình buộc phải tìm việc. Nhưng mặc dù là một trong những người có học vấn tốt nhất ở Thụy Điển, bác thấy rằng thị trường lao động không quan tâm đến số năm kỉ lục mình đã học hành, mà chỉ nhìn vào điểm thi cuối cùng. Bây giờ Benny có ít nhất mười kì thi đại học gần như (nhưng vẫn chưa) hoàn thành, mà vẫn thấy mình buộc phải đầu tư vào quầy bánh mì kẹp để có cái gì đó làm. Benny và Bo tất nhiên đã có liên hệ với nhau qua thông báo của luật sư rằng khoản thừa kế đã được học đến hết sạch! Nhân dịp đó Bo đã tỏ thái độ của mình theo một cách khiến Benny không vội gì đến thăm anh.

Theo dõi câu chuyện của Benny, Julius đâm lo rằng Người Đẹp sẽ hỏi đến những chuyện tế nhị, chẳng hạn như làm thế nào mà Benny lại dính với Julius và cụ Allan.

Người Đẹp không bận tâm với các chi tiết, nhờ bia và Gammaldansk. Thay vào đó, ông nhận thấy, nàng đã đang sắp sửa yêu, ôi cô gái già.

- Thế ngoài suýt thành bác sĩ thú y, anh còn suýt thành gì trong những năm qua? - Cô hỏi với đôi mắt lấp lánh.

Benny cũng hiểu như Julius rằng không nên mô tả quá chi tiết diễn tiến mấy ngày gần đây, vì thế bác rất cảm kích câu hỏi của Người Đẹp. Nhưng anh không nhớ hết được, bác nói, người ta học hỏi được rất nhiều thứ nếu ngồi ở ghế nhà trường trong suốt ba thập kỉ và thỉnh thoảng làm bài tập ở nhà. Benny biết đại khái rằng mình suýt là bác sĩ thú y, suýt là bác sĩ, suýt là kiến trúc sư, suýt là kĩ sư, suýt là nhà thực vật, suýt là giáo viên văn, suýt là giáo viên thể thao, suýt là nhà sử học và suýt là một vài thứ nữa. Và để thêm phần màu

sắc, bác còn tham dự một vài khóa học ngắn với chất lượng và tầm quan trọng khác nhau. Người ta có thể có thể xem bác là một con mọt sách bởi vì đôi khi bác học hai khóa cùng một lúc.

Sau đó Benny nhớ ra một cái khác mà bác suýt thành, và suýt quên mất. Thế là bác đứng lên, đối diện với Người Đẹp, và ngâm một câu thơ Thụy Điển:

Từ cuộc sống ăn mày ẩm đạm,
Từ nỗi cô đơn, anh bật lên lời hát
Về em, viên ngọc hoàng gia,
Vợ quý của anh, kho báu ngọc ngà.

Tiếp đó là sự im lặng tuyệt đối, ngoại trừ Người Đẹp lầm bầm một câu chữi thề không rõ trong khi má cô đỏ ửng.

- Erik Axel Karlfeldt, - Benny giải thích. - Với những lời đó, anh muốn cảm ơn em vì bữa ăn và chỗ ngủ. Hình như anh chưa nói rằng anh cũng suýt nữa thành chuyên gia văn học nhỉ?

Rồi Benny dẫn thêm một bước, có lẽ hơi quá xa khi hỏi Người Đẹp liệu cô có muốn nhảy trước lò sưởi, bởi vì cô nhanh chóng nói không, chưa thêm rằng ngu vừa thôi chứ ai lại ngu quá. Nhưng Julius nhận thấy rằng Người Đẹp đang khoái. Cô mở khóa chiếc áo choàng, chỉnh trang sao cho hấp dẫn nhất trước Benny.

Sau đó cụ Allan rút về đi ngủ trong khi ba người còn lại chuyển sang uống cà phê, với cognac nếu ai thích. Julius hôn hờ đôi mắt cô, trong khi Benny chọn một nửa thôi.

Julius hỏi Người Đẹp đủ thứ về trang trại và câu chuyện riêng của cô, một phần vì ông tò mò, phần khác vì ông muốn bằng mọi giá tránh né chủ đề họ là ai, đi đâu, và tại sao. Nhưng ông không phải lo lắng về điều đó bởi vì Người Đẹp bây

giờ đã nổi hứng nói chuyện về thời thơ ấu của mình, về người đàn ông cô kết hôn khi mười tám và đuổi ra khỏi nhà mười năm sau đó (đoạn đó cô chửi thề nhiều hơn), về chuyện chưa bao giờ có con, về Trang trại Bên Hồ đã từng là nhà nghỉ mùa hè của cha mẹ cô trước khi bà mẹ qua đời cách đây bảy năm và cha cô đã cho Người Đẹp làm cửa hồi môn, về công việc hết sức nhàm chán làm nhân viên tiếp tân tại phòng khám ở Rottne, về khoản thừa kế bắt đầu sắp cạn, sắp đến lúc phải giải tán và nghĩ ra một cái gì đó khác.

- Ý em là, em đã bốn mươi ba, - Người Đẹp nói. - Thò mẹ nó nửa chân xuống mộ rồi.

- Tôi không thể tin được điều đó, - Julius nói.

o o o

Người huấn luyện cho Kicki những hướng dẫn mới và nó bắt đầu di chuyển khỏi chiếc xe goòng đánh hơi một lúc. Chánh Thanh tra Aronsson hi vọng rằng các xác chết được nhắc tới sẽ lộ ra ở đâu đó, nhưng chỉ sau ba mươi mét trong sân của nhà máy, Kicki bắt đầu đi vòng tròn, dường như tìm kiếm hủ hạp, trước khi nhìn người huấn luyện một cách đầy biểu cảm.

- Kicki nói nó xin lỗi, nhưng nó không thể nói cái xác chết đã biến đi đâu, - người huấn luyện chó dịch.

Với thông tin đó, người huấn luyện chó cũng không biết gì chính xác như đáng ra phải thế. Chánh Thanh tra Aronsson hiểu ý câu trả lời là Kicki đã bị mất dấu của tử thi từ chỗ xe goòng. Nhưng nếu Kicki biết nói thì nó đã bảo với ông rằng cái xác chắc chắn được di chuyển vài mét vào khu nhà máy trước khi biến mất. Và đó có thể khiến Chánh Thanh tra Aronsson bắt đầu điều tra các phương tiện đã rời khỏi xưởng đúc vài giờ trước. Câu trả lời chỉ có một: một chiến hạm có toa moóc đi Gothenburg, để dỡ hàng ở cảng. Nếu biết thì cảnh sát có thể

đã được thông báo và chặn nó ở E20 hay nơi nào đó gần Trollhättan. Nhưng bây giờ cái xác đã được xuất ngoại.

Gần ba tuần sau đó, một nhân viên bảo vệ người Ai Cập trẻ tuổi ngồi trên chiếc xà lan ra khỏi kênh đào Suez. Anh ta khó chịu với mùi hôi thối bốc lên từ chỗ hàng hoá. Cuối cùng, không chịu nổi, anh ta nhúng vớt một miếng giẻ, quấn quanh mũi và miệng mình. Ở một trong các hộp gỗ, anh đã tìm thấy lời giải thích. Có xác chết đã thối rửa một nửa.

Người thủy thủ Ai Cập nghĩ một lúc. Anh ta không định để cái xác thối đó hủy hoại nốt phần còn lại của cuộc hành trình. Bên cạnh đó, chắc chắn anh ta sẽ bị cảnh sát ở Djibouti thẩm vấn, mà ai cũng biết cảnh sát ở Djibouti thì thế nào rồi.

Chuyển cái xác cũng không phải là một ý tưởng dễ chịu gì nhưng cuối cùng anh ta đi đến quyết định. Đầu tiên, anh móc hết các túi xem có gì giá trị - thì cũng phải được cái gì đó sau rắc rối này chứ - rồi sau đó anh đẩy cái xác xuống biển.

Đấy là đoạn kết vì sao gã thanh niên người gầy gầy, tóc dài vàng hoe và nhờn bóng, bộ râu lởm chởm, mặc chiếc áo khoác vải bò với dòng chữ Never Again trên lưng, lại rơi tõm xuống thành thức ăn cho cá Biển Đỏ.

o o o

Ở Trang trại Bên Hồ, họ chia tay vào trước nửa đêm. Julius đi lên lầu ngủ, còn Benny và Người Đẹp lấy chiếc Mercedes đến phòng khám ở Rottne vài tiếng sau. Đi được nửa đường, họ phát hiện ra cụ Allan dưới tấm chăn trên ghế sau. Cụ Allan tỉnh dậy và giải thích rằng đầu tiên cụ đi ra ngoài thở không khí trong lành và ở đó, cụ thấy ngủ trong xe cũng tốt vì leo cầu thang lên phòng ngủ thì hơi quá sức cho cái đầu gối rệu rã của cụ, sau một ngày dài.

- Tôi không còn chín mươi nữa, - cụ nói.

Bộ đôi đã biến thành bộ ba tập thể dực ban đêm, nhưng cũng chẳng sao. Người Đẹp vạch kế hoạch chi tiết hơn. Họ sẽ vào trung tâm y tế bằng chiếc chìa khóa mà Người Đẹp đã quên trả lại khi bỏ việc. Vào bên trong rồi, họ sẽ đăng nhập vào máy tính của bác sĩ Erlandsson, dưới tên Erlandsson gửi một toa thuốc kháng sinh cho tên của Người Đẹp. Cần có mật khẩu của Erlandsson, nhưng điều đó không thành vấn đề với Người Đẹp, vì Bác sĩ Erlandsson không chỉ thùng rỗng kêu to, mà còn ngu bở mệ. Khi hệ thống máy tính mới được cài đặt cách đây vài năm, chính Người Đẹp đã dạy cho bác sĩ làm thế nào để kê các toa thuốc điện tử, và cô là người chọn tên truy cập và mật khẩu cho ông ta.

Chiếc Mercedes đã tới mục tiêu gây án. Benny, cụ Allan và Người Đẹp bước ra, phân tích môi trường xung quanh trước khi bắt tay vào hành động. Đặc biệt có một chiếc xe từ từ đi qua nơi họ đang đứng. Người lái xe nhìn vào bộ ba cũng ngạc nhiên như họ nhìn anh ta. Vào lúc đêm hôm này ở Rottne, một người còn thức đã là chuyện giật gân rồi. Thế mà đêm nay lại có tới bốn người.

Nhưng chiếc xe đã biến mất và bóng tối yên tĩnh lại trùm lên Rottne. Người Đẹp dẫn Benny và cụ Allan vào bằng lối nhân viên của trung tâm ở phía sau, rồi vào phòng của bác sĩ Erlandsson. Ở đó, cô khởi động máy tính của Bác sĩ Erlandsson và đăng nhập.

Mọi thứ theo đúng kế hoạch và Người Đẹp cười khúc khích sung sướng cho đến khi cô bất ngờ tuôn ra một tràng chữi thề không ngớt miệng. Cô nhận ra rằng không thể cứ đơn giản gửi một toa thuốc cho 'một kg thuốc kháng sinh'.

- Viết là Erytromycin, Rifamin, Gentamicin và Rifampin, mỗi loại 250 gram, - Benny bảo. - Rồi chúng ta có thể trị chứng viêm nhiễm từ hai phía khác nhau.

Người Đẹp nhìn Benny đầy ngưỡng mộ. Rồi cô mời bác ngồi xuống và gõ các tên thuốc vừa kể. Benny làm như cô nói và thêm một số thuốc cấp cứu ưu tiên, cũng tốt để phòng khi có chuyện trong tương lai.

Ra khỏi trung tâm y tế cũng dễ dàng như khi đột nhập vào. Họ về đến nhà trót lọt. Benny và Người Đẹp giúp cụ Allan lên gác và đến gần hai rưỡi sáng, ánh đèn cuối cùng ở mới tắt.

Vào giờ ấy không có nhiều người còn thức. Nhưng ở Braås, cách Trang trại Bên Hồ khoảng 20 km, một thanh niên nằm trần trọc liên tục trên giường, tuyệt vọng vì thèm thuốc. Đó là em trai của Thùng Gỗ, chỉ huy mới của nhóm Bạo Lực. Ba giờ trước đó, hắn đã hút hết liều thuốc cuối cùng của mình và tất nhiên chẳng bao lâu đã cảm thấy thèm kinh khủng một liều nữa. Hắn nguyên rủa mình vì đã quên mua thuốc trước khi tắt cả mọi thứ đóng cửa vào buổi tối, như thường lệ rất sớm.

Lúc đầu, hắn đã định nhịn đến sáng hôm sau, nhưng vào lúc khoảng nửa đêm, hắn không thể chịu đựng được nữa. Đó là khi em trai của Thùng Gỗ nảy ra ý tưởng diễn lại trò cũ, đơn giản là đột nhập vào một kiôt với cái xà beng. Nhưng không phải ở Braås, nơi hắn còn phải nghĩ đến thể diện của mình. Thêm nữa, hắn sẽ bị nghi ngay cả trước khi vụ việc được điều tra ra.

Đương nhiên, tốt nhất là đi xa hơn một chút, nhưng hắn đang thèm thuốc đến mức đã phải thỏa hiệp. Và sự thỏa hiệp là Rottne, cách đó khoảng mười lăm phút. Hắn mặc quần áo vào rồi lăn bánh từ từ vào một thị trấn nhỏ trong chiếc Voo 240 cũ kĩ của mình, sau nửa đêm một chút. Khi lái xe qua trung tâm y tế, hắn ngạc nhiên thấy ba người trên vỉa hè. Họ chỉ đứng đó:

một người phụ nữ tóc đỏ, một người đàn ông tóc đuôi ngựa và ngay sau họ là một cụ già kinh khủng.

Em trai Thùng Gỗ chẳng phân tích sâu xa về sự kiện này (nói chung, hiếm khi hắn phân tích sâu sắc được chuyện gì). Thay vào đó, hắn tiếp tục khoảng một cây số dọc theo con đường, dừng lại dưới một cái cây khá gần với kiôt nhưng không phá được vì chủ kiôt đã gia cố cánh cửa để chống lại xà beng, thế là hắn lái xe về nhà, tuyệt vọng vì thềm thuốc như cũ.

o o o

Thức dậy sau 11 giờ sáng, cụ Allan cảm thấy khỏe khoắn. Cụ nhìn ra ngoài cửa sổ nơi rừng thông Småland trải ra quanh cái hồ cũng rất đặc trưng của Småland. Cụ Allan thấy cảnh này gợi cho cụ nhớ đến Södermanland. Có vẻ như hôm nay trời sẽ đẹp.

Cụ mặc quần áo, vẫn diện bộ duy nhất cụ có, và nghĩ rằng có lẽ cũng nên làm mới tủ quần áo của mình một chút. Cả cụ, Julius lẫn Benny đều không mang theo được dù là chiếc bàn chải đánh răng.

Khi cụ Allan vào phòng khách, Julius và Benny đang ngồi ăn sáng. Julius đã tản bộ vào buổi sáng trong khi Benny ngủ một giấc sâu và dài. Người đẹp đã bày sẵn đĩa, cốc và bản hướng dẫn tự phục vụ trong bếp. Còn cô đã đi Rottne. Bức thư kết thúc với đề nghị các quý ông nhớ để lại một phần hợp lý của bữa ăn sáng trên đĩa. Buster sẽ chăm sóc phần còn lại.

Cụ Allan chúc buổi sáng tốt lành và được chúc lại như thế. Rồi Julius nói thêm rằng ông đã có ý tưởng ở lại một đêm nữa ở Trang trại Bên Hồ vì môi trường xung quanh thật mê hồn. Cụ Allan hỏi liệu đó có phải do ảnh hưởng của bác tài xế riêng không, dựa trên niềm đam mê cụ chứng kiến vào buổi tối trước đó. Julius đáp rằng buổi sáng, ông đã được xơi trứng và bánh mì nướng, cộng thêm cả xâu lý do của Benny vì sao tốt hơn cả

là ở lại Trang trại Bên Hồ đến hết mùa hè, tuy nhiên kết luận được rút ra là của chính Julius. Vì nếu đi thì họ sẽ đi đâu? Chẳng phải họ cần thêm một ngày để suy nghĩ sao?

Tất cả những gì cần thiết cho họ để ở lại là cả ba cùng thống nhất một câu chuyện lọt tai về chủ đề họ là ai và họ đang đi đâu. Và tất nhiên, được sự cho phép của Người Đẹp.

Benny chăm chú theo dõi cuộc trò chuyện giữa cụ Allan và Julius, hi vọng hầu như chắc chắn rằng nó sẽ kết thúc bằng một đêm nữa ở chính nơi này. Cảm xúc của bác đối với Người Đẹp từ hôm trước đã không hề giảm đi, ngược lại, bác đã thất vọng khi không được nhìn thấy cô ngay lập tức khi đi xuống ăn sáng. Nhưng dù sao, cô đã viết “cám ơn vì ngày hôm qua” trong bức thư. Có thể cô ám chỉ bài thơ mà Benny đã ngâm? Ước gì cô quay lại sớm!

Nhưng phải mất gần một tiếng trước khi Người Đẹp hiện ra ở sân. Khi cô trèo ra khỏi chiếc xe, Benny thấy rằng cô thậm chí còn đẹp hơn rằng lần cuối cùng bác nhìn thấy. Cô đã thay bộ quần liền áo màu đỏ của mình bằng một chiếc váy và Benny thậm chí tự hỏi có phải cô đã đến tiệm làm tóc. Bác bước vài bước hân hoan về phía cô, và kêu lên:

- Người Đẹp của anh! Mừng em đã về!

Cụ Allan và Julius đứng sau bác và thích thú với tình yêu lồ lộ trước mắt họ. Nhưng nụ cười tắt ngay khi Người Đẹp mở miệng. Đầu tiên cô đi thẳng qua Benny, rồi qua cả hai trước khi dừng lại trên bậc thềm của Trang trại Bên Hồ, nơi cô quay lại và nói:

- Đồ con hoang khốn kiếp! Tôi biết tất cả mọi thứ! Và bây giờ tôi muốn biết phần còn lại. Tập trung ở phòng khách. Ngay bây giờ!

Rồi Người Đẹp biến mất vào trong nhà.

- Nếu đã biết tất cả mọi thứ thì cô ấy còn muốn biết thêm cái gì nữa? - Benny hỏi.

- Không nói gì khác đâu đấy, Benny, - Julius dặn.

- Phải, nhất trí, - cụ Allan nói.

Rồi họ đã đi vào bên trong để xem số phận ra sao.

o o o

Người Đẹp bắt đầu ngày mới bằng việc cho Sonya ăn một ít cỏ mới cắt rồi đi thay quần áo. Miễn cưỡng, cô thừa nhận với bản thân rằng mình muốn làm đẹp cho Benny. Vì vậy, cô thay bộ quần liền áo màu đỏ bằng một chiếc váy màu vàng sáng và mái tóc xoăn của cô được tết thành hai bím. Hơn thế nữa, cô còn trang điểm nhẹ nhàng và làm đậm đà thêm với một chút nước hoa trước khi vào chiếc xe VW Passat màu đỏ của mình để lái đến Rottne mua hàng.

Buster ngồi đúng chỗ của mình ở ghế hành khách và liếc liếc hông khi chiếc xe quay về phía siêu thị ở Rottne. Sau đó, Người Đẹp thắc mắc có phải Buster liếc thế vì nó thấy các pano báo - tờ Expressen được thắp sáng bên ngoài cửa hàng và có hai tấm ảnh, tấm ở dưới cùng là của ông già Julius, và tấm trên chính là cụ Allan. Dòng tít lớn là:

“Cảnh sát nghi ngờ: cụ già trăm tuổi bị bắt cóc bởi băng đảng tội phạm. Cuộc truy lùng tên trộm khét tiếng bậc thầy ngày hôm nay.”

Người Đẹp nóng mặt, suy nghĩ của cô lung tung mọi hướng. Cô đã rất tức giận và lập tức bỏ kế hoạch mua hàng, bởi vì ba tên quỉ ranh mãnh phải bị tống cổ khỏi nhà trước khi ăn trưa! Nhưng trước tiên Người Đẹp đi vào hiệu thuốc và lấy thuốc mà Benny đã đặt mua trên máy tính vào đêm hôm trước, rồi cô mua

một tờ Expressen để tìm hiểu chi tiết hơn những gì thực tế đang diễn ra.

Người Đẹp càng đọc càng giận hơn. Nhưng đồng thời, cô thực sự không thể ráp nối mọi chuyện với nhau. Có phải Benny là thành viên Never Again? Julius là một tên trộm bậc thầy? Và ai đã bắt cóc ai? Họ có vẻ ăn ý với nhau kia mà?

Cuối cùng, cơn giận đã chiến thắng sự tò mò của cô. Bởi vì dù điều gì đã xảy ra thì cô cũng đã bị lừa. Đừng hòng lừa Gunilla Björklund mà xong đâu! ‘Người đẹp của anh!’ Tởm!

Cô ngồi lại vào trong xe đọc bài báo một lần nữa: “Vào Thứ Hai, đúng ngày sinh nhật thứ một trăm của cụ, Allan Karlsson biến mất khỏi Nhà Già ở Malmköping. Cảnh sát nghi ngờ rằng cụ đã bị tổ chức tội phạm Never Again bắt cóc. Theo thông tin Expressen nhận được, siêu trộm Julius Jonsson có liên quan.”

Nó tiếp tục với một mớ tạp nham thông tin và lời khai của các nhân chứng. Người ta đã thấy Allan Karlsson ở Trung tâm Du lịch tại Malmköping, sau đó cụ leo lên xe buýt đi Strängnäs, và điều này khiến một thành viên của Never Again tức giận. Nhưng khoan đã... “... người đàn ông tóc vàng trạc ba mươi tuổi...” Đó không phải là miêu tả thích hợp cho Benny. Người Đẹp cảm thấy... nhẹ nhõm?

Rắc rối tiếp tục là Karlsson Allan đã được nhìn thấy ngày hôm trước trên một chiếc xe goòng ở giữa rừng Södermanland, cùng với siêu trộm Jonsson và thành viên Never Again, người đã rất tức giận với cụ. Expressen không thể mô tả chính xác mối quan hệ giữa ba người đàn ông, nhưng giả thuyết hiện nay là Allan Karlsson đang nằm trong nanh vuốt của những kẻ khác. Ít nhất, đó là những gì bác nông dân Tengroth ở Vidkärn nghĩ sau khi được phóng viên của Expressen căn vặn kĩ càng. Cuối cùng, Expressen có thể tiết lộ một chi tiết: cụ thể là Benny

Ljungberg, chủ quầy bánh mì kẹp đã biến mất không dấu vết ngày hôm trước khỏi làng đúc Aker nơi cụ già trăm tuổi và gã siêu trộm được nhìn thấy lần cuối cùng. Các nhân viên trạm xăng gần đó đã cho biết.

Người Đẹp gấp tờ báo lại, nhét nó vào mồm Buster. Rồi cô quay về hướng trang trại của mình trong rừng, nơi giờ cô đã biết là mình đang chứa chấp một cụ già trăm tuổi, một tên siêu trộm và chủ quầy bánh mì kẹp làm khách. Người cuối cùng đẹp trai, duyên dáng và rõ ràng có kiến thức y tế, nhưng không có chỗ cho sự lảng mạn ở đây. Trong một khoảnh khắc,

Người Đẹp thấy buồn hơn là tức giận, nhưng cô đẩy sự tức giận của mình lên lần nữa thành cơn cuồng nộ khi lái xe vào sân nhà mình.

o o o

Người Đẹp lôi tờ Expressen ra khỏi mồm Buster, mở ra trang đầu tiên với những hình ảnh của cụ Allan và Julius, bắt đầu chữi thẻ và hét lên trước khi đọc to bài báo. Rồi cô yêu cầu một lời giải thích về những gì đã xảy ra và thẻ rằng cả ba sẽ bị tổng ra đường trong vòng năm phút không phân biệt. Sau đó, cô gấp tờ báo, nhét nó trở lại mồm Buster, khoanh tay lại và kết thúc với một giọng băng giá và quyết liệt:

- Thế nào?

Benny nhìn sang cụ Allan, cụ nhìn Julius người lạ lòng thay lại nở một nụ cười.

- Siêu trộm, - ông nói. - Trời ơi, tôi là một tên trộm bậc thầy. Cũng không tồi nhỉ.

Nhưng Người Đẹp không ấn tượng. Mặt cô đã đỏ càng đỏ hơn khi cảnh cáo Julius rằng ông sắp là một tên siêu trộm ăn đòn nếu Người Đẹp không biết rõ ngay lập tức những gì đã xảy ra.

Rồi cô nói với các vị khách những gì cô tự nhủ mình, cụ thể là không ai lừa Gunilla Björklund ở Trang trại Bên Hồ mà xong đâu. Để tăng sức mạnh cho lời nói, cô lôi một khẩu súng cũ từ tường xuống. Nó không bắn được nữa, tất nhiên, Người Đẹp thừa nhận, nhưng nó vẫn tốt để đập vỡ hộp sọ tên siêu trộm, chủ quầy bánh kẹp và lão già nếu cần thiết, và có vẻ là cần đấy.

Nụ cười của Julius Jonsson nhanh chóng tắt ngấm. Benny đứng đó, chôn chân xuống sàn nhà với đôi tay thống thượt bên sườn. Như bác có thể thấy, mối duyên lãng mạn của mình đã cao chạy xa bay. Rồi cụ Allan xen vào, xin Người Đẹp cho thời gian để suy nghĩ. Với sự cho phép của Người Đẹp, cụ muốn trò chuyện riêng với Julius ở phòng bên cạnh. Người Đẹp đồng ý với một chút lăm băm, nhưng cảnh báo cụ Allan đừng giở trò. Cụ Allan hứa sẽ cư xử đàng hoàng rồi tóm tay Julius lôi vào nhà bếp đóng cửa lại.

Allan bắt đầu cuộc hội ý bằng cách hỏi Julius liệu ông có ý tưởng nào khác mà không thổi bùng cơn giận dữ của Người Đẹp lên. Julius trả lời rằng cách duy nhất họ có thể cứu vãn tình thế là mời Người Đẹp tham gia sở hữu một phần của chiếc vali.

Cụ Allan về cơ bản đồng ý, mặc dù cụ chỉ ra rằng chẳng hay ho gì nếu một ngày nói với ai đó là Julius và Allan đã đánh cắp vali của người ta, giết chết họ khi họ muốn đòi lại nó rồi gửi cái xác chết đóng gói ngay ngắn trong hộp gỗ vận chuyển đến Châu Phi.

Julius nghĩ rằng cụ Allan đã phóng đại. Vì đến giờ chỉ có một người mất mạng và chắc chắn là đáng kiếp. Và nếu họ có thể thoát cho đến khi mọi chuyện lắng xuống, thì sẽ chẳng ai phải gặp số phận tương tự.

Thế là cụ Allan nói cụ đã có một sáng kiến. Cụ nghĩ rằng nên chia tiền trong vali ra làm bốn: Allan, Julius, Benny và

Người Đẹp. Như thế sẽ không có nguy cơ là hai người sau sẽ đi và bép xép với người xấu. Và như một phần thưởng, mọi người có thể ở Trang trại Bên Hồ suốt mùa hè, và sau đó bằng đảng Xe Máy chắc chắn sẽ ngừng tìm kiếm họ, nếu như chúng đang tìm kiếm thật, mà một trong số đó sẽ nhận ra họ.

- Hai mươi lăm triệu cho chỗ ngủ và bữa sáng trong vài tuần,
- Julius thở dài, nhưng với một điệu bộ cho thấy rằng ông hiểu cụ Allan đã đúng.

Cuộc hội ý trong nhà bếp đã xong. Julius và cụ Allan quay trở lại phòng khách. Cụ Allan xin Người Đẹp và Benny kiên nhẫn thêm ba mươi giây, trong khi Julius đi về phòng của mình và trở lại ngay với chiếc vali kéo theo sau. Ông đặt nó lên chiếc bàn dài ở giữa phòng khách và mở ra.

- Cụ Allan và tôi đã quyết định rằng chúng ta sẽ chia đều, tất cả bốn người chúng ta.

- Giêsu, chết tiệt nhà Chúa! - Người Đẹp thốt lên.

- Bây giờ mọi người ngồi xuống, và tôi sẽ giải thích, - Julius nói.

Giống như Benny, Người Đẹp thấy khó tiêu hóa câu chuyện về cái xác chết được nhét trong một hộp gỗ, nhưng cô ấn tượng nhất là cụ Allan đã leo qua cửa sổ và biến khỏi cuộc sống trước đó của mình.

- Tôi, tôi đã phải làm tương tự thế sau mười bốn ngày với thằng chó đẻ mà tôi đã lấy làm chồng.

Yên bình trở lại với Trang trại Bên Hồ. Người Đẹp và Buster lại đi mua đồ. Cô đã mua thực phẩm, đồ uống, quần áo, đồ vệ sinh và rất nhiều thứ khác. Cô trả tất cả mọi thứ bằng tiền mặt, loại tiền giấy 500 crown cùng một cọc.

Chánh Thanh tra Aronsson thẩm vấn nhân chứng ở trạm xăng ở Mjölby, một phụ nữ trạc năm mươi là thanh tra cửa hàng. Nghề nghiệp và cách bà mô tả những gì mình đã chứng kiến khiến bà thành một nhân chứng đáng tin cậy. Bà cũng có thể chỉ ra cụ Allan trong bức ảnh chụp một bữa tiệc sinh nhật tám mươi tuổi ở Nhà Già một hoặc hai tuần trước, Xơ Alice đã tử tế cung cấp nó không chỉ cho cảnh sát mà còn cho các phóng viên báo chí nào có nhu cầu.

Chánh Thanh tra Aronsson đã buộc phải thừa nhận với chính mình rằng ông đã sai khi bác bỏ lời khai này hôm trước. Nhưng cũng không sao. Thay vào đó, Aronsson tập trung vào bản phân tích. Căn cứ vào nơi họ chạy trốn, có hai khả năng: hoặc là hai ông già và chủ quầy bánh kẹo biết nơi họ đang đến, hoặc họ chỉ đơn giản là đi về phía nam một cách ngẫu nhiên. Aronsson thích cái đầu tiên vì đuổi theo người biết mình đi đâu thì dễ dàng hơn là theo người chỉ lang thang bất định. Nhưng với mấy người này thì có trời mà biết. Dường như không có mối liên hệ rõ rệt nào giữa Allan Karlsson và Julius Jonsson, hay giữa Allan với Benny Ljungberg. Jonsson và Ljungberg có thể là người quen, dù sao họ chỉ sống cách nhau khoảng hai mươi cây số. Nhưng có thể Ljungberg đã bị bắt cóc và buộc phải lái xe. Ông già trăm tuổi cũng có thể bị buộc phải theo, mặc dù hai điều nói trên đi ngược lại giả thuyết rằng: 1) thực tế là Allan Karlsson xuống xe buýt tại Trạm Byringe và, có vẻ, tự nguyện tìm Julius Jonsson, và 2) báo cáo của nhân chứng rằng Julius Jonsson và Allan Karlsson a) trên xe goòng băng qua rừng và b) đi bộ bên ngoài xưởng đúc vẻ như có quan hệ tốt với nhau.

Trong trường hợp nào thì nhân chứng đã thấy chiếc Mercedes màu bạc đã rời khỏi đường E4 và tiếp tục dọc theo quốc lộ 32 theo hướng Tranås. Mặc dù chuyện đó đã xảy ra quá hai mươi tư

giờ trước nhưng nó khá thú vị. Bởi vì nếu đi về phía nam dọc theo đường E4 rồi rẽ sang Quốc lộ 32 ở Mjölby thì có rất ít nơi để đến. Khu vực xung quanh Västervik Vimmerby Kalmar thì không phải rồi, hoặc chiếc xe có thể đã rẽ ở Norrköping, hay ở Linköping tùy thuộc vào nơi mà họ đã vào đường E4 từ phía bắc.

Jönköping Värnamo và những nơi xa hơn về phía nam cũng có thể được loại trừ vì không có lý do gì để rời khỏi trục chính đường E. Họ có thể đi Oskarshamn rồi đến đảo Gotland, nhưng danh sách hành khách trên phà cho thấy không phải thế. Tất cả những điểm còn lại là miền bắc Småland: Tranås, Eksjö, có thể cả Nässjö, Åseda, Vetlanda và vùng lân cận. Có thể hình dung xa về phía nam là Växjö, nhưng trong trường hợp đó, chiếc Mercedes khó mà chọn con đường nhanh nhất. Và chuyện đó rất có thể bởi vì nếu hai ông già và tay chủ quầy bánh kẹp cảm thấy đang bị truy đuổi thì chọn con đường nhỏ hơn là hợp lý.

Về khả năng họ vẫn đâu đây trong khu vực Chánh Thanh tra Aronsson đã khoanh vùng, điều đáng nói nhất là trên xe có hai người không có hộ chiếu hợp lệ. Họ khó mà ra nước ngoài được. Thứ hai, thực tế là các đồng nghiệp của Chánh Thanh tra Aronsson đã gọi điện đến tất cả các trạm xăng họ biết ở miền nam, đông nam và tây nam, trong vòng 300 đến 500 km từ Mjölby. Không nơi nào có ai thông báo về một chiếc Mercedes màu bạc với ba du khách đáng chú ý. Tất nhiên, họ có thể đổ xăng tại một trạm tự phục vụ, nhưng người ta thường đi đến trạm có người bởi vì sau khi đã lái xe một chặng đường, họ thường cần một túi khoai tây chiên giòn, một chai nước uống có ga hay cái bánh kẹp. Và thêm lí do nghiêng về giả thuyết đó là họ đã từng chọn trạm xăng có người phục vụ, lúc ở Mjölby.

- Tranås, Eksjö, Nässjö, Vetlanda, Åseda... và vùng lân cận,
- Chánh Thanh tra Aronsson nói với mình bằng giọng hân hoan,
trước khi nó xịu xuống một lần nữa:

- Và thế thì ở đâu?

o o o

Khi chỉ huy nhóm Bạo Lực ở Braås tỉnh dậy vào buổi sáng sau một đêm khủng khiếp, hắn lập tức đi đến trạm xăng để giải quyết cơn thèm thuốc đến tuyệt vọng của mình. Trên bức tường bên ngoài lối vào, mấy pano báo chọc thẳng vào mắt hắn. Bức hình lớn trong tờ Expressen cho thấy... khá chắc chắn chính là ông già mà hắn đã nhìn thấy ở Rottne đêm trước.

Uội vàng, hắn quên cả hỏi mua thuốc lá. Nhưng hắn đã mua tờ Expressen, kinh ngạc bởi những gì mình đọc, và sau đó gọi điện cho ông anh Thùng Gỗ của mình.

o o o

Bí ẩn về vụ mất tích và có lẽ bị bắt cóc của cụ già trăm tuổi gây chú ý trên cả nước. TV4 chiếu một phim tài liệu điều tra ‘Sự kiện lạnh đặc biệt’, trong đó họ đã không đi xa hơn những gì tờ Expressen và Aftonbladet đã có, tuy nhiên họ lại có hơn 1,5 triệu người xem, gồm cả chính cụ già trăm tuổi và các đồng chí mới của cụ trong Trang trại Bên Hồ ở nơi hẻo lánh nhất Småland.

- Nếu không biết rõ thì tôi đã cảm thấy tội nghiệp cho cậu ta, - cụ Allan bảo.

Người Đẹp không quá lạc quan về chuyện này và nghĩ rằng cụ Allan, Julius và Benny tốt nhất nên tránh mặt người dân một thời gian. Còn chiếc Mercedes từ bây giờ sẽ đậu phía sau chuồng voi. Về phần mình, sáng hôm sau, cô sẽ đi mua chiếc xe tải dọn nhà mà mình đã để mất đến từ lâu. Họ có thể phải rời

khỏi đây rất sớm, và trong trường hợp đó cả nhà sẽ đi, kể cả Sonya.

CHƯƠNG 9

1939-1945

Ngày 1 tháng Chín năm 1939, con tàu treo cờ Tây Ban Nha của Allan bỏ neo tại bến cảng ngoài New York. Allan đã định ghé mắt vào một nước lớn ở phương Tây rồi lên tàu đi tiếp, nhưng cùng ngày đó những đồng minh của tổng tư lệnh đã tiến vào Ba Lan và chiến tranh lại bùng phát ở châu Âu. Con tàu Tây Ban Nha đã bị bắt giữ, sau đó bị tịch thu và phải phục vụ trong Hải quân Hoa Kỳ cho đến khi hòa bình năm 1945.

Tất cả đàn ông trên tàu đã được gửi đến sở nhập cư trên đảo Ellis. Ở đó, các viên chức nhập cư hỏi từng người những câu hỏi tương tự: 1) Tên? 2) Quốc tịch? 3) Nghề nghiệp? 4) Mục đích của chuyến thăm Hoa Kỳ?

Các bạn đồng hành của Allan trên tàu đều khai họ đơn giản là chỉ là những thủy thủ Tây Ban Nha giờ không có nơi nào để đi vì tàu của họ đã bị giữ. Sau đó họ đã nhanh chóng được nhập cảnh vào nước này, nơi họ phải cố gắng hết sức.

Nhưng Allan thì khác với tất cả bọn họ. Trước hết, anh có một tên mà phiên dịch tiếng Tây Ban Nha không thể phát âm. Rồi anh nói rằng mình đến từ Suecia. Và hơn hết vì anh khai thật rằng mình là một chuyên gia chất nổ, đã từng kinh doanh vật liệu nổ, sản xuất pháo, và gần đây nhất có kinh nghiệm trong cuộc chiến giữa người Tây Ban Nha với nhau.

Sau đó Allan lấy ra bức thư của Tướng Franco. Phiên dịch tiếng Tây Ban Nha kinh hãi dịch nó cho nhân viên nhập cảnh, người này lập tức mời cấp trên của mình xuống, và cấp trên lại mời cấp trên nữa.

Quyết định đầu tiên là tên Thụy Điển phát xít ngay lập tức sẽ được gửi trở lại nơi hãn xuất phát.

- Miễn là các bạn có thể kiếm một con tàu cho tôi, thì tôi rất vui được đi, - Allan nói.

Nói thì dễ hơn làm. Thay vào đó, các cuộc thẩm vấn tiếp tục. Và nhân viên di trú càng tìm hiểu Allan thì càng thấy tay Thụy Điển này có vẻ chẳng phát xít tẹo nào. Và anh ta không phải là cộng sản. Hoặc là người theo chủ nghĩa xã hội quốc gia. Đơn giản anh ta chẳng là gì cả ngoài một chuyên gia chất nổ. Câu chuyện anh ta làm thế nào thành bạn thân với Tướng Franco ngớ ngẩn đến mức khó có thể bịa ra được.

Sếp cao nhất ở sở nhập cư có một người anh ở Los Alamos, New Mexico, và theo như ông biết thì ông này làm việc với bom và những thứ tương tự cho quân đội. Chẳng có ý tưởng gì tốt hơn, họ tạm thời nhốt Allan lại, sau đó viên sếp sở nhập cư trao đổi về trường hợp này với anh trai mình khi họ gặp nhau tại trang trại gia đình ở Connecticut vào Lễ Tạ Ơn. Người anh trả lời rằng ông chẳng vui mừng gì nhận về một người theo phe Franco, nhưng họ đang tuyệt vọng không kiếm đâu ra người có chuyên môn nên có thể tìm một số việc phù hợp, không đòi hỏi cao và không quá bí mật cho gã người Thụy Điển, nếu điều đó giúp ích cho em trai ông.

Viên sếp nhập cư trả lời rằng thế thì đỡ cho ông quá, rồi hai anh em chén gà tây.

Một thời gian sau, Allan đã bay chuyến bay đầu tiên trong đời mình và cuối thu năm 1939, ông đến cơ sở quân đội Mỹ tại Los Alamos, nơi chẳng bao lâu họ phát hiện ra rằng Allan không biết một từ tiếng Anh nào. Một trung úy nói tiếng Tây Ban Nha được giao nhiệm vụ tìm hiểu kỹ năng chuyên nghiệp của gã người Thụy Điển, và Allan đã phải viết ra các công thức của mình cho trung úy. Trung úy xem xét, tìm thấy trong đó bằng chứng về một năng lực sáng tạo đáng kể, nhưng thờ dãi vì thực tế

rằng tác dụng chất nổ của Allan khó mà làm nổ được một chiếc xe hơi.

- Ồ, được chứ, - Allan đáp. - Một chiếc xe với một người đàn ông ở trong. Tôi đã thử rồi mà.

Allan có thể ở lại, đầu tiên là ở trong doanh trại xa nhất, nhưng năm tháng trôi qua và Allan bắt đầu nói được tiếng Anh, ông được phép di chuyển tự do hơn trong căn cứ. Là một trợ lý rất có óc quan sát, vào ban ngày, Allan đã học được cách làm thuốc nổ với phẩm chất hoàn toàn khác với thứ thuốc mà ông đã đặt trong hố sỏi phía sau nhà mình vào những ngày chủ nhật hời còn ở nhà. Và vào buổi tối, khi hầu hết thanh niên trai tráng tại căn cứ Los Alamos vào thị trấn để tán gái thì Allan ngồi trong thư viện cấm ở căn cứ và nghiên cứu kĩ thuật làm pháo hoa cao cấp.

o o o

Allan học hỏi ngày càng nhiều, trong khi chiến tranh ở châu Âu (và cuối cùng là thế giới) càng lan rộng. Ông không thực hành được những kiến thức mới của mình tí nào vì vẫn còn là một trợ lý (mặc dù được đánh giá cao), nhưng ít nhất ông đã có chúng trong đầu. Bây giờ không nói đến nitroglycerine và natri nitrat nữa - nó là cho dân nghiệp dư - mà về hydro và uranium và những thứ khác thường nhưng mà cực kì phức tạp khác.

Từ năm 1942 lệnh giới nghiêm cực kì nghiêm ngặt có hiệu lực tại Los Alamos. Nhóm được Tổng thống Roosevelt trao một nhiệm vụ bí mật, tạo ra một quả bom nổ một lần có thể cùng lúc phá hủy mười hay hai mươi cây cầu Tây Ban Nha nếu cần, Allan nghĩ. Các trợ lý vẫn còn cần thiết dù phải ở trong phòng kín mít, và Allan bây giờ được tin cẩn đến mức được phép biết những thông tin tối mật.

Ông phải thừa nhận rằng những người Mỹ này rất thạo nghề. Thay vì những gì Allan đã quen, bây giờ họ thử nghiệm phân chia các nguyên tử tí hon để sự bùng nổ trở nên khủng khiếp hơn bất kì thứ gì mà thế giới từng biết trước đó.

Và vào tháng Tư năm 1945, họ đã gần như hoàn thành. Các nhà nghiên cứu - và cả Allan - biết cách tạo ra một phản ứng hạt nhân, nhưng họ không biết làm thế nào để kiểm soát nó. Vấn đề thu hút Allan khi ông ngồi một mình trong thư viện vào buổi tối, cố gắng tìm ra một cái gì đó mà không ai yêu cầu ông phải làm. Viên trợ lý Thụy Điển đã không chịu lùi bước, và một buổi tối... chao ơi! Một buổi tối... ông đã tìm ra giải pháp!

Mùa xuân đó, mỗi tuần, hầu hết các nhân vật quan trọng trong quân đội đã ngồi hàng giờ họp với các chuyên gia vật lý hàng đầu thế giới, với Oppenheimer, đứng đầu các nhà khoa học và Allan rót cà phê cho họ.

Các nhà khoa học vò đầu, đòi Allan thêm cà phê. Các nhà quân sự gãi xước cằm, đòi Allan thêm cà phê. Tất cả đều tuyệt vọng tìm kiếm một giải pháp và đòi Allan thêm cà phê. Và cứ thế hết tuần này sang tuần khác. Allan đã ung dung có trong tay giải pháp cho vấn đề của nhóm từ lâu, nhưng ông nghĩ rằng mình không nên cầm đèn chạy trước ô tô, do đó, ông giữ những gì ông biết cho riêng mình.

Cho đến một lần, ông ngạc nhiên khi nghe chính mình nói:

- Xin lỗi, nhưng tại sao ngài không chia uranium thành hai phần bằng nhau?

Ông chỉ buột miệng trong khi đang rót cà phê vào cốc của Oppenheimer.

- Anh nói sao? - Oppenheimer nghe những gì Allan vừa nói, bị sốc vì người bồi bàn dám mở miệng.

Allan không có lựa chọn nào khác ngoài tiếp tục:

- Vâng, nếu ta chia uranium thành hai phần bằng nhau và đảm bảo rằng các phần này hợp lại với nhau đúng lúc, thì nó sẽ nổ tung khi ta muốn, chứ không phải nổ ở đây tại căn cứ này.

- Các phần bằng nhau? - Oppenheimer hỏi. Lúc đó có rất nhiều thứ quay tít trong đầu ông, nhưng ông chỉ nói được có thế.

- Vâng, có lẽ ngài có lý về điểm đó, thưa giáo sư. Các phần không cần phải bằng nhau về kích thước, điều quan trọng là chúng đủ lớn khi chúng đến với nhau.

Trung úy Lewis, người đã bảo lãnh cho Allan làm trợ lý, nhìn như muốn giết tươi người Thụy Điển, nhưng một trong những nhà khoa học trên bàn đã phản ứng thay bằng cách nói to suy nghĩ của mình:

- Nhưng anh nghĩ chúng ta làm cách nào để đưa chúng lại với nhau? Và khi nào? Trong không khí ư?

- Chính xác, thưa giáo sư. Sai lầm ư, ở Vật lý học hay Hóa học? Dù sao thì làm nó nổ tung không phải là vấn đề. Vấn đề là ta không thể kiểm soát vụ nổ thực tế. Với một khối lượng nguy hiểm chia thành hai thì có hai khối lượng không nguy hiểm, đúng không? Và ứng dụng ngược lại, từ hai khối lượng không nguy hiểm, ta có thể đạt được một khối lượng nguy hiểm.

- Thế làm thế nào để ta đưa chúng lại với nhau, Ông... tôi xin lỗi, nhưng ông là ai? - Oppenheimer hỏi.

- Allan, - Allan đáp.

- Và, ông Allan, ông nghĩ làm thế nào để chúng ta có thể đưa chúng lại với nhau? - Oppenheimer tiếp tục.

- Với một lượng chất nổ thông thường, hàng ngày, - Allan đáp. - Cái đó tôi khá rành, nhưng tôi chắc chắn các vị có thể tự tính được.

Giáo sư Vật lý nói chung, và các nhà khoa học quân sự hàng đầu nói riêng, không phải là ngu ngốc. Trong một vài giây, Oppenheimer đã tính xong hàng mét các phương trình và đi đến kết luận rằng rất có khả năng là người phục vụ bàn đã đúng. Hãy tưởng tượng rằng một cái gì đó vô cùng phức tạp lại có một giải pháp đơn giản đến thế! Một lượng thuốc nổ thông thường hàng ngày ở đuôi của quả bom có thể được kích hoạt từ xa và đẩy một lượng uranium-235 không nguy hiểm về phía trước, để nhập với một lượng không nguy hiểm khác. Ngay lập tức nó sẽ trở thành nguy hiểm. Các nơtron sẽ bắt đầu di chuyển, các nguyên tử uranium sẽ bắt đầu phân chia. Các phản ứng dây chuyền sẽ diễn ra...

- Bùm! - Oppenheimer reo lên.

- Chính xác, - Allan nói. - Tôi thấy rằng ngài đã tính ra, thưa giáo sư. Có vị nào muốn thêm cà phê không ạ?

Vào đúng lúc đó, cánh cửa căn phòng bí mật mở ra và Phó Tổng thống Truman bước vào trong chuyến viếng thăm hiếm hoi, không báo trước nhưng thỉnh thoảng vẫn lặp lại của mình.

- Cứ ngồi xuống đi, - Phó Tổng Thống nói với những người đàn ông đang lập tức đứng nghiêm hết cả lên.

Để an toàn, ngay cả Allan cũng ngồi xuống một trong các ghế trống quanh bàn. Nếu một Phó Tổng Thống bảo bạn ngồi xuống thì là tốt nhất là cứ ngồi xuống, kiểu ở Mỹ nó thế, ông nghĩ.

Khi đó Phó Tổng Thống yêu cầu Oppenheimer báo cáo tình hình, vị giáo sư vội đứng bật dậy một lần nữa và trong lúc vội vàng không thể nghĩ ra bất cứ điều gì khác để nói hơn là ông Allan

đang ngồi trong góc kia vừa giải quyết được vấn đề còn lại là làm thế nào để kiểm soát vụ nổ. Giải pháp của ông Allan chưa được chứng minh là đúng, nhưng Oppenheimer nói rằng, thay mặt cho tất cả những người hiện diện ở đây, ông tin chắc là vấn đề đã được giải quyết xong và trong thời hạn ba tháng, họ có thể có một vụ nổ thử nghiệm.

Phó Tổng thống nhìn quanh bàn và nhận được những cái gật đầu đồng ý. Trung úy Lewis dần dần bắt đầu thở lại. Cuối cùng, cặp mắt của Phó Tổng thống nhìn vào Allan.

- Tôi tin rằng, ông Allan, ông là người hùng ngày hôm nay. Tôi nghĩ mình cần ăn chút gì vào bụng trước tôi trở về Washington. Ông có vui lòng ăn cùng tôi không?

Allan nghĩ rõ ràng các nhà lãnh đạo thế giới có một đặc điểm chung là mời bạn ăn tối ngay nếu họ hài lòng với điều gì đó, nhưng ông không nói ra. Thay vào đó, ông cảm ơn Phó Tổng thống về lời mời và họ cùng nhau rời khỏi phòng. Oppenheimer bị bỏ lại đứng cạnh cái bàn dài, trông nhẹ nhõm và đau khổ.

o o o

Phó Tổng thống Truman ra lệnh đóng cửa cả nhà hàng Mexico ưa thích của mình ở trung tâm Los Alamos, nên chỉ có Allan và Truman ở đây, ngoại trừ khoảng mười vệ sĩ rải rác ở các góc khác nhau.

Trưởng bộ phận an ninh lưu ý rằng ông Allan là không phải là người Mỹ và thậm chí chưa được kiểm tra xem có thích hợp để gặp riêng Phó Tổng thống không, nhưng Truman bác bỏ phản đối của viên sĩ quan an ninh với nhận xét rằng hôm nay ông Allan đã làm được nghĩa cử yêu nước lớn lao nhất mà người ta có thể tưởng tượng được.

Phó Tổng thống đang có tâm trạng tuyệt vời. Ngay sau khi ăn tối, thay vì đi tối Washington, ông ra lệnh cho Air Force 2 đến Georgia, nơi Tổng thống Roosevelt đang ở một nhà điều dưỡng để chữa bệnh bại liệt của mình. Tổng thống sẽ muốn trực tiếp nghe tin này, Harry Truman chắc chắn về điều đó.

- Tôi sẽ gọi món, vì vậy ông có thể chọn đồ uống, - Harry Truman vui vẻ nói và chuyển menu rượu vang cho Allan.

Sau đó, Truman quay sang bồi bàn trưởng đang gặp người nghe gọi đủ các món từ tacos, enchilada, tortilla ngô và rất nhiều thứ khác.

- Dạ thưa ngài uống gì ạ? - Bồi bàn trưởng hỏi.

- Hai chai tequila, - Allan đáp.

Harry Truman phá lên cười hỏi liệu Allan muốn chuốc rượu cho Phó Tổng thống lẫn xuống gầm bàn hay sao.

Allan trả lời năm ngoái ông được dạy rằng người Mexico có thể làm cho vodka rất 'wooomph' như tiếng Thụy Điển gọi là 'tinh khiết', nhưng Phó Tổng thống có thể uống sữa nếu thấy phù hợp hơn.

- Không, quân tử nhất ngôn, - Phó Tổng thống Truman nói và chỉ kiểm tra xem đã gọi cả chanh và muối chưa.

Ba tiếng sau, hai người đàn ông đã gọi nhau là Harry và Allan, cho thấy một hai chai tequila có thể làm được gì cho tình hữu nghị giữa các quốc gia. Tuy nhiên cũng phải mất một lúc cho vị Phó Tổng thống ngày càng say sưa hiểu được rằng Allan là tên đầu tiên của Allan và không có nghĩa gì khác. Allan đã đi xa đến chỗ mô tả các quan lớn địa phương đã bị nổ tan xác như thế nào và làm thế nào ông đã cứu mạng Tướng Franco. Về phần mình, Phó Tổng thống làm Allan thích thú bằng

cách bắt chước những nỗ lực của Tổng thống Roosevelt để ra khỏi xe lăn.

Đang lúc cao hứng nhất, trưởng bộ phận an ninh kín đáo tiếp cận Phó Tổng thống.

- Xin phép cho tôi nói một lời, thưa ngài?

- Nói đi, - Phó Tổng thống nói bằng giọng nhừa nhựa.

- Tốt hơn là nói chuyện riêng, thưa ngài.

- Tôi thề là tôi chết nếu cậu trông không giống Humphrey Bogart! Cậu đã nhìn thấy hắn ta chưa, Allan?

- Thưa ngài..., - người phụ trách an ninh ngày càng rầy rà hơn, nói.

- Ờ, nhưng chuyện quái quỷ gì thế? - Phó Tổng thống rít lên với anh ta.

- Thưa ngài, đó là về Tổng thống Roosevelt.

- Ờ, thế con dê già đó làm sao? - Phó Tổng thống cười ha hả.

- Ông ấy đã chết, thưa ngài.

CHƯƠNG 10

Thứ Hai 9 Tháng Năm, 2005

Thùng Gổ ngồi bên ngoài siêu thị ở Rottne bốn ngày liền để tìm kiếm, thứ nhất là Ốc Vít, thứ hai là một lão già trăm tuổi, một phụ nữ tóc đỏ trông như cựu người mẫu, một gã cột tóc đuôi ngựa (nếu không chẳng phân biệt được) và một chiếc Mercedes. Đấy không phải là sáng kiến của hắn mà là của Ông Chủ. Sau cuộc trò chuyện may mắn với đứa em trai chỉ huy nhóm Bạo Lực ở Braås về việc lão già trăm tuổi chắc chắn đã ở bên ngoài phòng y tế ở Småland giữa đêm, Thùng Gổ đã ngay lập tức báo cáo với sếp. Thế là Ông Chủ đã ra lệnh theo dõi siêu thị lớn nhất của thị trấn. Ông Chủ chỉ ra rằng một người đi lại ở Rottne vào giữa đêm tất phải trú ngụ ở đâu đó lân cận, và sớm hay muộn thế nào cũng đói và khi thức ăn hết thì phải đi mua thêm. Logic rất hợp lý. Không phải ngẫu nhiên mà Ông Chủ thành ông chủ. Nhưng tất nhiên đó là bốn ngày trước. Bây giờ thì Thùng Gổ đã bắt đầu tuyệt vọng.

Mà hắn cũng không tập trung được hết vào những gì xảy ra. Vì vậy, lúc đầu hắn không nhận thấy người phụ nữ tóc đỏ khi cô lái xe vào bãi đậu xe trong chiếc VW Passat màu đỏ thay vì màu bạc Mercedes như hình dung. Nhưng khi cô dạo bước ngon lành ngay qua mũi Thùng Gổ vào cửa hàng thì hắn không để lỡ. Hắn không thể chắc chắn rằng đó là cô, nhưng độ tuổi theo các chi tiết từ người làm chứng thì là đúng, và cô có chính xác màu tóc ấy.

Thùng Gổ gọi điện cho Ông Chủ ở Stockholm không mấy nhiệt tình. Họ chủ yếu là kiếm Ốc Vít, hoặc ít nhất là lão già đáng nguyên rủa.

Nhưng dù sao. Thùng Gỗ phải ghi lại số đăng ký của xe, sau đó kín đáo theo dõi để xem nơi cô ả đến. Rồi hẳn phải báo cáo lại một lần nữa.

o o o

Chánh Thanh tra Aronsson đã ở bốn ngày cuối cùng tại khách sạn ở Åseda. Ý tưởng là ông sẽ ở gần trung tâm của vụ việc khi một số nhân chứng mới xuất hiện.

Nhưng chẳng có ai, và Aronsson đã suýt bỏ về nhà khi các đồng nghiệp của ông ở Eskilstuna gọi điện đến. Họ có một số kết quả từ máy ghi âm theo dõi Per-Gunnar Gerdin, tên trùm gây rối của nhóm Never Again.

Gerdin, còn gọi là Ông Chủ, đã gần như thành ngôi sao vài năm trước đó khi móc nối xây dựng một tổ chức tội phạm trong nhà tù biệt giam. Người ta đã viết về chuyện đó trên tờ Svenska Dagbladet[8] và các phương tiện truyền thông khác đua theo. Trong các báo ra buổi tối, thậm chí còn có tên và hình ảnh của nhân vật chính, Gerdin. Tất cả đã sụp đổ sau những lời của mẹ Per-Gunnar Gerdin trong một bức thư, nhưng điều đó không bao giờ đến tai giới truyền thông.

[8] Nhật báo Thụy Điển.

Vài ngày trước, Chánh Thanh tra Aronsson đã ra lệnh cho theo dõi và ghi âm Gerdin, và bây giờ họ cũng đã có một chút gì. Tất nhiên, các cuộc đàm thoại được ghi âm, bóc băng và sau đó gửi bằng fax đến Åseda:

- Alô?
- Dạ, em đây ạ.
- Có gì báo cáo không?

- Dạ, có lẽ có. Vâng, em đang ngồi bên ngoài siêu thị, và em chỉ thấy con mụ tóc đỏ đi mua sắm.

- Chỉ có con đó thôi à? Không phải Ốc Vít à? Không phải lão già trăm tuổi?

- Không, chỉ mụ đó. Em không biết liệu...

- Nó lái một chiếc Mercedes à?

- Ờ, em không có thời gian để nhìn... nhưng không có cái Mercedes nào đậu ở khu để xe nên nó phải đi một xe gì đó khác.

Im lặng trong năm giây

- Alô?

- Ờ, tao vẫn đây, đang nghĩ ung cả thủ đây, phải có người nghĩ chứ.

- Dạ, nhưng em chỉ...

- Phải có nhiều mụ tóc đỏ ở Småland...

- Vâng, nhưng mụ đấy đúng độ tuổi, theo như...

- Mà làm thế này: đi xe máy theo sau nó, ghi lại số đăng ký, không được manh động, nhưng tìm xem nó đi đâu. Và nhớ không được để lộ cái mặt mày. Sau đó báo cáo lại cho tao lần nữa.

Im lặng trong năm giây

- Màm hiểu chưa hay để tao phải nhắc lại?

- Vâng, ờ, em hiểu. Em sẽ liên lạc ngay sau khi biết thêm...

- Và lần sau thì gọi vào số sim rác của tao. Tao chẳng bảo màm là tất cả các cuộc gọi làm ăn phải gọi vào đó?

- Dạ, vâng, nhưng em tưởng là chỉ khi chúng ta làm ăn với bọn Nga? Em không nghĩ rằng sắp bắt máy bây giờ mà...

- Đồ ngu.

Tiếp theo bằng tiếng gầm gừ và sau đó cuộc trò chuyện kết thúc

Chánh Thanh tra Aronsson đọc bản ghi âm rồi bắt đầu ghép các mẫu tin mới vào chỗ trong bức tranh đánh đổ.

“Ốc Vít” đã được nhắc tới có phải là Bengt Bylund, một trong các thành viên của Never Again, bây giờ có lẽ đã chết. Và một người gọi điện cho Gerdin có lẽ là Henrik “Thùng Gỗ” Hultén, đang săn tìm Ốc Vít ở một nơi nào đó thuộc Småland.

Aronsson bây giờ đã có bằng chứng rằng ông đã đi đúng hướng. Và bây giờ ông có thể kết luận chính xác hơn là:

Allan Karlsson, cùng với Julius Jonsson, Benny Ljungberg và chiếc Mercedes của anh ta, đang ở đâu đó tại Småland, như ông từng dự đoán. Còn có một phụ nữ tóc đỏ, không biết tuổi, nhưng khó có thể còn trẻ bởi vì cô đã được gọi là con mụ. Mặt khác, với một gã như Thùng Gỗ, cũng không nhất thiết phải già lắm để trở thành một con mụ.

Tại Never Again ở Stockholm, chúng nghĩ rằng Ốc Vít cũng ở trong nhóm. Nhưng thế có nghĩa là hắn bỏ chạy khỏi nhóm mình? Nếu không tại sao không liên lạc được với hắn? Phải, bởi vì hắn đã chết! Tuy nhiên, Ông Chủ không biết, do đó, hắn nghĩ rằng Ốc Vít đang trốn ở Småland cùng với... nhưng mà ả tóc đỏ đi vào câu chuyện này ở chỗ nào?

Thế là, Aronsson ra lệnh kiểm tra xuất thân của cụ Allan, Benny và Julius. Có thể đấy là một em gái hay họ hàng hoặc đại loại như vậy sống ở Småland, và tình cờ có đúng màu tóc ấy?

‘nhưng mụ ấy đúng độ tuổi, theo như...’ Thùng Gỗ đã nói. Theo như cái gì? Ai đó đã nói gì với chúng? Có người đã nhìn

thấy cả nhóm ở Småland và gọi điện thoại báo cho chúng? Tiếc là không đặt máy nghe trộm sớm lên vài ngày trước.

Và bây giờ, tất nhiên, Thùng Gỗ sẽ bám theo tóc đỏ từ siêu thị và sau đó hoặc là bỏ đi nếu ả hóa ra không phải tóc đỏ cần tìm, hoặc Thùng Gỗ sẽ biết nơi cụ Allan Karlsson và bạn bè của cụ ẩn trốn. Trong trường hợp đó, Ông Chủ sẽ sớm lên đường xuống Småland, để buộc Allan và các bạn của ông khai ra những gì đã xảy ra với Ốc Vít và cái vali của hắn.

Aronsson nhắc di động của mình lên và gọi cho Conny Ranelid, công tố viên phụ trách ở Eskilstuna. Thoạt tiên, Ranelid không hợp tác lắm, nhưng rồi ngày càng quan tâm hơn với tất cả các biến cố mới mà Aronsson thuật lại.

- Bây giờ chỉ cần bám chắc lấy Gerdin và tay sai của hắn,
- công tố Ranelid nói.

o o o

Người Đẹp đặt hai túi đựng hàng từ siêu thị vào cốp chiếc VW Passat của mình và lên đường quay về Trang trại Bên Hồ.

Ở một khoảng cách an toàn, Thùng Gỗ bám sau cô. Điều đầu tiên hắn làm khi họ đến đường cao tốc là điện thoại cho Ông Chủ (vào số sim rác, tất nhiên, vì Thùng Gỗ có bản năng sống sót) để thông báo loại xe và biển số đăng ký của chiếc xe tóc đỏ đang lái. Và sau đó hắn hứa sẽ liên lạc một lần nữa khi đến nơi cô tới.

Cuộc hành trình ra khỏi Rottne nhưng chẳng bao lâu tóc đỏ rẽ xuống một con đường sỏi. Thùng Gỗ nhận ra chỗ này, đó là nơi hắn từng một lần đưa xe vềбет. Là do bạn gái hồi đó của gã đọc bản đồ, sau nửa cuộc đua, ả mới nhận ra rằng mình đã cầm ngược bản đồ.

Con đường sỏi khô cằn, và chiếc xe tốc độ lái để lại một đám mây bụi phía sau. Thùng Gỗ có thể bám theo một cách an toàn mà không cần giữ cô trong tầm nhìn. Nhưng rồi một vài cây số sau, đám mây bụi đột nhiên biến mất. Khốn kiếp! Thùng Gỗ tăng tốc độ, nhưng đám mây bụi đã biến mất hẳn.

Thoạt tiên, Thùng Gỗ bắt đầu hoảng, nhưng rồi hắn bình tĩnh lại. Con mụ đó phải rẽ tắt một nơi nào đó dọc đường. Hắn chỉ cần quay trở lại và nhìn.

Trở lại chưa đầy một cây số trên đường, Thùng Gỗ nghĩ hắn đã tìm thấy lời giải cho câu đố. Có một hòm thư, và bên cạnh nó một lối nhỏ đi sang phải. Cô ta phải đi xuống đó!

Nếu biết điều gì sắp xảy ra, người ta phải nói rằng Thùng Gỗ đã hơi quá nhiệt tình. Hắn vội vã quay vô lăng đưa chiếc xe và chính mình, với một tốc độ kha khá, theo lối nhỏ lao đến nơi mà nó có thể dẫn đến. Ý tưởng phải kín đáo và thận trọng bằng cách nào đó rơi lại bên cạnh thùng thư.

Và như đã nói, hắn đã lái xe nhanh, trước khi Thùng Gỗ kịp nhận ra con đường chấm dứt và được thay thế bởi một cái sân nhỏ. Và nếu chỉ lái nhanh hơn chút nữa, thậm chí Thùng Gỗ sẽ không phanh kịp mà đâm thẳng vào lưng một cụ già đang đứng đó, cho một... một... con voi ăn?

o o o

Allan đã sớm tìm thấy một người bạn mới ở Sonya. Họ có khá nhiều điểm chung. Một người thì một hôm trèo qua cửa sổ và do đó để cuộc đời mình rẽ theo hướng hoàn toàn mới, trong khi kẻ kia đã lội xuống hồ với cùng một nguyên nhân. Và cả hai - trước đó - đã từng ra ngoài và nhìn thấy thế giới. Thêm nữa, Sonya có đầy sẹo trên mặt, chẳng kém gì một ông già trăm tuổi khôn ngoan, cụ Allan nghĩ.

Sonya không làm trò xiếc với bất cứ ai, nhưng nó thích cụ già này. Cụ đã cho nó trái cây, gãi vò nó và trò chuyện với nó một cách thân thiện. Nó không hiểu nhiều những gì cụ nói, nhưng cũng chẳng sao. Nó rất dễ chịu. Vì vậy, khi cụ già bảo: Sonya ngồi xuống, nó ngồi xuống, nếu cụ yêu cầu nó quay lại, nó vui vẻ làm theo. Nó thậm chí còn cho cụ xem nó có thể đứng trên hai chân sau như thế nào, mặc dù cụ không biết ra lệnh điều đó. Vì cố gắng đó, thực tế là nó được nhận một hai quả táo, còn gãi vò chỉ là thưởng thêm. Sonya đã không bán mình.

Lúc ấy, Người Đẹp thích ngồi ở bậc thềm dưới hiên cùng với Benny và Buster, với một tách cà phê và ít bánh kẹo cho con chó. Họ ngồi đó xem cụ Alan và Sonya chơi với nhau ở sân, trong khi Julius câu cá chép dưới hồ.

Hơi ấm mùa xuân vẫn còn. Mặt trời đã chiếu suốt một tuần và dự báo thời tiết là nhiệt độ còn tiếp tục cao.

Benny, ngoài tất cả các kĩ năng khác, còn suýt là kiến trúc sư, đã nhanh như cắt phác thảo ra cách sửa chiếc xe tải dọn nhà Người Đẹp vừa mua sao cho hợp ý nàng. Khi Người Đẹp cũng thấy rõ ràng Julius không chỉ là một tên trộm mà trước đây còn là một lái buôn gỗ, biết sử dụng búa và đinh thì cô nói với Buster rằng họ thực sự có những người bạn cứng cựa, và may quá cô đã không tống họ đi ngay tối hôm đó. Julius không mất quá một buổi chiều để đóng các phụ kiện mới trong chiếc xe theo hướng dẫn của Benny. Sau đó, Sonya đi vào và ra khỏi xe cùng với Allan để kiểm tra, và Sonya có vẻ thích chỗ của nó mặc dù không hiểu lắm sao phải có hai chuồng thay vì một. Nó hơi chật chội cho Sonya, nhưng có hai loại thức ăn tối để nhai, một ở bên trái và một phía trước mặt, còn nước uống ở bên phải. Sàn nhà đã được nâng lên, hơi dốc về phía sau, và phân của Sonya rơi xuống hố chạy dọc phía sau xe. Hố đã được

chất cở khô đến tận miệng, dự định để thu giữ hầu hết những gì thải ra trong suốt cuộc hành trình.

Thêm vào đó là một hệ thống thông gió đáng kể dưới dạng các lỗ khoan dọc theo hai bên thành xe, và một màn hình bằng kính trượt phía sau cabin của lái xe để Sonya có thể nhìn thấy ân nhân và người cho mình ăn trong khi họ trên đường. Chiếc xe tải dọn nhà, nói một cách đơn giản, đã được biến thành một phương tiện vận chuyển voi sang trọng, và được làm trong một vài ngày.

Càng sẵn sàng lên đường, nhóm càng chần chừ không muốn đi. Cuộc sống ở Trang trại Bên Hồ đã thành một cái gì đó thực sự dễ chịu cho tất cả. Nhất là với Benny và Người Đẹp, vào đêm thứ ba, cả hai đã nghĩ rằng không nên phí phạm khăn trải giường ở các phòng khác nhau khi họ có thể cùng chia sẻ. Những buổi tối trôi qua thật dễ chịu trước lò sưởi củi, với thức ăn ngon, đồ uống tuyệt vời và chuyện đời khác thường của cụ Allan Karlsson.

Nhưng vào sáng thứ Hai, tủ lạnh và kho chứa đồ ăn gần như trống rỗng và đến lúc Người Đẹp đi Rottne để mua thêm. Để an toàn, cô đi chiếc VW Passat cũ của mình. Chiếc Mercedes vẫn đậu chỗ cũ, ẩn đằng sau chuồng voi.

Cô chất đầy một túi các thứ cho mình và mấy người đàn ông, và một túi khác với táo tươi Argentina cho Sonya. Khi về nhà, cô đã đưa cho Allan túi táo, nhét phần còn lại vào tủ lạnh và kho chứa đồ ăn trong bếp trước khi ngồi với Benny và Buster trên hiên với một rổ dâu tây Bỉ. Julius lúc đó cũng ở đấy, trong phút nghỉ giải lao hiếm hoi khi đang câu.

Đấy là lúc một chiếc Ford Mustang gầm lên lao vào sân và suýt đâm vào cụ Allan và Sonya.

Sonya bình tĩnh nhất. Nó rất tập trung vào quả táo tiếp theo từ cù Allan nên không nhìn thấy hay nghe thấy những gì xảy ra chung quanh. Hoặc có lẽ nó có, bất chấp tất cả, vì nó dừng lại ngay giữa động tác xoay vòng định biểu diễn và đứng sững với cặp móng quay về phía Allan và kẻ mới tới.

Người bình tĩnh thứ hai là cù Allan. Cù đã suýt chết rất nhiều lần trong đời nên một cái Ford Mustang lao tới hầu như không ăn thua gì. Nếu nó dừng lại đúng lúc, mà đúng thế. Và tất nhiên nó là như thế.

Bình tĩnh thứ ba có lẽ là Buster. Nó đã được rèn rất nghiêm không được chạy ra và sủa khi người lạ đến thăm. Nhưng đôi tai của nó giồng lên và mắt mở to. Rõ ràng nó đang theo dõi cái gì xảy ra.

Người Đẹp, Benny và Julius, nhảy dựng lên ở hiên và đứng thành hàng chờ đợi xem điều gì sẽ xảy ra.

Những gì diễn ra tiếp theo là Thùng Gỗ, hơi lúng túng một chút, loạng choạng bước ra khỏi chiếc Mustang của mình và rút khẩu súng lục trong chiếc túi trên sàn ghế sau. Đầu tiên, hắn nhắm vào phía sau con voi, rồi có ý hay hơn là nhắm vào cù Allan và ba người bạn đang đứng thành hàng dưới hiên, rồi nói (có lẽ hơi kém sáng tạo):

- Giơ tay lên!

- Giơ tay lên?

Đó là điều ngu ngốc nhất cù Allan đã nghe trong một thời gian dài, và cù bắt đầu cãi lại. Bộ anh tưởng chuyện gì sẽ xảy ra? Rằng chính cù, một trăm tuổi rồi, sẽ ném táo vào anh à? Hay người phụ nữ thanh lịch kia sẽ bắn anh ta bằng dẫu tây Bỉ? Hay là...

- OK, OK, lão thích làm gì với hai tay lão thì làm, nhưng đừng cố giở trò.

- Trò gì chứ?

- Câm miệng lại, lão con hoang kia! Nói cho tao biết cái vali khốn kiếp đang ở xó xỉnh nào. Và cái thằng chịu trách nhiệm về nó nữa.

À ra thế, Người Đẹp nghĩ. Vận may đời họ kết thúc ở đây rồi. Thực tế đã bắt kịp tất cả. Không ai trả lời Thùng Gỗ, tất cả đều đang vận óc ra đến mức có thể nghe thấy tiếng răng rắc, tất cả trừ con voi đang xoay lưng lại với màn kịch và nghĩ rằng đã đến lúc phải ị. Và khi một con voi ị thì không ai có thể tránh được, nếu lại tình cờ ở ngay cạnh đó.

- Ô, đ.m. nó, - Thùng Gỗ nói và nhảy tót mấy bước khỏi đống voi thải... - thế đ. nào bọn mày lại có một con voi?

Vẫn không có câu trả lời. Nhưng bây giờ Buster không thể kiềm chế bản thân nữa. Rõ ràng nó cảm thấy mọi thứ không ổn lắm. Và nó thực sự muốn sửa một trận ra trò vào người lạ. Và dù biết các quy tắc, nó vẫn buông ra một tiếng gầm sâu trong họng. Điều này khiến Thùng Gỗ phát hiện ra sự hiện diện của con bécgiê ở hiên và theo bản năng lùi lại hai bước, giơ khẩu súng lục của mình và ngắm như thể sẵn sàng nổ súng nếu cần.

Đúng lúc đó bộ não trăm tuổi của Allan đã nảy ra một ý. Đó là một ý tưởng điên rồ, quả thật thế, và có một nguy cơ rõ ràng là cụ sẽ bị bắn giữa chừng, tất nhiên trừ khi rất cuộc, cụ thực sự là bất tử. Vì vậy, cụ hít một hơi thật sâu và hạ quyết tâm. Với một nụ cười ngây thơ trên môi, cụ bắt đầu đi thẳng về phía kẻ gây rối với khẩu súng lục. Và cụ nói bằng giọng run rẩy nhất của mình:

- Anh có khẩu súng đẹp gồm nhĩ. Có phải là súng thật không?
Cho lão xem một cái?

Benny, Julius và Người Đẹp đều nghĩ rằng cụ đã mất trí.

- Dừng lại, Allan! - Benny hét lên.

- Phải, dừng lại, lão già khốn kiếp, nếu không tao bắn đấy,
- Thùng Gỗ nói.

Nhưng cụ Allan vẫn loạng choạng đi về phía hấn. Thùng Gỗ lùi một bước, giương thẳng khẩu súng lục một cách đầy đe dọa về phía cụ Allan, và rồi hấn đã... Trong lúc căng thẳng, hấn lùi thêm một bước nữa...

Nếu ai đã từng đặt chân vào một bãi cút voi tươi thì sẽ biết là hầu như không thể giữ thăng bằng. Thùng Gỗ không biết điều đó, nhưng hấn đã nhanh chóng được biết. Chân sau của hấn trượt về phía sau, Thùng Gỗ đã cố gắng lấy thăng bằng bằng tay, chân kia nhảy vọt về phía sau và bây giờ cả người Thùng Gỗ dẫn sâu trong cút. Hấn bắt lực ngã xuống và tiếp đất nhẹ nhàng bằng lưng.

- Ngồi xuống, Sonya, ngồi xuống! - Cụ Allan nói, thực hiện phần cuối cùng kế hoạch táo bạo của mình.

- Không, chết tiệt, Sonya, đừng ngồi, - Người Đẹp hét lên, đột nhiên ý thức những gì sắp xảy ra.

- Đ. mẹ tiên sư nó, - Thùng Gỗ nói từ chỗ hấn nằm ngửa trong đống phân voi.

Sonya, tất nhiên đang đứng quay lưng lại tất cả, nghe rất rõ ràng và rành mạch lệnh của cụ Allan. Cụ già rất tử tế với nó, và nó thích làm theo ý cụ. Thêm nữa, ân nhân, người nuôi nó đã xác nhận lệnh. 'Không' vốn không có trong vốn từ vựng của Sonya.

Vì vậy, Sonya ngồi xuống. Mông nó đã đặt xuống một cái gì đó mềm mại và ấm áp, với một tiếng nghiêng bép và cái gì đó nghe như tiếng kêu, trước khi trở nên hoàn toàn im lặng. Sonya ngồi xuống, có vẻ chờ được thưởng thêm táo.

- Thế là đứa thứ hai đi tong, - Julius nói.

- Giêsu, đ.m. Chúa Kitô, - Người Đẹp thốt lên.

- Khiếp quá, - Benny nói.

- Đây, một quả táo này, Sonya, - Allan bảo.

Henrik “Thùng Gỗ” Hultén thì không nói gì cả.

o o o

Ông Chủ chờ Thùng Gỗ gọi lại trong ba tiếng đồng hồ. Sau đó, hắn nghĩ rằng có cái gì đó không ổn đã xảy ra với thằng hậu đậu đó. Ông Chủ thấy khó hiểu đến tuyệt vọng là tại sao chúng nó không làm y như ông nói, không cần gì hơn.

Đã đến lúc ông phải đích thân ra tay, điều đó rõ ràng rồi. Ông Chủ bắt đầu bằng cách kiểm tra biển số đăng ký mà Thùng Gỗ đã cung cấp. Chỉ mất ít phút qua cơ quan đăng kiểm phương tiện giao thông toàn quốc để xác định nó là một chiếc VW Passat đỏ, thuộc quyền sở hữu của Björklund Gunilla, Trang trại Bên Hồ, Rottne, Småland.

CHƯƠNG 11

1945-1947

Cố gắng hết sức để tỉnh táo lại trong một giây sau khi đã quất hết một chai tequila, đó là những gì Phó Tổng thống Harry S. Truman đã làm. Sự ra đi đột ngột của Tổng thống Roosevelt có nghĩa là tất nhiên, phó Tổng thống phải bỏ bữa ăn tối để chịu với Allan và ra lệnh đi ngay lập tức đến Washington và Nhà Trắng. Allan bị bỏ lại ở nhà hàng và phải tranh luận mất một lúc với trưởng nhóm bồi bàn để khỏi phải tự trả hóa đơn. Cuối cùng, trưởng nhóm bồi bàn chấp nhận lập luận của Allan là Tổng thống xứng đáng được coi là tài sản tín chấp và dù sao anh ta cũng biết Truman đang sống ở đâu.

Allan đi bộ trở lại căn cứ quân sự và tiếp tục nhiệm vụ của mình như một trợ lý cho các nhà vật lý, nhà toán học và các nhà hóa học quan trọng nhất của Mỹ mặc dù bây giờ họ cảm thấy khá lúng túng trước sự có mặt của Allan. Bầu không khí có một chút kì quặc và sau một vài tuần Allan nghĩ rằng đã đến lúc ra đi. Một cuộc trò chuyện điện thoại từ Washington gọi cho ông Karlsson đã giải quyết vấn đề đó:

- Hi, Allan, Harry đây.

- Harry nào?

- Truman, Allan. Harry S. Truman. Tổng thống, đồ chết tiệt!

- A, hay quá! Chúng ta đã có một bữa tối rất ngon lành, ngài Tổng thống, cảm ơn ông. Tôi hi vọng ông không ngồi ở buồng lái trên chuyến bay về nhà chứ?

Không, tổng thống đã không làm điều đó. Dù tình hình nghiêm trọng, ông đã lịm đi trên ghế sofa trong chiếc Air Force 2 và chỉ tỉnh dậy khi nó hạ cánh năm tiếng sau đó. Nhưng bây giờ, tình hình là thế này, Harry Truman có một số thứ phải lo,

thừa hưởng từ người tiền nhiệm của mình, và một trong những thứ tổng thống cần có lẽ là sự giúp đỡ của Allan, nếu Allan nghĩ rằng có thể?

Allan chắc chắn là có, và sáng hôm sau, ông rời khỏi căn cứ Los Alamos lần cuối cùng.

o o o

Phòng Bầu dục có hình bầu dục đúng như Allan đã tưởng tượng. Và bây giờ ông đang ngồi ở đó, đối diện với bạn nhậu của mình từ Los Alamos, lắng nghe những gì ông ta nói.

Chuyện là Tổng thống gặp rắc rối với một người phụ nữ mà ông - vì lý do chính trị - không thể bỏ qua. Tên bà ta là Tống Mỹ Linh. Có lẽ Allan đã nghe nói về bà ta rồi? Chưa à?

Thôi được, dù sao, bà ta là vợ của Tưởng Giới Thạch, nhà lãnh đạo Quốc Dân Đảng ở Trung Quốc. Bà cực kì xinh đẹp, được giáo dục ở Mỹ, là bạn thân của bà Roosevelt, bà đã thu hút hàng ngàn người nghe ở bất cứ nơi nào mình xuất hiện, và thậm chí đã có một bài phát biểu trước Quốc hội. Và bây giờ bà ta gần như theo đuổi Tổng thống Truman đến chết để đảm bảo rằng ông sẽ thực hiện lời hứa miệng mà bà đã buộc Tổng thống Roosevelt tuyên bố về đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản.

- Tôi có thể đoán rằng nó lại dính tới chính trị một lần nữa, - Allan nói.

- Khó khăn mà tránh được nếu là Tổng thống Mỹ, - Harry Truman đáp. - Nhưng dù sao, tạm thời có một khoảng lặng xuống trong cuộc đối đầu giữa Quốc Dân Đảng và những người cộng sản, vì họ ít nhiều đang đánh nhau với một phe ở Mãn Châu. Nhưng chẳng bao lâu Nhật Bản sẽ rút, và rồi Trung Quốc chắc chắn sẽ lại bắt đầu đánh lẫn nhau.

- Làm sao ông biết người Nhật sẽ rút? - Allan hỏi.

- Nếu có một người phải làm cho ra việc đó thì đó chính là ông, - Truman trả lời và ngay lập tức thay đổi chủ đề.

Tổng thống tiếp tục với một báo cáo mà Allan thấy rất nhàm chán về sự phát triển ở Trung Quốc. Báo cáo của tình báo cho biết những người cộng sản đang chiếm ưu thế trong cuộc nội chiến, và tại Văn phòng Cục Chiến lược, họ đã chất vấn chiến lược quân sự của Tưởng Giới Thạch. Rõ ràng rằng Tưởng Giới Thạch đang tập trung vào việc nắm giữ các tỉnh thành, trong khi để mở khu vực nông thôn cho cộng sản tuyên truyền. Mao Trạch Đông, lãnh tụ cộng sản, sẽ sớm bị người Mỹ loại bỏ nhưng có một nguy cơ rõ ràng rằng những ý tưởng của ông ta có thể bám rễ trong nhân dân. Thậm chí vợ của Tưởng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh đang rất bức dọc nhận thấy phải làm cái gì đó. Bà thậm chí còn có một phòng tuyến quân sự dự bị, song song với tuyến của chồng.

Tổng thống tiếp tục mô tả các tuyến song song, nhưng Allan đã ngừng lắng nghe. Thay vào đó, ông lơ đãng nhìn quanh quần trong Phòng Bầu dục, nghĩ xem liệu các tấm kính cửa sổ có chống đạn không, cánh cửa bên trái có thể dẫn đi đâu, tấm thảm khổng lồ này mà phải giặt thì chắc là không dễ dàng... Cuối cùng, ông đã ngắt lời trước khi bắt đầu bị tổng thống hỏi để kiểm tra Allan đã hiểu chưa.

- Xin lỗi, Harry, nhưng ông muốn tôi làm gì nào?

- Phải, như tôi đã nói, đó là việc ngăn chặn phong trào cộng sản tự do phát triển ở khu vực nông thôn...

- Thế ông muốn tôi làm gì?

- Tống Mỹ Linh đang đòi Mỹ tăng hỗ trợ vũ khí, và bây giờ bà ta còn muốn trang thiết bị hơn là chỗ đã được ta cung cấp.

- Thế ông muốn tôi làm gì?

Khi Allan hỏi đến lần thứ ba, tổng thống trở nên im lặng, lấy hơi một lần nữa trước khi tiếp tục. Rồi ông nói:

- Tôi muốn ông đi đến Trung Quốc và làm nổ tung các cây cầu.

- Thế sao ông không nói thẳng ra luôn? - Allan nói, mặt sáng lên.

- Càng nhiều cầu càng tốt, gắng hết sức phá bỏ thật nhiều con đường cộng sản...

- Được thấy một đất nước mới cũng hay, - Allan nói.

- Tôi muốn ông đào tạo cho người của Tổng Mỹ Linh kĩ thuật nổ cầu và....

- Khi nào tôi sẽ đi?

o o o

Allan đương nhiên là một chuyên gia chất nổ, và đã nhanh chóng trong cơn say kết bạn với tổng thống tương lai của nước Mỹ, nhưng ông cũng vẫn là người Thụy Điển. Nếu Allan có một tí chút nào quan tâm đến trò chơi chính trị, có lẽ ông đã chất vấn tổng thống lý do tại sao chính mình được chọn cho nhiệm vụ này. Thực tế là tổng thống đã sẵn sàng để trả lời câu hỏi đó, và nếu được hỏi, ông sẽ nói thật rằng Hoa Kỳ không thể hỗ trợ hai dự án quân sự song song và có lẽ mâu thuẫn nhau ở Trung Quốc. Về mặt chính thức, họ hỗ trợ Tưởng Giới Thạch và Quốc Dân Đảng của ông ta. Bây giờ họ lặng lẽ ủng hộ thêm nguyên một tàu đầy thiết bị để làm nổ cầu trên một quy mô lớn, theo đòi hỏi và thúc giục của vợ Tưởng Giới Thạch, bà Tống Mỹ Linh xinh đẹp, nửa Mỹ hóa, nửa rắn (tổng thống nghĩ thế). Điều tồi tệ nhất là Truman không thể gạt bỏ được bất cứ điều gì mà Tống Mỹ Linh và bà Eleanor[9] đã thỏa thuận với nhau trong lúc uống trà.

[9] Tên của phu nhân Tổng thống Franklin D. Roosevelt.

Có trời mà giúp được - thật là một mớ bòng bong! Nhưng bây giờ tất cả những gì tổng thống phải làm là giới thiệu Allan Karlsson và Tổng Mỹ Linh với nhau, thế là theo tổng thống, vấn đề đã được giải quyết xong.

Bước kế tiếp trong chương trình nghị sự của ông chỉ là hình thức, vì ông đã quyết định trong đầu rồi. Dù sao, ông cũng không cần phải nhấn cái nút đó. Trên một hòn đảo phía đông của Philippines, phi hành đoàn B52 đang đợi lệnh ra quân của tổng thống. Tất cả đã được kiểm tra. Không gì có thể sai trật.

Hôm sau là ngày mừng sáu tháng Tám năm 1945.

o o o

Allan Karlsson chưa kịp vui về điều mới mẻ sắp xảy ra trong cuộc sống của mình thì đã xù ngay khi gặp Tổng Mỹ Linh lần đầu tiên. Allan đã được hướng dẫn gọi cho bà ta từ một phòng khách sạn ở Washington. Sau khi cố gắng thương lượng để đi qua mấy hàng vệ sĩ, ông đứng ở trước mặt bà ta, chìa tay ra nói:

- Chào bà, tôi là Allan Karlsson.

Tổng Mỹ Linh không bắt tay ông. Thay vào đó, bà chỉ vào chiếc ghế bành gần đó.

- Ngồi xuống? - Tổng Mỹ Linh nói.

Những năm qua, Allan đã bị cáo buộc là đủ thứ, từ điên đến phát xít, nhưng không bao giờ là một con chó. Ông định chỉ trích giọng điệu không phù hợp của bà ta, nhưng cuối cùng lại thôi mà để tâm xem cái gì sẽ xảy ra. Thêm nữa, chiếc ghế bành trông rất thoải mái.

Khi Allan ngồi xuống, Tống Mỹ Linh bắt đầu một thứ mà Allan cực kì ác cảm, đó là giải thích chính trị. Bà ta nhắc tới Tổng thống Roosevelt là người đứng sau toàn bộ chuyện này, và Allan thấy quái gở, vì chắc chắn là khó có thể lãnh đạo hoạt động quân sự từ thế giới bên kia?

Tống Mỹ Linh nói về tầm quan trọng của việc đặt một dấu chấm hết cho cộng sản, ngăn chặn gã hề Mao Trạch Đông rải chất độc chính trị của mình từ tỉnh này đến tỉnh kia, và rằng - Allan lấy làm lạ - Tưởng Giới Thạch không hiểu tí gì về việc này.

- Tình cảm giữa hai ông bà thực sự thế nào rồi? - Allan hỏi.

Tống Mỹ Linh nhắc Allan rằng vấn đề đó không liên quan gì đến một người tầm thường như ông. Tổng thống Roosevelt đã chỉ định Karlsson dưới sự chỉ huy trực tiếp của bà trong chiến dịch này, và từ bây giờ ông chỉ nên trả lời khi được hỏi, nếu không thì im miệng.

Allan không tức giận, có vẻ như ông không có khả năng đó, nhưng bây giờ ít nhất thì ông đã trả lời bà ta.

- Điều cuối cùng tôi nghe nói về Roosevelt là ông ấy đã chết, và nếu có gì thay đổi thì nó đã được lên báo. Bản thân tôi làm điều này vì Tổng thống Truman đã yêu cầu tôi. Nhưng nếu quý bà cứ tiếp tục giận dữ thì tôi cũng chẳng bận tâm. Tôi luôn có thể thăm Trung Quốc vào dịp khác, và tôi đã làm nỗ nhiều cầu hơn cần thiết rồi.

Tống Mỹ Linh chưa từng gặp ai dám chống đối bà, kể từ khi mẹ bà cố gắng ngăn cản con gái lấy một Phật tử, và đó là nhiều năm trước đây. Thêm nữa, mẹ bà sau đó đã phải xin lỗi vì điều này, bởi vì chính cuộc hôn nhân đó đã đưa thẳng cô con gái bà lên đỉnh cao.

Giờ thì Tổng Mỹ Linh phải ngừng lại và suy nghĩ. Rõ ràng là bà đã đánh giá sai tình hình. Cho đến nay, người Mỹ nào cũng run lên khi cô nhắc tên bạn bè mình là Tổng thống Roosevelt và Đệ nhất Phu nhân. Nhưng bà phải đối phó với gã này thế nào nếu không theo cách giống như với mọi người khác? Gã bất lực Truman kia đã gửi cho bà thẳng cha nào đây?

Tổng Mỹ Linh tất nhiên không phải là một người sẽ kết thân với bất kì ai, nhưng quyết tâm của bà thì quan trọng hơn nguyên tắc. Vì vậy, bà đã thay đổi chiến thuật:

- Tôi nghĩ rằng chúng ta đã quên giới thiệu bản thân, - bà nói, và giơ tay ra theo kiểu phương Tây. - Nhưng muộn còn hơn không.

Allan không phải là người thù dai. Ông nắm lấy tay bà chìa ra và mỉm cười khoan dung. Nhưng nói chung, ông không đồng ý là muộn còn hơn không. Ví dụ như bố ông đã trở thành người ủng hộ trung thành của Sa hoàng Nikolai một ngày trước Cách mạng Nga.

o o o

Chỉ hai ngày sau, Allan đã bay tới Los Angeles cùng với Tổng Mỹ Linh và hai mươi vệ sĩ cá nhân của bà. Ở đó có con tàu chờ sẵn, đưa họ và chỗ thuốc nổ đến Thượng Hải.

Allan biết mình sẽ không thể tránh mặt Tổng Mỹ Linh trong suốt cuộc hành trình dài trên biển Thái Bình Dương - đơn giản là tàu không đủ lớn. Vì vậy, ông tự nhủ thôi đừng cố gắng, và chấp nhận một ghế thường trực tại bàn của thuyền trưởng trong bữa ăn mỗi tối. Được cái thức ăn ngon, nhưng bất tiện là Allan và thuyền trưởng không được ngồi riêng mà còn có cả Tổng Mỹ Linh, người dường như không có khả năng nói chuyện về bất cứ điều gì, ngoài chính trị.

Nói một cách trung thực thì còn có một bất lợi khác nữa, đó là phải uống rượu chuối màu xanh thay vì vodka. Allan chấp nhận những gì mình được phục vụ nhưng ông nghĩ rằng đó là lần đầu tiên mình uống một thứ gì đó mà đúng là nuốt không trôi. Thức uống có cồn nên trôi xuống cổ họng vào bụng càng nhanh càng tốt, tốt nhất là không giữ nó trong vòm miệng.

Nhưng Tổng Mỹ Linh thích hương vị của thứ rượu đó và buổi tối càng uống nhiều thì bà ta càng lải nhải bất tận về chính trị.

Trong các bữa tối trên Thái Bình Dương, Allan khá vô tình biết được, ví dụ, gã hề Mao Trạch Đông và quân cộng sản rất có thể giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh dân sự và kết quả như vậy về cơ bản là tại Tưởng Giới Thạch. Chồng của Tổng Mỹ Linh không đủ năng lực lãnh đạo. Chưa hết, lúc này đây, ông còn tham gia đàm phán hòa bình với Mao Trạch Đông ở Trùng Khánh, thành phố phía nam của Trung Quốc. Liệu ông Karlsson và thuyền trưởng đã nghe điều gì ngu ngốc như vậy chưa? Đàm phán với một tên cộng sản? Nó sẽ chẳng dẫn đi đến đâu cả!

Tổng Mỹ Linh chắc chắn rằng các cuộc đàm phán sẽ thất bại.

Báo cáo tình báo của bà cũng tiết lộ rằng một lực lượng quân cộng sản đáng kể đang phục sẵn chờ lãnh tụ Mao ở các vùng núi hiểm trở tỉnh Tứ Xuyên cách đó không xa. Các đặc vụ do chính Tổng Mỹ Linh tự tay tuyển chọn đã cho rằng, tương tự như ý kiến của chính Tổng Mỹ Linh, gã hề và đội quân của gã sau đó sẽ di chuyển về phía đông bắc, hướng tới Thiểm Tây và Hà Nam, trong chiến dịch tuyên truyền ghê tởm của chúng trên toàn quốc.

Allan giữ im lặng tuyệt đối để những giải thích chính trị trong buổi tối không dài hơn cần thiết, nhưng thuyền trưởng quá sức lịch sự cứ hỏi hết câu này đến câu khác trong khi

liên tục rót đầy ly của bà ta thứ rượu chuối màu xanh lá cây giòn ngọt.

Thuyền trưởng hỏi Mao Trạch Đông thực sự đáng sợ đến mức nào? Dù sao thì Quốc Dân Đảng đã có Mỹ chống lưng và, như thuyền trưởng hiểu thì nó siêu mạnh về quân sự.

Câu hỏi đó khiến buổi tối thống khổ kéo dài thêm gần một giờ. Tống Mỹ Linh giải thích rằng vấn đề nguy hiểm là ở chỗ chồng bà về phẩm chất lãnh đạo thì chỉ thông minh và lôi cuốn ngang một con bò. Tưởng Giới Thạch đã hoàn toàn hiểu lầm về việc ai là người kiểm soát các thành phố.

Với dự án hỗ trợ nho nhỏ của bà cùng với Allan và một số vệ sĩ, Tống Mỹ Linh không có ý định chiến đấu với Mao, làm sao mà bà làm được? Hai mươi người đàn ông vũ trang sơ sài, cộng thêm ông Karlsson là hai mươi mốt, chống lại cả một đội quân hùng mạnh ở miền núi Tứ Xuyên... không, họ nên tính chuyện khác thì hơn.

Thay vào đó, kế hoạch là bước đầu ngăn chặn gã hề tự do vận động, gây ra những khó khăn bất tận cho quân cộng sản trong việc di chuyển quanh vùng, và bước tiếp theo là giúp ông chồng tội nghiệp của bà hiểu được rằng bây giờ ông phải nắm bắt cơ hội đưa các lực lượng của mình vào khu vực nông thôn và khiến người dân Trung Quốc thấy rõ Quốc Dân Đảng là cần thiết để bảo vệ họ khỏi cộng sản, chứ không phải ngược lại. Tống Mỹ Linh, cũng giống như gã hề, rất hiểu những gì mà Tưởng Giới Thạch cho đến giờ vẫn chưa chịu hiểu - tức là lãnh đạo một đất nước sẽ dễ dàng hơn nếu được cả đất nước ủng hộ.

Tất nhiên, đôi khi cả mèo mù cũng vớ được cá rán, và rất may là Tưởng Giới Thạch đã mời đối thủ của mình đến đàm phán hòa bình ở Trùng Khánh, phần phía tây nam của đất nước. Bởi vì với một chút may mắn, sau khi cuộc đàm phán thất bại, gã

hề và quân của gã sẽ có mặt ở phía nam của sông Dương Tử vào đúng lúc các vệ sĩ của bà và Karlsson đến hiện trường. Và đây là thời điểm mà Karlsson làm nổ tung các cây cầu! Và trong một thời gian dài, gã hề sẽ bị đẩy lên vùng núi nửa đường tới Tây Tạng.

- Nhưng có thể hấn lại ở phía khác của con sông, nếu thế chúng ta chỉ đơn giản là tạo nhóm khác. Có năm nghìn con sông ở Trung Quốc, do đó, gã ăn bám đó đi bất cứ nơi nào cũng sẽ gặp một con sông trên đường đi của mình.

Một gã hề và ăn bám, Allan nghĩ, đánh nhau với một kẻ hèn nhát, bất lực, có trí thông minh của một con bò. Và ở giữa là một con rắn say rượu chuối xanh.

- Chắc chắn sẽ rất thú vị để xem điều gì sẽ xảy ra, - Allan nói chân thành. - Nhân tiện, thật không phải lúc lắm, thuyền trưởng ơi, nhưng liệu ông có tí rượu vodka nào để tráng chỗ rượu ngọt này không?

Không, không may là thuyền trưởng không có vodka. Nhưng có rất nhiều thứ khác nếu ông Karlsson muốn nếm: rượu cam quýt, rượu kem, rượu bạc hà...

- Thật không phải lúc nhưng, - Allan hỏi, - ông nghĩ khi nào chúng ta sẽ đến Thượng Hải?

o o o

Sông Dương Tử không phải là một con sông tầm thường. Nó trải dài hàng ngàn dặm và có nơi rộng tới vài dặm. Một tuyến đường nội địa đủ sâu cho tàu hàng ngàn tấn.

Nó rất đẹp, chảy quanh co qua lãnh thổ Trung Quốc, qua thành phố, những cánh đồng và giữa các vách đá dựng đứng.

Allan Karlsson và hai mươi vệ sĩ của Tổng Mỹ Linh đã sử dụng một chiếc thuyền đường sông để đi Tử Xuyên, với mục đích

gây khó khăn cho gã cộng sản mới nổi Mao Trạch Đông. Cuộc hành trình bắt đầu vào ngày 12 Tháng Mười 1945, hai ngày sau khi các đàm phán hòa bình đã thực sự thất bại.

Hành trình không được nhanh chóng lắm, bởi vì hai mươi vệ sĩ muốn vui vẻ mỗi khi thuyền cập cảng mới (khi mèo đã lĩnh đến nhà nghỉ mùa hè an toàn bên ngoài Đài Bắc thì lũ chuột nhắt múa trên bàn). Có rất nhiều điểm dừng. Đầu tiên là Nam Kinh, sau đó tới Vu Hồ, An Khánh, Cửu Giang, Vũ Hán, Nhạc Dương, Nghi Đô, Phụng Tiết, Vạn Huyện, Trùng Khánh và Lô Châu. Ở đâu cũng say xỉn, gái gú và thiếu đạo đức.

Sống kiểu đó rất tốn kém, hai mươi vệ sĩ của Tống Mỹ Linh đã nghĩ ra một thứ thuế mới. Nông dân muốn dỡ hàng của mình ở cảng phải trả một khoản phí năm tệ, hoặc là biển. Kẻ nào phàn nàn bị bắn.

Tiền thuế ngay lập tức được tiêu thụ trong khu đèn tối nhất của thành phố, rất gần bến cảng. Allan thấy rằng nếu Tống Mỹ Linh nghĩ rằng lôi kéo dân chúng đứng về phía mình là quan trọng thì có lẽ đây là dịp bà ta nên nói điều đó với thuộc hạ thân tín của mình. Nhưng ơn trời, đấy là vấn đề của bà ta, không phải của Allan.

Phải mất hai tháng đi thuyền trên sông, Allan và hai mươi vệ sĩ mới đến tỉnh Tứ Xuyên, và lúc đó quân của Mao Trạch Đông đã lên phía bắc từ lâu. Họ đã không lén qua đường núi, mà đi xuống thung lũng và chiến đấu với quân Quốc Dân Đảng đã được cầm lại để bảo vệ thành phố Nghi Tân.

Nghi Tân đang sắp rơi vào tay cộng sản. Ba nghìn năm trăm binh sĩ Quốc Dân Đảng đã thiệt mạng trong trận chiến, ít nhất hai nghìn năm trăm người trong số đó quá say để chiến đấu. Trong khi đó, chỉ có ba trăm quân cộng sản chết, có lẽ là nhờ tỉnh táo.

Cuộc chiến ở Nghi Tân tuy thế lại kết thúc với thắng lợi về phe Quốc Dân Đảng, bởi vì trong số năm mươi tên cộng sản bị bắt có một viên kim cương. Bốn mươi chín tù nhân kia có thể đơn giản bắn bỏ và đẩy xuống mồ, nhưng số năm mươi! Chà! Số năm mươi không ai khác chính là Giang Thanh xinh đẹp, nữ diễn viên đã trở thành người cộng sản Mác-Lê và hơn hết - thành vợ ba của Mao Trạch Đông.

o o o

Một cuộc hội đàm ngay lập tức diễn ra giữa bộ tư lệnh Quốc Dân Đảng ở Nghi Tân và những vệ sĩ của Tống Mỹ Linh. Cuộc tranh luận là về việc ai sẽ có trách nhiệm với “siêu sao” tù nhân Giang Thanh. Chỉ huy bộ tư lệnh cho đến lúc này chỉ giam giữ bà ta, đợi thuyền chở vệ sĩ của Tống Mỹ Linh tới. Ông ta đã không dám làm khác vì Tống Mỹ Linh có thể ở trên tàu. Và với bà ta thì đừng có tranh luận gì.

Nhưng hóa ra Tống Mỹ Linh đang ở Đài Bắc, nên chỉ huy bộ tư lệnh thấy vấn đề rất đơn giản. Đầu tiên là hãm hiếp Giang Thanh một cách tàn bạo nhất và sau đó, nếu bà ta vẫn còn sống thì bắn bỏ.

Các vệ sĩ của Tống Mỹ Linh thực ra chẳng có gì để phản đối chuyện hãm hiếp, mà còn muốn đích thân hiếp giúp, nhưng Giang Thanh tuyệt đối không nên chết vì chuyện đó. Bà ta nên được đưa đến chỗ Tống Mỹ Linh hoặc ít nhất là Tưởng Giới Thạch để họ quyết định. Đây là chuyện chính trị đại sự, các binh sĩ đầy kinh nghiệm quốc tế cao giọng giải thích cho chỉ huy bộ tư lệnh ở Nghi Tân.

Vị chỉ huy không dám làm gì khác hơn là nghe lời và chưa chất hứa sẽ bàn giao viên kim cương của mình ngay chiều hôm đó. Hội nghị tan và cánh vệ sĩ đã quyết định ăn mừng chiến thắng của họ bằng một trận chè chén lu bù. Thử tưởng tượng

xem họ sẽ được vui vẻ thế nào với viên kim cương trong suốt cuộc hành trình!

Cuộc đàm phán cuối cùng đã được thực hiện trên boong con tàu đường sông mà Allan và đám lính đi ra biển. Allan kinh ngạc vì ông hiểu hầu hết những gì được nói. Trong khi những người lính giải khuây ở các thành phố khác nhau, Allan đã ngồi ở sàn tàu với An Minh, cậu bé nhếch nhác để thương có tài năng sư phạm đáng kể. Trong hai tháng, An Minh đã giúp

Allan gần như có thể tự xoay xở bằng tiếng Trung Quốc (đặc biệt là nói tục và chửi thề).

o o o

Từ lúc còn bé, Allan đã được dạy phải nghi ngờ người nào không uống rượu khi có dịp. Lúc Allan chưa đầy sáu tuổi, cha ông đã đặt tay lên bờ vai nhỏ của cậu bé và nói:

- Hãy cẩn thận với các linh mục, con trai ạ. Và những người không uống rượu vodka. Tồi tệ nhất là các linh mục không uống rượu vodka.

Mặt khác, cha của Allan chắc chắn đã không tỉnh táo lắm khi một ngày kia đâm vỡ mặt một du khách vô tội, vì thế mà ông đã lập tức bị sa thải khỏi Đường sắt Quốc gia. Điều này khiến mẹ của Allan lại có cái để dạy khôn cho con trai mình:

- Hãy cảnh giác với rượu chè, Allan ạ. Lẽ ra mẹ đã phải làm thế.

Cậu bé lớn lên và thêm ý kiến riêng của mình vào những lời khuyên nhận được từ cha mẹ. Linh mục và các chính trị gia đều xấu, Allan giờ đây nghĩ, dù là cộng sản, phát xít, tư bản hay gì gì đi nữa cũng thế cả. Tuy nhiên ông đồng ý với cha mình là người đáng tin cậy không uống nước ép trái cây. Và ông

đồng ý với mẹ mình là nên cư xử thận trọng, nhất là khi phần say rượu mất khôn.

Nói một cách thực tế là Allan trong chuyến hành trình đường sông đã không còn quan tâm đến việc giúp đỡ Tống Mỹ Linh và hai mươi lính say rượu (đúng ra chỉ còn mười chín vì một người đã rơi xuống biển và chết đuối). Ông cũng không muốn ở đó lúc những người lính hăm hiếp tù nhân đang bị nhốt dưới boong, dù bà ta là người cộng sản hay không và kết hôn với ai.

Vì vậy, Allan đã quyết định rời bỏ con tàu và đưa tù nhân dưới boong đi với mình. Ông nói với cậu bé nhếch nhác bạn mình về quyết định đó và khiêm tốn hỏi An Minh có thể giúp những kẻ bỏ trốn một số thực phẩm cho chuyến đào tẩu.

An Minh đồng ý với điều kiện là cả cậu cũng có thể đi theo.

Mười tám trong số mười chín vệ sĩ của Tống Mỹ Linh cùng với đầu bếp của tàu và thuyền trưởng đang giải sấu trong khu ăn chơi huyện Nghi Tân. Người lính thứ mười chín, kém may mắn nhất, ngồi cau có ngoài cánh cửa ra cầu thang xuống nhà tù của Giang Thanh dưới boong.

Allan ngồi xuống trò chuyện với tên bảo vệ, và rủ rê uống với nhau. Bảo vệ trả lời rằng hắn được giao trách nhiệm gác tù nhân quan trọng nhất nước nên không thể ngồi nhâm nhi rượu vodka gạo được.

- Ồ, tôi hoàn toàn đồng ý, - Allan đáp. - Nhưng mà một ly thì chắc không sao đâu?

- Ờ, - bảo vệ đáp. - Một ly chắc không hại gì.

Hai tiếng sau, Allan và tên bảo vệ đã nốc sạch một chai, trong lúc cậu bé nhếch nhác An Minh chạy tới chạy lui phục vụ đồ nhắm từ kho thực phẩm. Allan đã ngà ngà say, còn bảo vệ

(say lăn xuống gầm bàn), nhưng vì không có bàn để lăn nên đã ngủ ngay trên sàn tàu.

- Thế đấy, - Allan nói và nhìn xuống người lính Trung Quốc bất tỉnh dưới chân mình. - Đừng cố gắng uống thi với người Thụy Điển, trừ khi anh là người Phần Lan hoặc ít nhất là người Nga.

Chuyên gia bom Allan Karlsson, cậu bé nhếch nhác An Minh và Giang Thanh - phu nhân của lãnh tụ cộng sản, đầy lòng biết ơn, đã rời khỏi con tàu dưới bóng đêm che phủ và nhanh chóng lên núi, nơi Giang Thanh từng ở khá lâu cùng với cửa đội quân của chồng mình. Dân du mục Tây Tạng trong vùng này đều biết Giang Thanh nên nhóm người chạy trốn kiếm thức ăn không khó khăn gì ngay cả sau khi nguồn thực phẩm của An Minh đã hết. Không có gì lạ là những người Tây Tạng rất thân thiện với quân đội giải phóng nhân dân. Ai cũng biết rằng chỉ khi nào cộng sản chiến thắng ở Trung Quốc, thì Tây Tạng mới chính thức được độc lập.

Ý tưởng của Giang Thanh là bà, Allan và An Minh nên tiến nhanh về phía bắc, trong một khu vực rộng lớn do Quốc Dân Đảng kiểm soát. Sau vài tháng đi bộ ở vùng núi, cuối cùng họ sẽ đến Tây An ở tỉnh Thiểm Tây và Giang Thanh biết rằng chồng bà sẽ ở đó, nếu họ không quá chậm trễ.

Cậu bé nhếch nhác An Minh rất mừng rỡ nghe Giang Thanh hứa rằng sau đó cậu có thể phục vụ chính Mao Chủ tịch. Cậu bé đã bí mật trở thành người cộng sản khi thấy cách các vệ sĩ cư xử, do đó, cậu thấy đối bên và thắng tiến sự nghiệp là rất phù hợp với mình.

Tuy nhiên Allan nói rằng, chắc không có ông thì cuộc chiến đấu của phe cộng sản vẫn tốt đẹp. Vì vậy, ông nghĩ Allan nên về nhà thì hơn, Giang Thanh có đồng ý thế không?

Giang Thanh cũng nghĩ thế. Nhưng ‘nhà’ chắc chắn là Thụy Điển và nó xa xôi khủng khiếp. Ông Karlsson biết cách nào để về không?

Allan trả lời rằng thuyền hoặc máy bay là thiết thực nhất, nhưng các đại dương trên trái đất nằm ở những vị trí éo le nên phương án đi thuyền khó khả thi và Allan không nhìn thấy cái sân bay nào ở vùng núi. Thêm nữa, ông cũng chẳng có tiền để mà nói chuyện đó.

- Thế thì tôi phải đi bộ vậy, - Allan nói.

o o o

Vị trưởng thôn đã rộng lòng đón nhận ba kẻ đào tẩu có một ông anh từng đi du lịch nhiều hơn bất kì ai. Ông này đã đến những nơi xa xôi như Ulan Bator ở phía bắc và Kabul ở phía tây. Thêm nữa, ông từng nhúng chân mình xuống vịnh Bengal trong chuyến đi Đông Ấn, nhưng bây giờ ông đã về làng và trưởng thôn đến nhờ ông vẽ một tấm bản đồ thế giới cho ông Karlsson tìm đường về Thụy Điển. Ông anh hứa sẽ làm và ngày hôm sau đã hoàn thành nhiệm vụ.

Chẳng cần nhiều kinh nghiệm cũng có thể nói rằng băng qua Hy Mã Lạp Sơn với tấm bản đồ thế giới tự vẽ và la bàn tự chế là một dự án táo bạo. Thực ra, Allan đã có thể đi về phía bắc của dãy núi rồi đến phía bắc hồ Aral và biển Caspi, nhưng thực tế và bản đồ tự vẽ không khớp hoàn toàn với nhau. Vì vậy, Allan tạm biệt Giang Thanh và An Minh, bắt đầu chuyến đi bộ nho nhỏ của mình, qua Tây Tạng, trên dãy Himalaya, xuyên qua Ấn Độ thuộc Anh, Afghanistan, vào Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và sau đó đi qua châu Âu.

Sau hai tháng đi bộ, Allan phát hiện ra rằng mình đã đi nhầm sang phía bên kia núi và cách tốt nhất để sửa chữa là quay trở lại và bắt đầu lại từ đầu. Bốn tháng sau (ở phía bên

kia núi) Allan bắt đầu nghĩ đi thế này chậm quá. Vì vậy, trong chợ ở một ngôi làng miền núi, ông gắng hết sức mặc cả một con lạc đà, với vốn tiếng Trung và các ký hiệu mà ông biết. Allan và người bán lạc đà cuối cùng đi đến thỏa thuận sau khi người bán buộc phải chấp nhận rằng con gái mình không được bán kèm.

Thực ra Allan cũng thèm lấy cả cô con gái lắm. Không hẳn là để giao phối, bởi vì ông không còn bản năng nào sót lại theo hướng đó. Chúng đã nằm lại ở phòng mổ của Giáo sư Lundborg mất rồi. Nhưng ông muốn đồng hành với cô gái. Cuộc sống trên cao nguyên Tây Tạng lắm khi cũng cô đơn.

Nhưng vì cô con gái không biết nói gì ngoài phương ngữ Tây Tạng - Miến Điện đơn điệu mà Allan nghe không hiểu lấy một từ, ông nghĩ rằng về khoản kích thích trí tuệ, mình cũng có thể nói chuyện với con lạc đà. Thêm nữa, nhớ ra cô con gái lại hi vọng sẽ có cả tình dục như thỏa thuận. Trong cách cô nhìn ông có cái gì đó khiến Allan tin là đúng thế.

Vì vậy, thành ra sau hai tháng cô đơn nữa, lắc lư trên lưng lạc đà, Allan gặp ba người lạ cũng cưỡi lạc đà. Allan chào đón họ bằng mọi thứ tiếng mình biết: Trung Quốc, Tây Ban Nha, Anh và Thụy Điển. May mắn thay, một trong số đó có tác dụng, và đó là tiếng Anh.

Một trong ba người hỏi Allan là ai và đang đi đâu. Allan đáp ông đang trên đường về nhà mình ở Thụy Điển. Mấy người đàn ông trở mắt nhìn Allan. Ông sẽ cưỡi lạc đà suốt dọc đường đến Bắc Âu ư?

- Có một chặng dừng nhỏ khi tàu qua Öresund, - Allan đáp.

Ba người đàn ông không biết Öresund là gì vì vậy Allan nói với họ rằng đó là nơi biển Baltic gặp Đại Tây Dương. Sau khi xác định chắc chắn rằng Allan không trung thành với gã vua Iran, đầy tớ của Anh-Mỹ, họ mời ông đi cùng.

Ba người đàn ông kể với ông rằng họ đã quen nhau tại trường đại học ở Teheran, nơi họ học tiếng Anh. Trái ngược với các sinh viên khác trong lớp, họ đã không chọn ngôn ngữ này để có thể dễ dàng chạy việc vặt cho các nhà chức trách Anh. Học xong ngoại ngữ, họ đã qua hai năm cận kề với nguồn cảm hứng cộng sản Mao Trạch Đông, và giờ đang trên đường về nhà ở Iran.

- Chúng tôi theo chủ nghĩa Mác, - một trong ba người đàn ông nói. - Chúng tôi đang theo đuổi cuộc đấu tranh vì công nhân quốc tế, nhân dân công nhân, chúng ta sẽ thực hiện một cuộc cách mạng xã hội ở Iran và trên toàn thế giới, chúng ta sẽ xây dựng một xã hội dựa trên sự bình đẳng kinh tế và xã hội cho tất cả mọi người, và trên nhận thức về khả năng cá nhân của mỗi người; làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.

- Chà, thế bây giờ, - Allan hỏi. - Các cậu may ra có tí vodka nào để chia sẻ không?

Họ có. Cái chai được chuyển từ con lạc đà này sang con lạc đà kia và Allan lập tức cảm thấy cuộc hành trình bắt đầu dễ chịu hẳn.

Mười một tháng sau đó, bốn người đàn ông đã cứu sống lẫn nhau ít nhất ba lần. Họ đã cùng nhau sống sót dưới tuyết lở, cướp biển, giá lạnh khủng khiếp và đợt đói triền miên. Hai con lạc đà đã chết, con thứ ba bị mổ thịt để ăn, và con thứ tư để hối lộ một công chức hải quan Afghanistan cho họ nhập cảnh vào nước này thay vì bị bắt.

Allan chưa bao giờ tưởng tượng rằng vượt qua dãy Hy Mã Lạp Sơn là chuyện dễ dàng.

Sau này, ông vẫn nghĩ rằng mình may mắn được đi cùng với những người cộng sản Iran để chịu, bởi vì một mình vật lộn với những cơn bão cát ở thung lũng và các dòng sông, lũ lụt, nhiệt độ -40 độ C ở trên núi thì không dễ dàng gì. Phải, có

lẽ ông đã quen với cái lạnh buốt cóng mà mình đã trải qua trong những mùa đông Thụy Điển. Nhóm đã cắm trại ở độ cao 2.000 mét để chờ mùa đông 1946-1947 kết thúc.

Ba người cộng sản tất nhiên đã cố gắng lôi kéo Allan tham gia cuộc đấu tranh của họ, đặc biệt là sau khi họ phát hiện ra rằng ông là một tay thiện nghệ về chất nổ và các loại tương tự. Allan đáp rằng ông chúc họ may mắn, nhưng về phần mình, ông phải về quê và chăm nom ngôi nhà của mình ở Yxhult. Trong lúc nói vội, Allan quên rằng mười tám năm trước, mình đã cho nổ tung ngôi nhà vừa nhắc đến.

Cuối cùng, những người đàn ông đã thôi không cố gắng thuyết phục Allan về chính nghĩa đúng đắn của mình, và chấp nhận ông là một đồng chí tốt, hơn nữa, là một người đàn ông không hề moi phần nản về tuyết. Vị trí của Allan càng được củng cố hơn khi, trong lúc cả nhóm đang chờ thời tiết tốt lên và chẳng có gì làm, ông đã tìm ra cách chưng cất rượu mạnh từ sữa dê. Những người cộng sản không thể hiểu ông làm nổi bằng cách nào, nhưng kết quả cuối cùng rất thuyết phục, nhờ thế mọi thứ trở nên ấm áp hơn một chút và đỡ nhàm chán.

Vào mùa xuân năm 1947, cuối cùng họ đã băng qua phía nam của dãy núi cao nhất thế giới. Càng gần đến biên giới Iran, những người cộng sản càng háo hức nói về tương lai của Iran. Đã đến lúc đuổi bọn nước ngoài ra khỏi đất nước vĩnh viễn. Bọn Anh đã ủng hộ tên vua tham nhũng trong nhiều năm, và thế đủ tệ lắm rồi. Nhưng khi rốt cuộc chính nhà vua cũng mệt mỏi vì phải làm chó cảnh cho chúng và bắt đầu phản đối, thì bọn Anh chỉ đơn giản là nhắc ông ta khỏi ngai vàng và đưa con trai ông ta lên thay thế. Allan có thể so sánh chuyện này với quan hệ giữa Tổng Mỹ Linh và Tưởng Giới Thạch. Ông nghĩ rằng họ có quan hệ gia đình thật kì cục trong thế giới rộng lớn này.

Người con trai rõ ràng để mua chuộc hơn ông bố, và giờ thì bọn Anh và Mỹ kiểm soát dầu của Iran.

Theo gương Mao Trạch Đông, những người cộng sản Iran bây giờ sẽ chấm dứt chuyện này. Rắc rối là những người cộng sản khác của Iran lại có khuynh hướng nghiêng theo Liên bang Xô Viết của Stalin, và có rất nhiều yếu tố cách mạng pha trộn tôn giáo rất khó chịu.

- Hay nhỉ, - Allan nói, - và có nghĩa là ngược lại.

Ông được đáp lại bằng một bản tuyên ngôn Mácxít về chủ đề còn thú vị hơn? Bộ ba, nói ngắn gọn, sẽ chiến thắng hay là chết?

Ngay ngày hôm sau, hóa ra tình huống sau đã xảy ra, bởi vì bốn người bạn vừa đặt chân trên đất Iran thì đã bị bắt giữ bởi một nhóm tuần tra biên giới tình cờ đi qua. Ba người cộng sản không may có một bản sao của Tuyên ngôn Cộng sản (lại bằng tiếng Ba Tư), và họ bị bắn tại chỗ. Allan sống sót bởi vì ông chẳng mang theo chữ nghĩa gì. Thêm nữa, trông ông có vẻ là người nước ngoài và cần được điều tra thêm.

Với nòng súng trường gí ở lưng, Allan ngả mũ cảm ơn ba người cộng sản bị bắn đã đồng hành với mình qua dãy Himalaya. Allan nghĩ mình sẽ không bao giờ quên nổi với chuyện những người ông vừa kết bạn đều chết ngay trước mắt mình.

Allan chẳng có thời gian dài để thương tiếc. Thay vào đó, tay trái sau lưng, ông bị quăng vào thùng sau của xe tải. Mũi dùi trong chấn, ông yêu cầu bằng tiếng Anh được đưa đến Đại sứ quán Thụy Điển tại Teheran, hoặc đến sứ quán Mỹ nếu Thụy Điển không có đại diện nào trong thành phố.

- Khafe sho! - Là câu trả lời, bằng giọng điệu đe dọa.

Allan không hiểu, nhưng dù sao ông cũng rõ. Có lẽ sẽ không hại gì nếu ông ngậm miệng một thời gian.

o o o

Ở phía bên kia của địa cầu, tại Washington D.C., Tổng thống Harry Truman có vấn đề riêng của mình. Đã sắp tới thời gian bầu cử ở Mỹ, và giành đúng vị trí là rất quan trọng. Câu hỏi chiến lược lớn nhất là ông phải làm thế nào để lấy lòng người da đen ở miền nam.

Phải cân bằng trên cả hai mặt, một mặt thì tỏ ra cởi mở, nhưng mặt khác lại không được quá nhu nhược. Đó là cách để giữ được tín nhiệm.

Còn trên trường thế giới, ông đối phó với Stalin. Tuy nhiên, với trường hợp này, ông không sẵn sàng thỏa hiệp. Stalin đã có thể lôi cuốn một vài người, nhưng không phải là Harry S. Truman.

Về mọi chuyện khác thì Trung Quốc bây giờ đã vào dĩ vãng. Stalin nâng đỡ Mao Trạch Đông, còn Truman không thể không làm như thế với Tưởng Giới Thạch. Tổng Mỹ Linh cho đến nay đã có những gì bà ta muốn, nhưng bây giờ thì hết rồi. Ông tự hỏi điều gì đã xảy ra với Allan Karlsson? Anh ta thực sự là một người tốt.

o o o

Tưởng Giới Thạch ngày càng thất bại. Còn dự án hỗ trợ của Tổng Mỹ Linh thì không thành công vì chuyên gia chất nổ chịu trách nhiệm đã biến mất, thậm chí còn đưa vợ của gã hề đi theo.

Tổng Mỹ Linh đề nghị hết lần này đến lần khác để gặp Tổng thống Truman, hi vọng để có thể tự tay bóp cổ ông ta vì đã giới thiệu bà với Allan Karlsson, nhưng Truman không bao giờ

có thời gian để gặp. Thay vào đó, Mỹ quay lưng lại với Quốc Dân Đảng; ở Trung Quốc, lạm phát phi mã, tham nhũng, và nạn đói đều làm lợi cho Mao Trạch Đông. Cuối cùng, Tưởng Giới Thạch, Tổng Mỹ Linh và thuộc hạ đã phải chạy trốn sang Đài Loan. Trung Quốc đại lục trở thành Trung Quốc cộng sản.

CHƯƠNG 12

Thứ Hai 9 Tháng Năm 2005

Nhóm bạn ở Trang trại Bên Hồ nhận ra rằng đã đến lúc phải lên chiếc xe tải dọn nhà của họ để ra đi lập tức. Nhưng trước tiên, họ còn có một số nhiệm vụ không thể không làm.

Người Đẹp mặc áo mưa có mũ trùm và đi găng tay cao su, lôi cái vòi phun ra rửa sạch phần còn lại của tên côn đồ mà Sonya đã ngồi chết bẹp. Nhưng trước hết, cô gỡ khẩu súng lục trong bàn tay phải của người đàn ông đã chết và cẩn thận đặt nó trên hiên (sau đó cô đã quên búng mất), với mũi súng chĩa vào thân cây linh sam lớn cách đó bốn mét. Ai mà biết lúc nào nó bị cướp cò.

Khi Thùng Gỗ đã sạch phân của Sonya, hắn được đặt dưới ghế sau chiếc Ford Mustang của mình. Bình thường không thể nhét hắn vào chỗ đó, nhưng bây giờ thì hắn đã được là phẳng rồi. Rồi Julius ngồi sau tay lái chiếc xe của hắn và lái đi, Benny theo sau trong chiếc Passat của Người Đẹp. Ý tưởng là tìm ra một nơi hoang vắng cách Trang trại Bên Hồ một khoảng an toàn rồi tưới xăng lên xe của gã côn đồ và đốt cháy nó, giống như bọn gangster thực thụ hay làm trong trường hợp tương tự.

Nhưng để làm được điều đó, đầu tiên cần một cái can đựng xăng, và xăng để đổ vào. Vì vậy, Julius và Benny dừng lại bên ngoài một trạm xăng ở Sjösjösvägen thuộc Braås, Benny vào lo những chuyện cần thiết còn Julius mua cái gì đó ngon ngon để nhai.

Một chiếc Ford Mustang mới với động cơ V8 300 mã lực bên ngoài một trạm xăng ở Braås cũng giật gân tương tự như một máy bay Boeing 747 đậu trên đường phố ở trung tâm của Stockholm. Chỉ trong một giây, em trai của Thùng Gỗ và một

trong những đồng nghiệp của hắn ở The Violence đã quyết định nắm bắt cơ hội. Gã em trai nhảy vào chiếc Mustang trong khi đồng nghiệp của hắn canh chừng chủ xe đang ngắm nghía những túi kẹo các loại ở cửa hàng xăng. Trúng quả rồi! Thằng ngu quá! Thậm chí gã còn để lại chìa khóa trong ổ nữa!

Khi Benny và Julius quay ra, một người xách can xăng mới mua để đựng xăng, người kia với một tờ báo kẹp dưới cánh tay và miệng đầy kẹo, chiếc Mustang đã không cánh mà bay.

- Tôi đậu xe ở đây phải không nhỉ? - Julius hỏi.

- Đúng rồi, anh đậu xe ở đây, - Benny đáp.

- Thế bây giờ mình có vấn đề gì không nhỉ? - Julius hỏi.

- Có, có vấn đề đấy, - Benny đáp.

Rồi họ lấy chiếc Passat chưa bị đánh cắp trở về Trang trại Bên Hồ. Cái can xăng vẫn rỗng không. May quá.

o o o

Chiếc Mustang màu đen có hai sọc màu vàng sáng chạy suốt chiều dài mũi xe. Một con xe cực đỉnh mà em trai Hùng Gõ và đồng bọn sẵn sàng liều vì nó. Trộm cắp cũng phải có duyên thì mới dễ thế. Chưa đầy năm phút sau vụ chiếm đoạt không định trước, chiếc xe đã được giấu kĩ trong garage của The Violence.

Ngay hôm sau, đầu tiên là chúng thay biển đăng ký trước khi gã em trai cử một đứa tay sai của mình đưa chiếc xe tới một mối làm ăn ở Riga, và trở lại bằng phà, không đem xe về. Thường là sau đó, bọn Latvia sẽ sắp xếp bán chiếc xe với biển đăng ký và giấy tờ giả cho ai đó trong nhóm The Violence nhập khẩu tư nhân, và phù phép biến chiếc xe bị đánh cắp trở thành hợp pháp.

Nhưng lần này thì khác, bởi vì chiếc xe từ Thụy Điển bắt đầu bốc mùi khủng khiếp khi đậu trong garage ở Ziepniekkalns, vùng ngoại ô phía nam của Riga. Chủ nhà xe tìm nguyên nhân và phát hiện ra một xác chết dưới ghế sau. Gã chửi thề một trận kinh thiên động địa, tháo hết biển đăng ký và bất cứ điều gì khác để lộ đầu mỗi cái xe đến từ đâu. Rồi gã bắt đầu đập phá, cào xước thân xe, một mẫu vật tuyệt vời hiệu Mustang và chỉ dừng lại khi chiếc xe trông chẳng đáng một xu. Sau đó gã ra ngoài, tìm một thằng say rượu, đổi bốn chai rượu để thuyết phục hắn lái đồng sắt vụn lên sân phế liệu để tiêu hủy, với cái xác và tất cả.

o o o

Nhóm bạn ở Trang trại Bên Hồ đã sẵn sàng để khởi hành. Tất nhiên cũng hơi lo lắng về chiếc Mustang chở xác chết đã bị đánh cắp, nhưng rồi cụ Allan nghĩ cái gì xảy ra thì đã xảy ra, cái gì đến thì sẽ đến. Thêm nữa, theo cụ Allan, có lý do để hi vọng rằng kẻ trộm xe hơi sẽ không bao giờ liên lạc với cảnh sát. Bản chất tự nhiên của những tên trộm xe là giữ một khoảng cách nhất định với cơ quan cảnh sát.

Bây giờ là 6 giờ tối, và khởi hành trước khi trời tối là tốt, vì cái xe tải dọn nhà thì to mà đoạn đường đầu tiên của cuộc hành trình thì nhỏ và quanh co.

Sonya đứng trong cái chuồng gắn trên bánh xe của mình. Tất cả dấu vết của con voi đã được cẩn thận xóa sạch ở trại chăn nuôi và chuồng. Chiếc Passat và cái Mercedes cũ của Benny đã được bỏ lại phía sau, như thể chúng chẳng dính líu vào bất cứ điều gì bất hợp pháp, thêm nữa họ biết làm những gì khác với hai cái xe ấy?

Và chiếc xe bắt đầu lên đường. Đầu tiên Người Đẹp định lái xe, cô rất thạo điều khiển xe tải. Nhưng sau đó hóa ra Benny

từng suýt thành tài xế xe tải và có giấy phép lái xe đủ loại, do đó, tốt nhất là để bác lái. Cả nhóm không có lý do gì để phạm pháp một cách vô ích thêm nữa.

Khi đến chỗ hộp thư, Benny rẽ trái, đi khỏi Rottne và Braås. Theo Người Đẹp, đi thêm dọc theo con đường sỏi chút nữa, cuối cùng họ sẽ đến Aby và sau đó vào quốc lộ 30 về phía nam của Lammhult. Chỉ mất hơn nửa giờ để tới đó, vì thế, trên đường, sao họ không tranh thủ thời gian bàn xem mình thực sự sẽ đi đâu?

o o o

Bốn tiếng trước đây, Ông Chủ sốt ruột ngồi chờ đợi tên tay sai duy nhất còn chưa biến mất của mình. Ngay sau khi Caracas xong việc trở về, nhất định Ông Chủ và hắn sẽ đi về phía nam. Nhưng không đi bằng xe của họ và không mặc áo câu lạc bộ. Thời gian này phải cẩn thận.

Ông Chủ bắt đầu hơi nghi ngờ cái chiến lược cũ của mình với áo câu lạc bộ và biểu tượng Never Again trên lưng. Ban đầu, nó tạo ra cảm giác về bản sắc và gắn kết trong nhóm, khiến người ngoài nể họ. Nhưng thứ nhất là nhóm nhỏ hơn nhiều so với tưởng tượng của Ông Chủ, hắn có thể quản lý bộ tứ gồm Ốc Vít, Thùng Gỗ, Caracas và chính mình mà không cần áo khoác. Và rồi chuyên môn của nhóm khiến áo câu lạc bộ thành một dấu hiệu hầu như phản tác dụng. Việc sai Ốc Vít đi giao dịch ở Malmköping có phần nào mâu thuẫn: một mặt, để thận trọng, gã đi bằng phương tiện giao thông công cộng, nhưng mặt khác, gã lại mặc áo câu lạc bộ với biểu tượng Never Again ở sau lưng để người Nga biết là đang làm việc với ai, nếu định chơi xấu.

Và bây giờ Ốc Vít đang chạy trốn... hoặc điều gì đó đã xảy ra. Và trên lưng, gã có dòng chữ ít nhiều tuyên bố: “Nếu có gì thắc mắc, hãy điện thoại cho Ông Chủ.”

Mẹ nó? Ông Chủ nghĩ. Khi thoát khỏi đồng lộn xộn này, hẳn sẽ đốt cháy hết chỗ áo khoác. Nhưng thằng Caracas đang ở chỗ chết tiệt nào? Họ sắp phải đi ngay bây giờ?

Caracas có mặt tám phút sau đó, giải thích chậm trễ là vì hắn đã vào Seven-Eleven[10] và mua một quả dưa hấu.

[10] Một chuỗi siêu thị mini phổ biến toàn cầu.

- Đỡ khát và ngon, - Caracas giải thích.

- Đỡ khát và ngon? Một nửa tổ chức mất tích cùng với 50.000.000 crown, mà mày đi mua trái cây à?

- Không phải trái cây, rau, - Caracas đáp. - Thực ra nó thuộc giống dưa chuột.

Giải thích này khiến Ông Chủ vớ lấy quả dưa hấu, đập nó xuống đầu Caracas vỡ toác ra. Thế là Caracas bắt đầu khóc và nói hẳn không muốn dính vào chuyện này nữa. Hẳn chẳng được gì từ Ông Chủ ngoài những thứ cứt đá, kể từ khi đầu tiên là Ốc Vít và sau đó là Thùng Gỗ biến mất, cứ như thể hẳn, Caracas, là nguyên nhân. Không, Ông Chủ cứ đi mà lo việc của hẳn, Caracas sẽ gọi một chiếc taxi đến sân bay và bay thẳng về nhà với gia đình của mình ở... Caracas. Sau đó, ít nhất hẳn còn được lấy lại tên thật của mình.

- Vete a la mierda![11] - Caracas tru lên, và chạy bỏ qua cửa ra ngoài.

[11] Một câu chửi thề tiếng Tây Ban Nha.

Ông Chủ thở dài một mình. Mọi thứ trở nên ngày càng hỗn độn hơn. Thoạt tiên Ốc Vít biến mất và giờ nhìn lại, Ông Chủ phải thừa nhận rằng mình không nên trút giận lên Thùng Gỗ và Caracas. Rồi Thùng Gỗ biến mất và Ông Chủ nhìn lại, phải thừa nhận rằng mình không nên trút giận lên Caracas. Và sau đó Caracas biến mất - để mua một quả dưa hấu. Ông Chủ giờ nhìn

lại phải thừa nhận rằng mình... không nên vì thế mà choảng cả quả dưa hấu vào đầu nó.

Để bây giờ, hắn hoàn toàn đơn độc trong cuộc truy bắt... chà, thậm chí hắn còn không biết mình truy bắt cái gì. Hắn sẽ tìm thấy Ốc Vít? Nhưng mà nếu Ốc Vít đã chôn cái vali, thì nó có thể ngu ngốc đến thế chẳng? Và chuyện gì đã xảy ra với Thùng Gỗ?

o o o

Ông Chủ lái một chiếc xe phù hợp với địa vị của mình trong xã hội, một chiếc BMW X5 đời mới nhất. Và hắn thường lái xe cực kì nhanh. Cảnh sát trong xe không gắn biển cảnh sát đã theo dõi hắn, phí thời gian đếm số lần vi phạm giao thông trong hành trình từ Stockholm xuống Småland, và sau 300 km thì đồng ý rằng người đàn ông lái chiếc BMW trước mặt họ phải bị tịch thu giấy phép lái xe trong bốn trăm năm tới, nếu tất cả những thứ hắn ta đã vi phạm trong cuộc hành trình được đưa ra tòa án, nhưng tất nhiên họ không bao giờ đưa được.

Tình cờ, cuộc hành trình cuối cùng đưa họ qua Åseda nơi Chánh Thanh tra Aronsson tiếp quản từ đồng nghiệp Stockholm của mình, cảm ơn họ đã giúp đỡ và thông báo rằng bây giờ ông có thể tự lo được.

Nhờ có định vị GPS trong chiếc BMW, Ông Chủ không gặp vấn đề gì khi tới tận Trang trại Bên Hồ. Nhưng càng gần đến nơi, hắn càng thiếu kiên nhẫn. Tốc độ vốn đã vượt xa mức cho phép trở nên nhanh đến nỗi Chánh Thanh tra Aronsson khó theo kịp. Tất nhiên ông phải giữ một khoảng cách nhất định để “Ông Chủ” Gunnar Gerdin không nhận thấy mình đang bị bám theo, nhưng bây giờ Aronsson bắt đầu bị mất dấu thật sự. Trên con đường trải dài xa tít ông vẫn có thể thoáng thấy chiếc BMW cho đến khi... không thể nhìn thấy nó nữa!

Gerdin đã đi đâu? Chắc chắn hắn rẽ tắt vào một nơi nào đó, hoặc...? Aronsson đi chậm lại, cảm thấy mồ hôi vã trên trán, ông không thích ý tưởng về điều gì có thể xảy ra.

Có một con đường rẽ về bên trái, hắn đã đi xuống đấy? Hay là hắn tiếp tục tiến thẳng về phía trước và sau đó đi... Rottne, có phải chỗ đó gọi thế không nhỉ? Và ở đây, nơi con đường dù sao cũng chậm hơn nhiều, lẽ ra nhờ thế, ít nhất Aronsson cũng phải bắt kịp Gerdin, chứ? Trừ khi Gerdin đã rẽ ngay trước đó?

Phải, chắc là thế. Aronsson quay lại rồi rẽ khỏi đường chính, nơi ông nghĩ Gerdin phải làm tương tự. Bây giờ ông phải mở to mắt quan sát, bởi vì nếu Gerdin đi con đường này thì cái đích đến cuối cùng phải rất gần.

o o o

Ông Chủ dừng chân phanh khi giảm tốc độ từ 180 xuống 20 và nhanh chóng rẽ vào con đường sỏi theo sự hướng dẫn của máy định vị. Bây giờ chỉ cách mục tiêu 3,7 km.

Cách thùng thư ở Trang trại Bên Hồ 200 mét, con đường có khúc quanh cuối cùng, và ở chỗ ngoặt, Ông Chủ nhìn thấy đuôi một cái xe tải dọn nhà vừa đi ra từ chính lối exit mà rõ ràng hắn phải lái xe xuống. Nên làm gì bây giờ? Ai là người trong xe? Và ai vẫn còn ở Trang trại Bên Hồ?

Ông Chủ quyết định để cho chiếc xe kia đi tiếp, còn mình đi xuống một lối nhỏ quanh co dẫn đến cái sân bên cạnh một trang trại, chuồng gia súc và cái nhà kho cũ kĩ bên hồ.

Nhưng không có Thùng Gỗ. Không có Ốc Vít. Không có lão già. Không có con mụ tóc đỏ. Và hoàn toàn không có chiếc vali màu xám gắn bánh xe.

Ông Chủ hí sinh thêm một phút ở chỗ đó. Nó rõ ràng không có ai, nhưng phía sau chuồng gia súc có giấu hai chiếc xe: một màu đỏ VW Passat và một chiếc Mercedes màu bạc.

- Chắc chắn đúng chỗ này, - Ông Chủ tự nhủ. - Nhưng có lẽ muộn mất vài phút rồi?

Và thế là ông quyết định phải đuổi kịp chiếc xe tải dọn nhà. Điều đó không khó gì, mất ba hoặc bốn phút bắt đầu trên con đường sỏi quanh co.

Ông Chủ lái xe đi và chiếc BMW nhanh chóng đưa ông trở lại con đường lớn. Rồi ông nhấn ga và biến mất trong đám mây bụi. Thực tế là có một chiếc Volvo màu xanh đã đến từ một hướng khác, không hề để ý đến Ông Chủ chút nào.

Lúc đầu, Chánh Thanh tra Aronsson mừng vì thấy lại Gerdin, nhưng cứ xem tốc độ Gerdin nhanh chóng đạt được với cỗ xe bốn bánh ma quỷ của hắn, Chánh Thanh tra lập tức thấy sự nhiệt tình đuổi theo của mình giảm dần. Ông không thể nào theo kịp. Chỉ cần đi và xem xét tại nơi... có phải nó được gọi là Trang trại Bên Hồ không nhỉ?... nơi Gerdin đã vào rồi bỏ đi... và Gunilla Björklund là cái tên ghi trên thùng thư.

- Tôi chả ngạc nhiên nếu cô có tóc đỏ, Gunilla ạ, - Chánh Thanh tra Aronsson nói.

Thế là chiếc Volvo của Aronsson lăn bánh đúng vào cái sân mà chiếc Ford Mustang của “Thùng Gỗ” Henrik Hultén đã vào chín tiếng đồng hồ trước đó, và chiếc BMW của “Ông Chủ” Per-Gunnar Gerdin vừa vào vài phút trước Chánh Thanh tra.

Chánh Thanh tra Aronsson chẳng mấy chốc đã nhận ra, giống như Ông Chủ đã thấy, Trang trại Bên Hồ đã bị bỏ rơi. Nhưng dù sao ông đã dành rất nhiều thời gian để tìm kiếm các mẫu khác nhau của câu đố. Ông tìm thấy tờ báo ngày hôm đó trong nhà

bếp, và một ít rau tươi trong tủ lạnh. Có nghĩa là họ chỉ mới dỡ trại lúc trước, trong cùng ngày hôm nay. Một mẫu khác của câu đố tất nhiên là chiếc Mercedes và Passat đằng sau chuồng gia súc. Một trong hai cái xe nói lên nhiều điều với Aronsson, và ông đoán rằng cái kia là của Gunilla Björklund.

Chánh Thanh tra Aronsson còn có hai quan sát rất thú vị nữa. Đầu tiên là ông tìm thấy một khẩu súng lục nằm trên mép sàn gỗ dưới hiên trang trại. Nó làm gì ở đó? Và in dấu vân tay của ai? Aronsson đoán là Hultén Thùng Gỗ, trong khi ông cẩn thận nhét khẩu súng lục vào trong một cái túi nhựa.

Phát hiện kia là trong chiếc thùng thư khi Aronsson rời đi. Trong số thư từ trong ngày có một lá thư chính thức từ Cơ quan Cấp phép xe khẳng định rằng chiếc Scania K113 đời 1992 màu vàng đã thay đổi chủ sở hữu.

Thế ra các vị đang lái một chiếc xe tải dọn nhà? Chánh Thanh tra tự nhủ.

o o o

Chiếc xe tải dọn nhà màu vàng từ từ đi xuyên qua rừng. Chiếc BMW không mất nhiều thời gian để bắt kịp nó. Nhưng trên con đường hẹp, Ông Chủ không thể làm gì hơn ngoài đi theo sau và tưởng tượng trong xe có gì và liệu họ có thể mang theo cái vali màu xám gắn bánh xe không.

May mắn không biết gì về mối nguy hiểm chỉ cách năm mét phía sau, nhóm bạn trong xe bàn bạc về tình hình hiện nay và nhanh chóng đồng ý với kết luận rằng yên ổn nhất là nếu họ có thể tìm thấy một nơi nào đó để trú ẩn một vài tuần. Ban đầu nó đã được định là Trang trại Bên Hồ, nhưng ý tưởng hay ho đó đột nhiên trở nên khủng khiếp sau khi họ gặp phải một du khách bất ngờ và rồi Sonya lại ngồi đề lên khách.

Vấn đề bây giờ là cụ Allan, Julius, Benny và Người Đẹp có một điểm chung: người thân và bạn bè họ rất ít, lại ở xa, do đó, làm sao họ có thể tìm ra ai đó chấp nhận chiếc xe nhà màu vàng chứa những người và vật đang lâm vào hoàn cảnh hiện nay.

Cụ Allan giải thích cụ thiếu người thân và bạn bè vì thực tế là cụ đã một trăm tuổi, và họ đã chết, bằng cách này hay cách khác hay dù sao đến giờ cũng chết vì tuổi tác. Chỉ có rất ít người tồn tại được năm này qua năm khác, sau tất cả mọi thứ.

Julius nói rằng ông chỉ giỏi gây thù, chứ không phải tìm bạn. Dù ông muốn tình bạn của mình với Allan, Benny và Người Đẹp sâu sắc thêm, nhưng nó lại không liên quan đến trường hợp đặc biệt này.

Người Đẹp thừa nhận rằng mình đã vô cùng khép kín suốt những năm sau ly hôn, mà thế thì làm gì có bầu bạn. Vì thế cô chẳng có ai để liên hệ, nhờ giúp đỡ.

Còn lại Benny. Bác có một ông anh phải không nào? Một ông anh giận dữ nhất trên thế giới.

Julius thắc mắc liệu họ có thể bỏ tiền ra hối lộ ông anh kia không, thế là mặt Benny sáng lên. Họ đã, tất nhiên, có rất nhiều triệu trong vali! Họ không thể hối lộ ông anh bác, bởi vì Bosse kiêu hãnh hơn là tham lam. Nhưng vấn đề là ở cách nói. Và Benny đã có giải pháp. Bác sẽ nói với anh trai mình rằng em muốn chuộc lỗi sau tất cả những năm đó.

Sau khi nghĩ ra, Benny gọi điện cho anh trai mình nhưng vừa kịp nói xong mình là ai thì đã được thông báo rằng Bosse có một khẩu súng sẵn nạp sẵn đạn và ông anh hết sức chào mừng ông em đến thăm nếu em muốn được bắn vỡ mộng.

Benny nói rằng em không muốn một số phận như vậy, nhưng em - cùng với vài người bạn có ý định viếng thăm anh, vì em muốn giải quyết vấn đề tài chính giữa anh em mình. Đã từng có, tạm gọi là, một sự khác biệt nhất định giữa hai anh em liên quan đến tiền của bác Frasse.

Bosse đáp mày thôi ngay cái trò diễn đạt vòng vo khốn kiếp ấy đi. Và sau đó bác ta đi thẳng vào điểm chính:

- Mày có bao nhiêu tiền?

- Khoảng ba triệu? - Benny đáp.

Benny im lặng một lúc, nghĩ ngợi về tình huống này. Bác ta hiểu em trai của mình đủ để biết rằng Benny sẽ không bao giờ gọi điện để đùa cợt về một cái gì đó như thế này. Thằng em mình đơn giản là đã có một đồng tiền! Ba triệu! Tuyệt vời quá! Nhưng... có lẽ nó thậm chí có nhiều hơn?

- Bốn triệu được không? - Bosse thăm dò.

Nhưng Benny đã quyết định dứt khoát rằng ông anh sẽ không bao giờ chơi mình một lần nữa, vì vậy bác trả lời:

- Tất nhiên bọn em cũng có thể ở tại một khách sạn, nếu anh nghĩ rằng bọn em làm phiền quá.

Bosse đáp em trai anh thì không bao giờ gây phiền hà cả. Benny và đám bạn được chân thành chào đón và nếu Benny muốn nhân tiện giải quyết sự khác biệt trước đây bằng ba triệu - hoặc thậm chí ba triệu rưỡi nếu được - thì cũng tốt thôi.

Benny được chỉ đường để đến nhà ông anh trai, và bác nghĩ rằng họ sẽ tới đó trong một vài tiếng.

Mọi thứ dường như đang thuận lợi nhất. Cả con đường bây giờ cũng sắp rộng ra và thẳng.

Đó là chính là cái Ông Chủ cần, một con đường hơi rộng hơn và thẳng. Hắn đã bị mắc kẹt mười phút phía sau cái xe tải dọn nhà trong khi chiếc BMW báo rằng hắn đã không đổ xăng từ Stockholm, nhưng lấy đâu ra thời gian mà đổ?

Thật là ác mộng nếu hết xăng giữa rừng và bó tay, giương mắt nhìn chiếc xe màu vàng biến mất xa xa, có lẽ mang theo Ốc Vít, Tủng Gỗ và chiếc vali hoặc bất cứ ai, bất cứ thứ gì nó chở.

Vì vậy, Ông Chủ đã hành động với sức mạnh và nỗ lực từng khiến hắn trở thành Ông Chủ một câu lạc bộ tội phạm ở Stockholm. Hắn nhấn ga, và trong một giây đã vượt qua chiếc xe tải dọn nhà, tiếp tục thêm 150 mét trước khi phanh chiếc BMW và dừng lại chắn ngang đường. Sau đó hắn lấy ra khẩu súng lục từ ngăn đựng găng tay và chuẩn bị đối mặt với cái xe mình vừa vượt qua.

Ông Chủ đề rằng bọn chân tay của mình bây giờ đã chết hoặc trốn mất. Ý tưởng dùng xe chặn đường và buộc chiếc xe kia dừng lại tất nhiên có nguyên nhân thực tế là hết xăng, nhưng Ông Chủ còn có thêm giả định hoàn toàn chính xác là tài xế xe tải sẽ phải chọn cách dừng lại. Kết luận mà Ông Chủ rút ra là dựa trên nhận thức rằng nói chung mọi người không cố ý đâm vào người khác trên đường, gây nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe cho cả hai.

Và quả thực, Benny đã nhấn phanh. Ông Chủ đã đúng.

Nhưng hắn đã không nghĩ đủ xa. Trong tính toán của mình, lẽ ra hắn nên cân nhắc cái rủi ro là trọng lượng của xe tải có thể gồm cả một con voi nặng hàng tấn, và hắn nên tự hỏi hậu quả gì có thể xảy ra trong khoảng cách phanh mà một chiếc xe tải đòi hỏi, và ít nhất hắn phải lưu ý rằng họ vẫn còn trên con đường sỏi chứ không phải đường nhựa.

Benny thực sự đã cố hết sức để tránh vụ va chạm, nhưng tốc độ bác chạy vẫn còn gần 50 km một giờ khi chiếc xe tải 15 tấn chở voi và đủ thứ đấm sầm vào chiếc xe trên đường đi của nó, chiếc xe kia bắn lên trời xa 20 mét - giống như một quả bóng đá - và rơi xuống đập mạnh vào một cây linh sam tám mươi tuổi.

- Tên số ba có lẽ xong rồi, - Julius đoán.

Tất cả các hành khách hai chân trong xe tải nhảy ra (vài người dễ dàng hơn người khác) và đi đến chiếc BMW đã bị phá hủy.

Rũ trên tay lái, trông như chết rồi, một người đàn ông mà nhóm bạn không biết, đang ngồi, vẫn giữ một khẩu súng lục giống hệt như súng tên côn đồ số hai đã đe dọa họ buổi sớm trong ngày.

- Đúng rồi, chắc chắn đó là đứa thứ ba, - Julius nói. - Tôi tự hỏi khi nào thì chúng nó mới dừng.

Benny yếu ớt phản đối giọng điệu lạc quan của Julius. Giết chết một tên côn đồ một ngày là đủ lắm rồi, nhưng hôm nay họ đã đạt tới hai tên, mà vẫn chưa đến sáu giờ tối. Nếu họ không may mắn thì còn thời gian để chúng đến nhiều hơn.

Cụ Allan đề xuất rằng họ nên giấu xác tên số ba ở một nơi nào đó vì gần gũi quá với người mà mình đã giết thì thật không hay chút nào, trừ phi bạn muốn nói với mọi người rằng bạn đã khử chúng và cụ không nghĩ rằng các bạn mình có lý do để làm điều đó.

Thế là Người Đẹp bắt đầu la hét giận dữ với cái xác đang rũ trên tay lái, chủ đề của cô là thế quái nào mà mày ngu đến nỗi đập xe ra giữa đường như thế.

Cái xác đáp lại lí nhí yếu ớt và nhúc nhích một cái chân.

o o o

Chánh Thanh tra Aronsson đơn giản là không biết làm gì hơn ngoài tiếp tục cuộc hành trình của mình theo hướng Ông Chủ Gerdin đã đi hơn nửa tiếng đồng hồ trước đó. Tất nhiên ông không hi vọng bắt kịp kẻ cầm đầu của Never Again, nhưng một cái gì đó thú vị có thể xuất hiện trên đường. Hơn nữa, Växjö cũng không xa lắm, và Chánh Thanh tra đang cần ghé vào một khách sạn để tổng kết tình hình và ngủ vài tiếng.

Một lát sau, Aronsson phát hiện ra xác chiếc BMW X5 mới bị găm vào một cây linh sam. Thoạt tiên, Aronsson chẳng ngạc nhiên vì Gerdin đã bị đụng xe, nếu xem xét tốc độ mà hắn đã rời Trang Trại Bên Hồ. Nhưng nhìn gần, Aronsson lại có một hình dung mới.

Thứ nhất, chiếc xe trống rỗng. Trên ghế lái xe đầy máu, nhưng không thấy người lái ở đâu cả.

Thứ hai, mạn phải của xe dường như không tự nhiên sứt mẻ, và đây đó có những vết sơn màu vàng. Một cái gì đó lớn và màu vàng đã đâm vào xe với tốc độ cao.

- Ví dụ như chiếc Scania K113 năm 1992 màu vàng, - Chánh Thanh tra Aronsson lẩm bẩm một mình.

Thoạt đầu thì rất khó đoán trước, nhưng nó trở nên dễ dàng hơn khi hóa ra biển đăng ký của chiếc Scania vàng đã được găm chắc chắn vào cánh cửa sau bên phải. Aronsson chỉ việc so sánh những con số và chữ cái với những gì ghi trên tờ xác nhận của cơ quan cấp giấy phép xe về thay đổi quyền sở hữu, nghi ngờ của ông được chứng thực.

Chánh Thanh tra Aronson vẫn không thể hiểu được những gì thực sự đã xảy ra. Nhưng có một điều hiện ra ngày càng rõ ràng hơn, mặc dù nó thật đáng kinh ngạc: dường như cụ già trăm tuổi Allan Karlsson và đoàn tùy tùng của cụ rất giỏi giết người rồi phi tang xác chết.

CHƯƠNG 13

1947-1948

Allan đã trải qua những đêm chẳng dễ chịu gì khi nằm úp sấp trên thùng xe tải trên đường tới Teheran. Trời thì lạnh quá mà chẳng có sữa dê đặc biệt để sưởi ấm. Thêm nữa, hai tay ông còn bị trói sau lưng.

Cũng dễ hiểu vì sao Allan mừng khi cuộc hành trình kết thúc. Đó là vào cuối buổi chiều khi chiếc xe tải dừng lại trước cổng chính một tòa nhà lớn màu nâu ở giữa thủ đô.

Hai anh lính vực kẻ lạ mặt đứng dậy và phủi bột bụi bẩn. Sau đó, họ nối lỏng dây trói tay Allan và quay lại canh gác ông với khẩu súng trường.

Nếu Allan biết tiếng Ba Tư, ông đã có thể đọc tấm biển hiệu nhỏ màu vàng vàng bên cạnh lối vào, nơi mình dừng lại. Nhưng ông không đọc được. Mà cũng chẳng quan tâm. Với ông, điều quan trọng là liệu họ có cho mình ăn sáng. Hay ăn trưa. Hoặc tốt hơn là cả hai.

Nhưng, tất nhiên, những người lính biết họ phải đưa tên cộng sản tình nghi đi đâu. Và khi họ đẩy Allan qua các cửa, một trong những người lính nói lời tạm biệt với Allan bằng một nụ cười và câu chúc bằng tiếng Anh:

- Chúc may mắn!

Allan đáp cảm ơn bạn rất nhiều vì những lời chúc tốt đẹp, dù ông nhận thấy nó có vẻ mỉa mai, rồi ông nghĩ tốt nhất là mình nên quan tâm xem điều gì sắp xảy ra.

Ở đó, viên sĩ quan trong nhóm bắt giữ Allan chính thức bàn giao tù nhân của mình cho một người cấp bậc tương đương. Đấng

ký xong, Allan được chuyển tới một phòng tạm giam ngay phía dưới hành lang gần nhất.

Căn phòng tạm giam là một thiên đường so với những gì gần đây Allan đã quen chịu đựng.

Bốn cái giường xếp thành dãy, mỗi giường đều có chăn dày, đèn điện trên trần nhà, bồn rửa mặt với vòi nước trong một góc và góc kia là cái xô cho người lớn có nắp đậy. Thêm nữa, Allan có thể mang vào phòng giam một bát cháo to và cả lít nước để thỏa mãn cơn đói khát của mình.

Ba cái giường còn trống, nhưng cái thứ tư có một người đàn ông đang nằm ngửa, mắt nhắm, hai tay khoanh lại. Khi Allan được đưa vào phòng, người đàn ông tỉnh giấc ngủ và ngồi dậy. Ông ta cao, gầy, cổ áo kiểu mục sư màu trắng tương phản với trang phục toàn màu đen. Allan chìa tay ra tự giới thiệu và nói rằng tiếc là ông không biết ngôn ngữ địa phương, nhưng liệu giáo sĩ có biết một vài từ tiếng Anh?

Người đàn ông mặc đồ đen đáp là có, vì ông ta sinh ra và lớn lên ở Oxford, và cũng có giáo dục. Người đàn ông mặc đồ đen tự giới thiệu mình là Kevin Ferguson, một mục sư Anh giáo, đã có mặt tại Iran mười hai năm tìm kiếm những kẻ mất linh hồn để phục hồi đức tin chân chính cho họ. Thế ông Karlsson đang đứng về phía tôn giáo nào?

Allan trả lời, xét về khía cạnh hoàn toàn vật lý thì ông không kiểm soát được chỗ mình đang ở, nhưng điều đó không có nghĩa là ông bị mất linh hồn. Allan luôn có lập luận hợp lý về tôn giáo là nếu không biết chắc chắn thì đừng mất công suy đoán vòng vo.

Allan thấy mục sư Ferguson có hơi cố gắng nên nhanh chóng nói thêm rằng mục sư cũng nên tôn trọng mong muốn chân thành

của Allan là tránh theo Anh giáo hoặc bất kì tôn giáo nào khác.

Mục sư Ferguson không phải là người dễ đầu hàng. Tuy nhiên, lần này ông hơi do dự. Có lẽ không nên quá nôn nóng với người duy nhất - ngoài Chúa ra - có thể cứu ông khỏi tình thế hiện nay?

Ông quyết định thỏa hiệp. Mục sư Ferguson làm một cố gắng nữa vờ sao cho vẫn có thể tưới một chút ánh sáng lời Chúa Ba Ngôi mà không làm tổn thương ông Karlsson. Tình cờ đó là điều đầu tiên trong ba mươi chín điều răn trong kinh tín Anh giáo. Allan trả lời là mục sư có lẽ chưa hiểu Allan chẳng quan tâm đến chúa ba ngôi thế nào.

- Trong tất cả hiệp hội trên Trái đất, tôi nghĩ ba ngôi là cái mình ít quan tâm nhất, - Allan đáp.

Mục sư Ferguson thấy mình thật đại dột đã hứa để yên cho Karlsson về vấn đề tôn giáo, 'dù Chúa hẳn phải có ý gì khi để chúng ta trong cùng một phòng giam'.

Ông đành gắng sức giải thích tình hình của mình và của Allan.

- Nó có vẻ không ổn, - mục sư Ferguson nói. - Chúng ta có thể đang trên đường đến gặp Đấng Sáng tạo ra chúng ta, và nếu không phải vì tôi đã hứa thì tôi sẽ nói thêm rằng đây chính là lúc để ông Karlsson đón nhận đức tin chân thật.

Allan nghiêm khắc nhìn mục sư mà không nói gì. Thay vào đó, ông để mục sư tiếp tục nói rằng bây giờ cả hai đang trong phòng tạm giam của bộ phận tình báo và an ninh trong nước, nói cách khác là cảnh sát mật. Có lẽ ông Karlsson tưởng nó có vẻ an toàn và ổn, nhưng sự thật là cảnh sát mật chỉ quan tâm đến an ninh của nhà vua chứ không ai khác, mục đích của họ là

thực sự khiến dân chúng Iran phải sợ hãi, tôn trọng, và hết sức sẵn lòng, tiêu diệt cộng sản, Hồi giáo và các thành phần gây rối nói chung.

- Ví dụ như mục sư Anh giáo?

Mục sư Ferguson đáp các mục sư Anh giáo không có gì phải sợ hãi, bởi vì họ có tự do tôn giáo ở Iran. Nhưng mà riêng mục sư Anh giáo này có thể đã đi quá xa, ông tự nghĩ.

- Số phận những ai rơi vào tay cảnh sát mật chẳng có gì hay, và về phần mình, tôi sợ rằng đây là ga cuối cùng rồi, - mục sư Ferguson nói, đột nhiên trông rất buồn.

Allan lập tức thấy ái ngại cho người đồng chí mới của mình trong phòng tạm giam, dù ông ta là một mục sư. Thế là ông an ủi rằng họ có thể sẽ tìm ra cách thoát khỏi đó, nhưng cái gì cũng cần thời gian. Trước hết, ông muốn biết mục sư đã làm gì mà phải bị nhốt trong này.

Mục sư Kevin Ferguson sụt sịt và cố trấn tĩnh lại.

Ông giải thích mình chẳng sợ chết mà chỉ nghĩ rằng mình còn có quá nhiều việc để làm trên Trái đất này. Mục sư luôn luôn đặt mạng sống của mình trong tay Chúa, nhưng nếu Ông Karlsson, trong khi đang chờ đợi Chúa quyết định, có thể tìm thấy lối thoát cho bản thân và mục sư, thì ông chắc chắn rằng Chúa sẽ không phản đối.

Rồi vị mục sư bắt đầu câu chuyện của mình. Chúa đã nói chuyện với ông trong một giấc mơ khi mục sư vừa tốt nghiệp. 'Con hãy bước ra thế giới để làm công việc truyền giáo', Chúa nói, nhưng ngài không nói nhiều hơn, vì vậy mục sư phải nghĩ ra nơi mình nên đi.

Một ông bạn người Anh và giám mục đã khuyên ông đi Iran - đất nước mà quyền tự do tôn giáo bị xâm phạm nặng nề. Ví dụ,

có thể tính đến các tín hữu Anh giáo ở Iran, nhưng nơi này sôi lên với người Shiite và Sunni, người Do Thái và đám dân thờ đủ các ngẫu vật. Nói rộng ra là nếu có tín hữu Kitô giáo thì họ lại là người Armenia hay Assyria, và ai cũng biết rằng người Armenia và Assyria hay làm mọi thứ rối tung lên.

Allan nói mình không biết điều đó nhưng giờ thì ông đã biết, cảm ơn mục sư về thông tin.

Vị mục sư tiếp tục câu chuyện của mình. Iran và Anh có quan hệ tốt với nhau và nhờ những nhân vật cao cấp trong Giáo Hội giúp đỡ, mục sư đã được đi nhờ đến Teheran bằng máy bay của Bộ Ngoại giao Anh.

Điều này xảy ra khoảng mười năm trước, quãng năm 1935. Kể từ đó, ông đã len lỏi qua hết tôn giáo này đến tôn giáo khác, trong một vòng tròn ngày càng rộng lớn quanh thủ đô. Lúc đầu, ông tập trung vào các nghi lễ tôn giáo khác nhau. Ông lén vào nhà thờ Hồi giáo, các thánh đường và đền thờ đủ loại, chờ đến thời điểm thích hợp để cắt ngang buổi lễ và với sự giúp đỡ của một thông dịch viên, rao giảng đức tin chân thật.

Allan ca ngợi người đồng chí mới trong phòng tạm giam của mình và nói rằng mục sư thực sự là một người rất dũng cảm. Điều đáng bàn là khả năng tinh thần của mục sư, bởi vì nó chắc hiếm khi có kết cục tốt đẹp?

Mục sư Ferguson thừa nhận rằng trên thực tế, chưa một lần nào nó kết thúc tốt đẹp. Ông chưa bao giờ nói được đầy đủ ý mình. Ông và người phiên dịch đã bị ném ra ngoài và thường là cả hai còn bị đánh nữa.

Nhưng không gì ngăn cản được mục sư tiếp tục cuộc đấu tranh của mình. Ông biết rằng ông đã gieo hạt giống nhỏ bé của Anh giáo trong linh hồn tất cả những ai mình đã gặp.

Tuy nhiên, cuối cùng thì danh tiếng của mục sư đã lan truyền rộng rãi đến mức nó bắt đầu trở nên khó khăn để tìm được một phiên dịch chịu hợp tác. Đến nay, không có phiên dịch nào chịu làm cho ông quá một lần, và sau một thời gian, rõ ràng là họ bắt đầu kể với nhau.

Vì vậy, mục sư đã tạm nghỉ và cố gắng hơn để nghiên cứu tiếng Ba Tư. Đồng thời, ông tìm cách trau chuốt các chiến thuật của mình và đến một ngày thấy tự tin về ngôn ngữ, ông đã bắt tay vào kế hoạch mới.

Thay vì đi đến đền thờ và các cuộc lễ, ông ra chợ, nơi ông biết rằng vờ rao giảng ở đây cũng thu được rất nhiều đệ tử trong số những người đến, thế rồi ông đứng trên một cái bục gỗ mình mang theo và kêu gọi sự chú ý của mọi người.

Phương pháp hoạt động này chắc chắn không dẫn đến kết quả bị ăn đòn nhiều như trong những năm đầu tiên, thế nhưng số lượng linh hồn được cứu vớt vẫn không hề như mong đợi.

Allan hỏi thực tế có bao nhiêu người cải đạo theo mục sư Ferguson và được trả lời rằng điều đó phụ thuộc vào cách bạn nhìn nó. Một mặt, mục sư Ferguson đã có chính xác là một người cải đạo trong mỗi tôn giáo mà ông đã từng làm việc - tất cả lên đến tám. Mặt khác, vài tháng trước, ông mới nhận ra rằng cả tám người trong thực tế, có thể là gián điệp do cảnh sát mật gửi đến để theo dõi mục sư truyền giáo.

- Thế là giữa 0 và 8, - Allan bảo.

- Có lẽ là gần với 0 hơn 8, - mục sư Ferguson đáp.

- Trong mười hai năm, - Allan nói.

Mục sư thừa nhận rằng ông thấy chán nản khi hiểu rằng kết quả vốn đã ít ỏi của mình hóa ra còn ít ỏi hơn. Và ông hiểu rằng với cùng một phương pháp làm việc, ông sẽ không bao giờ

thành công ở đất nước này, bởi vì dù có bao nhiêu người Iran muốn cải đạo, họ sẽ không dám. Cảnh sát bí mật ở khắp mọi nơi và cải đạo chắc chắn sẽ có nghĩa là sẽ bị ghi tên vào sổ đen trong kho lưu trữ hồ sơ. Và từ chỗ có tên trong sổ đen đến chỗ bị thủ tiêu không dấu vết thường không xa nhau lắm.

Allan nói rằng thêm vào đó, có thể có trường hợp một hai người Iran - hoàn toàn chẳng quan tâm đến mục sư Ferguson hay cảnh sát mật - hài lòng với tôn giáo họ đang theo, mục sư có nghĩ vậy không?

Mục sư trả lời rằng ông hiếm khi nghe chuyện ngổ ngẩn như vậy, nhưng ông bị ngăn cản đưa ra câu trả lời thích hợp bởi vì ông Karlsson đã cấm mọi rao giảng Anh giáo. Liệu ông Karlsson có định nghe phần còn lại câu chuyện của mục sư mà đừng ngắt lời nhiều hơn cần thiết không?

Mục sư Ferguson tiếp tục kể, với những hiểu biết mới thu thập về chuyện cảnh sát mật thâm nhập vào công việc truyền giáo của mình, ông bắt đầu suy nghĩ theo những cách mới, ở tầm vĩ mô như thế nào.

Vì vậy, mục sư đuổi tám tên đệ tử gián điệp, rồi liên hệ với phong trào cộng sản ngầm để gặp. Ông nói với họ rằng ông là một đại diện người Anh cho Đức Tin Chân Chính và ông muốn gặp họ để thảo luận về tương lai.

Mất nhiều thời gian để sắp xếp cuộc gặp, nhưng cuối cùng ông thấy mình ngồi với năm người trong nhóm lãnh đạo cộng sản ở tỉnh Razavikhorasan. Giá mà ông được gặp những người cộng sản Teheran thì thích hơn, vì mục sư Ferguson nghĩ rằng họ mới có quyền quyết định mọi thứ, nhưng cuộc gặp này cũng tốt cho những người mới bắt đầu.

Hoặc là không.

Mục sư Ferguson đã trình bày ý tưởng của mình với những người cộng sản, ý tưởng (tóm tắt) là Anh giáo sẽ trở thành tôn giáo của nhà nước Iran ngày cộng sản thắng lợi. Nếu những người cộng sản đồng ý điều này, mục sư Ferguson hứa sẽ nhận chức bộ trưởng tôn giáo của nhà nước và đảm bảo rằng ngay từ ngày đầu sẽ có đủ sách kinh. Các nhà thờ có thể được xây dựng sau đó, nhưng để bắt đầu thì các thánh đường và nhà thờ Hồi giáo đóng cửa có thể được sử dụng cho mục đích này. Các vị cộng sản nghĩ rằng nó sẽ mất bao lâu để cách mạng cộng sản thành công?

Những người cộng sản đã không phản ứng nhiệt tình lắm, hoặc thậm chí tò mò, mục sư Ferguson thầm nghĩ. Thay vào đó, mục sư Ferguson được thông báo rất rõ ràng rằng sẽ không có bất kì Anh giáo hay bất kì tôn giáo nào khác ngoài chủ nghĩa cộng sản khi ngày thắng lợi đến. Hơn nữa, ông còn bị lớn tiếng mắng nhiếc vì đã yêu cầu cuộc gặp này dưới chiêu bài lừa đảo. Những người cộng sản chưa bao giờ bị phí thời gian khủng khiếp như thế. Với một cuộc bỏ phiếu ba trên hai, quyết định đưa ra là mục sư Ferguson sẽ bị đánh cho một trận nên thân trước khi tống lên tàu trở về Teheran, và một cuộc bỏ phiếu 5-0 ra quyết định rằng nó sẽ bất lợi cho sức khỏe của mục sư nếu ông cố cố tình trở lại.

Allan mỉm cười nói rằng nếu mục sư cho phép, dù sao, ông cũng không muốn loại trừ khả năng rằng mục sư bị điên toàn tập. Cố gắng để thỏa thuận tôn giáo với những người cộng sản tất nhiên là vô vọng, chẳng lẽ mục sư không hiểu điều đó?

Vị mục sư trả lời rằng ngoại đạo như ông Karlsson tốt nhất là đừng đánh giá cái gì là khôn ngoan hay không. Nhưng tất nhiên, mục sư đã hiểu rằng có rất ít cơ hội thành công.

- Nhưng cứ nghĩ xem, ông Karlsson, nếu nó đã thành công. Cứ nghĩ rằng có thể gửi một điện tín cho Tổng Giám Mục Canterbury

và báo cáo cùng một lúc có thêm năm mươi triệu tín hữu Anh giáo.

Allan thừa nhận rằng sự khác biệt giữa điên rồ và thiên tài là rất tinh tế, và trong trường hợp này ông không thể chắc chắn nó là loại nào, nhưng ông có những nghi ngờ của mình.

Cái gì xảy đến sẽ đến, hóa ra đám cảnh sát mật đáng nguyên của nhà vua đã nghe trộm những người cộng sản Razavikhorasan, và mục sư Ferguson bị tóm ngay sau khi bước ra khỏi xe lửa ở thủ đô, và bị lôi đi thẩm vấn.

- Và ngay lập tức tôi thừa nhận tất cả mọi thứ, còn khai thêm một chút nữa, - mục sư Ferguson cho biết, - bởi vì cơ thể gầy gò của tôi không được tạo ra để chịu tra tấn. Bị đánh đau là một chuyện, nhưng tra tấn là chuyện khác.

Với lời thú nhận ngay lập tức và phóng đại, mục sư Ferguson đã bị đưa đến phòng tạm giam này, và ông đã bị bỏ mặc ở đây suốt hai tuần không ai đụng đến vì sếp, Phó Thủ tướng, đang đi công cán ở London.

- Phó Thủ tướng ư? - Allan thắc mắc.

- Phải, hay là sếp của những kẻ giết người, - ông Kevin Ferguson đáp.

Người ta nói cảnh sát mật là một tổ chức được kiểm soát từ trên mà người ta không thể tưởng tượng được. Thường xuyên gieo rắc sợ hãi trong lòng dân, hoặc giết chết người theo cộng sản, chủ nghĩa xã hội, Hồi giáo cực đoan, mà tất nhiên là không cần sự cho phép của ông chủ tối cao. Nhưng nếu có chuyện gì xảy ra chỉ hơi khác thường một chút thì ngay lập tức ông ta là người quyết định. Nhà vua đã cho ông ta danh hiệu phó thủ tướng, nhưng trên thực tế, ông ta là một kẻ giết người, theo ý kiến của mục sư Ferguson.

Và theo các lính canh tù, người ta nên quên từ ‘phố’ khi nhắc đến danh hiệu của ông ta, nếu mọi thứ tồi tệ đến mức cần phải gặp ông ta, giống như trường hợp của ông và của tôi vậy.

Có lẽ vị mục sư đã dành nhiều thời gian với nhóm cộng sản chìm lâu hơn là ông dám thừa nhận, Allan nghĩ, vì mục sư Fergusontiếp tục:

- Kể từ khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, CIA Mỹ đã tới đây và dựng lên cảnh sát mật của nhà vua.

- CIA? - Allan hỏi.

- Vâng, bây giờ họ được gọi như thế. Trước đây họ là “OSS”, nhưng vẫn là một công việc bẩn thỉu. Họ là những người đã dạy cho cảnh sát Iran tất cả các thủ đoạn và các kiểu tra tấn. Hẳn có thể là cái giống gì, người đã cho phép CIA hủy diệt thế giới theo cách ấy?

- Ông định nói đến tổng thống Mỹ à?

- Harry S Truman sẽ bị thiêu trong địa ngục, tin tôi đi, - mục sư Ferguson đáp.

- Ồ, thế à, ông nghĩ vậy à? - Allan nói.

o o o

Nhiều ngày trôi qua trong phòng tạm giam tại trụ sở chính của cảnh sát mật ở trung tâm Teheran. Allan đã kể chuyện đời mình với mục sư Ferguson mà không giấu diếm bất cứ điều gì. Mục sư đã trở nên im lặng, ngừng nói chuyện với Allan sau khi nhận ra bạn tù của mình có quan hệ thế nào với tổng thống Mỹ và - thậm chí còn tồi tệ hơn - với những quả bom dội lên khắp Nhật Bản.

Thay vào đó, mục sư quay về với Chúa và cầu nguyện để được tư vấn. Chúa đã gửi ông Karlsson để giúp ông, hay ngược lại, đó là sự xúi giục của quỷ dữ?

Nhưng Chúa trả lời bằng im lặng. Thỉnh thoảng Người vẫn làm như vậy, và mục sư Ferguson luôn hiểu thế có nghĩa là ông nên tự suy nghĩ. Phải thừa nhận rằng, nó không phải lúc nào cũng được việc khi mục sư phải tự nghĩ, nhưng không thể chịu thua chỉ vì lý do đó.

Sau hai ngày hai đêm cân nhắc giữa bạn hay thù, mục sư Ferguson đã kết luận rằng trong thời gian này, ông nên hòa hoãn với kẻ ngoại đạo ở giường bên cạnh. Và ông thông báo với Allan rằng ông có ý định nói chuyện lại với ông Karlsson. Allan đáp dù nó khá dễ chịu và yên tĩnh khi mục sư giữ im lặng, có lẽ về lâu dài thì có kẻ tung người hứng cũng hay hơn.

- Ngoài ra, chắc chắn chúng ta sẽ cố gắng thoát khỏi đây bằng cách nào đó, và có lẽ tốt nhất là ta có thể làm được trước khi ông trùm sát nhân trở về từ London. Chẳng có gì hay nếu mỗi người ngồi cau có một góc, theo cách đó chúng ta sẽ chẳng đi tới đâu, phải không ông mục sư?

Thật vậy, mục sư Ferguson cũng đồng ý. Khi ông trùm sát nhân trở lại thì cái chờ đón họ chỉ có thể là một cuộc thẩm vấn ngắn ngủi rồi sau đó đơn giản là thủ tiêu. Đó là những gì xảy ra mà mục sư Ferguson nghe được.

Phòng tạm giam tất nhiên không phải là một nhà tù thực sự với ổ khóa đôi ở khắp mọi nơi. Ngược lại, các lính canh đôi khi thậm chí không buồn khóa cửa. Nhưng không bao giờ có ít hơn bốn lính gác tại lối ra vào của tòa nhà, và sẽ không ai chịu đứng yên, giương mắt nhìn nếu Allan và mục sư định trốn ra.

Liệu có thể tạo ra cái gì đó hỗn loạn được không nhỉ? Allan tự hỏi. Và sau đó lén ra ngoài lúc lộn xộn? Việc này cũng đáng suy nghĩ đây.

Allan muốn được yên tĩnh làm việc, vì vậy ông giao cho mục sư nhiệm vụ tìm hiểu từ tội lính gác xem họ có thời gian bao lâu.

Nghĩa là chính xác khi nào thì tên trùm sát nhân sẽ trở lại. Khi mọi thứ sẽ là quá muộn?

Mục sư hứa sẽ hỏi ngay khi mình có cơ hội. Thậm chí có thể ngay lập tức, bởi vì có tiếng lạch cạch ngoài cửa. Người lính gác trẻ nhất và tốt bụng nhất của trung tâm tạm giam lộ đầu vào với một cái nhìn cảm thông, cho biết:

- Thủ tướng đã trở lại từ nước Anh và đã đến lúc thẩm vấn. Ông nào muốn bắt đầu?

o o o

Người đứng đầu bộ phận tình báo và an ninh quốc gia ngồi tại văn phòng mình ở Teheran trong tâm trạng khủng khiếp.

Ông đã đến London và bị người Anh mắng nhiếc. Ông, thủ tướng (gần như là thế), người đứng đầu một bộ phận chính phủ, một trong những nhân tố quan trọng nhất của xã hội Iran, lại bị bọn Anh mắng nhiếc!

Nhà vua đã không làm gì khác ngoài việc đảm bảo rằng bọn Anh kiêu ngạo kia được vui lòng. Dầu lửa trong tay của người Anh, và chính ông phải đảm bảo trừ khử bất cứ kẻ nào cố gắng thiết lập trật tự khác ở đất nước này. Và đó là không phải là chuyện dễ dàng, bởi vì ai là người thực sự hài lòng với nhà vua? Không phải dân Hồi giáo, không phải những người cộng sản và chắc chắn không phải là các công nhân dầu mỏ địa phương đang làm rạc xương để nhận chừng một bảng Anh một tuần.

Thế mà bây giờ ông còn bị mắng nhiếc thay vì khen ngợi!

Ông trùm mật vụ biết mình đã mắc sai lầm khi trước đây đã hơi nặng tay với một kẻ quá khích không rõ nguồn gốc mà họ đã tóm được. Kẻ quá khích đã không chịu nói bất cứ điều gì khác ngoài yêu cầu phải được thả ngay, vì tội duy nhất mà ông đã phạm chỉ là đòi hỏi ai cũng phải xếp hàng ở cửa hàng bán thịt, kể cả nhân viên cảnh sát bí mật của nhà nước.

Khi kẻ quá khích trình bày trường hợp của mình, hắn khoanh tay và trả lời tất cả các câu hỏi “ông là ai” bằng sự im lặng. Cảnh sát trưởng không thích cái nhìn của kẻ quá khích (nó thực sự khiêu khích), do đó, ông chọn ra một vài phương pháp tra tấn của CIA (cảnh sát trưởng ngưỡng mộ các sáng tạo của người Mỹ). Đến tận lúc đó mới té ra kẻ quá khích là một trợ lý tại Đại sứ quán Anh, xui xẻo quá.

Giải pháp là cố gắng hết sức chỉnh đốn lại cho tay trợ lý trông ổn nhất, rồi thả hắn đi, nhưng rồi ngay lập tức hắn sẽ bị một chiếc xe tải tông và sau đó biến mất khỏi hiện trường. Đó là cách để tránh các cuộc khủng hoảng ngoại giao, cảnh sát trưởng lý luận, và hài lòng với chính mình.

Tuy nhiên, người Anh nhặt những gì còn lại của tay trợ lý, gửi tất cả các mảnh sang London, nơi họ dùng kính lúp kiểm tra lại. Sau đó cảnh sát trưởng đã được triệu tập đến đó và yêu cầu phải giải thích làm thế nào trợ lý của đại sứ quán tại Teheran thoát tiên mất tích trong ba ngày rồi đột nhiên xuất hiện trên đường phố bên ngoài trụ sở chính của cảnh sát mật, nơi anh ta bị cán nát đến mức khó có thể phát hiện ra sự tra tấn mà anh ta đã chịu trước đó.

Tất nhiên cảnh sát trưởng đã kiên quyết phủ nhận không biết gì về vụ việc, trò ngoại giao là như thế, nhưng tay trợ lý này hóa ra là con trai của một ông lớn nào đó, bạn thân của

Winston Churchill, thủ tướng vừa từ chức, và bây giờ là người Anh sẽ làm đến cùng.

Vì vậy, bộ phận tình báo và an ninh quốc gia đã bị miễn nhiệm trong chuyến viếng thăm vài tuần của chính ngài Churchill đến Teheran. Thay vào đó, đám vệ sĩ riêng nghiệp dư của nhà vua sẽ lo cho chuyến thăm này. Tất nhiên điều đó vượt quá khả năng của họ. Đây là một mất mát lớn về uy tín đối với cảnh sát trưởng. Và nó làm ông bị xa cách với nhà vua theo kiểu không hay ho gì.

Để quên đi những suy nghĩ cay đắng của mình, cảnh sát trưởng đã triệu tập tên đầu tiên trong số hai kẻ thù của xã hội nghe nói đang chờ đợi ở phòng tạm giam.

Ông tính sẽ thẩm vấn ngắn thôi, thủ tiêu nhanh chóng, kín đáo và hỏa táng tử thi theo truyền thống. Rồi ăn trưa, và vào buổi chiều, ông có thể còn thời gian cho cả tên kia nữa.

o o o

Allan Karlsson tình nguyện đi trước. Cảnh sát trưởng gặp ông ở cửa văn phòng của mình, bắt tay, mời ông Karlsson ngồi xuống, hỏi ông có muốn một tách cà phê và có lẽ một liều thuốc nữa chăng?

Allan nghĩ, mặc dù trước đây chưa bao giờ gặp trùm sát nhân nào nhưng quả thật ông hình dung trùm sát nhân thì phải khó chịu hơn thế này nhiều. Rồi ông cảm ơn vì ly cà phê mà không cần thuốc lá nếu ngài Thủ tướng đồng ý?

Cảnh sát trưởng có thói quen luôn bắt đầu cuộc thẩm vấn của mình một cách văn minh. Chỉ vì sắp giết một ai đó thì không nhất thiết phải cư xử như một kẻ thô lỗ. Bên cạnh đó, cảnh sát trưởng thích nhìn hi vọng dâng lên trong mắt nạn nhân của mình. Con người nói chung rất ngây thơ.

Riêng tên nạn nhân này trông không có vẻ sợ hãi, chưa thôi. Và hắn đã gọi cảnh sát trưởng theo cách mà ông thích được gọi. Một khởi đầu tốt và thú vị.

Trong cuộc thẩm vấn “ông là ai”, Allan - thiếu một chiến lược được cân nhắc cẩn thận để tồn tại - cung cấp có chọn lọc một vài đoạn cuối trong câu chuyện đời mình: cụ thể, ông là một chuyên gia chất nổ được Tổng thống Harry S Truman cử sang Trung Quốc làm một nhiệm vụ bất khả thi là chống lại cộng sản, thế rồi ông bắt đầu đi bộ về tận quê nhà ở Thụy Điển và lấy làm tiếc rằng Iran nằm trên đường đi đó, rồi Allan buộc phải nhập cảnh vào nước này mà không có thị thực cần thiết, nhưng bây giờ ông hứa sẽ ngay lập tức rời khỏi nước này nếu ngài Thủ tướng cho phép.

Cảnh sát trưởng hỏi Allan rất nhiều câu hỏi bổ sung, cả về vụ Allan Karlsson có dính líu đến cộng sản Iran khi ông bị bắt. Allan thành thật trả lời rằng ông và mấy người cộng sản đó đã tình cờ gặp gỡ và nhanh chóng thỏa thuận giúp đỡ nhau qua dãy Hy Mã Lạp Sơn.

Rồi Allan nói thêm, nếu ngài Thủ tướng định đi bộ một chuyến như thế thì đừng có quá kén chọn người giúp đỡ vì có lên mỗi biết những ngọn núi đó cao khủng khiếp.

Cảnh sát trưởng không hề có ý định đi bộ qua dãy Hy Mã Lạp Sơn, mà cũng chẳng định thả người trước mặt mình. Nhưng có lẽ ông có thể dùng tay chuyên gia chất nổ có nhiều kinh nghiệm quốc tế này vào việc gì đó trước khi thủ tiêu hắn cho êm chuyện? Bằng một giọng nghe có vẻ rất quan tâm, cảnh sát trưởng hỏi lai lịch ông Karlsson là thế nào, liên quan đến việc bí mật ám sát những nhân vật nổi tiếng và được canh phòng cẩn mật.

Tất nhiên Allan chưa bao giờ làm chuyện nào kiểu như ngồi ngẫm nghĩ lập kế hoạch giết người như làm với cây cầu. Và ông cũng không muốn làm thế. Nhưng bây giờ ông phải nghĩ xa hơn. Có thể tay trùm sát nhân ngồi đối diện, đang rít thuốc liên tục kia có ý gì đặc biệt trong đầu chẳng?

Allan nghĩ vài giây, lục lại bộ nhớ của mình và trong lúc vội vàng chẳng kiếm ra cái gì hay hơn:

- Glenn Miller.

- Glenn Miller? - Cảnh sát trưởng lặp lại.

Allan nhớ hồi ở căn cứ Los Alamos tại New Mexico vài năm trước, mọi người đã sốc như thế nào lúc nghe tin ngôi sao nhạc jazz trẻ tuổi Glenn Miller đã mất tích sau khi chiếc máy bay quân sự Mỹ chở anh ta biến mất ngoài khơi bờ biển nước Anh.

- Chính thế, - Allan xác nhận với vẻ bí hiểm. - Yêu cầu là nó giống như một tai nạn và tôi đã thành công. Tôi đã đảm bảo sao cho cả hai động cơ bị cháy, và anh ta bị rơi ở một nơi nào đó giữa eo biển Anh. Không ai nhìn thấy anh ta kể từ đó. Một số phận thích hợp cho kẻ đào tẩu về phe quốc xã nếu ngài hỏi tôi, thưa Bộ trưởng.

- Glenn Miller là một tên quốc xã ư? - Cảnh sát trưởng kinh ngạc.

Allan gật đầu xác nhận (và âm thầm xin lỗi tất cả thân nhân còn sống của Glenn Miller). Cảnh sát trưởng, về phần mình, cố gắng tiêu hóa cái tin người hùng nhạc jazz vĩ đại của mình lại là tay sai của Hitler.

Allan nghĩ tốt nhất mình nên chủ động nói trước khi ông trùm sát nhân bắt đầu hỏi một đống câu hỏi khác về những gì đã xảy ra với Glenn Miller.

- Nếu ngài Thủ tướng muốn, tôi sẵn sàng khử bất cứ ai, tất nhiên với sự thận trọng tối đa, đổi lại thì sau đó chúng ta chia tay nhau như bạn bè.

Cảnh sát trưởng vẫn còn choáng váng sau phát hiện không vui về giọng ca của Moonlight Serenade, nhưng đây không phải là lý do để xử hắn theo cách cũ. Và chắc chắn không có chuyện ông sẽ chịu đàm phán về tương lai của Allan Karlsson.

- Nếu tôi muốn thì ông sẽ khử ai đó, đổi lại, tôi sẽ xem xét khả năng tha mạng cho ông, - cảnh sát trưởng vừa nói vừa nghiêng người qua bàn để đập tắt điều thuốc trong cốc cà phê còn đầy một nửa của Allan.

- Vâng, ý tôi đúng là thế, tất nhiên, - Allan đáp, - dù tôi diễn tả hơi mơ hồ một chút.

o o o

Buổi thẩm vấn đặc biệt sáng nay đã kết thúc khác với thói quen của cảnh sát trưởng. Thay vì trừ khử tên (xem như là) kẻ thù của xã hội, ông đã hoãn cuộc họp để mình tĩnh tâm làm quen với tình hình mới. Sau bữa trưa, cảnh sát trưởng và Allan Karlsson gặp nhau một lần nữa và các kế hoạch đã được vạch ra.

Đây là việc ám sát Winston Churchill trong khi ông ta được vệ sĩ riêng của nhà vua bảo vệ. Nhưng nó phải xảy ra theo cách mà không ai có thể tìm thấy bất kì liên quan gì tới bộ phận an ninh tình báo trong nước, chứ đừng nói tới ngài bộ trưởng. Vì chắc chắn là người Anh sẽ cực kì chú ý điều tra sự kiện này đến từng chi tiết, cho nên không được có bất kì sơ sẩy ở bất cứ điểm nào. Nếu kế hoạch thành công, kết quả kiểu gì cũng là lợi thế của cảnh sát trưởng.

Trước hết, nó sẽ khóa mồm bốn người Anh kiêu ngạo lại, những kẻ đã tước quyền sắp đặt an ninh của cảnh sát trưởng trong chuyến thăm này. Hơn nữa, cảnh sát trưởng chắc chắn sẽ được tín nhiệm giao phó tìm kiếm vệ sĩ sau cú thất bại này. Và khi khói tan, vị trí của cảnh sát trưởng sẽ được củng cố, thay vì đang suy yếu như hiện nay.

Cảnh sát trưởng và Allan ngồi lắp ghép các mảnh của câu đố lại với nhau cứ như thể hai người bạn tốt nhất. Tuy nhiên, cảnh sát trưởng thỉnh thoảng lại đập đầu thuốc của mình trong tách cà phê của Allan mỗi khi cảm thấy bầu không khí trở nên quá thân mật.

Cảnh sát trưởng dần dần cung cấp các thông tin là chiếc xe chống đạn duy nhất của Iran đang trong garage của Bộ, ngay ở hầm dưới chân họ. Đó là một chiếc DeSoto Suburban được chế tạo đặc biệt. Màu vang đỏ và rất phong cách, cảnh sát trưởng nói. Khả năng lớn nhất là lực lượng vệ sĩ của nhà vua sắp yêu cầu lấy xe, vì nếu không thì làm sao họ có thể đưa Churchill từ sân bay đến cung điện của nhà vua?

Allan nói rằng một lượng thuốc nổ hợp lý cài ở gầm xe có thể là giải pháp cho vấn đề này. Tuy nhiên, lưu ý đến vấn đề của ngài Thủ tướng là không được để lại bất kì dấu vết nào có thể dẫn trở lại chỗ ngài, Allan đề xuất hai biện pháp đặc biệt.

Một là thuốc nổ đã nạp phải bao gồm chính xác các thành phần mà những người cộng sản của Mao Trạch Đông đã sử dụng ở Trung Quốc. Allan tình cờ có kiến thức đầy đủ về điều đó và ông chắc chắn mình có thể làm cho nó trông giống như một cuộc tấn công của cộng sản.

Bài toán kia là lượng thuốc nổ đó phải được gài và giấu trong phần trước của gầm chiếc DeSoto, nhưng nó, với các thiết

bị điều khiển từ xa mà Allan cũng biết chế tạo, không nên kích nổ trực tiếp, mà phải rơi xuống để rồi phát nổ trong một vài phần mười của một giây khi nó chạm đất.

Trong thời gian đó, khối thuốc sẽ rơi đúng xuống dưới chiếc xe thứ ba đi sau, trong đó chắc chắn Winston Churchill đang ngồi hút xì gà. Cú nổ sẽ phá một lỗ ở sàn xe và gửi Churchill vào cõi vĩnh hằng, nhưng nó cũng để lại một miệng hố lớn trên mặt đất.

- Bằng cách đó, chúng ta sẽ khiến mọi người nghĩ rằng thuốc nổ đã được chôn trên đường phố thay vì ai đó đã cài vào xe. Chút mẹo này chắc chắn sẽ phù hợp hoàn hảo với ngài Thủ tướng?

Cảnh sát trưởng cười khúc khích, phấn khởi và háo hức giục luôn điều thuốc vừa châm vào ly cà phê mới rót của Allan. Allan nói rằng ngài Thủ tướng tất nhiên đã làm theo ý ngài với điều thuốc lá của mình và ly cà phê của Allan, nhưng nếu ngài Bộ trưởng không hài lòng lắm với cái gạt tàn ngay bên cạnh mình, và nếu Bộ trưởng có thể tạm cho Allan ra ngoài một lúc, thì Allan sẽ đến cửa hàng, mua một chiếc gạt tàn mới, đẹp cho ngài Bộ trưởng.

Trưởng cảnh sát lẽ dĩ nhiên Allan nói về cái gạt tàn, thay vào đó ngay lập tức duyệt ý tưởng kia và bảo ông Karlsson cung cấp một danh sách đầy đủ những thứ cần thiết để có thể chuẩn bị cái xe trong thời gian ngắn nhất.

Allan biết chính xác và ghi ra tên của chín thành phần trong công thức. Ngoài ra, ông thêm cái thứ mười - nitro-glycerine - mà ông nghĩ có thể sử dụng tốt. Và mười một - một lọ mực. Ngoài ra, Allan đề nghị mượn một đồng nghiệp đáng tin cậy nhất của ngài Thủ tướng làm trợ lý và lo chuyện mua bán, và nếu Thủ tướng cho phép bạn tạm giam của Allan, mục sư Ferguson, làm phiên dịch cho ông.

Cảnh sát trưởng lầm bầm rằng điều ông thích làm nhất với mục sư là khử ngay lập tức, bởi vì ông không thích bọn giáo sĩ, nhưng đây là trường hợp đặc biệt, vấn đề là không được mất thời gian. Vừa nói ông vừa giúi điều thuốc vào cốc cà phê của Allan lần nữa, ra dấu là cuộc họp đã kết thúc và nhắc lại cho Allan ai là người quyết định.

o o o

Mấy ngày trôi qua, và tất cả mọi thứ theo đúng kế hoạch. Người đứng đầu nhóm vệ sĩ quả nhiên đã liên lạc và thông báo rằng ông ta sẽ đến lấy chiếc DeSoto vào thứ tư sau. Cảnh sát trưởng sôi lên giận dữ. Sếp của nhóm vệ sĩ đã thông báo rằng sẽ đến lấy xe chứ không thềm hỏi mượn. Cảnh sát trưởng giận đến nổi trong một lúc, ông quên rằng thực ra thế là hoàn hảo. Thử nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra nếu tay vệ sĩ không liên hệ với Bộ để lấy xe? Và sếp của bọn vệ sĩ đằng nào cũng bị trừng phạt nhanh thôi.

Giờ thì Allan biết mình phải chuẩn bị thuốc nổ trong bao lâu.

Thật không may, mục sư Ferguson cuối cùng cũng biết những gì sắp xảy ra. Ông không chỉ phải đồng lõa trong vụ ám sát cựu Thủ tướng Churchill mà còn có lý do chính đáng để tin rằng mạng sống của mình sẽ bị kết liễu ngay sau đó. Đi gặp Chúa khi vừa giết người không phải là điều mục sư Ferguson mong mỏi.

Nhưng Allan trấn an mục sư bằng cách nói rằng thực ra ông có một kế hoạch để giải quyết cả hai vấn đề này. Đầu tiên, Allan nghĩ đó là một cơ hội tốt để ông và mục sư bỏ trốn, thứ hai là không nhất thiết phải lấy mạng của ông Churchill.

Tuy nhiên, toàn bộ kế hoạch đòi hỏi mục sư làm đúng theo lời Allan khi thời điểm đến, và mục sư hứa sẽ làm. Ông Karlsson

là hi vọng sống sót duy nhất của mục sư Ferguson, vì Chúa vẫn không trả lời những lời cầu nguyện của ông. Như thế đã gần một tháng nay. Hay là Chúa giận mục sư vì có ý liên minh với cộng sản?

o o o

Rồi cũng đến thứ tư. Chiếc DeSoto đã được cài đặt sẵn sàng. Chỗ thuốc nổ dưới gầm của xe hóa ra hơi lớn hơn so với nhiệm vụ yêu cầu, nhưng nó được giấu kín đến nỗi dù ai xem xét cũng không thấy bất cứ điều gì lạ ở đó.

Allan chỉ cho cảnh sát trưởng xem chiếc điều khiển từ xa làm việc như thế nào, và giải thích chi tiết kết quả cuối cùng sẽ thế nào khi thuốc nổ. Cảnh sát trưởng mỉm cười đầy hạnh phúc. Và dúi điếu thuốc lá thứ mười tám trong ngày vào ly cà phê của Allan.

Allan lấy ra một chén mới, mà ông đã cất đằng sau hộp đồ nghề, và đặt nó một cách đầy dụng ý cạnh chiếc bàn gần cầu thang dẫn đến hành lang, phòng tạm giam và cửa ra vào. Sau đó, rất tự nhiên, Allan kéo tay mục sư và rời khỏi garage, trong khi cảnh sát trưởng đi vòng vòng quanh chiếc DeSoto, rít điếu thuốc thứ mười chín trong ngày, hài lòng tưởng tượng những gì sắp xảy ra.

Mục sư hiểu qua cách Allan tóm tay mình rất chặt là đã đến lúc rồi. Đây là lúc phải tuân theo ông Karlsson một cách mù quáng.

Họ đi ngang qua phòng tạm giam và tiếp tục về phía chỗ đón tiếp. Tới đó, Allan không thềm dừng lại ở chỗ lính gác có vũ trang mà cứ tự tin tiếp tục đi thẳng qua, vẫn tóm chắc lấy mục sư.

Các lính gác đã trở nên quá quen thuộc với Karlsson và mục sư, không mấy may nghĩ đến nguy cơ họ cố tình tẩu thoát, vì vậy thật bất ngờ khi sĩ quan trực gọi to:

- Dừng lại! Các ông định đi đâu?

Allan dừng lại với mục sư ngay trên đường ranh giới tự do, trông có vẻ rất ngạc nhiên.

- Chúng tôi được thả tự do rồi. Ngài Thủ tướng chưa báo với anh à?

Mục sư Ferguson kinh hãi, gắng gượng hít một ít ôxy qua mũi mình để không ngất đi.

- Đứng nguyên chỗ đó, viên sĩ quan trực nói với giọng uy quyền. Các ông không được đi đâu cho đến khi tôi có xác nhận của ngài Thủ tướng về điều ông vừa nói với tôi.

Ba lính gác được lệnh phải canh chừng cẩn thận mục sư và ông Karlsson, trong khi viên sĩ quan trực đi xuống hành lang đến garage để xin xác nhận. Allan mỉm cười khích lệ mục sư bên cạnh mình và nói rằng chẳng bao lâu tất cả mọi thứ sẽ đâu vào đấy. Trừ khi điều ngược lại xảy ra thì mới hỏng việc.

Vì cảnh sát trưởng, trước tiên là không hề cho phép mục sư và Allan ra ngoài, và, thứ hai là cũng chẳng có ý định nào để làm như vậy, nên ông phản ứng mạnh mẽ.

- Anh đang nói gì? Chúng đứng ở cửa ra vào và nói dối trơ trẽn thế à? Mẹ kiếp, bây giờ chúng sẽ phải trả giá đắt máu vì chuyện đó...

Cảnh sát trưởng hiếm khi chửi thề. Ông luôn luôn cẩn thận giữ gìn danh giá. Nhưng bây giờ ông đang giận quá. Và theo thói quen, ông dúi điếu thuốc lá của mình vào ly cà phê của gã Karlsson khốn kiếp trước khi đi thẳng lên cầu thang ra hành lang.

Hay nói đúng hơn, ông đã không đi xa hơn khỏi tách cà phê. Bởi vì riêng lần này, nó không chứa cà phê mà là nitro-glycerine nguyên chất trộn với mực đen. Vụ nổ lớn xé Phó Thủ tướng và viên sĩ quan trực thành muôn mảnh. Một đám mây trắng đùn ra khỏi garage và tiến dọc theo hành lang nơi đầu kia Allan, mực sư và ba lính canh đang đứng.

- Đi thôi, - Allan bảo mực sư. Và họ đi.

Cả ba lính canh quá choáng váng không có thời gian suy nghĩ xem có nên ngăn Karlsson và mực sư lại không, nhưng chỉ vài phần mười của một giây sau đó, như một hệ quả hợp lý khi garage biến thành một biển lửa - chỗ thuốc nổ dưới chiếc DeSoto, định dành cho Winston Churchill, cũng phát nổ. Điều đó chứng tỏ với Allan rằng nó đã rất chính xác để đi đến mực đích dự định. Cả tòa nhà ngay lập tức sụp xuống, và tầng trệt bắt lửa khi Allan sửa lại mệnh lệnh của mình với mực sư:

- Chạy khỏi đây ngay.

Hai trong số ba lính gác bị sức ép bắn vào tường và bốc cháy. Người thứ ba không còn đầu óc đâu để ưu tiên cho các tù nhân của mình nữa. Đầu tiên, anh ta tự hỏi trong vài giây chuyện gì đã xảy ra, rồi co giò chạy để tránh kết thúc như đồng đội của mình. Allan và mực sư đi một đằng. Người lính còn sót lại chạy đằng khác.

o o o

Sau khi Allan theo cách đặc biệt của mình đã sắp xếp cho bản thân và mực sư thoát khỏi trụ sở chính của cảnh sát mật, đến lượt mực sư trở nên hữu ích. Tất nhiên ông biết chỗ của hầu hết các cơ quan đại diện ngoại giao và hướng dẫn Allan suốt dọc đường tới Đại sứ quán Thụy Điển. Ở đó, Allan đã tặng mực sư cái ôm thân mật để cảm ơn ông về mọi thứ.

Allan thắc mắc mục sư định làm gì. Và dù sao, Đại sứ quán Anh ở đâu?

- Không xa đây đâu, - mục sư đáp, - nhưng mà ông có lí do gì để đến đây đâu? Họ đều theo Anh giáo cả rồi. Không, mục sư đã nghĩ ra một chiến lược mới. Tình huống mới đây đã dạy cho ông rằng mọi thứ dường như bắt đầu và kết thúc ở bộ phận tình báo và an ninh quốc gia. Vì vậy, vấn đề là phải điều khiển tổ chức từ bên trong. Một khi tất cả những người làm việc cho cảnh sát mật, và tất cả những người đã giúp họ đều thành tín đồ Anh giáo thì sau đó việc còn lại sẽ ngon như ăn kẹo!

Allan nói rằng ông biết một cái bệnh viện khá tốt ở Thụy Điển nếu trong tương lai mục sư vẫn có những phát kiến tương tự. Mục sư trả lời rằng ông không muốn tỏ ra vô ơn, dưới bất kì dạng nào. Tuy nhiên, ông đã vĩnh viễn tìm thấy sứ mệnh của mình, và đành phải nói lời tạm biệt. Mục sư định thử bắt đầu với người người lính gác còn sống sót, người đã chạy theo một hướng khác. Về cơ bản, đó là một chàng trai dễ chịu, tử tế, và có lẽ anh ta sẽ được dẫn tới con đường của đức tin chân thật.

- Tạm biệt! - Mục sư long trọng nói rồi bước đi.

- Tạm biệt, - Allan đáp.

Allan nhìn mục sư biến mất xa xa, và nghĩ rằng thế giới này đủ điên để mục sư tồn tại ngay cả trên con đường mà ông ta đã chọn.

Nhưng Allan đã nhầm. Mục sư tìm thấy người lính gác, loạng choạng trong Công viên Shahr-e giữa lòng Teheran, tay bị bồng và khẩu súng tự động tháo chốt an toàn trong tay.

- Chà, cậu đây rồi, con trai ta, mục sư thốt lên và bước đến ôm lấy anh.

- Mày? - Anh lính hét lên, - Chính là mày?

Rồi bắn hai mươi hai viên đạn vào ngực mục sư. Lẽ ra còn nhiều hơn nhưng ổ đạn đã hết.

o o o

Allan được phép vào Đại sứ quán Thụy Điển nhờ giọng đặc sệt Thụy Điển của mình, từ Södermanland. Nhưng sau đó mọi thứ đều rất phức tạp, vì Allan chẳng có giấy tờ tùy thân gì. Vì vậy, Đại sứ quán không thể đơn giản cấp hộ chiếu cho ông, và càng khó giúp ông trở lại Thụy Điển. Thêm nữa, Bí thư thứ ba Bergqvist nói, Thụy Điển mới áp dụng sổ nhận dạng cá nhân đặc biệt và nếu nó đúng thì Karlsson đã xuất cảnh nhiều năm trước, từ đó thậm chí không có một ông Karlsson nào trên hệ thống hồ sơ ở Thụy Điển.

Allan đáp lại rằng cho dù tất cả các tên người Thụy Điển bây giờ đã chuyển thành số thì ông đang và sẽ vẫn là Allan Karlsson ở làng Yxhult ngoại ô Flen và bây giờ ông muốn ngài Bí thư thứ ba vui lòng thu xếp giấy tờ cho ông.

Tạm thời, Bí thư thứ ba Bergqvist là viên chức cao cấp nhất tại đại sứ quán. Ông là người duy nhất đã không được tham dự hội nghị ngoại giao ở Stockholm. Và tất nhiên mọi thứ lại xảy ra cùng lúc. Như thể chưa đủ, vài nơi ở trung tâm Teheran vừa mới bốc cháy. Bây giờ lại mọc ra một gã chẳng ai biết, tuyên bố là người Thụy Điển. Tất nhiên có những điểm cho thấy người đàn ông này nói thật, nhưng đây là một tình huống cần phải theo nguyên tắc để không gây hại cho sự nghiệp tương lai của mình. Vì vậy, Bí thư thứ ba Bergqvist lặp đi lặp lại quyết định của mình rằng sẽ không có hộ chiếu trừ phi ông Karlsson có thể được nhận dạng chính thức.

Allan nói rằng ông thấy Bí thư thứ ba Bergqvist hết sức cứng đầu, nhưng có lẽ họ có thể giải quyết mọi thứ nếu bí thư thứ ba có chiếc điện thoại nào dùng được.

- Chà, có, Bí thư thứ ba có máy. Nhưng gọi điện thoại đường dài rất tốn kém. Ông Karlsson định gọi điện thoại đi đâu?

Allan đã bắt đầu mệt mỏi vì bị Bí thư thứ ba hoành hành nên không trả lời mà hỏi lại:

- Per Albin vẫn là thủ tướng ở nhà chứ?

- Cái gì? Không, - bí thư thứ ba kinh ngạc đáp. - Ông ấy là Erlander.

Tage Erlander. Thủ tướng Hansson đã chết mùa thu năm ngoái. Nhưng tại sao...

- Ông có thể im lặng một lúc để chúng ta làm rõ ràng chuyện này không.

Allan nhắc điện thoại và gọi đến Nhà Trắng ở Washington, tự giới thiệu mình và đã được nối với thư ký cao cấp của tổng thống. Cô còn nhớ rõ ông Karlsson và cũng đã nghe rất nhiều điều tốt đẹp về ông từ tổng thống, nếu ông Karlsson thấy việc này thực sự quan trọng thì cô sẽ xem có thể đánh thức tổng thống không, bây giờ mới là tám giờ sáng ở Washington, ông Karlsson biết đấy, và Tổng thống Truman không hay dậy sớm.

Một thời gian ngắn sau đó, Tổng thống Truman vừa thức giấc đã gọi điện thoại và tán say sưa với ông Allan trong vài phút để cập nhật tin tức về nhau, trước khi rút cuộc Allan đề cập đến vấn đề của mình. Liệu Harry có thể gọi điện cho Thủ tướng mới của Thụy Điển là Erlander và xác nhận Allan là ai, để Erlander có thể gọi cho Bergqvist - Bí thư thứ ba tại Đại sứ quán Thụy Điển ở Teheran và thông báo rằng Allan cần được lập tức cấp hộ chiếu.

Harry Truman tất nhiên sẽ làm việc này cho Allan, nhưng trước tiên hãy đánh vần tên bí thư thứ ba để ông nắm cho đúng.

- Tổng thống Truman muốn biết tên ông đánh vần thế nào, - Allan nói với Bí thư thứ ba Bergqvist. - Nếu ông nói trực tiếp với ông ấy thì dễ hơn.

Sau khi Bí thư thứ ba Bergqvist gần như mê mụ đánh vần từng chữ cái tên mình cho tổng thống của Hoa Kỳ, ông đặt điện thoại xuống và không nói gì trong tám phút. Đó chính xác là khoảng thời gian trước khi Thủ tướng Erlander gọi điện đến đại sứ quán và ra lệnh cho Bí thư thứ ba Bergqvist: 1) ngay lập tức phát hành hộ chiếu ngoại giao cho Allan Karlsson, và 2) không chậm trễ sắp xếp phương tiện để đưa ông Karlsson trở lại Thụy Điển.

- Nhưng ông ấy không có sổ nhận dạng cá nhân, - Bí thư thứ ba Bergqvist cố gắng nói.

- Tôi đề nghị ông, Bí thư thứ ba giải quyết vấn đề đó, - Thủ tướng Erlander đáp. - Trừ khi ông muốn trở thành Bí thư thứ tư hoặc thứ năm?

- Không có chức nào là Bí thư thứ tư hoặc thứ năm ạ, - Bí thư thứ ba gặng gượng.

- Thế ông rút ra kết luận gì từ đó?

o o o

Anh hùng chiến tranh Winston Churchill đã hơi bất ngờ khi thất bại trong cuộc bầu cử ở Anh năm 1945, lòng biết ơn của người dân Anh đã không kéo dài thêm nữa.

Nhưng Churchill đã lên kế hoạch phục thù và trong khi chờ đợi, ông đi khắp thế giới. Ngài cựu Thủ tướng chẳng ngạc nhiên nếu gã hậu đậu thuộc đảng Lao Động, người đang nắm giữ nước

Anh, áp dụng một nền kinh tế đưa vương quốc này vào tay những kẻ không biết làm gì với nó.

Ví dụ Ấn Độ thuộc Anh bây giờ đang trên đà tan rã. Phe Ấn Độ giáo và Hồi giáo tất nhiên không thể hòa thuận được, và ở giữa là gã Mahatma Gandhi chết tiệt ngồi khoanh chân nhịn ăn vì không hài lòng với chuyện gì đó. Chiến lược chiến tranh kiểu quái gì thế không biết? Với chiến lược đó, họ sẽ đi đến đâu trước cuộc tấn công bằng bom của bọn quốc xã trên khắp nước Anh?

Đông Phi thuộc Anh còn tồi tệ hơn, chẳng sớm thì muộn những người da đen sẽ đòi tự chủ.

Churchill hiểu rằng không phải mọi thứ vẫn như xưa, tuy nhiên người Anh cần một chỉ huy có thể nói cái gì là cần thiết, và có quyền lực để thực thi. Họ không cần một tay xã hội chủ nghĩa trá hình như Clement Atlee (Winston Churchill nằm trong số những người nghĩ rằng bệ đi tiểu công cộng cũng là một hình thái tương tự chủ nghĩa xã hội).

Còn về Ấn Độ thì trận chiến đã thất bại, Churchill biết. Nó đã đi theo cách đó nhiều năm, và trong chiến tranh, việc cho phép Ấn Độ độc lập là cần thiết để người Anh giữa lúc khó khăn sinh tồn sẽ không phải đối phó thêm với một cuộc chiến tranh dân sự.

Nhưng ở nhiều nơi khác vẫn còn dư thời gian để ngăn chặn tiến trình này. Kế hoạch mùa thu của Churchill là du lịch đến Kenya và tự mình tìm hiểu nơi đó. Nhưng trước tiên ông sẽ ghé qua Teheran uống trà với nhà vua.

Không may ông đã hạ cánh trong bối cảnh hỗn loạn. Hôm trước, cái gì đó đã phát nổ tại bộ tình báo và an ninh trong nước.

Cả tòa nhà đã sụp đổ và cháy rụi. Gã cảnh sát trưởng ngu ngốc rõ ràng cũng thiệt mạng trong vụ nổ, gã chính là người ngu đến nỗi dám mạnh tay với nhân viên vô tội của Đại sứ quán Anh.

Cảnh sát trưởng mất đi không phải là một tổn thất lớn, nhưng vấn đề là chiếc xe hơi chống đạn duy nhất của nhà vua đã bị lửa thiêu rụi, và điều này khiến cuộc gặp giữa nhà vua và Churchill bị ngắn hơn nhiều so với dự kiến, và vì lý do an ninh, nó đã diễn ra ngay tại sân bay.

Tuy nhiên, cũng may là chuyến thăm viếng đã hoàn thành. Theo nhà vua, tình hình đã được kiểm soát. Vụ nổ tại trụ sở cảnh sát mật là chuyện đáng bận tâm, và cho đến nay họ chưa tìm ra nguyên nhân. Nhưng việc cảnh sát trưởng chết trong vụ nổ không làm nhà vua bị khó khăn gì. Đạo này có vẻ như ông ta đã bắt đầu xa cách dần rồi.

Tóm lại, tình hình chính trị vẫn đang ổn định. Họ đã bổ nhiệm một giám đốc an ninh mới. Và ghi nhận thành tựu của Công ty dầu khí Anh-Iran. Dầu mang lại sự giàu có tuyệt vời cho cả Anh và Iran. Nói thật ra thì chủ yếu là Anh, nhưng nó cũng không đến nỗi bất công lắm vì đóng góp duy nhất từ Iran trong dự án là lao động giá rẻ. Và tất nhiên, cả dầu nữa.

- Nhìn chung là Iran hòa bình và thịnh vượng, Winston Churchill tổng kết trong khi chào tùy viên quân sự Thụy Điển mới được lấy chỗ trên máy bay trở lại London.

- Rất vui vì ngài đang hài lòng, thưa ngài Churchill, - Allan đáp và nói thêm rằng trông ngài rất tươi tỉnh.

o o o

Sau khi nối chuyến tại London, cuối cùng Allan đã hạ cánh xuống sân bay Bromma ở Stockholm, lần đầu tiên trong mười một

năm ông lại thấy mình đứng trên đất Thụy Điển. Đó là vào cuối mùa thu năm 1947, thời tiết bình thường.

Tại sảnh đến, một người đàn ông trẻ đang đợi Allan. Anh ta nói mình là trợ lý của Thủ tướng Chính phủ Erlander và thủ tướng muốn gặp Allan càng sớm càng tốt, nếu có thể thu xếp được.

Allan đồng ý, và vui vẻ đi theo viên trợ lý, anh ta tự hào mời Allan ngồi vào chiếc xe mới coong của chính phủ, Volvo PV 444 màu đen sáng bóng.

- Ông đã bao giờ thấy cái gì khủng thế chưa, ông Karlsson?

- Viên trợ lý vốn mê xe hơi hỏi. - Bốn mươi bốn mã lực đấy!

- Tuần trước tôi thấy một chiếc DeSoto màu vàng đỏ rất đẹp,

- Allan đáp. - Nhưng chiếc xe của anh ở tình trạng tốt hơn.

Trên đường từ Bromma tới trung tâm của Stockholm, Allan nhìn xung quanh với vẻ quan tâm. Thật xấu hổ là trước đây ông chưa bao giờ được lên thủ đô. Đó là một thành phố xinh đẹp, quả thật vậy, với nước và những cây cầu khắp nơi, mà không cái cầu nào bị nổ cả.

Đến văn phòng chính phủ, Allan được dẫn theo hành lang tới khu của thủ tướng. Thủ tướng chào đón Allan ‘Ông Karlsson? Tôi đã nghe rất nhiều về ông!’ rồi đẩy trợ lý ra khỏi phòng và đóng cửa lại.

Allan không nói ra, nhưng thầm nghĩ mình lại không nghe nói gì về Tage Erlander. Thậm chí Allan không biết Thủ tướng theo phe Tả hay Hữu. Chắc chắn ông phải thuộc một trong hai phe đó, bởi vì cuộc sống đã dạy Allan rằng người ta nhất định phải chọn bên này hoặc bên kia.

Dù sao, Thủ tướng thích phe nào cũng được. Vấn đề bây giờ là nghe xem ông nói gì.

Hóa ra Thủ tướng đã gọi điện lại cho Tổng thống Truman ngay hôm đó và có một cuộc trò chuyện dài về Allan. Thế nên bây giờ thủ tướng đã biết tất cả về...

Nhưng rồi Thủ tướng ngừng lời. Ông mới làm thủ tướng chưa đầy một năm và có rất nhiều điều phải học hỏi. Tuy nhiên, ông biết một điều là trong những tình huống nhất định, tốt nhất là không biết gì, hay nói cách khác là không thể chứng minh rằng mình đã biết.

Vì vậy, Thủ tướng bỏ lửng câu nói của mình. Những thông tin Tổng thống Truman đưa ra liên quan đến Allan Karlsson mãi mãi sẽ là một bí mật giữa họ. Thay vào đó, Thủ tướng đi thẳng vào vấn đề:

- Tôi hiểu rằng ông không có việc gì để trở lại Thụy Điển, vì vậy tôi đã sắp xếp một khoản tiền mặt cho những đóng góp vì đất nước... có thể nói thế... Dù sao, đây là 10.000 crown cho ông.

Rồi Thủ tướng trao một phong bì tiền dày cộp và đề nghị Allan ký nhận. Mọi thứ đúng theo sách vở.

- Rất cảm ơn ngài, thưa Thủ tướng. Với sự hào phóng này, tôi sẽ có đủ tiền mua quần áo mới và chỗ ngủ sạch sẽ tối nay ở khách sạn. Thậm chí tôi có thể được đánh răng lần đầu tiên kể từ tháng Tám năm 1945. - Thủ tướng ngắt lời ngay khi Allan sắp mô tả tình trạng cái quần lót của mình, và thông báo với ông rằng tất nhiên số tiền không đi kèm bất kì điều kiện nào, nhưng ông vẫn muốn tiết lộ với ông Karlsson rằng một số hoạt động liên quan đến phân tách hạt nhân đang được thực hiện ở Thụy Điển và Thủ tướng muốn ông Karlsson nhìn xem.

Sự thật là Thủ tướng Erlander không biết phải làm gì với một số vấn đề quan trọng mà ông đột nhiên phải gánh vác khi trái tim của Per Albin ngừng đập mùa thu năm ngoái. Một trong

số đó là Thụy Điển nên chọn lập trường nào trước thực tế rằng hiện nay có một thứ được gọi là bom nguyên tử. Tổng Chỉ huy Jung đã gặp ông về việc đất nước phải tự vệ chống lại cộng sản như thế nào, dù sao giữa Stalin với Thụy Điển chỉ cách có nước Phần Lan nhỏ xíu.

Có hai mặt của vấn đề. Một mặt, Tổng Chỉ huy Jung đã kết hôn vào một gia đình giàu có nền nếp và ai cũng biết rằng ông hay ngồi nhâm nhi chút rượu mạnh với vị vua già. Một người dân chủ xã hội như Erlander không thể chịu được ý tưởng rằng Gustav V thậm chí có thể mơ tưởng gây ảnh hưởng đến chính sách quốc phòng Thụy Điển.

Mặt khác, Erlander không thể loại trừ khả năng rằng có lẽ Tổng Chỉ huy đúng. Không thể tin vào Stalin và cộng sản, nếu họ có ý muốn mở rộng địa bàn của mình về phía Tây thì Thụy Điển gần một cách đáng lo ngại.

Bộ nghiên cứu quân sự Thụy Điển đã chuyển tất cả các chuyên gia năng lượng hạt nhân (ít ỏi) đến khu AB Atomenergi[12] mới xây dựng. Bây giờ các chuyên gia ngồi ở đó, cố gắng tìm hiểu chính xác những gì đã xảy ra ở Hiroshima và Nagasaki. Ngoài ra, họ có một nhiệm vụ, nói theo lối thông thường là: phân tích tương lai hạt nhân theo kiểu Thụy Điển. Nó không bao giờ được nói thẳng ra, tốt nhất là như vậy, nhưng Thủ tướng Erlander đã hiểu rằng nhiệm vụ được xây dựng một cách mơ hồ này, nói theo ngôn ngữ thông thường có thể hiểu là:

Chúng ta làm thế nào để chế tạo bom nguyên tử của chính mình, nếu nó là cần thiết?

[12] Tên tiếng Thụy Điển của một công ty năng lượng hạt nhân.

Và bây giờ câu trả lời đang ngồi ngay đối diện Thủ tướng. Tage Erlander biết điều đó, nhưng hơn hết, ông biết mình không

muốn bất cứ ai khác biết là ông biết. Chính trị là quan sát xem chỗ nào để đặt chân mình vào.

Vì vậy, ngày hôm trước, Thủ tướng Erlander đã liên lạc với người đứng đầu nghiên cứu tại AB Atomenergi, Tiến sĩ Sigvard Eklund, và đề nghị ông ta đến phỏng vấn Allan Karlsson, và hoàn toàn có thể hỏi ông Karlsson xem liệu ông có thể tham gia gì trong các hoạt động của AB Atomenergi. Giả định là ông Karlsson quan tâm, Thủ tướng sẽ thấy vào ngày hôm sau.

Tiến sĩ Eklund không hài lòng lắm với chuyện thủ tướng can dự vào việc Eklund tuyển ai làm việc trong dự án nguyên tử của mình. Thậm chí ông ngờ rằng Allan Karlsson được chính phủ cử đến làm điệp viên Dân chủ Xã hội trong tổ chức. Nhưng ít nhất ông cũng đã hứa hẹn phỏng vấn Karlsson, mặc dù lấy làm lạ là Thủ tướng chẳng nói gì về trình độ của người đàn ông này. Erlander đã chỉ lặp đi lặp lại từ 'kĩ càng'. Tiến sĩ Eklund phải hỏi ông Karlsson kĩ càng về xuất thân của ông.

Về phần mình Allan nói rằng ông không từ chối gặp Tiến sĩ Eklund hoặc bất kì vị tiến sĩ nào khác, nếu ngài Thủ tướng muốn.

o o o

Mười ngàn Crown là một món tiền khổng, Allan nghĩ, và đặt phòng tại khách sạn đắt tiền nhất mà ông có thể thấy.

Nhân viên tiếp tân tại khách sạn Grand nghi ngờ người đàn ông bẩn thỉu, ăn mặc lôi thôi cho đến khi Allan chìa ra tấm hộ chiếu ngoại giao Thụy Điển của mình.

- Tất nhiên chúng tôi có phòng cho ông, thưa ông Tùy viên quân sự, - nhân viên tiếp tân thông báo. - Ông muốn trả bằng tiền mặt hay chúng tôi sẽ gửi hóa đơn cho Bộ Ngoại giao ạ?

- Tiền mặt đi, - Allan đáp. - Có cần trả tiền trước không?

- Ồ, không, thưa ông Tùy viên. Tất nhiên là không ạ! - Nhân viên lễ tân cúi rạp đầu.

Nếu nhân viên tiếp tân thấy được tương lai, chắc hẳn anh ta sẽ trả lời khác.

o o o

Ngày hôm sau, Tiến sĩ Eklund hoan nghênh Allan Karlsson, mới tắm rửa và ăn mặc khá chỉnh tề, tại văn phòng ở Stockholm của mình. Tiến sĩ mời Allan ngồi xuống và dùng cà phê, thuốc lá, giống như ông trùm sát nhân ở Teheran đã từng làm (tuy nhiên Eklund giúi thuốc lá trong cái gạt tàn của mình.)

Tiến sĩ Eklund không hài lòng với cách ngài Thủ tướng can thiệp vào quá trình tuyển dụng của mình. Đây là việc của các nhà khoa học, không phải của chính trị gia - càng không phải cho chính trị gia phe Dân chủ Xã hội!

Trên thực tế, Tiến sĩ Eklund đã có thời gian để thảo luận về vấn đề này với Tổng Chỉ huy trên điện thoại, và được ngài ủng hộ phía sau. Đó là, nếu người đàn ông mà Thủ tướng cử đến không có năng lực cần thiết thì ông ta sẽ không được tuyển dụng. Thế thôi!

Về phần mình Allan cảm thấy những làn sóng tiêu cực trong phòng và trong một lúc nó gợi nhớ về lần đầu tiên ông gặp Tổng Mỹ Linh vài năm trước đó. Mọi người muốn hành xử như thế nào cũng được, nhưng Allan cho rằng nói chung không việc gì phải tỏ ra hung hăng nếu có thể kiềm chế được.

Cuộc gặp gỡ giữa hai người đàn ông khá ngắn ngủi:

- Thủ tướng đã yêu cầu tôi phỏng vấn ông thật kĩ, ông Karlsson, để xác định xem ông có phù hợp để làm việc trong tổ chức của chúng tôi không. Và đó là điều tôi phải làm, tất nhiên nếu ông cho phép, ông Karlsson?

- Vâng, được thôi, - Allan nghĩ rằng nó cũng là hợp lý nếu ông Tiến sĩ muốn biết thêm về Allan và dĩ nhiên là một đức tính tốt nên ông Tiến sĩ cứ hỏi đi, đừng ngại đặt bất kì câu hỏi nào.

- Vâng, thế thì, tiến sĩ Eklund nói. Liệu chúng ta có thể bắt đầu bằng nghiên cứu của ông Karlsson...

- Chẳng có gì nhiều để khoe khoang, - Allan đáp. Chỉ có ba năm.

- Ba năm? - Tiến sĩ Eklund kêu lên. - Chỉ có ba năm nghiên cứu học thuật, ông Karlsson, ông khó có thể trở thành nhà vật lý, toán học hay nhà hóa học được?

- Không, tổng cộng là ba năm. Tôi bỏ học trước ngày sinh nhật lần thứ chín của mình.

Giờ thì Tiến sĩ Eklund phải cố gắng để ngồi yên. Tức là người đàn ông này không có tí giáo dục nào? Thậm chí không biết ông ta có thể đọc và viết không nữa? Tuy nhiên, Thủ tướng đã yêu cầu ông...

- Ông Karlsson, ông có bất cứ kinh nghiệm chuyên môn nào có thể xem như có liên quan cho công việc mà ông cho rằng chúng tôi đang thực hiện tại AB Atomenergi?

Vâng, có, trong chừng mực nào đó, Allan có kinh nghiệm. Ông đã làm việc rất nhiều ở Mỹ, tại cơ sở Los Alamos, New Mexico.

Gương mặt của Tiến sĩ Eklund sáng lên. Rốt cuộc, Erlander cũng có lý do của mình. Ai cũng biết những thành tựu đã đạt được tại Los Alamos. Ông Karlsson đã làm gì ở đó?

- Tôi phục vụ cà phê, - Allan trả lời.

- Cà phê ư? - Mặt tiến sĩ Eklund tối sầm lại.

- Vâng, và thỉnh thoảng cả trà nữa. Tôi là một trợ lý chung và người phục vụ.

- Tức là ông, ông Karlsson là một trợ lý chung tại Los Alamos... ông đã bao giờ tham gia vào bất kì quyết định nào liên quan tới tổng hợp hạt nhân chưa?

- Không, - Allan đã trả lời, - lần gần nhất có lẽ là lúc tôi đã buột miệng nói điều gì đó tại một cuộc họp nơi tôi đang chịu trách nhiệm phục vụ cà phê, và không nên xen ngang.

- Ông Karlsson đã buột miệng nói gì đó tại một cuộc họp, nơi ông vốn là một người phục vụ... rồi sau đó chuyện gì đã xảy ra?

- Vâng, chúng tôi bị ngắt ngang... rồi tôi được yêu cầu rời khỏi phòng.

Tiến sĩ Eklund chán hãn khi ngồi đó, đối diện với Allan. Thủ tướng đã cử cái giống gì đến cho ông đây? Erlander nghĩ một tay bồi bàn bỏ học trước khi lên chín tuổi có thể được tuyển dụng để chế tạo bom nguyên tử cho Thụy Điển? Ngay cả với một nhà dân chủ xã hội thì luận điểm ngu ngốc cho rằng mọi người bình đẳng cũng phải áp dụng có giới hạn thôi chứ?

Trước hết tiến sĩ Eklund tự nhủ rằng sẽ là sự lạ nếu ông thủ tướng tập sự kia có thể tồn tại đến cuối năm, rồi ông nói với Allan rằng nếu ông Karlsson không có gì nói thêm thì cuộc gặp của họ có thể kết thúc tại đây. Tiến sĩ Eklund nghĩ rằng hiện nay không có việc gì cho ông Karlsson cả. Người trợ lý, pha cà phê cho các học giả tại AB Atomenergi đúng là chưa bao giờ đến Los Alamos, nhưng Tiến sĩ Eklund nghĩ rằng cô ấy vẫn làm tốt công việc. Hơn nữa, thậm chí Greta còn có thời gian để dọn sạch văn phòng và đó là một ưu điểm.

Allan ngồi im lặng một lát, và tự hỏi liệu mình có nên khai sáng cho ông tiến sĩ một thực tế là, ngược với tất cả các học giả của tiến sĩ Eklund, và chắc chắn với cả Greta trong lĩnh vực này, ông thực sự biết cách chế tạo một quả bom nguyên tử.

Nhưng rồi Allan quyết định là Tiến sĩ Eklund không đáng được giúp đỡ nếu ông ta không đủ sáng suốt để hỏi Allan điều đó. Thêm nữa, cà phê của Greta có vị như nước rửa chén.

Allan đã không được tuyển vào AB Atomenergi, trình độ của ông thiếu hụt thảm hại. Nhưng ông vẫn hài lòng khi ngồi trên ghế đá công viên bên ngoài Grand Hotel, nhìn ra khung cảnh rất đẹp với cung điện Hoàng gia bên kia hồ nước. Mà làm sao mà không hài lòng cho được? Ông vẫn còn phần lớn số tiền mà Thủ tướng đã thân mật trao cho. Ông đang ở trong một khách sạn tuyệt đẹp, ăn nhà hàng mỗi tối và ngày đặc biệt đầu tháng Giêng này, ông ngồi ngửa mặt đón ánh nắng mặt trời, cảm thấy nó đang sưởi ấm cả cơ thể và linh hồn mình.

Tất nhiên, chỗ ông đang ngồi hơi bị lạnh mông, và vì thế thật đáng ngạc nhiên khi một người khác đến và ngồi cùng trên chiếc ghế, ngay cạnh Allan.

Allan lịch sự chào ông ta bằng tiếng Thụy Điển.

- Chào ông, ông Karlsson, - người đàn ông trả lời bằng tiếng Anh.

CHƯƠNG 14

Thứ Hai ngày 9 tháng Năm năm 2005

Khi Chánh Thanh tra Aronsson báo cáo những phát hiện mới nhất cho công tố viên Conny Ranelid ở Eskilstuna, công tố viên ngay lập tức quyết định ra lệnh bắt giữ Allan Karlsson, Julius Jonsson, Benny Ljungberg và Gunilla Björklund.

Aronsson và công tố viên phụ trách vụ án vẫn luôn liên lạc kể từ khi ông già trăm tuổi trèo qua cửa sổ biến mất, và mối quan tâm của công tố viên ngày càng tăng. Bây giờ ông được báo cáo về khả năng li kì là Allan Karlsson có thể bị kết án vì tội giết người hay ít nhất là ngộ sát, mặc dù họ không tìm thấy nạn nhân nào. Có một hoặc hai trường hợp trong lịch sử luật pháp Thụy Điển cho thấy vẫn kết án được. Nhưng cần bằng chứng hết sức thuyết phục và một công tố viên cực kì tài giỏi. Cái thứ hai là không có vấn đề gì với công tố viên Conny Ranelid, và như trước đây, ông dự định xây dựng một chuỗi các bằng chứng tình huống, mất xích đầu tiên sẽ là mạnh nhất và không có mất xích nào thực sự yếu cả.

Chánh Thanh tra Aronsson tự thấy hơi thất vọng trước tiến triển của sự việc. Cứu được một cụ già khỏi tay bọn găngxtơ thì hay hơn là không cứu nổi bọn tội phạm khỏi tay cụ già.

- Liệu ta có thể thực sự chứng minh sự tham gia của Allan Karlsson và những người khác trong cái chết của Bylund, Hultén và Gerdin, trong khi ta vẫn không tìm ra cái xác chết nào? - Aronsson hỏi, hi vọng rằng câu trả lời sẽ là "không".

- Bây giờ ông không được mất hi vọng, Göran ạ, - công tố viên Conny Ranelid trả lời. - Ngay sau khi ông bắt được lão già cho tôi, ông sẽ thấy lão khai ra cho chúng ta mọi thứ. Và

nếu lão quá già để khai, chúng ta sẽ có những người khác, họ sẽ mâu thuẫn với nhau và cho ta tất cả những gì ta cần.

Rồi công tố viên rà soát lại vụ án một lần nữa cùng với Chánh Thanh tra. Đầu tiên, ông giải thích về chiến lược. Ông không nghĩ rằng họ có thể bắt giam tất cả bọn kia về tội giết người, mà ngoài giết người, trong trường hợp này có cả ngộ sát, đồng lõa gây ra chết người và che giấu tội phạm. Ngay cả hành vi phạm tội chống lại pháp luật liên quan đến xác chết cũng có thể áp dụng, nhưng công tố viên cần thêm thời gian để nghĩ kĩ hơn.

Bất kì tội danh nào trong số đó chắc chắn cũng đủ để ra lệnh bắt giữ họ, phần khó hơn là buộc ai đó phải nhận tội gì thật sự nghiêm trọng (tất nhiên trừ khi người ấy tự thú nhận), do đó công tố viên định tập trung vào người luôn là trung tâm của vụ án, ông già trăm tuổi Allan Karlsson.

- Trong trường hợp của lão, tôi nghĩ ta có thể kết án chung thân theo nghĩa thực sự của từ này, - công tố viên Ranelid nói đùa.

Để bắt đầu, lão già phải có một động cơ để trước tiên giết chết Bylund, sau đó là Hultén và Gerdin. Động cơ là nếu không, lão có nguy cơ bị ngược lại, là Bylund, Hultén và Gerdin sẽ giết lão già. Công tố viên có bằng chứng mới và thậm chí cả trong quá khứ nếu cần, rằng ba người đàn ông thuộc tổ chức Never Again đã có xu hướng sử dụng các phương tiện bạo lực.

Nhưng điều đó không có nghĩa là lão già có thể tuyên bố mình chỉ hành động tự vệ, bởi vì giữa Karlsson và ba nạn nhân kia còn có một chiếc vali mà công tố viên không biết chứa cái gì. Ngay từ đầu, tất nhiên cái vali là đầu mối mọi chuyện, tức là lão già chọn cách giết chết những người khác - để cố

gắng ăn cắp chiếc vali hay ít nhất là trả lại nếu nó đã bị đánh cắp.

Hơn nữa, công tố viên có thể chỉ ra một số liên quan về địa lý giữa ông Karlsson - lão già và các nạn nhân. Nạn nhân đầu tiên, cũng như ông Karlsson, ra khỏi xe buýt tại trạm Byringe, mặc dù không cùng một lúc. Và, ngược lại với ông Karlsson và đồng bọn, nạn nhân số một đã biến mất sau cuộc hành trình với cái xe goòng. Tuy nhiên, 'ai đó' đã để lại những dấu vết của một xác chết phía sau. Có vẻ khá rõ ràng đấy là ai. Vào lúc muộn hơn cùng ngày, người ta thấy cả lão già và tên trộm vặt Jonsson vẫn sống nhăn.

Liên quan về địa lý giữa Karlsson và nạn nhân số hai không chắc lắm. Ví dụ, không ai thấy họ cùng với nhau. Tuy nhiên, một chiếc Mercedes màu bạc, và khẩu súng lục bị bỏ quên nói với công tố viên Ranelid - và chắc chắn sẽ ở tòa - rằng ông Karlsson và nạn nhân Hultén, người được gọi là Thùng Gỗ, cả hai đều đã ở Trang trại Bên Hồ ở Småland. Dấu vân tay của Hultén trên khẩu súng lục chưa được xác nhận, nhưng điều đó chỉ là vấn đề thời gian, theo ý kiến của công tố viên.

Sự xuất hiện đột ngột của khẩu súng lục là một món quà của thượng đế. Bên cạnh việc chứng minh rằng Thùng Gỗ Hultén đã có mặt tại Trang trại Bên Hồ, nó còn làm rõ động cơ để giết nạn nhân số hai.

Về phần Karlsson, bây giờ họ đã có những phát hiện tuyệt vời về ADN để sử dụng. Lão già tất nhiên đã rải nó khắp nơi trên chiếc Mercedes và tại trang trại đó ở Småland. Thế là, bây giờ ông đã có công thức: Thùng Gỗ + Karlsson = Trang trại Bên Hồ!

DNA cũng sẽ được sử dụng để xác định rằng máu trong chiếc BMW bị đâm là của nạn nhân thứ ba, Per-Gunnar Gerdin, còn gọi

là Ông Chủ. Họ sẽ sớm tiến hành kiểm tra kĩ hơn chiếc xe bị phá hủy, và nó chắc chắn sẽ tiết lộ rằng Karlsson và đồng bọn đã từng ở đấy và đặt tay lên tất cả mọi thứ. Nếu không thì làm sao họ lòi được xác chết ra khỏi xe?

Như vậy, công tố viên có thể chỉ ra động cơ và mối liên quan về thời gian và không gian giữa Allan Karlsson và ba tên côn đồ đã chết kia.

Chánh Thanh tra đánh bạo hỏi, liệu công tố viên có chắc rằng cả ba nạn nhân đúng là nạn nhân, có nghĩa là, thực sự đã chết? Công tố viên Ranelid khịt mũi nói, về tên số một và số ba thì không cần giải thích gì thêm nữa. Với tên số hai, Ranelid sẽ phải đặt cược may rủi tại tòa - vì nếu họ chấp nhận tên số một và số ba đã thực sự sang thế giới bên kia thì tên số hai cũng sẽ kết thúc như một mắt xích trong chuỗi chứng cứ gián tiếp rõ ràng này.

- Hay ông Chánh thanh tra giả thiết là tên số hai đã tự giác giao nộp khẩu súng lục của mình cho kẻ đã giết bạn mình, trước khi dụi dàng nói lời tạm biệt và bỏ đi mà không cần chờ ông chủ mình xuất hiện vài tiếng sau đó? - Công tố viên Ranelid nói bằng giọng tẩm axit.

- Ồ không, tôi không nghĩ rằng chuyện đó xảy ra, - Chánh Thanh tra phản bác.

Công tố viên thừa nhận với Chánh Thanh tra Aronsson rằng chứng cứ có thể hơi ít, nhưng cái thực sự giữ vững lập luận này là chuỗi sự kiện. Công tố viên không có trong tay hung khí giết người (trừ chiếc xe tải chở hàng màu vàng). Tuy nhiên, kế hoạch là đầu tiên phải làm Karlsson bị buộc tội về hai nạn nhân. Chứng cứ cho tên số ba và - hơn hết - tên số hai là đủ cho chính nó, nhưng nó cũng có thể dùng như một hồ

trợ tuyệt vời khiến Karlsson bị buộc tội cho nạn nhân đầu tiên. Như ông đã nói, có thể không phải vì tội giết người...

- Nhưng ít nhất, tôi sẽ khiến lão già bị bắt giữ vì tội ngộ sát hoặc tòng phạm. Và một khi tôi làm lão già bị kết án thì những tên khác sẽ rụng theo lão, với mức độ khác nhau, nhưng sẽ rụng!

Tất nhiên Công tố viên không thể bắt giữ người dựa trên lập luận rằng trong quá trình thẩm vấn, họ sẽ mâu thuẫn với nhau nhiều đến mức ông có thể yêu cầu tạm giam tất. Tuy nhiên, đó là kế hoạch B, vì họ phần lớn là vụng về. Ông già trăm tuổi, một tên trộm vặt, một tay chủ quầy bánh kẹp và một người đàn bà. Họ làm sao chịu được áp lực trong một phòng thẩm vấn?

- Hãy đến Växjö, Aronsson, và đặt phòng ở một khách sạn tử tế. Tôi sẽ hé lộ trong bản tin buổi tối rằng ông già trăm tuổi bị tình nghi là một cỗ máy giết người và sáng sớm ngày mai, ông sẽ nhận được rất nhiều lời khai báo về chỗ lão đang ở để ông có thể tóm lão trước giờ ăn trưa, tôi hứa đấy.

CHƯƠNG 15

Thứ Hai 9 Tháng Năm, 2005

- Đây là ba triệu, anh yêu quý. Em cũng muốn nhân cơ hội này xin lỗi anh vì cách em cư xử trong chuyện tiền nong của bác Frasse.

Benny nói thẳng vào vấn đề khi gặp Bosse lần đầu tiên sau ba mươi năm. Thậm chí bác đã trao túi tiền trước khi họ có thời gian để bắt tay nhau. Và bác tiếp tục, bằng một giọng nghiêm túc, trong khi ông anh trai vẫn còn đang thở hổn hển:

- Còn bây giờ em sẽ nói với anh hai điều. Đầu tiên là bọn em thực sự cần sự giúp đỡ của anh, bởi vì bọn em đã gây ra chuyện bê bối lắm. Và thứ hai là số tiền mà em đã đưa cho anh là của anh, anh đã kiếm được nó. Nếu anh phải nộp bọn em thì cứ làm như vậy, dù sao tiền vẫn là của anh.

Hai anh em đứng trong ánh sáng ngọn đèn pha vẫn còn hoạt động của chiếc xe tải màu vàng, ngay bên ngoài lối vào trang trại Bellringer bề thế của Bosse ở Västgöta cách thị trấn nhỏ của Falköping chỉ vài dặm về phía tây nam. Bosse gắng hết sức huy động trí thông minh rồi nói liệu bác có thể hỏi họ vài câu được không? Và trên cơ sở các câu trả lời, bác hứa rằng mình sẽ quyết định có tiếp đón họ hay không. Benny gật đầu nói rằng bác sẽ trả lời trung thực tất cả các câu hỏi của anh trai.

- OK, thế thì chúng ta sẽ bắt đầu, - Bosse nói. - Số tiền chú vừa đưa cho tôi, là minh bạch?

- Hoàn toàn không, - Benny đáp.

- Cảnh sát đang đuổi theo chú?

- Có lẽ cả bọn trộm và cảnh sát, - Benny cho biết. - Nhưng chủ yếu là bọn trộm.

- Điều gì đã xảy ra với cái xe này? Đầu xe bị bẹp rúm.

- Bọn em lao hết tốc lực đâm vào một thằng trộm.

- Nó chết chứ?

- Không, chẳng may nó vẫn sống. Nó đang choáng, nằm trong xe tải, bị gãy xương sườn, gãy tay và đùi phải rách một miếng lớn toang hoác. Tình trạng của hắn nghiêm trọng nhưng ổn định, có thể nói như thế.

- Chú đã mang hắn đi theo?

- Vâng, tệ như vậy đấy.

- Còn bất cứ điều gì khác tôi cần phải biết không?

- Vâng, có lẽ đó là chuyện bọn em đã giết vài tên trộm khác trên đường, đồng bọn của thằng dở sống dở chết trong xe. Tụi nó cố gắng để lấy lại năm mươi triệu tình cờ rơi vào tay bọn em.

- Năm mươi triệu?

- Năm mươi triệu. Trừ đi vài chi phí khác. Mua cái xe tải này chẳng hạn.

- Tại sao chú lại di chuyển bằng xe tải chuyển nhà?

- Bọn em có một con voi ở phía sau.

- Một con voi?

- Tên nó là Sonya.

- Một con voi ư?

- Voi châu Á.

- Một con voi?

- Vâng, voi.

Bosse đứng im lặng một lúc. Rồi bác nói:

- Con voi cũng do ăn cấp phải không?

- Không, không hẳn là thế.

Bosse im lặng một lần nữa. Rồi bác nói:

- Gà nướng với khoai tây rán để ăn tối. Được không?

- Tốt quá, - Benny đáp.

- Thế có cái gì uống không? - Giọng một ông già từ trong xe tải vọng ra.

o o o

Khi nhận ra cái xác vẫn còn sống trong chiếc xe bị đâm bẹp rúm, Benny ngay lập tức bảo Julius đi lấy bộ đồ sơ cứu của mình ở sau ghế lái trong xe tải. Benny nói bác biết rằng mình đang gây rắc rối cho cả nhóm nhưng vì đã suýt thành bác sĩ, bác đành phải nghĩ đến y đức của mình. Do đó bác không thể nào bỏ mặc người ta ngồi đó chảy máu cho đến chết.

Mười phút sau, họ tiếp tục cuộc hành trình về vùng đồng bằng Västgöta. Nạn nhân chết dở đã được đưa ra khỏi cái xe bẹp rúm, Benny đã kiểm tra, chẩn đoán và chăm sóc y tế bằng những gì có trong bộ đồ sơ cứu của mình, thậm chí, bác đã cầm được máu ở vết thương trên đùi nạn nhân, và băng bó chỗ gãy ở cánh tay phải.

Trong lúc đó Allan và Julius đã phải chuyển vào thùng xe tải ở chung với Sonya để có chỗ cho nạn nhân nằm vắt trên chiếc ghế sau trong cabin, với Người Đẹp làm y tá chăm sóc. Benny đã kiểm tra mạch và huyết áp theo thứ tự hợp lý. Với một liều lượng morphine thích hợp, Benny đảm bảo rằng nạn nhân có thể ngủ bất kể mọi chấn thương của mình.

Khi biết chắc rằng cả nhóm được Bosse cho ở lại, Benny bắt đầu kiểm tra lại lần nữa bệnh nhân của mình. Nạn nhân đang ngủ sâu nhờ morphine và Benny quyết định chưa nên chuyển y ra vội.

Rồi Benny đi vào với cả nhóm trong phòng bếp rộng rãi của Bosse. Trong khi ông chủ nhà bận rộn nấu nướng đồ ăn, nhóm bạn thay phiên nhau kể lại các diễn biến đầy kịch tính trong mấy ngày qua. Đầu tiên là Allan, rồi đến Julius, sau đó là Benny với hỗ trợ của Người Đẹp, và Benny một lần nữa khi nhắc đến vụ tai nạn với chiếc BMW của tên du côn số ba.

Mặc dù Bosse vừa nghe kể chi tiết về hai kẻ thiệt mạng, và làm sao mà mọi chuyện lại được giấu nhẹm theo cách trái ngược với luật pháp Thụy Điển, bác vẫn muốn họ xác nhận một điều:

- Bây giờ, nếu tôi hiểu chính xác thì... các vị có một con voi trong xe tải ở ngoài sân.

- Vâng, nhưng sáng mai nó có thể ra ngoài, - Người Đẹp đáp.

Bosse không bình luận gì. Pháp luật thường nói một điều, trong khi đạo đức có thể nói điều khác, bác nghĩ rằng ngay như các hoạt động nho nhỏ của mình cũng là ví dụ cho thấy pháp luật có thể được đặt sang một bên, miễn là mình cứ ngẩng cao đầu.

- Hơi giống như cách chú xử lý với tài sản thừa kế của chúng ta, nhưng mà là ngược lại, - Bosse buột miệng nói với Benny.

- Ồ vâng, nhưng ai là người đập phá cái xe máy mới của em?
- Benny phản đối.

- Nhưng đó là vì chú đã bỏ khóa thợ hàn, - Bosse đáp.

- Còn em đã làm thế bởi vì anh lúc nào cũng đề đầu cưỡi cổ em, - Benny nói.

Trông Bosse có vẻ định bật lại với cách Benny trả treo câu trả lời của mình, nhưng Allan ngắt lời hai anh em, nói rằng cụ đã đi và thấy thế giới, cụ nghiệm thấy xung đột lớn và khó tin nhất trên trái đất này là theo kiểu: “Mày ngu, không, anh ngu thì có, không, chính mày mới là đồ ngu.” Giải pháp thường là, Allan nói, cả hai cùng chia một chai vodka với nhau rồi sau đó nhìn về tương lai. Nhưng vấn đề không may là Benny lại kiêng rượu. Tất nhiên cụ Allan có thể uống hộ phần vodka của Benny, nhưng như thế cũng chưa đúng lắm.

- Thế một chai vodka có thể giải quyết xung đột giữa Israel và Palestine không? - Bosse thắc mắc. - Nó liên quan đến cả Kinh Thánh đấy.

- Đối với cuộc xung đột đặc biệt mà anh đề cập đến, có thể sẽ cần nhiều hơn một chai, - cụ Allan trả lời. - Nhưng nguyên tắc là như nhau.

- Nếu tôi uống cái gì khác có được không? - Benny hỏi và cảm thấy - với toàn bộ nỗ lực kiêng rượu của mình - bác đang tàn phá cả thế giới.

Allan hài lòng với tiến bộ này.

Cuộc tranh luận giữa hai anh em đã không còn cay độc. Cụ tuyên bố, và nói thêm rằng chính vì lí do này, vodka là thứ tốt nhất để giải quyết xung đột.

Không nên uống rượu ngay, Bosse nghĩ, vì bây giờ thức ăn đã sẵn sàng. Gà vừa nướng và khoai tây rán với bia cho người lớn còn đồ uống không cồn cho cậu em trai.

Đúng lúc họ vừa định bắt đầu bữa ăn tối trong nhà bếp thì Ông Chủ Gerdin Per-Gunnar thức dậy. Gã bị nhức đầu, đau đớn khi thở, một tay có lẽ bị gãy vì đang bó bột và vết thương ở đùi phải bắt đầu chảy máu khi Ông Chủ vừa gắng sức tụt khỏi

cabin xe tải. Ngay trước đó, gã ngạc nhiên tìm thấy khẩu súng lục của mình trong ngăn để găng tay. Có vẻ như trừ gã ra, mọi người trên thế giới đều ngu cả.

Morphine vẫn còn hiệu quả, vì vậy gã có thể chịu được cơn đau, nhưng nó cũng làm gã khó khăn để sắp xếp suy nghĩ của mình. Gã khập khiễng trong sân trang trại Bellringer và nhòm qua các cửa sổ, cho đến khi chắc chắn rằng tất cả mọi người trong nhà đang tụ tập với nhau ở phòng bếp, kể cả một con chó bécgiê. Cánh cửa nhà bếp mở ra vườn không khóa. Ông Chủ khập khiễng đi qua đó, với quyết tâm đáng kể và khẩu súng lục trong tay trái, gã cất tiếng:

- Nhốt con chó vào phòng trữ đồ ăn, nếu không tao sẽ bắn ngay lập tức. Và tao vẫn còn năm viên đạn trong ổ, mỗi đứa một viên.

Ông Chủ ngạc nhiên thấy mình có thể kiềm chế cơn tức giận rất tốt. Người đẹp trông cau có hơn là sợ khi cô dẫn Buster vào phòng đựng thức ăn và đóng cửa lại. Buster ngạc nhiên và hơi lo lắng, nhưng khá hài lòng. Nó phát hiện ra mình được nhốt trong phòng trữ đồ ăn, kiếp chó có thể tồi tệ hơn nhiều.

Năm người bạn bây giờ đang xếp hàng. Ông Chủ thông báo với họ rằng chiếc vali kia là thuộc về gã, và gã sẽ mang nó đi theo khi rời khỏi đây. Một hoặc hai trong số những người trước mặt gã có thể vẫn còn sống, tùy thuộc vào việc câu hỏi của Ông Chủ có nhanh chóng được trả lời hay không, và tiền trong vali đã với mất bao nhiêu.

Cụ Allan là người đã phá vỡ sự im lặng của nhóm bạn. Cụ nói vali quả thật đã với mất vài triệu, nhưng dù sao, ông cầm súng có lẽ có thể dàn xếp, vì do nhiều hoàn cảnh khác nhau đã xảy ra chuyện hai đồng nghiệp của ông cầm súng bị chết, có nghĩa là ông cầm súng còn ít người hơn để chia tiền.

- Ốc Vít và Thùng Gỗ chết rồi? - Ông Chủ hỏi.

- Pike? - Bosse đột nhiên kêu lên. - Cậu đấy à, Pike. Lần cuối cùng là khi nào nhỉ?

- Bosse Baddy! - Gunnar Gerdin 'Pike' cũng kêu lên.

Và thế là Bosse Baddy và Pike Gerdin đã ôm chầm lấy nhau ở giữa nhà bếp.

- Tôi tin rằng lần này tôi vẫn thoát chết, - cụ Allan nói.

o o o

Buster được thả ra khỏi phòng đựng thức ăn, Benny băng bó lại vết thương chảy máu của 'Pike' Gerdin, và Bosse Baddy đặt thêm một chiếc đĩa lên bàn ăn.

- Chỉ cần một cái nĩa thôi, - Pike nói, - dù sao tôi cũng không sử dụng cánh tay phải của mình được.

- Ngày xưa cậu vẫn thạo dùng dao lắm mà, - Bosse Baddy đáp.

Pike và Bosse Baddy từng là bạn bè chí cốt, và cũng cùng buôn bán thực phẩm. Pike luôn luôn là người thiếu kiên nhẫn hơn, muốn đi xa hơn. Cuối cùng họ đã ai đi đường nấy khi Pike nhất định đòi nhập khẩu thịt viên Thụy Điển từ Philippin, ướp foócmalin để tăng thời hạn sử dụng tối đa từ ba ngày thành ba tháng (hoặc ba năm tùy vào lượng foócmalin rắc vào nhiều hay ít). Lúc đó Bosse đã nói 'Ngừng lại'. Bác không muốn dính líu vào việc chế biến thực phẩm chết người. Pike nghĩ Bosse đã phóng đại lên. Người ta không chết vì một chút hóa chất trong thức ăn của họ, và với foócmalin thì chắc chắn là ngược lại.

Hai người chia tay như bạn bè.

Bosse rời khỏi khu đó và chuyển đến Västergötland, trong khi Pike đã thử cướp công ty của những nhà nhập khẩu và thành

công đến nỗi đẹp bỏ kế hoạch thịt viên của mình và quyết định trở thành một tên cướp toàn thời gian.

Thoạt đầu, Bosse và Pike còn liên lạc với nhau một hoặc hai lần một năm, nhưng trong những năm qua họ đã dần dần bị mất liên lạc - cho đến một buổi tối Pike đột nhiên loạng choạng đứng trong nhà bếp của Bosse, trông đe dọa đúng như Bosse vẫn hình dung về Pike khi nhớ đến.

Nhưng cơn giận của Pike giảm xuống ngay khi tìm lại được cậu bạn chí cốt từ những năm tuổi trẻ. Và bây giờ gã ngồi xuống bàn cùng với Bosse Baddy và nhóm bạn bè. Không thể tránh được việc họ đã giết chết Ốc Vít và Thùng Gỗ. Chuyện cái vali và mọi thứ để ngày mai tính. Lúc này họ thường thức bữa tối và bia cái đã.

- Chúc mừng! - Gerdin Per-Gunnar 'Pike' nói và ngất đi, mặt úp xuống ngay đĩa thức ăn của mình. Họ lau thức ăn trên mặt Pike, chuyển gã đến phòng khách và đưa vào giường. Benny kiểm tra tình trạng y tế của gã rồi cho bệnh nhân một liều morphine, để gã ngủ cho đến ngày hôm sau.

Trong lúc đó, cuối cùng Benny và những người khác cũng được thưởng thức thịt gà và khoai tây nướng. Và họ thấy rất ngon miệng!

- Gà này thực sự là ngon! - Julius ca ngợi đồ ăn, và tất cả đều đồng ý rằng họ chưa bao giờ ăn bất cứ thứ gì ngon hơn. - Bí mật là gì?

Bosse nói với họ rằng ông nhập khẩu thịt gà tươi từ Ba Lan ("không phế phẩm, chất lượng hàng đầu"), rồi tự tay tiêm vào mỗi con gà một lít hỗn hợp nước gia vị đặc biệt của riêng mình. Sau đó ông đóng gói lại tất cả và bởi vì rất nhiều hàng hiện nay là từ đồng bằng Västgöta, ông nghĩ rằng mình có thể gà này là 'Thụy Điển'.

- Gia vị gấp đôi, nặng gấp đôi vì nước và đất hàng gấp đôi vì là gà Thụy Điển, - Bosse tóm tắt lại.

Đột nhiên nó trở thành thương vụ lớn, dù thực tế là bác chỉ bắt đầu trên một quy mô rất nhỏ. Ai cũng khoái gà của bác.

Nhưng vì lý do an toàn, bác không bán buôn cho bất kì mối nào trong huyện, bởi vì một trong số họ có thể đi qua và khám phá ra rằng chẳng có con gà nào nuôi trong sân trang trại của Bosse.

Và đó là điều ông định nói về sự khác biệt giữa pháp luật và đạo đức, Bosse tiếp tục. Người Ba Lan chắc chắn nuôi và giết gà mái chẳng thua gì người Thụy Điển? Chất lượng không liên quan gì với biên giới quốc gia, đúng không?

- Mọi người đều ngu như nhau, - Bosse nói tiếp. - Tại Pháp, thịt Pháp là ngon nhất. Tại Đức, thịt Đức. Ở Thụy Điển cũng vậy. Cho nên, vì lợi ích của tất cả mọi người, tôi giữ kín một số thông tin.

- Thế là tử tế nhất đấy, - cụ Allan nói, - không hề mĩa mai.

Bosse nói tiếp là mình cũng làm tương tự với dưa hấu nhập khẩu, mặc dù không phải từ Ba Lan. Chúng là của Tây Ban Nha hoặc Morocco. Ông thích gọi chúng là Tây Ban Nha hơn bởi vì không ma nào tin rằng dưa này từ Skovde, ngay giữa Thụy Điển. Nhưng trước khi bán, ông tiêm nửa lít nước đường vào mỗi quả dưa.

- Điều đó làm dưa nặng gấp đôi - lợi cho tôi! Và ngon gấp ba - tốt cho người tiêu dùng!

- Anh tốt thật đấy, - cụ Allan bình phẩm. - Vẫn không hề mĩa mai.

Người Đẹp nghĩ rằng phải có một hoặc hai người tiêu dùng vì lý do sức khỏe chắc chắn không nên nuốt chửng cả một lít nước đường như thế, nhưng cô im lặng. Bên cạnh đó, dưa hấu có vị ngon tuyệt như món gà.

o o o

Chánh Thanh tra Göran Aronsson ngồi trong nhà hàng tại khách sạn Corner Hoàng gia ở Växjö và ăn gà cordon bleu. Gà này không phải từ Västergötland, khô và nhạt nhẽo. Nhưng Aronsson nuốt trôi nó với một chai vang ngon.

Đến giờ, công tố viên chắc đã rỉ tai một số phóng viên, và hôm sau báo chí sẽ xôn xao một lần nữa.

Tất nhiên công tố viên Ranelid có lí về chuyện sẽ có rất nhiều lời khai về chiếc xe tải màu vàng với đầu xe bị đâm bẹp đang ở đâu. Trong khi chờ đợi, Aronsson cũng có thể ở lại đây. Dù sao, ông cũng chẳng có gì khác để làm: không gia đình, không bạn bè thân thiết, thậm chí không một sở thích rõ rệt nào. Khi vụ án kì quặc này kết thúc, chắc chắn ông lại lao đầu vào nhiệm vụ khác thôi.

Chánh Thanh tra Aronsson kết thúc buổi tối bằng một ly rượu gin và tonic, vừa uống, ông vừa tự thương thân và tưởng tượng sẽ lôi khẩu súng lục của mình ra bắn nhạc công piano ở quầy bar. Nếu ông có thể giữ đầu óc tỉnh táo và suy nghĩ cẩn thận những gì mình đã biết thì câu chuyện chắc chắn sẽ đi theo hướng khác.

o o o

Buổi tối hôm ấy trong phòng biên tập của tờ Expressen đã có một cuộc thảo luận ngắn về từ ngữ trước khi quyết định về các bảng quảng cáo cho ngày hôm sau. Cuối cùng, sếp của mục tin tức đã quyết định rằng một người chết có thể gọi là vụ giết

người, hai người chết có thể là giết hai người, nhưng ba người chết không thể gọi là ‘giết người hàng loạt’ như một số đồng nghiệp của ông muốn. Tuy nhiên, cuối cùng ông cũng tìm ra một cách trình bày hay:

Mất tích

ÔNG GIÀ TRĂM TUỔI

Kẻ tình nghi

VỤ GIẾT NGƯỜI TAY BA

o o o

Ở trang trại Bellringer, họ đã thức khá muộn và ai nấy đều hưng phấn. Kể hết chuyện vui này đến chuyện vui khác. Bosse đã thành công khi lấy ra Kinh Thánh và nói rằng bây giờ ông sẽ cho họ biết làm thế nào mà, hoàn toàn vô tình, ông có thể đọc toàn bộ cuốn kinh từ đầu đến cuối. Cụ Allan tự hỏi không biết Bosse đã phải chịu đựng phương pháp tra tấn kinh hoàng nào, nhưng hóa ra không phải. Chẳng có ai ép buộc Bosse làm gì, không, nó là do sự tò mò của chính Bosse.

- Tôi chắc mình chẳng bao giờ tò mò như thế, - cụ Allan nói.

Julius hỏi liệu Allan có thể thôi không ngắt lời Bosse một lần để họ có thể nghe câu chuyện một tí, và Allan đồng ý. Bosse tiếp tục:

Vài tháng trước đây, một hôm, ông nhận được cuộc điện thoại từ một người quen tại trung tâm tái chế chất thải bên ngoài Skovde. Hai người biết nhau tại Trường đua Axevalla, nơi họ cùng đến để vớ mòng ở mỗi cuộc đua lớn. Người kia đã biết rằng lương tâm của Bosse khá rộng rãi cho các mảnh lời và Bosse luôn luôn quan tâm đến những cơ hội mang lại nguồn thu nhập mới.

Chuyện là trung tâm tái chế chất thải vừa nhận được một tấn rưởi sách để tiêu hủy, vì chúng bị xếp loại rác rưởi và không phải là văn học. Người quen của Bosse đâm ra tò mò xem nó là văn chương kiểu gì, và ông đã mở bao bì - chỉ thấy toàn Kinh Thánh (ông ta đã hi vọng thấy cái gì đó thuộc loại khác hẳn).

- Nhưng cái này không chỉ là kinh thánh thông thường, - Bosse nói và đưa cuốn sách mẫu một vòng để họ có thể tận mắt thấy. - Đây là kinh thánh gáy da xịn, chữ mạ vàng và đủ thứ... Cứ nhìn đây này: một danh sách các nhân vật, bản đồ in màu... - Nhóm bạn chỉ có thể gật đầu tán thưởng.

Người quen của bác cũng đáng nể như các ông bạn đây, thay vì tiêu hủy chỗ sách, đã gọi điện cho Bosse và đề nghị tuần chúng từ trung tâm tái chế để đổi lấy... tạm cho là 1.000 crown.

Bosse tóm ngay lấy cơ hội, và ngay chiều hôm, bác có một tấn rưởi kinh sách tuyệt đẹp trong nhà kho của mình. Nhưng cố gắng hết mức mà bác không thể tìm thấy cái gì sai hỏng ở những cuốn sách. Cuối cùng nó làm bác phát điên lên. Thế là, một buổi tối, bác ngồi xuống trước lò sưởi trong phòng khách và bắt đầu đọc, từ “Từ khởi thủy...” và cứ thế. Cho chắc ăn, bác lấy ra một cuốn kinh thánh chuẩn, đã cũ của mình để tham khảo. Phải có một lỗi in sai đâu đó, chứ nếu không sao người ta lại ném đi một thứ thật đẹp và... thánh thiện như thế này?

Bosse đọc, đọc mãi, hết tối này sang tối khác, Cựu Ước rồi đến Tân Ước, bác đọc và so sánh nó với quyển Kinh Thánh cũ chuẩn của mình - và vẫn không thể tìm thấy bất cứ lỗi gì.

Sau đó, một buổi tối, bác đọc đến chương cuối cùng, rồi trang cuối cùng, câu cuối cùng.

Và nó đây! Đó là một lỗi in sai bất ngờ và không thể tha thứ khiến chủ nhân của những cuốn sách ra lệnh tiêu hủy nó.

Bosse giao cho mỗi người ngồi quanh bàn một cuốn, họ có thể giở qua đến câu cuối cùng, và lần lượt tất cả phá lên cười.

Bosse đã biết lỗi in sai nằm ở đâu, bác chẳng quan tâm xem tại sao lại thế. Và trong quá trình xoa dịu trí tò mò, bác đã đọc cuốn sách đầu tiên kể từ hồi còn đi học, thậm chí còn hơi sùng kính khi đọc. Trong việc kinh doanh ở trang trại Bellringer hay nộp đơn xin hoàn thuế, Bosse không cần đến Chúa, nhưng - ở các khía cạnh khác - thì bác đặt cuộc sống của mình trong tay của Cha, Con và Các Thánh Thần. Và chắc hẳn các ngài chẳng ý kiến gì về việc vào những ngày thứ Bảy, bác mở gian hàng tại các chợ miền Nam Thụy Điển và bán cuốn Kinh Thánh có một lỗi in sai tí tẹo? ('Chỉ có 99 crown một cuốn! Chúa ơi! Một món hời!')

Nhưng nếu Bosse để ý và bỏ qua chuyện lời lãi mà tìm hiểu ngọn nguồn, thì ngoài những gì đã kể với nhóm bạn, bác có thể thêm:

Người thợ in ở ngoại ô Rotterdam đã bị khủng hoảng. Vài năm trước, bác ta đã được các Nhân Chứng của Giêhôva tuyển dụng nhưng họ đã tống cổ bác ra khi bác phát hiện và khá lớn tiếng thắc mắc về việc giáo đoàn đã dự đoán sự trở lại của Chúa Giê-su không ít hơn mười bốn lần từ năm 1799 đến 1980 - và thật kì lạ là đã đoán sai cả mười bốn lần.

Vì thế bác thợ in đã gia nhập Nhà thờ Chính giáo, bác thích giáo lý của họ về Phán xét Cuối cùng, tin là cuối cùng Chúa sẽ chiến thắng ác quỷ, Giê-su sẽ trở lại (mà không nhắc đến là ngày nào) và tin rằng hầu hết mọi người từ thời thơ ấu của bác, kể cả ông bố, sẽ bị thiêu đốt trong địa ngục như thế nào.

Nhưng giáo đoàn mới này cũng đuổi cổ bác ra. Lý do lần này là tất cả 'quyên góp' suốt một tháng đã bốc hơi dưới sự coi

sốc của bác thợ in. Bác đã thề trên những gì thiêng liêng nhất rằng mình vô can. Hơn nữa, các Kitô hữu cũng nên ra ngoài và tha thứ chứ? Bác có sự lựa chọn nào khi chiếc xe của mình bị hỏng và cần một cái mới để tiếp tục đi làm?

Ngậm đắng nuốt cay, bác thợ in bắt đầu sắp chữ cho công việc ngày hôm đó tại nơi làm việc, mà trở trêu thay bao gồm in ấn hai nghìn cuốn kinh thánh! Thêm nữa, nó là một đơn đặt hàng từ Thụy Điển, nơi như bác thợ in biết, cha mình vẫn còn sống sau khi rời bỏ gia đình năm bác mới lên sáu tuổi.

Đôi mắt đăm lẹ, bác thợ in sắp xếp hết chương này đến chương khác bằng phần mềm đặc biệt mà họ sử dụng vào việc in ấn. Khi đến chương cuối cùng - Sách Khải Huyền, thì bác rối trí. Làm sao mà Chúa Giêsu có thể muốn trở lại trái đất? Đây là nơi mọi thứ bị kiểm soát bởi Quỷ dữ! Nơi cái Ác đã mãi mãi chinh phục cái Thiện, thế thì mọi thứ có nghĩa gì? Và Kinh Thánh... nó chỉ là một trò đùa!

Thế là bác thợ in với tinh thần tan nát đã thêm một chút vào câu cuối cùng ở chương cuối cùng trong cuốn Kinh Thánh Thụy Điển sắp được in. Bác thợ in không nhớ lắm giọng điệu của bà nội mình, nhưng ít nhất bác có thể nhớ một đoạn thơ rất thích hợp ở đây. Vì vậy, hai câu cuối cùng của cuốn Kinh Thánh cộng thêm câu của bác thợ in thành:

20. Người đã chứng thực những điều này phán rằng, Chắc chắn ta đến ngay. Amen. Mặc dù vậy, Chúa Giêsu xin hãy đến.

21. Chúa Giêsu Christ ban phước cho tất cả. Amen.

22. Và tất cả sống hạnh phúc mãi mãi.

Bữa tối tại trang trại Bellringer kéo dài đến đêm. Vodka và tình anh em chảy tự do và có lẽ còn tiếp tục như vậy nếu không phải Benny - người kiêng rượu, nhận ra đã rất muộn. Vì vậy,

bác cắt ngang cuộc vui và thông báo với mọi người rằng đã đến lúc tất cả phải đi ngủ. Có rất nhiều thứ cần được sắp xếp ngày hôm sau, và do đó tốt nhất là mọi người phải nghỉ ngơi.

- Nếu có tính tò mò, hẳn tôi đã thắc mắc người say xỉn ngày mai tỉnh dậy thì sẽ có tâm trạng như thế nào, - cụ Allan bảo.

CHƯƠNG 16

1948-1953

Người đàn ông trên ghế đá công viên vừa mới chào Mr. Karlsson bằng tiếng Anh, từ đó Allan đã rút ra hai kết luận. Thứ nhất, ông ta không phải người Thụy Điển, nếu không thì ông ta có thể sẽ cố gắng nói tiếng Thụy Điển. Thứ hai, ông ta biết Allan là ai, bởi vì đã gọi được tên.

Người đàn ông ăn mặc lịch sự, đội chiếc mũ màu xám có vành đen, áo khoác màu xám, đi giày đen. Ông ta có lẽ là một doanh nhân. Trông ông ta thân thiện và chắc chắn có mục đích. Vì vậy, Allan đáp, bằng tiếng Anh.

- Liệu có phải cuộc sống của tôi có tình cờ sắp rẽ sang hướng mới bây giờ chẳng?

Người đàn ông trả lời rằng cũng không loại trừ điều đó, nhưng nói thêm bằng một giọng thân thiện rằng nó phụ thuộc vào chính ông Karlsson. Có chuyện là, sếp của ông ta muốn gặp ông Karlsson để yêu cầu ông Karlsson làm việc cho họ.

Allan đáp rằng mấy hôm nay mình đang rất thoải mái sung sướng, nhưng tất nhiên ông không thể ngồi trên ghế đá công viên đến hết đời. Vì vậy, ông hỏi người đàn ông liệu mình có được phép biết tên sếp của ông ta không. Allan nghĩ nó sẽ dễ dàng hơn để nói có hay không khi biết mình đang nói về cái gì. Quý ông có đồng ý như vậy không?

Người đàn ông thân thiện hoàn toàn đồng ý, nhưng sếp của ông ta hơi đặc biệt và có lẽ sẽ thích gặp mặt để tự giới thiệu hơn.

- Nhưng tôi thì sẵn sàng đi cùng với ông Karlsson đến gặp ông sếp ngay lập tức, nếu ông Karlsson đi được.

Tất nhiên là được, Allan nghĩ, ông hoàn toàn có thể đi luôn, người đàn ông cho biết quãng đường khá xa. Nếu ông Karlsson muốn lấy đồ đạc của mình từ khách sạn, người đàn ông hứa sẽ đợi ở tiền sảnh. Về việc này, người đàn ông có thể chở ông Karlsson về khách sạn, bởi vì xe và tài xế của ông ta ngay đây.

Chiếc xe cũng rất phong cách, Ford Coupé màu đỏ đời mới nhất. Và một tài xế riêng! Thuộc tuýp người kín đáo. Không có vẻ thân thiện như người đàn ông kia.

- Tôi nghĩ rằng chúng ta không cần về khách sạn, - Allan cho biết. - Tôi thường đi du lịch rất gọn nhẹ.

- Được, thế thì đi thôi, - người đàn ông thân thiện nói và vỗ lưng tài xế của mình ra hiệu 'lái đi'.

Chuyến đi đưa họ tới Dalarö, cách thủ đô hơn một giờ xe về phía nam, theo những con đường quanh co. Allan và người đàn ông thân thiện trò chuyện này kia. Người đàn ông giảng giải về sự diệu kì vô tận của Opera, trong khi Allan kể với ông ta làm thế nào để băng qua dãy Hy Mã Lạp Sơn mà không chết cứng.

Mặt trời đã lặn khi chiếc Coupé đỏ lăn bánh vào một ngôi làng nhỏ trên bờ biển vốn rất đông khách du lịch đảo vào mùa hè, nhưng mùa đông thì tối và yên tĩnh.

- À, thế ra đây là nơi sắp ông sống, - Allan nói.

- Không, không hẳn thế, - người đàn ông thân thiện đáp.

Viên tài xế không được thân thiện như người đàn ông, chẳng nói chẳng rằng thả Allan và người đàn ông thân thiện ở cạnh bến cảng Dalarö rồi đi luôn. Trước đó, người đàn ông thân thiện đã lấy ra một chiếc áo khoác lông thú từ cốp chiếc Ford, và chu đáo choàng nó lên vai Allan, miệng xin lỗi rằng họ sẽ phải đi bộ một đoạn ngắn trong cái lạnh mùa đông.

Allan không phải là kiểu người hay hi vọng (hoặc ngược lại) về những gì có thể xảy ra trong cuộc sống của mình ở tương lai gần. Chuyện gì đến thì đến. Không việc gì phải lo lắng trước về nó cả.

Tuy thế, Allan rất ngạc nhiên khi người đàn ông thân thiện đưa mình đi khỏi trung tâm của Dalarö và đi trên băng giá vào màn đêm tối đen của đảo.

Người đàn ông thân thiện và Allan tiếp tục bước đi. Đôi khi ông ta bật đèn pin, rọi sáng một chút bóng tối mùa đông trước khi dùng nó để định hướng trên chiếc la bàn của mình. Suốt đoạn đường đi bộ, ông ta không nói chuyện với Allan mà chỉ đếm thành lời từng bước của mình - bằng một ngôn ngữ mà Allan chưa nghe bao giờ.

Sau mười lăm phút đi bộ khá nhanh giữa chỗ trống, người đàn ông thân thiện nói rằng họ đã đến nơi. Xung quanh họ tối om, ngoại trừ một ánh sáng nhấp nháy trên hòn đảo xa xa. Người đàn ông thân thiện nhân dịp đó cho Allan biết rằng ánh sáng ấy đến từ phía đông nam Kymmendö, nơi mà như ông ta được biết, có liên quan với August Strindberg và lịch sử văn học Thụy Điển. Allan hoàn toàn mù tịt, và cũng không có thời gian để thảo luận về vấn đề này xa hơn bởi vì nền đất (hay đúng hơn, băng) dưới chân Allan và người đàn ông thân thiện bất ngờ toác ra.

Có thể người đàn ông thân thiện đã tính lầm một chút. Hoặc thuyền trưởng của chiếc tàu ngầm đã không đến được chính xác nơi ông ta cần phải đến. Dù vì lí do gì thì con tàu dài 97 mét đã trôi lên qua băng vỡ quá gần Allan và người đàn ông thân thiện. Cả hai ngã ngửa, suýt rơi xuống chỗ nước băng giá. Nhưng mọi việc đã sớm được giải quyết, và Allan được giúp đỡ để trèo xuống chỗ ấm áp.

- Chà, mở mắt ra mà ngồi đoán những gì sẽ xảy ra trong ngày thì chỉ phí công, - Allan nói. - Rốt cuộc, thì phải đoán đến bao giờ mới đoán ra chuyện này?

Bây giờ người đàn ông thân thiện nghĩ rằng ông ta không phải bí mật nữa. Ông nói với Allan rằng tên mình là Yury Borisovich Popov và rằng ông làm việc cho Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết, ông là một nhà vật lý, không phải chính trị gia hay quân nhân, và ông được cử đến Stockholm để thuyết phục ông Karlsson đi theo đến Moskva.

Borisovich Yury được giao nhiệm vụ này vì có một điểm tương đồng khá miễn cưỡng giữa một giai đoạn đời ông Karlsson với xuất thân của Yury Borisovitch như một nhà vật lý, có lẽ nó sẽ thuận lợi khi cả hai nói cùng một thứ ngôn ngữ, đại loại thế.

- Nhưng tôi không phải là một nhà vật lý, - Allan nói.

- Có thể thế, nhưng nguồn tin của tôi báo rằng ông biết cái mà tôi muốn biết.

- Thực vậy ư? Chà, thế bây giờ thì là điều gì?

- Bom, ông Karlsson ạ. Quả bom.

o o o

Yury Borisovich và Allan Emmanuel ngay lập tức khoái nhau. Đồng ý đi theo mà chẳng biết đi đâu, gặp ai và tại sao - điều đó gây ấn tượng với

Yury Borisovich và nó cho thấy Allan có cái tính tùy hứng mà Yury thiếu. Còn với Allan, ông đánh giá cao việc mình có thể trò chuyện với một người mà không cố gắng nhồi nhét chính trị hay tôn giáo vào ông.

Thêm nữa, hóa ra cả Yury Borisovich và Allan Emmanuel đều là fan cuồng của vodka. Tối hôm trước, Yury Borisovich đã có dịp thưởng thức đủ loại của Thụy Điển trong khi ông - nói thật là - phải theo dõi Allan Emmanuel trong phòng ăn tại khách sạn Grand. Đầu tiên, Yury Borisovich nghĩ rằng nó quá mạnh, mà không có vị ngọt Nga, nhưng sau một vài ly, ông đã quen với nó. Và thêm hai ly nữa, ông thấy nó “chẳng tệ chút nào”.

- Nhưng cái này tất nhiên là ngon hơn, - ông Yury Borisovich nói và giơ một chai Stolichnaya một lít trong căn phòng sĩ quan nơi ông và Allan Emmanuel đang ngồi. - Và bây giờ mỗi người sẽ có một ly!

- Ý hay đấy, - Allan nói. - Không khí biến đổi hẳn điều đó.

Ngay sau khi ly đầu tiên, Allan đã đổi cách xưng hô giữa hai người đàn ông. Về lâu dài, mỗi khi cần thu hút sự chú ý của Yury Borisovich mà phải gọi Yury Borisovich là Yury Borisovich thì mệt quá.

Còn ông không muốn bị gọi là Emmanuel Allan, vì chẳng ai gọi thế từ khi ông được giáo sĩ ở Vxhult rửa tội.

- Vì thế, từ bây giờ, ông là Yury còn tôi là Allan, - Allan tuyên bố. - Nếu không, tôi sẽ nhảy khỏi cái tàu này ngay ở đây.

- Đừng làm thế, Allan yêu quý, chúng ta đang ở độ sâu 200 mét, - Yury nói. - Rót đi.

Yury Borisovich Popov là một nhà xã hội chủ nghĩa đầy hoài bão và không mong gì hơn là tiếp tục làm việc cho chủ nghĩa xã hội Xô Viết. Đồng chí Stalin là một người đàn ông nghiêm khắc nhưng Yury biết rằng nếu cứ phục vụ chế độ trung thành và hiệu quả thì chẳng việc phải sợ hãi. Allan trả lời rằng

ông không định phục vụ bất kì chế độ nào, nhưng tất nhiên ông có thể cho Yury một hoặc hai lời khuyên nếu họ đang gặp khó khăn về vấn đề bom nguyên tử. Nhưng trước hết, Allan muốn nếm thử một ly vodka mà ngay cả khi tỉnh táo ta cũng không thể phát âm tên của nó. Và một điều nữa: Yury phải hứa là ông sẽ tiếp tục như đã bắt đầu và không nói chuyện chính trị.

Yury chân thành cảm ơn Allan về lời hứa giúp đỡ, và nói thẳng ra rằng Nguyên soái Beria, sếp của Yury, định trả cho chuyên gia Thụy Điển trọn gói một lần 100.000 đôla Mỹ, với điều kiện rằng Allan giúp hướng dẫn chế tạo một quả bom.

- Có vẻ là một thỏa thuận tốt đẹp đấy, - Allan nói.

Cái chai với điều đặn trong lúc Allan và Yury tán đủ thứ chuyện trên trời dưới biển (trừ chính trị và tôn giáo). Họ cũng đề cập đến vấn đề bom nguyên tử, mặc dù nó thực sự dành cho những ngày tối, Allan có thời gian cho ông ta vài lời khuyên đơn giản. Và thêm nữa.

- Hmm, - nhà vật lý cao cấp Yury Borisovich Popov nói. - Tôi nghĩ rằng tôi hiểu...

- chà, tôi thì không, - Allan nói. - Ông giải thích lại về opera đi. Thế nó không phải chỉ rất la hét ư?

Yury mỉm cười, nhấp một ngụm lớn vodka, đứng lên - và bắt đầu hát. Trong cơn say, ông ta không hát dân ca cổ mà chọn aria "Nessun Dorma" trong vở Turandot của Puccini.

- chà, đáng kể đấy, - Allan nói khi Yury hát xong.

- Nessun Dorma! - Yury long trọng. - Không ai được phép ngủ!

Bất kể liệu có ai được phép ngủ hay không, cả hai đã nhanh chóng rơi vào giấc ngủ trong giường của mình bên cạnh phòng sĩ quan. Khi họ tỉnh dậy, tàu ngầm đã bỏ neo ở cảng Leningrad.

Ở đó, một chiếc limousine đang chờ để đưa họ vào điện Kremlin gặp gỡ Nguyên soái Beria.

- Saint Petersburg, Petrograd, Leningrad... có thể tưởng tượng nổi không? - Allan nói.

- Chúc ông buổi sáng tốt lành, - Yury đáp.

Yury và Allan vào ghế sau của chiếc limousine Humber Pullman, đi suốt ngày đường từ Leningrad tới Moskva. Một vách trượt ngăn cách chỗ ngồi của lái xe với... salon... nơi Allan và người bạn mới của mình đang ngồi. Salon còn có một cái tủ lạnh với nước, thức uống có ga và tất cả chỗ rượu mà hai vị khách hiện tại không thể thiếu được. Bên cạnh đó là một bát kẹo dẻo mềm xôi và một khay sôcôla tuyệt ngon. Chiếc xe hơi và nội thất của nó đáng lẽ là một ví dụ tuyệt vời cho kĩ nghệ xã hội chủ nghĩa Xô Viết nếu như nó không phải được nhập khẩu hết từ Anh.

Yury kể với Allan về xuất thân của mình, kể cả việc theo học Ernest Rutherford, nhà vật lý hạt nhân huyền thoại người New Zealand đã đoạt giải Nobel. Đó là lý do vì sao Yury Borisovich nói tiếng Anh tốt. Allan, đến lượt mình, mô tả (Yury Borisovitch ngày càng kinh ngạc) cuộc phiêu lưu của mình ở Tây Ban Nha, Mỹ, Trung Quốc, Hy Mã Lạp Sơn và Iran.

- Và chuyện gì đã xảy ra với ông mục sư Anh giáo sau đó? - Yury thắc mắc.

- Tôi không biết, - Allan đáp. - Hoặc là ông ta sẽ Anh giáo hóa cả Ba Tư, hoặc sẽ chết thôi. Ít có khả năng nào khác giữa cái đó.

- Nghe hơi giống như thách thức Stalin ở Liên Xô, - Yury thẳng thắn nói. - Ngoại trừ thực tế rằng đó là tội ác chống phá cách mạng, khả năng sống sót là rất ít.

Vào ngày đặc biệt và với người bạn đặc biệt này, sự chân thật của Yury dường như không có giới hạn. Ông dốc bầu tâm sự về Nguyên soái Beria, sếp tình báo, người rất bất ngờ và miễn cưỡng trở thành lãnh đạo của dự án chế tạo bom nguyên tử. Beria là người không biết xấu hổ là gì. Ông ta đã lạm dụng tình dục phụ nữ và trẻ em, còn những kẻ chống đối sẽ bị ông tống vào tù - nếu không giết quách đi.

- Ông phải hiểu cho tôi, - Yury giải thích. - Các thành phần chống đối tất nhiên phải được đào thải càng sớm càng tốt, nhưng chúng phải là chống lại nền tảng cách mạng chân chính. Phải loại bỏ những kẻ không giúp ích cho mục tiêu của chủ nghĩa xã hội! Nhưng không phải là những người không tiếp tay cho các mục tiêu của Nguyên soái Beria. Không! Allan, điều đó thật khủng khiếp. Nguyên soái Beria là không phải là đại diện thực sự của cách mạng. Nhưng ông không thể đổ lỗi cho đồng chí Stalin về điều đó. Tôi chưa bao giờ được hân hạnh gặp ông ấy, nhưng ông ấy có trách nhiệm cho cả quốc gia, gần như toàn bộ một lục địa. Và nếu với tất cả các công việc đó, và trong khoảnh khắc vội vã, ông đã giao cho Nguyên soái Beria nhiều trách nhiệm hơn Nguyên soái Beria có khả năng gánh vác... chà, đồng chí Stalin có quyền làm thế! Và bây giờ, Allan thân yêu ạ, tôi sẽ cho ông biết một tin thực sự tuyệt vời. Ông và tôi, ngay chiều nay, sẽ được vinh dự thuyết trình không chỉ với Nguyên soái Beria mà cả đích thân đồng chí Stalin! Ông mời chúng ta ăn tối.

- Chà, tôi thực sự mong đến lúc đó, - Allan nói. - Nhưng làm thế nào chúng ta cầm cự được đến tận lúc ấy? Liệu chúng ta có phải cầm hơi bằng kẹo dẻo quả mâm xôi không?

Yury lo liệu để chiếc limousine dừng lại ở một thị trấn nhỏ trên đường, mua ít bánh mì kẹp cho Allan. Rồi hành trình tiếp tục với cuộc trò chuyện thú vị.

Vừa nhai bánh mì kẹp, Allan vừa nghĩ rằng Nguyên soái Beria, theo như mô tả của Yury, có vẻ giống với ông sếp mật vụ mới qua đời ở Teheran.

Về phần mình, Yury ngồi đó cố gắng hiểu anh bạn đồng nghiệp Thụy Điển của mình. Anh bạn Thụy Điển sắp được ăn tối với Stalin, và đã nói rằng rất mong được như thế. Tuy nhiên, Yury phải hỏi rõ ý ông là nói đến bữa ăn tối hay nhà lãnh đạo.

- Phải ăn để sống chứ, - Allan lịch sự đáp và đánh giá cao chất lượng của bánh mì Nga. - Tuy nhiên, Yury thân mến, tha lỗi cho tôi nếu tôi mạn phép đặt một hai câu hỏi chứ?

- Tất nhiên, Allan thân mến. Cứ hỏi đi, tôi sẽ sức trả lời.

Allan nói rằng thực tình ông không lắng nghe khi Yury vừa ba hoa về chính trị, bởi vì chính trị không phải là thứ Allan quan tâm lắm trong thế giới này. Thêm nữa, ông nhớ rõ rằng đêm hôm trước Yury đã hứa không nói chuyện theo hướng này.

Tuy thế, Allan đã để ý đến mô tả của Yury về nhược điểm trong nhân cách của Nguyên soái Beria. Allan tin rằng mình đã từng gặp những người loại đó. Một mặt, nếu Allan hiểu chính xác, thì Nguyên soái Beria rất tàn nhẫn. Mặt khác, ông ta lại vô cùng chăm sóc Allan, với chiếc xe limousine và tất cả mọi thứ.

- Đâm ra tôi thắc mắc tại sao ông ta không đơn giản là bắt cóc tôi và sau đó dùng bạo lực vắt của tôi ra những gì ông ta muốn biết, - Allan hỏi. - Thế thì ông ta sẽ không bị lãng phí kẹo dẻo mâm xôi, sôcôla ngon, hàng trăm ngàn đôla và rất nhiều thứ khác.

Yury cho biết bi kịch mà Allan vừa nêu cũng đã từng xảy ra. Nguyên soái Beria đã hơn một lần - dưới danh nghĩa cách mạng, tra tấn những người vô tội. Yury biết trường hợp đó. Nhưng

tình hình bây giờ, Yury cảm thấy rất khó để diễn đạt chính xác ý mình, nó là như thế, Yury rồi mở tủ lạnh lấy một lon bia mặc dù vẫn chưa đến 12 giờ trưa, tình hình là... Yury thừa nhận, Nguyên soái Beria mới đây đã thất bại trong chiến lược mà Allan vừa vẽ ra. Một chuyên gia phương Tây đã bị bắt cóc ở Thụy Sĩ và được đưa đến chỗ Nguyên soái Beria, nhưng tất cả đã kết thúc trong một mớ hỗn độn khủng khiếp.

Yury xin lỗi rằng mình không muốn nói nữa, nhưng Allan phải tin những gì Yury đã nói: bài học từ sự thất bại mới đây là các dịch vụ hạt nhân cần thiết, theo quyết định từ trên, sẽ được mua trên thị trường phương Tây dựa trên cung và cầu, dù là trắng trợn đến đâu.

o o o

Chương trình vũ khí nguyên tử của Liên Xô bắt đầu với một lá thư của nhà vật lý hạt nhân Georgij Nikolajevitch Flyorov gửi đồng chí Stalin, trong đó ông ta đã chỉ ra vào tháng 4 năm 1942 rằng trong các phương tiện truyền thông của liên minh phương Tây chưa từng nghe nhắc đến một tiếng hay có văn bản nào liên quan đến sự phân hạch hạt nhân kể từ khi nó được phát hiện vào năm 1939.

Đồng chí Stalin không phải là trẻ con. Và cũng giống như nhà vật lý hạt nhân Flyorov, Stalin nghĩ rằng sự im lặng chung trong ba năm quanh phát hiện về phân hạch chỉ có thể hiểu là có nhiều điều để nói, chẳng hạn như ai đó trong quá trình chế tạo quả bom sẽ ngay lập tức đặt Liên bang Xô Viết - nói theo kiểu Nga là - vào thế chiếu tướng.

Như vậy là không thể chần chừ, nếu không phải vì tình tiết nhỏ là Hitler và Đức Quốc xã đã hầu như chiếm hết các phần mà Liên Xô thâm tóm - có nghĩa là toàn bộ phía tây sông Volga, gồm cả Moskva, và tệ hơn là ngay cả Stalingrad?

Trận Stalingrad, nhìn một cách nhẹ nhàng, là một vấn đề cá nhân với Stalin. Tất nhiên, khoảng một triệu rưỡi người đã chết, nhưng Hồng quân chiến thắng và bắt đầu đẩy Hitler lùi lại, cuối cùng là đến tận đường hầm ở Berlin.

Tận đến khi người Đức phải rút lui thì Stalin mới cảm thấy an toàn về bản thân và đất nước mình có tương lai, nhưng rồi sau đó mọi thứ lại thay đổi khi động đến nghiên cứu phân hạch, như một biến thể hiện đại hơn của bảo hiểm nhân thọ đã hết hạn từ lâu dưới cái tên Hiệp ước Ribbentrop-Molotov.

Nhưng tất nhiên, bom nguyên tử không phải là thứ có thể làm xong trong một buổi sáng, đặc biệt là khi thậm chí nó còn chưa được phát minh ra. Công việc nghiên cứu bom nguyên tử của Liên Xô đã được tiến hành một vài năm mà không có tiến triển nào cho đến ngày có một vụ nổ ở New Mexico.

Người Mỹ đã thắng cuộc đua, nhưng điều đó không có gì đáng ngạc nhiên vì họ đã bắt đầu chạy đua từ sớm hơn nhiều. Và sau thử nghiệm ở sa mạc New Mexico, đã có hai vụ nổ thật: một ở Hiroshima, cái kia ở Nagasaki. Bằng vào đó, Truman đã véo mũi Stalin, cho thế giới thấy ai nắm quyền quyết định, và kể cả những người không biết Stalin cũng có thể hiểu rằng ông sẽ không chịu bó tay trước tình hình như vậy.

- Giải quyết vấn đề đi, - đồng chí Stalin nói với Nguyên soái Beria. - Tôi nói rõ là: Giải quyết vấn đề!

Nguyên soái Beria nhận ra rằng các nhà vật lý, nhà hóa học và toán học của mình đã sa lầy, và tổng một nửa số họ đến trại tù Gulag cũng chẳng giúp được gì. Bên cạnh đó, nguyên soái không nhận được dấu hiệu nào cho thấy các nhân viên trong lĩnh vực này phá khóa tại cơ sở Los Alamos và đoạt lấy báu vật. Vào thời điểm này thì không thể ăn cắp bản thiết kế của người Mỹ.

Giải pháp là họ sẽ phải nhập khẩu tri thức, điều quyết định trong việc bổ sung vào những gì họ đã biết ở trung tâm nghiên cứu tại thành phố bí mật Sarov cách Moskva vài giờ xe chạy về phía đông nam. Vì Nguyên soái Beria chỉ chấp nhận cái gì tốt nhất, ông đã nói với người lãnh đạo bộ tình báo quốc tế:

- Lấy Albert Einstein về xem sao.

- Nhưng... Albert Einstein... - Vị sếp tình báo quốc tế lắp bắp.

- Albert Einstein là bộ não sắc bén nhất trên thế giới. Ông định làm như tôi nói, hay đang muốn chết? - Nguyên soái Beria nói.

Viên sếp tình báo quốc tế vừa quen một phụ nữ mới trong đời và không có gì trên trái đất này thơm như cô ấy, vì vậy ông không muốn chết tí nào. Nhưng trước khi viên sếp tình báo quốc tế kịp nói ra điều này với Nguyên soái Beria, thống chế đã ra lệnh:

- Giải quyết vấn đề. Tôi nói rõ ràng hơn: Giải quyết vấn đề!

Tất nhiên, nó chẳng dễ dàng gì để bắt Albert Einstein rồi đóng gói gửi đi Moskva.

Trước hết, họ phải tìm ra ông ta. Ông sinh ở Đức, nhưng đã chuyển tới Ý, sau đó đến Thụy Sĩ và Mỹ, và từ đó, ông đi qua lại giữa tất cả các nơi này vì đủ thứ lý do.

Hiện thời ông có nhà riêng ở New Jersey, nhưng theo các điệp viên tại chỗ, ngôi nhà dường như bỏ không. Thêm nữa, nếu có thể, Nguyên soái Beria muốn vụ bắt cóc xảy ra ở châu Âu. Đưa lậu người nổi tiếng ra khỏi Hoa Kỳ và xuyên qua Đại Tây Dương không phải dễ.

Nhưng ông ta ở đâu? Ông hiếm khi hoặc không bao giờ nói với mọi người mình đi đâu trước một chuyến đi, và khét tiếng là đã đến muộn vài ngày cho những cuộc họp quan trọng đã định trước.

Viên sếp tình báo quốc tế đã viết một danh sách các địa điểm liên quan gần gũi với Einstein, rồi cử đến mỗi nơi một điệp viên để theo dõi. Tất nhiên, cả nhà của ông ta ở New Jersey, và nhà của bạn thân nhất của ông ở Genève. Ngoài ra là cả phát ngôn viên của Einstein ở Washington và hai người bạn khác, một ở Basel, một ở Cleveland, Ohio. Mất vài ngày kiên trì chờ đợi, nhưng rồi cũng có kết quả - dưới hình ảnh một người đàn ông mặc áo mưa màu xám, cổ dựng lên và đội mũ. Người đàn ông đi bộ đến nhà Michele Besso, bạn thân nhất còn sống của Albert Einstein. Ông ta bấm chuông cửa và được chính Besso chân thành và nhiệt tình chào đón, ngoài ra còn có một cặp vợ chồng già, họ cần được điều tra thêm. Điệp viên theo dõi đã triệu tập đồng nghiệp đang thi hành phận sự ở cách Basel 250 km, và sau hàng tiếng đồng hồ nhòm qua cửa sổ, so sánh với những bộ ảnh mà họ mang theo, hai điệp viên đi đến kết luận rằng đây chính là Albert Einstein, đến thăm người bạn thân nhất của mình. Cặp vợ chồng già có lẽ là anh rể của Michele Besso và vợ ông ta, Maja, em gái của Albert Einstein. Một cuộc gặp mặt gia đình?

Albert ở đó với bạn mình và vợ chồng em gái suốt hai ngày theo dõi, trước khi lại mặc áo khoác, đi găng đội mũ và rời đi, cũng kín đáo như khi đến.

Nhưng ông không đi xa hơn được khúc quanh thì đã bị tóm lấy từ phía sau rồi nhanh như chớp bị đẩy vào ghế sau một chiếc xe hơi và gây mê bằng chất chloroform.

Sau đó ông được đưa qua Áo tới Hungary nơi có quan hệ hữu hảo với liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết, vì thế

không chất vấn lời thôi khi phía Liên Xô tỏ ý muốn hạ cánh xuống sân bay quân sự ở Pécs lấy nhiên liệu cho máy bay, nhân tiện đón hai công dân Xô Viết và một người đàn ông rất buồn ngủ, rồi ngay lập tức cất cánh đi về đâu không rõ.

Ngày hôm sau, họ bắt đầu thẩm vấn Albert Einstein trong các cơ sở của công an mật ở Moskva, do Nguyên soái Beria phụ trách. Câu hỏi là liệu Einstein có chọn hợp tác, vì lợi ích sức khỏe bản thân, hay phản đối mà chẳng giúp được ai.

Tiểu thay, nó hóa ra lại là cái sau. Albert Einstein không chịu thừa nhận rằng mình từng nghĩ đến kĩ thuật phân hạch hạt nhân (mặc dù ai cũng biết ngay từ năm 1939, ông đã liên lạc với Tổng thống Roosevelt về vấn đề này, từ đó đã dẫn đến dự án Manhattan). Thực ra, thậm chí Albert Einstein còn không nhận mình là Albert Einstein. Ông khẳng khẳng với sự bướng bỉnh ngu ngốc rằng thực ra mình là em trai của Albert Einstein, Herbert Einstein. Tuy nhiên, Albert Einstein không có em trai mà chỉ có một em gái thôi. Do đó, đương nhiên trò lừa đảo này không qua mắt được Beria và các điều tra viên của ông, và họ sắp xuống tay bạo lực thì một chuyện đáng chú ý đã xảy ra ở Đại lộ số Bảy ở New York, phía bên kia của thế giới.

Ở đó, tại phòng Carnegie, chính Albert Einstein đang thuyết trình bài giảng nổi tiếng về thuyết tương đối, với khán giả là hai nghìn tám trăm khách mời đặc biệt, trong đó có hai gián điệp của Liên Xô.

Hai Albert Einstein thành ra thừa mất một cho Nguyên soái Beria, cho dù một người ở phía bên kia Đại Tây Dương. Chẳng bao lâu có thể xác định rằng người ở phòng Carnegie là thật, thế thì gã chết tiệt kia là ai?

Bị đe dọa phải chịu những điều mà không ai muốn chịu, Albert Einstein rơm hứa sẽ làm rõ mọi chuyện cho Nguyên soái Beria.

- Ông sẽ được biết rõ ràng về mọi thứ, thừa nguyên soái, miễn là ông đừng ngắt lời tôi, - Albert Einstein rồm đã hứa.

Nguyên soái Beria hứa sẽ không ngắt lời ông ta bằng bất cứ cái gì khác ngoài một viên đạn trong đầu Einstein rồm, và rằng ông sẽ đợi để làm điều đó ngay nếu biết rõ ràng mình đang nghe toàn những lời dối trá.

- Đấy, ông cứ tiếp tục đi. Đừng để tôi phải ngăn lại, - Nguyên soái Beria nói và lên cò súng.

Người đàn ông trước đó đã tuyên bố rằng mình là Herbert, em trai không ai biết của Albert Einstein, hít một hơi thật sâu và bắt đầu bằng cách... nói y như thế một lần nữa (suýt nữa thì bị bắn ngay lúc đó).

Câu chuyện tiếp theo, nếu đúng là sự thật, buồn đến nỗi nguyên soái Beria không thể giết ngay người kể.

Herbert Einstein nói rằng Hermann và Pauline Einstein đã thực sự có hai con: con trai đầu lòng Albert, sau đó là con gái Maja. Về chuyện đó, nguyên soái đã đúng. Nhưng sự tình là bố của Einstein đã không giữ nổi đôi tay và các bộ phận khác của cơ thể mình rời khỏi cô thư ký xinh đẹp (nhưng trí thông minh rất hạn chế) tại nhà máy điện hóa học mà ông điều hành ở Munich. Điều này làm nên bí mật của Herbert, Albert và Maja và người em không hợp pháp.

Đúng như các điệp viên của nguyên soái đã xác định, Herbert gần như một bản sao chính xác của Albert, mặc dù trẻ hơn mười ba tuổi. Tất nhiên, từ vẻ bên ngoài, người ta không thấy được là Herbert đã không may thừa hưởng tất cả trí thông minh của mẹ mình. Hoặc cũng thiếu như mẹ.

Năm 1895, khi Herbert được hai tuổi, gia đình đã di chuyển từ Munich đến Milan. Herbert đi theo, nhưng mẹ ông thì không.

Tất nhiên bố Einstein đã đề nghị với bà một giải pháp thích hợp, nhưng mẹ Herbert không quan tâm. Bà không khoái thay xúc xích Đức bằng mì spaghetti, và tiếng Đức thay bằng... ngôn ngữ gì đó mà họ nói ở Ý. Thêm nữa, đứa bé quấy quá, nó gào thét suốt ngày đòi ăn và bình nhoe nhoét trong tã của mình! Nếu ai đó muốn đưa Herbert đi chỗ khác, cũng tốt thôi, nhưng bà không đi đâu cả.

Mẹ của Herbert nhận một số tiền khá lớn từ bố Einstein để sinh sống. Nghe đồn rằng sau đó, bà đã gặp một bá tước, người đã thuyết phục bà đầu tư tất cả tiền vào cái máy gần hoàn thành của mình để sản xuất của một thứ thần dược chữa khỏi mọi bệnh tật trên đời. Nhưng rồi bá tước đã biến mất, và chắc đã mang thần dược đi theo vì bà mẹ nghèo khổ của Herbert qua đời vài năm sau đó, bị bệnh lao.

Thế là Herbert lớn lên cùng với anh Albert và chị Maja. Nhưng để tránh scandal, bố Einstein đã quyết định rằng Herbert nên được gọi là cháu họ chứ không phải con trai ông. Herbert chưa bao giờ thật gần gũi với anh trai mình, nhưng ông yêu thương chị gái chân thành, dù bị buộc phải gọi là chị họ.

- Tóm lại, - Herbert Einstein nói, - tôi đã bị mẹ bỏ rơi và cha phủ nhận - và tôi thông minh như là một bao khoai tây. Suốt đời tôi chưa làm được việc gì hữu ích mà chỉ sống nhờ thừa kế từ cha tôi, và tôi chẳng có một ý tưởng tài năng nào.

Theo câu chuyện, nguyên soái Beria đã hạ súng lục xuống và gạt lại chốt an toàn. Câu chuyện có vẻ đáng tin, và nguyên soái thậm chí cảm thấy hơi nể sự tự ý thức mà gã Herbert Einstein ngu ngốc đã thể hiện rõ ràng.

Nên làm gì bây giờ? Nguyên soái đứng lên khỏi chiếc ghế trong phòng thẩm vấn. Vì mục đích an ninh, ông đã đặt sang một bên tất cả suy nghĩ đúng và sai, nhân danh cách mạng. Ông

đã có đủ rắc rối rồi, không cần thêm một gánh nặng khác. Nguyên soái quay sang hai bảo vệ ở cửa:

- Khử hẳn đi.

Rồi ông rời khỏi phòng.

o o o

Sẽ chẳng hay ho gì khi phải báo cáo đồng chí Stalin về vụ lộn xộn Einstein Herbert, nhưng Nguyên soái Beria đã gặp may, vì trước khi ông kịp gặp rắc rối, đã có một bước đột phá tại cơ sở Los Alamos tại New Mexico.

Trong những năm qua, hơn một trăm ba mươi nghìn người đã làm việc trong cái gọi là Dự án Manhattan, và đương nhiên nhiều hơn một người trong số họ trung thành với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng chưa một ai có thể tiến sâu vào những hành lang bí mật nhất nơi mà Liên Xô có thể thu được những bí mật sâu thẳm nhất về bom nguyên tử.

Nhưng bây giờ họ biết điều gì đó quan trọng gần như thế. Họ biết rằng có một người Thụy Điển đã giải được câu đố, và họ biết tên ông ta!

Sau khi đã huy động toàn bộ mạng lưới tình báo Thụy Điển, nó chỉ mất chừng mười hai tiếng để tìm hiểu Allan Karlsson đang ở tại khách sạn Grand, Stockholm, và theo tin tình báo Liên Xô, cả ngày ông chỉ đi thơ thẩn sau khi sắp của chương trình vũ khí nguyên tử Thụy Điển tuyên bố không cần tuyển dụng Karlsson.

- Vấn đề là ai lập kỉ lục thế giới về ngu dốt, - Nguyên soái Beria tự nhủ. - Sếp của chương trình vũ khí nguyên tử Thụy Điển hay mẹ của Herbert Einstein...

Lúc này, Nguyên soái Beria đã chọn một chiến thuật khác. Thay vì dùng vũ lực bắt người, Allan Karlsson sẽ được thuyết

phục để đổi kiến thức của mình lấy một khoản đôla Mỹ đáng kể. Và người đầu tiên được trao nhiệm vụ thuyết phục phải là một nhà khoa học như Allan Karlsson chứ không phải là một điệp viên lúng túng và vụng về. Còn điệp viên ở đây (để cho an toàn) ngồi sau tay lái làm tài xế riêng cho Yury Borisovich Popov, nhà vật lý có lẽ là xuất sắc nhất trong nhóm vũ khí nguyên tử của Nguyên soái Beria.

Và báo cáo hiện nay là mọi thứ đã đi theo kế hoạch, Yury Borisovich đang trên đường trở về Moskva, mang theo Allan Karlsson - và Karlsson đã tỏ ra tích cực giúp đỡ họ.

o o o

Nguyên soái Beria có văn phòng tại Moskva ở bên trong điện Kremlin, đồng chí Stalin muốn như vậy. Đích thân nguyên soái ra gặp Allan Karlsson và Yury Borisovich khi họ bước vào tiền sảnh.

- Chân thành chào đón ông, ông Karlsson, - Nguyên soái Beria nói và bắt tay ông.

- Cảm ơn nguyên soái, - Allan đáp.

Nguyên soái Beria không phải là kiểu người ngồi tán gẫu những chuyện vô bổ. Ông nghĩ cuộc sống quá ngắn để làm điều đó (dù sao ông cũng không giao tiếp tốt lắm). Vì vậy, ông nói với Allan:

- Nếu tôi hiểu các báo cáo một cách chính xác thì ông, ông Karlsson, sẵn sàng hỗ trợ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên Xô về vấn đề hạt nhân để đổi lấy thù lao 100.000 đôla.

Allan đáp ông không nghĩ nhiều lắm đến tiền, nhưng sẽ vui lòng giúp Yury Borisovich một tay nếu cần và có vẻ nó đang cần. Nhưng sẽ tiện hơn nếu nguyên soái cùng với quả bom nguyên tử có thể đợi đến hôm sau, vì chuyến đi mới đây quá là dài.

Nguyên soái Beria đáp ông hiểu rằng cuộc hành trình khiến ông Karlsson khá mệt mỏi, và họ sẽ sớm ăn tối với đồng chí Stalin, sau đó, ông Karlsson có thể nghỉ ngơi trong phòng hạng nhất của điện Kremlin.

Đồng chí Stalin không hà tiện về thức ăn. Có trứng cá hồi và cá trích, dưa chuột muối, salad thịt và rau nướng, súp rau chua, thịt viên nhồi pelmeni, bánh rán blini, sườn cừu, bánh pirogues với kem. Kèm theo là rượu vang nhiều loại khác nhau và tất nhiên cả vodka. Và nhiều vodka hơn nữa.

Ngồi quanh bàn là đích thân đồng chí Stalin, Allan Karlsson từ Yxhult, nhà vật lý hạt nhân Yury Borisovich Popov, sếp an ninh của Liên Xô - Nguyên soái Lavrenty Pavlovich Beria và một người đàn ông trẻ, gần như vô hình, không ăn cũng không uống. Anh ta là thông dịch viên, và họ giả vờ như anh không có ở đó.

Stalin có tinh thần phấn chấn ngay từ đầu. Lavrenty Pavlovich luôn luôn được việc! OK, ông đã nhầm lẫn với Einstein, chuyện đến tai Stalin, nhưng nó xong rồi. Thêm nữa, Einstein (thực) chỉ có bộ não, còn Karlsson có kiến thức chính xác và chi tiết!

Và hơn thế, Karlsson có vẻ là một người tử tế. Ông đã kể với Stalin về xuất thân của mình, mặc dù rất ngắn gọn. Cha ông đã chiến đấu cho chủ nghĩa xã hội ở Thụy Điển và sau đó sang Nga với cùng mục đích. Đáng ngưỡng mộ thực sự! Về phần mình, người con trai đã chiến đấu trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha và Stalin không ngại cảm đến mức phải hỏi là cho phe nào. Sau đó, ông đã đi du lịch đến Mỹ (chắc phải bỏ chạy, Stalin giả định) và tình cờ phục vụ quân Đồng minh... và điều đó có thể được tha thứ, chính bản thân Stalin, nói cho cùng, cũng làm tương tự ở cuối cuộc chiến tranh.

Sau khi ăn món chính vài phút, Stalin đã biết cách hát chúc rượu kiểu Thụy Điển ‘Helan går, sjunghoppfaderallanlallanlej’ mỗi lúc họ cụng ly. Để đáp lại, Allan đã ca ngợi giọng hát của Stalin, khiến ông kể ra hồi trẻ, mình không chỉ hát trong dàn đồng ca mà thậm chí còn là một nghệ sĩ độc tấu tại các đám cưới, và rồi ông đứng dậy, chứng minh bằng cách nhảy quanh sàn nhà, vung vẩy tay chân tứ tung để hát một bài mà Allan nghĩ gần như... kiểu Ấn Độ... nhưng khá hay!

Allan không biết hát, đơn giản là ông không thể làm gì mang tí giá trị văn hóa, ông ý thức điều đó, nhưng đang hứng nên vẫn cố tìm cái cái gì đó hơn là chỉ ‘Helan går...’, và cái duy nhất ông có thể nhớ ngay ra là bài thơ của Verner von Heidenstam mà giáo viên trung học ở làng của Allan đã bắt bọn trẻ phải ghi nhớ.

Vì vậy, khi Stalin trở lại chỗ ngồi thì Allan đứng lên và tuyên bố bằng tiếng quê hương Thụy Điển:

Thụy Điển, Thụy Điển, quê hương ta

Nơi chốn ta khao khát,

Mái nhà ta trên trái đất này

Giờ là lúc vùng lên, những đoàn quân thấp lửa, làm nên truyền thuyết.

Tay trong tay, người thề lời thề xưa vĩnh viễn trung thành.

Lúc mới tám tuổi, Allan không hiểu những gì mình đọc, và giờ đây đọc lại một lần nữa bài thơ, với màn trình diễn đầy ấn tượng, ông nhận ra rằng ba mươi bảy năm sau, mình vẫn chẳng hiểu nó nói về cái gì. Nhưng dù sao nó bằng tiếng Thụy Điển nên phiên dịch Nga-Anh (như cái bóng) ngồi im thin thít trên ghế và càng có vẻ vô hình hơn.

Tuy nhiên Allan, (sau khi những tràng pháo tay đã tắt), công bố rằng mình vừa đọc thơ Verner von Heidenstam. Lẽ ra Allan nên nhin mồm dừng cung cấp thông tin đó, mà chỉnh sửa một tí sự thật, nếu ông biết được đồng chí Stalin sẽ phản ứng thế nào.

Thực tế là đồng chí Stalin vốn là một nhà thơ, thậm chí là một tài năng nữa. Tuy tinh thần của thời đại đã khiến ông trở thành một chiến sĩ cách mạng thay vì nhà thơ nhưng nền tảng thơ ca vẫn còn đó, và dù sao Stalin vẫn quan tâm đến thơ ca và am hiểu về các nhà thơ đương đại hàng đầu.

Khổ thay cho Allan, Stalin biết rất rõ Verner von Heidenstam là ai. Và khác với Allan, ông biết tất cả về tình yêu của Verner von Heidenstam với nước Đức. Và tình yêu đó có qua có lại. Cánh tay phải của Hitler, Rudolf Hess, đã đến thăm nhà của Heidenstam trong những năm 1930, và ngay sau đó Heidenstam đã được trao tặng bằng tiến sĩ danh dự của trường đại học ở Heidelberg.

Tất cả điều này khiến tâm trạng của Stalin thay đổi đột ngột.

- Có phải ông Karlsson ngồi ở đây và xúc phạm chủ nhà đã hào phóng đón tiếp ông với vòng tay rộng mở? - Stalin nói.

Allan cam đoan rằng không phải thế. Nếu Heidenstam đã làm ông Stalin khó chịu thì Allan hết sức xin lỗi. Có lẽ điều an ủi là Heidenstam đã chết vài năm rồi?

- Thế 'sjunghoppfaderallanlallanlej' thực sự có nghĩa là gì? Nó có phải là một cách tôn kính kẻ thù cách mạng, mà ông dám bắt chính Stalin phải nhắc lại? - Stalin luôn nói về mình ở ngôi thứ ba khi ông nổi giận.

Allan đáp ông cần một thời gian suy nghĩ để có thể dịch ‘sjunghoppfaderallanlallanlej’ sang tiếng Anh, nhưng ông Stalin có thể yên tâm rằng nó là không khác hơn một câu cảm thán vui vẻ.

- Một câu cảm thán vui vẻ à? - Đồng chí Stalin cao giọng.
- Ông Karlsson nghĩ rằng Stalin trông giống như một người ham vui sao?

Allan bắt đầu mệt mỏi với sự nhạy cảm quá mức của Stalin. Ông già mặt đỏ bừng, rất tức giận, chẳng vì lí do gì. Stalin tiếp tục:

- Thế thực sự ông đã làm gì trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha? Tốt nhất là phải hỏi người hâm mộ Heidenstam - ông chiến đấu cho phe nào?

Ông có một giác quan thứ sáu hay sao, đồ quỷ? Allan nghĩ. Ôi chà, ông ta đã tức giận hết mức có thể, cho nên có lẽ cứ nói thật ra cho xong.

- Tôi đã không thực sự chiến đấu, thưa ông Stalin, nhưng đầu tiên tôi đã giúp những người cộng hòa, và cuối cùng, tình cờ tôi đổi bên và trở thành bạn tốt với Tướng Franco.

- Tướng Franco? - Stalin gầm lên, và đứng bật dậy làm chiếc ghế sau lưng ông đổ kèn ra.

Hóa ra còn có thể giận dữ hơn nữa. Trong cuộc sống đầy biến cố của Allan, đôi khi có người quát vào mặt ông, nhưng ông không bao giờ bao giờ quát lại, và cũng chẳng định làm thế trước mặt Stalin. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là ông chẳng phản ứng gì. Ngược lại, ông đã nhanh chóng biết cách chọc tức người đang lớn tiếng ở phía bên kia, theo cách của mình.

- Và không chỉ vậy, ông Stalin ạ. Tôi đã ở Trung Quốc để gây chiến chống lại Mao Trạch Đông, trước khi đến Iran ngăn chặn một nỗ lực ám sát Churchill.

- Churchill ư? Con lợn béo đó? - Stalin hét lên.

Stalin định thần một lúc trước khi nốc cạn ly vodka đầy. Allan nhìn một cách ghen tị, ông cũng muốn một ly, nhưng bụng bảo dạ đây không phải là lúc để đưa ra yêu cầu loại đó.

Nguyên soái Beria và Yury Borisovich chẳng nói gì. Nhưng biểu hiện trên mặt họ khác nhau. Trong khi Beria nhìn chằm chằm vào Allan một cách giận dữ thì Yury chỉ có vẻ đau khổ.

Stalin dốc hết chỗ vodka vừa rót rồi hạ giọng xuống mức bình thường. Ông vẫn còn tức giận.

- Stalin hiểu như vậy có chính xác không? - Stalin nói. - Ông đã về phe Franco, đã chiến đấu chống lại đồng chí Mao, ông đã... cứu mạng con lợn đó ở London và đã đặt vũ khí nguy hiểm nhất thế giới vào tay bọn tư bản đầu sỏ ở Mỹ.

- Ta đáng lẽ phải biết rõ chuyện này chứ, - Stalin lầm bầm và trong cơn tức giận quên mất phải nói ở ngôi thứ ba. - Và bây giờ ông đang ở đây để bán mình cho chủ nghĩa xã hội Liên Xô? Một trăm ngàn đôla, là mức giá cho linh hồn ông? Hay giá đã tăng lên trong buổi tối nay rồi?

Allan không còn muốn giúp nữa. Tất nhiên, Yury vẫn là một người đàn ông tốt và thực sự cần giúp đỡ. Nhưng thực tế vẫn là kết quả công việc của Yury sẽ rơi vào tay đồng chí Stalin, và ông ta không phải là đồng chí như Allan nghĩ. Ngược lại, ông ta có vẻ thất thường, và có lẽ lạnh nhất là đừng cho ông ta quả bom để nghịch.

- Không hẳn thế, - Allan đáp, - ngay từ đầu nó chưa bao giờ là chuyện tiền bạc...

Ông chưa nói hết thì Stalin đã lại nổi lời đình.

- Ông tưởng ông là ai, đồ chuột cống khốn kiếp? - Stalin gầm lên. - Ông có nghĩ là mình, một đại diện của chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa tư bản Mỹ kinh tởm, hiện thân cho mọi thứ mà Stalin khinh miệt nhất trên trái đất, ông, ông dám đến điện Kremlin, điện Kremlin, và mặc cả với Stalin, mặc cả với Stalin?

- Tại sao ông nói cái gì cũng hai lần? - Allan thắc mắc, trong khi Stalin tiếp tục:

- Liên Xô đang chuẩn bị cho chiến tranh lần nữa, tôi báo ông biết! Sẽ có chiến tranh, chắc chắn sẽ có chiến tranh đến khi nào đế quốc Mỹ bị xóa sổ.

- Ồ, thế à? - Allan đáp.

- Để chiến đấu và giành chiến thắng, chúng ta không cần bom nguyên tử chết tiệt của ông! Những gì chúng ta cần là trái tim và linh hồn xã hội chủ nghĩa! Người cảm thấy không bao giờ có thể bị đánh bại thì sẽ không bao giờ bị đánh bại!

- Tất nhiên trừ phi có ai đó thả một quả bom nguyên tử vào anh ta, - Allan đáp.

- Ta sẽ tiêu diệt chủ nghĩa tư bản! Người nghe chưa! Ta sẽ tiêu diệt từng tên tư bản một! Và ta sẽ bắt đầu với người, đồ chó, nếu người không giúp ta chế tạo bom!

Allan để ý thấy trong khoảng một phút mình đã hóa thành cả chuột và chó. Và Stalin rõ ràng không lành mạnh lắm, vì cuối cùng vẫn định dùng dịch vụ của Allan.

Nhưng Allan thì sẽ không ngồi nghe sỉ nhục mình nữa. Ông đến Moskva để giúp họ một tay chứ không phải để bị quát vào mặt. Bây giờ thì kệ Stalin tự lo.

- Tôi đang nghĩ một điều, - Allan nói.
- Cái gì? - Stalin giận dữ hỏi.
- Tại sao ông không cạo bộ ria mép đó đi?

Thế là bữa tối chấm dứt bởi vì phiên dịch ngắt xiu.

o o o

Kế hoạch lập tức đảo lộn hết. Allan không bao giờ được đặt chân vào phòng khách sang nhất ở điện Kremlin mà phải vào phòng giam không có cửa sổ trong hầm rượu của công an mật nhà nước. Đồng chí Stalin cuối cùng đã quyết định rằng Liên Xô sẽ có một quả bom nguyên tử, do các chuyên gia của mình tìm ra cách chế tạo, hoặc qua hoạt động gián điệp đảng hoàng kiều cũ. Họ sẽ không bắt cóc bất kì người phương Tây nào nữa và chắc chắn sẽ không mặc cả với bọn tư bản phát xít hoặc cả hai.

Yury hết sức khở sở. Không chỉ vì ông đã thuyết phục Allan tốt bụng đến Liên Xô, nơi cái chết chắc chắn đang chờ đợi, mà còn vì đồng chí Stalin bộc lộ những nhược điểm tính cách như thế! Lãnh tụ vĩ đại thông minh, có giáo dục, nhảy rất giỏi và có giọng hát tốt. Và hơn hết, ông ta hoàn toàn điên rồ! Allan tình cờ trích dẫn một nhà thơ sai và trong một vài giây, bữa ăn tối thú vị đã biến thành một thảm họa...

Yury đã liều mạng cố gắng hết sức thận trọng nói chuyện với Beria về vụ xử tử Allan sắp xảy ra và hỏi liệu có giải pháp thay thế nào không.

Về vấn đề này, Yury đã đánh giá sai nguyên soái. Tất nhiên, ông ta đã dùng bạo lực với phụ nữ và trẻ em, đã tra tấn và giết cả tội phạm lẫn người vô tội, và còn nhiều điều hơn thế nữa... nhưng cho dù nhiều lần hành xử đáng phẫn nộ, Nguyên

soái Beria đã làm một việc có ý nghĩa duy nhất vì lợi ích tối cao của Liên Xô.

- Đừng lo lắng, Yury Borisovich thân mến của tôi, ông Karlsson sẽ không chết đâu. Ít nhất là chưa.

Nguyên soái Beria giải thích rằng ông dự định giữ Allan Karlsson ở một nơi nào đó biệt lập để phòng khi Yury Borisovich và các nhà khoa học của mình tiếp tục thất bại không chế tạo được bom trong thời hạn cho phép. Lời giải thích ngầm ẩn chứa sự đe dọa, và Nguyên soái Beria rất hài lòng với điều đó.

o o o

Trong khi chờ đợi xét xử, Allan ngồi ở một trong rất nhiều phòng giam tại trụ sở của công an mật. Điều duy nhất xảy ra là mỗi ngày Allan được phục vụ một ổ bánh mì, ba mươi gam đường và ba bữa ăn nóng (súp rau, súp rau và súp rau).

Đồ ăn trong điện Kremlin chắc chắn ngon hơn là ở phòng giam. Nhưng Allan nghĩ rằng mặc dù món súp có vị như thế song ít nhất ông còn có thể bình yên thưởng thức nó mà không bị ai đứng đó quát tháo vì những lý do không thể hiểu nổi.

Chế độ ăn uống mới này kéo dài sáu ngày đến khi tòa án an ninh đặc biệt triệu tập một phiên tòa. Phòng xử án, cũng như phòng giam của Allan, đặt tại trụ sở hoành tráng của công an mật cạnh quảng trường Lubyanka, nhưng cao hơn một vài tầng. Allan ngồi trên ghế trước mặt một thẩm phán ở sau cái bục. Bên trái của vị thẩm phán là công tố viên, một người đàn ông với khuôn mặt ảm đạm, và luật sư bảo vệ của Allan, người này mặt cũng ảm đạm nốt.

Để bắt đầu, công tố viên nói gì đó bằng tiếng Nga mà Allan không hiểu. Sau đó, luật sư bào chữa nói gì đó khác bằng tiếng Nga mà Allan mù tịt. Rồi thẩm phán gật đầu như thể đang suy

nghĩ, trước khi mở ra đọc lên một tờ giấy nhỏ (để chắc chắn rằng mình hiểu đúng) và sau đó công bố phán quyết của tòa án:

- Tòa án đặc biệt buộc tội Allan Emmanuel Karlsson, công dân vương quốc Thụy Điển, là một yếu tố gây nguy hiểm cho xã hội xã hội chủ nghĩa Xô viết, nhận án ba mươi năm trong trại cải tạo tại Ulapostok.

Thẩm phán thông báo cho người bị kết án là có thể xin chống án, và nó sẽ được Xô Viết tối cao xử trong thời hạn ba tháng kể từ ngày hôm nay. Tuy nhiên, luật sư bào chữa của Allan Karlsson đã thay mặt cho Allan Karlsson thông báo với tòa rằng họ sẽ không kháng án. Trái lại, Allan Karlsson rất biết ơn vì án nhẹ. Tất nhiên Allan không bao giờ được hỏi là có biết ơn hay không, nhưng bản án chắc chắn cũng có những mặt tốt của nó. Thứ nhất, bị cáo được sống, mà khi đã bị xếp là một yếu tố nguy hiểm thì rất hiếm. Và thứ hai, thực tế rằng ông sẽ được đưa đến trại Gulag tại Ulapostok nơi có khí hậu “dễ chịu” nhất ở Siberia. Thời tiết cũng không khắc nghiệt hơn ở quê nhà Södermanland nhiều lắm, trong khi xa hơn về phía bắc trong nội địa Nga có thể lạnh tới âm 50, âm 60 và thậm chí còn âm 70 độ C.

Thế là Allan đã may mắn rồi, và bây giờ ông bị tống vào một toa tàu chở hàng trống trải với khoảng ba mươi nhà bất đồng chính kiến may mắn khác. Số hàng đặc biệt này cũng đã được cấp mỗi tù nhân ba cái chăn sau khi nhà vật lý Yury Borisovich Popov đã hối lộ các lính gác và sếp trực tiếp của họ với một nắm rúp. Sếp của nhóm gác lấy làm lạ rằng một công dân ưu tú như vậy lại quan tâm đến chuyển vận chuyển đơn giản đến trại Gulag, và thậm chí anh ta còn định báo cáo cấp trên của mình, nhưng rồi nhớ ra là mình đã nhận tiền bạc nên có lẽ tốt nhất là đừng gây phiền phức.

Allan không dễ dàng gì tìm được ai đó trong toa xe chở hàng để nói chuyện, hầu như tất cả mọi người chỉ nói được tiếng Nga. Nhưng một người đàn ông khoảng năm mươi lăm tuổi có thể nói được tiếng Ý và vì Allan tất nhiên nói thạo tiếng Tây Ban Nha, nên họ có thể hiểu nhau khá tốt. Cũng đủ cho Allan hiểu rằng người đàn ông đã vô cùng đau khổ và suýt tự sát, nếu ông ta, tự nhận xét, không phải là một kẻ hèn nhát bên cạnh mọi thứ khác. Allan cố hết sức an ủi ông ta, nói rằng có lẽ mọi thứ sẽ đâu vào đó khi đoàn tàu đến Siberia, bởi vì ở đấy Allan nghĩ rằng ba cái chăn sẽ là không đủ nếu thời tiết ở trạng thái như thế.

Người Ý sụt sịt và co người lại. Rồi ông ta cảm ơn Allan đã động viên mình và bắt tay. Hóa ra ông ta vốn không phải là người Ý mà là người Đức. Herbert là tên ông ta. Họ của ông không liên quan gì, Herbert nói thêm.

o o o

Herbert Einstein chưa bao giờ gặp may mắn trong cuộc sống. Chỉ vì một rủi ro hành chính, ông đã bị kết án - giống như Allan - đến ba mươi năm trong trại cải tạo thay vì cái chết mà ông chân thành mong mỏi.

Và ông sẽ không chết cồng trên vùng băng giá Siberian nhờ mấy cái chăn được cho thêm. Ngoài ra, tháng Giêng năm 1948 là đỡ lạnh nhất trong năm. Nhưng Allan cam đoan rằng sẽ có nhiều khả năng mới cho Herbert. Sau cùng thì họ đang trên đường đến một trại lao động, cho nên, nếu không có gì thay đổi, ông có thể làm việc cho đến chết. Ông nghĩ sao?

Herbert thở dài đáp có lẽ mình quá lười biếng để làm điều đó, nhưng ông không dám chắc bởi vì cả đời ông chưa bao giờ lao động. Và ở đó, Allan có thể thấy sự khởi đầu. Bởi vì không

thể cử đi lại vẫn vờ trong một trại tù, nếu thế lính gác sẽ bắn cả đồng đạn vào người ngay.

Herbert thích ý tưởng này, nhưng đồng thời nó cũng làm cho ông khiếp đảm. Một đồng đạn, chẳng phải đau đớn kinh khủng lắm sao?

o o o

Allan Karlsson đã không đòi hỏi nhiều lắm trong cuộc sống. Ông chỉ muốn có một chiếc giường, rất nhiều đồ ăn, một cái gì đó để làm và thỉnh thoảng một ly vodka. Nếu có những thứ ấy, ông có thể chịu đựng hầu hết mọi thứ. Trại cải tạo ở Ulapostok cung cấp cho Allan mọi thứ ông muốn trừ vodka.

Thời đó, bến cảng ở Ulapostok gồm một phần mở và một phần đóng kín. Phần khép kín được bao quanh bởi một hàng rào cao hai mét, rào kín trại cải tạo Gulag với bốn mươi doanh trại màu nâu xếp hàng bốn cái một. Hàng rào chạy suốt xuống bến cảng. Các tàu chở tù nhân Gulag bỏ neo bên trong hàng rào, những người khác ở ngoài. Trong thực tế, mọi thứ gần như được thực hiện bởi các tù nhân, chỉ trừ những thuyền đánh cá nhỏ và các thuyền viên phải tự xoay sở, hoặc thỉnh thoảng là tàu chở dầu loại lớn hơn.

Trừ vài ngoại lệ, mọi ngày ở trại cải tạo Ulapostok đều giống nhau. Kẽng đánh thức các doanh trại vào sáu giờ sáng, ăn sáng mười lăm phút sau. Ngày làm việc kéo dài mười hai tiếng, từ 6 giờ rưỡi, với nửa tiếng nghỉ ăn trưa ở giữa. Ngay sau khi kết thúc ngày làm việc, có bữa ăn tối, rồi đến giờ bị nhốt lại cho đến sáng hôm sau.

Chế độ ăn uống khá đủ chất: chủ yếu là cá, nhưng hiếm khi dưới dạng súp. Lính canh trại không thân thiện lắm, nhưng ít nhất họ không bắn vào người ta mà không có nguyên nhân. Ngay cả Herbert Einstein cũng vẫn sống, dù trái với nguyện ước

riêng của ông. Tất nhiên ông làm việc chậm chạp hơn bất kì tù nhân nào khác, nhưng vì ông luôn đứng rất gần Allan chăm chỉ nên không ai để ý.

Allan không phản đối phải làm việc cho hai người. Tuy nhiên ông đề ra một nguyên tắc là Herbert không được đứng phần nào suốt ngày về cuộc sống của mình khổ sở như thế nào, bởi vì Allan đã hiểu và có trí nhớ tốt. Nói mãi một điều chẳng để làm gì.

Herbert vâng lời, và thế là OK, như hầu hết mọi thứ đều OK.

Nếu nó không bị thiếu vodka. Allan có thể chịu đựng chính xác là năm năm và ba tuần. Rồi ông nói:

- Giờ thì tôi muốn uống rất nhiều. Và chẳng có gì để uống ở đây. Vì vậy, đã đến lúc ra đi.

CHƯƠNG 17

Thứ Ba 10 tháng Năm, 2005

Mặt trời mùa xuân rực rỡ suốt chín ngày và mặc dù buổi sáng còn mát mẻ, Bosse đã dọn bàn ăn sáng trên hiên.

Benny và Người Đẹp dẫn Sonya ra khỏi xe vào cánh đồng đằng sau trang trại. Allan và Pike Gerdin ngồi trong sofa văng đu đưa nhẹ nhàng. Một người đã một trăm tuổi, còn người kia cảm thấy mình già trăm tuổi. Đầu đau nhói nhói, chỗ xương sườn bị gãy làm cho gã khó thở. Cánh tay phải của gã không cử động được, và tồi tệ nhất là vết thương sâu hoắm ở chân phải. Benny đến và gợi ý rằng tí nữa gã nên thay băng ở chân, nhưng tốt nhất là dùng trước một ít thuốc giảm đau loại mạnh. Sau đó, có thể dùng đến morphine vào buổi tối nếu cần thiết.

Rồi Benny quay trở lại chỗ Sonya, để Allan và Pike ngồi với nhau. Allan nghĩ rằng đó là lúc hai người đàn ông trò chuyện nghiêm túc hơn. Cụ bắt đầu bằng thương tiếc người... được gọi là Ốc Vít?... Ốc Vít đã thiệt mạng trong rừng Södermanland và anh chàng... Thùng Gỗ?... chẳng may cũng chết dưới móng Sonya ít lâu sau đó. Tuy nhiên, cả Ốc Vít và Thùng Gỗ đã, nói một cách nhẹ nhàng là, đe dọa họ, và có lẽ đó là một yếu tố giảm nhẹ. Ông Pike có nghĩ như vậy không?

Pike Gerdin đáp gã rất tiếc khi biết rằng hai đứa thanh niên đã chết, nhưng không ngạc nhiên lắm khi chúng bị áp đảo bởi một ông già trăm tuổi, dù có một ít trợ giúp, bởi vì cả hai đứa đều ngu đến tuyệt vọng. Kể duy nhất ngu hơn chúng là thành viên thứ tư của câu lạc bộ, Caracas, nhưng hắn đã trốn khỏi đất nước và đang trên đường về nhà mình ở một nơi nào đó thuộc Nam Mỹ, Pike không rõ lắm hắn đến từ đâu.

Rồi giọng Pike Gerdin đượm buồn, dường như gã cảm thấy tiếc cho chính mình, bởi vì Caracas là người có thể nói chuyện với dân bán cocaine ở Columbia, giờ thì Pike không còn phiên dịch viên cũng chẳng có tay sai để tiếp tục việc kinh doanh của mình. Gã ngồi đây, xương cốt gãy mà chỉ có Chúa mới biết là bao nhiêu chỗ trong cơ thể, và chẳng biết mình nên làm gì với đời mình nữa đây.

Cụ Allan an ủi gã và nói rằng chắc chắn có vài loại ma túy khác mà ông Pike có thể bán. Cụ chẳng biết gì nhiều về việc làm ăn với ma túy, nhưng ông Pike và Bosse Baddy có thể trông gì đó trong trang trại này chẳng?

Pike trả lời rằng Bosse Baddy là bạn thân nhất của mình trên đời, nhưng Bosse lại có nguyên tắc đạo đức chết tiệt của anh ta. Nếu không phải vì thế thì Pike và Bosse bây giờ có khi đã thành vua thịt viên ở châu Âu rồi.

Bosse làm gián đoạn nỗi buồn chung trong chiếc vũng với thông báo là bữa ăn sáng đã sẵn sàng. Ít nhất thì Pike cũng được nếm món gà mọng nước nhất trên thế giới, kèm với dưa hấu như được nhập khẩu trực tiếp từ Vương quốc thiên đường.

Sau khi ăn sáng, Benny băng bó vết thương ở đùi của Pike, rồi Pike giải thích rằng mình cần ngủ một giấc ngắn vào buổi sáng, nếu các bạn không phiền? Và các bạn tất nhiên không phiền.

Những tiếng đồng hồ tiếp theo ở trang trại Bellringer trôi qua như sau:

Benny và Người Đẹp dọn các thứ trong nhà kho để có thể sắp đặt một cái chuồng phù hợp và lâu dài hơn cho Sonya.

Julius và Bosse đi vào Falköping để mua đồ, và thấy ở đó các pano báo và tít bài chữ đậm về ông già trăm tuổi cùng với

đoàn tùy tùng của mình rõ ràng đã chạy điên cuồng khắp đất nước.

Sau bữa sáng, cụ Allan trở lại với chiếc võng để nghỉ ngơi. Cùng với Buster.

Còn Pike nằm ngủ.

Nhưng khi Julius và Bosse quay về sau khi mua sắm, họ lập tức triệu tập tất cả mọi người vào một cuộc họp quan trọng trong nhà bếp. Kể cả Pike Gerdin cũng buộc phải ra khỏi giường để có mặt.

Julius bắt đầu kể với họ những gì ông và Bosse đã thấy trên các pano báo ở khắp mọi nơi trong Falköping, và đọc các tờ báo.

Ai muốn thì có thể bình tĩnh và yên lặng đọc nó sau cuộc họp, nhưng tóm lại, người ta nói rằng đã có lệnh bắt giữ họ, tất cả, ngoại trừ Bosse đã không được đề cập tới, và Pike, người mà các tờ báo cho rằng đã chết.

- Tin sau cùng không hoàn toàn chính xác, nhưng tôi cảm thấy hơi khó ở, - Pike Gerdin nói.

Julius tiếp tục rằng tất nhiên bị nghi ngờ giết người là rất nghiêm trọng, cho dù cuối cùng nó có thể được gọi là cái gì khác. Rồi ông hỏi quan điểm của mọi người. Họ có nên gọi điện thoại báo cảnh sát là mình đang ở đâu và nộp mạng cho công lý không?

Trước khi có ai kịp nói họ nghĩ gì, Pike Gerdin găm lên và nói rằng nếu ai tự nguyện gọi điện và nộp mình cho cảnh sát thì phải bước qua cái xác đã chết một nửa của gã.

- Nếu mà như thế thì tôi sẽ lấy lại khẩu súng lục của tôi. Nhân tiện, cụ đã làm gì với nó rồi?

Allan đáp cự đã giấu khẩu súng lục vào một nơi an toàn, đầu cự thầm nghĩ về chỗ thuốc quái lạ mà Benny đã tống cho ông Pike. Thế ông Pike có đồng ý rằng nó cứ nên ẩn ở chỗ đó lâu hơn một chút không?

Chà, OK, Pike có thể chấp thuận, với điều kiện gã và ông Karlsson có thể làm quen.

- Tôi là Pike, - Pike nói, và bắt tay cự già trăm tuổi.

- Còn tôi là Allan, - cự Allan đáp. - Hân hạnh được gặp anh.

Vì vậy, bằng cách đe dọa sử dụng vũ khí (dù không có vũ khí), Pike đã quyết định rằng họ sẽ không khai báo bất cứ điều gì cho cảnh sát và công tố viên. Kinh nghiệm của gã là Luật pháp hiếm khi công minh như đòi hỏi lắm. Những người khác đồng ý. Ít nhất là vì lí do họ sẽ ra sao nếu lần này Luật pháp lại được thực thi nghiêm chỉnh.

Kết quả của cuộc thảo luận chóng vánh là chiếc xe tải màu vàng lập tức được giấu trong nhà kho khổng lồ của Bosse, cùng với cơ man đũa hầu chưa được xử lí. Nhưng họ cũng quyết định rằng người duy nhất có thể rời khỏi trang trại mà không cần sự cho phép của nhóm là Bosse Baddy - cũng là người duy nhất mà cảnh sát không truy tìm hoặc đoán là đã chết.

Về vấn đề họ nên làm gì khác trong tương lai, ví dụ làm gì với cái vali tiền và chỗ tiền đã được lấy ra từ phải sang trái để tiêu, nhóm đã quyết định để sau này hãy tính. Hoặc như Pike Gerdin nói:

- Tôi bị nhức đầu khi nghĩ đến nó, và lồng ngực tôi đau đớn khi hít vào để có thể nói ra rằng tôi bị nhức đầu vì nghĩ về nó. Lúc này, nếu có thì tôi sẽ trả năm mươi triệu cho một viên thuốc giảm đau.

- Đây là hai viên thuốc, - Benny nói. - Và nó miễn phí, tôi nói thêm.

o o o

Đó là một ngày bận rộn với Chánh Thanh tra Aronsson. Nhờ các loại truyền thông, họ đã bị chết chìm trong những lời khai báo về nơi ba kẻ sát nhân và đồng bọn đang ẩn náu. Tuy nhiên, lời khai duy nhất mà Chánh thanh tra Aronsson tin là của đồn phó cảnh sát ở Jönköping, Gunnar Löwenlind. Ông đã liên lạc và báo cáo rằng trên đường E4 phía nam Jönköping, đâu đó gần Råslätt, ông đã bắt gặp một chiếc xe tải chuyển nhà Scania màu vàng với đầu xe móp méo và chỉ có một đèn pha hoạt động. Nếu không vì đứa cháu trai đang bắt đầu ốm đang ngồi trên ghế trẻ con trong xe, Löwenlind đã gọi điện báo cáo cho bộ phận giao thông. Nhưng ông đã bận bịu với những thứ khác.

Chánh Thanh tra Aronsson ngồi thêm một buổi tối nữa ở quầy bar piano tại khách sạn Góc Hoàng gia ở Växjö, với những nhận định nghèo nàn để phân tích tình hình, trong lúc chệnh choáng hơi men.

- Đường E4 đi về hướng Bắc, - Chánh Thanh tra ngẫm nghĩ. - Họ sẽ trở lại Södermanland? Hay là sẽ trốn ở Stockholm?

Thế là ông quyết định rời khỏi khách sạn vào ngày hôm sau và về căn hộ ba phòng buồn thảm ở trung tâm Eskilstuna của mình. Ronny Hulth ở Trung tâm Giao thông tại Malmköping ít nhất còn có một con mèo để ôm. Göran Aronsson chẳng có gì, Göran Aronsson nghĩ và dốc nốt chỗ whisky còn lại cho buổi tối.

CHƯƠNG 18

1953

Trong năm năm và ba tuần, tất nhiên Allan đã học tiếng Nga khá chuẩn nhưng lại quên sạch chỗ tiếng Trung Quốc. Bến cảng là một nơi thực sự sống động, và Allan đánh bạn với những thủy thủ trở về, người có thể cập nhật cho ông về những gì đã xảy ra trên thế giới.

Một trong những điều đã xảy ra là Liên Xô đã nổ quả bom nguyên tử của mình một năm rưỡi sau cuộc gặp của Allan với Stalin, Beria và Yury Borisovich tốt bụng. Phương Tây nghi ngờ họ hoạt động gián điệp, bởi vì quả bom dường như được xây dựng theo nguyên tắc y hệt như kiểu Mỹ. Nhưng Allan thì nhớ lại hồi ở trên tàu ngầm, trong khi tu vodka thẳng từ chai, Yury thực sự đã có bao nhiêu gợi ý.

- Tôi ngờ rằng, Yury Borisovich đáng mến là một tổ sư về nghệ thuật vừa uống rượu vừa nghe chuyện cùng lúc, - ông nói.

Allan còn biết thêm là Mỹ, Pháp và Anh đã hợp nhất khu vực chiếm đóng của họ và thành lập nước cộng hòa liên bang Đức. Stalin nổi giận, ngay lập tức trả đũa bằng cách lập ra một nước Đức của mình, Tây Âu và Đông Âu mỗi bên đều có một nước Đức. Allan thấy nó nghe có vẻ thực tế.

Và vua Thụy Điển đã chết, theo như Allan đọc được trong một bài báo Anh, chẳng biết vì sao lại có trong tay một thủy thủ Trung Quốc, người nhớ ra mình đã từng trò chuyện với gã tù nhân Thụy Điển ở Vladisvostok nên đã mang nó theo. Khi tin đến với Allan thì nhà vua đã chết gần một năm rồi, nhưng cũng chẳng quan trọng. Và một vị vua mới ngay lập tức đã kế vị, do đó, mọi thứ ở cố hương đều OK.

Nhưng các thủy thủ ở cảng chủ yếu nói về cuộc chiến tranh Triều Tiên. Và cũng chẳng đáng ngạc nhiên lắm. Rốt cuộc thì Triều Tiên chỉ cách đây khoảng 200 km.

Theo như Allan hiểu thì tình hình là:

Bán đảo Triều Tiên gần như bị bỏ rơi khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Stalin và Truman mỗi bên chiếm một phần trong thỏa thuận anh em, quyết định rằng vĩ tuyến 38 sẽ phân chia ở từ bắc xuống nam. Điều đó kéo theo các cuộc đàm phán bất tận xem có nên để Triều Tiên tự trị hay không, nhưng vì Stalin và Truman bất đồng chính kiến (trên thực tế không phải về tất cả), mọi sự đã kết thúc như ở Đức. Đầu tiên, Mỹ thành lập ra Nam Triều Tiên, Liên Xô trả đũa bằng Bắc Triều Tiên. Rồi sau, cả Mỹ Liên Xô cùng buông tay, để Triều Tiên tự lo với hai miền của nó.

Nhưng chuyện không suôn sẻ lắm. Kim Il Sung ở miền Bắc và Syngman Rhee ở miền Nam, cả hai đều nghĩ rằng mình xứng đáng nhất để lãnh đạo toàn bộ bán đảo. Và họ bắt đầu gây chiến vì chuyện đó.

Nhưng sau ba năm với khoảng bốn triệu người chết, chẳng có gì thay đổi(trừ tất cả những người đã chết). Miền Bắc vẫn là miền Bắc và miền Nam là miền Nam. Và vĩ tuyến 38 vẫn chia cắt họ.

Về đồ uống, tức là lý do chính để trốn khỏi trại Gulag, cách tự nhiên nhất đương nhiên là lên vào một trong những con tàu bỏ neo ở cảng Ulapostok rồi đi. Nhưng ít nhất bảy người bạn của Allan trong trại đã từng nghĩ thế trong những năm qua, và cả bảy đã bị phát giác và xử tử. Mỗi khi chuyện đó xảy ra, những người khác trong lều đều khóc. Hầu hết, dường như cả Herbert Einstein. Chỉ có Allan để ý thấy Herbert ngồi phàn nàn rằng lần này lại cũng không phải là mình.

Một trong những khó khăn để lên vào tàu là thực tế đơn giản rằng mọi tù nhân đều mặc quần áo tù đen trắng. Bằng cách nào họ cũng không thể trà trộn vào đám đông. Bên cạnh đó, lối đi hẹp để lên tàu luôn được canh gác, và có chó nghiệp vụ đánh hơi tất cả các khối hàng được nâng lên tàu bằng cần trục.

Thêm vào đó, chẳng dễ dàng gì để tìm ra các tàu chịu nhận Allan như một hành khách lậu vé như thế. Rất nhiều tàu đi vào đại lục Trung Quốc, những tàu khác đến Wonsan trên bờ biển phía đông của Bắc Triều Tiên. Có lý do để tin rằng thuyền trưởng Trung Quốc hay Bắc Triều Tiên khi thấy một tù nhân Gulag trên tàu mình thì sẽ đuổi anh ta trở lại hoặc ném xuống biển (kết quả cuối cùng như nhau, nhưng ít thủ tục hành chính hơn).

Không, đi bằng đường biển khó mà thoát, mà ông thì rất muốn trốn. Đường bộ cũng có vẻ không dễ dàng hơn. Về phía bắc đi sâu vào Siberia lạnh giá đương nhiên là không được. Cũng không thể đi về phía Tây vào Trung Quốc.

Chỉ còn phía nam, Nam Triều Tiên, nơi họ chắc chắn sẽ được chăm sóc như người tị nạn Gulag, kẻ thù của cộng sản. Điều đáng tiếc duy nhất là Bắc Triều Tiên chắn ở giữa đường.

Chắc chắn sẽ có một số trở ngại trên đường đi, Allan ý thức về điều đó trước cả khi ông có thời gian vạch kế hoạch chạy trốn bằng đường bộ về phía nam. Nhưng việc gì phải lo lắng đến chết vì chuyện đó, vì ở đó chắc chắn sẽ chẳng có vodka.

Ông nên cố gắng trốn một mình hay cùng với ai đó? Trong trường hợp đó, nó sẽ là Herbert, dù ông ta thật thảm hại. Allan thực sự nghĩ rằng mình có thể dùng Herbert trong việc chuẩn bị. Thêm nữa đi hai người chắc chắn sẽ vui hơn chỉ một mình.

- Trốn ư? - Herbert Einstein hỏi. - Bằng đường bộ? Đến Nam Triều Tiên? Qua Bắc Triều Tiên?

- Đại loại thế, - Allan đáp. - Ít nhất đấy là một giả thuyết xem sao.

- Cơ hội để chúng ta sống sót chắc phải soi bằng kính hiển vi, - Herbert bảo.

- Cực kì nhỏ, - Allan đáp.

- Tôi đi với ông! - Herbert nói.

Sau năm năm, tất cả mọi người trong trại đều biết tù nhân số 133 - Herbert chẳng mấy khi nghĩ gì trong đầu, và nếu có ý nghĩ hiểm hoi nào thì chúng lại mâu thuẫn lẫn nhau.

Điều này khiến cho các lính canh tù khá khoan dung với Herbert Einstein. Nếu bất kì tù nhân nào khác không đứng theo qui định lúc xếp hàng lấy đồ ăn thì may mắn nhất là anh ta sẽ bị quất vào mặt, thứ hai, vẫn còn may, là bị thúc báng súng trường vào bụng, còn trong trường hợp xấu nhất, nó sẽ là vĩnh biệt.

Tuy nhiên, sau năm năm trong doanh trại Herbert vẫn bị lạc đường. Tất cả cùng màu nâu, cùng kích thước khiến anh ta không biết đường nào mà lần. Thức ăn luôn được dọn ra giữa trại 13 và 14, nhưng tù nhân số 133 có thể được tìm thấy lang thang cạnh trại số 7. Hoặc 19. Hoặc 25.

- Đồ chết tiệt, Einstein, - lính canh tù mắng. - Xếp hàng ăn chỗ kia kìa. Không, không phải ở đấy, kia kìa! Nó vẫn ở đấy từ đời tám hoánh nào!

Allan nghĩ rằng mình và Herbert có thể lợi dụng điều này. Tất nhiên họ có thể mặc quần áo tù trốn đi, nhưng với bộ vó đó thì sống quá một, hai phút cũng còn khó. Allan và Herbert cần phải có đồng phục lính. Và tù nhân duy nhất có thể đến

gần kho quân trang mà không bị bắn ngay lập tức khi phát hiện là số 133 Einstein.

Vì vậy, Allan hướng dẫn bạn mình phải làm gì. Chỉ việc “đi nhầm đường” vào giờ ăn trưa vì lúc đó các nhân viên tại kho quân trang cũng đi ăn trưa. Trong nửa tiếng đó, kho hàng chỉ được một người lính có súng máy ở tháp canh 4 trông chừng. Cũng như các lính canh khác, hẳn ta biết cái tật lạ lùng của tù nhân số 133, nên nếu nhìn thấy Herbert, có lẽ hẳn chỉ la mắng chứ không xả súng bắn ông ta. Và nếu Allan tính sai, thì cũng không quá tệ vì Herbert vẫn khao khát được chết từ lâu rồi.

Herbert nghĩ kế hoạch của Allan khá ổn. Nhưng đấy là những gì mà ông định làm, có thể nói như thế.

Và tất nhiên là hỏng việc. Herbert thực sự cố tình đi nhầm đường và lần đầu tiên sau bao nhiêu năm tìm đúng đến nơi xếp hàng lấy đồ ăn. Allan đã đứng ở đó, với một tiếng thở dài, ông đẩy nhẹ Herbert về phía kho quân trang. Nhưng vô ích, Herbert lạc một lần nữa và thấy mình bơ vơ trong phòng giặt ủi. Và ông ta tìm thấy gì ở đó, nếu không phải là một đồng đồng phục mới được giặt sạch và ủi?

Ông lấy hai đồng phục, giấu bên trong áo khoác của mình rồi quay lại khu trại lần nữa. Người lính trong tháp canh số bốn nhìn thấy nhưng thậm chí không buồn la mắng ông ta. Hẳn chắc mẩm là thằng ngu này đang tìm đường về trại của mình thôi.

- Một tin giặt gân đây, - ông lẩm bẩm một mình rồi quay lại như cũ, mơ màng về một cõi xa xôi nào đó.

Giờ thì Allan và Herbert đã có đồng phục lính trông như những tân binh kiêu hãnh của Hồng Quân. Bây giờ phải làm phần còn lại.

Thời gian gần đây, Allan nhận thấy số lượng tàu đi Wonsan Bắc Triều Tiên gia tăng đáng kể. Tất nhiên là Liên Xô không chính thức về phe Bắc Triều Tiên trong cuộc chiến tranh, nhưng rất, rất nhiều vật liệu chiến tranh đã được chở đến bằng xe lửa ở Ulapostok, rồi đưa lên các con tàu đến cùng một điểm. Tàu không ghi nơi đến, nhưng các thủy thủ có miệng thì nói, và Allan thì có ý hỏi họ. Đôi khi còn thể nhìn thấy hàng chở gì, ví dụ xe địa hình hoặc thậm chí cả xe tăng, trong khi vào những dịp khác chỉ chứa các container gỗ bình thường.

Allan nghĩ tới chuyện nghi binh như hồi ở Teheran sáu năm trước đó. Theo câu châm ngôn La Mã cũ, cứ làm những gì bạn làm tốt nhất, Allan nghĩ rằng có lẽ cần một ít pháo hoa. Và thế là các container đi Wonsan Bắc Triều Tiên lọt vào tầm ngắm. Allan không thể biết nhưng đoán rằng vài thùng trong số đó có chứa chất nổ và nếu một container như thế bắt lửa trong khu vực bến tàu, nếu nó bùng nổ không kiểm soát ở những chỗ khác nhau... thì chà, Allan và Herbert sẽ có cơ hội lẻn vào một góc, thay đồng phục của Liên Xô... và... chà, sau đó họ có thể lấy một chiếc xe hơi... có sẵn chìa khóa cắm ở ổ khởi động, đầy bình xăng, và chủ xe không phản đối. Rồi các cửa được canh gác phải được mở theo lệnh của Allan và Herbert, và một khi họ đã ra khỏi bến cảng và Gulag, không một ai nhận ra bất cứ điều gì kì lạ cả, không ai thấy mất chiếc xe bị đánh cắp và không ai đuổi theo họ. Và tất cả những rắc rối này chưa thấm vào đâu so với vấn đề làm thế nào họ vào được Bắc Triều Tiên và nhất là - làm thế nào để đi được từ miền Bắc xuống miền Nam.

- Có thể là tôi nghĩ hơi ngu, - Herbert nói. - Nhưng có vẻ như kế hoạch của ông chưa sẵn sàng lắm.

- Ông không ngu đâu, - Allan phản đối. - Chà, có lẽ một chút thôi, nhưng về chuyện này, ông hoàn toàn đúng. Càng nghĩ

về nó, tôi càng thấy chúng ta chỉ nên để thế đấy, rồi ông sẽ thấy chuyện gì đến sẽ đến, vì nó thường xảy ra như vậy. Trên thực tế là gần như thường xuyên.

Phần đầu tiên (và duy nhất) của kế hoạch chạy trốn là bí mật châm lửa đốt một container phù hợp. Để đạt mục đích đó, họ cần: 1) một container phù hợp, và 2) một cái gì đó để gây cháy. Trong khi chờ đợi con tàu chở cái thứ nhất đến, một lần nữa Allan lại cử Herbert Einstein nổi tiếng ngu đi làm một nhiệm vụ. Và Herbert đã hoàn thành một việc kì diệu là ăn cắp một quả pháo sáng và giấu nó trong quần mình trước khi lính gác Liên Xô phát hiện ra Herbert ở một nơi bị cấm đến. Nhưng thay vì bắn chết hoặc ít nhất là tóm lấy gã tù, lính gác chỉ quát tù nhân số 133 sau năm năm phải biết cách đường đi lạc nữa. Herbert xin lỗi, và rón rén bỏ đi. Thế quái nào, ông lại lạc hướng nữa.

- Doanh trại ở bên trái, Einstein, - tên lính gác hét lên sau lưng ông. - Sao mà ngu thế?

Allan khen ngợi Herbert đã làm tốt và giả vờ tốt. Herbert đỏ mặt vì lời khen, nhưng bác bỏ nó, nói rằng làm ra vẻ ngu ngốc chẳng khó gì nếu mình ngu ngốc thật. Allan đáp ông không biết nó khó thế nào, vì những kẻ ngu mà Allan từng gặp trong đời thường cố gắng làm ngược lại.

Rồi cũng đến cái ngày thích hợp. Đó là một buổi sáng lạnh, ngày 1 tháng Ba năm 1953, khi một chuyến tàu đến có nhiều toa xe tới mức Allan, hoặc ít nhất là Herbert, không thể đếm hết. Cái tàu rõ ràng là của quân đội, và mọi thứ sẽ được chất lên ít nhất là ba chiếc tàu, tất cả đều đến Bắc Triều Tiên. Tám chiếc xe tăng T34 chứa trong đó thì không giấu đi đâu được, nhưng mọi thứ khác đều được đóng kín trong các container gỗ khổng lồ không hề có nhãn hiệu gì. Tuy nhiên, khe hở giữa các tấm ván vừa đủ để có thể bắn một quả pháo hiệu vào một trong

các thùng chứa. Và Allan đã làm đúng như thế sau một ngày rưỡi kể từ hôm bốc hàng, khi vừa có cơ hội.

Tất nhiên, chẳng bao lâu khối bốc lên từ container, nhưng nó phải mất vài giây trước khi khối hàng cháy, nên Allan có thể chuồn ngay và không bị nghi ngờ ngay lập tức là có liên quan. Ngay sau đó, cả chiếc container bốc cháy, bất chấp trời đang âm độ.

Kế hoạch là nó sẽ phát nổ sau khi ngọn lửa lan đến một quả lựu đạn hoặc cái gì đó tương tự trong khối hàng. Điều đó sẽ làm cho lính canh phản ứng giống như lũ gà mái điên, và Allan và Herbert có thể về trại của mình để nhanh chóng thay quần áo.

Vấn đề là nó không hề phát nổ. Tuy nhiên khối thì kinh khủng, và thậm chí còn tồi tệ hơn khi bọn lính canh không muốn đến gần lửa nên đã ra lệnh cho các tù nhân đội nước vào chiếc container đang cháy.

Điều này khiến ba trong số các tù nhân đã lợi dụng khối che phủ để leo qua hàng rào cao hai mét đến phía bên cảng để ngỏ. Nhưng tên lính trong tháp canh nhìn thấy những gì đã xảy ra. Hắn đang ngồi sẵn đằng sau khẩu súng máy và xả súng hết băng này đến băng khác xuyên qua đám khói vào ba tù nhân. Vì sử dụng đạn gần hỏa tiễn, hắn bắn hạ cả ba người với một số đạn lớn và họ rơi xuống đất chết tươi. Nếu chưa chết thì sau đó một giây họ chắc chắn cũng chết, bởi vì tên lính trong tháp canh đã lia súng máy bắn thẳng không chỉ các tù nhân mà còn cả chiếc container không bị hư hại gì nằm bên trái của chiếc mà Allan Karlsson đã đốt cháy. Chiếc công-ten-nơ của Allan chứa một ngàn năm trăm cái chấn quân sự. Cái container bên cạnh chứa một ngàn năm trăm quả lựu đạn. Đạn hỏa tiễn chứa phốtpho và khi viên đạn đầu tiên trúng vào quả lựu đạn đầu tiên, nó phát nổ, và một phần mười giây sau nổ nốt một ngàn

bốn trăm chín mươi chín quả khác. Vụ nổ mạnh đến nỗi bốn chiếc container kề đó bay xa từ 30 đến 80 mét vào doanh trại.

Chiếc container số năm chứa bảy trăm quả mìn chẳng bao lâu cũng phát nổ mạnh mẽ như chiếc đầu tiên, khiến thứ chứa trong bốn chiếc container xa hơn lần lượt bắn tung về mọi hướng.

Allan và Herbert muốn hỗn loạn thì đã có hỗn loạn. Mà mới chỉ là khúc dạo đầu. Vì bây giờ đám cháy lan từ container này đến container khác. Một trong số đó chứa đầy dầu diesel và xăng, đúng là lửa cháy đổ thêm dầu. Một cái khác chứa đầy đạn dược cũng đi đời nhà ma. Hai trong số lính gác tháp canh và tám doanh trại bốc cháy hoàn toàn trước khi chỗ đạn bắn xe bọc sắt bắt lửa. Chỗ đạn đầu tiên đánh sập tháp canh thứ ba, cái thứ hai đã bắn thẳng vào tòa nhà ở cổng vào của trại và kéo sập cả hàng rào lẫn trạm gác.

Bốn chiếc tàu đang neo sẵn để chở hàng và loạt đạn bắn xe bọc thép tiếp theo khiến cả bốn bốc cháy.

Sau đó, một chiếc chứa lựu đạn phát nổ và bắt đầu phản ứng dây chuyền đến cái container cuối cùng ở cuối hàng. Chẳng may nó lại là chiếc chứa đạn bắn xe bọc thép và bắn theo hướng khác, về phía bến cảng để ngỏ, nơi một tàu chở 65.000 tấn dầu đã về neo đậu. Một cú bắn trực tiếp vào cầu khiến tàu chở dầu trôi dạt, và ba cú bắn tiếp theo vào bên hông thân tàu chở dầu làm bùng lên một đám cháy lớn nhất.

Chiếc tàu chở dầu cháy dữ dội trôi dạt dọc theo bờ kè về phía trung tâm của thành phố. Trong cuộc hành trình cuối cùng này, nó đốt cháy tất cả những ngôi nhà dọc theo tuyến đường khoảng 2,2 km. Thêm vào đó, hôm ấy có gió đông nam. Vì vậy, khoảng hai mươi lăm phút sau, toàn bộ - theo nghĩa đen - Ulapostok bốc cháy.

Đồng chí Stalin vừa dùng xong bữa tối ngon lành với các thuộc hạ Beria, Malenkov, Bulganin và Khrushchev thì nghe tin Vladivostok gần như bị xóa sổ bởi một container đựng chấn bích cháy và ngọn lửa bùng lên không kiểm soát nổi.

Tin này làm Stalin rất khó chịu.

Nikita Sergeyevich Khrushchev, người mới được Stalin sủng ái, vốn tính năng động bèn hỏi liệu mình có thể được phép đưa ra một lời khuyên hữu ích về vấn đề này không và Stalin ậm ừ rằng được.

- Đồng chí Stalin yêu quý, - Khrushchev nói, - tôi giả định là chuyện này chưa từng xảy ra. Giả sử ta đóng cửa hãn Vladivostok với thế giới rồi từ từ xây lại thành phố, biến nó thành căn cứ Thái Bình Dương đúng như đồng chí đã dự định trước đây. Nhưng trên hết, chuyện này không xảy ra là vì nó cho thế lực thù địch thấy điểm yếu mà chúng ta không nên để lộ. Đồng chí Stalin hiểu ý tôi chứ ạ? Đồng chí có đồng ý không?

Stalin vẫn khó chịu. Và còn đang say nữa. Nhưng đồng chí gật đầu tỏ ý rằng Stalin muốn Khrushchev nhận trách nhiệm dập vụ này đi như nó chưa từng xảy ra. Rồi Stalin cáo từ vì cảm thấy không được khỏe.

Vladivostok, Tư lệnh Beria nghĩ. Chẳng phải là nơi mình đã giam giữ tay chuyên gia Thụy Điển phát xít để phòng khi Nga không thể tự chế tạo bom? Mình đã quên bồng mất hãn, lẽ ra phải thanh toán tên quỷ này khi Yury Borisovich Popov đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ. Dù sao, có lẽ bây giờ hãn đã bị thiêu cháy. Mặc dù hãn không cần phải làm cả một thành phố cháy theo như thế.

Ở cửa phòng ngủ, Stalin bảo nhân viên tuyệt đối không được quấy rầy mình. Rồi ông đóng cửa lại, ngồi trên mép giường, vừa cời nút áo sơ vừa ngẫm nghĩ.

Vlapostok... thành phố mà Stalin đã định biến thành căn cứ của Hạm đội Xô Viết Thái Bình Dương! Vlapostok... thành phố đóng một vai trò quan trọng đến thế để chuẩn bị tấn công trong chiến tranh Triều Tiên! Vlapostok...

Đã không còn tồn tại nữa?

Stalin vẫn còn thời gian để tự hỏi làm thế quái nào một container đựng chần có thể bốc cháy dưới nhiệt độ âm 20 độ C. Ai đó phải chịu trách nhiệm... và tên khốn đó... sẽ... sẽ...

Đến đó thì Stalin ngã chúi đầu xuống sàn. Và cứ nằm nguyên thế trong hai mươi tư tiếng do đột quỵ, bởi một khi đồng chí Stalin đã nói không muốn bị quấy rầy thì chẳng ai dám làm phiền.

Doanh trại của Allan và Herbert là một trong những cái bắt lửa đầu tiên, mọi người ngay lập tức hủy bỏ kế hoạch lẫn trốn và mặc đồng phục vào.

Tuy nhiên, hàng rào quanh trại đã đổ xuống và nếu còn tháp canh nào chưa đổ thì cũng chẳng có ai bảo vệ. Vì vậy, ra khỏi trại không khó. Vấn đề ở chỗ sau đó thì sao. Họ không thể đánh cắp xe tải quân sự vì chúng đều bốc cháy. Và đi vào thành phố để kiếm một chiếc xe cũng không được. Chẳng biết sao nhưng toàn bộ Vlapostok đều đang cháy.

Hầu hết các tù nhân trong trại thoát chết khỏi đám cháy nổ tụ tập thành một nhóm trên con đường bên ngoài trại, ở một khoảng cách an toàn tránh lựu đạn, đạn bắn xe bọc thép và mọi thứ khác đang bay lượn trong không khí. Một vài phương án mạo hiểm được đặt ra, tất cả đều hướng về phía tây bắc, bởi vì đó

là hướng hợp lý duy nhất để người Nga chạy trốn. Phía đông là biển nước, phía nam là Chiến tranh Triều Tiên, còn thẳng phía bắc là thành phố đang bốc cháy hừng hực. Lựa chọn duy nhất còn lại là đi thẳng vào Siberia cực kì lạnh giá. Nhưng bọn lính cũng nghĩ thế, và trước khi trời tối đã bắt hết đám người bỏ trốn, đưa họ đến cỏi vĩnh hằng, không sót một ai.

Chỉ trừ có Allan và Herbert. Cả hai đã mò tới được một ngọn đồi phía tây nam Ulapostok. Họ ngồi nghỉ ở đó một lát, ngắm cảnh tàn phá bên dưới.

- Quả pháo sáng cháy sáng thật đấy, - Herbert nói.

- Bom nguyên tử cũng chẳng làm được hơn thế, - Allan đáp.

- Thế chúng ta làm gì bây giờ? - Herbert tự hỏi, lạnh còng đến nỗi đâm thềm được quay lại cái trại đã không còn đó nữa.

- Giờ ta sẽ đến Bắc Triều Tiên, anh bạn ạ, - Allan đáp. - Và vì quanh đây chẳng có xe cộ gì, ta sẽ phải đi bộ. Thế cho ấm người.

Kirill Afanasievich Meretskov là một trong những sĩ quan Hồng quân giỏi giang, được gắn huân chương nhiều nhất. Ông là một anh hùng Liên Xô được thưởng Huân chương Lenin ít nhất bảy lần.

Là chỉ huy của quân đoàn Bốn, ông đã chiến đấu ngoan cường chống quân Đức quanh tuyến Leningrad, và sau chín trăm ngày đáng sợ đã phá vỡ cuộc bao vây. Không có gì ngạc nhiên khi Meretskov được phong làm tư lệnh Liên Xô, cùng với tất cả huân huy chương và các danh hiệu.

Sau khi đẩy lùi được Hitler vĩnh viễn, Meretskov tiến về phía đông 9.600 km bằng xe lửa. Ông được điều động chỉ huy Mặt trận Viễn Đông, để đuổi Nhật ra khỏi Mãn Châu. Và không ai ngạc nhiên khi ông lại thành công.

Và rồi chiến tranh thế giới kết thúc, Meretskov thấy mệt mỏi. Chẳng ai chờ đợi ông trở lại Moskva, ông vẫn ở phía đông. Ngồi chơi xơi nước sau cái bàn quân sự ở Vladisvostok. Một cái bàn rất đẹp. Bằng gỗ tếch xịn.

Vào mùa đông năm 1953, ông đã năm mươi sáu tuổi, vẫn ở yên sau cái bàn làm việc của mình. Từ chỗ đó, ông quản lý sự vắng mặt của Liên Xô trong chiến tranh Triều Tiên. Tư lệnh Meretskov và đồng chí Stalin coi việc Liên Xô tạm thời không tham chiến trực tiếp với quân Mỹ là một chiến lược quan trọng. Tất nhiên cả hai bên đều có thứ Bom kia, nhưng Hoa Kỳ đi trước. Cái gì cũng cần có thời gian, và đây không phải là lúc để khiêu chiến - như thế Nga sẽ không tránh khỏi nhúng tay vào Triều Tiên: chiến tranh Triều Tiên có thể thắng lợi, và thực sự là nó phải thắng.

Giờ đã là một tư lệnh, Meretskov cho phép bản thân thỉnh thoảng xả hơi một chút. Ví dụ, ông có một ngôi nhà đi săn ngoài Kraskino, đi vài tiếng về phía nam Vladisvostok. Ông thu xếp đến đó khá thường xuyên, nhất là vào mùa đông. Nếu có thể thì đi một mình. Tất nhiên chưa kể trợ lý của ông, tư lệnh mà tự lái xe cho mình thì mọi người sẽ nghĩ sao?

Tư lệnh Meretskov và viên trợ lý lái xe được gần một tiếng từ Kraskino đến Vladisvostok thì lần đầu tiên thấy một luồng khói đen bốc lên từ đường ven biển quanh co. Chuyện gì thế? Cái gì đang bị cháy?

Khoảng cách quá xa, nếu có lấy ống nhòm trong xe ra cũng chẳng ăn thua gì. Tư lệnh Meretskov ra lệnh phóng nhanh về phía trước, bắt viên trợ lý trong vòng hai mươi phút phải tìm được một chỗ đậu xe có thể nhìn rõ xuống vịnh. Điều gì có thể xảy ra nhỉ? Chắc chắn có cái gì bị cháy...

Allan và Herbert đã đi bộ khá xa dọc con đường chính khi chiếc POBEDA quân sự màu xanh lá cây phóng đến từ phía nam. Hai kẻ đào tẩu vội giấu mình sau một ụ tuyết. Nhưng ngay sau đó, chiếc xe chạy chậm lại và đỗ cách họ chừng năm mươi mét. Một viên sĩ quan huân chương đầy ngực bước ra cùng trợ lý. Người trợ lý lấy chiếc ống nhòm của viên sĩ quan đeo huân chương ra khỏi cốp xe, rồi họ rời xe tìm một nơi có thể quan sát rõ bờ vịnh bên kia, phía Vladisvostok.

Thế là Allan và Herbert lên vào xe để như ăn kẹo, tóm lấy khẩu súng lục của viên sĩ quan và súng tự động của người trợ lý, khiến cả hai rơi tồm vào một tình cảnh hết sức trở trêu. Như Allan nói:

- Thưa quý vị, xin cho phép tôi tước quần áo của quý vị.

Tư lệnh Meretskoy tức điên lên. Không ai dám đối xử với một tư lệnh của Liên Xô theo cách đó, huống chi lại là một gã tù nhân. Các vị định nói là ông - Tư lệnh KA Meretskoy nên đi bộ đến Ulapostok mặc mỗi cái quần lót? Allan đáp, đến Ulapostok khó lắm vì cả thành phố đang cháy thành tro, nhưng ông và anh bạn Herbert đây có ý gần gần như thế. Đương nhiên, đổi lại, quý vị sẽ được cung cấp hai bộ quần áo đen và trắng của tù nhân, càng đến gần Vladisvostok thì càng ấm - nếu có thể gọi đám mây khói và đông đờ nát ấy là Vladisvostok.

Vừa nói Allan và Herbert vừa mặc bộ quần phục thố được và để lại quần áo tù cũ của mình thành đống dưới đất. Allan nghĩ mình lái xe thì an toàn hơn nên Herbert phải làm tư lệnh, Allan là trợ lý. Herbert ngồi ở ghế hành khách, còn Allan ngồi sau tay lái. Allan tạm biệt vị tư lệnh, khuyên ngài đừng tức giận làm gì vô ích. Thêm nữa, trời sắp sang xuân rồi, mà mùa xuân ở Ulapostok thì... ờ, có lẽ cũng không đến nỗi quá...

Dù sao, Allan cũng khuyến khích tư lệnh hãy suy nghĩ lạc quan, nhưng nói thêm rằng tất nhiên tùy ngài thôi. Nếu ngài vẫn thích đi bộ suốt dọc đường chỉ mặc mỗi quần lót và nghĩ ngợi bi quan về cuộc sống thì cứ việc.

- Tạm biệt ngài tư lệnh. Và anh bạn nữa, - Allan nói thêm với viên trợ lý.

Tư lệnh không trả lời, chỉ tiếp tục nhìn họ nãy lửa, trong khi Allan quay vòng chiếc POBEDA. Rồi ông và Herbert đi về phía Nam.

Trạm tiếp theo là Bắc Triều Tiên.

o o o

Biên giới giữa Liên Xô và Bắc Triều Tiên ra vào rất dễ và nhanh chóng. Đầu tiên, lính biên phòng Liên Xô đứng thẳng chào, sau đó Bắc Triều Tiên cũng làm tương tự. Chẳng phải nói tiếng nào, thanh chắn được nâng lên cho tư lệnh Liên Xô (Herbert) và trợ lý của ông (Allan). Một trong hai chú lính biên phòng tận tụy của Bắc Triều Tiên còn rưng rưng nước mắt nghĩ rằng cú lách qua biên giới này là một cam kết cá nhân. Triều Tiên chắc chắn không thể có người bạn nào tốt hơn Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết. Ngài tư lệnh chắc đang trên đường đến Wonsan để đảm bảo nguồn tiếp viện từ Vladivostok đến đúng lúc đúng chỗ khi cần.

Nhưng thật ra không phải thế. Riêng vị tư lệnh này chẳng nghĩ gì ráo về hạnh phúc của Bắc Triều Tiên. Ông thậm chí còn chẳng rõ là mình đang ở nước nào. Ông chỉ đang chăm chăm tìm cách mở cái hộp đựng đồ lật vật trong xe.

Allan đã moi tin từ các thủy thủ cảng Vladivostok rằng chiến tranh Triều Tiên đã đi vào bế tắc, hai bên trở lại phía của mình ở vĩ tuyến 38. Ông cũng truyền đạt lại với Herbert,

người hình dung ra tất cả những gì họ phải làm để đi từ Bắc sang Nam Triều Tiên là chạy thật nhanh và nhảy qua biên giới (miễn là giới tuyến đường rộng quá). Tất nhiên có nguy cơ là họ sẽ bị bắn khi nhảy qua, nhưng chắc cũng không sao.

Nhưng hóa ra - dù vẫn còn lâu mới tới biên giới - cuộc chiến tranh quy mô đã lan đến chỗ họ. Máy bay Mỹ lượn vòng trên không trung và ném bom gần như mọi thứ họ thấy. Allan nhận ra rằng chiếc xe quân sự màu xanh lá cây của Nga có lẽ sẽ được coi là một mục tiêu tuyệt vời, do đó, ông rời đường chính phía nam (mà không xin phép tư lệnh của mình) và lái vào nội địa, trên những con đường nhỏ hơn, để kiếm chỗ trú ẩn khi nghe tiếng máy bay gầm rú trên đầu.

Allan tiếp tục đi theo hướng đông nam, trong khi Herbert giải khuây bằng cách sẫm soi ví tiền của vị tư lệnh mà mình tìm thấy trong túi bộ quân phục. Nó chứa một ít tiền rúp, ngoài ra là những thông tin về vị tư lệnh và một số thư từ mà từ đó có thể suy ra ông đã làm những gì ở Vladivostok hồi thành phố vẫn còn tồn tại.

- Biết đâu ông ta lại chẳng phải là sếp của vận tải đường sắt nữa, - Herbert nói.

Allan khen ngợi Herbert vì liên tưởng đó, nó có vẻ khôn ngoan, và Herbert lại đỏ mặt. Nhận xét cái gì đó không tồi hóa ra cũng hay.

- Nhân tiện, anh có thể nhớ tên của tư lệnh Kirill Afanasievich Meretskov không? - Allan nói. - Có thể nó sẽ tiện dụng đấy.

- Được, chắc là tôi nhớ được, - Herbert đáp.

Trời vừa sụp tối thì Allan và Herbert rẽ vào sân một trang trại trông có vẻ khá giả. Người chủ trại cùng vợ và hai con

nhANH NHẪU RA XEM hai vị khách đặc biệt với chiếc xe lạ mắt. Trợ lý (Allan) xin lỗi bằng cả tiếng Nga lẫn tiếng Tàu vì mình và ngài tư lệnh đã đến mà không báo trước, nhưng liệu nhà có gì để ăn không? Tất nhiên họ sẽ trả tiền nhưng bằng rúp vì không có gì khác.

Vợ chồng nhà bác nông dân chả hiểu Allan nói gì. May có cậu cả mười hai tuổi có học tí tiếng Nga ở trường đứng ra dịch cho bố. Vài giây sau, trợ lý Allan và tư lệnh Herbert đã được mời vào trong nhà. Sau bữa tối, cả hai lại được xếp chỗ ngủ. Tư lệnh Herbert chiếm phòng ngủ lớn trong khi ông bà chủ nhà xuống ngủ với trẻ con. Trợ lý Allan thì nằm ở sàn bếp.

Sáng hôm sau, bữa sáng dọn ra với rau củ hấp, hoa quả khô và trà, trước đó bác nông dân còn lấy thùng trong nhà kho đổ đầy xăng cho xe của tư lệnh. Cuối cùng, bác cứ từ chối nhận năm tiền rúp mà vị tư lệnh đưa cho, đến khi tư lệnh phải gầm lên bằng tiếng Đức:

- Cầm tiền đi, đồ nhà quê!

Bác nông dân khiếp quá vội làm theo, dù chẳng hiểu Herbert nói mô tê gì.

Họ thân ái vẫy chào từ biệt và cuộc hành trình tiếp tục về hướng tây nam, suốt con đường lộng gió không có lấy một bóng xe qua, chỉ có tiếng gầm rú đe dọa của máy bay thả bom trên đầu.

Khi xe đến Bình Nhưỡng, Allan thấy đến lúc phải lên kế hoạch mới. Cái cũ giờ có vẻ không phù hợp nữa. Cố gắng đến Hàn Quốc từ chỗ hai người đang ở là chuyện không tưởng. Thay vì đó, kế hoạch chuyển thành phải sắp xếp một cuộc gặp mặt với Thủ tướng Kim Il Sung. Herbert là một tư lệnh Liên Xô kia mà, tất phải được.

Herbert xin lỗi vì đã chen ngang nhưng thắc mắc gặp Kim Il Sung để làm gì.

Allan đáp mình chưa biết, nhưng hứa sẽ suy nghĩ về chuyện đó. Lý do trước mắt ông giải thích với Herbert là càng đến được gần sắp to thì càng được chén ngon hơn. Và có cả vodka nữa.

Allan nhận ra, chẳng sớm thì muộn, ông và Herbert sẽ bị chặn đường và kiểm tra kĩ càng. Kể cả một vị tư lệnh thì cũng không thể phăm phăm tiến vào thủ đô một đất nước đang chiến tranh mà không bị xét hỏi câu nào. Do đó, Allan dành ra vài giờ để hướng dẫn Herbert nên nói gì - chỉ một câu thôi nhưng rất quan trọng: "Tôi là tư lệnh Meretskov của Liên Xô, đưa tôi đến gặp lãnh đạo của anh!"

Lúc này, Bình Nhưỡng được bảo vệ bởi một vành đai quân sự bên ngoài và bên trong. Vòng ngoài cách thành phố hai mươi cây số, gồm súng chống máy bay và các trạm kiểm soát kép trên đường, còn vòng trong là những chướng ngại vật xếp thành chiến tuyến để phòng thủ nếu bị tấn công đường bộ. Allan và Herbert bị giữ lần đầu tiên tại một trong các trạm kiểm soát vòng ngoài và gặp một chú lính Bắc Triều Tiên đang say khướt, với khẩu súng máy Cocked trước ngực. Tư lệnh Herbert tập đi tập lại câu nói duy nhất của mình, và cất lời:

- Tôi là lãnh đạo của anh, đưa tôi đến... Liên Xô.

May sao chú lính không biết tiếng Nga, nhưng lại hiểu tiếng Trung Quốc. Vì thế, trợ lý (Allan) dịch cho ngài tư lệnh của mình và nói ra đúng câu cần nói.

Nhưng chú lính đã nốc rượu say đến mức không biết phải làm gì. Thế là chú ta mời Allan và Herbert vào trạm kiểm soát và gọi điện cho đồng nghiệp cách đấy 200 m. Rồi chú ngồi phịch xuống chiếc ghế bành tồi tàn, lôi chai rượu gạo (thứ ba trong

ngày) ra khỏi túi, tợp một ngụm và bắt đầu ư ử ngâm nga một mình, vừa nhìn xuyên qua các vị khách Liên Xô bằng đôi mắt long lanh, hướng vào cõi xa xăm vô định.

Allan lo lắng trước ứng xử của Herbert với tay lính gác, và nhận ra nếu Herbert cứ đóng vai tư lệnh với Kim Il Sung thì chỉ cần vài phút là cả tư lệnh lẫn trợ lý sẽ bị tổng giam ngay. Qua cửa sổ, Allan thấy người lính khác đang tới.

Họ phải nhanh lên mới kịp.

- Herbert, mình đổi quần áo đi, - Allan nói.

- Sao thế? - Herbert thắc mắc.

- Cứ làm đi, - Allan đáp.

Và thế là, nhanh như chớp, tư lệnh biến thành trợ lý, còn trợ lý thành tư lệnh. Chú lính say khướt đảo cặp mắt trống rỗng trong lúc vẫn âm ư cái gì đó bằng tiếng Triều Tiên.

Vài giây sau, người lính thứ hai bước trạm gác và lập tức đứng chào khi thấy vị khách nổi bật. Anh ta cũng biết tiếng Trung Quốc, và Allan(trong vai tư lệnh) lại bày tỏ mong muốn gặp chủ tịch Kim Il Sung. Trước khi người lính thứ hai kịp trả lời, chú lính thứ nhất chợt ngừng âm ư giai điệu của mình.

- Anh ta nói gì vậy? - Tư lệnh Allan hỏi.

- Anh ta nói rằng ông cởi hết quần áo ra rồi mặc lại lần nữa, - anh lính số hai thật thà đáp.

- Đúng là rượu nói! - Allan nói và lắc đầu.

Anh lính thứ hai vội xin lỗi vì cư xử của đồng đội và khi chú thứ nhất cứ khẳng khẳng là Allan và Herbert đã cởi quần áo rồi mặc lẫn của nhau, chú ta bị thụi một quả vào mũi để im miệng, trừ phi muốn bị báo cáo là say rượu.

Chú lính thứ nhất đành im bặt (và tợp một ngụm nữa) trong khi chú số hai gọi vài cú điện thoại trước khi điền vào một tờ giấy thông hành bằng tiếng Triều Tiên, ký tên, đóng dấu ở hai chỗ, rồi giao cho Tư lệnh Allan và dặn:

- Đồng chí Tư lệnh, đồng chí sẽ xuất trình cái này tại trạm kiểm soát tối. Rồi đồng chí sẽ được hướng dẫn tới đồng chí cấp phó của cấp phó thủ tướng.

Allan cảm ơn anh ta, chào và trở lại xe, đẩy Herbert ra ngồi phía trước.

- Vì anh đã thành trợ lý của tôi, từ giờ anh phải lái xe,
- Allan nói.

- Hay đấy, - Herbert đáp. - Tôi đã không lái xe hơi từ khi cảnh sát Thụy Sĩ cấm tôi vĩnh viễn không được lái.

- Tốt nhất là anh đừng kể nữa, - Allan bảo.

- Tôi thấy nó khó quá, sang trái và phải, - Herbert nói.

- Phải, phải, tôi nói rồi đấy, anh đừng nói gì nữa cho lành,
- Allan đáp.

Cuộc hành trình tiếp tục với Herbert sau tay lái, hóa ra nó trôi chảy hơn nhiều so với Allan tưởng. Với tấm giấy thông hành, họ không gặp khó khăn gì khi băng qua các con đường vào thành phố và thẳng đến phủ thủ tướng.

Ở đó, cấp phó của cấp phó thủ tướng tiếp họ và cho biết trong ba ngày tới, cấp phó thủ tướng không tiếp kiến họ được. Trong thời gian ấy, quý vị sẽ ở tại phòng khách trong phủ thủ tướng. Và bữa tối sẽ được phục vụ vào lúc 8 giờ, nếu quý vị thấy phù hợp.

- Anh thấy tôi nói đúng không? - Allan bảo Herbert.

o o o

Kim Il Sung sinh tháng Tư năm 1912, trong một gia đình Kitô giáo ở ngoại ô Bình Nhưỡng. Gia đình ông, cũng như tất cả các gia đình Triều Tiên bấy giờ, bị Nhật Bản cai trị. Trong nhiều năm, người Nhật hầu như muốn gì làm nấy với dân thuộc địa. Hàng trăm hàng ngàn cô gái và phụ nữ Triều Tiên đã bị bắt giữ và sử dụng như nô lệ tình dục khi quân đội Nhật hoàng cần. Đàn ông Triều Tiên bị bắt đi lính, chiến đấu cho vị hoàng đế đã buộc họ phải đổi tên Nhật Bản và làm đủ cách để diệt trừ ngôn ngữ, văn hóa Triều Tiên.

Cha của Kim Il Sung là một nhà bào chế thuốc ít nói, nhưng những lời chỉ trích Nhật Bản của ông lại hết sức sắc bén, gây khó chịu cho người Nhật đến mức một ngày kia, gia đình ông thấy tốt nhất nên chuyển lên phía bắc, vùng Mông Cổ, Trung Quốc. Nhưng đến năm 1931, sự bình yên ở đó cũng bị phá vỡ khi quân đội Nhật lại tràn đến. Lúc đó, cha của Kim Il Sung đã mất, nhưng mẹ khuyến khích ông tham gia du kích Trung Quốc, với tham vọng đánh bật Nhật Bản ra khỏi Mãn Châu - và cuối cùng là Triều Tiên.

Kim Il Sung đã làm nên sự nghiệp khi tham gia du kích cộng sản Trung Quốc. Ông nổi tiếng là một người ưa hành động và dũng cảm. Ông được bổ nhiệm làm sĩ quan chỉ huy toàn sư đoàn và đã chiến đấu chống Nhật quyết liệt đến khi chỉ còn ông và vài người trong sư đoàn còn sống sót. Đó là vào năm 1941, giữa chiến tranh Thế giới, và Kim Il Sung buộc phải trốn qua biên giới sang Liên Xô.

Ở đó ông cũng khá thành công. Chẳng bao lâu, ông được phong đại úy Hồng quân và chiến đấu đến năm 1945.

Kết thúc chiến tranh, Nhật Bản phải bàn giao lại Triều Tiên. Kim Il Sung từ nơi lưu vong trở về như một anh hùng dân tộc. Vấn đề còn lại là chính thức xây dựng lên một nhà nước, và

thực tế hiển nhiên là mọi người muốn bầu Kim Il Sung làm Lãnh tụ vĩ đại.

Tuy nhiên, phe thắng trận, Liên Xô và Mỹ, lại phân chia Triều Tiên thành vùng lãnh thổ theo lợi ích của mỗi bên. Mỹ không chấp nhận một người cộng sản đứng đầu toàn bộ bán đảo. Vì vậy, họ đã đưa về một người Triều Tiên lưu vong làm người đứng đầu nhà nước khác của riêng mình, và đưa xuống phía nam. Kim Il Sung phải yên vị ở phần phía bắc, nhưng ông nhất quyết không chịu. Thay vào đó, ông bắt đầu cuộc chiến tranh Triều Tiên.

Nếu ông đã đuổi được Nhật thì cũng có thể đuổi được Mỹ và quân Liên Hợp Quốc theo sau.

Kim Il Sung đã từng phục vụ trong quân đội ở cả Trung Quốc và Liên Xô. Và bây giờ ông đã chiến đấu vì chính mình. Trong cuộc hành trình đầy kịch tính, một trong những điều ông học được là không lệ thuộc vào bất cứ ai khác ngoài bản thân mình.

Ông chỉ có một ngoại lệ cho quy tắc đó. Và ngoại lệ ấy vừa được bổ nhiệm làm cấp phó cho ông. Bất cứ ai muốn tiếp xúc với Thủ tướng Kim Il Sung trước tiên phải tìm cách gặp được con trai ông.

Kim Jong Il.

- Con phải để cho khách chờ đợi ít nhất bảy mươi hai tiếng trước khi tiếp họ. Điều đó duy trì quyền lực của con, con trai ạ, - Kim Il Sung dạy con trai.

- Con hiểu, thưa cha, - Kim Jong Il nói dối, rồi lén tìm một cuốn từ điển, tra cái từ mình không hiểu.

o o o

Ba ngày chờ đợi chẳng khiến Allan và Herbert khó chịu chút nào, vì trong phủ thủ tướng, đồ ăn rất ngon, giường rất êm.

Thêm nữa, hiểm khi máy bay thả bom của Mỹ đến gần Bình Nhưỡng vì có những mục tiêu tấn công đơn giản hơn.

Tuy nhiên, rồi cũng đến lúc. Cấp phó của cấp phó thủ tướng đến tìm Allan, đưa đi dọc hành lang đến văn phòng của cấp phó thủ tướng. Allan đã được biết trước là cấp phó thủ tướng mới chỉ nhỉnh hơn một cậu bé một chút.

- Tôi là con trai của thủ tướng, - Kim Jong Il, Kim Jong Il nói. - Và tôi là cấp phó của cha tôi.

Kim Jong Il giơ tay về phía vị tư lệnh và bắt chặt, dù bàn tay cậu ta lọt thỏm trong nắm tay khổng lồ của Allan.

- Còn tôi là Tư lệnh Kirill Afanasievich Meretskov, - Allan nói. - Xin cảm ơn cậu Kim đã tiếp đón tôi. Xin phép cậu Kim cho tôi được trình bày sứ mệnh của mình?

Kim Jong Il đồng ý, thế là Allan tiếp tục nói láo: như cậu Kim biết đấy, tư lệnh có mang theo một thông điệp trực tiếp từ đồng chí Stalin ở Moskva gửi Thủ tướng. Vì có những nghi ngờ rằng Hoa Kỳ - đồ chó tư bản - đã thâm nhập vào hệ thống thông tin liên lạc của Liên Xô (Tư lệnh không muốn đi vào chi tiết hơn, hi vọng cậu Kim hiểu), đồng chí Stalin đã quyết định rằng thông điệp nên được chuyển tải trực tiếp theo cách này. Và sứ mệnh này vinh dự được đặt trên vai của tư lệnh và trợ lý của ông(vì lí do an toàn, tư lệnh đã để trợ lý ở lại phòng).

Kim Jong Il nhìn Tư lệnh Allan một cách ngờ vực và nói như đọc bài rằng việc của mình là bảo vệ cha bằng mọi giá. Và một phần của việc này là không tin tưởng bất kì ai, cha đã dạy như thế, cậu ta giải thích. Vì vậy, Kim Jong Il không thể cho phép Tư lệnh đến gặp cha mình, Thủ tướng, cho đến khi chuyện này được kiểm tra với Liên Xô. Kim Jong Il có ý định khá đơn

giản là gọi điện cho Moskva và hỏi liệu có đúng là Stalin đã cử tư lệnh đến đây hay không.

- Đương nhiên một tư lệnh lại ngồi đây và phản đối cậu thì thật không thích hợp, nhưng dù sao, tôi vẫn cho phép mình phản ánh rằng có lẽ ta không nên dùng điện thoại để kiểm tra, nếu thật sự là không nên sử dụng điện thoại.

Cậu Kim nghe những gì Allan nói. Nhưng những lời của ông bố vẫn vang vọng trong đầu: “Đừng tin tưởng bất cứ ai, con trai ạ!” Cuối cùng, cậu nghĩ đến một giải pháp. Cậu vẫn gọi điện cho bác Stalin, nhưng sẽ nói chuyện kiểu mật mã. Cậu Kim đã gặp bác Stalin nhiều lần và bác Stalin thường gọi cậu là ‘nhà cách mạng nhỏ’.

- Thế thì, tôi sẽ gọi điện cho bác Stalin, giới thiệu bản mình là ‘nhà cách mạng nhỏ’ rồi hỏi liệu bác Stalin có cử ai đến thăm cha. Như thế tôi không nghĩ rằng chúng ta nói quá nhiều, ngay cả nếu người Mỹ nghe được. Ông có nghĩ thế không, Tư lệnh?

Tư lệnh nghĩ cậu nhỏ này là một con quỷ ranh ma. Cậu ta bao nhiêu tuổi? Mười tuổi ư? Bản thân Allan đã người lớn trước tuổi. Bằng tuổi Kim Jong Il, ông đã ráng sức mang thuốc nổ ở nhà máy Nitroglycerin tại Flen. Hơn nữa, Allan e rằng chuyện này có thể dẫn đến một kết cục tệ hại, ai mà biết được. Dù sao, mọi chuyện vẫn đang tiếp diễn.

- Tôi tin rằng cậu Kim rất khôn ngoan và sẽ tiến xa, - Allan nói, - còn lại phó mặc cho số phận.

- Vâng, tư lệnh nói đúng, dự kiến là tôi sẽ kế thừa công việc của cha tôi. Mời ông dùng trà trong khi tôi gọi điện thoại cho bác Stalin.

Cậu Kim băng qua chiếc bàn màu nâu ở góc phòng, trong khi Allan rót trà và nghĩ xem mình có nên thử nhảy ra ngoài cửa sổ. Nhưng ông lập tức bỏ ý định này. Trước hết, ông đang ở tầng thứ tư của phủ thủ tướng, và Allan cũng không thể bỏ mặc đồng chí của mình. Herbert có lẽ cũng muốn nhảy lắm (nếu anh ta dám) nhưng anh ta lại không ở đây ngay lúc này.

Đột nhiên, ý nghĩ của Allan bị gián đoạn bởi cậu Kim òa lên khóc. Cậu ta đặt điện thoại xuống, chạy lao đến chỗ Allan, vừa khóc vừa kêu to:

- Bác Stalin mất rồi! Bác Stalin mất rồi!

Allan thấy mình may mắn không thể tưởng được, rồi ông nói:

- Nào, nào, cậu Kim. Cậu lại đây để chú Tư lệnh ôm cậu Kim một cái nào.

Nào, nào...

Khi được an ủi ít nhiều, cậu Kim không còn nghi ngờ lắm nữa. Có vẻ như cậu không cố làm người lớn thêm được nữa. Sụt sịt, cậu gắng kể rằng mấy hôm trước Stalin đã bị đột quỵ và theo bác gái Stalin (cậu gọi bà ta như vậy) bác đã mất vừa đúng trước khi cậu Kim gọi điện.

Vừa để cậu Kim ngồi trên đầu gối, Allan vừa kể đầy cảm xúc về kỉ niệm tươi sáng khi mình được gặp đồng chí Stalin lần cuối. Họ đã ăn tiệc với nhau, đã rất vui như những người bạn thật sự. Đồng chí Stalin còn nhảy và hát nữa. Allan vô tình ngân nga bài hát dân gian Gruzia mà Stalin đã hát lúc đó, và cậu Kim nhận ra bài hát! Bác Stalin cũng từng hát bài hát đó cho cậu. Thế là bao nhiêu nghi ngờ tan biến. Chú Tư lệnh hẳn là nói thật rồi. Cậu Kim sẽ đảm bảo để bố mình, thủ tướng, tiếp chú ấy ngày hôm sau. Còn bây giờ cậu muốn được ôm cái nữa...

Thủ tướng không ngồi điều hành nửa đất nước của mình ở ngay văn phòng bên cạnh. Như thế với ông là quá mạo hiểm. Không, ai đến gặp Kim Il Sung cũng phải trải qua một hành trình dài bằng xe thùng trang bị súng SU-122 bộ binh, vì lý do an ninh bởi đích thân cậu quý tử, cánh tay phải của thủ tướng cũng sẽ đi cùng.

Chuyến đi không được thoải mái lắm, mà đương nhiên xe trang bị súng bộ binh không phải là để tiện nghi. Suốt hành trình, Allan có vô khối thời gian để ngẫm nghĩ về hai chuyện khá quan trọng. Trước hết là ông nên nói gì với Kim Il Sung, và thứ hai là ông muốn đi đến đâu.

Trước mặt cánh tay phải (và con trai) của Thủ tướng, tất nhiên Allan đã tuyên bố rằng mình đến mang theo một thông điệp quan trọng của đồng chí Stalin, thật cảm ơn cơn đột quỵ may mắn vô cùng, nên chuyện này đâm ra dễ đối phó. Tư lệnh dỏm bây giờ muốn nói gì chẳng được, Stalin chết rồi nên không thể phản đối. Thế là, Allan quyết rằng thông điệp cho Kim Il Sung sẽ là Stalin quyết định tặng Kim Il Sung hai trăm chiếc xe tăng cho cuộc chiến cộng sản ở Triều Tiên. Hay là ba trăm. Con số càng cao thì tất nhiên hơn thủ tướng càng vui.

Vấn đề kia khó xử hơn. Allan chẳng muốn trở lại Liên Xô sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình với Kim Il Sung. Nhưng để khiến những nhà lãnh đạo Bắc Triều Tiên giúp Allan và Herbert sang Hàn Quốc thì thật không dễ dàng. Và ở nơi gần Kim Il Sung cũng chẳng hay ho gì nếu mỗi ngày qua xe tăng vẫn chẳng thấy đâu.

Hay là đi Trung Quốc nhỉ? Nếu Allan và Herbert vẫn còn mặc áo tù sọc trắng đen thì không được, nhưng bây giờ đã khác. Ông hàng xóm khổng lồ của Triều Tiên có thể không còn là mối

đe dọa mà thành ra hứa hẹn, một khi Allan đã thành Tư lệnh của Liên Xô. Đặc biệt là nếu Allan có thể lừa Kim Il Sung cấp cho họ một thư giới thiệu tốt đẹp.

Thế thì, điểm đến tới là Trung Quốc? Sau đó thì mọi thứ sẽ giống như họ đã làm. Nếu không có ý tưởng nào hay hơn nảy ra dọc đường thì họ có thể đi lang thang trên Hy Mã Lạp Sơn lần nữa.

Đến đó, Allan thấy nghĩ thế đủ rồi. Trước hết, Kim Il Sung sẽ nhận được ba trăm chiếc xe tăng, hay thậm chí bốn trăm – chẳng việc gì phải keo kiệt về chuyện đó. Sau đó, Tư lệnh đóm sẽ khiêm tốn nhờ Thủ tướng giúp mình phương tiện và thị thực cho chuyến đi đến Trung Quốc, vì Tư lệnh cũng có việc với Mao Trạch Đông. Allan hài lòng với kế hoạch chu đáo của mình. Gần tối, đoàn xe bọc thép với hành khách là Allan, Herbert và cậu Kim Jong Il tới một nơi mà Allan đoán có vẻ là một doanh trại quân đội hay gì đó.

- Hay là tụi mình được đưa đến Nam Triều Tiên nhỉ? - Herbert hỏi đầy hi vọng.

- Nếu có bất cứ nơi nào trên thế giới mà Kim Il Sung sẽ KHÔNG ngồi và giữ mình cẩn thận, thì đó là Nam Triều Tiên, - Allan đáp.

- Không, tôi tưởng... Tôi chỉ nghĩ... không, mà thực ra tôi cũng chẳng nghĩ gì... - Herbert nói.

Rồi chiếc xe bọc thép mười bánh dừng lại đột ngột. Ba hành khách chui ra, đặt chân xuống nền đất cứng. Họ đã đến một sân bay quân sự, và đang đứng bên ngoài một cái gì như là trung tâm chỉ huy.

Cậu Kim giữ cửa cho Allan và Herbert, rồi lại nhả nhận đi vượt lên hai quý khách và mở cánh cửa tiếp theo. Cứ thế, bộ

ba đi đến tận chốn linh thiêng nhất. Bên trong là một bàn viết rộng rãi đầy giấy tờ, đằng sau là một bức tường với bản đồ Triều Tiên và bên phải là hai chiếc sofa. Thủ tướng Kim Il Sung ngồi trên một sofa, còn khách của ông ngồi chiếc kia. Sát tường đầu kia căn phòng, hai lính gác trang bị súng máy đứng nghiêm.

- Xin chào ngài Thủ tướng, - Allan nói. - Tôi là Tư lệnh Kirill Afanasevich Meretskoy của Liên Xô.

- Chắc chắn ông không phải là Tư lệnh, Kim Il Sung bình tĩnh nói. Tôi biết Tư lệnh Meretskoy rất rõ.

- Ôi trời, - Allan nói.

Hai người lính lập tức thôi đứng nghiêm và hướng mũi súng của họ vào Tư lệnh dỏm và trợ lý có lẽ cũng dỏm như thế. Kim Il Sung vẫn bình tĩnh, nhưng con trai ông tức quá òa lên khóc. Có lẽ đúng lúc này, các mảnh vụn tuổi thơ cuối cùng của cậu đã biến mất. Không bao giờ tin bất kì ai! Thế mà trước đó, cậu đã ngồi trên đùi Tư lệnh dỏm! Không bao giờ tin bất kì ai! Cậu sẽ không bao giờ, không bao giờ tin tưởng một người nào nữa.

- Mày sẽ chết! - Cậu hét lên với Allan trong nước mắt. - Và mày nữa! - Cậu nói với Herbert.

- Phải, chắc chắn các anh sẽ chết, - Kim Il Sung vẫn bình tĩnh theo cách của mình. - Nhưng trước tiên chúng tôi muốn tìm ra ai đã cử các anh tới.

Không xong rồi, - Allan nghĩ.

Có vẻ hay đây, - Herbert nghĩ.

o o o

Tư lệnh Kirill Afanasievich Meretskov thật và trợ lý của ông chẳng còn cách nào khác ngoài lóc cóc đi bộ tới phần còn sót lại của Vladivostok.

Vài giờ sau, họ đến một doanh trại được Hồng quân lập bên ngoài thành phố bị phá hủy. Ở đó, Tư lệnh còn nhục nhã hơn vì bị nghi ngờ là một tù nhân đào tẩu giờ hối hận vì đã bỏ trốn. Nhưng chẳng bao lâu, ông cũng được nhận ra và được phục vụ đúng với địa vị của mình.

Trong đời mình, chỉ có một lần Tư lệnh Meretskov chịu bất công, đó là khi Beria, cấp phó của Stalin, đã vô cớ bắt, tra tấn, và chắc chắn sẽ để ông chết nếu đích thân Stalin không đến cứu. Lẽ ra sau đó Meretskov phải đánh lại Beria nhưng ông đã giành chiến thắng trong chiến tranh thế giới và dù sao Beria cũng quá mạnh. Vì thế, ông buộc phải cho qua. Nhưng Meretskov đã tự nhủ rằng sẽ không bao giờ cho phép mình bị làm nhục nữa. Vì vậy, giờ đây, không gì quan trọng hơn là tìm kiếm và tiêu diệt hai gã đã cướp cả xe lẫn quân phục của tư lệnh và trợ lý.

Meretskov không thể bắt đầu cuộc săn tìm ngay lập tức vì không có quân phục tư lệnh. Tìm ra một thợ may trong khu lều trại này không dễ gì, ngay cả khi tìm được thì họ vẫn gặp rắc rối vì thiếu cả những thứ tầm thường như cây kim sợi chỉ. Tất cả các xưởng may ở Vladivostok - cũng như phần còn lại của thành phố - đã không còn tồn tại.

Nhưng dù sao, ba ngày sau, quân phục của tư lệnh cũng được làm xong. Tất nhiên không có huy chương, vì tên tư lệnh dỏm đã cuồn hết. Nhưng Meretskov không thể để điều đó chặn bước mình, như thế nghĩa là thừa nhận thất bại.

Dù khó khăn, Tư lệnh Meretskov vẫn kiếm được cho mình và trợ lý một chiếc POBEDA mới (hầu hết các xe quân sự đã bị

cháy rụi) và bắt đầu đi về phía nam, vào lúc bình minh, năm ngày sau khi câu chuyện khó chịu kia xảy ra.

Tại biên giới Triều Tiên, nghi ngờ của ông đã được xác nhận. Một vị tư lệnh, giống như ông, đi xe POBEDA, hệt như ông, đã vượt qua biên giới, tiếp tục đi về phía Nam. Lính biên phòng chỉ biết đến thế.

Tư lệnh Meretskov cũng có kết luận như Allan năm ngày trước đó, tức là đi về phía trước là tự sát. Vì vậy, ông chuyển hướng sang Bình Nhưỡng, và vài giờ sau đã thấy mình quyết định đúng. Các lính canh tại tuyến phòng vệ bên ngoài nói với ông rằng Tư lệnh Meretskov và trợ lý đã yêu cầu gặp Thủ tướng Kim Il Sung, và được tiếp kiến cấp phó của thủ tướng. Sau đó hai lính gác bắt đầu tranh cãi. Nếu Tư lệnh Meretskov hiểu tiếng Triều Tiên, ông có thể nghe một chú lính nói với chú kia rằng mình nhận thấy hai người ấy có cái gì đó gian manh và chắc chắn họ đã đổi quần áo cho nhau, còn chú kia đáp lại nếu có hôm nào cậu còn tỉnh táo sau 10 giờ sáng thì có lẽ mọi người mới bắt đầu tin cậu được. Thế là hai chú lính bắt đầu mắng lẫn nhau ngu dốt, còn Tư lệnh Meretskov và trợ lý tiếp tục đi tới Bình Nhưỡng.

Tư lệnh Meretskov thật có thể được gặp cấp phó của cấp phó thủ tướng sau bữa trưa cùng ngày. Với tất cả quyền hạn cho phép của một tư lệnh Liên Xô, Tư lệnh Meretskov đã sớm thuyết phục cấp phó của cấp phó thủ tướng rằng cả thủ tướng và con trai đang gặp nguy hiểm đến tính mạng, và cấp phó của cấp phó thủ tướng phải ngay lập tức chỉ cho họ đường tới trụ sở chính của thủ tướng. Để không bị mất thời gian, việc di chuyển sẽ bằng chiếc Pobeda của tư lệnh vì nó nhanh gấp bốn lần so với xe bọc thép mà Kim Jong Il và hai tên tội phạm đã từng đi.

o o o

- Nào, Kim Il Sung nói, ngạo mạn nhưng đầy quan tâm. Anh là ai, ai đã cử anh tới đây và mục đích của trò bịp bợm con con này là gì?

Allan chưa kịp trả lời thì cánh cửa bật mở và Tư lệnh Meretskoy thật lao vào phòng, hét lên rằng một vụ ám sát sắp xảy ra và hai người đàn ông trong phòng là những tù nhân hình sự.

Trong giây lát, có hơi nhiều tư lệnh và trợ lý với hai người lính mang súng máy. Nhưng ngay sau khi Thủ tướng gián tiếp xác nhận rằng vị tư lệnh mới vào là thật thì hai người lính lại có thể ngấm vào kẻ giả mạo.

- Bình tĩnh nào, Kirill Afanasievich thân mến, - Kim Il Sung nói. - Tình hình đã được kiểm soát.

- Mày sẽ chết! - Tư lệnh Meretskoy tức giận nói khi thấy Allan đứng đó trong quân phục tư lệnh với tất cả huy chương trên ngực.

- Phải, họ cũng nói thế, - Allan đáp. - Đầu tiên là cậu Kim đây, rồi Thủ tướng và bây giờ là ông, Tư lệnh ạ. Người duy nhất không đòi tôi phải chết là ông, Allan quay sang vị khách của thủ tướng. Tôi không biết ông là ai, nhưng chắc là vẫn có thể hi vọng ông có ý kiến khác về vấn đề này?

- Tôi chắc chắn là không, vị khách mỉm cười đáp lại. Tôi là Mao Trạch Đông, lãnh đạo của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, và tôi có thể nói với anh một điều, rằng tôi không có bất kì sự thông cảm nào với ai đó muốn làm hại đồng chí Kim Il Sung, không, tôi chắc chắn là không.

- Mao Trạch Đông? - Allan nói. - Thật vinh dự. Cho dù tôi có sớm bị thanh toán thì ông cũng đừng quên chuyển lời chào của tôi đến phu nhân xinh đẹp của ông.

- Anh biết vợ tôi? - Mao Trạch Đông hỏi, kinh ngạc.

- Vâng, trừ khi ông Mao mới đổi vợ khác. Trước đây ông đã có thói quen làm như vậy mà. Tôi đã gặp bà Giang Thanh ở tỉnh Tứ Xuyên cách đây vài năm. Chúng tôi đi bộ khá nhiều ở vùng núi cùng với một cậu trai trẻ, An Minh.

- Anh là Allan Karlsson? - Mao Trạch Đông nói, kinh ngạc.

- Cứu tinh của vợ tôi?

Herbert Einstein không hiểu lắm, nhưng bây giờ thì ông hiểu rằng Allan bạn mình đã có chín cuộc đời và cái chết chắc chắn của họ lại đang được chuyển thành một cái gì đó khác, một lần nữa! Không thể như thế được! Herbert hành động trong hoảng loạn.

- Tôi trốn đây, tôi đang chạy trốn, bắn tôi đi, bắn đi! ông hét lên, chạy xuyên qua căn phòng, mở nhầm cửa, nhảy vào cái tủ chứa đồ dọn dẹp và ngã bổ chửng trên một cái thùng và đóng giẻ lau.

- Bạn của anh..., - ông Mao Trạch Đông nói. - Anh ta không phải là Einstein đấy chứ...

- Đừng nói thế, - Allan đáp. - Đừng nói thế.

o o o

Chẳng có gì lạ khi Mao Trạch Đông lại có mặt trong phòng đó, vì Kim Il Sung đã thiết lập trụ sở của mình ở Mãn Châu Trung Quốc, ngay bên ngoài Thẩm Dương ở tỉnh Liêu Ninh, cách Bình Nhưỡng (Bắc Triều Tiên) khoảng 500 km về phía tây bắc. Mao thích dành thời gian ở khu vực đó, nơi ông từng được ủng hộ mạnh mẽ nhất. Và ông thích đến với người bạn Bắc Triều Tiên của mình.

Dù sao cũng mất khá nhiều thời gian để dàn xếp mọi thứ cần thiết, và khiến những người muốn Allan phải chết đổi ý.

Tư lệnh Meretskoy là người đầu tiên chìa bàn tay tha thứ. Sau cùng thì Allan Karlsson cũng gánh chịu cơn điên của tư lệnh Beria y như Meretskoy (để an toàn, Allan bỏ qua chi tiết nhỏ về chuyện ông thiêu trụi cả Vladivostok như thế nào). Và khi Allan đề xuất rằng mình và tư lệnh nên đổi quân phục cho nhau để tư lệnh lấy lại huy chương thì mọi tức giận của tư lệnh tan biến.

Kim Il Sung, về phần mình, cũng không tức giận gì mấy. Allan không bao giờ có ý định làm hại thủ tướng. Kim Il Sung chỉ lo lắng là con trai mình cảm thấy bị lừa.

Cậu Kim vẫn còn gào khóc và hét lên và tiếp tục đòi tử hình Allan ngay lập tức, theo cách bạo lực càng tốt. Cuối cùng, Kim Il Sung phải bộp mạnh vào tai cậu con và ra lệnh cậu phải im mồm ngay nếu không sẽ bị bộp tiếp.

Allan và Tư lệnh Meretskoy được mời ngồi xuống chiếc sofa của Kim Il Sung, rồi đến Herbert ủ rũ sau khi chui ra khỏi các thứ trong chiếc tủ đựng đồ lau dọn.

Thân thế của Allan được khẳng định rõ ràng khi cậu đầu bếp hai mươi tuổi của Mao được gọi vào phòng. Allan và An Minh ôm chầm lấy nhau một lúc lâu, cho đến khi Mao ra lệnh An Minh quay vào bếp làm một ít mì ăn đêm.

Mao Trạch Đông biết ơn Allan vô hạn vì đã cứu mạng Giang Thanh. Ông giải thích rằng ông sẵn sàng giúp Allan và bạn đồng hành bất cứ điều gì họ muốn, và không có giới hạn. Kể cả ở lại Trung Quốc, nơi Mao Trạch Đông đảm bảo rằng Allan và bạn sẽ sống một đời thoải mái và được trọng vọng.

Nhưng Allan trả lời rằng đến giờ, xin ông Mao lượng thứ cho, mình đã nếm trải quá đủ với chủ nghĩa cộng sản, và mong muốn được thư giãn ở chỗ nào đó, nơi ông có thể làm một ly rượu mạnh mà không phải nghe kèm một bài giảng chính trị.

Mao đáp thực ra mình có thể tha thứ cho ông Karlsson về chuyện đó, nhưng Karlsson chỗ nên hi vọng quá nhiều về việc tránh né nó trong tương lai, vì chủ nghĩa cộng sản đang thành công ở khắp mọi nơi và chẳng bao lâu sẽ chinh phục toàn bộ thế giới.

Đáp lại, Allan hỏi liệu có ai trong các quý ông ở đây có thể chỉ cho mình nơi nào họ nghĩ rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ mất thời gian lâu nhất để thâm nhập, tốt nhất là nơi ấy lại có nắng trời, bãi biển cát trắng, và có thể uống cái gì đó khác hơn là rượu chuối xanh kiểu Indonesia.

- Tôi thực sự nghĩ mình cần được đi nghỉ, - Allan nói. - Vì tôi chưa bao giờ được nghỉ cả.

Mao Trạch Đông, Kim Il Sung và Tư lệnh Meretskov bắt đầu bàn bạc với nhau. Đảo Caribê như Cuba là một khả năng, họ kết luận rằng khó có thể tưởng tượng một nơi nào đó tư bản hơn. Allan cảm ơn họ về lời khuyên, nhưng nói rằng vùng Caribê xa đây khủng khiếp, thêm nữa, ông nhận ra mình chẳng có tiền, cũng không hộ chiếu, vì thế, ông phải hạ thấp tham vọng phần nào.

Tiền và hộ chiếu, ông Karlsson không phải lo. Mao Trạch Đông hứa sẽ cung cấp cho Allan và bạn giấy tờ giả để họ có thể đi bất cứ nơi nào họ muốn. Ông cũng sẽ tặng họ một đồng đô la, mà ông đang thừa thãi - đó là tiền mà Tổng thống Truman ở Mỹ đã gửi đến Quốc Dân Đảng và Quốc dân đảng đã bỏ quên trong lúc vội vã bay đi Đài Loan. Tuy nhiên, vùng Caribê quả là ở đầu kia của quả đất, do đó, cũng nên nghĩ đến các giải pháp khác.

Trong lúc ba ông trùm cộng sản tiếp tục bàn bạc xem nên cho người đi ứng với hệ tư tưởng của họ đi nghỉ ở đâu thì Allan thầm cảm ơn Harry Truman vì số tiền.

Philippines nổi lên như một gợi ý, nhưng nó lại bị chê là mất ổn định về chính trị. Cuối cùng, Mao Trạch Đông đề nghị là Bali. Tất nhiên Allan đã phản nản về rượu chuối Indonesia và khiến Mao nghĩ đến Indonesia. Nơi đấy không thuộc cộng sản, mặc dù cộng sản vẫn lấp ló trong bụi, như ở khắp mọi nơi, trừ Cuba. Mà tại Bali có nhiều thứ khác chứ không chỉ mỗi rượu chuối, Chủ tịch Mao đã chắc chắn thế.

- OK, thế thì là Bali, - Allan nói. - Anh cùng đi chứ, Herbert?

Herbert Einstein đã dần dần quen với thực tế rằng mình sẽ sống lâu hơn một chút, và ông gật đầu chán nản với Allan. Phải, ông sẽ đi theo, chứ còn làm gì khác được nữa?

CHƯƠNG 19

Thứ Tư ngày 11 tháng Năm - Thứ Tư ngày 25 tháng Năm 2005

Những kẻ đào tẩu và người bị xem là đã chết ở trại Bellringer đã cố gắng ẩn giấu khá thành công. Trang trại nằm cách đường chính 200 mét, và từ góc nhìn đó, trang trại và nhà kho nằm thẳng một hàng che khuất cái sân, làm thành một khu vực tự do cho Sonya. Nó có thể đi dạo giữa nhà kho và vạt rừng nho nhỏ đằng sau trang trại, mà không bị người đi trên đường chính nhìn thấy.

Cuộc sống ở trang trại thực ra khá dễ chịu. Benny băng bó vết thương của Pike và cấp một ít thuốc cần thiết. Buster khoái cảnh quan rộng mở của vùng đồng bằng Västgöta nhìn ra các vùng đất thấp phía đông Thụy Điển, còn Sonya thì ở đâu cũng được miễn là không bị đối và được Người Đẹp - ân nhân và người chăm sóc nó - thỉnh thoảng đến nói với nó vài lời âu yếm. Gần đây, còn có một cụ già đi cùng và con voi thậm chí càng thích hơn.

Đối với Benny và Người Đẹp, đời tươi như buổi bình minh, và nếu không vì thực tế là đang chạy trốn pháp luật, có lẽ họ đã cưới nhau ngay rồi. Đến một độ tuổi nhất định, người ta dễ dàng nhận thấy ngay cái gì là phù hợp.

Cùng lúc ấy, Benny và Bosse trở thành anh em thân thiết hơn bao giờ hết. Khi Benny làm cho Bosse hiểu rằng mình đã trưởng thành, mặc dù uống nước ép trái cây thay vì vodka, mọi thứ trơn tru hơn nhiều. Và Bosse rất ấn tượng bởi mọi thứ mà Benny biết. Nghĩ mà xem, có lẽ việc mài mòn đũng quần ở đại học cũng không đến nỗi ngổ ngẩn hay quá lãng phí thời gian?

Cứ như thể cậu em trai của bác đã trở thành một người anh trai, cảm giác thật hay, Bosse nghĩ.

Allan không quấy rầy gì nhiều. Ông ngồi trên văng suốt ngày, dù lúc này thời tiết đã bắt đầu như ở Thụy Điển vào tháng năm. Thỉnh thoảng Pike cũng đến ngồi cạnh cụ tán chuyện.

Trong một buổi trò chuyện giữa Allan và Pike, họ còn chia sẻ tưởng tượng về cõi niết bàn. Cả hai đều nghĩ rằng sự êm đềm hoàn hảo và tuyệt đối này có thể tìm thấy trên ghế sofa, dưới bóng dù che trong một khí hậu đầy nắng và ấm áp, nơi các nhân viên phục vụ đồ uống ướp lạnh các loại khác nhau. Allan kể với Pike ông đã có một thời sung sướng trên đảo Bali, khi ông được đi nghỉ hè bằng tiền của Mao Trạch Đông.

Nhưng khi đề cập đến chuyện uống gì thì Allan và Pike mỗi người một ý. Ông lão trăm tuổi muốn vodka cola hoặc vodka nho. Vào dịp lễ hội hơn, cụ có thể nhâm nhi vodka nguyên chất. Còn Pike Gerdin, thì lại thích rượu màu. Tuyệt nhất là màu da cam ánh vàng như màu hoàng hôn. Và phải cắm thêm một chiếc dù nhỏ. Allan thắc mắc Pike muốn một chiếc dù trong ly của mình để làm quái gì. Nó có uống được đâu. Pike đáp Allan quả đã đi năm châu bốn biển, và chắc chắn biết đủ thứ hơn là gã tù đơn giản từ Stockholm này, nhưng chuyện này cụ chẳng hiểu được đâu.

Thế là hai bên tranh cãi về niết bàn mất một lúc. Một người già gấp đôi người kia, một người lại bự con gấp đôi, nhưng họ khá là ổn với nhau.

Ngày lại ngày (rồi hàng tuần) trôi qua, cánh báo chí thấy ngày càng khó khăn hơn để hâm nóng mãi câu chuyện - về nghi can giết ba mạng người và tay sai của hắn. Sau một hai ngày, đài truyền hình, các tờ báo quốc gia và địa phương đã ngừng đưa tin, với quan điểm cổ điển và dè chừng là nếu chẳng có gì để nói thì đừng nói gì cả.

Các tờ báo chiều - Aftonbladet và Expressen, báo lá cải của Thụy Điển - gắng giữ lâu hơn. Nếu không có gì để nói thì vẫn có thể phỏng vấn và trích lời ai đó không hiểu rằng mình cũng chẳng có gì để nói. Expressen định chơi trò đoán bài Tarot để suy ra nơi ở của Allan, nhưng rồi cũng thôi. Chuyện về Allan Karlsson đến giờ là đủ rồi. Đi tiếp đánh hơi cục phân tiếp theo... như người ta nói để tìm dấu vết. Có nghĩa là đã đến lúc tìm cái gì đó khác để câu khách rộng rãi. Nếu chẳng có gì khác thì cứ viết về chế độ ăn kiêng giảm béo kì diệu mới nhất. Nó luôn luôn được việc.

Thế là, báo để những bí ẩn về cụ già trăm tuổi rơi vào lãng quên - với một ngoại lệ. Trên tờ báo địa phương Kuriren Eskilstuna có vài tin tức về mấy chuyện khác có dính líu đến vụ mất tích của cụ Allan Karlsson, ví dụ như phòng vé ở trung tâm giao thông giờ đã được trang bị cánh cửa an toàn chống lại các cuộc tấn công trong tương lai. Và xơ Alice tại Nhà Già đã quyết định hủy bỏ quyền sử dụng phòng của Allan Karlsson, chuyển giao nó cho người khác, người “biết đánh giá cao sự quan tâm ấm áp của nhân viên”.

Tuy nhiên mỗi bài báo đều có điểm lại các sự kiện rằng cảnh sát cho rằng Allan Karlsson đã trèo qua cửa sổ phòng mình mình ở Nhà Già tại Malmköping.

Riêng tờ Kuriren Eskilstuna có một chủ bút (kiêm tổng biên tập) khủng long, với quan điểm lỗi thời kinh khủng, rằng một công dân vẫn vô tội cho đến khi bị chứng minh ngược lại. Vì vậy, tờ Kuriren rất cẩn thận khi điểm tên những người trong vụ việc. Tờ này vẫn gọi Allan Karlsson là Allan Karlsson, nhưng Julius Jonsson thì được gọi là “người đàn ông sáu mươi bảy tuổi” và Benny Ljungberg là “chủ quầy bánh mì kẹp”.

Điều này khiến cho một hôm, có người đàn ông giận dữ gọi điện cho Chánh Thanh tra Aronsson ở văn phòng của ông. Người

đàn ông cho biết muốn giữ kín danh tính, nhưng ông có một cảm giác mãnh liệt rằng mình có lời khuyên có tính chất quyết định về vụ mất tích của Allan Karlsson, kẻ tình nghi giết người.

Chánh Thanh tra Aronsson nghe điện thoại và nói rằng ông đang cần lời khuyên quyết định đây, và nguồn tin theo ông có thể hoàn toàn vô danh.

Uâng, nó là thế này, người đàn ông đã đọc tất cả các bài báo trên tờ Kuriren Eskilstuna tháng trước và suy nghĩ rất cẩn thận về những gì đã xảy ra. Người đàn ông nói rằng mình không có nhiều thông tin như Chánh Thanh tra, nhưng xét theo những gì ông đã đọc trên báo, có vẻ như cảnh sát đã chưa kiểm tra đầy đủ gã người nước ngoài.

- Tôi chắc chắn ông sẽ tìm thấy thủ phạm thực sự ở đây, - người đàn ông vô danh nói.

- Người nước ngoài nào? - Chánh Thanh tra Aronsson hỏi.

- Uâng, tôi không biết tên anh ta có phải là Ibrahim hay Muhammed, vì tờ báo luôn gọi anh ta là 'chủ quầy bánh mì kẹp', mà ta cũng không đủ thực tế để biết gã người Thổ, Ả Rập hoặc đại loại như thế. Chẳng có người Thụy Điển nào lại mở một quầy bánh kẹp. Càng không ở làng đức Akers. Chỉ có người nước ngoài mới làm thế và không đóng thuế.

- Trời ơi, Aronsson nói. Thế thì nhiều quá. Có thể cùng lúc là người Thổ và người Hồi giáo, hoặc người Ả Rập và Hồi giáo, biết đâu đấy. Ý tôi là, nếu nói thực thì...

- Thế thì hẳn là một tay Thổ và theo Hồi giáo! Thậm chí còn tệ hơn! Ông càng phải kiểm tra kĩ thân thế của hắn! Hắn và gia đình chết tiệt của hắn. Hắn phải có một trăm người thân ở đây, và tất cả sống nhờ tiền An Sinh Xã Hội.

- Không phải là một trăm, - Chánh Thanh tra nói. - Người thân duy nhất của hắn chỉ là một ông anh...

Và thế là một ý tưởng bắt đầu nảy mầm trong đầu Chánh Thanh tra Aronsson. Vài tuần trước đó, Aronsson đã ra lệnh tiến hành một cuộc điều tra gia đình của Allan Karlsson, Julius Jonsson và Benny Ljungberg. Điều tra để xem liệu có cô chị em, họ hàng hay con cháu gì đó, tóc đỏ càng tốt, sống ở Småland không. Đây là trước khi họ tìm ra Gunilla Björklund. Kết quả thật ít ỏi. Chỉ có một tên, và ở thời điểm đó nó chẳng nói lên tí gì liên quan, nhưng có lẽ bây giờ...? Vì Benny Ljungberg có một người anh em sống ngay bên ngoài Falköping. Có phải họ đang ẩn nấp ở nhà đó không? Suy nghĩ của Chánh Thanh tra bị gián đoạn vì người đưa tin vô danh.

- Thế gã anh trai ấy đặt quầy bánh mì của mình ở đâu? Hắn trả thuế bao nhiêu? Họ đến đây, giết chết thế hệ trẻ Thụy Điển ngoan ngoãn của chúng ta, việc nhập cư hàng loạt này phải dừng lại sớm! Ông có nghe tôi nói không?

Aronsson đáp ông nghe, và cảm ơn lời khuyên của người đàn ông mặc dù chủ quầy bánh mì ở đây tên là Ljungberg và là người Thụy Điển chính gốc, không phải người Thổ hay Ả Rập. Còn Ljungberg có theo đạo Hồi hay không thì Aronsson không rõ. Mà cũng không quan tâm.

Người đàn ông nói ông ta thấy câu trả lời của Chánh Thanh tra có gì đó khiêu khích và nhận ngay ra thái độ xã hội dân chủ đó.

- Có rất nhiều người nghĩ giống tôi, và số chúng tôi ngày càng tăng. Ông sẽ thấy trong cuộc bầu cử năm tới, người đàn ông vô danh hăm he.

Chánh Thanh tra Aronsson e rằng ông ta nói đúng về điểm cuối cùng. Điều tồi tệ nhất mà người biết điều và nắm đủ thông

tin như Chánh Thanh tra có thể làm là bảo thẳng loại dốt nát như người đàn ông vô danh kia biến đi, và kết thúc cuộc trò chuyện. Còn nếu có trách nhiệm thì phải giải thích thực tế là như thế nào. Chánh Thanh tra nghĩ, rồi bảo người đàn ông vô danh kia biến đi, và chấm dứt cuộc nói chuyện.

Aronsson gọi điện cho công tố viên Ranelid nói rằng sớm hôm sau ông dự định, nếu công tố viên cho phép, đi đến Västergötland để theo dõi tin mới về vụ cụ già trăm tuổi và đồng bọn (Aronsson thấy không cần phải kể với công tố viên rằng mình đã biết về sự tồn tại của anh trai Benny

Ljungberg vài tuần nay). Công tố viên Ranelid chúc Aronsson may mắn và lại thấy dấy lên hi vọng rằng mình sẽ sớm được ngồi trong nhóm các công tố viên để kết tội ai đó giết người hoặc ngộ sát (hay ít nhất là đồng lõa với thủ phạm) mặc dù thực tế là không thể tìm thấy xác người chết. Và đây sẽ là vụ đầu tiên trong lịch sử hình sự có đến mấy nạn nhân. Nhưng trước hết Karlsson và các cộng sự phải khám phá ra vụ việc đã, đó chỉ là vấn đề thời gian thôi. Thậm chí Aronsson có thể tìm ra ngay ngày hôm sau ấy chứ?

Đã gần 5 giờ chiều và công tố viên đang sửa soạn về, vừa huýt sáo khe khẽ vừa để tâm trí rong chơi. Ông có nên viết một cuốn sách về vụ này không? Chiến thắng vĩ đại nhất của ngành Tư pháp. Tiêu đề thế có được không? Quá khoe khoang? Đại thắng của Pháp luật. Hay hơn. Và khiêm tốn hơn. Hoàn toàn phù hợp với nhân vật của nhà văn.

CHƯƠNG 20

1953-1968

Mao Trạch Đông đã cấp cho Allan và Herbert hộ chiếu giả của Anh (ông có thể làm được điều đó). Từ Thẩm Dương, họ đáp máy bay qua Thượng Hải, Hồng Kông và Malaysia. Chẳng bao lâu sau, hai kẻ đào tẩu từ Gulag đã được ngồi dưới bóng dù trên bãi biển cát trắng cách Ấn Độ Dương vài mét.

Tất cả sẽ hoàn hảo nếu cô phục vụ, thực ra đầy thiện ý, không nhằm lẫn lung tung hết cả. Dù Allan và Herbert có gọi uống thứ gì thì cũng bị đưa cho cái khác. Đây là nếu họ có gì để uống, vì đôi khi cô phục vụ biến mất tăm trên bãi biển. Lần cuối cùng Allan gọi một vodka và Coca-Cola (“nhiều vodka hơn cola một chút”) thì lại được Pisang Ambon, một thứ rượu chuối xanh len lét.

- Quá đủ rồi, - Allan nói và định đi khiêu nại với quản lý khách sạn, đòi một cô hầu bàn mới.

- Bước qua xác tôi nhé? - Herbert nói. - Cô ấy cực kì quyến rũ!

Cô hầu bàn tên là Ni Wayan Laksmi, ba mươi hai tuổi và lẽ ra phải lấy chồng từ lâu. Trông cô khá xinh, nhưng không phải từ một gia đình tử tế, không có tiền, và nhất là ai cũng biết cô thông minh như kodok, một con ếch Bali. Vì vậy, Ni Wayan Laksmi bị ế lại khi bọn con trai chọn vợ và con gái chọn trai trên đảo (nếu có thể tự chọn cho mình).

Cô chẳng lấy làm phiền lắm, vì luôn cảm thấy không thoải mái khi ở bên đàn ông. Và cả với phụ nữ nữa. Trên thực tế là với bất kì ai. Cho đến lúc này! Vì một trong hai khách đa trắng mới ở khách sạn có cái gì đó thực sự đặc biệt. Tên chàng là Herbert và cử như thể là... họ có một cái gì đó chung.

Chàng phải hơn cô ít nhất ba mươi tuổi, nhưng cô thấy không quan trọng, vì cô đang... yêu! Và cảm giác của cô đã được đáp lại. Herbert chưa từng bao giờ gặp bất cứ ai chậm hiểu như mình.

Hồi Ni Wayan Laksmi sinh nhật mười lăm tuổi, cô đã được cha tặng một cuốn sách ngôn ngữ. Ý ông là con gái sẽ dùng nó để học tiếng Hà Lan, vì Indonesia lúc đó là thuộc địa của Hà Lan. Sau bốn năm đánh vật với cuốn sách, một ngày kia có người Hà Lan đến thăm gia đình. Lúc đó, Ni Wayan Laksmi lần đầu tiên dám thử tiếng Hà Lan đã học bao công khó nhọc, và được biết mình đang nói tiếng Đức. Cha cô, người cũng không sáng láng cho lắm, đã tặng cô cuốn sách sai.

Bây giờ, mười bảy năm sau, rủi hóa may, vì Ni Wayan Laksmi và Herbert có thể trò chuyện và bày tỏ tình yêu với nhau.

Chuyện xảy ra sau đó là Herbert xin một nửa bó đôla mà Mao Trạch Đông đã cho Allan, rồi tìm cha của Ni Wayan Laksmi và xin cưới cô con gái lớn của ông. Ông bố cứ tưởng đang bị giễu cợt. Một người nước ngoài, da trắng, với túi tiền đầy ắp, lại xin cưới đứa con gái ngu ngốc nhất của ông. Ngay việc ông ta gõ cửa đã là một sự kiện chấn động. Gia đình Ni

Wayan Laksmi thuộc giai cấp Sundra, tầng thấp nhất trong bốn đẳng cấp ở Bali.

- Ông có vào đúng nhà không đấy? - Ông bố hỏi. - Và ý ông là với con gái lớn của tôi?

Herbert Einstein đáp thực ra mình thường lẫn lộn mọi thứ, nhưng riêng lần này, ông khá chắc chắn là mình không nhầm.

Hai tuần sau đám cưới diễn ra, sau khi Herbert đã cải đạo... tên là đạo gì thì ông quên mất rồi. Nhưng nó thật vui, với đầu voi và các thứ đại loại thế.

Trong suốt hai tuần, Herbert cố gắng để học tên người vợ mới của mình, nhưng cuối cùng ông đành bỏ cuộc.

- Em yêu, - ông nói. - Anh không thể nhớ được tên em. Tha thứ cho anh nếu anh gọi em là Amanda nhé?

- Không sao đâu, Herbert thân yêu. Amanda nghe rất hay. Nhưng sao lại là Amanda?

- Anh chẳng biết, - Herbert nói. - Em có ý gì hay hơn không?

Ni Wayan Laksmi không có, thế là, từ lúc đó, cô thành Amanda Einstein.

Herbert và Amanda mua một ngôi nhà ở làng Sanur, không xa cái khách sạn và bãi biển nơi Allan ở. Amanda thôi việc hầu bàn, cô nghĩ sớm muộn thì mình cũng bị sa thải vì cô chẳng bao giờ làm được gì đúng cả. Còn bây giờ, họ phải nghĩ xem cô và Herbert nên làm gì cho tương lai.

Cũng giống như Herbert, Amanda nhầm lẫn mọi thứ có thể nhầm được. Trái thành phải, trên thành dưới, đây thành kia... Vì thế, cô không thể học được cái gì. Ít nhất thì nó cũng đòi hỏi phải tìm được đường đến trường.

Nhưng giờ Amanda và Herbert có cả đồng đôla và thế thì mọi thứ chắc chắn sẽ đâu vào đó. Amanda công nhận là mình cực kì không thông minh, cô giải thích với chồng, nhưng cô không ngu!

Rồi cô bảo Herbert ở Indonesia tất cả mọi thứ đều được bán, thế rất tiện cho ai có tiền. Herbert không hiểu lắm vợ nói gì, và Amanda biết nó cũng khó mà hiểu được, cho nên thay vì giải thích thêm, cô nói:

- Herbert thân yêu, cho em biết anh muốn gì cho mình.

- Ý em là gì? Em định nói... kiểu như có thể lái xe á?

- Vâng, đúng thế! - Amanda đáp.

Rồi cô xin lỗi vì có việc phải làm. Nhưng cô sẽ trở lại trước bữa ăn tối.

Ba tiếng sau, cô đã về nhà. Mang theo giấy phép lái xe mới tinh mang tên Herbert. Nhưng không chỉ có thế. Cô còn có tấm bằng tốt nghiệp cho thấy Herbert là người hướng dẫn lái xe và tờ chứng nhận rằng cô đã mua cả trường lái xe địa phương và đặt cho nó cái tên mới: Trường Lái xe của Einstein.

Thật tuyệt vời, Herbert nghĩ, nhưng... nó không làm anh lái xe thạo hơn, phải không? À, có chứ, theo một cách nào đó thì có, Amanda giải thích. Vì bây giờ anh đã có địa vị. Giờ anh là người quyết định thế nào là lái xe giỏi và thế nào không. Sự đời chưa chắc cái gì đúng là đúng, mà là do người có quyền quyết định nói là đúng.

Mặt Herbert sáng bừng lên: ông đã hiểu?

Trường Lái xe Einstein chẳng mấy chốc trở thành một công ty thành công. Hầu như tất cả mọi người trên đảo, những người cần giấy phép lái xe đều muốn được người da trắng để thông cảm dạy cho. Và Herbert nhanh chóng phát triển vai trò này. Ông tự dạy tất cả các bài học lý thuyết, và giải thích một cách thân thiện nhưng rất có uy rằng quan trọng là không nên lái xe quá nhanh trên đường vì sau đó bạn có thể bị đâm xe. Cũng không nên lái xe quá chậm, vì thế thì bạn cản trở giao thông. Ông thầy này có vẻ rất biết mình đang nói gì.

Sáu tháng sau, hai trường dạy lái xe khác trên đảo phải đóng cửa vì không có học viên, và Herbert thành ra độc quyền. Ông khoe với Allan chuyện này trong buổi dạo thăm biển hàng tuần.

- Tôi tự hào về anh đấy, Herbert ạ. - Allan nói. - Cái chuyện anh trong số bao nhiêu người lại thành thầy dạy lái xe ấy! Và đứng ở nơi lái xe bên trái và đủ thứ nữa...

- Lái xe bên trái á? Ở Indonesia họ lái xe bên trái à?

Amanda cũng đang bận bịu, trong lúc Herbert mới xây dựng công ty mà cô đã tặng như một món quà. Đầu tiên, cô phải được học hành tử tế, và giờ đã có bằng kinh tế. Cũng phải mất vài tuần và tốn khối tiền, nhưng cuối cùng, cô cũng nắm mảnh bằng trong tay. Đố đầu một trong những trường đại học tốt nhất ở Java.

Với trình độ đại học, cô đi dạo một lúc lâu dọc bờ biển Kuta và suy nghĩ rất lung. Cô nên làm gì để gây dựng tương lai tốt đẹp cho gia đình mình? Ngay cả với tấm bằng kinh tế thì cũng khá khó nghĩ. Nhưng có lẽ cô nên... có thể là... phải, nếu... Mình nhất định sẽ làm thế, Amanda Einstein nghĩ.

- Em sẽ làm chính trị!

Amanda Einstein thành lập Đảng Giải Phóng Dân Chủ Tự Do (cô nghĩ ba từ tự do, dân chủ và giải phóng nghe hay hay). Ngay lập tức, cô có sáu nghìn đảng viên ảo, tất cả đều nhất trí cô nên đứng ra ứng cử làm thống đốc ngay mùa thu này. Vị thống đốc hiện tại sẽ phải xuống vì lí do tuổi tác, và trước khi Amanda nảy ra ý tranh cử thì chỉ có mỗi một ứng cử viên thay thế. Bây giờ là hai. Một người là đàn ông, thành phần trí thức, còn một người là phụ nữ, giai cấp bình dân. Kết quả cuộc bầu cử rõ là bất lợi cho Amanda. Trừ một thực tế là cô có rất nhiều đôla.

Herbert không phản đối vợ mình theo đuổi chính trị, nhưng ông biết Allan, ngồi dưới cái dù che nắng, vốn ghét chính trị và sau nhiều năm ở Gulag thì càng không ưa cộng sản.

- Chúng ta sắp biến thành cộng sản đấy à? - Ông bực bội hỏi.

Không, Amanda không nghĩ thế. Từ đó có trong tên đảng đâu. Nhưng nếu đúng là Herbert muốn thành cộng sản thì họ có thể thêm vào.

- Đảng Giải Phóng Cộng Sản Dân Chủ Tự Do, - Amanda nói và cảm thấy cái tên trơn tru trên môi mình. - Có lẽ hơi dài một chút, nhưng mà ổn.

Song ý Herbert không phải thế. Mà là ngược lại, ông nghĩ. Đảng càng ít màu sắc chính trị càng hay. Rồi họ bắt đầu bàn bạc về tài trợ cho chiến dịch của mình thế nào. Theo Amanda, khi chiến dịch xong thì họ cũng không còn nhiều đôla lắm nữa, vì cần rất nhiều tiền để chiến thắng. Herbert nghĩ thế nào?

Herbert đáp ông chắc rằng Amanda là người hiểu vấn đề nhất trong nhà. Cũng chẳng có mấy người để mà so tài.

- Tuyệt, - Amanda nói. - Thế thì mình sẽ dùng một phần ba số vốn cho chiến dịch bầu cử của em, một phần ba hối lộ cho những người đứng đầu hội đồng bầu cử các quận, một phần ba để ném bùn làm mất uy tín đối thủ chính, còn lại một phần ba mình giữ để sống nếu việc không thành. Anh nghĩ sao?

Herbert gãi gãi mũi và chẳng nghĩ ngợi gì ráo. Nhưng ông kể với Allan kế hoạch của Amanda và Allan thở dài với ý nghĩ người chẳng phân biệt nổi rượu chuối với vodka mà đòi làm thống đốc ư? Nhưng thế thì sao, họ bắt đầu với một đồng đôla của Mao Trạch Đông, và nửa của Allan còn rất nhiều. Thế là ông hứa với Herbert và Amanda là mình sẽ tặng họ một ít sau cuộc bầu cử. Nhưng sau đó thì ông không muốn nghe thêm những dự án về những thứ mà Herbert và Amanda cũng chẳng hiểu gì nữa.

Herbert cảm ơn nhã ý của ông. Allan thật tử tế, chắc chắn là thế.

Tuy nhiên, hỗ trợ của Allan hóa ra không cần thiết. Cuộc bầu cử thống đốc hoàn toàn thắng lợi cho Amanda. Cô nắm hơn 80 % phiếu bầu, còn đối thủ chỉ có 22 %. Phe đối thủ nghĩ tổng số phiếu bầu vượt quá một trăm chứng tỏ cuộc bầu cử không công bằng, nhưng tòa án bác ngay đơn kiện và đe dọa những hậu quả mà ông ta sẽ phải gánh chịu nếu xúc phạm đến bà Einstein, thống đốc tương lai. Ngay trước khi tòa tuyên bố, Amanda đã tình cờ ngồi uống trà với ngài chánh án tòa.

o o o

Trong khi Amanda Einstein từng bước chậm mà chắc chiếm lĩnh hòn đảo thì chồng cô, Herbert dạy mọi người lái xe (trong khi cố gắng càng ít phải ngồi sau tay lái càng tốt), còn Allan ngồi trên chiếc ghế dài bên bờ biển với ly đồ uống khoái khẩu trên tay. Từ khi Amanda bận rộn việc khác thay vì phục vụ du khách thì ông gần như luôn gọi được đúng thứ mình yêu cầu.

Ngoài việc ngồi đấy nhâm nhi đồ uống, Allan cũng lướt qua mấy tờ báo quốc tế mình đã đặt, ăn khi nào đói, ngủ trưa trong phòng khi thấy mệt.

Hàng ngày, hàng tuần rồi tháng, năm trôi qua, Allan chẳng bao giờ chán nghỉ hè. Mười lăm năm sau, ông vẫn còn một đồng đôla. Một phần vì hồi đầu, ông có nhiều thật, nhưng cũng vì Amanda và Herbert Einstein có lúc làm chủ khách sạn mà ông trợ và miễn phí cho Allan.

Allan giờ đã sáu mươi ba tuổi và vẫn chẳng đi đâu nếu không cần thiết, trong khi Amanda ngày càng thành công lớn về chính trị. Cô rất được công chúng yêu mến, nếu nhìn vào cuộc thăm dò ý kiến thường kì do Viện Thống kê địa phương của các chị em cô tiến hành. Bên cạnh đó, Bali được tổ chức nhân quyền

xếp vào khu vực ít bị tham nhũng nhất trong cả nước. Đó là nhờ Amanda đã hối lộ hết cả ủy ban của tổ chức này.

Chiến dịch chống tham nhũng là một trong ba điểm nhấn của thống đốc Amanda, nhất là việc cô đưa bài học chống tham nhũng vào trong tất cả các trường học tại Bali. Ban đầu, một hiệu trưởng ở Denpasar đã phản đối - vì cho rằng chuyện này sẽ phản tác dụng. Nhưng rồi Amanda cất nhắc ông ta lên làm chủ tịch Hội đồng quản trị trường với lương tăng gấp đôi, thế là mọi việc lại trôi chảy.

Việc thứ hai là cuộc đấu tranh chống cộng sản của Amanda. Chuyện này xảy ra ngay trước khi cô được tái đắc cử lần đầu tiên, cô đã cấm đảng cộng sản địa phương khi nó trên đà phát triển đe dọa quyền lợi của mình. Theo cách đó, cô đã thắng cuộc bầu cử với số tiền ít hơn cần thiết rất nhiều.

Việc thứ ba, Amanda được Herbert và Allan giúp. Nhờ có họ, cô phát hiện ra phần còn lại của trái đất có rất nhiều nơi không phải lúc nào cũng 30 độ C quanh năm. Đặc biệt là ở chỗ gọi là Châu Âu thì cực kì lạnh, nhất là vùng cực Bắc nơi Allan sinh ra. Vì vậy, cô khuyến khích du lịch phát triển bằng cách cho phép xây những khách sạn sang trọng trên chỗ đất mà mình vừa mua.

Thêm nữa, cô hết sức chăm lo đến bè bạn, họ hàng mình. Bố, mẹ, các em, chú bác, cô dì, anh em họ cô chẳng bao lâu đều nắm giữ các vị trí quan trọng, béo bở trong xã hội Bali. Điều này khiến cho Amanda lại tái đắc cử thống đốc không dưới hai lần. Lần thứ hai, con số phiếu bầu và người bầu thậm chí còn cao hơn.

Sau vài năm, Amanda cũng sinh được hai cậu quý tử, đầu tiên là Allan Einstein (để cảm ơn Herbert và Allan về mọi thứ),

sau đó là Mao Einstein (về đồng đôla đã đem lại bao nhiêu điều tốt lành).

Nhưng một ngày kia, mọi thứ trở nên khó khăn kinh khủng. Bắt đầu là Gunung Agung, ngọn núi lửa cao 3.000 mét phun trào. Hậu quả ngay lập tức cho Allan, ở cách đây 70 km, là khói che kín mặt trời. Với những người khác còn tệ hại hơn. Hàng nghìn người chết, số đông hơn phải di rời khỏi hòn đảo. Nữ thống đốc nổi tiếng của Bali không ra được quyết định gì xứng với danh tiếng của mình. Cô thậm chí còn không biết rằng mình phải ra một số quyết định.

Ngọn núi lửa từ từ dịu xuống, nhưng tình hình chính trị và kinh tế trên hòn đảo vẫn sôi sục - như ở phần còn lại của đất nước này. Tại Jakarta, Suharto thay thế Sukarno, và vị lãnh đạo mới chắc chắn không nường nhẹ với các phe đối lập chính trị giống như người tiền nhiệm. Ngay lập tức, Suharto bắt đầu săn lùng những người cộng sản, bị coi là, tình nghi là hay có khả năng là cộng sản, cả những người khó có thể là công sản và những kẻ gây thơ lập dị. Chẳng bao lâu, khoảng hai, ba trăm ngàn người đã chết, con số này không chính xác, vì rất nhiều người gốc Hoa đã bị trục xuất bằng thuyền khỏi Indonesia với tội danh cộng sản và phải hồi hương về Trung Quốc, nơi họ lại bị đối xử như bọn tư bản.

Khi khói đã tan, không một ai trong số hai trăm triệu dân Indonesia còn theo ý tưởng cộng sản (để an toàn, giờ nó đã bị coi là tội ác). Suharto đã hoàn thành nhiệm vụ và mời chào Mỹ cùng các nước phương Tây vào chia sẻ sự giàu có của nước mình. Điều đó khiến bánh xe kinh tế chạy, tình trạng dân sinh tốt hơn, và tốt nhất là cho chính Suharto, chẳng bao lâu giàu đến khó tin. Với một người lính bắt đầu sự nghiệp quân ngũ của mình bằng buôn lậu đường thì nó quả thật không tồi.

Amanda Einstein thấy làm thống đốc không còn hay ho lắm nữa. Có lẽ khoảng tám mươi nghìn người Bali đã mất mạng bởi tham vọng của chính quyền Jakarta muốn tẩy não người dân đứng lập trường.

Trong cơn biến loạn, Herbert thừa dịp về nghỉ hưu và giờ Amanda cũng định thế mặc dù cô chưa đến bốn mươi ba tuổi. Gia đình cô đã sở hữu đất đai và khách sạn, còn số đôla lớn để khởi nghiệp giờ đã tăng lên vô số. Nghỉ hưu là được rồi, nhưng rồi cô nên làm gì nhỉ?

- Hay là cô làm Đại sứ Indonesia tại Paris? - Suharto hỏi thẳng cô sau khi tự giới thiệu mình trên điện thoại.

Suharto đã chú ý đến những việc Amanda Einstein làm ở Bali và quyết định kiên quyết cấm cộng sản địa phương của cô. Thêm nữa, ông muốn có tỉ lệ cân bằng giữa hai giới khi cử đại sứ (tỉ lệ sẽ là 24-1 nếu Amanda nhận việc).

- Paris à? - Amanda Einstein đáp. - Nó ở đâu nhỉ?

o o o

Ban đầu, Allan nghĩ rằng núi lửa phun năm 1963 có lẽ là cái điềm báo với ông rằng đã đến lúc rẽ đám. Nhưng khi khói núi lửa tan, mặt trời lại xuất hiện, mọi thứ trở lại gần như trước đây (trừ cuộc nội chiến trên đường phố vì lí do nào đó). Điềm báo vẫn chưa rõ ràng hơn nên ông chẳng để ý đến nữa. Thế là, Allan vẫn ở ì trên chiếc sofa của mình thêm vài năm nữa.

Cuối cùng là nhờ Herbert nên ông mới thực sự đóng gói và chuyển đi. Một hôm, Herbert nói rằng mình và Amanda sẽ chuyển đến Paris, nếu Allan muốn đi cùng thì bạn ông sẽ kiếm một hộ chiếu Indonesia giả thay vì hộ chiếu giả của Anh (đã quá hạn) mà Allan đã dùng. Thêm nữa, ngài đại sứ tương lai sẽ tuyển Allan vào một chân gì đó ở Đại sứ quán, Allan không vì thế mà

phải làm việc, nhưng nếu không thì người Pháp có thể gây khó khăn khi nhập cảnh.

Allan chấp nhận đề nghị đó. Đến giờ ông đã nghỉ ngơi khá đủ. Thêm nữa, Paris có vẻ là một góc bình yên và ổn định của thế giới, không có các cuộc bạo loạn như ở Bali gần đây, thậm chí ngay bên khách sạn của Allan.

Họ sẽ đi sau hai tuần nữa. Amanda bắt đầu nhận chức ở Đại sứ quán vào ngày mừng một tháng Năm.

Đó là năm 1968.

CHƯƠNG 21

Thứ Năm 26 Tháng 5, 2005

Per-Gunnar Gerdin vẫn còn ngủ nướng khi Chánh Thanh tra Göran Aronsson trở lại trang trại Bellringer và kinh ngạc phát hiện ra Allan Emmanuel Karlsson đang ngồi trên vũng ngoài hiên gỗ rộng.

Benny, Người Đẹp và Buster bận rộn mang nước vào chuồng mới của Sonya trong nhà kho. Julius đã để râu, nhờ thế nhóm cho phép ông đi cùng với Bosse đến Falkoping để mua các thú. Allan ngủ quên trên vũng đến khi Chánh Thanh tra tới đánh thức.

- Chắc cụ là Allan Karlsson? - Ông Chánh Thanh tra Aronsson hỏi.

Allan mở mắt ra và đáp cụ cũng đồ là như thế. Nhưng mặt khác, cụ lại chẳng biết ai đang gọi mình. Người lạ mặt có thể bật mí một tí về chuyện đó được không?

Chánh Thanh tra lập tức trả lời. Ông nói tên mình là Aronsson, Chánh Thanh tra lực lượng cảnh sát, rằng ông đã tìm kiếm Cụ Karlsson một thời gian và Cụ Karlsson bị bắt giữ vì tình nghi đã giết người. Bạn của Cụ Karlsson, Ông Jonsson, Ông Ljungberg và Cô Björklund cũng bị bắt vì vụ đó. Cụ Karlsson có biết họ ở đâu không?

Allan không vội trả lời. Cụ nói mình phải nghĩ cái đã, cụ vừa mới ngủ dậy và tin rằng Chánh Thanh tra hiểu điều đó. Ai lại đi cần nhằn bạn bè mình mà không suy nghĩ cẩn thận. Chắc là Chánh Thanh tra cũng đồng ý thế chứ?

Chánh Thanh tra đáp ông chỉ có một lời khuyên cho Cụ Karlsson là hãy nhanh chóng nói ra những gì cụ biết. Nhưng, quả thật, Chánh Thanh tra không cần phải vội.

Allan thấy yên tâm và mời Chánh Thanh tra ngồi lên văng, để cụ vào bếp lấy ít cà phê.

- Ông thanh tra uống cà phê với đường nhé? Hay sữa?

Chánh Thanh tra Aronsson không phải là người để cho tội phạm bị bắt giữ được phép nhặng đi lại, cho dù là xuống nhà bếp ngay cạnh đấy. Nhưng riêng vụ này thì có thể bình tĩnh một chút. Thêm nữa, từ chỗ cái văng, Chánh Thanh tra có thể nhìn rõ nhà bếp và Allan làm gì ở đó. Vì vậy, Aronsson cảm ơn Allan về lời mời.

- Sữa, cụ ạ. Không đường, - ông nói và thả mình thoải mái trên chiếc văng.

Allan, tội phạm mới bị tóm, bận rộn trong bếp. (“Thêm cái bánh quy Đan Mạch nữa nhé?”) trong lúc Chánh Thanh tra Aronsson ngồi trên hiên quan sát cụ. Aronsson không hiểu sao trước đây mình có thể suy luận quá vụng về. Tất nhiên, ông đã nhìn thấy cụ già ngoài hiên trang trại mà cứ chắc mẫm đấy là bố của Bo Ljungberg, lẽ ra chuyện đó phải đưa Aronsson đến chỗ cậu con trai và sau đó anh ta sẽ xác nhận rằng không ai trong số những kẻ bị truy nã ở quanh đây, và cả chuyến đi đến Västergötland thành ra vô ích.

Nhưng khi Aronsson đến gần cái hiên, té ra cụ già trong văng chính là Allan Karlsson. Cú bắn từ xa hóa ra lại trúng hồng tâm! Aronsson đã cư xử một cách bình tĩnh và chuyên nghiệp với Allan, nếu có thể nói ‘chuyên nghiệp’ là để cho một nghi phạm giết ba mạng người vào bếp đun cà phê, nhưng lúc này ông ngồi đó, cảm thấy mình như một kẻ nghiệp dư. Allan Karlsson, một trăm tuổi, trông chẳng có gì nguy hiểm, nhưng Aronsson phải làm gì nếu ba kẻ tình nghi kia xuất hiện, và có thể cùng với cả Bo Ljungberg, kẻ cũng đáng bị bắt vì chứa chấp tội phạm.

- Sữa không đường à? - Allan gọi với từ bếp ra. - Ở tuổi tôi, dễ quên lắm.

Aronsson lặp lại yêu cầu cho sữa vào cà phê của mình, rồi lôi điện thoại ra gọi các đồng nghiệp ở Falköping tới tiếp ứng. Để an toàn, ông cần hai xe.

Tuy nhiên, điện thoại lại nhanh hơn cả thanh tra. Nó réo lên trước khi ông có thể gọi. Tất nhiên là Aronsson trả lời. Đó là công tố viên Ranelid - với một số thông tin giật gân.

CHƯƠNG 22

Thứ Tư 25 tháng Năm 2005 - Thứ Năm 26 tháng Năm 2005

Gã thủy thủ Ai Cập đã thả thi thể bốc mùi của ‘Thùng Gỗ’ Bylund Bengt vào miệng cá Biển Đỏ cuối cùng cũng đến Djibouti để nghỉ phép ba ngày.

Trong túi quần sau của gã có cái ví của Ốc Vít với 800 crown Thụy Điển tiền mặt. Gã chẳng biết nó giá trị bao nhiêu nhưng vẫn hi vọng, và kiếm một nơi nào đó để đổi tiền.

Thủ đô của Djibouti, thật khó tin, lại trùng tên với nước này, và là một chỗ rất trẻ trung, sống động. Sống động vì Djibouti có vị trí chiến lược ở mũi Châu Phi, ngay chỗ Biển Đỏ đổ ra đại dương. Và trẻ trung vì người sống ở Djibouti không thọ. Sinh nhật năm mươi đã là một cái gì ngoại lệ.

Gã thủy thủ Ai Cập dừng lại ở chợ cá của thành phố, có lẽ định ăn một món gì chiên trước khi tiếp tục tìm nơi để đổi tiền. Ngay chỗ gã đứng có một người đàn ông địa phương, đấm mồ hôi, đứng nhấp nhồm đổi chân liên tục, mắt bồn chồn, dáo dác. Gã thủy thủ không lạ khi thấy anh ta đấm mồ hôi, vì trời ít nhất phải 35 độ C trong bóng râm, thêm nữa, người đàn ông đang mặc hai chiếc sarong, hai áo sơ mi dưới cái mũ kiểu Thổ kéo sụp xuống.

Người đàn ông đấm mồ hôi trạc hai mươi tư đến hai mươi lăm tuổi, và chẳng hề muốn sống lâu hơn. Tâm trí anh ta đang hướng về cuộc cách mạng. Không phải vì thực tế rằng một nửa dân số của đất nước bị thất nghiệp, vì cứ năm người dân thì có một người bị HIV hoặc AIDS, không vì tình trạng thiếu nước uống đến vô vọng, cũng không vì sa mạc đang lan rộng trên toàn quốc nuốt chửng số đất canh tác nhỏ đến thảm hại mà họ từng

có. Không, người đàn ông tức giận vì Mỹ đã thành lập một căn cứ quân sự ở nước này.

Mà tất nhiên không chỉ có một mình Mỹ. Lính Lê dương Pháp đã ở đây. Có một liên hệ chặt chẽ giữa Pháp và Djibouti. Nước này từng được gọi (tất nhiên bằng tiếng Pháp) là Somaliland thuộc Pháp cho đến khi họ được phép tách ra độc lập vào những năm 1970.

Nhưng ngay cạnh căn cứ lính Lê dương, Mỹ đã thương lượng quyền thành lập căn cứ riêng của mình ở một khoảng cách thuận tiện từ vùng Vịnh và Afghanistan, và quả thực một chuỗi bí kịch Trung Phi chỉ chờ dịp bùng nổ. Người Mỹ thấy thế là hay, trong khi hầu hết dân Djibouti không quan tâm. Họ còn đang bận bịu để sinh tồn ngày qua ngày.

Nhưng có một trong số họ rõ ràng có thời gian để nghĩ đến sự hiện diện của Mỹ. Hoặc có thể anh ta chỉ hơi cuồng tín với tôn giáo tốt nhất thế gian của mình.

Dù lý do thì anh ta giờ đang lang thang ở trung tâm thủ đô, tìm kiếm một nhóm lính Mỹ sắp nghỉ phép. Vừa đi, anh ta vừa căng thẳng lần tay vào sợi dây mà mình sắp kéo - vào đúng thời điểm - để thổi bay bọn Mỹ xuống địa ngục còn anh ta sẽ bay theo hướng ngược lại.

Tuy nhiên, như ta đã biết, trời nóng vĩ mô hôi (nó thường thế ở Djibouti). Quả bom gắn vào bụng và lưng anh ta còn được bọc bởi hai lớp quần áo. Kể đánh bom tự sát gần như sôi lên trong nắng mặt trời và cuối cùng anh ta vô tình kéo sợi dây hơi quá tay.

Thế là anh ta biến mình và những người không may đứng gần anh ta thành món thịt băm. Hai người Djibouti nữa chết còn chừng mười người bị thương nặng.

Không ai trong số các nạn nhân là người Mỹ. Tuy nhiên, người đứng gần kẻ ôm bom tự sát nhất hình như là người châu Âu. Cảnh sát tìm thấy ví của anh ta, lạ thay vẫn còn khá nguyên vẹn, bên cạnh phần thi thể sót lại của người sở hữu nó. Ngoài 800 crown Thụy Điển tiền mặt, chiếc ví còn chứa hộ chiếu và giấy phép lái xe.

Ngày hôm sau, lãnh sự Thụy Điển ở Djibouti đã được thị trưởng thành phố thông báo rằng các bằng chứng cho thấy công dân Thụy Điển Erik Bengt Bylund đã là nạn nhân vụ đánh bom điên rồ ở chợ cá của thành phố.

Thành phố tiếc rằng không thể giao phần còn lại của Bylund vì cơ thể anh ta bị tàn phá nặng nề. Nhưng những mảnh tử thi ngay lập tức đã được hỏa táng, với nghi thức trang trọng.

Tuy nhiên, lãnh sự Thụy Điển vẫn nhận được ví của Bylund, trong đó có hộ chiếu và giấy phép lái xe (còn số tiền dường như đã bốc hơi dọc đường). Thị trưởng bày tỏ hối tiếc rằng thành phố đã không thể bảo vệ công dân Thụy Điển, nhưng ông cảm thấy có nghĩa vụ phải chỉ ra một điều, nếu Ngài Lãnh sự cho phép.

Vấn đề thực tế là Bylund đã ở Djibouti mà không có thị thực hợp lệ. Thị trưởng không biết ông đã nêu ra vấn đề này bao nhiêu lần với người Pháp và cả Tổng thống Guelleh. Nếu người Pháp muốn đưa lính Lê dương trực tiếp đến căn cứ của mình thì đó là việc của họ. Tuy nhiên, cùng lúc đó, một người lính Lê dương rời căn cứ để đi vào thành phố Djibouti ('thành phố của tôi' như thị trưởng gọi) với tư cách dân sự thì trước hết anh ta phải có giấy tờ hợp lệ. Thị trưởng không nghi ngờ rằng Bylund là lính Lê dương nước ngoài, ông quá biết kiểu đó. Người Mỹ giữ nghiêm luật lệ không sơ sẩy, nhưng người Pháp cư xử như thời họ vẫn còn ở Somaliland.

Lãnh sự cảm ơn thị trưởng về lời chia buồn, nói đối và hứa hẹn sẽ thảo luận về vấn đề thị thực với các đại diện của Pháp vào một dịp thích hợp.

o o o

Đó là một khám phá thực sự khủng khiếp với Arnis Ikstens, người chẳng may điều khiển chiếc máy nghiền ở bãi xe hơi phế thải ở ngoại ô phía nam của Riga, thủ đô Latvia. Khi chiếc xe cuối cùng trong hàng đã bị đè bẹp dí, đột nhiên ông thấy một cánh tay người thò ra khỏi tấm kim loại hình vuông mà mới đây còn là một chiếc xe hơi.

Tất nhiên Arnis gọi điện ngay cho cảnh sát rồi bỏ về nhà mặc dù mới giữa ngày. Hình ảnh cánh tay chết còn ám ảnh anh ta một thời gian dài. Anh ta cầu Chúa rằng người này đã chết trước khi mình đè bẹp chiếc xe trong máy nghiền.

Cảnh sát trưởng ở Riga đích thân thông báo cho đại sứ Thụy Điển rằng công dân của họ, Henrik Mikael Hultén được tìm thấy đã chết trong chiếc Ford Mustang ở bãi xe hơi phế thải vùng ngoại ô phía nam Riga.

Họ chưa thể xác nhận đó chính là anh ta, nhưng các thứ trong chiếc ví mà người chết mang theo cho giả định là danh tính của anh ta như thế.

o o o

Vào lúc 11 giờ 15 sáng ngày 26 tháng Năm, Bộ Ngoại giao Thụy Điển ở Stockholm nhận được một telefax từ lãnh sự quán tại Djibouti, gồm các thông tin và tài liệu liên quan đến một công dân Thụy Điển đã chết. Tám phút sau, một bản fax thứ hai đến, về cùng một chủ đề, nhưng lần này được gửi từ Đại sứ quán ở Latvia.

Nhân viên trực ở Bộ ngoại giao nhận ra ngay tên và hình ảnh những người chết - cách đây không lâu, ông đã đọc về họ trên báo lá cải. Ông lấy làm lạ rằng họ đã chết quá xa Thụy Điển, vì các bài báo chẳng hề đưa ra gợi ý nào như thế. Nhưng đấy là việc của cảnh sát và công tố viên. Nhân viên của Bộ scan lại hai bức telefax rồi viết một e-mail chứa tất cả các thông tin liên quan đến hai nạn nhân, gửi cho phòng cảnh sát huyện ở Eskilstuna. Ở đó, một nhân viên khác đọc email, nhướn mày, và chuyển nó đến công tố viên Ranelid.

Công tố viên Ranelid thấy đời mình vỡ vụn. Vụ án ông già trăm tuổi giết ba người là bước đột phá nghề nghiệp mà Ranelid đã chờ đợi một thời gian dài, và ông thực sự xứng đáng với nó.

Nhưng bây giờ té ra nạn nhân thứ nhất đã chết ở Sörmland, ba tuần sau lại chết một lần nữa ở Djibouti. Và nạn nhân hai, đã qua đời ở Småland, rồi lại chết nữa ở Riga, Latvia.

Sau mười lần thở sâu qua cửa sổ văn phòng để mở, não công tố viên Ranelid bắt đầu làm việc trở lại. Phải điện thoại cho Aronsson, Ranelid kết luận.

Và Aronsson phải tìm thấy nạn nhân số ba. Và phải có liên hệ về ADN giữa ông già trăm tuổi và số ba. Phải là như thế.

Nếu không Ranelid đã xử sự như một thằng ngốc.

o o o

Khi Chánh Thanh tra Aronsson nghe giọng Ranelid qua điện thoại, ông lập tức bắt đầu kể với Ranelid mình đã tìm thấy Allan Karlsson và Karlsson giờ đã bị bắt (mặc dù kể bị bắt đang đứng trong bếp pha cà phê cho Aronsson).

- Về những người khác, tôi ngờ rằng họ đang ở quanh đây, nhưng tôi nghĩ tốt nhất tôi nên gọi người đến tăng cường đã...

Công tố viên Ranelid cắt ngang báo cáo của thanh tra và tuyệt vọng nói với ông rằng nạn nhân số một được tìm thấy đã chết ở Djibouti, và nạn nhân thứ hai thì ở Riga, và chuỗi bằng chứng gián tiếp đã hoàn toàn vỡ vụn.

- Djibouti? - Chánh Thanh tra Aronsson hỏi. - Nó ở đâu?

- Tôi chẳng biết, - công tố viên Ranelid nói, - nhưng nếu nó cách làng đúc Aker hơn 20 km thì lập luận của tôi bị suy yếu kinh khủng. Bây giờ, ông phải tìm thấy nạn nhân số ba, ông có nghe tôi nói không Göran? Ông phải tìm thấy anh ta.

Đúng lúc đó, Per-Gunnar Gerdin vừa tỉnh giấc, bước ra hiên. Hắn ta gật đầu một cách lịch sự nhưng có phần thận trọng với Chánh Thanh tra Aronsson đang nhìn hắn đầy kích động.

- Tôi tin chắc rằng nạn nhân số ba vừa tìm thấy tôi, ông nói.

CHƯƠNG 23

Năm 1968

Nhiệm vụ của Allan tại Đại sứ quán Indonesia tại Paris chẳng cam go gì. Đại sứ mới, bà Amanda Einstein, dành cho ông một phòng riêng với một chiếc giường và nói bây giờ Allan tự do làm gì tùy thích.

- Nhưng nếu anh làm phiên dịch giúp cho thì tốt quá, phòng khi chẳng may em phải gặp gỡ người từ các nước khác.

Allan đáp, xét tính chất công việc thì không thể loại trừ tình huống xấu như vậy. Người nước ngoài đầu tiên chắc đang đợi ngay ngày hôm sau, nếu Allan hiểu đúng.

Amanda đã vắng tục khi bị nhắc phải đến điện Élysée để nhận chức. Buổi lễ tất nhiên kéo dài không quá hai phút nhưng thế là quá đủ cho một người có thiên hướng buột mồm nói điều ngu ngốc, và Amanda chắc chắn mình có thiên hướng đó.

Allan đồng ý rằng thỉnh thoảng cô hay nhỡ mồm, nhưng chắc chắn sẽ chẳng sao trước mặt Tổng thống de Gaulle, miễn là cô chỉ nói tiếng Indonesia trong hai phút, còn nếu không chỉ cần mỉm cười và tỏ vẻ thân thiện.

- Anh vừa nói tên ông ta là gì nhỉ? - Amanda hỏi.

- Indonesia, chỉ nói tiếng Indonesia, - Allan đáp. - Hay thậm chí tốt hơn là tiếng Bali.

Rồi Allan ra ngoài đi dạo ở thủ đô nước Pháp. Phần vì ông thấy sau mười lăm năm trên ghế sofa, duỗi chân ra một tí cũng chẳng hại gì, phần vì ông vừa thấy mình qua tấm gương ở Đại sứ quán và nhớ ra mình đã không cắt tóc, cạo râu từ sau vụ núi lửa phun năm 1963.

Tuy nhiên hóa ra không thể tìm thấy tiệm cắt tóc nào mở. Hoặc bất cứ thứ gì khác. Tất cả đều khóa chặt, có vẻ như mọi người đang đình công, chiếm cứ các tòa nhà, biểu tình, đẩy các xe ô tô sang bên, la hét, chửi rủa và ném đồ vật vào nhau. Hàng rào chống bạo động đã dựng lên dọc ngang trên phố, nơi Allan đang đi bộ và gắng giữ mình.

Y như Bali nơi ông vừa rời khỏi. Chỉ có lạnh hơn thôi. Allan bỏ đi dạo, quay lại đại sứ quán.

Ở đó, ông đứng đầu ngay phải bà đại sứ đang nổi đóa. Họ vừa gọi điện từ điện Élysée nói rằng buổi lễ nhậm chức dài hai phút đã được thay thế bằng một bữa trưa dài, bà đại sứ được mời cùng với chồng và tất nhiên cả phiên dịch riêng của bà, về phần mình, Tổng thống de Gaulle cũng mời Fouchet, Bộ trưởng Bộ nội vụ và cả Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson nữa.

Amanda tuyệt vọng. Cô có thể gắng qua hai phút với tổng thống mà không sợ bị trục xuất ngay lập tức, nhưng ba tiếng đồng hồ, lại còn với một tổng thống khác vào bàn.

- Chuyện gì thế này, Allan? Làm sao mà thành ra như thế được? Chúng ta sẽ phải làm gì? - Amanda hỏi.

Nhưng ngay cả Allan cũng không hiểu vì sao từ một cái bắt tay trong vài phút nó lại phát triển thành một bữa trưa dài với cả hai vị tổng thống. Và cố gắng hiểu những điều không thể hiểu được không phải là bản tính của Allan.

- Chúng ta nên làm gì ấy à? Tôi nghĩ rằng ta nên tìm Herbert và uống gì với nhau. Chiều rồi còn gì.

Một buổi lễ nhậm chức giữa Tổng thống de Gaulle với đại sứ một quốc gia xa xôi và không quan trọng thường kéo dài nhiều nhất là sáu mươi giây, nhưng có thể được gấp đôi thời gian nếu nhà ngoại giao đó thích rườm rà.

Trường hợp với đại sứ Indonesia đột nhiên trở nên hoàn toàn khác, vì những lý do chính trị lớn lao mà Allan Karlsson không bao giờ lần ra được, dù có cố gắng.

Sự thật là Tổng thống Lyndon B. Johnson đang ngồi trong Đại sứ quán Mỹ ở Paris, khát khao một thành công chính trị. Các cuộc biểu tình trên toàn thế giới chống chiến tranh ở Việt Nam giờ đang hoành hành như cơn bão và biểu tượng của chiến tranh, Tổng thống Johnson, có thể nói là bị tẩy chay khắp nơi.

Từ lâu, Johnson đã bỏ rơi các kế hoạch của mình để cố gắng tái đắc cử vào tháng Mười, ông muốn người ta nhớ đến mình tốt đẹp hơn là ‘kẻ sát nhân’ và các từ khó nghe khác giờ đây đang được gào thét khắp nơi. Vì vậy, đầu tiên, ông tạm dừng đánh bom Hà Nội và với động thái đó, đã có một hội nghị hòa bình được tổ chức thật. Thế mà ngay trên các đường phố ở thành phố nơi tổ chức hội nghị lại xảy ra một cuộc bán-chiến tranh, Tổng thống Johnson thấy nó khá là hài hước. Có một cái gì đó mà de Gaulle đã nhúng tay vào.

Tổng thống Johnson nghĩ de Gaulle là một kẻ đốn mạt, rõ ràng đã “quên” khuấy ai là người từng xắn tay áo lên cứu đất nước mình từ tay Đức. Tuy nhiên, trong trò chơi chính trị thì rất cuộc, tổng thống Pháp và Mỹ không được phép ở cùng thành phố mà không ít nhất là ăn trưa với nhau.

Vì vậy, bữa ăn trưa được đặt ra, và sớm phải chịu đựng thôi. Nhưng may mắn thay, người Pháp hiển nhiên đã nhầm lẫn (Johnson chẳng ngạc nhiên) đặt trùng lịch cho tổng thống của mình. Do đó mà tân đại sứ của Indonesia - lại là phụ nữ nữa! - cũng sẽ có mặt tại bàn. Tổng thống Johnson thấy rất tuyệt, vì thế thì ông có thể trò chuyện với bà ta thay vì với de Gaulle.

Nhưng thực ra nó không phải bị trùng lịch. Thay vào đó, chính Tổng thống de Gaulle vào phút cuối đã nghĩ ra sáng kiến vờ trùng lịch này. Như thế, bữa trưa sẽ có thể chịu đựng được, ông có thể trò chuyện với đại sứ Indonesia - lại là phụ nữ nữa! - thay vì với tay Jonhson đó.

Tổng thống de Gaulle không thích Johnson, nhưng vì lí do lịch sử hơn là cá nhân. Vào cuối cuộc chiến tranh, Mỹ đã đặt Pháp dưới quyền quân sự của Mỹ - họ định lấy cấp đất nước ông! Làm sao de Gaulle có thể tha thứ cho họ chuyện đó, cho dù không biết tổng thống đương nhiệm thực sự có dính líu vào hay không? Tổng thống đương nhiệm, về vấn đề đó... Johnson... tên ông ta là Johnson. Người Mỹ thật chẳng có phong cách gì cả.

Charles André Joseph Marie de Gaulle nghĩ.

Amanda bàn bạc với Herbert về bữa trưa rồi nhất trí rằng tốt nhất là trong cuộc gặp các tổng thống ở điện Élysée thì Herbert nên ở nhà (tại Đại sứ quán). Cả hai cùng nghĩ như thế sẽ giảm được một nửa nguy cơ nếu có chuyện gì xấu xảy ra. Allan có nghĩ thế không?

Allan im lặng một lát, nghiền ngẫm câu trả lời, rồi cuối cùng chốt hạ:

- Herbert, anh nên ở nhà.

o o o

Các vị khách tới ăn trưa đã tề tựu và chờ chủ nhà, trong khi chủ nhà cũng đang ngồi tại văn phòng mình, chờ kéo dài thời gian chờ đợi. Ông định tiếp tục chờ thêm vài phút, hi vọng như thế sẽ khiến Johnson khó chịu vừa đủ.

De Gaulle có thể nghe tiếng ồn của các cuộc biểu tình vọng đến từ xa, với các cuộc bạo loạn hoành hành ở Paris yêu quý

của ông. Nền Cộng hòa Pháp Thứ Năm bắt đầu chao đảo, đột ngột và không biết từ đâu. Đầu tiên là một số sinh viên đòi tình dục tự do và chống chiến tranh Việt Nam, đấy là lý do họ trút sự bất mãn của mình với các luật lệ. Nếu cứ thế thì tổng thống thấy cũng không sao, vì sinh viên thời đại nào mà chẳng kiếm chuyện để phàn nàn.

Tuy nhiên, các cuộc biểu tình ngày càng phình to và bạo lực hơn, rồi đến công đoàn cao giọng đe dọa cho mười triệu công nhân đình công. Mười triệu! Cả nước sẽ phải đình đốn!

Người lao động muốn làm việc ít hơn mà lương cao hơn. Và de Gaulle bó tay. Ba cái hỏng cả ba, theo ý tổng thống - người đã chiến đấu và chiến thắng trong những trận chiến còn kinh khủng hơn nhiều. Chuyên gia tư vấn hàng đầu tại Bộ Nội vụ đã nghe ngóng và tư vấn cho thủ tướng phải mạnh tay để trị. Nỗ lực của cộng sản, dưới sự sắp đặt của Liên Xô, để thôn tính cả nước chắc chắn không phải là chuyện to tát gì. Nhưng, tất nhiên, Johnson sẽ suy đoán rằng chỉ chờ cơ hội thì nó sẽ bùng ra. Sau cùng thì người Mỹ nhìn bụi cây nào cũng thấy cộng sản ẩn nấp. Để an toàn, de Gaulle đã mang theo Bộ trưởng Nội vụ Fouchet và một quan chức cao cấp, rất hiểu biết của ông ta. Hai người này cùng chịu trách nhiệm xử lý các hỗn loạn hiện nay ở trong nước và vì vậy họ phải biết tự bảo vệ nếu Johnson bắt đầu thọc mũi vào mọi chuyện.

- Hừ! Trời đánh thánh vật! - Tổng thống Charles de Gaulle thốt lên (bằng tiếng Pháp) và đứng lên khỏi ghế.

Họ không thể trì hoãn bữa trưa thêm nữa.

Nhân viên an ninh của Tổng thống Pháp đã kiểm tra đặc biệt cẩn thận mở râu tóc dài của phiên dịch đại sứ Indonesia. Nhưng giấy tờ của ông ta hợp lệ và họ chắc chắn ông ta không hề mang theo vũ khí. Thêm nữa, đại sứ - lại là phụ nữ! - đã xác

nhận cho ông ta. Thế là, người đàn ông râu quai nón cũng ngồi vào bàn ăn, giữa một một phiên dịch người Mỹ, trẻ và ăn mặc bảnh bao hơn nhiều, còn bên kia là một bản sao kiểu Pháp của người đầu tiên.

Phiên dịch phải làm việc nhiều nhất là người Indonesia râu quai nón. Tổng thống Johnson và de Gaulle toàn đặt câu hỏi với Nữ Đại sứ thay vì nói với nhau.

Tổng thống de Gaulle bắt đầu bằng hỏi trình độ chuyên môn của Nữ Đại sứ. Amanda Einstein đáp thực sự cô là một người ngu dốt, đã hối lộ để lên chức thống đốc Bali rồi hối lộ để tái đắc cử trong hai cuộc bầu cử tiếp theo, rằng cô kiếm tiền cho bản thân và gia đình mình trong nhiều năm cho đến khi Tổng thống Suharto tự đứng gọi điện và mời cô làm đại sứ tại Paris.

- Tôi thậm chí chẳng biết Paris là ở đâu và cứ tưởng nó là một quốc gia chứ không phải là một thành phố. Ông đã bao giờ nghe chuyện gì điên rồ thế chưa, - Amanda Einstein nói và cười phá lên.

Cô nói toàn bằng tiếng mẹ đẻ và người phiên dịch râu tóc dài dịch nó sang tiếng Anh. Trong lúc đó, Allan thừa dịp thay đổi gần như mọi thứ mà Amanda Einstein nói bằng chuyện gì đó mà ông thấy phù hợp hơn.

Khi bữa trưa gần xong, hai vị tổng thống thực ra đã có một điểm đồng ý với nhau, dù họ không ý thức rằng mình có. Vì cả hai đều nghĩ rằng Nữ Đại sứ Einstein thật vui tính, thông thái, thú vị và khôn ngoan. Chỉ có mỗi cách chọn phiên dịch của cô lẽ ra nên tốt hơn, vì gã đó nhìn hoang dã hơn là thuần hóa.

Claude Pennant, quan chức cấp cao của Bộ trưởng Nội vụ Fouchet là người rất uyên bác. Ông sinh năm 1928 tại

Strasbourg. Cha mẹ ông là những người cộng sản uy tín và đầy nhiệt huyết, đã sang Tây Ban Nha chiến đấu chống phát xít khi chiến tranh nổ ra năm 1936. Họ mang theo Claude, đứa con trai tám tuổi của mình.

Cả gia đình sống sót sau chiến tranh và theo một con đường phức tạp chạy trốn sang Liên Xô. Ở Moskva, họ xin được tiếp tục cống hiến vì lợi ích của quốc tế cộng sản. Và họ đưa con trai mình ra, lúc này cậu mười một tuổi, tuyên bố rằng cậu nói được ba thứ tiếng: Đức và Pháp từ hồi còn ở nhà tại Strasbourg, và giờ là tiếng Tây Ban Nha. Có lẽ điều này, về lâu về dài giúp ích được cho cách mạng?

Và đúng thế. Năng khiếu ngôn ngữ của cậu Claude đã được kiểm tra cẩn thận, thêm vài cuộc kiểm tra trí thông minh nói chung nữa. Sau đó, cậu đã được theo học trường ngôn ngữ-kiêm-tư tưởng và chưa đầy mười lăm tuổi, cậu đã nói thành thạo tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh và tiếng Trung Quốc.

Năm mười tám tuổi, ngay sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, Claude nghe cha mẹ bày tỏ nghi ngờ về đường lối cách mạng được dùng dưới thời Stalin.

Claude báo cáo quan điểm này với cấp trên của mình và chẳng bao lâu, cả Michel và Monique Pennant đều bị kết án và xử tử vì hành động phản cách mạng. Nhờ thế, cậu Claude đã đoạt giải thưởng đầu tiên của mình, một tấm huy chương vàng cho học sinh giỏi nhất trong năm 1945-46.

Sau năm 1946, Claude bắt đầu được chuẩn bị nhận nhiệm vụ ở nước ngoài. Mục đích là cài anh ta ở phương Tây, để anh ta tự tiến thân trên hành lang quyền lực, nếu cần thiết thì như một điệp viên nằm vùng hàng chục năm. Claude nằm dưới đôi cánh che chở của Nguyên soái Beria và được cẩn thận tránh tất cả

các ký kết chính thức để khỏi để lại một bức ảnh chụp nào. Họa hoằn lắm Claude mới được phép làm một công việc duy nhất là phiên dịch, và chỉ khi nào đích thân nguyên soái có mặt.

Năm 1949, ở tuổi hai mươi mốt, Claude Penchant trở về Pháp, nhưng lần này là đến Paris. Anh ta thậm chí còn giữ lại tên thật, dù lý lịch đã được viết lại. Anh ta bắt đầu con đường sự nghiệp của mình tại Đại học Sorbonne.

Mười chín năm sau, tháng 5 năm 1968, Claude đã lọt vào tận vòng thân cận của chính Tổng thống Pháp. Hai năm vừa rồi, ông là cánh tay phải của Bộ trưởng Nội vụ Fouchet và với tư cách ấy, giờ đây ông phục vụ cuộc cách mạng quốc tế hơn bao giờ hết. Ông đã khuyên Bộ trưởng Nội vụ - và qua đó đến Tổng thống - phải phản ứng gay gắt với cuộc nổi dậy của sinh viên và công nhân. Để an toàn, ông cũng đảm bảo những người cộng sản Pháp gửi tín hiệu giả rằng họ không đứng đằng sau các yêu cầu của giới sinh viên và công nhân. Cuộc cách mạng cộng sản Pháp chỉ còn nhiều nhất là một tháng nữa sẽ nổ ra, mà de Gaulle và Fouchet không biết tí gì.

o o o

Sau khi ăn trưa, mọi người có dịp đi lại tí chút trước khi cà phê được phục vụ trong phòng khách. Lúc này, hai vị tổng thống không có lựa chọn nào khác là phải lịch sự trao đổi với nhau. Đúng lúc đó, gã phiên dịch râu tóc dài bất ngờ đến chỗ họ.

- Xin lỗi đã làm phiền quý vị Tổng thống, nhưng tôi có chuyện khẩn cấp phải nói với ngài Tổng thống de Gaulle.

Tổng thống de Gaulle suýt nữa thì gọi bảo vệ, vì chắc chắn tổng thống Pháp không dễ giao tiếp với bất kì ai theo cách đó. Tuy nhiên, gã râu tóc dài vẫn cứ xử lịch thiệp nên được phép nói.

- Được, nếu cần thì anh cứ nói nhưng nói ngay đi. Tôi còn đang bận rộn với những thứ khác hơn là với một phiên dịch.

Ồ vâng, Allan hứa sẽ không nói dài. Sự thật đơn giản là Allan nghĩ tổng thống nên biết rằng cố vấn đặc biệt của Bộ trưởng Nội vụ Fouchet là một điệp viên.

- Xin lỗi, nhưng anh nói cái quỷ quái gì thế? - Tổng thống de Gaulle nói lớn, nhưng không lớn đến mức Fouchet và cánh tay phải của mình đang hút thuốc trên sân thượng, có thể nghe thấy.

Allan tiếp tục kể gần như đúng hai mươi năm trước, ông đã có dịp khó tin là được ăn tối với chính Stalin và Beria, và cánh tay phải của ngài Bộ trưởng Nội vụ khá chắc chắn đã là phiên dịch viên cho Stalin hôm đó.

- Tất nhiên đó là chuyện hai mươi năm trước, nhưng ông ta trông vẫn thế. Còn tôi thì nhìn khác nhiều. Hồi đó tóc tai tôi không xù ra đủ hướng như bây giờ. Tôi có thể dễ dàng nhận ra gã gián điệp đó nhưng hẳn không nhận ra tôi vì tôi còn suýt chẳng nhận ra mình khi soi gương.

Mặt Tổng thống de Gaulle đỏ lựng lên, ông cáo lỏi và lập tức đề nghị nói chuyện riêng với Bộ trưởng Nội vụ của mình ("Không, tôi đã nói là trò chuyện riêng, không có cố vấn đặc biệt của ông!").

Tổng thống Johnson và phiên dịch Indonesia còn đứng đó. Johnson có vẻ rất hài lòng. Ông quyết định bắt tay người phiên dịch, như gián tiếp cảm ơn anh ta đã làm Tổng thống Pháp bị mất cái mặt nạ tinh tướng của mình.

- Rất vui được gặp anh, - Tổng thống Johnson nói. - Tên anh là gì?

- Tôi là Allan Karlsson, - Allan đáp. - Tôi đã từng được biết người tiền nhiệm của người tiền nhiệm ngài, cựu Tổng thống Truman.

- Chà, anh biết hay thật! - Tổng thống Johnson nói. - Harry sắp chín mười nhưng ông ấy còn sống và khỏe mạnh. Chúng tôi là bạn tốt.

- Xin cho tôi chuyển lời hỏi thăm tới ông ấy, - Allan nói và cáo lui để tìm Amanda (ông muốn kể với cô những gì cô đã nói với hai tổng thống ở bàn ăn).

o o o

Bữa trưa với hai vị tổng thống kết thúc nhanh chóng, mọi người trở về nhà. Nhưng Allan và Amanda vừa mới về đến sứ quán thì đích thân Tổng thống Johnson gọi điện mời Allan ăn tối tại Đại sứ quán Mỹ lúc 8 giờ tối hôm ấy.

- Thế thì hay quá, - Allan nói. - Tôi đã định tối nay ăn một bữa thịnh soạn, vì ai nói gì về đồ ăn Pháp thì nói chứ đĩa sạch trơn rồi mà thực ra bụng vẫn còn trống.

Nhật xét đó hoàn toàn đúng ý Tổng thống Johnson, và ông mong đến tối trong tâm trạng vui vẻ.

Tổng thống Johnson có ít nhất ba lý do hợp lý để mời Allan Karlsson ăn tối. Trước tiên, để tìm hiểu thêm về tên gián điệp đó và về cuộc gặp gỡ của Karlsson với Beria và Stalin. Thứ hai, Harry Truman đã kể với ông trên điện thoại Allan Karlsson đã làm gì ở Los Alamos năm 1945. Riêng chuyện đó thôi đã đáng giá một bữa ăn tối rồi.

Và thứ ba là, cá nhân Tổng thống Johnson vô cùng hài lòng với những gì đã xảy ra tại điện Elysee. Ở cự ly rất gần, ông đã có thể khoan khoái quan sát vẻ sống sờ của De Gaulle, và ông phải cảm ơn Allan Karlsson vì điều đó.

- Chào ông Karlsson, - Tổng thống Johnson chào đón Allan với một cú bắt tay kép. - Để tôi giới thiệu ông Ryan Hutton, ông là... chà... có thể nói ông là một bí mật ở Đại sứ quán này. Tư vấn Pháp lý, ông ấy được gọi thế.

Allan bắt tay với viên cố vấn bí mật rồi cả ba đi đến bàn ăn. Tổng thống Johnson gọi bia, còn vodka phục vụ kèm với đồ ăn, vì rượu vang Pháp gợi nhớ đến người Pháp mà tối nay thì phải thật vui.

Trong khi họ đang ăn món đầu tiên, Allan kể vài câu chuyện của mình cho tối bữa ăn tối đã bị phá hỏng ở điện Kremlin. Hôm đó, cánh tay phải của Bộ trưởng Nội vụ Fouchet đã ngắt xỉu thay vì dịch câu cuối đầy xúc phạm của Allan cho Stalin lúc đó đã tức giận lắm rồi.

Tổng thống Johnson không còn thích thú với phát hiện rằng Claude Pennant hóa ra lại là một điệp viên Liên Xô cài cắm trong vòng thân cận của Tổng thống Pháp, vì Ryan Hutton vừa mới báo cáo với ông rằng chuyên viên Pennant cũng bí mật là người cung cấp tin cho CIA. Thực tế, Pennant đã trở thành nguồn tin chính của CIA, về thông tin rằng chẳng có cuộc cách mạng cộng sản nào sắp xảy ra ở Pháp hay bị cộng sản cài vào cả. Bây giờ toàn bộ tin này phải được xem xét lại.

- Tất nhiên đó là thông tin không chính thức và bí mật, - Tổng thống Johnson nói, - nhưng tôi có thể tin ông Karlsson sẽ giữ bí mật chứ?

- Tôi không chắc lắm đâu, thưa Tổng thống, - Allan đáp.

Rồi Allan kể trong chuyến đi tàu ngầm ở Baltic mình đã uống với Yury Borisovich Popov, một người đàn ông cực kì dễ mến,

nhà vật lý hạt nhân hàng đầu của Liên Xô, và trong lúc cao hứng đã nói quá nhiều đến các chi tiết về hạt nhân.

- Ông đã nói với Stalin cách chế tạo quả bom? - Tổng thống Johnson hỏi. - Tôi tưởng ông bị đưa vào trại tù vì ông từ chối chứ.

- Tôi từ chối nói với Stalin. Dù sao ông ta cũng chẳng hiểu được. Tuy nhiên, ngày trước đó, có lẽ tôi đã tiết lộ chi tiết quá mức cần thiết với nhà vật lý hạt nhân. Khi uống quá nhiều vodka thì nó hay bị thế, ngài Tổng thống ạ. Và nó chẳng phải dễ dàng gì với tôi khi biết ngày hôm sau Stalin có thể khó chịu đến thế nào.

Tổng thống Johnson vò tóc, nghĩ thầm rằng tiết lộ cách chế tạo bom nguyên tử đâu phải là chuyện cử thế xảy ra, cho dù uống bao nhiêu rượu đi nữa. Allan Karlsson thực tế... thực tế anh ta là... một kẻ phản bội. Có phải không nhỉ? Nhưng... anh ta không phải là công dân Mỹ, thế thì phải làm gì nhỉ? Tổng thống Johnson cần thời gian để suy nghĩ.

- Rồi chuyện gì xảy ra sau đó? - Ông hỏi, vì cần phải nói gì đó.

Allan nghĩ khi tổng thống đã hỏi thì tốt nhất là không nên bỏ sót quá nhiều chi tiết. Vì vậy, ông kể về Vladivostok, về Tư lệnh Meretskov, về Kim Il Sung, về Kim Jong Il, về cái chết may mắn của Stalin, về Mao Trạch Đông, về số đôla nhiều khủng khiếp mà Mao đã tử tế tặng cho mình, về cuộc sống bình yên và không bình yên nữa ở Bali và cuối cùng về hành trình của mình đến Paris.

- Tôi nghĩ mọi chuyện là thế, - Allan đáp. - Nhưng nói suốt làm tôi thực sự khô cả miệng.

Tổng thống gọi thêm bia ra bàn, nhưng nói thêm rằng một người vì say mà tiết lộ hết cả bí mật nguyên tử thì cũng nên nghĩ đến chuyện kiêng rượu. Rồi, ông ngấm nghĩ về câu chuyện khó tin của Karlsson và hỏi:

- Ông đã có một kì nghỉ suốt mười lăm năm, do Mao Trạch Đông tài trợ à?

- Vâng. Hoặc... đại loại thế. Thực ra đó là tiền của Tưởng Giới Thạch nhận được từ người bạn chung của chúng tôi là Harry Truman. Bây giờ ngài Tổng thống nói thế, có lẽ tôi nên gọi điện cho Harry và cảm ơn ông ấy.

Tổng thống Johnson rất khó chịu khi biết rằng người đàn ông tóc dài, râu quai nón đang đối diện với mình đã tặng bom nguyên tử cho Stalin. Và đã sống một cuộc sống sung sướng bằng tiền viện trợ nước ngoài của Mỹ. Thêm vào đó là những tiếng la hét văng vẳng vọng tới từ đám người biểu tình trên đường phố bên ngoài đại sứ quán: "Mỹ cút khỏi Việt Nam! Mỹ cút khỏi Việt Nam!" Johnson ngồi im lặng, mặt đầy đau khổ.

Trong khi đó, Allan nốc cạn ly của mình và ngấm khuôn mặt lo lắng của tổng thống Mỹ.

- Tôi có thể có giúp đỡ gì chăng? - Ông hỏi.

- Ông nói gì nhỉ? - Tổng thống Johnson sức tỉnh từ cơn trầm tư của mình.

- Tôi có thể có giúp đỡ gì chăng? - Allan lặp lại. - Trông Tổng thống khủng khiếp quá. Có lẽ ông ta cần giúp đỡ?

Tổng thống Johnson suýt nữa định nhờ Allan Karlsson giành chiến thắng trong chiến tranh Việt Nam cho mình, nhưng rồi ông trở về thực tại và lại thấy trước mắt mình người đàn ông đã tặng bom cho Stalin.

- Vâng, ông có thể giúp tôi, - Tổng thống Johnson đáp bằng giọng mệt mỏi. - Ông có thể đi được rồi.

o o o

Allan cảm ơn về bữa tối, và đi về. Để lại đằng sau Tổng thống Johnson và Giám đốc CIA châu Âu Ryan Hutton.

Lyndon B. Johnson choáng váng vì chuyến thăm của Allan Karlsson đã biến thành như thế. Nó khởi đầu tốt đẹp... nhưng rồi Karlsson ngồi đó và thừa nhận mình đã chế tạo bom không chỉ cho Mỹ mà còn cho Stalin. Stalin? Cộng sản của cộng sản?

- Này, Hutton, - Tổng thống Johnson hỏi. - Chúng ta nên làm gì nhỉ? Hay là đón tay Karlsson đáng nguyên rửa đó một lần nữa và đun hẩn trong dầu?

- Phải đấy, - điệp vụ Hutton đáp. - Hoặc là... hoặc chúng ta có thể chắc chắn rằng mình sẽ sử dụng anh ta tốt nhất.

Điệp vụ Hutton không chỉ là điệp viên, ông cũng đọc hầu hết những chiến lược chính trị từ quan điểm của CIA. Ví dụ, ông biết rất rõ về sự tồn tại của nhà vật lý mà Allan Karlsson đã uống say cùng trong chiếc tàu ngầm đi từ Thụy Điển đến Leningrad. Yury Borisovich Popov đã khá thành công trong sự nghiệp từ năm 1949 trở đi. Và cú đột phá lớn lao đầu tiên của ông rất có thể là nhờ vào các thông tin Allan Karlsson đã tiết lộ, trên thực tế gần như chắc chắn là thế. Bây giờ, Popov đã sáu mươi ba tuổi và là giám đốc kỹ thuật của toàn bộ kho vũ khí nguyên tử của Liên Xô. Những kiến thức ông ta có đối với Mỹ là vô giá.

Nếu Mỹ có thể tìm ra những gì Popov biết và từ đó xác minh một thực tế rằng phương Tây đã tiến trước phương Đông về vũ khí nguyên tử - thì Tổng thống Johnson có thể chủ động giải

trừ vũ khí giữa đôi bên. Và con đường đến với kiến thức này phải đi qua Allan Karlsson.

- Ông muốn biến Karlsson thành một điệp viên của Mỹ ư? - Tổng thống Johnson vừa hỏi vừa nghĩ đến chuyện giải trừ vũ khí sẽ thực sự khiến ông được vinh danh như một tổng thống vĩ đại, bất kể cuộc chiến đáng nguyên rủa tại Việt Nam.

- Vâng, chính là như thế, - điệp vụ Hutton đáp.

- Thế tại sao lại là Karlsson?

- À... bởi vì... anh ta có vẻ phù hợp. Và vừa mới đây, anh ta còn ngồi đó, hỏi liệu có thể làm gì để giúp đỡ tổng thống không.

- Phải, - Tổng thống Johnson đáp. - Anh ta đúng là đã nói thế. Đúng rồi.

Sau đó, tổng thống im lặng một lúc khá lâu. Rồi, ông nói:

- Chắc tôi cần uống thứ gì nặng đô.

o o o

Thái độ cứng rắn ban đầu của chính phủ Pháp trước sự bất mãn của quần chúng quả thực đã khiến đất nước bị tê liệt. Hàng triệu người Pháp đã đình công. Các bến tàu ở Marseilles đóng cửa, sân bay quốc tế, mạng lưới đường sắt, cũng như, và vô số các cửa hàng bách hóa đủ loại đã đóng cửa.

Ngừng cả phân phối xăng dầu lẫn thu gom rác. Khắp nơi đòi hỏi hết chuyện này đến chuyện kia. Đòi mức lương cao hơn, tất nhiên. Giờ làm việc ngắn lại. Bảo hiểm việc làm tốt hơn. Và ảnh hưởng nhiều hơn.

Thêm nữa là đòi hỏi một hệ thống giáo dục mới. Và một xã hội mới! Nền Cộng hòa thứ Năm đang bị đe dọa.

Hàng trăm ngàn người Pháp đã biểu tình trên đường phố và không phải lúc nào cũng hòa bình. Xe bị đốt, cây bị chặt, đường phố bị đào lên, dựng rào chắn... có cả hiến binh, cảnh sát chống bạo động, hơi cay và lá chắn...

Đó là lúc Tổng thống, Thủ tướng và chính phủ Pháp đã có một bước ngoặt nhanh chóng. Cố vấn đặc biệt của Bộ trưởng Nội vụ Fouchet không còn chút ảnh hưởng nào (về vấn đề này, ông ta đang bị bí mật giam giữ tại cơ sở của cảnh sát mật và rất khó khăn để giải thích lý do tại sao ông ta lại có một máy phát vô tuyến điện đặt trong phòng tắm của mình). Người lao động tham gia cuộc Tổng đình công đột nhiên được phê duyệt tăng cao mức lương tối thiểu, tăng tiền lương lên 10 %, giảm ba giờ làm việc trong tuần, tăng phụ cấp gia đình, tăng quyền của công đoàn, đàm phán về thỏa thuận tiền lương nói chung và chỉ số mức lương. Một số bộ trưởng của chính phủ đã phải từ chức, trong đó có Bộ trưởng Nội vụ Fouchet.

Với hàng loạt biện pháp này, chính phủ và Tổng thống đã làm dịu các phe phái cách mạng nhất. Quần chúng không được hỗ trợ để tiếp tục đấu tranh. Công nhân trở lại làm việc, các cuộc chiếm đóng giải tán, cửa hàng mở lại, giao thông vận tải bắt đầu hoạt động. Tháng Năm 1968 đã sang tháng Sáu 1968. Và Nền Cộng hòa thứ Năm vẫn còn đó.

Tổng thống Charles de Gaulle đích thân gọi đến Đại sứ quán Indonesia tại Paris và mời Allan Karlsson đến để trao tặng huy chương. Nhưng, tại Đại sứ quán, người ta nói rằng Allan Karlsson không còn làm việc ở đó và không ai, kể cả chính bà đại sứ, có thể nói ông đã đi đâu.

CHƯƠNG 24

Thứ Năm 26 Tháng Năm 2005

Bây giờ, tất cả những gì công tố viên Ranelid có thể làm là gắng giữ cái gì có thể giữ trong sự nghiệp và thể diện của mình. Theo nguyên tắc: “phòng còn hơn chữa”, ông đã sắp xếp một cuộc họp báo ngay buổi chiều hôm đó để tuyên bố hủy bỏ lệnh bắt giữ ba người đàn ông và người phụ nữ trong vụ ông già trăm tuổi mất tích.

Công tố viên Ranelid giỏi rất nhiều thứ, trừ việc thừa nhận thiếu sót và sai lầm của mình. Lời mở đầu cuộc họp báo cấp tốc cũng như thế. Công tố viên xoay sang giải thích ngược hẳn lại về thông tin Allan Karlsson và các bạn được thừa nhận là không bị bắt giữ nữa (người ta đã tình cờ tìm thấy họ ngay trong chiều nay ở Västergötland), tuy họ có lẽ vẫn có tội, công tố viên đã làm đúng, chỉ có điều mới là bằng chứng đã làm thay đổi tính chất sự việc nên lệnh bắt giữ tạm thời không còn giá trị.

Tất nhiên, các đại diện báo chí thắc mắc bằng chứng đã thay đổi tính chất sự việc theo cách nào, và công tố viên Ranelid mô tả chi tiết những thông tin mới từ Bộ Ngoại giao về số phận của Bylund và Hultén ở Djibouti và Riga. Sau đó Ranelid kết thúc rằng đôi khi luật pháp đòi hỏi phải thu hồi lệnh bắt, tuy nhiên trong một số trường hợp nhất định nó gây cảm giác không ổn.

Cá nhân công tố viên Ranelid cũng cảm thấy chuyện này đã diễn tiến không đúng lắm. Và ấn tượng đó ngay lập tức được khẳng định khi đại diện của tờ báo lớn Dagens Nyheter[13] giương mục kính lên và xõ ra một tràng các câu hỏi làm công tố viên đặc biệt khó chịu.

[13] Tin mới nhất.

- Liệu tôi hiểu có đúng không, rằng bất chấp tình hình mới, ông vẫn xem Allan Karlsson phạm tội giết người hoặc ngộ sát? Điều đó có nghĩa là ông tin rằng Allan Karlsson, một trăm tuổi như chúng ta biết, đã buộc Bengt Bylund ba mươi hai tuổi đi theo ông đến Djibouti ở Sừng châu Phi [14] và làm Bylund nổ tan xác ngay chiều hôm qua - nhưng bản thân thì không sao - rồi lại vội vàng đi Västergötland ở phía tây Thụy Điển, nơi cụ già, theo những gì ông đã nói với chúng tôi, đã được thấy vào sáng nay? Chưa tính các chuyện khác, trong trường hợp đó, liệu ông có thể mô tả Karlsson đã sử dụng phương tiện giao thông nào, theo như tôi được biết, không có chuyến bay trực tiếp giữa Djibouti và miền tây của Thụy Điển, và Allan Karlsson được cho là không có hộ chiếu hợp lệ?

[14] Tên gọi bán đảo ở Đông Phi, còn gọi là bán đảo Somali, có hình dáng như chiếc sừng, giữa biển Ả Rập và vịnh Aden. Nước Djibouti nằm trên bán đảo này.

Công tố viên Ranelid hít thật sâu. Rồi nói rằng những gì ông nói trước đây chắc đã bị hiểu lầm. Không còn nghi ngờ gì, thực tế rằng Allan Karlsson, Julius Jonsson, Benny Ljungberg và Gunilla Björklund là vô tội.

- Không nghi ngờ gì nữa, như tôi đã nói, - Ranelid nhắc lại trong giây phút cuối cùng cố gắng thuyết phục bản thân cái gì là đúng, và bây giờ nhũn như chi chi.

Nhưng đám nhà báo chết tiệt vẫn chưa hài lòng.

- Ông đã từng mô tả chi tiết trình tự thời gian và địa điểm của ba nghi án giết người. Nếu các nghi phạm bây giờ đột nhiên vô tội, thế thì các sự kiện diễn ra như thế nào? - Phóng viên tờ báo của Eskilstuna chất vấn.

Ranelid vươn cổ chịu trận, nhưng thế là đủ lắm rồi. Thêm nữa, đại diện báo địa phương không được phép nghĩ rằng anh ta có thể ngồi đó và đánh bại công tố viên Ranelid.

- Vì những lí do chuyên môn liên quan đến điều tra, tôi tạm thời không thể nói nữa, - công tố viên Ranelid chốt lại trước khi rời khỏi ghế.

‘Lý do chuyên môn liên quan đến điều tra’ đã hơn một lần cứu nguy cho công tố viên trong thế bí, nhưng lần này nó không có tác dụng. Trong suốt vài tuần, công tố viên đã tuyên bố lý do tại sao bốn người kia bị buộc tội, và bây giờ cánh báo chí nghĩ ít nhất ông cũng phải dành một hoặc hai phút để giải thích họ vô tội. Hay như tờ Dagens Nyheter - biết tuốt điển đạt:

- Xin cho biết vài người dân vô tội đã và đang làm gì làm sao có thể thành bí mật vì ‘lý do chuyên môn’ được?

Công tố viên Ranelid như đứng bên bờ vực thẳm. Hầu như mọi thứ cho thấy ông sẽ ngã, ngay lập tức hoặc trong một hoặc hai ngày. Tuy nhiên, ông đã có một lợi thế so với các nhà báo. Ranelid biết nơi Allan Karlsson và mấy người kia đang ẩn náu. Sau cùng thì Västergötland là một tỉnh lớn. Đây là cơ hội cuối cùng của ông. Thế là công tố viên Ranelid nói:

- Nếu quý vị có thể cho tôi nói một lần! Vì lý do chuyên môn liên quan đến điều tra, tạm thời tôi không thể nói gì thêm. Nhưng vào lúc 15 giờ ngày mai, tôi sẽ sắp xếp một cuộc họp báo mới tại đây và lúc đó tôi sẽ trả lời những gì quý vị đang hỏi.

- Vào lúc này, Allan Karlsson chính xác là đang ở đâu ở Västergötland? - Phóng viên tờ báo quốc gia Svenska Dagbladet thắc mắc.

- Tôi không nói được, - công tố viên Ranelid đáp và rời khỏi tòa nhà.

o o o

Làm sao mọi chuyện lại kết thúc như thế này được? Công tố viên Ranelid ngồi trong căn phòng khóa trái, hút thuốc đầu tiên sau bảy năm. Trong lịch sử hình sự Thụy Điển, ông sẽ bị bêu danh là công tố viên đầu tiên buộc tội thủ phạm với vài xác nạn nhân không được tìm thấy. Và rồi các thi thể lại được tìm thấy. Ở tại các địa điểm sai bét! Thêm nữa, nạn nhân thứ ba, kẻ đáng lẽ phải chết nhất thì vẫn còn sống nhăn. Thử nghĩ xem nạn nhân thứ ba đã gây cho Ranelid những tổn thất gì.

- Lẽ ra phải giết chết con quỷ đó để trừng phạt, - công tố viên lẩm bẩm.

Nhưng vấn đề bây giờ là phải giữ gìn thể diện và sự nghiệp của mình, vì mục đích đó thì giết người không phải là giải pháp tốt nhất. Công tố viên ôn lại buổi họp báo thảm họa. Lúc cuối cùng, ông đã nói rõ ràng thực tế là Karlsson và đám tù tòng của ông ta vô tội. Và tất cả những điều này là vì ông... thực sự không biết. Điều quái quỷ gì đã xảy ra? Bylund Ốc Vít chắc chắn đã chết trên chiếc xe goòng đó. Thế thì làm thế quái nào mà vài tuần sau đó gã có thể chết một lần nữa, cách hẵn một lục địa?

Công tố viên Ranelid tự nguyện rửa mình đã quá vội vàng gặp giới báo chí. Lẽ ra ông nên nắm lấy Allan Karlsson và đồng bọn trước, điều tra mọi thứ - rồi sau đó hãy quyết định báo chí nên và không nên biết cái gì.

Trong tình trạng rắc rối hiện tại - hậu quả từ các báo cáo chết tiệt về sự vô tội của Karlsson và đồng bọn - nếu ông lôi họ vào để 'giúp cuộc điều tra', nó sẽ bị xem là sách nhiễu

họ. Nhưng Ranelid không có nhiều lựa chọn. Ông phải biết những gì đã xảy ra... và phải làm nhanh chóng trước 3 giờ chiều ngày hôm sau.

Nếu không, trong mắt các đồng nghiệp, ông sẽ không còn là một công tố viên nữa mà là một thằng hề.

o o o

Chánh Thanh tra Aronsson lằng lằng khoan khoái ngồi trên võng ở trang trại Bellringer uống cà phê với bánh sữa. Cuộc săn tìm cụ già trăm tuổi đã xong, thêm nữa ông cụ đáng mến này không còn bị truy nã. Vì sao gần một tháng trước cụ lại trèo ra khỏi cửa sổ phòng mình, và những gì đã xảy ra trong chuyến phiêu lưu của cụ vẫn còn chưa được xác minh, mà chẳng biết có cần xác minh nữa hay là không.

Dù sao, mới đầu thì cứ trò chuyện dăm ba câu đã, đi đâu mà vội.

Per-Gunnar tức ‘Ông Chủ’ Gerdin, người đàn ông đã bị xe cán chết và đang sống nhăn trở lại, hóa ra là một gã hoàn toàn bình thường. Gã lập tức đề nghị dừng xưng hô trịnh trọng nữa mà cứ dùng tên riêng, và gã thích được gọi là Pike.

- Thế cũng được, Pike à, - Chánh Thanh tra Aronsson nói. - Anh có thể gọi tôi là Göran.

- Pike và Göran, - Allan nói. - Nghe thuận miệng gồm, có lẽ hai người nên làm ăn chung với nhau?

Pike đáp, gã không chắc mình tôn trọng các cơ quan đánh thuế doanh thu trong nước đủ để có thể mở chung công ty với Chánh Thanh tra, tuy nhiên gã vẫn cảm ơn Allan vì lời khuyên.

Không khí lập tức trở nên vui vẻ. Và nó không hề kém vui khi Benny và Người Đẹp nhập bọn, rồi cả Julius và Bosse.

Họ đã nói đủ thứ chuyện trên hiên, nhưng không đủ động chuyện gì đã xảy ra trong tháng qua, và mọi thứ liên kết với nhau ra làm sao. Allan ghi điểm khi bất ngờ dẫn con voi ra một góc và cùng với Sonya trình diễn một màn vũ đạo ngắn. Julius phớn phở vì không bị cảnh sát truy nã nữa, bắt đầu cạo bộ râu mà ông buộc phải nuôi trước khi dám thò mặt ra ở Falköping.

- Một thằng cả đời phạm tội như tôi bây giờ đột nhiên vô tội! - Julius nói. - Cảm giác khoái không thể tả!

Còn Bosse cũng thấy rằng có đủ lý do để đi lấy một chai rượu sâm banh Hungary chính cống cho bạn bè mình và Chánh Thanh tra cụng ly với nhau. Chánh thanh tra yếu ớt phản đối rằng ông để xe ở trang trại mà lại đặt phòng ở khách sạn trung tâm Falköping, là một Chánh Thanh tra, ông khó có thể lái xe về đó nếu đang say.

Thế là Benny có ngay giải pháp, nói rằng theo Allan thì những kẻ kiêng rượu nói chung đúng là một mối đe dọa đối với hòa bình thế giới, nhưng họ lại hữu ích khi ta cần đi nhờ xe ở đâu đó.

- Cứ làm một ly sâm banh, ông thanh tra ạ, tôi đảm bảo là ông sẽ về được khách sạn khi cần.

Thanh tra chẳng đợi thuyết phục thêm. Từ lâu, ông đã bị thiếu thốn đời sống xã hội và bây giờ được hòa mình trong đám người dễ chịu này, ông chẳng đại gì lại ngồi đó sững sủa.

- Nào, nâng cốc vì sự vô tội của tất cả các bạn, tôi nghĩ là cảnh sát cũng mừng đấy, - ông nói. - Hay nếu cần ta nâng cốc hai lần vì các bạn khá đông...

Vài tiếng cốc thể trôi vèo qua trong niềm vui chung trước khi điện thoại của Chánh Thanh tra Aronsson lại réo lên. Vẫn

là công tố viên Ranelid. Ông nói với Aronsson rằng do hoàn cảnh xui xẻo với sự hiện diện của báo chí, ông vừa tuyên bố ba người đàn ông và người phụ nữ là vô tội, và nói theo cách gần như không thể rút lời. Thêm nữa, trong vòng chưa đầy hai mươi tư giờ, ông phải biết những gì đã xảy ra trên thực tế, từ hôm cụ Karlsson trèo qua cửa sổ đến tận hôm nay, vì đó là điều báo chí đang đợi để nghe ngày hôm sau, lúc 15 giờ.

- Ô, thế thì ông giám phải rút rồi, - Chánh Thanh tra ngà ngà say đáp.

- Ông phải giúp tôi, Göran! - Công tố viên Ranelid năn nỉ thanh tra.

- Bằng cách nào? Chuyển xác chết về đúng chỗ à? Hay bằng cách giết chết những người đã không biết ý mà chết đi như ông muốn?

Công tố viên Ranelid thừa nhận rằng ông đã nghĩ đến giải pháp sau, nhưng thực tế không làm thế được. Không, ông hi vọng rằng Göran có thể thận trọng thăm dò Allan Karlsson và... đồng bọn... xem liệu Ranelid có được đón tiếp vào sáng hôm sau để trò chuyện một chút - hoàn toàn không chính thức -... tìm hiểu những gì mới xảy ra ở các khu rừng vùng Södermanland và Småland. Và trong chừng mực có thể, công tố viên Ranelid hứa sẽ thay mặt lực lượng cảnh sát Södermanland, xin lỗi bốn công dân vô tội.

- Lực lượng cảnh sát Södermanland á? - Chánh Thanh tra Aronsson hỏi.

- À... hoặc là, không... thay mặt cho chính tôi thôi, - công tố viên Ranelid nói.

- Chà, thế thì tốt hơn đấy. Cứ bình tĩnh, Conny, tôi sẽ tìm hiểu cho. Vài phút nữa tôi sẽ gọi lại cho ông.

Dứt lời, chánh Thanh tra Aronsson quay sang những người khác, báo tin vui rằng công tố viên Ranelid vừa tổ chức một cuộc họp báo, nhấn mạnh rằng Allan Karlsson và bạn bè của ông vô tội. Rồi ông chuyển lời công tố viên xin sáng hôm sau được đến thăm để làm rõ tình hình.

Người Đẹp phản ứng bằng một bài diễn văn sinh động về chuyện chẳng hay ho gì mà ngồi kể đầu đuôi chi tiết các thủ trong mấy tuần qua cho công tố viên cả. Julius đồng ý. Nếu người ta được tuyên bố vô tội, tức là họ vô tội, thế thôi.

- Và tôi chưa quen với điều đó. Thật là đáng tiếc nếu chưa đầy hai mươi tư giờ sau tôi lại không còn vô tội nữa.

Nhưng Allan nói ông mong các bạn đừng lo lắng về mấy điều nhỏ nhặt. Báo chí và truyền hình chắc chắn sẽ không buông tha cho họ đến khi nào biết chuyện mới thôi. Thế thì kể riêng nó cho một công tố viên thôi còn hơn là bị các nhà báo đến đầy vườn trong vài tuần tới.

- Hơn nữa, chúng ta có cả buổi tối để nghĩ xem nên nói gì,
- Allan nói.

Chánh Thanh tra Aronsson chẳng thích thú gì nghe câu cuối. Ông đứng dậy khỏi ghế, thò mặt ra để ngăn những người khác đừng nói thêm những điều không nên lọt vào tai Aronsson. Rồi ông nói đã đến lúc về, nếu nhóm bạn đồng ý. Liệu có thể cảm phiền Benny lái xe đưa ông về khách sạn ở Falköping không. Aronsson định lên xe sẽ gọi điện cho công tố viên Ranelid và báo rằng khoảng 10 giờ sáng mai, ông ta được mời đến, nếu nhóm đồng ý. Dù sao, Aronsson cũng định đi bằng taxi, nếu chỉ để lấy chiếc xe của mình. Nhân tiện trước khi đi, liệu ông có thể làm thêm nửa ly sâm banh Bulgari tuyệt vời kia không? Sao cơ? Nó là rượu Hungary à? Chà, thành thật mà nói, thế cũng chẳng sao.

Chánh Thanh tra Aronsson được rót một ly khác đầy tới miệng, ông vội vàng nốc cạn trước khi gãi mũi rồi ngồi vào ghế hành khách trong chiếc xe của mình, do Benny lái đến tận cửa. Và sau đó, qua cửa sổ hạ xuống, ông ngâm nga mấy câu thơ của nhà thơ Thụy Điển Carl Michael Bellman về bạn tốt và rượu vang Hungary.

Benny, suốt tí nữa là chuyên gia văn học, gật đầu công nhận.

- John, chương 8 câu 7, đừng quên sáng mai nhé, Chánh Thanh tra, - Bosse cao hứng gọi với ra. - Câu đấy là của John trong Kinh Thánh, chương 8 câu 7.

CHƯƠNG 25

Thứ Sáu 27 tháng Năm 2005

Trong hai mươi lăm phút, khó có thể từ Eskilstuna đến tận Falköping. Sau một đêm trằn trọc không yên giấc, công tố viên Conny Ranelid phải dậy từ bình minh để kịp tới trang trại Bellringer lúc 10 giờ. Và cuộc gặp gỡ không thể kéo dài hơn một tiếng, nếu không ông lại trễ giờ. Dù sao, buổi họp báo đã trót được thông báo là bắt đầu từ ba giờ chiều.

Conny Ranelid chỉ chực khóc khi ngồi sau tay lái trên đường E20 bên ngoài Örebro. Chiến thắng vĩ đại của Tư pháp, cuốn sách của ông lẽ ra sẽ được đặt tên như thế. Chao ơi! Nếu trời có mắt thì sét phải đánh vào cái trang trại chết tiệt đó và thiêu cháy hết bọn người ấy. Rồi sau đó công tố viên Ranelid thích nói gì thì nói với cánh nhà báo.

Chánh Thanh tra Aronsson đã ngủ một giấc dài ở khách sạn tại Falköping. Ông thức dậy tầm 9 giờ, hơi áy náy về những chuyện xảy ra hôm trước. Ông đã ngồi đó uống sâm banh với những kẻ có thể là tội phạm, và nghe Karlsson ông ổng nói rằng sẽ bịa chuyện gì đó cho công tố viên Ranelid. Chẳng nhẽ Aronsson sắp thành đồng lõa ư? Đồng lõa với cái gì trong trường hợp đó?

Tối hôm qua, khi về tới khách sạn, chánh thanh tra - theo gợi ý của Bosse Ljungberg - đã xem lại những câu thơ của John ở chương 8 câu 7 trong cuốn Kinh Thánh mà Gideonites đã thấy, nằm trong ngăn kéo bàn ngủ. Thế là sau đó ông mất thêm vài tiếng đọc Kinh Thánh ở một góc quán bar của khách sạn, nhâm nhi một ly gin tonic, rồi thêm một ly, ly nữa.

Chương đáng bàn là về một cô ả phạm tội ngoại tình và bị các tín đồ giáo phái Fari đưa đến trước Chúa Giêsu, đặt Ngài

vào tình thế khó xử. Nếu theo Chúa, người phụ nữ không đáng bị ném đá vì tội lỗi của mình thì hóa ra Chúa đi ngược lại với Môise (Sách Lêvi). Nếu, trái lại, Chúa cùng phe với Môise, thì Ngài lại mâu thuẫn với người La Mã vốn độc quyền về hình phạt tử hình. Chúa Giêsu sẽ đi ngược lại với Moses hay người La Mã? Những tín đồ giáo phái Fari tưởng mình đã dẫn Chúa đến chân tường. Nhưng Chúa Giêsu là Chúa Giêsu, và sau khi suy nghĩ, Ngài phán:

- Hãy để ai là người chưa từng có tội ném viên đá đầu tiên!

Do đó Chúa Giêsu đã tránh được tranh cãi với cả Môise và người La Mã, hay với những tín đồ giáo phái Fari trước mặt Ngài. Các tín đồ giáo phái Fari lần lượt bỏ đi (đàn ông nói chung chẳng có ai vô tội cả). Cuối cùng, chỉ có Chúa Giêsu và người phụ nữ ở lại.

“Thế cánh phụ nữ đâu rồi? Không ai lên án con ư?”

“Không ai cả, thưa Cha,” cô ả trả lời. “Thế thì ta cũng không kết tội con, Chúa Giêsu tuyên bố. Hãy đi đi và bỏ lại cuộc sống tội lỗi của con.”

Bằng linh cảm nghề nghiệp, Chánh Thanh tra vẫn đánh hơi thấy vụ này vẫn có gì đó mờ ám. Nhưng chính Công tố viên Ranelid hôm qua đã tuyên bố Karlsson, Jonsson, anh em Ljungberg, Björklund và Gerdin là vô tội, thế thì Aronsson là ai mà lại gọi họ là bọn bịp bợm chứ? Thêm nữa, chắc chắn họ là một nhóm người khá dễ thương và - như Chúa Giêsu đã chỉ ra rất đúng - có ai vô tội để ném viên đá đầu tiên? Aronsson nhớ lại những khoảnh khắc đen tối trong đời mình, nhưng hơn hết, ông ngồi đó, nổi giận với cái kiểu công tố viên Ranelid đã muốn một người hết sức dễ thương như Pike Gerdin phải chết, chỉ để phục vụ cho mục đích của công tố viên.

- Không, quỷ tha ma bắt! Tự ông đi mà hót vụ này, Ranelid ạ, - Chánh Thanh tra Aronsson làm bữa và lấy thang máy xuống phòng ăn sáng của khách sạn.

Bánh ngô, bánh mì nướng, trứng, kèm cà phê và hai tờ nhật báo lớn, cả hai tờ đều gây ấn tượng là công tố viên đã thất bại trong vụ án cụ già trăm tuổi mất tích, từng bị buộc tội giết người rồi lại được tuyên bố vô tội. Tuy nhiên báo chí cũng thừa nhận rằng họ chưa biết đầy đủ. Cụ già trăm tuổi vẫn chưa được tìm thấy, và công tố viên không muốn nói thêm gì nữa với báo chí cho đến chiều thứ Sáu.

- Phải, Ranelid ạ, ông tự đi mà lo lấy, - Aronsson làm bữa trong lúc ăn sáng.

Sau đó, Chánh Thanh tra gọi một xe taxi và đến trang trại Bellringer lúc 9 giờ 51, ba phút trước khi công tố viên tới.

Chẳng có vẻ gì là sét sẽ đánh xuống trang trại Bellringer như công tố viên Ranelid chân thành mong ước. Nhưng trời âm u và lạnh lẽo. Do đó, mọi người ở trang trại đã dời cuộc gặp mặt xuống căn bếp rộng rãi.

Tối hôm trước, nhóm đã thống nhất dựng lên một câu chuyện khác cho công tố viên Ranelid, và để chắc ăn, họ ôn lại nó trong bữa sáng. Bây giờ tất cả phải thuộc vai diễn của mình, cho dù thực tế là sự thật luôn đơn giản dễ nhớ hơn là bịa nhiều. Càng nói dối thì càng dễ gặp rắc rối, cho nên lúc này các thành viên của nhóm phải suy nghĩ cẩn thận trước khi mở miệng. Thêm vào đó, cứ thoải mái vận dụng tất cả các cách để đánh lạc hướng công tố viên Ranelid.

- chà, tiên sư nhà nó, quỷ tha ma bắt, - Người Đẹp tổng kết sự căng thẳng chung bằng một câu như thế, trước khi Chánh Thanh tra Aronsson và công tố viên Ranelid được đưa vào bếp.

Cuộc gặp với công tố viên Conny Ranelid hóa ra khá vui với một số người. Nó diễn ra thế này:

- Vâng, trước hết tôi xin cảm ơn quý vị đã cho phép tôi đến đây, tôi thực sự đánh giá cao điều đó, - công tố viên Ranelid nói. - Và tôi phải xin lỗi, thay mặt cho... ờ... thay mặt cho văn phòng công tố viên, về chuyện vài người trong quý vị bị truy nã không lí do. Nói như vậy, tôi rất muốn biết những gì đã xảy ra, từ thời điểm cụ Karlsson leo ra ngoài cửa sổ tại Nhà Già cho đến hiện tại. Cụ có muốn bắt đầu không, thưa cụ Karlsson?

Allan không phản đối. Cụ nghĩ rằng cái gì được mong đợi thường là thú vị. Cụ mở lời:

- Được chứ, thưa ông công tố, dù tôi già nua lắm lắm rồi và trí nhớ tôi cũng thế. Nhưng dù sao tôi vẫn nhớ là mình đã trèo ra khỏi cái cửa sổ đó, chắc chắn thế. Và có lý do hẳn hoi cho chuyện đó, lý do chính đáng ấy. Ông thấy đấy, ông công tố ạ, tôi định đi thăm người bạn tốt của tôi, anh Julius Jonsson đây, mà đã thăm anh ấy thì phải có một chai vodka và tôi đã có được nó sau khi lên đi, vào cửa hàng bán rượu ở địa phương vào lúc không ai để ý. Thật ra, thời buổi này cũng chẳng phải đến tận cửa hàng rượu nhà nước, chỉ cần gõ cửa nhà... chà, tôi sẽ không nói tên anh ta cho ông đâu, ông công tố ạ, vì ông đến đây chẳng phải vì chuyện đó, nhưng anh ta sống ở trung tâm và bán vodka tư nhân nhập khẩu rẻ bằng nửa giá bình thường. Nhưng mà lúc ấy Eklund không có nhà - thôi chết, thế nào mà tôi lại nói tên anh ta ra mất rồi - và tôi chẳng có cách nào khác là phải mua rượu vodka ở cửa hàng nhà nước. Thế rồi tôi tìm được cách mang chai rượu vào phòng tôi và thường thì mọi thứ ổn cả, nhưng bữa ấy tôi lại lôi nó ra lần nữa, đúng vào ca trực của Matron và cô ấy có mắt mọc sau gáy và khắp nơi, thật thế đấy, ông Công tố ạ. Cô Matron được

gọi là Xơ Alice và lừa cô ấy không để đâu. Thế nên, tôi nghĩ trong trường hợp này đi bằng cửa sổ là con đường tốt nhất. Hôm đó là sinh nhật thứ một trăm của tôi, có ai muốn đồ uống mừng sinh nhật của mình bị tịch thu vào ngày đầy trăm tuổi đâu?

Công tố viên e rằng cử thế này thì mất thời gian quá. Cụ Karlsson này đã lảm nhảm khá lâu toàn chuyện lãng nhăng. Mà trong vòng chưa đầy một giờ nữa, Ranelid phải lên đường trở về Eskilstuna rồi.

- Cảm ơn cụ, cụ Karlsson ạ, chuyện cụ khó khăn lắm mới kiếm được thức uống vào ngày trọng đại của mình rất thú vị, nhưng cho phép tôi nhắc cụ kể có chọn lọc hơn, chúng ta không có nhiều thời gian, chắc cụ hiểu đấy, cụ Karlsson ạ. Thế còn chiếc vali và cuộc gặp với Bylund Ốc Vít ở Trung tâm Du lịch Malmköping thì thế nào?

- Vâng, nó thế nào ấy à? Per-Gunnar đã gọi điện cho Julius và Julius gọi điện cho tôi... theo Julius thì Per-Gunnar muốn tôi chịu trách nhiệm về mấy cuốn kinh thánh ấy và tôi nghĩ mình cũng có thể giúp anh ấy, vì tôi...

- Kinh Thánh ư? - Công tố viên Ranelid cắt ngang.

- Nếu ông cho phép, ông công tố ạ, có lẽ tôi có thể cung cấp một ít thông tin về chuyện này? - Benny nói.

- Vâng anh cứ nói, - công tố viên đáp.

- Vâng, nó là như thế này: Allan là bạn tốt của Julius ở Byringe, mà anh ấy thì là bạn tốt của Per-Gunnar, người mà ông công tố tưởng là đã chết ấy, và Per-Gunnar thì lại là bạn tốt của tôi, và tôi vừa là em trai của Bosse, chủ nhà này, vừa là chồng chưa cưới của Gunilla, cô ấy là người đẹp ngồi phía cạnh bàn kia, Gunilla lo phần chú giải và do đó có điểm

chung với Bosse người bán kinh thánh - ví dụ cho Per-Gunnar chẳng hạn.

Công tố viên ngồi bút lăm lăm trong tay, nhưng mọi thứ được nói quá nhanh, ông chẳng kịp ghi lại từ nào. Điều đầu tiên ông có thể rặn ra là:

- Chú giải á?

- Vâng, diễn giải Kinh Thánh, - Người Đẹp giải thích với ông.

Diễn giải Kinh Thánh? Chánh Thanh tra Aronsson ngồi im cạnh công tố viên trầm nghĩ. Tối hôm qua Aronsson đã nghe Người Đẹp chửi thề như ranh, thế mà lại có thể diễn giải Kinh Thánh ư? Tuy nhiên, ông không nói gì. Cứ kệ công tố viên tự tìm hiểu mọi chuyện.

- Diễn giải Kinh Thánh? - Công tố viên Ranelid hỏi, nhưng rồi lập tức quyết định tiếp tục. - Không sao, hãy kể cho tôi chuyện gì đã xảy ra với chiếc vali và Bylund Ốc Vít ở Trung tâm Du lịch Malmköping.

Bây giờ đến lượt Per-Gunnar Gerdin nhảy vào cuộc.

- Ông công tố, cho phép tôi nói vài câu được không ạ? - Anh ta hỏi.

- Chắc chắn rồi, - công tố viên Ranelid đáp. - Miễn là có ai đó nói gì soi sáng sự việc chút ít, rồi ma quỷ tự nó sẽ nói ra.

- Nào nào, ông dùng từ cẩn thận cho một chút, - Người Đẹp nói và đảo mắt (thế là Chánh Thanh tra biết tổng rằng họ đang đem công tố viên ra làm trò đùa).

- Tôi không nghĩ 'ma quỷ' là một từ xứng với tôi kể từ khi tôi gặp Chúa Giêsu, - Per-Gunnar Gerdin nói. - Ông công tố

tất nhiên chắc phải nghe nói rằng tôi đã đứng đầu một tổ chức gọi là “Never Again”. Cái tên này ban đầu có nghĩa là các thành viên của tổ chức sẽ không bao giờ quay lại sau song sắt một lần nữa, dù có thể không thiếu lý do pháp lý cho chuyện ấy, nhưng về sau tên này đã có một ý nghĩa khác. Chúng tôi sẽ Không Bao Giờ bị cấm dỗ để vi phạm pháp luật lần nữa, dù là luật của con người hay luật trên thiên đường!

- Có phải đó là lý do vì sao Ốc Vít đập tan phòng chờ, đánh đập một nhân viên rồi bắt cóc tài xế xe buýt và cướp xe của ông ta? - Công tố viên Ranelid chất vấn.

- Trời ơi, tôi cảm nhận thấy một sự mỉa mai nào đó ở đây, - Per-Gunnar Gerdin nói. - Nhưng bản thân tôi đã nhìn thấy ánh sáng, không có nghĩa là những người tôi quen biết cũng thế. Một trong số họ đã đến tận Nam Mỹ để truyền giáo, nhưng hai người khác chẳng may vẫn số. Tôi đã giao cho Ốc Vít nhiệm vụ lấy chiếc vali chứa hai trăm cuốn kinh trên đường từ chỗ Bosse ở Uppsala đến Falköping. Tôi sẽ dùng kinh sách để mang tin lành đến với những kẻ côn đồ xấu xa nhất nước, xin ông thứ lỗi về cách diễn đạt của tôi, thưa ông công tố.

Cho tới lúc này, Bosse, ông chủ của trang tại Bellringer vẫn giữ im lặng. Nhưng đến đây, ông nâng một chiếc vali nặng màu xám lên bàn ăn và mở nó ra. Bên trong là một số lượng lớn các cuốn kinh thánh bọc bìa da thật màu đen, chữ nạm vàng, có chú giải song song, ba tấm đánh dấu sách, một danh sách các nhân vật trong Kinh Thánh, bản đồ in màu và đủ thứ khác.

- Khó thấy ở đâu có cuốn Kinh Thánh nào tuyệt vời hơn, ông công tố ạ, - Bosse Ljungberg nói với giọng thuyết phục. - Cho phép tôi đưa ông xem một cuốn nhé? Ngay cả trong Văn phòng Công tố nhà nước thì người ta cũng cần được giúp đỡ để tìm kiếm ánh sáng, ông công tố chắc cũng phải ý thức điều đó!

Bosse là người đầu tiên trong nhóm không lảm nhảm vô nghĩa trước mặt công tố viên, vì anh ta nói thực. Và công tố viên hẳn phải bán tín bán nghi điều đó, vì bây giờ ông bắt đầu lung lay, không dám chắc rằng tất cả các chuyện Kinh Thánh này chỉ là bịp bợm. Ông nhận cuốn Kinh Thánh từ Bosse và nghĩ rằng chỉ có sự cứu rỗi ngay lập tức mới có thể cứu mình bây giờ. Nhưng ông không nói ra điều đó mà chỉ bảo:

- Liệu chúng ta có thể trở lại lần cuối với sự việc trước mắt không? Chuyện gì đã xảy ra với cái vali chết mẹ ở Malmköping?

- Ôi đừng chửi thề! - Người Đẹp khấn khoản.

- Giờ chắc tới lượt của tôi chứ? - Allan thắc mắc. - Vâng, ông thấy đấy, tôi đến Trung tâm Du lịch sớm hơn dự định ban đầu một chút, vì Julius nhân danh Per-Gunnar bảo tôi thế. Nghe nói là trước đó Bylund Ốc Vít đã gọi điện cho Per-Gunnar ở Stockholm và xin xin rồi - xin lỗi ông công tố lần nữa vì cách diễn đạt của tôi! Và như ông biết đấy, ông công tố ạ, mà cũng có thể là ông không biết vì tôi chẳng biết tầm lượng của ông thế nào, nhưng dù sao... tôi nói đến đâu rồi nhỉ? Vâng, ông biết đấy, ông công tố ạ, rượu vào thì mất khôn, hoặc đại loại thế. Bản thân tôi lúc say xỉn đã nói hớ khá nhiều hơn trong một tàu ngầm ở độ sâu 200 mét ở giữa biển Baltic...

- Nhân danh Chúa, cụ có thể đi thẳng vào vấn đề không? - Công tố viên Ranelid nói.

- Xin đừng báng bổ! - Người Đẹp tha thiết.

Công tố viên Ranelid đặt một tay lên trán và hít sâu vài lần. - Allan Karlsson tiếp tục:

- Vâng, Bylund Ốc Vít đã gọi điện cho Per-Gunnar ở Stockholm lảm bà lảm bầm rằng anh ta rút khỏi Câu lạc bộ Kinh Thánh của

Per-Gunnar và có ý định đăng lính Lê dương ở nước ngoài nhưng trước hết - đến đây thì ông nên ngồi xuống, Công tố viên ạ, vì những gì tôi sắp nói khủng khiếp lắm - anh ta có ý định đốt sạch chỗ thánh kinh ở quảng trường chính tại Malmköping?

- Chính xác hơn, anh ta đã nói là “đồng kinh sách khốn nạn chết tiệt”, - Người Đẹp bổ sung.

- Đương nhiên, sau đó, tôi được cử đi tìm Ốc Vít để lấy cái vali từ anh ta trước khi quá muộn. Chúng ta thường có ít thời gian, nhưng đôi khi thời gian thậm chí còn ít hơn là ta có thể tưởng tượng. Ví dụ như trường hợp Tướng Franco ở Tây Ban Nha suýt bị nổ banh xác ngay trước mắt tôi. Nhưng nhân viên của ông có mặt ở đó, họ tóm lấy ông tướng, nhấc bổng lên và đưa ông xuống đất an toàn. Họ đã không phí thời gian suy nghĩ. Cứ thế mà làm thôi.

- Tướng Franco ở Tây Ban Nha thì liên quan gì đến chuyện này? - Công tố viên Ranelid thắc mắc.

- Chẳng liên quan gì ráo, ông công tố ạ, tôi chỉ lấy ông ta làm ví dụ minh họa vậy thôi. Càng rõ ràng càng tốt mà.

- Trong trường hợp đó, cụ Karlsson ạ, cụ có thể làm rõ ràng vấn đề này được không? Chuyện gì đã xảy ra với cái vali?

- Vâng, anh Ốc Vít không muốn đưa nó cho tôi, và thể lực tôi không đủ để giằng lấy cái vali, vấn đề không chỉ ở thể lực của tôi, về nguyên tắc, tôi tin rằng thật khủng khiếp cái cách người ta...

- Xin cụ tập trung vào chủ đề, cụ Karlsson!

- Vâng, xin lỗi ông công tố. Vâng, giữa lúc lộn xộn này, anh Ốc Vít phải vào nhà vệ sinh công cộng ở trung tâm du lịch, thế là tôi nắm lấy cơ hội. Tôi biến mất cùng với cái vali,

bằng cách lên xe buýt Strängnäs đến Byringe chỗ anh bạn già Julius, hay thỉnh thoảng còn được gọi là Julle.

- Julle ư? - Công tố viên hỏi, vì cảm thấy mình cũng phải nói gì đó.

- Hoặc Julius, - Julius nói. - Hân hạnh được gặp ông.

Công tố viên ngồi im lặng một lúc. Bây giờ ông thực sự bắt đầu ghi chép một chút, vạch vài đường kết nối giữa ghi chú này với kia, rồi ông nói:

- Nhưng, cụ Karlsson ạ, cụ trả tiền vé xe buýt bằng tờ năm mươi crown và còn hỏi bằng ấy thì đi được bao xa. Nó đâu có khớp với việc chủ tâm đi du lịch đến Byringe chứ không phải nơi nào khác?

- Ôi dào! - Allan nói. - Tôi thừa biết giá vé đến Byringe chứ. Mỗi tội tôi chỉ có một tờ năm mươi crown trong ví và định trêu bác tài một chút. Chắc nó không bị cấm chứ, ông công tố?

Công tố viên Ranelid không trả lời là trêu cợt người khác có bị cấm hay không. Thay vào đó, một lần nữa, ông đề nghị Allan tiếp tục và nói nhanh lên.

- Ngắn gọn thôi: Tiếp theo thì sao?

- Ngắn thôi à? Tóm lại, chuyện xảy ra là Julius và tôi, chúng tôi đã có một buổi tối vui vẻ với nhau, cho đến khi anh Ốc Vít đến và ra sức tháo ốc vít cửa, xin ông công tố tha lỗi vì tôi đã chơi chữ. Nhưng vì chúng ta có một chai vodka trên bàn, có lẽ ông sẽ nhớ từ lúc trước tôi đã kể rằng tôi mang theo một chai vodka - thành thực mà nói thì không chỉ một chai mà là hai chai, người ta không nên nói dối những chi tiết không quan trọng nhưng dù sao đi nữa ông là người có thể

đánh giá trong câu chuyện này cái gì là quan trọng nhiều hay ít, ông công...

- Tiếp đi!

- Vâng, xin lỗi ông. Vâng, anh Ốc Vít hết giận ngay khi biết là thực đơn sẽ có món nai sừng tấm nướng và rượu vodka. Trong bữa ăn tối muộn, anh ấy thậm chí đã quyết định không đốt chỗ kinh sách, nhờ say xỉn cả đấy. Rượu thực ra cũng có mặt tích cực của nó, ông có nghĩ thế không, ông công...

- Tiếp đi!

- Sáng hôm sau, ông thấy đấy, ông công tố ạ, anh Ốc Vít đã bị nhức đầu khủng khiếp. Cá nhân tôi đã không bị thế từ năm 1945, hồi đó tôi đã cố hết sức uống thắng Phó Tổng thống Truman bằng rượu tequila. Thật không may, Tổng thống Roosevelt đã mất đúng ngày hôm đó thế nên chúng tôi phải ngừng bữa rượu sớm, thế có khi lại may cho tôi vì, ôi, Chúa phù hộ, tôi không thể tả được đầu mình hôm sau bị làm sao. Tôi chỉ cảm thấy khá hơn so với Roosevelt một chút thôi, có thể nói là như vậy.

Giờ thì công tố viên Ranelid chớp mắt lia lịa trong lúc tự hỏi mình nên nói gì. Cuối cùng, sự tò mò thắng thế. Công tố viên thậm chí không nhắc Allan Karlsson nói đúng vào chủ đề nữa:

- Cụ đang nói gì thế? Cụ đã ngồi uống rượu tequila với Phó Tổng thống Truman trong khi Tổng thống Roosevelt mất ư?

- Không, ông Roosevelt không hẳn là chết, - Allan nói. - Nhưng tôi hiểu ý ông, ông công tố ạ. Nhưng có lẽ chúng ta không nên sa lầy vào chi tiết, ông có nghĩ thế không ông công tố?

Công tố viên chẳng nói gì, thế là Allan tiếp tục.

- Dù sao thì anh Ốc Vít cũng không khỏe để giúp chúng tôi đạp xe goòng đến làng đức Akers sáng hôm sau.

- Theo như tôi hiểu thì anh ta thậm chí còn không mang giày, công tố viên nói. Cụ giải thích thế nào về chuyện đó, cụ Karlsson?

- Nếu mà ông công tố chứng kiến sáng hôm đó anh Ốc Vít bèo nhèo đến mức nào... Anh ta thậm chí có thể ngồi đấy mà không mặc gì trừ quần lót ấy chứ.

- Thế còn đôi giày của cụ, cụ Karlsson? Sau đó nó được tìm thấy trong nhà bếp của Julius Jonsson.

- Vâng, tất nhiên là tôi mượn giày của Julius. Nếu một trăm tuổi, rất hay cứ thế lê dép ra ngoài, rồi ông cũng thấy mình như thế, bốn mươi hoặc năm mươi năm nữa.

- Tôi chẳng nghĩ mình sẽ sống lâu đến thế, - công tố viên Ranelid nói. - Câu hỏi đặt ra là liệu tôi có thể sống qua cuộc trò chuyện này không ấy. Cụ giải thích thế nào về việc khi chiếc xe goòng được tìm thấy, chó cảnh sát có thể đánh hơi ra dấu vết của một xác chết?

- Ông cho tôi biết đi, ông công tố. Tất nhiên anh Ốc Vít là người cuối cùng rời khỏi chiếc xe, có lẽ anh ấy có thể tự kể với chúng ta, nếu không chẳng may chết ở Djibouti. Hay là ông công tố nghĩ tôi có thể là nguyên nhân gây ra cái mùi đó? Tôi đúng là chưa chết, chắc chắn là như thế, nhưng tôi già khủng khiếp... có thể nhuộm mùi người chết hơi sớm chăng?

Công tố viên Ranelid đã bắt đầu mất kiên nhẫn. Thời gian trôi vèo vèo và nãy giờ mới kể chưa xong một trong hai mươi sáu ngày. Và chín mươi phần trăm những gì cụ già lảm nhảm là hoàn toàn vô nghĩa.

- Tiếp đi! - Công tố viên Ranelid giục, không bình luận thêm gì về mùi người chết nữa.

- Vâng, chúng tôi để anh Ốc Vít ngủ trên chiếc xe và đi dạo đến quầy bánh mì kẹp của Benny, bạn của Per-Gunnar.

- Anh cũng từng bị đi tù à? - Công tố viên hỏi.

- Không, nhưng tôi đã nghiên cứu Tội phạm học, Benny nói rất thành thực, trước khi bịa ra chuyện vì thế mình từng phỏng vấn các tù nhân trong một nhà tù lớn và nhờ thế mà gặp Per-Gunnar.

Hình như công tố viên Ranelid lại ghi chép gì đó, rồi ông đều đều giọng bảo Allan Karlsson cứ tiếp tục!

- Ban đầu, Benny định lái xe đưa tôi và Julius đến Stockholm để chuyển cái vali kính thánh cho Per-Gunnar. Nhưng rồi Benny bảo sẽ đánh một đường vòng qua Småland, chỗ vợ chưa cưới của anh ấy, là cô Gunilla đây...

- Cầu cho ông được bình an, - Gunilla nói và gật đầu với Công tố viên Ranelid.

Công tố viên Ranelid gật đầu lại với Người Đẹp rồi quay lại với Allan đang nói tiếp:

- Benny đương nhiên là người biết Per-Gunnar rõ nhất và Benny bảo, Per-Gunnar có thể đợi một vài ngày để lấy thánh kính, dù sao thì trong đó có tin tức thời sự gì đâu, và phải công nhận là anh ta nói đúng. Nhưng làm sao có thể chờ đợi đời đời được, vì đến khi Chúa Giêsu thực sự trở lại trái đất thì tất cả các chương về sự phục sinh của Người lại bị lỗi thời...

- Đừng nói lằng nhằng nữa, cụ Karlsson. Bấm vào chủ đề đi!

- Tất nhiên, ông công tố ạ! Tôi sẽ cực kì tập trung vào chủ đề, nếu không là hỏng hết mọi chuyện. Tôi nghĩ chuyện này mình phải rõ hơn bất cứ ai. Nếu không tập trung vào chủ đề trước mặt Mao Trạch Đông ở Mãn Châu thì hồi đó, tôi gần như chắc chắn đã bị bắn ở đó rồi.

- Phải công nhận đấy là giải pháp tối ưu, - Công tố viên Ranelid nói và ra dấu cho Karlsson nói nhanh lên.

- Nhưng dù sao, Benny cứ không tin rằng Chúa Giêsu có đủ thời gian để quay trở lại khi chúng tôi còn ở Småland, và theo chỗ tôi biết thì Benny đã đúng về điều đó...

- Karlsson?

- Ồ vâng. Vâng, cả ba chúng tôi lái xe đến Småland, một cuộc phiêu lưu khá thú vị cho Julius và tôi, chúng tôi đã đi mà không báo cho Per-Gunnar, tất nhiên đó là một sai lầm.

- Vâng, đúng thế, Per-Gunnar Gerdin chêm vào. Tôi nghĩ mình có thể đợi một vài ngày để lấy thánh kinh, nó không thành vấn đề. Tuy nhiên, ông thấy đấy, ông công tố, tôi nghĩ rằng Ốc Vít cùng với Julius, Allan và Benny đã nảy ra một trò gì đó ngớ ngẩn. Vì Ốc Vít chưa bao giờ thích ý tưởng là Never Again nên bắt đầu tuyên truyền kinh Phúc Âm. Và tất nhiên tôi chẳng thấy dễ chịu hơn tí nào sau khi đọc những gì báo chí nói!

Công tố viên gật gù ghi chép. Có lẽ ở đây có điều gì đó hợp lý hơn cả. Rồi ông quay về phía Benny:

- Nhưng khi đọc về nghi án bắt cóc cụ già trăm tuổi, về Never Again và về “trùm ăn trộm” Julius Jonsson - sao anh không liên lạc với cảnh sát?

- Chà, tôi có nghĩ đến chữ. Nhưng khi tôi bảo nó với Allan và Julius, họ khẳng khẳng không chịu. Julius nói rằng về nguyên tắc, ông không bao giờ nói chuyện với cảnh sát, còn

Allan bảo cụ đã chạy trốn khỏi Nhà Già và hoàn toàn không muốn bị trả lại cho Xơ Alice chỉ vì báo chí và truyền hình đã hiểu sai.

- Về nguyên tắc, ông không bao giờ nói chuyện với cảnh sát ư? - Công tố viên Ranelid hỏi Julius Jonsson.

- Vâng, sau đủ thứ chuyện xảy ra. Bao năm qua, tôi chẳng mấy khi may mắn khi dính tới cảnh sát. Nhưng gặp mà dễ chịu như với Chánh Thanh tra Aronsson ngày hôm qua, và với ông, ông Công tố ạ, hôm nay tôi rất vui làm một ngoại lệ. Ông có muốn thêm cà phê không?

Có, công tố viên đúng là đang cần thêm cà phê. Ông cần các kiểu năng lượng và sức mạnh mà mình có thể tập hợp để đưa cuộc trò chuyện này vào trật tự, rồi có cái gì đó mà trình bày với báo giới vào lúc 3 giờ. Cái đó phải là sự thật, hoặc ít nhất thì cũng đáng tin.

Nhưng công tố viên không chịu buông tha Benny Ljungberg.

- Thế thì tại sao anh không gọi điện thoại cho bạn anh, Per-Gunnar Gerdin? Anh phải biết rằng ông ấy sẽ đọc về anh trên báo chứ.

- Tôi nghĩ rằng có lẽ cảnh sát và ông công tố vẫn chưa nhận thức được thực tế là Per-Gunnar đã gặp Chúa Giêsu, và do đó đường dây điện thoại của ông ấy bị nghe trộm. Và tôi nghĩ rằng ông công tố phải công nhận rằng tôi nói đúng chứ?

Công tố viên lăm bắm gì đó, ghi chép, và lấy làm tiếc rằng mình đã trót để lộ chi tiết này cho cánh nhà báo, nhưng việc đã rồi tiếc cũng vô ích. Rồi ông tiếp tục, quay sang Per-Gunnar Gerdin.

- Ông Gerdin, có vẻ như ông đã được chỉ dẫn đến nơi Allan Karlsson và bạn của cụ ấy đang ở. Chỉ dẫn này từ đâu ra?

- Đáng tiếc là chúng ta có lẽ sẽ không bao giờ biết nữa. Đồng nghiệp của tôi mang theo mọi thông tin xuống mồ rồi. Hay nói chính xác hơn là trong bãi xe phế thải.

- Thế chỉ dẫn nói gì?

- Nói là đã nhìn thấy Allan, Benny và bạn gái của anh ấy ở Rottne, Småland. Một người bạn của Thùng Gỗ đã gọi điện, tôi nghĩ thế. Tôi chỉ quan tâm đến thông tin đó là chính. Tôi biết rằng bạn gái của Benny tóc màu đỏ và sống ở Småland. Vì vậy, tôi đã bảo Thùng Gỗ đến Rottne và đứng bên ngoài siêu thị. Vì ai chả phải mua các thứ...

- Và Thùng Gỗ vui vẻ vâng lời, nhân danh Chúa Giêsu?

- Chà, không hẳn như vậy, ông đã điếm đúng huyết đó, ông công tố ạ. Có thể nói đủ thứ về Thùng, nhưng còn... tôn giáo thì... Không, anh ta chẳng bao giờ có đức tin. Anh ta thậm chí còn khó chịu hơn Ốc Vít trước xu hướng mới của câu lạc bộ. Anh ta bảo sẽ đến Nga hoặc các nước vùng Baltic để kinh doanh ma túy ở đó... ông đã bao giờ nghe chuyện gì khủng khiếp đến thế chưa? Thực ra, có khi anh ta còn bắt đầu làm thế rồi cũng nên, nhưng chuyện đó ông phải hỏi chính anh ấy... Không, cũng không thể hỏi được...

Công tố viên nhìn Per-Gunnar Gerdin nghi ngờ.

- Chúng tôi có một băng ghi âm, như Benny Ljungberg đã phỏng đoán. Trong đó, ông gọi Gunilla Björklund là một “con mụ” và sau đó, trong cuộc trò chuyện ông còn chửi thề nữa. Liệu Chúa nghĩ sao về điều đó?

- À, Chúa sẽ tha thứ ngay, ông sẽ thấy thế nếu mở cuốn sách mà ông vừa nhận được kia.

- “Ai tội lỗi gì cũng được tha thứ” Chúa Giêsu đã phán thế,
- Bosse chen vào.

- Kinh Phúc Âm, lời thánh John? - Chánh Thanh tra Aronsson nói, ông nhận ra câu này mình đã đọc tối qua, lúc ngồi hàng tiếng trong góc của quán bar khách sạn.

- Ông đọc Kinh Thánh à? - Công tố viên Ranelid ngạc nhiên hỏi.

Chánh Thanh tra Aronsson không đáp, chỉ mỉm cười ngoan đạo với Công tố viên Ranelid. Per-Gunnar Gerdin tiếp tục:

- Tôi cố ý nói theo kiểu đó vì muốn Thùng Gỗ nhận ra phong cách hồi trước, tôi nghĩ nó có thể khiến anh ta nghe lời tôi, - Per-Gunnar Gerdin giải thích.

- Thế anh ta có nghe không? - Công tố viên hỏi.

- Có và không. Tôi không muốn anh ta ra mắt Allan, Julius, Benny và bạn gái anh ấy, vì sợ cung cách thô lỗ của anh ta gây mất cảm tình với nhóm.

- Và đúng thế thật đấy, - Người Đẹp thêm vào.

- Sao lại thế? - Công tố viên Ranelid hỏi.

- Chà, anh ta xông vào trang trại của tôi, hút thuốc, chửi thề và đòi uống rượu... Tôi cũng dễ tính lắm, nhưng tôi không thể chịu nổi kẻ mở mồm ra là văng tục.

Chánh Thanh tra Aronsson suýt nghẹn miếng bánh. Mỗi tối qua, Người Đẹp đã ngồi ngoài hiên và chửi thề gần như không dừng lại để thở. Aronsson mỗi lúc một cảm thấy mình không hề muốn tìm ra sự thật trong đống lộn xộn này. Kệ nó thế thì tốt hơn. Người Đẹp tiếp tục:

- Tôi khá chắc chắn là khi đến, anh ta say xỉn, mà lại còn lái xe hơi nữa chứ, ông nghĩ xem! Rồi anh ta đi vòng vòng, vung vẩy khẩu súng lục điều võ dương oai, rằng anh ta sẽ buôn ma túy ở... Riga, hình như thế. Thế là, tôi gầm lên, vâng,

ông Công tố ạ, tôi gầm lên rằng “Không được mang vũ khí trên đất của tôi!” và buộc anh ta đặt khẩu súng xuống hiên. Tôi chưa từng gặp ai nóng tính và khó chịu hơn...

- Có lẽ tại mấy quyển kinh thánh khiến anh ta mất bình tĩnh, - Allan thắc mắc. - Tôn giáo có thể dễ dàng khuấy động cảm xúc của người ta. Một lần, hồi tôi ở Teheran...

- Teheran ư? - Công tố viên buột miệng.

- Vâng, một vài năm trước đây, chắc chắn thế. Hồi đó còn có chút trật tự, Churchill bảo tôi thế khi chúng tôi bay khỏi đó bằng máy bay.

- Churchill á? - Công tố viên hỏi.

- Vâng, ông Thủ tướng ấy. Có lẽ hồi đó ông ấy không phải là Thủ tướng Chính phủ mà là trước đó. Và sau đó, thực tế là vậy.

- Mẹ nó, tôi thừa biết Churchill là ai chứ, tôi chỉ... ông và Churchill đi Teheran cùng nhau?

- Đừng chửi thề, ông công tố! - Người Đẹp thốt lên.

- Chà, không hẳn là cùng nhau. Tôi đã sống một thời gian với một nhà truyền giáo. Ông ấy có biệt tài khiến mọi người chung quanh phát điên lên.

Và công tố viên Ranelid cũng sắp phát điên đến nơi. Ông vừa nhận ra mình đã cố gắng moi sự thật từ một cụ già trăm tuổi, người ngồi đó tuyên bố rằng cụ đã gặp Franco, Truman, Mao Trạch Đông và Churchill. Nhưng Allan chẳng lấy làm phiền nếu Ranelid mất bình tĩnh. Ngược lại thì có. Cho nên cụ cứ tiếp tục:

- Suốt thời gian ở Trang trại Bên Hồ, anh Thùng Gỗ cứ như một đám mây đông. Anh ấy chỉ tươi tỉnh đúng một lần, đó là

khi cuối cùng anh ấy bỏ đi. Lúc đó, anh ta hạ cửa sổ xe xuống và gào lên: “Latvia, tôi đến đây!” Chúng tôi hiểu là anh ta định nói mình đang trên đường đến Latvia, nhưng ông công tố giàu kinh nghiệm trong ngành cảnh sát hơn chúng tôi nên có lẽ sẽ giải thích khác?

- Đồ ngu! - Công tố viên nói.

- Đồ ngu? - Allan hỏi. - Tôi chưa bao giờ được gọi như thế cả. Đồ chó và chuột thì có, Stalin buột ra hai từ đó trong lúc giận dữ nhất, nhưng chưa bao giờ là ngu cả.

- Thế thì nó là thời chó chết, - công tố viên Ranelid nói.

Per-Gunnar Gerdin phản ứng lại:

- Nào nào, đừng có nổi nóng chỉ vì ông không thể còng tay bất cứ ai ông muốn, ông công tố ạ. Ông có muốn nghe phần còn lại của câu chuyện hay không?

Có, công tố viên muốn nghe, vì vậy ông lăm bắm một lời xin lỗi. Mà có lẽ “muốn” không phải là từ chính xác... ông đơn giản là “phải” nghe. Vì vậy, ông để Per-Gerdin tiếp tục:

- Thế thì, về tổ chức Never Again, có thể nói Ốc Vít đã đến châu Phi đăng lính Lê dương Pháp, Thùng Gỗ đến Latvia để buôn ma túy, và Caracas về quê để... chà, anh ta về quê. Còn lại chỉ mình tôi, hoàn toàn trơ trọi, dù tôi có Chúa Giêsu ở bên cạnh, tất nhiên.

- Ồ, phải, lôi kéo thêm đi, - công tố viên lăm bằm. - Tiếp tục nào?

- Tôi tìm xuống Trang trại Bên Hồ để gặp Gunilla, bạn gái của Benny. Ít nhất thì Thùng Gỗ đã gọi điện và cho tôi địa chỉ trước khi rời khỏi đất nước. Dù bất lương nhưng anh ta còn chút tử tế đấy.

- Ừm, tôi có một số câu hỏi về điều đó, - Công tố viên Ranelid hỏi. - Đầu tiên với cô, Gunilla Björklund. Vì sao vài ngày trước khi bỏ đi, cô lại ra ngoài mua một chiếc xe tải - và tại sao cô bỏ đi nhỉ?

Tối hôm trước, nhóm bạn đã quyết định giữ Sonya đứng ngoài chuyện này. Cũng giống như Allan, nó đang trên đường chạy trốn, nhưng khác với cụ, nó không có quyền công dân. Có thể nó sẽ không được coi là người Thụy Điển và ở Thụy Điển, cũng như hầu hết các nước khác, người nước ngoài chẳng được coi trọng lắm. Sonya có thể sẽ bị trục xuất hoặc bị giam trong vườn thú. Hoặc có lẽ là cả hai.

- Vâng, đúng là chiếc xe được mua dưới tên tôi, - Người Đẹp đáp, - nhưng thực sự là Benny và tôi đã mua nó cùng nhau và chúng tôi mua cho anh Bosse của Benny.

- Và anh ta sẽ dùng nó chở sách kinh? - Công tố viên Ranelid hỏi, không còn giữ nổi thái độ bình tĩnh.

- Không, để chở dưa hấu, - Bosse trả lời. - Ông có muốn nếm vị dưa hấu ngọt ngào nhất thế giới không, ông công tố?

- Không, tôi không muốn, - công tố viên Ranelid đáp. - Tôi muốn làm rõ những gì còn lại rồi về nhà và làm xong cuộc họp báo, sau đó thì tôi muốn đi nghỉ. Tôi chỉ muốn thế thôi. Và bây giờ tôi muốn chúng ta tiếp tục. Vì cái quái quỷ gì... Ừm, vì lẽ gì mà anh rời khỏi Trang trại Bên Hồ đúng lúc Per-Gunnar Gerdin đến?

- Nhưng họ có biết tôi đang đến đâu, - Per-Gunnar Gerdin nói. - Ông thấy khó hiểu à, ông công tố?

- Vâng, tôi thấy thế, - Công tố viên Ranelid đáp. - Einstein cũng khó mà hiểu nổi nếu nghe câu chuyện vô nghĩa này.

- Ông nói đến Einstein thì..., - Allan nói.

- Không, cụ Karlsson ạ, - công tố viên Ranelid nói với giọng chắc nịch. - Tôi không muốn nghe cụ và Einstein đã làm với nhau những trò gì. Thay vào đó, tôi muốn ông Gerdin giải thích vì sao ‘người Nga’ dính líu vào đây.

- Người Nga ư? - Per-Gunnar Gerdin hỏi.

- Phải, người Nga. Thùng Gỗ, đồng nghiệp quá cố của ông đã nhắc tới ‘người Nga’ trong cuộc trò chuyện bị nghe lén qua điện thoại. Ông trách cứ Thùng Gỗ đã không gọi điện đến sim rác của ông, và Thùng Gỗ trả lời anh ta tưởng chỉ cần làm thế khi ông làm ăn với người Nga.

- Tôi không muốn nói về chuyện đó, - Per-Gunnar Gerdin đáp, vì chẳng biết phải nói gì.

- Nhưng tôi muốn, - công tố viên Ranelid đáp.

Quanh bàn, mọi người im lặng trong khoảnh khắc. Báo chí không đề cập đến thông tin về người Nga trong cuộc điện đàm của Gerdin, và Gerdin cũng không nhớ ra. Nhưng rồi Benny nói:

- Jesli tjelovek kurit, on plocho igrajet v futbol.

Mọi người quay hết lại nhìn Benny, trố mắt lên.

- ‘Người Nga’ là tôi và anh trai tôi, - Benny giải thích.
- Cha chúng tôi và bác Frasse - cầu cho họ yên nghỉ - thuộc phe tả khuynh, có thể nói như thế. Vì vậy, họ bắt anh em tôi học tiếng Nga suốt thời thơ ấu, làm chúng tôi bị bạn bè và người quen đặt cho biệt hiệu là “người Nga”. Tôi vừa nói thế, tất nhiên bằng tiếng Nga.

Trong buổi sáng đặc biệt này, hầu hết những gì Benny nói đều là bịa cả. Bác chỉ định cứu nguy cho Pike Gerdin. Benny đã suýt có bằng cử nhân tiếng Nga (còn nợ bài tiểu luận tốt nghiệp) nhưng nó đã lâu rồi và trong lúc vội vàng Benny chỉ nhớ đọc một câu là:

“Nếu hút thuốc, bạn sẽ không đá bóng giỏi được.”

Nhưng nó lại được việc. Trong số mọi người ngồi quanh bàn tại Trang trại Bellringer, Allan là người duy nhất hiểu được những gì Benny đã nói.

Giờ thì nó bắt đầu trở nên quá tải với công tố viên Ranelid. Thoạt tiên là những chuyện vớ vẩn với các nhân vật lịch sử, rồi thì mọi người bắt đầu nói tiếng Nga... và tất cả cùng với thực tế không thể giải thích rằng Bolt được tìm thấy đã chết ở Djibouti còn Thùng Gỗ ở Riga - không, không phải hơi mà là thực sự quá tải.

Cuối cùng, liệu ông có thể giải thích cho tôi, ông Gerdin, vì sao mà thoạt tiên bạn bè lại đâm xe và giết chết ông, rồi làm thế nào ông trở về từ cõi chết và bây giờ đang ngồi đây... ăn dưa hấu? Nhân tiện, tôi có thể ném miếng dưa không?

- Tất nhiên rồi, - Bosse nói. - Nhưng công thức pha chế là bí mật đấy! Hay như người ta thường nói: “Muốn ăn ngon đừng dòm vào bếp.”

Câu này cả Chánh Thanh tra Aronsson lẫn Công tố viên Ranelid chưa nghe qua. Nhưng Aronsson đã định giữ im lặng từ đầu đến cuối, còn Ranelid bây giờ chẳng muốn gì hơn là có một cái kết luận... kiểu gì cũng được... rồi biến khỏi đây. Vì thế, ông không đòi giải thích gì. Thay vào đó, ông nhận xét chưa bao giờ ăn dưa hấu ngon như quả này.

Trong khi công tố viên Ranelid nhai nốt miếng dưa hấu, Per-Gunnar Gerdin giải thích mình đã đến trang trại Bên Hồ đúng lúc chiếc xe tải đi ra, ông đã quay lại, nhìn quanh rồi nhận ra trên xe có đám bạn mà mình đang tìm, thế là ông bắt đầu đuổi theo, vượt qua cái xe tải, bị trượt mất lái - và, chà, hẳn là ông công tố đã xem hết các bức ảnh chụp chiếc xe bị đâm.

- Chẳng có gì lạ khi anh ấy bắt kịp chúng tôi, - Allan nói thêm, sau một hồi im lặng. - Xe anh ấy nhỉnh hơn ba trăm mã lực. Nó khác hẳn với hồi tôi đi bằng chiếc Volvo PV444 từ Bromma đến chỗ Thủ tướng Erlander. Bốn mươi tư mã lực! Ngày ấy đã là ghê lắm. Tôi cứ thắc mắc khi Gustavsson chạy vào nhằm sân nhà tôi thì xe anh ta bao nhiêu mã lực...

- Im đi... xin cụ Karlsson, trước khi cụ làm tôi phát quẩn, - công tố viên Ranelid nói.

Chủ tịch câu lạc bộ Never Again tiếp tục câu chuyện của mình. Tất nhiên, ông đã mất ít máu trong cái xe bị đâm, thực ra là khá nhiều, nhưng ông đã được băng bó ngay và thấy không cần thiết phải đi bệnh viện vì vết thương xoàng, một cánh tay gãy, bị choáng và vài rẻ xương sườn gãy.

- Hơn nữa, Benny còn nghiên cứu cả văn học nữa đấy, - Allan nói.

- Văn học á? - Công tố viên Ranelid hỏi.

- Tôi nói văn học à? - Ý tôi là Y học ấy.

- Tôi cũng nghiên cứu cả văn học nữa, - Benny nói. - Tôi thích nhất có lẽ là Camilo José Cela, đặc biệt là cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông ấy, năm 1947, La familia de...

- Đừng bắt đầu như cụ Karlsson, - công tố viên nói. - Anh quay lại với chuyện chính đi.

Công tố viên khấn khoản và tình cờ nhìn sang Allan, thế là cụ nói:

- Xin ông thứ lỗi cho, ông công tố ạ, chuyện kể thế là hết rồi. Nhưng nếu ông thật sự muốn nghe chúng tôi kể thêm thì có lẽ tôi còn nhớ một hai cuộc phiêu lưu hồi tôi còn là nhân viên CIA. Hay thú vị hơn là lúc tôi vượt qua dãy Himalaya. À, ông có muốn công thức làm rượu vodka từ sữa dê không? Chỉ cần

mỗi củ cải đường và chút nắng mặt trời. Và tất nhiên, một ít sữa dê nữa.

Đôi khi não không vận động mà miệng cứ thế tự tuôn ra, với công tố viên Ranelid cũng thế - trái với những gì vừa quyết định, ông buột mồm nhận xét về chuyện khó tin mới nhất của cụ Allan:

- Cụ đã vượt qua dãy Himalaya ư? Một cụ già trăm tuổi?

- Không, đừng ngớ ngẩn thế, - Allan nói. - Ông thấy đấy, ông công tố ạ, có phải cả đời tôi lúc nào cũng trăm tuổi đâu. Không, chỉ mới đây thôi.

- Chúng ta có thể nói tiếp về...

- Chúng ta đều lớn lên và già đi, - Allan tiếp tục. - Có thể ông không nghĩ thế khi còn là một đứa trẻ... ví dụ như cậu Kim Jong Il chẳng hạn. Cậu bé tội nghiệp ngồi khóc trên đùi tôi, nhưng bây giờ cậu ta là người đứng đầu nhà nước, về mọi phương tiện...

- Bỏ qua chuyện đó đi cụ Karlsson, và...

- Vâng, tôi xin lỗi. Ông muốn nghe chuyện tôi vượt qua dãy Himalaya, ông công tố nhỉ. Vâng, đầu tiên suốt vài tháng tôi không có ai bầu bạn ngoài một con lạc đà, mà đi cùng bọn lạc đà thì có gì vui...

- Không! - Công tố viên Ranelid kêu lên. - Tôi không muốn nghe chuyện đó. Tôi chỉ... tôi không biết... cụ có thể chỉ...

Rồi công tố viên Ranelid đọc ra một lúc, trước khi lẩm bẩm rằng mình không có câu hỏi nào nữa... có lẽ trừ việc ông không thể hiểu tại sao nhóm bạn lại ẩn trốn nhiều tuần ở đồng bằng Västgöta nếu không có gì phải che giấu.

- Mọi người vô tội cơ mà, đúng không?

- Nhưng vô tội có nhiều nghĩa khác nhau tùy thuộc vào quan điểm mà người ta áp dụng, - Benny nói.

- Tôi cũng nghĩ thế đấy, - Allan nói. - Ví dụ như tổng thống Johnson và de Gaulle chẳng hạn. Quan hệ xấu giữa họ là do lỗi ở ai nào? Ông biết cho là không phải tại tôi nhé, khi gặp nhau, chúng tôi đã nói về những chuyện khác, nhưng...

- Xin cụ, cụ Karlsson, - Công tố viên Ranelid nói. - Nếu tôi quỳ xuống xin thì cụ sẽ im miệng chứ?

- Ông không cần phải quỳ, ông công tố ạ. Tôi sẽ câm như hến từ bây giờ, hứa với ông thế. Trong suốt trăm năm sống của tôi, tôi chỉ nhỡ miệng có hai lần. Lần đầu tiên là tôi nói với phía Tây cách tạo bom nguyên tử, và lần sau, tôi nói y như thế với phía Đông.

Công tố viên Ranelid thầm nghĩ bom nguyên tử có thể giải quyết một số vấn đề, nhất là nếu cụ Karlsson ngồi ở đó khi nó nổ. Nhưng ông không nói gì. Ông không còn sức đâu để nói nữa. Câu hỏi tại sao nhóm bạn không lộ diện trong suốt ba tuần có lệnh truy nã đã không có trả lời, trừ vài gợi ý triết học rằng pháp luật có nhiều hình thái khác nhau ở các nước và thời điểm khác nhau.

Thế là công tố viên Conny Ranelid từ từ đứng dậy, gật đầu lặng lẽ cảm ơn nhóm bạn ở trang trại Bellringer đã tiếp đãi, mời ăn dưa, uống cà phê và bánh ngọt,... trò chuyện... và thật sự đã... hợp tác đến như vậy.

Rồi ông rời khỏi nhà bếp, leo lên xe và đi.

- Cuộc gặp cũng trôi chảy đấy chứ nhỉ, - Julius nói.

- Đúng thế, - Allan nói. - Tôi nghĩ mình đã nói đủ thứ.

o o o

Ngồi trong xe, trên đường E20 đi về hướng đông bắc, đầu óc công tố viên Ranelid bắt mụ mị đi. Ông bắt đầu ôn lại những chuyện đã nghe, thêm bớt chỗ này chỗ kia (chủ yếu là bớt), cắt dán và đánh bóng cho đến khi ông thấy mình có một câu chuyện sáng sủa hợp lý. Về độ tin cậy của câu chuyện, điều duy nhất mà công tố viên thực sự lo lắng là chất vấn của báo chí, các nhà báo cũng không tin rằng cụ Allan Karlsson trăm tuổi có mùi người chết.

Công tố viên Ranelid nảy ra một ý. Con chó cảnh sát chết tiệt... Liệu có thể đổ riệt mọi lỗi lầm lên con chó chết tiệt đó?

Vì nếu Ranelid có thể chứng minh rằng, hóa ra con chó ấy bị điên thì biết đâu công tố viên vẫn giữ được thể diện. Chuyện sẽ là chẳng hề có xác chết nào trên cái xe goòng trong rừng Södermanland hết. Nhưng công tố viên đã bị đánh lạc hướng nên tin vào điều ngược lại, từ đó mà có một số kết luận và quyết định hợp lý - tất nhiên, hóa ra nó bị chệch hướng hoàn toàn, nhưng không thể đổ lỗi cho công tố viên được mà đó là lỗi của con chó.

Sáng kiến thật, công tố viên Ranelid nghĩ. Chỉ cần có người xác nhận là con chó đã bị mất khứu giác và... Kicki... có phải tên nó thế không nhỉ?... và Kicki xong đời, nhanh như chớp. Không cần phải chứng minh khả năng của nó sau khi công tố viên đã đưa ra lời giải thích của mình.

Công tố viên Ranelid có ảnh hưởng với người trông giữ Kicki từ vài năm trước, khi ông đã lỡ đi trường hợp một sĩ quan cảnh sát bị tình nghi ăn cắp tại cửa hàng Seven-Eleven. Ông thấy không đáng phải chấm dứt sự nghiệp của viên cảnh sát chỉ vì một cái bánh muffin quên trả tiền. Nhưng bây giờ đã đến lúc người giữ chó phải trả ơn.

- Vĩnh biệt Kicki, - công tố viên Ranelid nói và lần đầu tiên cúi đầu cúi cười một mình suốt dọc đường E20 theo hướng đông bắc về phía Eskilstuna.

Ngay sau đó, điện thoại của ông reo. Là tỉnh trưởng cảnh sát gọi, cho biết mình đã có bản khám nghiệm tử thi và báo cáo xác nhận danh tính từ Riga.

- Họ xác nhận rằng cái xác bị nghiền chết ở bãi xe phế thải chính là Henrik Hulten, - cảnh sát trưởng nói.

- Tốt lắm, - công tố viên Ranelid đáp. - Ông gọi đúng lúc quá! Ông có thể nối máy cho tôi với lễ tân không? Tôi cần gặp Ronny Backman. Người giữ chó, ông biết đấy...

o o o

Nhóm bạn ở trang trại Bellringer vẫy tay chào tạm biệt công tố viên Ranelid rồi trở lại bàn ăn theo đề nghị của Allan. Cụ bảo có một vấn đề cần được giải quyết.

Allan mở đầu cuộc họp bằng cách hỏi liệu ông Chánh Thanh tra Aronsson có gì để nói về những chuyện đã kể với công tố viên Ranelid không. Hay có lẽ ông Chánh Thanh tra thích đi dạo một chút trong lúc nhóm bạn họp với nhau?

Aronsson đáp ông nghĩ mọi chuyện đã rõ ràng và nghe khá hợp lý. Theo Chánh Thanh tra thì vụ này đã được đóng lại, và ông sẽ rất vui nếu vẫn được phép ngồi tại bàn. Nếu không, Aronsson nói, ông cũng chẳng phải vô tội gì và sẽ không ném viên đá đầu tiên hay thứ hai trong vụ này.

- Nhưng xin các bạn đừng nói với tôi những điều tôi thực sự không nên biết. Ý tôi là, nếu cần có đáp án khác thay thế những chuyện các bạn vừa kể với Ranelid...

Allan hứa là ông và mọi người sẽ làm thế, rồi nói thêm mời anh bạn Aronsson cử ngồi ở bàn.

Anh bạn Aronsson, Aronsson nghĩ. Bao năm hành nghề, Aronsson đã có rất nhiều kẻ thù trong giới xã hội đen của cả nước nhưng chưa hề có một người bạn nào. Ông nghĩ giờ đã đến lúc rồi! Và thế là ông đáp mình rất tự hào và vui sướng nếu Allan và mọi người muốn xem ông là bạn.

Allan đáp rằng trong cuộc đời rất dài của cụ, cụ đã bầu bạn với cả các tổng thống và linh mục, nhưng cũng chưa bao giờ với một cảnh sát. Và vì anh bạn Aronsson không muốn biết quá nhiều, nhân danh tình bạn, Allan hứa sẽ không nói gì về nguồn gốc của đồng tiền..

- Đồng tiền ư? - Chánh Thanh tra Aronsson hỏi.

- Vâng, anh biết cái vali ấy chứ? Trước khi đựng kính thánh bìa da thật, nó đã chứa đầy đến miệng toàn tờ năm trăm crown. Khoảng năm mươi triệu crown.

- Chết tiệt thật..., - Chánh Thanh tra Aronsson thốt lên.

- Phải, ông cứ chửi thề thỏa thích, - Người Đẹp nói.

- Nếu ông định viện ai ra để thề thì theo tôi nên là Chúa Giêsu, - Bosse nói. - Có, hoặc không có mặt công tố viên ở đó.

- Năm mươi triệu? - Chánh Thanh tra Aaronson hỏi.

- Trừ đi vài chi phí trong chuyến đi của chúng tôi, - Allan nói. - Và bây giờ nhóm phải giải quyết xem tiền thuộc về ai. Tôi mời anh Pike nói trước.

Per-Gunnar Pike Gerdin gãi tai, suy nghĩ một lúc. Rồi gã nói mình muốn nhóm bạn và chổ bạc triệu gắn với nhau, họ có thể cùng nhau đi nghỉ, vì bây giờ Pike chẳng ao ước gì hơn là được phục vụ ly đồ uống có cấm cái ô nho nhỏ, dưới bóng dù, ở đâu đó xa thật xa. Thêm nữa, Pike biết rằng cụ Allan cũng có ý na ná như thế.

- Nhưng mà không cần ô đâu, - Allan bảo.

Julius nói ông đồng ý với Allan rằng che mưa cho vodka không phải là nhu cầu cần thiết gì, nhất là nếu mình đang nằm dài dưới một cây dù, mặt trời luôn tỏa sáng trên bầu trời xanh trong. Nhưng ông nghĩ nhóm bạn hà tất phải tranh cãi về điều đó. Một kì nghỉ chung có vẻ rất tuyệt?

Chánh Thanh tra Aaronson mỉm cười bền lên với ý tưởng này, chẳng dám tin mình cũng được ở trong nhóm. Benny để ý thấy thế bèn choàng tay lên vai Chánh Thanh tra và tình quái hỏi đại diện lực lượng cảnh sát thích đồ uống trong kì nghỉ của mình được phục vụ thế nào. Chánh Thanh tra toét miệng cười và định trả lời thì Người Đẹp trút một gáo nước lạnh:

- Tôi sẽ không đi một bước nếu không có Sonya và Buster!

Rồi cô im lặng một giây trước khi nói thêm:

- Trời đánh thánh vật cũng không?

Vì Benny về phần mình không thể đi đâu một bước thiếu Người Đẹp nên nhiệt tình của bác nhanh chóng xẹp xuống.

- Ngoài ra, tôi sợ là rằng một nửa trong chúng ta thậm chí không có hộ chiếu hợp lệ, bác thử dài.

Nhưng Allan bình tĩnh cảm ơn Pike vì sự hào phóng trong cách chia vali tiền. Cụ thấy đi nghỉ là một ý hay, nhất là xa Xơ Alice hàng ngàn dặm thì càng tốt. Nếu các thành viên khác trong nhóm đồng ý, chắc chắn họ có thể giải quyết vấn đề về phương tiện và điểm đến, nơi không quá khắt khe về thị thực cho cả người và thú.

- Nhưng làm sao mà đưa được một con voi năm tấn đi cùng máy bay? - Benny tuyệt vọng hỏi.

- Tôi không biết, - Allan đáp. - Nhưng miễn là chúng ta suy nghĩ tích cực, tôi chắc chắn sẽ có cách.

- Còn vấn đề nhiều người trong chúng ta thậm chí không có hộ chiếu hợp lệ?

- Miễn là chúng ta suy nghĩ tích cực, như tôi đã nói.

- Tôi không nghĩ Sonya nặng hơn bốn tấn nhiều đâu, có lẽ chỉ bốn tấn rưỡi là cùng, - Người Đẹp nói.

- Anh thấy đấy, Benny, - Allan nói. - Suy nghĩ tích cực là như thế. Vấn đề ngay lập tức đã nhẹ hẫng đi một tấn.

- Có lẽ tôi có một ý này, - Người Đẹp tiếp tục.

- Tôi cũng thế, - Allan nói. - Cho tôi mượn điện thoại của cô nhé?

CHƯƠNG 26

1968 - 1982

Yury Popov Borisovich sống và làm việc ở thành phố Sarov tại Nizhny Novgorod, khoảng 350 km về phía đông Moskva.

Sarov là một thành phố bí mật, có khi còn bí mật hơn điệp vụ Hutton. Thậm chí không được phép gọi nó là Sarov mà bằng một cái tên không mấy lảng mạn là Arzamas-16. Hơn nữa, toàn bộ thành phố đã được tẩy xóa khỏi mọi bản đồ. Sarov cùng lúc vừa tồn tại, vừa không tồn tại, tùy vào việc ta đề cập đến thực tế hay cái gì khác. Gần giống như Ulapostok trong vài năm từ 1953 trở đi, dù nó ngược nhau.

Ngoài ra, thành phố được rào bằng dây thép gai, tuyệt đối không ai được phép ra vào mà không bị kiểm tra an ninh ngặt nghèo. Nếu ai có hộ chiếu Mỹ và ở Đại sứ quán Mỹ tại Moskva thì lại càng không nên bén mảng đến gần nơi này.

Nhân viên CIA Ryan Hutton và học trò của ông, Allan Karlsson đã nghiên cứu cuốn sách ABC dành cho gián điệp trong vài tuần trước khi Allan đã được cài vào Đại sứ quán ở Moskva dưới cái tên Allen Carson và chức danh mơ hồ 'nhân viên hành chính'.

Thật xấu hổ cho mật vụ Hutton là ông đã hoàn toàn bỏ qua thực tế rằng đối tượng mà Allan Karlsson định tiếp cận là bất khả xâm phạm, quây kín sau dây thép gai trong một thành phố được bảo vệ cẩn mật đến mức nó thậm chí còn không được phép gọi bằng tên ra.

Mật vụ Hutton xin lỗi Allan về sai lầm của mình, nhưng đềo thêm rằng chắc chắn Allan sẽ nghĩ ra một cách gì đó. Thỉnh thoảng Popov phải đến Moskva và nhiệm vụ của Allan là điều tra xem lần sau, khi nào Popov sẽ tới.

- Xin ông Karlsson thứ lỗi, mật vụ Hutton nói qua điện thoại từ thủ đô nước Pháp. Tôi có một số việc khác đang cần giải quyết. Chúc ông may mắn!

Rồi mật vụ Hutton gác máy, thở dài, quay lại với mở hậu quả lộn xộn của vụ đảo chính quân sự - được CIA hỗ trợ - ở Hy Lạp mấy năm trước. Cũng giống như nhiều thứ khác trong thời gian gần đây, nó đã đi chệch hướng.

Về phần mình, Allan chẳng biết làm gì hơn là đi bách bộ đến thư viện thành phố Moskva mỗi ngày, ngồi đó hàng giờ đọc các nhật báo và tạp chí. Ông hi vọng mình sẽ vớ được bài báo nào đó về chuyện Popov sắp xuất hiện công khai đâu đó ngoài hàng rào dây thép gai ở Arzamas-16.

Hàng tháng trôi qua mà chẳng có tin tức nào như thế. Nhưng Allan có thể đọc tin ứng cử viên tổng thống Robert Kennedy cũng gặp số phận tương tự như ông anh mình và Tiệp Khắc đã yêu cầu Liên Xô giúp đỡ để chấm chính chủ nghĩa xã hội ở nước mình.

Ngoài ra, Allan ghi nhận một ngày kia, Richard M Nixon đã lên thay Lyndon B Johnson. Nhưng vì vẫn nhận phong bì lương từ Đại sứ quán đều đều mỗi tháng, Allan nghĩ tốt nhất là mình cứ tiếp tục săn tìm Popov. Nếu có gì đã thay đổi, thế nào mật vụ Hutton cũng liên lạc và báo cho ông.

Qua năm 1968 đến mùa xuân năm 1969, khi đang mải miết lật báo ở thư viện, Allan tình cờ phát hiện ra một tin thú vị. Đoàn nhạc kịch Vienna sẽ có một buổi biểu diễn cho khách mời tại Nhà hát Bolshoi ở Moskva, Franco Corelli hát nam chính và ngôi sao quốc tế người Thụy Điển Birgit Nilsson trong vai Turandot.

Allan gãi gãi râu (giờ lại mọc đầy) và nhớ lại buổi tối đầu tiên và duy nhất mà ông ở bên Yury. Đêm khuya, Yury bắt đầu

hát rống lên bài “Nessun Dorma” - không ai được phép ngủ! Chẳng bao lâu, ngất rượu, ông cũng lăn ra ngủ nhưng đó là một chuyện khác.

Theo suy luận của Allan, chẳng lẽ một người đã từng biểu diễn khá hay Puccini và Turandot ở độ sâu hai trăm mét, lại có thể bỏ lỡ buổi trình diễn từ Vienna với chương trình tương tự tại Nhà hát Bolshoi ở Moskva? Nhất là nếu ông ta chỉ ở cách đó vài tiếng đi xe và thừa huy chương để kiếm một chỗ trong khán phòng.

Nhưng biết đâu không phải thế. Vậy thì Allan vẫn cứ tiếp tục hàng ngày đi bách bộ đến thư viện thôi. Đây là trường hợp xấu nhất có thể xảy ra, mà nó cũng không tệ lắm.

Tạm thời, Allan cứ cho rằng Yury sẽ xuất hiện bên ngoài nhà hát, và ông chỉ cần đứng đó, nhắc Yury nhớ đến chầu rượu cuối cùng của họ. Chắc là thế.

Hoặc không phải thế.

Thực tế hoàn toàn khác.

o o o

Tối ngày 22 tháng Ba 1969, Allan đứng chỗ để thấy nhất bên trái lối vào chính của Nhà hát Bolshoi. Ông nghĩ từ chỗ này mình có thể nhận ra Yury khi ông ta trên đường vào khán phòng. Tuy nhiên nảy sinh vấn đề là mọi người khách nhìn gần như giống hệt nhau. Đàn ông đều mặc comple đen dưới áo choàng màu đen còn phụ nữ thì váy dạ hội lấp lánh dưới áo khoác lông thú đen hoặc nâu. Họ đều đi thành từng cặp, từ ngoài trời lạnh nhanh chóng tiến vào nhà hát ấm áp, lướt qua chỗ Allan đang đứng ở bậc trên cùng chiếc cầu thang lộng lẫ. Trời thì tối om, Allan làm sao có thể nhận ra một khuôn mặt ông chỉ thấy

trong hai ngày, từ hai mươi mốt năm về trước. Trừ khi ông gặp may mắn không thể tin được là chính Yury sẽ nhận ra ông.

Không, Allan không gặp may như thế. Tất nhiên chẳng có gì chắc chắn rằng Yury Borisovich cùng ai đó đã vào bên trong nhà hát, nhưng, nếu có thể thật thì ông ta đã đi qua cách người bạn cũ vài mét mà chẳng có tín hiệu gì. Allan có thể làm gì? Ông nghĩ thành tiếng:

- Nếu vừa đi vào nhà hát, Yury Borisovitch thân mến ạ, thì vài tiếng nữa ông bạn chắc chắn sẽ lại đi ra qua cánh cửa này. Nhưng lúc ấy trông ông vẫn hệt như lúc đi vào. Thế thì tôi không thể tìm thấy ông được. Có nghĩa là ông sẽ phải tìm tôi vậy.

Đành phải thế thôi. Allan về văn phòng nhỏ của mình ở Đại sứ quán, chuẩn bị vài thứ và quay trở lại đúng lúc trước khi Hoàng tử Calif làm trái tim công chúa Turandot tan chảy.

Trong quá trình được mật vụ Hutton huấn luyện, Allan bị nhồi nhét nhiều nhất là từ thận trọng. Một mật vụ giỏi không bao giờ tạo ra bất kì sự chú ý nào xung quanh mình, anh ta không được khác biệt, phải hòa lẫn vào môi trường hoạt động của mình tới mức gần như là vô hình.

- Ông hiểu chứ, ông Karlsson? - Mật vụ Hutton hỏi.

- Chắc chắn rồi, ông Hutton ạ, - Allan đã trả lời.

Khán giả vỗ tay đòi Birgit Nilsson và Franco Corelli trở lại sân khấu hai mươi lần, buổi diễn thành công rực rỡ. Do đó, phải mất thêm một lúc lâu trước khi khán giả rời khỏi khán phòng và đám người trông giống nhau ấy bắt đầu ùn ùn xuống cầu thang lần nữa. Ai cũng thấy một người đàn ông đứng ở giữa bậc cuối cùng, hai tay giơ lên giữ một tấm biển tự chế trên ghi:

TÔI LÀ

ALLAN

EMMANUEL

Tất nhiên Allan Karlsson hiểu rõ bài giảng của mật vụ Hutton, ông chỉ không quan tâm đến nó nữa. Paris chỗ Hutton đang mùa xuân, nhưng Moskva lúc này trời vừa lạnh vừa tối. Allan lạnh cóng và chỉ muốn được việc. Lúc đầu, ông định viết tên Yury trên tấm biển, nhưng cuối cùng quyết định rằng như thế sẽ lộ liễu quá, trước tiên nó phải liên quan đến bản thân mình chứ không phải người khác.

Larissa Aleksandrevna Popova, vợ Yury Borisovich Popov, âu yếm nắm lấy tay chồng, cảm ơn đến lần thứ năm về buổi diễn tuyệt vời họ vừa thưởng thức. Birgit Nilsson đúng là Maria Callas hiện thân! Và chỗ ngồi nữa!

Hàng thứ tư, ở chính giữa. Lâu lắm rồi Larissa mới hạnh phúc như thế. Chưa hết, tối nay bà và chồng sẽ được ở tại khách sạn, không phải quay trở lại cái thành phố kinh khủng đằng sau hàng rào kẽm gai trong gần hai mươi bốn giờ. Họ sẽ có một bữa tối lãng mạn cho hai người... chỉ có bà và Yury... và rồi có lẽ...

- Xin lỗi, em yêu, - Yury nói và dừng lại trên bậc thềm ngay bên ngoài cửa nhà hát.

- Cái gì vậy, anh yêu? - Larissa lo lắng hỏi.

- Không... có lẽ không có gì... nhưng... em có nhìn thấy người đàn ông ở dưới đó với cái biển không? Anh phải ra đó xem sao... không thể thế được... nhưng anh phải... nhưng người ấy đã chết rồi cơ mà!

- Ai chết cơ, anh yêu?

- Đi nào! - Yury nói và đi với vợ xuống cầu thang.

Cách Allan ba mét, Yury dừng lại, cố gắng làm não hiểu những gì mắt thấy. Allan đã nhận ra ông bạn điên cuồng chăm chăm nhìn mình từ nãy, hạ tấm biển xuống và nói:

- Birgit diễn hay không?

Yury vẫn nín lặng, nhưng vợ ông thì thăm hỏi chồng liệu đây có phải là người mà anh cho là đã chết không. Allan nói với Yury là mình chưa chết, và nếu vợ chồng Popov muốn đảm bảo rằng ông không bị cớ gì đến chết thì tốt nhất, họ nên lập tức dắt ông đến nhà hàng nào đó, cho ông uống ít vodka và chút gì đó để ăn.

- Đúng là anh rồi..., - cuối cùng Yury cũng kêu lên. - Nhưng... anh nói tiếng Nga à...?

- Vâng, sau khi chúng ta gặp nhau lần cuối, tôi đã theo học năm năm tiếng nước anh, - Allan đáp. - Trường GULAG. Còn vodka thì sao?

Yury Borisovich là một người rất đàng hoàng, và suốt hai mốt năm qua, ông cảm thấy rất có lỗi vì đã vô tình dụ anh chàng chuyên gia bom nguyên tử người Thụy Điển đến Moskva rồi đưa đẩy tới Vladivostok, nơi anh ta, nếu còn sống được tới lúc ấy, thì có lẽ cũng bị chết thiêu trong đám cháy mà ở Liên Xô ai cũng biết. Ông đã ân hận suốt hai mươi mốt năm qua và lập tức cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy anh chàng Thụy Điển, vẫn với vẻ lạc quan như ngày nào.

Giờ thì Yury Borisovich đang đứng bên ngoài Nhà hát Bolshoi ở Moskva, trời lạnh âm 15 độ, sau màn trình diễn opera ầm cúng và... không, ông không thể tin được. Allan Emmanuel Karlsson đã thoát. Và anh ta vẫn còn sống sót, đang đứng sờ sờ trước mặt Yury ngay lúc này. Ở giữa Moskva. Nói tiếng Nga?

Yury Borisovich đã lấy Larissa Aleksandrevna bốn mươi năm và sống rất hạnh phúc. Họ không có con cái nhưng tin tưởng nhau tuyệt đối. Họ chia sẻ với nhau mọi điều hay dở và Yury đã hơn một lần thổ lộ với vợ nỗi buồn thương cho số phận của Allan Emmanuel Karlsson. Lúc này, trong khi Yury vẫn tìm cách liên lạc với não mình, Larissa Aleksandrevna chủ động nói.

- Theo em hiểu thì đây là bạn cũ của anh, người mà anh gián tiếp đẩy đến chỗ chết. Anh yêu, sao mình không nhanh chóng chiều ý anh ấy, đưa anh ấy đến nhà hàng uống ít vodka trước khi anh ấy chết thật?

Yury không đáp, nhưng gật gật đầu và để vợ đưa ra chiếc limousine đang đợi sẵn, ông ngồi vào, cạnh người đồng chí đã chết của mình trong lúc vợ chỉ đường cho lái xe.

- Anh đến nhà hàng Puskhin nhé.

Họ cần hai ly rượu mạnh cho Allan để tan giá và hai ly nữa cho Yury hoàn hồn trở lại. Trong lúc đó, Allan và Larissa làm quen với nhau.

Khi Yury cuối cùng cũng hoàn hồn, và cú sốc biến thành niềm vui ("Chúng ta ăn mừng nào!"), Allan nghĩ đã đến lúc phải nói thẳng. Nếu phải nói thì thà là nói ngay và luôn.

- Trở thành gián điệp thì sao? - Allan nói. - Tôi cũng làm đấy, và thực ra nó thú vị phết.

Yury sặc trên ly rượu thứ năm của mình và phun nó ra khắp bàn ăn.

- Gián điệp á? - Larissa hỏi trong lúc ông chồng ho sặc sụa.

- Vâng, hoặc là điệp viên. Tôi chẳng biết nó có gì khác nhau, thật đấy.

- Hay nhỉ! Anh kể thêm cho chúng tôi đi, Allan Emmanuel.

- Không, không, Allan, - Yury ho. - Đừng nói nữa! Chúng tôi không muốn

biết nữa!

- Đừng có ngốc thế, Yury thân yêu, - Larissa nói. - Bao năm rồi không gặp, bạn anh phải được cho chúng mình biết công việc của anh ấy hiện nay chứ. Anh tiếp đi, Allan Emmanuel.

Allan nói tiếp và Larissa chăm chú lắng nghe trong lúc Yury lấy tay ôm mặt. Allan kể về bữa ăn tối với Tổng thống Johnson và mật vụ CIA Hutton, về cuộc gặp Hutton ngày hôm sau, khi Hutton đề xuất Allan nên đi Moskva và tìm hiểu về tên lửa Liên Xô.

Allan thấy mình vẫn có thể chọn cách ở lại Paris, nơi ông chắc chắn sẽ giúp ích cho bà đại sứ và chồng tránh các cuộc khủng hoảng ngoại giao vì vạ miệng. Nhưng vì Amanda và Herbert là hai người mà Allan không thể phân thân nhiều nơi cùng một lúc nên ông đã đồng ý với đề nghị của mật vụ Hutton. Nó có vẻ khá đơn giản và bình tĩnh hơn. Thêm nữa, gặp lại Yury sau chừng ấy năm cũng vui.

Yury vẫn vùi mặt vào hai bàn tay nhưng lén nhìn trộm Allan giữa các khe ngón. Yury nghe nhắc đến tên Herbert Einstein? Yury còn nhớ anh ta và thật là tin tốt lành nếu Herbert cũng sống sót qua vụ bắt cóc và trại tù mà Beria đã tống anh ta vào.

Ồ, có chứ, Allan khẳng định. Rồi ông kể tóm tắt câu chuyện về hai mươi năm ở với Herbert; ông bạn này đầu tiên chỉ muốn chết, nhưng cuối cùng khi phải chết, vào cuối tháng mười hai vừa rồi ở Paris, ở tuổi bảy mươi sáu, ông đã hoàn toàn đổi ý về điều đó. Ông đã để lại một người vợ thành đạt - bây giờ là

góa phụ - từng là một nhà ngoại giao ở Paris, và hai đứa con tuổi teen. Tin mới nhất từ thủ đô nước Pháp cho hay, gia đình đã quen dần với sự ra đi của Herbert, và bà Einstein rất được yêu mến trong cộng đồng VIP. Tiếng Pháp của bà đúng là cực kì khủng khiếp, nhưng lại đậm có duyên, vì thỉnh thoảng bà nói những điều ngổ ngẩn mà có lẽ không thể tin được là định nói.

- Chắc là tôi đang bị lạc đề rồi, - Allan nói. - Anh quên chưa trả lời câu hỏi của tôi. Anh có phải là một điệp viên không?

- Nhưng mà Allan Emmanuel, anh bạn tốt của tôi ơi. Làm gì có chuyện đó! Tôi tự hào được phục vụ nước mẹ hơn bất kì thường dân nào khác trong lịch sử hiện đại Liên Xô. Hoàn toàn không có chuyện tôi sẽ làm gián điệp đâu! - Yury nói và đưa ly lên miệng.

- Đừng nói thế, Yury thân yêu, - Larissa bảo, và khiến ông chồng lại sặc ly thứ sáu, giống như ly số năm.

- Uống vodka vào thì tốt hơn là phun nó lên người khác chứ?
- Allan thắc mắc bằng giọng thân thiện.

Larissa Popova tiếp tục lập luận, trong lúc ông chồng lại lấy tay che mặt. Ý Larissa là cả mình và Yury sắp sáu mươi lăm tuổi rồi, và họ thực sự phải cảm ơn Liên Xô vì điều gì nào? OK, chồng bà đã nhận được rất nhiều huy chương và giải thưởng, và nhờ thế mà có vé tốt ở Nhà hát. Nhưng ngoài ra thì sao?

Larissa không chờ chồng trả lời, mà tiếp tục nói rằng cả hai đều phải cắm lạng ở Arzamas-16, một thành phố mà chỉ cái tên không cũng làm người ta ngán ngẩm. Lại còn quây kín sau dây thép gai nữa. Phải, Larissa biết rằng họ được tự do ra vào, nhưng Yury đừng có ngắt lời vội vì bà còn chưa nói xong.

Yury đã làm nô lệ cho ai ngày này qua ngày khác? Đầu tiên là cho Stalin, và ông ta hoàn toàn điên rồ. Sau đó đến lượt Khrushchev, dấu hiệu duy nhất cho thấy ông ta còn tí tính người là cho tử hình Nguyên soái Beria. Và bây giờ là Brezhnev - người bốc mùi?

- Larissa! - Yury Borisovich kêu lên kinh hoàng.

- Nào, Jilij thân yêu, anh đừng có ngồi đó và réo em Larissa nữa. Brezhnev bốc mùi là chính anh nói nhé.

Rồi bà tiếp tục rằng Allan Emmanuel đã đến thật đúng lúc, vì càng về cuối, bà càng thấy trầm cảm đến chết trong hàng rào dây thép gai ở cái thành phố chính thức không tồn tại này. Thậm chí chẳng biết Larissa và Yury có được tấm bia mộ thực sự sau khi chết không nữa? Hay là cũng phải ghi bằng mật mã, vì lý do an ninh?

- Nơi đây yên nghỉ đồng chí X và bà Y, người vợ thân yêu của ông, - Larissa nói.

Yury không trả lời. Bà vợ thân yêu của ông có lẽ cũng có lý. Và bây giờ Larissa chốt hạ:

- Thế thì sao không làm gián điệp vài năm với bạn anh ở đây, rồi chúng mình sẽ được giúp đỡ trốn đến New York, ở đó mình có thể đến nhà hát Metropolitan mỗi tối. Chúng mình sẽ sống ra sống, Yury thân yêu, trước khi phải chết.

Trong lúc Yury trông có vẻ xuôi xuôi, Allan tiếp tục giải thích cặn kẽ hơn nguồn cơn mọi chuyện. Ông kể mình đã loằng ngoằng thế nào gặp Hutton ở Paris, và hóa ra Hutton là người thân cận với cựu Tổng thống Johnson và cũng có một vị trí cao trong CIA.

Khi Hutton nghe nói Allan biết Yury Borisovich từ lâu, và Yury có thể còn nợ Allan một ân tình thì ông ta đã vạch ra một kế hoạch.

Allan đã không để tâm lắm về khía cạnh chính trị toàn cầu của kế hoạch vì ông có thói quen hễ người ta bắt đầu nói chuyện chính trị thì thôi không nghe nữa. Kệ nó đến đâu thì đến.

Nhà vật lý hạt nhân Liên Xô dần dần tỉnh táo lại, và gật đầu thừa nhận. Chính trị không phải là món yêu thích của Yury, hoàn toàn không. Tất nhiên, ông theo chủ nghĩa xã hội bằng cả trái tim và linh hồn, nhưng nếu ai bắt nâng cao quan điểm thì ông gặp rắc rối ngay.

Allan gắng hết sức tiếp tục tóm tắt những gì mật vụ Hutton đã nói. Chắc chắn nó liên quan đến thực tế là Liên Xô sẽ tấn công Mỹ bằng vũ khí hạt nhân, hoặc là không.

Yury gật đầu lần nữa, và đồng ý rằng tình hình là như thế. Hoặc có hoặc không, chỉ có hai tình huống đó thôi.

Thêm nữa, như Allan nhớ được, Hutton - người của CIA, đã tỏ ra quan tâm đến các hậu quả nếu Liên Xô tấn công Mỹ.

Vì cho dù kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô không lớn hơn thì nó vẫn có thể quét sạch Hoa Kỳ chỉ trong một lần duy nhất, Hutton nghĩ thế cũng đủ thảm họa.

Yury Borisovich gật đầu lần thứ ba, công nhận rằng nếu Mỹ bị xóa sổ thì vấn đề phải cực kì nghiêm trọng với người dân Mỹ.

Nhưng Hutton tổng kết thế nào thì Allan thật sự không nói được. Dù sao, vì lý do này khác, ông muốn biết kho vũ khí của Liên Xô chứa những gì, và khi biết được thì ông có thể khuyên Tổng thống Johnson bắt đầu đàm phán với Liên Xô về giải trừ

vũ khí nguyên tử. Dù hiện nay, tất nhiên Johnson không phải là tổng thống nữa nên... không, Allan cũng không biết. Chính trị thường không chỉ vô bổ mà đôi khi còn phức tạp không cần thiết.

Yury được công nhận là người đứng đầu về kĩ thuật của toàn bộ chương trình vũ khí hạt nhân Liên Xô, ông biết mọi thứ về chiến lược, địa bàn và tiềm lực của chương trình. Nhưng trong suốt hai mươi ba năm phục vụ chương trình hạt nhân của Liên Xô, ông không hề nghĩ - mà cũng chẳng cần nghĩ - một tí nào về chính trị. Nó hợp với Yury và sức khỏe của ông đặc biệt tốt. Ông đã tồn tại qua ba đời lãnh đạo khác nhau, kể cả Nguyên soái Beria. Sống lâu và ở một vị trí cao là điều mà nhiều người đàn ông quyền lực ở Liên Xô ít có cơ hội trải nghiệm.

Yury biết Larissa đã phải hy sinh những gì. Và bây giờ, khi họ thực sự xứng đáng hưởng lương hưu và được nghỉ ngơi bên bờ Biển Đen - thì mức độ hi sinh của bà càng lớn hơn bao giờ hết. Nhưng bà chưa bao giờ phàn nàn. Chưa hề. Cho nên lúc này Yury chăm chú lắng nghe bà nói:

- Yury thân yêu. Mình hãy cùng với Allan Emmanuel đóng góp một chút cho hòa bình thế giới, rồi chúng mình chuyển đến New York. Anh có thể trả lại các huy chương và Brezhnev đi mà gắn chúng lên mộ ông ta.

Yury đầu hàng và nói “vâng” với toàn bộ thỏa thuận (trừ đoạn gắn huy chương lên mộ Brezhnev) và sau đó, Yury và Allan thống nhất rằng Tổng thống Nixon không cần phải nghe hết sự thật mà chỉ chuyện gì làm ông ta hài lòng thôi. Bởi Nixon vui vẻ thì có thể làm Brezhnev cũng vui, và nếu cả hai đều vui thì sau đó chắc chắn không thể có chiến tranh được, đúng không?

Allan vừa tuyển một gián điệp bằng cách trưng biển ra ở nơi công cộng, trên một đất nước có bộ máy công an mật hiệu quả nhất trên thế giới. Cả trưởng ban quân sự GRU lẫn giám đốc dân sự KGB cũng có mặt tại Nhà hát Bolshoi buổi tối hôm đó, cùng với vợ. Cả hai, cũng như mọi người đều nhìn thấy người đàn ông giờ tắm biển ở bậc thang cuối cùng. Và cả hai đều quá từng trải trong nghề để báo động cho đồng nghiệp làm nhiệm vụ. Chẳng có kẻ nào dám làm gì phản cách mạng theo cách đó cả. Không có ai lại ngu ngốc đến thế.

Nếu không đã có ít ra một đám tai mắt KGB và GRU chuyên nghiệp ở đây tại nhà hàng nơi cuộc tuyển dụng gián điệp thực tế đã diễn ra thành công tối hôm đó. Tại bàn số chín, một người đàn ông phun vodka lên đồ ăn, vùi mặt vào hai tay, xoa tay, đảo mắt và bị vợ điều khiển. Nói cách khác, một cảnh tượng hoàn toàn bình thường trong bất kì nhà hàng Nga nào, không đáng chú ý.

Cho nên mới có chuyện một gián điệp Mỹ điếc lác về chính trị lại được dịp bày trò chiến lược hòa bình thế giới cùng với người đứng đầu vũ khí hạt nhân của Liên Xô, cũng mù tịt về chính trị - mà không có một hai nhân viên KGB hay GRU ngăn cản. Khi ở Paris, ông trùm CIA châu Âu, Ryan Hutton, nhận được thông báo rằng việc tuyển dụng đã hoàn thành và sẽ sớm bàn giao, ông tự nhủ có lẽ Karlsson chuyên nghiệp hơn ông tưởng lúc đầu.

o o o

Cứ ba hoặc bốn lần một năm, Nhà hát Bolshoi lại thay tiết mục mới. Ngoài ra hàng năm, có ít nhất một buổi diễn của khách mời như đoàn Nhạc kịch Vienna.

Vậy là mỗi năm, Allan và Yury Borisovich có khối dịp để bí mật gặp nhau trong phòng khách sạn của Yury và Larissa để bịa

ra những thông tin phù hợp về vũ khí hạt nhân cho CIA. Họ trộn lẫn cả tưởng tượng và thực tế sao cho các thông tin, nhìn từ quan điểm của người Mỹ, thật lạc quan và đáng tin cậy.

Kết quả những báo cáo tình báo của Allan đã khiến đầu những năm 1970, bộ sậu của Tổng thống Nixon bắt đầu tác động đến Moskva để lên chương trình nghị sự về cuộc họp thượng đỉnh giải trừ vũ khí. Nixon cảm thấy an toàn khi biết rằng trong hai nước thì Hoa Kỳ mạnh hơn.

Chủ tịch Brezhnev, về phần mình, đã không hề bi quan trước hiệp ước giải trừ vũ khí, vì các báo cáo tình báo của ông cho thấy trong hai nước, Liên Xô mạnh hơn. Chỉ có một điểm hơi phức tạp là một chi quét dọn ở bộ phận báo cáo tình báo CIA đã bán một số thông tin rất đáng chú ý cho GRU. Chi ta có những tài liệu được gửi từ văn phòng CIA ở Paris, cho thấy CIA đã có một gián điệp cài ngay ở trung tâm của chương trình vũ khí hạt nhân của Liên Xô. Vấn đề là các thông tin kèm theo lại không chính xác. Nếu Nixon muốn giải trừ vũ khí dựa trên thông tin do một gã bịp bợm người Nga gửi cho CIA ở Paris thì đương nhiên Brezhnev thấy chẳng sao cả. Nhưng toàn bộ vụ này quá phức tạp, đòi hỏi thời gian để suy nghĩ. Và đầu sao cũng phải tìm ra cái gã bịp bợm kia.

Biện pháp đầu tiên của Brezhnev là gọi người phụ trách kĩ thuật vũ khí hạt nhân của mình lên. Ông yêu cầu Yury Borisovich Popov tuyệt đối trung thành phân tích xem người Mỹ lấy thông tin sai kia từ đâu. Bởi vì cho dù những tin CIA thu được đã đánh giá rất thấp khả năng vũ khí hạt nhân của Liên Xô nhưng cách trình bày tài liệu cho thấy một cái nhìn nội bộ khá sâu sắc, gây nguy hiểm cho vấn đề này. Đó là lý do vì sao cần Popov hỗ trợ về chuyên môn.

Popov đọc những gì mình và anh bạn Allan đã bịa ra và nhún vai. Theo Popov, những tài liệu này sinh viên nào chịu khó nghiên cứu ở thư viện một chút cũng có thể viết ra. Chẳng có gì mà đồng chí Brezhnev phải lo lắng, nếu đồng chí Brezhnev cho phép một nhà vật lý thuần túy được bày tỏ ý kiến về vấn đề này?

Phải, đó chính là lý do vì sao Brezhnev đã gọi Yury Borisovich tới. Ông chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của người phụ trách kĩ thuật vũ khí hạt nhân và gửi lời hỏi thăm tới Larissa Aleksandrevna, phu nhân duyên dáng của Yury Borisovich.

o o o

Trong khi KGB phí công thiết lập giám sát bí mật các tài liệu liên quan đến vũ khí hạt nhân tại hai trăm thư viện ở Liên Xô, Brezhnev tiếp tục suy nghĩ xem ông nên đáp ứng đề nghị không chính thức của Nixon như thế nào. Cho tới ngày - thật khủng khiếp! - khi Nixon được mời đến Trung Quốc gặp tên béo Mao Trạch Đông! Vừa mới đây thôi, Brezhnev và Mao đã bảo nhau biến xuống địa ngục luôn đi, và bây giờ đột nhiên có nguy cơ rằng Trung Quốc và Hoa Kỳ có thể hình thành một liên minh xấu xa chống lại Liên Xô. Điều đó không được phép xảy ra.

Thế là, ngày hôm sau, Richard M Nixon, Tổng thống Hoa Kỳ, nhận được lời mời chính thức đến thăm Liên Xô. Tiếp đó là bận rộn ở hậu trường và kết quả là Brezhnev và Nixon đã không chỉ bắt tay mà còn ký hai hiệp ước giải trừ vũ khí riêng biệt: một liên quan đến tên lửa chống tên lửa đạn đạo (hiệp ước ABM) và một liên quan đến vũ khí chiến lược (SALT). Vì việc ký kết diễn ra tại Moskva, Nixon đã có dịp bắt tay điệp viên ở Đại sứ quán Mỹ, người đã rất xuất sắc cung cấp cho ông thông tin về tiềm năng vũ khí hạt nhân của Liên Xô.

- Không có gì, thưa Tổng thống, - Allan nói. - Nhưng ông không định mời tôi ăn tối chứ? Họ vẫn làm vậy.

- Ai làm thế? - Tổng thống ngạc nhiên hỏi.

- Vâng, - Allan nói. - Những người đã hài lòng... Franco, Truman và Stalin... cả Mao Chủ tịch... dù ông ta chỉ cho tôi ăn mỗi mì... nhưng tất nhiên lúc đó khuya lắm rồi... còn Thủ tướng Thụy Điển thì chỉ mời tôi cà phê, nếu tôi còn nhớ. Nói thật với ông, nó cũng không tệ, vì thời đó thiếu thốn lắm...

May mà Tổng thống Nixon đã nghe nói về quá khứ của điệp viên này, do đó ông vẫn bình tĩnh và tỏ ý tiếc rằng không có thời gian ăn tối với ông Karlsson. Nhưng rồi ông nói thêm rằng tổng thống Mỹ không thể kém hào phóng hơn thủ tướng Thụy Điển, do đó chắc chắn sẽ có một tách cà phê và cognac kèm theo. Ngay bây giờ, nếu tiện?

Allan cảm ơn ông về lời mời, và hỏi nếu mình nhận cà phê thì gọi ly đúp cognac có được không. Nixon đáp ngân sách quốc gia Mỹ có thể đáp ứng cả hai.

Hai ông đã có một tiếng vui vẻ với nhau. Gọi là vui vẻ thôi vì Allan thấy Tổng thống Nixon thích nói về chính trị. Tổng thống Mỹ cử hỏi về thế cờ chính trị ở Indonesia thế nào. Không nhắc đến tên Amanda, Allan kể chi tiết những gì có thể xảy ra khi xây dựng sự nghiệp chính trị ở Indonesia. Tổng thống Nixon chăm chú lắng nghe và có vẻ cực kì quan tâm đến đề tài này.

- Hay, - ông nói. - Thú vị thật.

o o o

Allan và Yury hài lòng với nhau và với diễn biến sự việc. Có vẻ như cả GRU và KGB đã bắt tìm kiếm tên gián điệp, Allan và Yury thấy nhẹ nhõm. Hay như Allan nói:

- Không có hai tổ chức giết người theo dấu chân mình thì tốt hơn.

Rồi ông nói thêm rằng đáng lẽ chúng ta không nên dành quá nhiều thời gian cho KGB, GRU và các chữ viết tắt khác mà họ dù sao cũng không thể làm gì. Thay vào đó, đã đến lúc bịa ra báo cáo tình báo tiếp theo cho mật vụ Hutton và Tổng thống. Kho tên lửa tầm trung ở Kamchatka bị rỉ sét đáng kể có thể đưa vào làm nền cho báo cáo không?

Yury ca ngợi trí tưởng tượng thú vị của Allan. Nó khiến cho việc làm báo cáo thật dễ dàng. Nghĩa là có nhiều thời gian hơn để ăn uống và tán chuyện với nhau.

o o o

Richard M Nixon có đủ lý do để hài lòng với hầu hết mọi thứ. Cho tới tận thời điểm ông không còn lý do nào cả.

Người dân Mỹ yêu tổng thống và bầu lại cho ông năm 1972, khi ông vét sạch phiếu. Nixon thắng tại bốn mươi chín bang, George McGovern chỉ giành chiến thắng ở một bang.

Nhưng sau đó mọi thứ trở nên khó khăn. Và thậm chí còn khó khăn hơn nữa. Cuối cùng, Nixon đã phải làm điều mà chưa một tổng thống Mỹ nào từng làm trước đó.

Ông phải từ chức.

Allan đọc về cái gọi là vụ bê bối Watergate trên các báo có ở thư viện thành phố Moskva. Tóm lại, Nixon rõ ràng đã gian lận khi nộp thuế, nhận những khoản tài trợ tranh cử bất hợp pháp, đã ra lệnh đánh bom bí mật, khủng bố kẻ thù, đột nhập và nghe lén điện thoại. Allan nghĩ chắc tổng thống đã bị ám ảnh từ cuộc trò chuyện với ly đúp cognac ở Paris. Thế là ông nói với tấm hình Nixon trên báo:

- Lẽ ra ông nên xây dựng sự nghiệp ở Indonesia. Ở đó ông có thể tiến xa.

o o o

Nhiều năm trôi qua. Gerald Ford lên thay thế Nixon, rồi Jimmy Carter lên thay Ford. Trong khi đó Brezhnev vẫn tại vị. Cũng như Allan, Yury và Larissa. Bộ ba tiếp tục gặp gỡ năm hoặc sáu lần một năm, lần nào cũng rất vui vẻ. Các cuộc họp luôn có kết quả là một báo cáo tường thuật rất hợp lý về tình trạng hiện tại của kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô. Theo năm tháng, Allan và Yury đã chú ý hạ bớt khả năng của Liên Xô ngày càng nhiều, vì họ thấy nó làm cho người Mỹ (bất kể ai là tổng thống) rất hài lòng và khiến bầu không khí giữa các nhà lãnh đạo hai nước có vẻ dễ chịu hơn nhiều.

Nhưng có niềm vui nào kéo dài bất tận?

Một ngày, ngay trước khi hiệp ước SALT II được ký kết, Brezhnev nghĩ Afghanistan cần ông giúp đỡ. Vì vậy, ông đã gửi đội quân tình nguyện của mình tới nước này, và ngay lập tức họ giết bết mất tổng thống đương nhiệm khiến Brezhnev không còn cách nào khác ngoài chỉ định ra người của mình.

Tất nhiên Tổng thống Carter khó chịu (đấy là nói nhẹ) về điều này. Mục trên hiệp ước SALT còn chưa ráo. Vì vậy, Carter cho tẩy chay Thế vận hội tại Moskva và tăng cường sự hỗ trợ bí mật của CIA cho các lực lượng du kích chính thống tại Afghanistan, phe Mujaheddin.

Carter không có thời gian để làm nhiều hơn vì chẳng bao lâu Ronald Reagan đã lên thay và ông này nóng tính hơn nhiều với cộng sản nói chung và Brezhnev già nua nói riêng.

- Ông Reagan đó có vẻ giận giữ khiếp lắm, - Allan nói với Yury trong cuộc gặp gián điệp đầu tiên của họ sau khi tổng thống mới tuyên bố nhậm chức.

- Phải, - Yury trả lời. - Và bây giờ chúng ta không thể tháo dỡ kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô hơn nữa bởi sau đó sẽ chẳng còn gì sót lại.

- Trong trường hợp đó, tôi đề nghị chúng ta làm ngược lại, - Allan nói. - Đó là nói khống lên để làm Reagan mềm đi một chút, cứ đợi xem.

Thế là báo cáo gián điệp tiếp theo gửi về Mỹ, qua mật vụ Hutton, đã xác nhận một cuộc tấn công giết gân của Liên Xô về phòng thủ tên lửa. Trí tưởng tượng của Allan đã đi thẳng vào không gian. Từ đó, Allan nghĩ ra, ý tưởng là tên lửa của Liên Xô sẽ có thể bắn hạ mọi thứ mà Mỹ có ý định tấn công xuống Trái đất.

Theo cách đó, Allan - gián điệp Mỹ điếc lác về chính trị, và Yury - trùm vũ khí hạt nhân Nga, cũng mù tịt chính trị, đã đặt nền móng cho sự sụp đổ của Liên Xô. Vì Ronald Reagan phát điên khi đọc báo cáo tình báo của Allan và ngay lập tức bắt tay vào Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược của mình, còn được gọi là Star Wars (Chiến tranh giữa các vì sao). Mô tả của dự án, với các vệ tinh trang bị súng laser, gần như là bản sao của cái mà Allan và Yury đã bịa ra vài tháng trước, trong căn phòng khách sạn ở Moskva, dưới ảnh hưởng mà họ đổ tại nhiệm độc vodka.

Ngân sách Mỹ chỉ cho phòng chống vũ khí hạt nhân do đó vọt lên gần như chạm tới các vì sao. Liên Xô cũng cố gắng chạy đua nhưng không đủ khả năng. Nước Nga lâm vào khánh kiệt và rạn nứt. Chẳng biết vì những cú sốc bởi cuộc tấn công quân sự mới của Mỹ, hay vì lý do nào khác nhưng ngày 10 tháng Mười

một năm 1982, Brezhnev qua đời vì một cơn đau tim. Tình cờ tối hôm sau, Allan, Yury và Larissa có một cuộc họp gián điệp.

- Đã đến lúc dừng những trò nhảm nhí này lại chưa nhỉ?

- Phải đấy, thôi cái trò vô nghĩa này bây giờ đi, - Yury nói.

Allan gật đầu, đồng ý rằng tất cả mọi thứ đều phải đi đến hồi kết, mà nhất là trò vô nghĩa này, và việc Brezhnev sẽ sớm bốc mùi tòi tệ hơn bao giờ hết là một tín hiệu trời gửi đến, rằng họ nên rút lui ngay bây giờ.

Rồi ông nói thêm, sáng hôm sau mình sẽ gọi điện cho mật vụ Hutton. Mười ba năm rưỡi phục vụ CIA là đủ rồi, thực tế là hầu hết mọi chuyện đã được bịa ra, chẳng có ở nơi nào cả. Cả ba không hẹn mà cùng nghĩ rằng khôn ngoan nhất là giữ cho thực tế ấy mãi là bí mật với mật vụ Hutton và ngài tổng thống nóng tính của ông ta.

Giờ thì CIA sẽ xem cách nào đưa Yury và Larissa đến New York, họ đã hứa như thế, trong khi Allan tự hỏi mọi thứ ở quê nhà Thụy Điển thân thương giờ ra sao.

o o o

CIA và mật vụ Hutton đã giữ lời hứa. Yury và Larissa được đưa đến Mỹ, qua Tiệp Khắc và Áo. Họ được cấp cho một căn hộ ở phố 64 Tây Manhattan, và một khoản phụ cấp hàng năm rộng rãi vượt xa nhu cầu của họ. CIA cũng không hao tốn lắm vì tháng Giêng năm 1984, Yury qua đời trong giấc ngủ và ba tháng sau, Larissa đi theo ông, chết vì đau khổ. Cả hai đều bảy mươi chín tuổi và họ đã có một năm hạnh phúc nhất bên nhau vào 1983, khi Nhà hát Metropolitan tổ chức kỉ niệm lần thứ một trăm năm ngày thành lập, với vô số màn trình diễn không thể nào quên cho cặp vợ chồng.

Về phần mình, Allan đóng gói đồ đạc trong căn hộ ở Moskva và thông báo cho bộ phận hành chính của Đại sứ quán Mỹ rằng mình sẽ ra đi. Đến tận lúc đó, bộ phận hành chính mới phát hiện ra rằng nhân viên nhà nước Allen Carson vì lý do nào đó trong suốt mười ba năm năm tháng làm việc chỉ được thanh toán mỗi khoản phụ cấp nước ngoài.

- Ông không hề nhận thấy rằng mình không nhận được lương sao? - Nhân viên hành chính hỏi.

- Không, - Allan nói. - Tôi chẳng ăn là mấy và vodka ở đây rất rẻ. Tôi nghĩ thế là quá đủ.

- Trong suốt mười ba năm?

- Vâng, không thể tin được là gần ấy năm đã trôi qua nhỉ.

Nhân viên hành chính nhìn Allan quái lạ rồi đảm bảo rằng khoản tiền lương sẽ được thanh toán bằng séc ngay sau khi ông Carson, hay tên thật của ông là gì cũng được, báo cáo với Đại sứ quán Mỹ tại Stockholm.

CHƯƠNG 27

Thứ Sáu 27 Tháng Năm - Thứ Năm ngày 16 tháng Sáu 2005

Amanda Einstein vẫn còn sống. Bây giờ bà đã tám mươi tư tuổi và sống trong một căn phòng hạng nhất tại khách sạn sang trọng ở Bali do con trai cả của bà, Allan sở hữu và điều hành.

Allan Einstein năm mươi tuổi, khá thông minh, giống như Mao, cậu em trẻ hơn mình một tuổi. Nhưng trong khi Allan đã trở thành một chuyên gia kinh doanh (thật) và cuối cùng là giám đốc khách sạn (ông đã được mẹ trao cho khách sạn vào ngày sinh nhật thứ bốn mươi của mình), thì Mao, em trai ông lại theo ngành kĩ thuật. Ban đầu, sự nghiệp của ông không được tốt lắm, vì Mao quá cầu kì về chi tiết. Ông đã làm việc trong một công ty dầu hàng đầu của Indonesia với nhiệm vụ bảo đảm chất lượng của hệ thống sản xuất. Sai lầm của Mao là ở chỗ ông đã làm đúng như thế. Đột nhiên, tất cả các quản lý bậc trung trong công ty thấy rằng họ không còn kiếm chắc thêm được khi đặt hàng sửa chữa, vì chẳng cần phải sửa chữa gì nữa. Hiệu quả của công ty dầu tăng 35 % và Mao trở thành người bị ghét nhất trong công ty. Khi sự tẩy chay của các đồng nghiệp trở thành mối đe dọa trực tiếp, Mao Einstein thấy khôn ra thì mình nên rút lui và kiếm việc khác ở Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất. Ông làm việc rất hiệu quả ở đó, trong khi ở công ty Indonesia mọi người thở phào trở về tình trạng cũ.

Amanda vô cùng tự hào về hai con trai của mình. Nhưng bà không hiểu làm sao cả hai đứa lại có thể thông minh như thế. Herbert đã từng nói với bà rằng gia đình của mình có một số gen tốt, nhưng có lẽ bà không nhớ lắm điều ông nói.

Amanda hết sức mừng rỡ khi nhận được cú điện thoại của Allan, bà nồng nhiệt chào đón ông và cả nhóm bạn đến Bali. Bà

sẽ nói chuyện ngay với cậu Allan, nếu chẳng may khách sạn kín chỗ, nó sẽ phải đuổi bắt khách ra. Bà cũng sẽ gọi điện cho Mao ở Abu Dhabi và ra lệnh cho nó xin nghỉ phép về nhà ngay. Và, tất nhiên, khách sạn sẽ phục vụ đồ uống, có cấm ô hay không tùy thích. Và được rồi, Amanda hứa sẽ không tham gia vào phục vụ đồ uống.

Allan nói họ sẽ đến sớm đấy. Rồi ông kết thúc bằng lời khen rằng theo ông, chưa từng có ai trên thế giới này, với trí thông minh hạn chế mà lại thành công được như Amanda. Amanda thấy lời khen đó tuyệt vời đến nỗi bà ứa nước mắt.

- Đến đây nhanh lên, Allan thân yêu. Nhanh lên đấy!

o o o

Công tố viên Ranelid bắt đầu cuộc họp báo buổi chiều với tin buồn về con chó nghiệp vụ Kicki. Nó đã đánh hơi thấy một xác chết trên chiếc xe goòng tại làng đức Akers, từ đó dẫn đến một số giả định của công tố viên - tất nhiên là đúng khi dựa trên đánh hơi của con chó, tuy nhiên nó lại sai, vô cùng sai. Hóa ra con chó này trước khi thi hành nhiệm vụ đã bị mất trí và vì thế không đáng tin cậy. Nghĩa là, nói một cách đơn giản, chưa từng có xác chết nào tại chỗ đó cả.

Dù sao, công tố viên được biết rằng con chó nghiệp vụ đó đã bị sa thải, và theo ông đó là một quyết định khôn ngoan của người trông giữ nó (công tố viên không biết rằng Kicki đã được đặt một cái tên giả và gửi đến chỗ anh của người giữ chó, ở tít phía bắc Thụy Điển).

Hơn nữa, công tố viên Ranelid lấy làm tiếc rằng cảnh sát Eskilstuna đã quên thông báo cho ông về khuynh hướng mới, rất mực cao quý, của tổ chức Never Again là theo đạo Tin Lành. Nếu như trước đây mà biết được điều đó thì công tố viên hẳn đã có hướng điều tra khác. Như vậy, các kết luận mà công tố

viên đã đưa ra một phần là do dựa vào con chó điên, một phần từ thông tin sai mà bên cảnh sát cung cấp. Vì thế, thay mặt cho cơ quan cảnh sát, công tố viên Ranelid muốn gửi lời xin lỗi.

Liên quan đến việc phát hiện ra xác chết của Henrik Thung Gổ Hulten ở Riga, có lẽ một cuộc điều tra án mạng mới sẽ được tiến hành. Tuy nhiên, vụ án về cái chết của Bengt Ốc Vít Bylund thì không được xét. Có những dấu hiệu rõ ràng cho thấy Bylund đã gia nhập lính Lê dương Pháp. Vì tất cả lính Lê dương đều đăng ký dưới một biệt hiệu nên không thể hoàn toàn xác định sự thật. Tuy nhiên, khả năng rất lớn là Bylund là nạn nhân của vụ đánh bom tự sát đã xảy ra ở trung tâm của Djibouti vài ngày trước đó.

Công tố viên trình bày một báo cáo chi tiết về mối quan hệ nội bộ giữa các nhân vật chính, và nhân đó cho đại diện báo chí xem cuốn Kinh thánh bìa da xịn mà sáng nay Bosse Ljungberg đưa cho ông. Khi mọi thứ đã xong xuôi, các nhà báo muốn biết nơi ở của Allan Karlsson và nhóm bạn để nghe họ lên tiếng về các sự kiện, nhưng về khoản này, công tố viên Ranelid không cung cấp thông tin cho họ nữa (Ông chẳng moi được gì từ cụ già cứ lảm nhảm về Churchill và trời mà biết với đại diện của báo chí thì sao). Thế là, các nhà báo chuyển sự chú ý sang Thung Gổ Hulten. Anh ta được cho là đã bị giết chết, và những kẻ trước đây bị nghi là sát nhân bây giờ vô tội. Thế thì ai đã giết chết Hulten?

Ranelid đã hi vọng rằng vấn đề này được bỏ quên, nhưng bây giờ ông phải nhấn mạnh rằng cuộc điều tra sẽ được khởi động ngay sau khi kết thúc cuộc họp báo và ông sẽ quay trở lại chủ đề đó vào một dịp sau.

Trước sự ngạc nhiên của công tố viên Ranelid, các nhà báo lại chấp nhận điều đó, và tất cả những gì ông đã nói. Công tố

viên Ranelid và sự nghiệp của ông, đã sống sót qua ngày hôm đó.

o o o

Amanda Einstein đã giục Allan và bạn bè ông nhanh nhanh đến Bali, và nó hoàn toàn phù hợp với mong mỏi của nhóm bạn. Bất kì lúc nào, một tay nhà báo ranh ma có thể tìm đường đến trang trại Bellringer, và an toàn nhất cho tất cả là lúc đó ở đây mọi người đã đi hết. Bây giờ Allan đã làm xong phần mình bằng cách liên hệ với Amanda. Phần còn lại là tùy Người Đẹp.

Không xa trang trại Bellringer là sân bay quân sự Sătenăs và có một máy bay Hercules có thể dễ dàng chở một hoặc thậm chí cả hai con voi. Chiếc máy bay đã từng một lần gầm rú trên trang trại Bellringer khiến con voi sợ gần chết, và nó gợi ý cho Người Đẹp.

Người Đẹp nói chuyện với một đại tá ở Sătenăs, nhưng ông này quá cứng nhắc. Ông ta đòi xem các kiểu giấy chứng nhận và giấy phép trước khi nghĩ đến việc hỗ trợ vận chuyển xuyên lục địa một đám người và động vật. Ví dụ, quân đội hoàn toàn bị cấm cạnh tranh với các hãng hàng không thương mại, do đó họ cần một giấy chứng nhận của Bộ Nông nghiệp rằng trường hợp này không liên quan. Cuộc vận chuyển sẽ có bốn điểm dừng, và tại mỗi sân bay một bác sĩ thú y phải có mặt để kiểm tra tình trạng của con vật. Và con voi phải được đảm bảo nghỉ ngơi ít nhất mười hai tiếng giữa các chuyến bay.

Tiên sư cha bọn quan liêu Thụy Điển, Người Đẹp thốt lên rồi gọi điện cho Lufthansa ở Munich.

Ở đó, họ cũng chỉ hợp tác hơn tí ti. Tất nhiên, họ có thể nhận một con voi và một số du khách đi kèm, từ sân bay Landvetter đến Indonesia. Họ chỉ yêu cầu một giấy chứng nhận quyền sở hữu con voi và một bác sĩ thú y có đăng ký đi theo

trong chuyến bay. Và tất nhiên là những tài liệu cần thiết để được nhập cảnh vào Cộng hòa Indonesia, cho cả người và động vật. Khi mọi điều kiện được đáp ứng, quản lý của hãng hàng không có thể lập kế hoạch vận tải trong ba tháng tới.

- Tiên sư cha bọn quan liêu Đức, - Người Đẹp thốt lên rồi gọi điện trực tiếp đến Indonesia.

Phải mất một lúc, vì ở Indonesia có năm mươi mốt hãng hàng không khác nhau và không phải tất cả đều có nhân viên nói tiếng Anh trực điện thoại. Nhưng Người Đẹp không bỏ cuộc, và cuối cùng cô đã thành công. Ở Palembang, trên đảo Sumatra, có một công ty vận tải vui vẻ đề nghị một khoản phí hợp lý cho chuyến bay khứ hồi đến Thụy Điển. Họ có một chiếc Boeing 747 phù hợp cho mục đích đó, máy bay này mới được mua từ quân đội Azerbajdjan (may mắn là chuyện này diễn ra trước khi tất cả các hãng hàng không Indonesia bị liệt vào danh sách đen của EU và bị cấm hạ cánh ở châu Âu). Công ty hứa sẽ lo tất cả các giấy tờ để hạ cánh tại Thụy Điển, trong khi trách nhiệm của khách hàng là lo giấy phép hạ cánh ở Bali. Bác sĩ thú y ư? Tại sao?

Tất cả những gì còn lại chỉ là vấn đề thanh toán. Giá tăng lên 20 % trước khi Người Đẹp dùng hết kho từ vựng phong phú của mình để thuyết phục công ty đồng ý cho thanh toán bằng tiền mặt, đồng crown Thụy Điển, khi đến Thụy Điển.

Trong khi chiếc máy bay Boeing Indonesia cất cánh bay đến Thụy Điển, nhóm bạn đã có một phân công mới. Benny và Julius được giao nhiệm vụ giả mạo một số giấy tờ mà họ có thể trình với các nhà chức trách, chắc rất khó tính, ở sân bay Landvetter, còn Allan hứa sẽ lo giấy phép hạ cánh ở Bali.

o o o

Tất nhiên, họ gặp vài rắc rối ở sân bay ngoài Gothenburg, nhưng Benny không chỉ có giấy chứng nhận bác sĩ thú y rôm mà còn có khả năng phun ra vài thuật ngữ thú y chuyên nghiệp. Điều này, cùng với giấy chứng nhận quyền sở hữu và giấy chứng nhận sức khỏe cho voi, và nguyên một bó tài liệu đáng tin cậy do Allan viết ở Indonesia, khiến cả nhóm đều được lên máy bay theo kế hoạch. Vì nhóm bạn cùng nói dối rằng điểm dừng chân tiếp theo là Copenhagen nên không ai yêu cầu hộ chiếu của họ.

Những người đi du lịch gồm có: cụ Allan Karlsson trăm tuổi, tên trộm nhỏ thó Julius Jonsson (nay đã được tuyên bố vô tội), anh sinh viên cả đời Benny Ljungberg, vị hôn thê của anh ta, người đẹp Gunilla Björklund với hai thú cưng là voi Sonya và chó nòi bécgiê Buster, Bosse - nhà buôn thực phẩm mới theo đạo, anh trai của Benny Ljungberg, Chánh Thanh tra Aronson từ Eskilstuna - trước đây vốn rất cô đơn, cựu trùm xã hội đen Per-Gunnar Gerdin và bà mẹ tám mươi tuổi Rose-Marie, bà đã từng viết một lá thư xui xẻo cho con trai hồi gã bị tống giam tại nhà tù Hall để phục hồi nhân phẩm.

Chuyến bay mất mười một tiếng, bỏ nhiều điểm dừng không cần thiết trên đường, và cả nhóm đều ổn khi cơ trưởng người Indonesia thông báo với các hành khách rằng họ đang tiến gần sân bay quốc tế Bali và đã đến lúc Allan Karlsson lấy ra giấy phép hạ cánh. Allan trả lời cơ trưởng rằng hãy thông báo cho ông khi nào liên lạc được với tháp điều khiển bay tại Bali, rồi Allan sẽ lo phần còn lại.

- Vâng, bây giờ họ đang liên lạc đây, - cơ trưởng lo lắng nói. - Tôi phải nói gì với họ? Họ có thể bắn hạ chúng ta bất cứ lúc nào?

- Không đâu, - Allan nói, giật lấy tai nghe và microphone của cơ trưởng. - Xin chào? Sân bay Bali phải không? Ông nói vào micro bằng tiếng Anh và ngay lập tức nhận được câu trả

lời rằng chiếc máy bay phải xác định danh tính ngay, trừ phi họ muốn đối mặt với lực lượng không quân Indonesia.

- Tên tôi là Đôla, - Allan nói. - Một Trăm Nghìn Đôla.

Tháp điều khiển bay im phăng phắc. Cơ trưởng Indonesia và phụ lái nhìn Allan đầy ngưỡng mộ.

- Lúc này, người điều hành bay và các đồng nghiệp thân cận nhất của ông ta đang tính toán để chia tiền đấy, - Allan giải thích.

- Tôi biết, - cơ trưởng đáp.

Một vài giây trôi qua, rồi người điều hành bay liên lạc với họ một lần nữa.

- Xin chào? Ông có đó không, Mr. Đôla?

- Vâng, tôi đây, - Allan nói.

- Xin lỗi, tên riêng của Mr. Đôla là gì?

- Một Trăm Ngàn, - Allan nói. - Tôi là Mr. Một Trăm Ngàn Đôla, và tôi xin phép hạ cánh tại sân bay của bạn.

- Xin lỗi, Mr. Đôla. Âm thanh khó nghe quá. Xin ông vui lòng nhắc lại tên riêng của mình một lần nữa?

Allan giải thích với cơ trưởng rằng người điều hành bay đang bắt đầu đàm phán.

- Tôi biết, - cơ trưởng đáp.

- Tên riêng của tôi là Hai Trăm Ngàn, - Allan nói. - Chúng tôi có được phép hạ cánh không?

- Xin chờ một chút, ông Đôla, - người điều hành bay nói, thỏa thuận với các đồng nghiệp rồi trả lời:

- Chào mừng ông đến Bali, Mr. Đôla. Rất vui được đón ông ở đây.

Allan cảm ơn người điều hành bay, trả lại tai nghe và micro cho cơ trưởng.

- Ông có vẻ rất thạo những việc này, - cơ trưởng nói, và mỉm cười.

- Indonesia là quốc gia nơi mọi thứ đều có thể, - Allan đáp.

Khi các sắp lớn ở sân bay quốc tế Bali nhận ra rằng vài du khách đi cùng Mr. Đôla không có hộ chiếu, một trong số họ nặng gần năm tấn và có bốn chân thay vì hai, phải chi thêm năm mươi ngàn đôla để thu xếp giấy tờ hải quan và phương tiện di chuyển phù hợp với Sonya. Nhưng chỉ một tiếng sau khi hạ cánh, cả nhóm đã về tới khách sạn của gia đình Einstein, kể cả Sonya cùng với Benny và Người Đẹp đi trong chiếc xe chở thức ăn của sân bay (chuyến bay buổi chiều hôm đó đi Singapore tình cờ chẳng may thiếu các khay ăn trưa).

Amanda, Allan và Mao Einstein ra đón khách, và sau một hồi ôm hôn, họ được đưa về phòng. Sonya và Buster có thể thư giãn chân cẳng trong khu vườn cực rộng có hàng rào của khách sạn. Amanda tỏ ý tiếc rằng thiếu bạn bè voi cho Sonya ở Bali, nhưng bà sẽ thu xếp ngay cho nó một bạn trai voi tương lai từ Sumatra. Còn về phần bạn gái cho Buster, thì nó có thể tự tìm lấy, có rất nhiều cô chó xinh đẹp trên đảo.

Và Amanda hứa rằng đến tối sẽ có một bữa tiệc Bali hoành tráng cho mọi người, và bà khuyên từng người nên chợp mắt một tí trước đi.

Tất cả đều nghe theo lời khuyên, chỉ trừ ba người. Pike và bà mẹ không thể chờ lâu hơn để được uống một ly có cắm ô trang trí, Allan cũng thế nhưng không cần ô.

Cả ba mò đến chỗ ghế xếp bên bờ biển, nằm ườn ra chờ đợi được phục vụ đồ uống họ vừa đặt từ quầy bar.

Nữ hầu bàn tám mươi tư tuổi đã điềm nhiên thế chỗ người phục vụ quầy bar.

- Ly che ô màu đỏ này là cho ông, Gerdin. Và ly che ô màu xanh lá cây cho bà, mẹ Gerdin. Và... khoan đã... ông đã gọi sữa, đúng không Allan?

- Tôi tưởng bà đã hứa là sẽ không xen vào phục vụ đồ uống cơ mà, Amanda thân mến, - Allan nói.

- Tôi đã nói dối, Allan yêu quý. Tôi nói dối đấy.

o o o

Bóng tối phủ xuống thiên đường, nhóm bạn cùng nhau đánh chén một bữa ăn ba món do chủ nhà Amanda, Allan và Mao Einstein mời. Khai vị là món sate Lilit, món chính là Bebek betutu và tráng miệng là jaja batun bedil. Kèm mỗi món, bia cọ, tual wayah được phục vụ cho tất cả, trừ Benny uống nước.

Buổi tối đầu tiên trên đất Indonesia kéo dài vô cùng dễ chịu. Sau các món ăn, mọi người uống pisang Ambon, trừ Allan vẫn cứ vodka và Benny uống một tách trà.

Bosse cảm thấy cả ngày đến tối ăn chơi thừa thãi cần được cân bằng lại nên ông đứng lên, bắt đầu trích dẫn Chúa Giêsu trong kinh Phúc Âm theo thánh Matthêu ("Hạnh phúc thay cho họ... nhu cầu tâm linh của họ"). Bosse nghĩ họ sẽ tốt hơn nhờ lắng nghe và học hỏi từ đức Chúa. Sau đó ông chấp tay lại, cảm tạ Chúa về một ngày quá đổi phi thường và vui vẻ khác thường.

- Thế là đủ rồi, - Allan nói trong im lặng bao trùm sau những lời của Bosse.

Bosse đã cảm ơn Chúa và có lẽ Chúa cảm ơn lại họ, bởi vì vận may vẫn ở lại với họ và thậm chí còn tốt hơn cho nhóm bạn Thụy Điển ở khách sạn Bali. Benny cầu hôn Người Đẹp và cô trả lời: Vâng, chờ phải gió! Ngay bây giờ đi! Đám cưới diễn ra tối hôm sau và kéo dài ba ngày. Rose-Marie Gerdin, tám mươi tuổi, dạy các thành viên câu lạc bộ hưu trí địa phương cách chơi trò Đảo Giấu Vàng (nhưng đừng có giỏi quá để bà có thể luôn luôn thắng); Pike nằm dài trên bãi biển dưới bóng dù ngày này qua ngày khác, uống nước có cấm ô trang trí đủ sắc cầu vồng; Bosse và Julius đã mua một chiếc thuyền đánh cá mà họ hiếm khi rời nó ra, còn Chánh Thanh tra Aaronson trở thành một thành viên nổi tiếng của tầng lớp thượng lưu Bali: ông là một ông Tây da trắng, chánh thanh tra và đến từ một quốc gia ít tham nhũng nhất trên thế giới. Không thể nào đặc biệt hơn thế.

Hàng ngày, Allan và Amanda thong dong đi dạo dọc theo bãi biển cát trắng rực rỡ ngoài khách sạn. Họ luôn có rất nhiều chuyện để nói, và rất hợp nhau. Họ không đi nhanh lắm vì bà đã tám mươi tư còn ông thì một trăm lẻ một tuổi rồi.

Sau một thời gian họ bắt đầu nắm tay nhau, để giữ thăng bằng. Rồi họ quyết định ăn cơm trưa tay đôi với nhau trên sân thượng của Amanda vào buổi tối, với tất cả những người khác thì nhiều quá. Và cuối cùng, Allan chuyển đến sống cùng Amanda cho tiện. Nhờ thế phòng của Allan có thể dư ra cho một du khách thuê, thế cũng tốt cho thu nhập của khách sạn.

Trong một buổi đi dạo ngày hôm sau, Amanda hỏi liệu họ có nên làm giống như Benny và Người Đẹp, cưới nhau quách vì đang nào họ cũng chung sống với nhau rồi. Allan đáp so với ông, Amanda là một cô bé con, nhưng ông có thể bỏ qua sự chênh lệch đó. Gần đây, ông đã tự pha đồ uống lấy, vì vậy chuyện đó

không phải là vấn đề. Nói tóm lại, Allan không thấy có lí do gì để phản đối quyết định mà Amanda vừa đề xuất.

- OK, thế thì chúng mình cưới nhé? - Amanda nói.

- Ừ, mình làm tối đi, - Allan đáp.

Và họ nắm tay nhau chặt hơn. Để giữ thăng bằng.

o o o

Cuộc điều tra về cái chết của Henrik Thung Gổ Hulten ngắn ngủi và không có kết quả gì. Cảnh sát xem xét quá khứ và thăm vấn bạn bè cũ của Thung Gổ ở Småland (thực ra khá gần Trang trại Bên Hồ của Gunilla Björklund), nhưng họ không nghe hay thấy điều gì hết.

Cảnh sát ở Riga đã tìm ra gã say rượu, kẻ đưa chiếc Mustang vào bãi phế liệu, nhưng họ không moi được một từ có nghĩa nào khỏi miệng gã cho đến khi một cảnh sát có sáng kiến đổ cho gã một chai rượu vang. Thế là gã say đột nhiên bắt đầu khai khẩu - rằng gã mù tịt chẳng biết ai đã nhờ mình đưa chiếc xe đến bãi phế liệu. Đó là một kẻ tự xưng xuất hiện ở ghế đá công viên với một túi đầy chai vang.

- Tôi đã không tỉnh táo lắm, phải thừa nhận thế, gã say nói. Nhưng tôi chưa bao giờ say đến mức lại đi từ chối bốn chai vang.

Chỉ có một nhà báo liên lạc lại vài ngày sau đó để tìm hiểu việc điều tra về cái chết của Thung Gổ Hulten, nhưng công tố viên Ranelid không có đó. Ông đã đi nghỉ phép và vội vàng lấy vé giá rẻ phút cuối đi Las Palmas. Ông thực sự muốn tránh xa mọi thứ, và ông cũng nghe nói rằng Bali rất đẹp, nhưng nó đã hết chỗ.

Thế thì đến quần đảo Canary vậy. Và bây giờ, ông ngồi trên ghế sưởi nắng, dưới bóng dù, với ly đồ uống cầm cái ô nhỏ

trong tay và tự hỏi Aronsson đi đâu nhỉ. Nghe đâu ông đã thông báo nghỉ, lấy hết cả ngày phép và biến mất.

CHƯƠNG 28

1982-2005

Khoản lương của sứ quán Mỹ đến đúng lúc. Allan kiếm được một ngôi nhà nhỏ màu đỏ cách nơi ông lớn lên chỉ vài dặm. Ông mua nó, trả bằng tiền mặt. Để mua được nhà, ông đã phải tranh luận với các nhà chức trách Thụy Điển rằng thực tế là ông vẫn tồn tại. Cuối cùng, họ chịu thua và bắt đầu trả lương hưu cho ông - làm Allan ngạc nhiên quá.

- Tại sao? - Allan thắc mắc.

- Cụ là một người hưu trí, - các nhà chức trách trả lời.

- Tôi ư? - Allan hỏi.

Đương nhiên là cụ rồi, còn thừa tiêu chuẩn nữa. Mùa xuân này cụ sẽ bảy mươi tám tuổi, điều đó làm Allan nhận ra rằng mình đã già rồi, bất chấp mọi chuyện kì quái và chẳng hề nghĩ ngợi về tuổi tác. Rồi xem, cụ sẽ còn già hơn nhiều nữa...

Nhiều năm trôi qua nhàn nhã và Allan chẳng còn ảnh hưởng nào đến sự phát triển của thế giới. Thậm chí cụ cũng không ảnh hưởng gì đến mọi thứ ở thị trấn Flen, nơi cụ thỉnh thoảng mạo hiểm đến mua vài thứ linh tinh (chỗ cháu trai của thương gia Gustavsson, chủ siêu thị địa phương và rất may là không hề biết Allan là ai). Allan không đến thư viện công cộng ở Flen nữa vì cụ thấy có thể đặt các báo mà mình thích và họ chuyển đến tận hòm thư ở cửa nhà của mình. Thật là tiện lợi!

Khi ẩn sĩ trong ngôi nhà ngoại ô Yxhult bước sang tuổi tám ba, cụ thấy đạp xe đạp đi về Flen bắt đầu hơi oải, thế là cụ mua một chiếc xe động cơ. Trong một khoảnh khắc, cụ định mua luôn cả bằng lái xe, nhưng ngay sau khi người hướng dẫn lái xe nhắc đến 'thủ thị lực' và 'giấy phép tạm thời', Allan quyết định cứ lái luôn. Khi người hướng dẫn tiếp tục nêu danh sách

các ‘giáo trình’, ‘bài học lý thuyết’, ‘bài học lái xe’, và ‘thi hai vòng cuối cùng’, Allan đã ngừng lắng nghe từ lâu.

Năm 1989, Liên Xô bắt đầu tan rã thực sự, và nó không có gì là bất ngờ với cụ già ở Yxhult với mấy chũng cất rượu vodka trong tầng hầm. Nhà cầm quyền mới, Gorbachev, đã bắt đầu kỉ nguyên của mình bằng một chiến dịch chống uống vodka trên cả nước. Đó là không phải là cách để lôi kéo quần chúng về phía mình, ai cũng có thể thấy thế, đúng không?

Cùng năm đó, đúng vào sinh nhật của Allan, một con mèo đối đột nhiên xuất hiện ở hiên nhà. Allan dụ nó vào bếp, cho nó sữa và xúc xích. Con mèo thấy cụ tử tế nên đến ở cùng.

Đó là một con mèo đực lông vằn vẫn sống ở sân trại, sau đó được đặt tên là Molotov, không phải để tưởng nhớ ông Bộ trưởng mà là quả bom. Molotov không nói nhiều, nhưng lại rất thông minh và biết lắng nghe. Nếu Allan cần nói gì, cụ chỉ phải gọi con mèo và nó đến ngay (trừ khi đang bận rộn bắt chuột, Molotov biết cái gì quan trọng). Con mèo nhảy vào lòng Allan, thư giãn và vểnh tai lên ra dấu rằng bây giờ Allan có thể tâm sự những gì muốn nói. Nếu Allan còn gãi gáy và cổ Molotov thì cuộc trò chuyện có thể kéo dài bất tận.

Sau đó, khi Allan nuôi thêm vài con gà mái, chỉ cần nói với Molotov một lần duy nhất là đừng có đuổi gà, con mèo gật đầu và hiểu ngay. Thực ra nó đã tảng lờ những gì Allan nói và vẫn đuổi bọn gà mái đến chán thì thôi, nhưng đó là chuyện khác. Còn đòi hỏi gì hơn nữa? Cuối cùng thì nó vẫn là một con mèo thôi.

Allan nghĩ không có ai láu cá hơn Molotov, kể cả con cáo luôn lén lút rình quanh chuồng gà kiếm khe lưới hở. Con cáo cũng rình bắt cả mèo, nhưng Molotov quá nhanh.

Năm lại năm thêm vào tuổi đời của Allan. Cứ mỗi tháng, chính quyền lại gửi lương hưu đến mà Allan chẳng phải làm gì. Allan dùng tiền đó mua pho mát, xúc xích, khoai tây và thỉnh thoảng một bao đường. Ngoài ra, ông đặt mua Eskilstuna Kuriren, tờ báo địa phương, và thanh toán hóa đơn tiền điện khi nào nhận được.

Nhưng tiêu đủ thứ xong, hàng tháng tiền vẫn còn dư, chẳng biết để làm gì? Một lần, Allan thử cho chỗ tiền thừa vào phong bì gửi lại các nhà chức trách, nhưng một thời gian sau, một viên chức đến tận nhà Allan thông báo rằng cụ không thể làm thế. Allan nhận lại số tiền của mình, và phải hứa không tranh cãi với chính quyền theo cách đó.

Allan và Molotov đã sống rất hòa thuận với nhau. Hàng ngày, nếu thời tiết cho phép, họ cùng đạp xe tí chút dọc những con đường trải sỏi trong vùng. Allan đạp xe, còn Molotov ngồi trong giỏ, hưởng gió và tốc độ.

Gia đình nhỏ này đã sống một cuộc sống dễ chịu bình thường. Cứ thế cho đến một ngày hóa ra không chỉ Allan mà cả Molotov cũng già đi. Đột nhiên, con cáo bắt được con mèo, cáo và mèo chỉ ngạc nhiên nhưng Allan thì buồn.

Có lẽ trong đời mình, Allan chưa bao giờ buồn đến thế, và nỗi buồn nhanh chóng chuyển thành tức giận. Chuyên gia chất nổ già nua đứng đó trên hiên nhà mình, nước mắt đầm đìa và gào trong đêm đông:

- Mày sinh sự thì sự sinh, con cáo đáng nguyên rủa!

Lần đầu tiên và duy nhất trong đời, Allan đã nổi giận. Và nó không nguôi ngoai ngay cả bằng rượu vodka, lái xe ô tô (không phép) hay đạp xe một chuyến dài. Không nên sống để trả thù, Allan biết điều đó. Nhưng bây giờ đó chính là điều ông đang lên kế hoạch.

Allan đặt thuốc nổ bên cạnh chuồng gà, định là nó sẽ nổ khi lần sau con cáo đói và thò mũi sâu vào chuồng gà. Nhưng trong cơn tức giận, Allan quên rằng sát cạnh chuồng gà là nơi ông lưu trữ tất cả chỗ thuốc nổ của mình.

Thế là vào lúc hoàng hôn ngày thứ ba sau khi Molotov chầu trời, người ta nghe tiếng nổ lớn ở địa phận Södermanland, kể từ cuối những năm 1920 mới có lại một vụ nổ như vậy.

Con cáo đã tan xác, giống như con gà mái của Allan, chuồng gà và kho chứa gỗ. Nhưng vụ nổ còn hiệu quả hơn thế, cả ngôi nhà và kho của Allan cũng bay theo. Lúc đó, Allan đang ngồi trong chiếc ghế bành của mình, cụ bay lên không trung với ghế bành và mọi thứ rồi hạ cánh trong đồng tuyết ngoài hẻm khoai tây của mình. Cụ ngồi đó nhìn quanh với vẻ mặt ngạc nhiên, trước khi cuối cùng thốt lên:

- Con cáo chết rồi.

Lúc đó, Allan đã chín mươi chín tuổi và bàng hoàng vì cảm thấy mình không đứng lên nổi. Nhưng xe cứu thương, cảnh sát và cứu hỏa không khó khăn gì tìm đường tới đó, vì ngọn lửa bốc cao lên tận trời. Và khi họ xác định rằng cụ già ngồi trong chiếc ghế bành trên đồng tuyết cạnh hẻm khoai tây không bị thương, thì dịch vụ xã hội được gọi đến.

Trong vòng chưa đầy một tiếng, nhân viên xã hội Henrik Soder đã tới nơi. Allan vẫn đang ngồi trong chiếc ghế bành của mình, nhân viên cứu thương đã quấn vài cái chăn bệnh viện quanh người cụ nhưng thực ra nó không cần thiết vì ngọn lửa từ ngôi nhà cháy rụi vẫn còn nóng lắm.

- Cụ Karlsson, theo tôi hiểu thì cụ đã làm nổ tung ngôi nhà của cụ? - Soder, nhân viên xã hội hỏi.

- Vâng, - Allan đáp. - Đó là một thói quen xấu của tôi.

- Thế thì chắc cụ, cụ Karlsson ạ, không còn sở hữu chỗ nào để ở? - Nhân viên xã hội tiếp tục.

- Nói thế cũng đúng, - Allan nói. - Anh có gợi ý nào không, anh nhân viên xã hội?

Nhân viên xã hội chẳng nghĩ được gì, nên Allan - với chi phí của dịch vụ xã hội - đã được chở bằng xe bò đến khách sạn ở trung tâm Flen, nơi tối hôm sau, trong không khí lễ hội, Allan đến để ăn mừng Năm Mới với vợ chồng Soder nhân viên xã hội và những người khác. Lâu lắm rồi Allan không được ở trong môi trường ưa thích như vậy kể từ sau chiến tranh, khi ông ở khách sạn sang trọng Grand Hotel tại Stockholm. Thực ra, lần ấy ông trả tiền hóa đơn, vì trong lúc vội vã đi, chẳng ai thanh toán.

Vào đầu tháng Giêng năm 2005, nhân viên xã hội Soder đã tìm thấy một chỗ ở khả dĩ cho cụ già đáng mến đột nhiên bị vô gia cư một tuần trước đó.

Thế là Allan đến ở Nhà Già Malmköping, nơi phòng số 1 vừa trống. Cụ được chính bà quản lý, Xơ Alice ra đón. Quả thật Xơ có mím cười thân thiện, nhưng lại làm đời Allan mất hết cả vui khi kể ra tất cả các quy tắc của Nhà Già. Xơ Alice nói rằng cấm hút thuốc, cấm rượu, và truyền hình cũng bị cấm sau mười một giờ tối. Xơ cho biết bữa sáng được phục vụ lúc 06.45 ngày thường và muộn hơn một tiếng vào cuối tuần. Ăn trưa lúc 11.15, cà phê lúc 15.15 và ăn tối lúc 18.15. Nếu ra ngoài mà không để ý thời gian nên trở về nhà quá muộn, cụ có thể bị cấm vào nhà.

Rồi Xơ Alice nói tới các quy tắc liên quan đến tắm rửa và đánh răng, người đến thăm và đi thăm các cụ khác ở đây, khi nào phát các loại thuốc và giờ nào cụ được phép làm phiền Xơ Alice hoặc một đồng nghiệp của Xơ trong trường hợp khẩn cấp,

mà theo Xơ Alice thì rất hiếm hoi, vì nói chung các cụ ở đây rất hay phàn nàn.

- Thế lúc buồn ỉa có được phép đi ỉa không? - Allan thắc mắc.

Thế là mới chưa đầy mười lăm phút gặp gỡ, Allan và Xơ Alice đã cọ xát với nhau rồi.

Allan không hài lòng với bản thân vì đã gây chiến với con cáo hời còn ở nhà (mặc dù ông đã thắng). Nóng giận vốn không phải là bản tính của cụ. Lúc này cụ ăn nói theo kiểu mà bà quản lý nhà này có thể đáng bị, nhưng đó vẫn không phải là phong cách của Allan. Thêm vào đó là danh sách dài cả mét các quy tắc và quy định mà Allan phải nhớ...

Allan nhớ con mèo của mình. Cụ đã chín mươi chín tuổi tám tháng. Cụ e mình không còn kiểm soát được tâm trạng bản thân, và bị Xơ Alice dùng quyền lực đàn áp.

Quá đủ rồi.

Allan đã xong một đời, vì cuộc đời dường như chấm hết với cụ, và cụ thì luôn luôn là người không muốn ép bản thân phải gắng sức.

Thế là Allan nghiêm chỉnh nhận phòng 1, ăn tối lúc 18.15 rồi tắm rửa, mặc đồ ngủ mới, ga trải giường sạch sẽ - cụ sẽ vào giường và chết trong giấc ngủ của mình, được đưa đi, chôn xuống đất và bị lãng quên.

Allan thấy một niềm vui râm ran như điện truyền khắp cơ thể mình vào lúc tám giờ tối, khi lần đầu tiên và cũng là lần cuối chui vào tấm khăn trải giường của mình tại Nhà Già. Còn gần bốn tháng nữa, tuổi của cụ sẽ đạt tới ba con số. Allan Emmanuel Karlsson nhắm mắt lại và cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng mình sẽ ra đi mãi mãi. Cả cuộc hành trình này đã

thật thú vị, nhưng không có gì tồn tại mãi, có lẽ chỉ trừ sự ngu ngốc nói chung.

Sau đó Allan không nghĩ gì được nữa. Một mẻ đã thắng cụ. Mọi thứ chìm vào bóng tối.

Cho đến khi trời lại sáng. Một màu trắng lóa. Chỉ cần tưởng tượng rằng cái chết giống như đang ngủ. Liệu cụ có thời gian để suy nghĩ trước khi tắt cả kết thúc? Và cụ có đủ thời gian để nghĩ rằng mình đã nghĩ thế không? Nhưng gượng đã, người ta phải suy nghĩ bao lâu trước khi nghĩ xong?

- 6 giờ 45 rồi, Allan, đã đến lúc ăn sáng. Nếu cụ không ăn, chúng tôi sẽ mang cháo của cụ đi và cụ chẳng có gì ăn cho đến tận bữa trưa, - Xơ Alice nói.

Ngoài những thứ khác, bây giờ Allan có thể thấy càng già mình càng ngây thơ. Người ta không thể đơn giản là chết theo yêu cầu được. Có một nguy cơ đáng kể là hôm sau cũng thế, cụ sẽ bị bà quản lý kinh khủng kia đánh thức và cho món cháo cũng khủng khiếp như bà.

Ồ, thôi được. Vẫn còn vài tháng để tới trăm tuổi, chắc chắn cụ sẽ tìm được cách chết trước lúc đó. “Rượu giết người!” là câu Xơ Alice luôn viện ra cho chủ trương “nói không với rượu” ở các phòng. Nghe có vẻ đầy hứa hẹn, Allan nghĩ. Cụ phải chuồn ra ngoài và lén thật nhanh đến cửa hàng rượu quốc doanh.

o o o

Ngày biến thành tuần. Đông đã sang xuân và Allan ao ước được chết cũng nhiều như bạn của cụ, Herbert, từng mong năm mười năm trước. Ước nguyện của Herbert đã không thành cho đến khi ông đổi ý. Đó không phải là điềm tốt.

Và thậm chí còn tồi tệ hơn: các nhân viên tại Nhà Già đã bắt đầu chuẩn bị cho ngày sinh nhật sắp tới của Allan. Như

một con thú bị nhốt, cụ sẽ phải ăn mặc chỉnh tề, nghe hát và bị nhét cho một chiếc bánh sinh nhật. Đó chắc chắn không phải điều cụ muốn.

Và bây giờ cụ chỉ còn một đêm duy nhất để ra đi và chết.

CHƯƠNG 29

Thứ Hai 2 tháng Năm 2005

Có lẽ thiên hạ cứ tưởng cụ đã rấp tâm từ trước và còn tỉnh táo thông báo cho những người xung quanh quyết định của mình. Nhưng cụ Allan Karlsson chẳng bao giờ nghĩ ngợi gì quá lâu.

Ý tưởng ấy chỉ mung lung trong cái đầu già nua khi cụ mở cửa sổ phòng mình ở tầng trệt của Nhà Già thị trấn Malmköping, và bước ra khỏi đường ranh giới.

Vận động thể đã là gắng sức lắm rồi vì hôm ấy chính là sinh nhật thứ một trăm của cụ. Chỉ còn gần một tiếng nữa là bữa tiệc sinh nhật sẽ diễn ra ở phòng khách của Nhà Già. Cả thị trường cũng đến. Rồi báo địa phương. Và tất cả các cụ, các nhân viên, đứng đầu là Xơ Alice độc ác.

Chỉ có mỗi nhân vật chính là không có ý định lộ mặt.

HỒI KẾT

Allan và Amanda đã rất hạnh phúc bên nhau. Và họ dường như sinh ra để cho nhau. Một người bị dị ứng với tất cả các chuyện về tư tưởng và tôn giáo, trong khi người kia chẳng biết tư tưởng là gì và cả đời không nhớ nổi tên của đức Chúa mà mình định cầu nguyện. Thêm nữa, nó xảy ra vào một buổi tối cực kì thân mật, giáo sư Lundborg chắc hẳn đã sơ suất với con dao phẫu thuật vào một ngày tháng Tám năm 1925, bởi vì Allan - trước sự ngạc nhiên của chính mình - vẫn có khả năng làm điều mà cho đến nay ông vẫn chỉ thấy ở rạp chiếu phim.

Vào ngày sinh nhật tám mươi lăm của mình, Amanda đã được chồng tặng cho một máy tính xách tay có kết nối Internet. Allan đã nghe nói rằng giới trẻ rất thích thú với Internet.

Amanda mất một chút thời gian để học cách đăng nhập, nhưng bà rất cố gắng và sau vài tuần đã tạo ra 'blog' của mình. Bà đã viết vào đó suốt ngày, đủ chuyện cao thấp, cũ mới. Ví dụ, bà viết về hành trình phiêu lưu trên khắp thế giới của ông chồng thân yêu. Độc giả mà bà nhắm tới là những bà bạn trong xã hội Bali, còn ai ngoài họ vào xem nữa?

Một hôm, khi Allan ngồi như thường lệ ngoài hiên và đang thưởng thức bữa sáng của mình thì một người đàn ông mặc comple xuất hiện. Ông ta tự giới thiệu là một đại diện của chính phủ Indonesia và nói rằng đã đọc thấy vài điều tuyệt vời trong một blog trên Internet. Bây giờ, thay mặt Tổng thống, ông muốn sử dụng kiến thức đặc biệt của cụ Karlsson, nếu những gì ông đọc đúng là sự thật.

- Thế ông muốn tôi giúp gì nào, nếu tôi được phép hỏi? - Allan nói. - Chỉ có hai điều tôi có thể làm tốt hơn hầu hết mọi người. Một là làm vodka từ sữa dê, và hai là lắp một quả bom nguyên tử.

- Đấy chính là điều chúng tôi quan tâm, - người đàn ông nói.

- Sửa dê ư?

- Không, - người đàn ông nói. - Không phải sửa dê.

Allan mời đại diện của chính phủ Indonesia ngồi xuống. Rồi ông giải thích rằng ông giúp Stalin làm bom và đó là một sai lầm bởi vì Stalin chắc chắn thật điên rồ. Vì vậy bây giờ trước hết Allan muốn biết tổng thống Indonesia là người thế nào. Đại diện Chính phủ trả lời rằng Tổng thống Yudhoyono là một người rất khôn ngoan và có trách nhiệm.

- Tôi rất mừng khi nghe thế, - Allan nói. - Trong trường hợp đó thì tôi vui lòng giúp.

Và cụ đã làm thế.

Hết